

Tadeusz Dołęga-Mostowicz

THẦY LANG



NGUYỄN HỮU DŨNG *dịch*

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

THẦY LANG

Tác giả: TADEUSZ DOLEGA MOSTOWICS

Dịch giả: NGUYỄN HỮU DŨNG

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN - 2000

Số trang (13x19): 461

**Tham gia gõ: nghĩaRex, nerissa, ktt0209, condautay, ICT,
nguoimedocsach và ducdung005235,**

Soát lỗi và làm Ebook: ducdung005235.

LỜI GIỚI THIỆU

TADEUSZ DOLEGA MOSTOWICS (1898 - 1939) là nhà văn tài hoa của nền văn học cận đại Ba Lan. Hoạt động văn học trong cuộc đời ngắn ngủi nhưng đầy hấp dẫn và thành công của ông diễn ra trong thời kỳ 20 năm tồn tại và phát triển của đất nước Ba Lan tự sản, giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1919-1939), trong bối cảnh đất nước vừa giành lại được độc lập sau hàng thế kỷ bị các thế lực đế quốc chia cắt, bị xóa hẳn tên trên bản đồ thế giới. Thời kỳ phức tạp nhiều chao đảo với mỗi tháng trăm ở trong nước và trên thế giới ấy đã được **TADEUSZ DOLEGA MOSTOWICS** lấy làm bối cảnh cho các tác phẩm nổi tiếng nhất của ông: Thầy lang, Giáo sư Vin-tru-rơ, Đường công danh của Ni-cô-đem Đyz-ma.

Khác hẳn với tác phẩm Đường công danh của Ni-cô-đem Đyz-ma được viết bằng ngòi bút hiện thực phê phán kiệt xuất, Thầy Lang là tiểu thuyết tâm lý xã hội được sáng tác theo khuynh hướng của chủ nghĩa tình cảm.

Nhân vật chính của tác phẩm là giáo sư tiến sỹ y khoa Vin-tru-rơ, một nhà phẫu thuật tài năng của Ba Lan thời bấy giờ. Đang ở trên đỉnh cao của danh vọng và quyền lợi thì một tai họa đột ngột xảy đến: vợ ông đã bỏ nhà ra đi với người yêu sau tám năm chung sống cùng ông, mang theo đứa con gái nhỏ duy nhất mà ông vô cùng yêu thương, để lại một bức thư vĩnh biệt, trong đó nàng thú thật rằng chưa bao giờ yêu ông. Quá đau khổ, giáo sư Vin-tru-rơ lang thang, ông bị bọn vô lại cho uống rượu say, cướp sạch quần áo, tiền bạc, đánh vào đầu, khiến ông bị mất trí nhớ, không nhớ mình là ai. Từ đó bắt đầu cuộc đời lang thang, phiêu bạt, chìm nổi của một con người bần cùng, vô gia cư, không chốn dung thân, không người thân thuộc, thậm chí không biết mình là ai, tên là gì, không biết mình sống để làm gì, sống cho ai.

Nhưng những kỹ năng nghề nghiệp vẫn tồn tại trong con người mất trí nhớ của ông, nhất là khi cần cứu chữa cho người bệnh. Được nhận vào làm công cho người chủ cối xay bột Prô-cốp, giáo sư Vin-tru-rơ (dưới cái tên

An-tô-ni Kô-si-ba) đã chữa cho con ông chủ khỏi tật, rồi ông chữa cho nhiều người khác, dần dần nổi tiếng là một thầy lang giỏi ở một vùng nông thôn.

Và cuộc đời ông có lẽ sẽ trôi qua như thế nếu ông không gặp cô gái Ma-rư-sia đáng thương mồ côi cả cha lẫn mẹ. Tình thương yêu giữa hai tâm hồn cô đơn ấy đã rọi một ánh sáng mới vào cuộc đời ông, khiến ông lại biết mình sống vì ai, vì cái gì. Nhưng rồi Ma-rư-sia và người yêu của cô là chàng trai Lê-sếch bị tai nạn. Để cứu cô gái, ông đã phải đánh cắp va-li đựng dụng cụ mổ của bác sỹ Pa-vơ-li-xki, kẻ vốn sẵn hiềm khích với ông. Ra tòa ông bị kết án ba năm tù. Nhưng nhờ sự vận động của Lê-sếch và luật sư Ko-rơ-trưn-xki, đến phiên tòa phúc thẩm, ông được xử trắng án. Cũng chính tại phiên tòa này, giáo sư Đô-bra-nhe-xki một học trò và cộng sự của ông ngày trước đã nhận ra rằng người thầy lang quê mùa có tài năng khó hiểu nọ chính là giáo sư Vin-tru-rơ bị mất tích mười ba năm về trước. Sau phiên tòa, trước nắm mồ của bà mẹ cô gái Ma-rư-sia, ông hiểu rằng cô chính là đứa con vô vàn yêu quý của mình. Nỗi xúc động đã giúp ông lấy lại trí nhớ.

Cốt truyện cảm động ấy đã được ngòi bút tài hoa của **TADEUSZ DOLEGA MOSTOWICS** xây dựng thành một tác phẩm giàu tính nhân đạo và trữ tình. Tác phẩm góp một tiếng nói nghệ thuật nêu cao những chân lý nhân văn, khẳng định địa vị thiêng liêng của tình yêu của người với người. Tình yêu ấy, quý giá hơn tất cả, nhưng nó không bao giờ đến từ một phía, nó không thể được xây dựng nên bởi tiền tài hay địa vị. Hạnh phúc chỉ có thể có được khi con người đã phải trả giá bằng những đau khổ và đấu tranh, bằng những dằn vặt, những vật lộn với cuộc đời và chính bản thân mình.

Song tác phẩm vẫn không thể thiếu những giá trị hiện thực phê phán, những giá trị này dường như lại được tôn thêm trong cái không khí trữ tình kia, mặc dù chúng nằm ở bình diện thứ hai, kín đáo hơn. Số phận con người trong xã hội cũ mới long đong, mới mong manh làm sao. Chỉ riêng cái nghịch cảnh trở trêu của bản án sơ thẩm: kẻ cứu hai mạng người thì bị

xử án ba năm tù còn kẻ gây tai họa cho họ thì chỉ chịu hai năm(?) đã giàu sức tố cáo với hệ thống pháp luật tư sản. Và "chứng quên" của giáo sư Vin-tru-rơ kia phải chăng là một hình ảnh đầy tượng trưng? Tác phẩm bằng đôi nét chấm phá nhưng cũng vẽ nên được đời sống khốn khổ, lạc hậu, thấp kém của những người nông dân nghèo Ba Lan thời ấy. Cái nhìn của tác giả đầy đồng cảm, xót xa và trân trọng với những con người ấy.

Tuy nhiên, ra đời trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể, tác phẩm không tránh khỏi những hạn chế dễ thấy. Điều đáng nói nhất là những biểu hiện của một thứ triết học định mệnh trong việc mô tả và cắt nghĩa những hiện tượng xã hội. Mỗi con người trong Thầy Lang như sống trong sự vây bủa của một màn lưới vô hình nhưng vững chắc của số phận, trong đó mọi sự nỗ lực của về đại thể cũng chỉ là những vật vã vô nghĩa. Những yếu tố ngẫu nhiên cá lẻ được xâu lại bằng sợi chỉ số mệnh. Và cái "định mệnh xã hội" này đã thay "ông Tạo" dẫn dắt những bước đường của mỗi con người. Thấp thoáng đây đó, tác phẩm cũng biểu lộ những cái nhìn của chủ nghĩa tự nhiên.

Những hạn chế đó không làm bạn đọc kém yêu mến Thầy Lang. Từ khi ra đời đến nay, tác phẩm đã được tái bản nhiều lần, được dịch ra nhiều thứ tiếng và được đưa lên màn ảnh, đã chinh phục khán giả thế giới, trong đó có khán giả nước ta.

NGUYỄN HỮU DŨNG

CHƯƠNG I

Trong phòng mổ hoàn toàn im lặng. Thảng hoặc mới có tiếng lanh canh của những dụng cụ phẫu thuật bằng kim loại va vào khay thủy tinh. Không khí được sấy nóng đến ba bảy độ Xen-xi-uyt, mang đấm mùi clo-rô-phoóc ngọt lợ và mùi máu tươi, được đưa qua thiết bị hô hấp, khiến phổi đầy ứ một thứ hỗn hợp hết sức khó chịu. Một nữ y tá đang ngất xỉu trong góc phòng, song không một ai trong số những người còn lại có thể rời bàn mổ để giúp cô hồi tỉnh. Cả ba phụ mổ không hề rời mắt khỏi cái hốc màu đỏ đã mở phanh, nơi những ngón tay thô ráp của giáo sư Vin-tru-rơ đang cử động dường như vụng về.

Mỗi cử động nhỏ bé nhất của đôi bàn tay ấy rất cần phải được hiểu ngay tức khắc. Mỗi một tiếng âm ừ thi thoảng bật ra từ dưới khẩu trang là những mệnh lệnh được các phụ mổ hiểu và thực hiện trong nháy mắt. Bởi lẽ đây không chỉ là chuyện liên quan đến tính mạng của người bệnh mà còn là một điều gì khác nữa, quan trọng hơn nhiều. Có quan hệ thành bại của ca mổ vô vọng, điên rồ này, ca mổ có thể trở thành một thành tựu vĩ đại của khoa giải phẫu, mang lại vinh quang to lớn, hơn nữa không chỉ cho giáo sư, không chỉ cho bệnh viện và học trò của ông, mà còn là toàn thể giới khoa học Ba Lan.

Giáo sư Vin-tru-rơ đang mổ một khối u trong tim. Ông đang cầm trái tim ấy trong lòng bàn tay trái và bằng những cử động nhịp nhàng, các ngón tay không ngớt xoa bóp nó, bởi nó có xu thế yếu dần đi. Qua lần gắng tay cao su mỏng tang, ông cảm nhận được mỗi sự mỗi sự rung động, mỗi tiếng óc ánh rất khẽ, khi những vách ngăn không chịu vâng lời, để bằng những ngón tay đã mỏi dừ bắt nó hoạt động trở lại. Ca mổ đã kéo dài bốn mươi sáu phút. Bác sỹ Ma-rơ-trép-xki theo dõi mạch đã sáu lần phải đâm mũi kim tiêm long não và a-trô-pin vào da người bệnh.

Chốc chốc, bàn tay phải của giáo sư Vin-tru-rơ lại làm loáng lên ánh lấp lánh của những chiếc dao chích và thìa múc nhỏ bằng những động tác lanh lẹ. May thay, khối u không ăn quá sâu vào cơ tim, mà chỉ tạo thành

một hình nón cân đối, ăn nông. Mạng sống của người này có thể được cứu thoát. Chỉ cần ông duy trì được tám, chín phút nữa mà thôi.

"Ấy vậy mà không một ai đủ can đảm!" - Giáo sư tự hào nghĩ thầm. Phải, không một ai, không một nhà phẫu thuật nào ở Luân Đôn, Pa-ri, Bec-lin hay Viên, dám làm việc ấy. Họ từ bỏ cả vinh quang lẫn số tiền thù lao khổng lồ, đành đưa người bệnh đến Vac-sa-va. Mà số tiền thù lao đó sẽ có nghĩa là việc xây dựng một khu nhà nữa cho bệnh viện, và điều quan trọng hơn, sẽ là chuyến du lịch suốt mùa đông của Bê-a-ta cùng cô con gái nhỏ đến quần đảo Ca-na-ri. Vả cả hai ông sẽ cảm thấy nặng nề biết bao, nhưng chuyến đi sẽ là một điều tuyệt diệu cho cả hai mẹ con. Trong thời gian gần đây, thần kinh của Bê-a-ta...

Cả buồng phổi màu xám hồng, bỗng nhiên phồng lên trong một hơi thở giật rồi co rúm lại. Một, hai, ba lần. Máu thịt có hồn run lên trong lòng bàn tay trái của giáo sư. Từ vết thương nhỏ trên màng tim màu tím ngắt rịn ra vài giọt máu. Trong mắt tất cả những người có mặt ánh lên nỗi kinh hoàng. Một tiếng rít khê của bình ô-xy, một mũi kim tiêm lại một lần nữa chọc vào da người bệnh. Những ngón tay to tướng của giáo sư vẫn nhịp nhàng bóp lại và xòe ra.

Chỉ vài giây sau, vết thương lại sạch. Giờ đã đến lúc sợi chỉ khâu mảnh mai hoàn thành kiệt tác. Một, hai, rồi ba mũi khâu. Thật không tài nào ngờ được rằng đôi bàn tay thô ráp kia lại có thể có những động tác chính xác đến nhường ấy. Giáo sư thận trọng đặt trái tim vào khoang ngực và chăm chú theo dõi hồi lâu. Nó phồng lên, co lại theo những nhịp chưa đều, nhưng phút nguy hiểm đã qua. Bác sỹ Xku-gien lấy từ trong những tấm vải đã vô trùng che phần lồng ngực bị cắt. Vài thao tác cần thiết nữa rồi giáo sư trút một hơi thở dài. Phần còn lại thuộc về những người phụ mổ. Ông hoàn toàn tin ở họ. Ông ra vài mệnh lệnh nữa rồi bước sang phòng thay quần áo.

Nơi đây, khoan khoái thở hít làn không khí bình thường, ông bỏ khẩu trang, găng mổ, tạp dề và blu bẩn đầy máu rồi ưỡn người. Đồng hồ chỉ hai

giờ ba lăm phút. Thế là ông lại muộn giờ ăn trưa vào một ngày như hôm nay! Chắc hẳn Bê-a-ta biết hôm nay ông có ca mổ quan trọng thế nào, song sự muộn màng trong ngày lễ này không khỏi khiến nàng phật ý. Buổi sáng, khi bước ra khỏi nhà, ông cố tình không tỏ ra nhớ ngày hôm nay: ngày kỷ niệm tám năm ngày cưới của họ. Song Bê-a-ta hiểu rằng ông không thể nào quên được. Hàng năm, vào đúng ngày hôm nay, nàng đều nhận được một món quà tuyệt vời nào đó, càng ngày càng đẹp hơn, ngày càng đắt tiền hơn, theo đà tăng của vinh quang và tài sản của ông. Và lúc này, chắc chắn rằng trong văn phòng ở tầng một đã lại có một món quà mới. Người thợ chuyên may đồ lông thú sáng nay chắc đã gửi đến rồi...

Giáo sư vội vàng thay quần áo rất nhanh. Song ông còn phải thăm qua hai người bệnh trên gác hai và xem lại người vừa mới mổ nữa. Bác sỹ Xku-gien đang theo dõi bệnh nhân báo cáo ngắn gọn:

- Nhiệt độ ba mươi lăm độ chín, huyết áp một trăm bốn mươi, mạch rất yếu và hơi loạn nhịp, sáu mươi đến sáu mươi sáu.

- Ồn chúa, - giáo sư mỉm cười với bác sỹ.

Người bác sỹ trẻ đưa mắt đầy ngưỡng mộ nhìn dáng người to cao, hơi giống một con gấu của sếp. Anh vốn là một sinh viên của ông ở trường Đại học. Anh hỗ trợ ông trong việc chuẩn bị tài liệu cho các công trình khoa học của ông trong thời gian ông còn hoạt động khoa học thuần túy; còn từ khi ông mở bệnh viện tư, bác sỹ Xku-gien tìm thấy nơi đây một đồng lương xứng đáng và một phạm vi hoạt động rộng rãi. Có thể trong thâm tâm anh hơi tiếc vì sếp đã từ bỏ quá đột ngột niềm tự hào của một nhà khoa học, chỉ tự hạn chế trong hoạt động giảng dạy đại học và trong việc kiếm tiền, song điều đó cũng không hề làm anh đánh giá ông thấp đi chút nào. Cũng như những người dân Vac-sa-va khác anh hiểu rõ rằng giáo sư làm việc đó không phải vì bản thân ông, rằng ông lao động chẳng khác gì tên nô lệ, rằng ông không bao giờ ngần ngại nhận trách nhiệm về mình và đã nhiều phen thực hiện những chuyện thần kỳ như ca mổ hôm nay.

- Giáo sư quả là thiên tài, - anh thốt lên đầy chân thành.

Giáo sư Vin-tru-rơ khẽ mỉm cười hiền dịu, nụ cười luôn mang lại niềm tin và sự yên tâm cho các bệnh nhân của ông.

- Chớ quá lời, anh bạn đồng nghiệp ạ, chớ quá lời thế! Rồi cả anh nữa cũng sẽ làm được việc đó. Nhưng thú thực là tôi rất hài lòng. Nếu có việc gì, anh bảo gọi điện cho tôi, mặc dù tôi nghĩ rằng sẽ chẳng có việc gì đâu, và tôi rất mong thế, bởi vì hôm nay tôi có... một buổi lễ gia đình. Chắc hẳn người ta đã gọi điện báo rằng bữa trưa đã chuẩn bị xong...

Và giáo sư không nhầm. Trong phòng làm việc của ông máy điện thoại réo chuông đến vài lần rồi.

- Yêu cầu báo ngay cho giáo sư, - người hầu phòng nói - để ngài về nhà càng nhanh càng tốt.

- Giáo sư đang ở trong phòng mổ, - lần nào cũng vậy, nữ thư ký - cô Ja-nô-vi-trúp-na - đều trả lời bằng giọng thân nhiên bất di bất dịch.

- Sao họ cứ tấn công liên hồi thế, quý quá thật chứ?! - Bác sỹ trưởng, tiến sỹ Đô-bra-nhe-xki vừa nói vừa bước vào.

Cô Ja-nô-vi-trúp-na vắn trọc máy chữ, rút bức thư vừa đánh máy xong ra, trả lời:

- Hôm nay là ngày kỷ niệm lễ cưới của ông bà giáo sư, ông quên à? Ông đã được mời đến dự buổi khiêu vũ kia mà.

- À, quả có thể thật. Tôi nghĩ là sẽ có một buổi tối không đến nổi nào... Bao giờ ở nhà họ cũng có mặt một dàn nhạc hảo hạng, một bữa tối sang trọng và cử tọa tốt nhất.

- Lạ thật, không hiểu sao ông lại quên nói về những người phụ nữ xinh đẹp, cô gái lưu ý với vẻ châm biếm.

- Tôi đâu có quên, một khi mà cô có mặt tại đó... Bác sỹ trả miếng.

Hai gò má gầy gò của nữ thư ký chột ửng hồng.

- Chẳng hay ho gì, - cô nhún vai. - Dù tôi có là người đẹp nhất, tôi cũng chẳng hòng được ông để mắt đến cơ mà.

Cô Ja-nô-vi-trúp-na không thích Đô-bra-nhe-xki. Cô ưa anh với tư cách một người đàn ông, bởi quả thực anh đẹp trai, với cái mũi chim ưng và vầng trán cao đầy tự hào, cô biết anh là một nhà phẫu thuật tuyệt vời, bởi chính giáo sư đã giao phó cho anh những ca mổ khó nhất và đưa anh lên cương vị phó giáo sư, song cô coi anh là một người hám danh vọng, lạnh lùng, chỉ săn tìm một tiểu thư nhà giàu, hơn nữa cô không tin mấy vào lòng biết ơn của anh với giáo sư, người mà nhẽ ra anh phải mang ơn về tất cả những gì có được.

Tiến sỹ Đô-bra-nhe-xki khá tinh ý nên nhận thấy ngay sự ác cảm ấy. Song vốn không muốn gây sự với bất kỳ ai có thể làm hại anh bằng cách nào đấy, anh bèn trở chiếc hộp để trên bàn hỏi lấy lòng:

- Cô mới sắm áo lông đấy à? Tôi thấy đây là hộp của hiệu Pô-rai-xki.

- Tôi hoàn toàn không có khả năng dùng quần áo của hiệu Pô-rai-xki, lại càng không có khả năng sắm một chiếc áo lông thế này.

- Đến "thế này" kia à?

- Ông cứ thử nhìn xem. Lông hắc điều thử đấy.

- Phiu... phiu. Phu nhân Bê-a-ta thật là người sung sướng. - Anh gật gù rồi nói thêm:

- Ít nhất cũng về phương diện vật chất.

- Ông nói thế nghĩa là thế nào?

- À, không.

- Ông phải biết xấu hổ chứ, - cô phẫn nộ. - Người phụ nữ nào cũng có thể ghen với phu nhân về một người chồng như thế, lại yêu thương như thế.

- Hãn rồi.

Cô Ja-nô-vi-trúp-na chĩa vào anh cái nhìn giận dữ.

- Phu nhân có tất cả những gì mà một người phụ nữ ước ao! Tuổi trẻ, sắc đẹp, một đứa con gái xinh xắn, một người chồng đầy vinh quang và được mọi người kính trọng, đang làm việc cả ngày lẫn đêm để bảo đảm cho

phu nhân có đầy đủ tiện nghi, phong lưu, có địa vị trong đời. Tôi cam đoan với ông, thưa tiến sỹ, rằng phu nhân đánh giá đúng tất cả những điều ấy.

- Tôi không chút nghi ngờ, - anh khẽ nghiêng đầu, có điều, tôi hiểu rằng phụ nữ đánh giá cao nhất...

Anh không nói hết lời vì bác sỹ Bang chột lao vào phòng, kêu lên:

- Thật đáng kinh ngạc! Thành công rồi! Ông ta sẽ sống!

Rất hào hứng, ông bắt đầu thuật lại diễn biến của ca mổ mà ông đứng phụ.

- Chỉ có giáo sư của chúng ta mới dám làm chuyện ấy!... Giáo sư đã chứng tỏ được khả năng của mình, - cô Ja-nô-vi-trúp-na thốt lên.

- Thôi, không nên quá lời như thế, - tiến sỹ Đô-bra-nhe-xki lên tiếng. - Các bệnh nhân của tôi không phải bao giờ là cũng là những vị huân tước hay triệu phú, không phải bao giờ cũng ngoại lục tuần, song lịch sử cũng từng có hàng loạt những ca mổ tim thành công, thậm chí là lịch sử ngành y của nước ta. Nhà giải phẫu Vac-sa-va, tiến sỹ Krai-ép-xki, đã nổi tiếng thế giới bằng chính một ca mổ như thế. Mà đó là ba mươi năm về trước!

Trong phòng tụ tập thêm mấy người nữa cũng thuộc về phía nhân viên bệnh viện, và lát sau, khi giáo sư xuất hiện, họ chào đón ông bằng hàng tràng những lời chúc mừng.

Với nụ cười mãn nguyện nở trên khuôn mặt hồng hào phương phi của mình, ông nghe họ nói, song chốc chốc vẫn đưa mắt liếc nhìn đồng hồ. Mãi hơn hai mươi phút sau ông mới xuống được tầng dưới, ngồi vào chiếc xe du lịch màu đen to tướng của ông.

- Về nhà thôi, - ông bảo người tài xế và ngả người thoải mái trên ghế.

Sự mệt mỏi qua đi nhanh chóng. Ông là một người khỏe mạnh, đầy sức lực, và mặc dù có vẻ hơi đứng tuổi vì người hơi đậm, song thực ra ông mới chỉ hơn bốn mươi ba, vẫn cảm thấy hoàn toàn trẻ hơn tuổi. Nhiều khi ông nghịch ngợm như một cậu thiếu niên. Ông biết cách chơi đùa, vật lộn

với cô bé Ma-ri-ô-la ngay trên thảm, hoặc chơi trốn tìm với con, không phải chỉ để thỏa mãn ý thích của con mà cả ý thích của chính ông nữa.

Bê-a-ta không tài nào hiểu nổi chuyện ấy, nhìn thấy ông trong những lúc như thế, trong ánh mắt nàng chợt hiện lên vẻ gì như ngượng nghịu và sợ sệt.

- Anh Ra-phao, - nàng bảo - nhờ người ta trông thấy anh nghịch như thế này thì sao?

- Thì có thể người ta sẽ phong cho anh chức cô bảo mẫu chứ sao, - ông vừa cười vừa đáp.

Thực ra, những lúc như thế ông cảm thấy hơi khổ tâm. Không nghi ngờ gì nữa, Bê-a-ta là người vợ tốt nhất trên đời. Chắc chắn là nàng yêu ông. Song tại sao đối với ông nàng vẫn giữ vẻ kính trọng không cần thiết đến mức gần như thành kính kia? Trong niềm ân cần và âu yếm của nàng vẫn có thứ gì như thể nàng đang hành lễ. Trong những năm đầu, ông cho rằng nàng e sợ và ông đã cố làm tắt thảy những gì có thể để xoa tan đi điều ấy. Ông kể cho nàng nghe những chuyện buồn cười nhất về bản thân, thổ lộ với nàng những điều lầm lỗi cùng những chuyện phiêu lưu không mấy thanh cao trong đời sinh viên của ông, ông cố gắng tẩy rửa khỏi đầu óc nàng từng ý nghĩ nhỏ bé nhất về việc họ không hoàn toàn tương xứng với nhau. Ngược lại, trên từng bước đường, ông đều cố gắng nhấn mạnh rằng ông sống chỉ vì nàng và chỉ nhờ nàng ông mới được hạnh phúc mà thôi. Và chẳng, điều đó hoàn toàn là sự thật.

Ông yêu Bê-a-ta đến điên cuồng và biết rằng nàng cũng đền đáp lại ông một tình yêu như thế, dù lạnh thắm và ít bông bột hơn. Bao giờ nàng cũng tinh tế và dịu dàng như một đóa hoa. Bao giờ nàng cũng dâng cho ông nụ cười và những lời tốt lành. Và hẳn ông sẽ nghĩ rằng nàng không biết sống cách nào khác thế, giá như nhiều khi ông không thấy nàng tươi vui hơn hở, bật lên những tràng cười giòn tan, hài hước và tinh nghịch, mỗi khi đám thanh niên trẻ trung vây quanh nàng và nàng không biết rằng ông đang nhìn mình. Ông sẵn sàng đi đâu xuống đất để thuyết phục nàng rằng, hơn ai

hết, kể cả những người trẻ tuổi nhất, ông là người hết sức sẵn sàng tham gia trò chơi vô tư ấy, nhưng chỉ vô ích mà thôi. Rốt cuộc, với thời gian, ông đành phải thừa nhận chuyện ấy và từ bỏ mong muốn cải thiện hơn nữa niềm hạnh phúc dẫu sao cũng là vô cùng to lớn của mình.

Và giờ đây đã là ngày kỷ niệm tám năm của cuộc sống chung chưa bao giờ bị vỡn một lần cãi cọ nào, dù là nhỏ bé nhất, chưa hề có một mâu thuẫn hay thậm chí một bóng đen thiếu tin cậy nào, mà đã biết bao lần sáng bừng lên những giờ vui tươi, âu yếm, tâm sự...

Tâm sự... Thực ra chỉ một mình ông tâm sự cùng nàng những cảm xúc, suy nghĩ, kế hoạch của mình mà thôi. Bê-a-ta hoặc là không biết, hoặc là không biết làm điều ấy, hoặc cuộc sống nội tâm của nàng quá ư đơn điệu, quá ư giản dị... Có lẽ là hơi quá - giáo sư Vin-tru-rơ tự chỉ trích mình vì ý nghĩ này - quá ư nghèo nàn. Ông cho rằng đó là điều xúc phạm đến Bê-a-ta, rằng nghĩ như thế về nàng là ông đã lãng nhục nàng rồi. Song nếu như điều đó là sự thực đi chẳng nữa thì chỉ càng khiến trái tim ông thêm ngập tràn niềm ưu ái mà thôi.

"Chính ta đã khiến nàng choáng váng, - ông tự nhủ, - đã khiến nàng choáng váng vì bản thân ta. Nàng thông minh, tinh tế xiết bao. Chính vì thế mới nảy sinh sự nhạy cảm và nỗi lo ngại, giữ đưng cho ta thấy rằng những vấn đề của riêng nàng là vụn vặt, thường ngày và thông tục."

Đi đến kết luận như thế, ông cố gắng đền bù cho nàng sự không tương xứng, đã đụng chạm đến nàng kia. Ông hết sức để ý và thành tâm đi sâu vào những chi tiết nhỏ nhặt nhất của gia đình, ông lưu ý đến từng kiểu phục trang nàng mặc, từng loại nước hoa nàng hay dùng, ông lắng nghe để nắm bắt ngay từng lời nàng thổ lộ về dự định thù tiếp bạn bè hay đề cập đến căn phòng riêng của con, và bao giờ cũng cân nhắc chúng với sự tận tâm như đó là những vấn đề vô cùng quan trọng.

Bởi quả thực, đối với ông, chúng rất quan trọng, quan trọng hơn tất thảy, ông tin rằng, cần phải nuôi dưỡng hạnh phúc một cách ân cần nhất, ông hiểu rằng, những giờ phút ít ỏi dứt ra khỏi công việc mà ông có thể

dành cho Bê-a-ta cần phải chứa đựng một nội dung giàu có nhất, sự ăm cúng lớn lao nhất...

Ô-tô dừng bánh trước một villa màu trắng tuyệt đẹp, chắc chắn là đẹp nhất trên đại lộ Đinh Tử Hương, và cũng là một trong những villa lịch sử nhất Vac-sa-va.

Không chờ người tài xế mở cửa xe, giáo sư Vin-tru-rơ nhảy ra ngoài, cầm lấy chiếc hộp đựng áo lông ở tay anh ta, chạy vội qua vỉa hè và một đoạn đường nhỏ, dùng chìa khóa riêng mở cửa, rồi hết sức nhẹ nhàng đóng cửa lại sau lưng. Ông muốn mang lại cho Bê-a-ta một điều bất ngờ thú vị, mà một giờ trước đây, khi đang cúi người trên cái lồng ngực mở hoác chẳng chịt những động mạch và tĩnh mạch của người bệnh, ông đã sắp đặt cho mình.

Nhưng ở trong phòng lớn ông gặp ông Brô-nhi-xoáp và bà quản gia Mi-kha-lô-va. Hẳn Bê-a-ta đang không hài lòng về việc chậm giờ của ông vì cả hai đều mang vẻ mặt dài thượt và rõ ràng họ đang đợi ông. Điều đó làm hỏng kế hoạch của giáo sư, ông đưa tay ra hiệu cho họ lui.

Mặc dù vậy ông Brô-nhi-xoáp vẫn cất tiếng:

- Thưa ngài giáo sư...

- Xuyt!... - Giáo sư Vin-tru-rơ ngắt lời ông, nhú mày rồi thì thào bảo thêm: - cởi áo bành tô ra!

Người lão bộc định nói gì đó, song cụ chỉ mấp máy môi trong khi giúp giáo sư cởi áo.

Giáo sư Vin-tru-rơ nhanh nhẹn cởi chiếc hộp, lấy ra chiếc áo choàng tuyệt đẹp bằng loại lông thú óng ánh màu đen tuyền với những sợi lông dài mịn như tơ, khoác nó lên vai mình, chụp lên đầu cái mũ chụp nhỏ xíu với hai chiếc đuôi vắt vẻo hai bên, vể đầy gậy gổ, lồng hai tay vào cái bao tay lông thú, rồi mỉm cười mãn nguyện liếc qua chiếc gương: nom ông thật là hề.

Ông đưa mắt nhìn gia nhân để xem thử ấn tượng gây nên cho họ, nhưng trong mắt người quản gia và lão bộc, ông chỉ nhận thấy một nỗi phiền muộn mà thôi.

"Thật là ngốc", - ông nghĩ thầm.

- Thừa giáo sư... Ông lão Brô-nhi-xoáp lại mở mồm, trong khi bà Mi-kha-lô-va cứ dầm dẫm hai chân tại chỗ.

- Im đi, - giáo sư thốt lên, rồi bước ngang qua mặt họ, ông mở cửa phòng khách.

Ông ngỡ là sẽ gặp Bê-a-ta với con gái trong căn phòng màu hồng hoặc trong phòng khách nhỏ.

Ông bước qua cả phòng ngủ, phòng khách nhỏ, rồi phòng trẻ con. Không thấy họ đâu. Ông quay lại, ngó vào phòng làm việc. Nơi đây hoàn toàn trống vắng. Trong phòng ăn, trên chiếc bàn trang trí hoa, lóng lánh sắc vàng của những đồ sứ và pha-lê, chỉ có hai bộ đồ ăn. Ma-ri-ô-la và cô Tho-lơ-rit đã ăn trước. Trong khung cảnh mở rộng dẫn vào buồng để bát đĩa, một cô hầu phòng đứng thẩn thờ, với bộ mặt của người vừa khóc và đôi mắt sưng mọng.

- Bà chủ đâu rồi? - Ông lo lắng hỏi.

Đáp lại ông, cô gái lại òa khóc nức nở.

- Sao thế? Có chuyện gì thế?! - Ông hét lên, thôi không thấp giọng nữa. Linh cảm về một nỗi bất hạnh nào đó thít lấy cổ họng ông.

Bà quản gia và ông Brô-nhi-xoáp khẽ len lén nhích vào phòng ăn và đứng im lặng sát tường. Ông đưa mắt kinh hoàng nhìn họ và gào lên tuyệt vọng:

- Bà chủ đâu?!

Đột nhiên, ánh mắt của ông ngừng lại trên mặt bàn. Bên cạnh bộ đồ ăn của ông có một bức thư, đặt vào chiếc cốc Ba-lê thon thả. Một chiếc phong bì màu xanh da trời nhạt, mép viền bạc.

Tim ông chợt thất lại, đầu óc ông quay cuồng. Ông vẫn chưa hiểu gì hết, vẫn chưa biết gì hết. Ông đưa tay cầm lấy phong thư, phong thư mà ông cảm thấy cứng đờ và chết chóc. Ông giữ nó trên tay. Trên phong bì để gửi cho ông, ông nhận ra nét chữ của Bê-a-ta. Những nét chữ to, gai cạnh.

Ông bắt đầu đọc:

"Anh Ra-phao quý mến! Không hiểu có bao giờ anh tha thứ được cho em về việc em bỏ đi chẳng..."

Những dòng chữ bắt đầu run rẩy và quay cuồng trước mắt ông. Phỗi ông như thiếu không khí, trên trán ông toát ra những giọt mồ hôi.

- Nàng ở đâu, - ông kêu lên nghẹn ngào, - nàng đâu rồi?!

Và ông đưa mắt nhìn quanh.

- Bà chủ ra đi cùng với tiểu thư rồi ạ - bà quản gia khẽ ấp úng.

- Nói láo! - Giáo sư Vin-tru-rơ gào lên. - Đó là điều dối trá!

- Dạ, chính tôi gọi taxi, ông Brô-nhi-xoáp thú nhận bằng giọng thành khẩn, rồi đứng một lát, ông nói thêm: - và mang theo cả va-li nữa. Hai chiếc va-li...

Giáo sư lão đảo bước sang phòng làm việc bên cạnh, đóng chặt cửa lại rồi tựa lưng vào đó. Ông cố sức đọc tiếp bức thư, nhưng phải khá nhiều thời gian trôi đi trước khi ông hiểu nội dung bức thư.

*

" Không hiểu có bao giờ anh tha thứ cho em đã bỏ đi chẳng? Em đã hành động quá đỗi tồi tệ khi lấy sự xúc phạm này đền đáp lại lòng tốt bao la của anh, lòng tốt mà em sẽ không bao giờ quên. Nhưng em không thể ở lại lâu hơn được nữa. Xin tề với anh, em chỉ còn một lối thoát nữa mà thôi, đó là cái chết. Song em chỉ là một phụ nữ yếu đuối và bất hạnh. Em không đủ can đảm. Suốt bao tháng trời rờn rã em đã vật vã với ý định này. Có thể sẽ không gao giờ em có được hạnh phúc, có thể sẽ không bao giờ em có

được sự yên ổn. Nhưng em không có quyền tước đi bé Ma-ri-ô-la và - anh ấy.

Em viết lộn xộn quá, bởi vì em không tài nào tập trung tư tưởng được. Hôm nay là lễ kỷ niệm ngày cưới của chúng ta. Anh Ra-phao kính mến, em biết anh lại đã chuẩn bị cho em một món quà gì đó. Nhưng sẽ thiếu trung thực biết bao nếu giờ đây em còn dám nhận từ tay anh món quà đó, một khi em quyết định dứt khoát sẽ ra đi.

Em đã yêu, anh Ra-phao ạ. Và tình yêu ấy mạnh hơn em. Mạnh hơn tất thảy những tình cảm mà từ trước đến nay em dành cho anh, từ lòng biết ơn vô bờ bến đến niềm kính trọng và ngưỡng mộ sâu sắc nhất, từ lòng tốt chân thành đến tình gắn bó. Tiếc thay, em chưa bao giờ yêu anh, song em chỉ nhận được ra điều đó khi em gặp anh Ja-néch trên đường đời.

Em sẽ ra đi thật xa và xin anh hãy thương em và đừng tìm em nữa! Xin anh hãy thương em với! Em biết anh rất đại lượng và vô cùng tốt bụng. Anh Ra-phao, em không xin anh tha thứ cho em. Em không đáng được tha thứ và anh có quyền căm ghét khinh bỉ em.

Chưa bao giờ em xứng với anh. Chưa bao giờ em vươn tới được tầm cao của anh. Chắc anh hiểu rõ điều đó và em nghĩ rằng chỉ vì lòng tốt mà bao giờ cũng không để lộ cho em biết, song chính điều đó đã đè nặng lên em và giày vò em nhiều hơn cả. Anh đã vây bọc quanh em những xa hoa và những người thuộc về thế giới của anh. Anh rắc lên đầu em những quà tặng xiết bao quý giá. Nhưng hỡi là em không được sinh ra để sống một cuộc đời như thế. Em mệt mỏi bởi cái thế giới kỳ vĩ của anh, bởi tài sản của anh, vinh quang của anh và bởi sự hèn mọn của em bên cạnh anh.

Bây giờ, em đang đi một cách có ý thức vào cuộc đời mới, nơi chờ đợi em có thể là cảnh bần hàn cùng cực nhất, hay chí ít cũng là cuộc đấu tranh gay gắt nhất vì một mẩu bánh mỳ. Nhưng em sẽ tham gia vào cuộc đấu tranh đó, sát cánh cùng người mà em yêu thương vô bờ bến. Nếu như bằng hành động này em không giết chết sự cao thượng trong trái tim anh, nếu anh có thể, thì xin anh hãy quên em đi. Chắc hẳn chẳng bao lâu anh sẽ bình

tâm, anh vốn thông minh đến thế, chắc chắn anh sẽ gặp được một người con gái khác, trăm lần tốt đẹp hơn em. Với cả tấm lòng em cầu chúc anh hạnh phúc, niềm hạnh phúc mà chính em cũng có được một cách đầy đủ khi được biết rằng anh sung sướng.

Em mang theo bé Ma-ri-ô-la, bởi thiếu con em không thể sống nổi. Anh biết rõ hơn ai điều ấy. Xin anh chớ nghĩ rằng em cướp đi của anh kho báu quý giá nhất, tài sản chung của chúng ta. Vài năm nữa, khi cả hai ta có thể bình tĩnh nhìn lại quá khứ, em sẽ báo tin cho anh.

Vĩnh biệt anh, anh Ra-phao. Xin anh đừng nghĩ rằng em nhẹ dạ, và cũng đừng hy vọng rằng sẽ có gì có thể làm em thay đổi quyết định của mình. Em sẽ không bao giờ rời bỏ anh ấy, dù có phải chết. Em chưa bao giờ biết nói dối anh, xin anh hãy biết cho rằng em vẫn trung thành với anh cho đến phút chót. Vĩnh biệt anh, xin anh hãy rủ lòng thương và đừng tìm kiếm em.

Bê-a-ta

T.B. Tiền nong và toàn bộ nữ trang em để lại trong két. Chìa khóa két em để trong chỗ kín ở bàn làm việc của anh. Em chỉ mang theo đồ đạc của bé Ma-ri-ô-la. "

Giáo sư Vin-tru-rơ buông thông bàn tay đang cầm lá thư và lau mắt. Trong tấm gương đối diện, ông nhìn thấy hình ảnh phản chiếu của mình trong bộ trang phục kỳ dị. Ông dứt bỏ tất cả các thứ ấy khỏi người và đọc lại bức thư lần nữa.

Ngọn đèn giáng vào ông hoàn toàn bất ngờ, đến nỗi ông vẫn cảm thấy nó là điều không thực, mới chỉ là một lời đe dọa hay báo trước mà thôi.

Ông đọc:

... tiếc thay, em chưa bao giờ yêu anh...

Rồi tiếp đó nữa:

...Em mệt mỏi bởi cái thế giới kỳ vĩ của anh, bởi tài sản của anh, bởi vinh quang của anh...

- Sao lại thế được? - ông rên lên. - Tại sao?... Tại sao chứ?...

Ông cố sức mà không sao hiểu nổi. Trong ý thức của ông chỉ còn có một điều: nàng bỏ đi rồi, bỏ ông mà đi, mang theo con bé, nàng đã yêu người khác. Không một nguyên do nào len nổi vào óc ông. Ông chỉ nhìn thấy một sự thật trần trụi, dã man và lỗ bịch không tưởng tượng nổi.

Ngoài sân, hoàng hôn sớm của mùa thu đã bắt đầu buông xuống. Ông bước lại gần cửa sổ và đọc lại bức thư của Bê-a-ta, không biết là đến lần thứ mấy.

Đột nhiên giáo sư Vin-tru-rơ chột rùng mình. Trong một thoáng, bừng lên trong ông niềm hy vọng mê cuồng.

- Đó là nàng! Nàng đã trở lại!...

Nhưng chỉ ngay giây sau, ông đã hiểu rằng đó là điều không thể.

- Xin mời, - ông cất giọng khàn khàn.

Người bước vào là Zich-mun-tơ Vin-tru-rơ, người anh họ xa của ông, chủ tịch tòa thượng thẩm. Họ có quan hệ khá thân mật với nhau và thường xuyên có mặt ở nhà nhau. Việc ông Zich-mun-tơ xuất hiện đúng vào thời điểm này chắc hẳn không phải là chuyện tình cờ và giáo sư lập tức hiểu ra là bà Mi-kha-lô-va đã gọi điện thoại cho ông đến.

- Chú có khỏe không, Ra-phao? Ông Zich-mun-tơ cất tiếng hỏi, nhiệt thành và chân tình.

- Chào anh, giáo sư chìa tay.

- Sao chú ngồi trong bóng tối vậy? Chú cho phép? - không đợi trả lời, ông xoay công tắc. - Phòng chú lạnh thế, mùa thu quái quỷ thật.Ồ, cái gì thế này? Củi đã xếp vào lò sưởi rồi ư? Không có gì hay bằng lò sưởi. Để bảo lão Brô-nhi-xoáp nhóm lò lên...

Ông hé cửa và gọi to:

- Brô-nhi-xoáp đâu rồi! Nhóm lửa trong lò sưởi ở đây nhé. - Người lão bộp bước vào, liếc qua ông chủ, cầm chiếc áo choàng lông ném vật vã dưới

sàn lên, nhóm lửa, rồi bước ra. Ngọn lửa chẳng mấy chốc đã bén vào củi khô. Giáo sư vẫn đứng im lìm bên cửa sổ.

- Đến đây chú, ta cùng ngồi trò chuyện một chút nào, - ông Zich-mun-tơ kéo giáo sư đến chiếc ghế bành đặt trước lò sưởi. - Nào thế, thế. Hơi ấm quả là một thứ tuyệt vời. Chú còn trẻ nên chưa đánh giá hết cái đó đâu. Nhưng với bộ xương già của tôi... À, hôm nay chú không đến bệnh viện à? Vô công rồi nghề thế?

- Mọi sự nên sắp đặt thế.

- Thế mà tôi lại gọi điện đến bệnh viện - ngài chủ tịch trở tài hùng biện. - Tôi muốn đến đây để xin chú một lời khuyên. Cái chân trái bắt đầu hành hạ tôi. Tôi lo rằng đó là chứng thần kinh tọa...

Giáo sư im lặng lắng nghe, song chỉ vài từ đứt đoạn lọt tới tri giác ông. Tuy nhiên, giọng nói đều đều bình tĩnh của ông Zich-mun-tơ cũng đã khiến cho tư tưởng ông bắt đầu tập trung lại, nối với nhau, liên hệ với nhau thành một bức tranh gần với thực tại. Ông rùng mình khi người anh họ chợt đổi giọng hỏi:

- Thế Bê-a-ta đâu rồi?

Mặt giáo sư dài thượt ra, ông cố gắng trả lời:

- Đi rồi... Vâng... Cô ấy đã ra đi... đã đi ra...nước ngoài.

- Hôm nay à?

- Hôm nay

- Hình như đó là một kế hoạch hoàn toàn mới mẽ phải không - Ông Zich-mun-tơ nhận xét vẻ như vô tình.

- Vâng... vâng. Tôi bảo cô ấy đi... Anh cũng biết... có một vài việc và vì thế...

Ông nói khó nhọc, và vẻ đau khổ hiện rõ trên nét mặt, khiến ông Zich-mun-tơ vội khẳng định bằng giọng bần bè ấm áp nhất mà ông có thể thốt lên:

- Tôi hiểu, tôi hiểu. Dĩ nhiên rồi. Có điều, chú thấy đấy, cô chú đã gửi giấy mời mọi người đến dự vui buổi tối nay. Có lẽ nên gọi điện cho tất cả mọi người báo hoãn... Chú cho phép tôi lo việc ấy chứ?...

- Vâng, xin anh...

- Nào tuyệt lắm. Tôi chắc Mi-kha-lô-va có danh sách những người được mời. Tôi sẽ bắt đầu từ bà ấy vậy. Còn chú, tốt nhất có nhẽ nên đi nằm. Hả?... Tôi sẽ không quấy rầy chú thêm nữa đâu. Tạm biệt nhé...

Ông chìa tay ra, nhưng giáo sư không nhận thấy cử chỉ đó. Ông Zichmun-tơ vỗ vào vai giáo sư, dừng một lát trong khung cửa sổ rồi bước ra.

Giáo sư Vin-tru-rơ chợt định thần khi nghe tiếng khóa cửa kêu lách cách. Ông thấy mình đang xiết chặt trong bàn tay bức thư của Bê-a-ta. Và nó thành một cục nhỏ, ông ném vào đồng lửa. Ngọn lửa nuốt ngay lấy nó, sáng bừng lên thành một nụ hoa màu đỏ rồi biến thành tro. Rất lâu sau, khi không còn một dấu vết nào của bức thư, rất lâu sau, khi củi trong lò sưởi biến thành một đồng than đỏ, ông mới đưa tay lau mắt và đứng dậy. Ông chậm rãi đẩy lui chiếc ghế và, nhìn quanh.

- Ta không thể, không thể ở lại đây nữa, - ông thì thào không thành tiếng rồi lao ra ngoài.

Ông Brô-nhi-xoáp nhồm dậy khỏi ghế ngồi.

- Ngài giáo sư ra ngoài ạ?... Áo khoác mùa thu hay bành tô ấm ạ?...

- Gì cũng được.

- Ngoài trời chỉ có năm độ. Tôi nghĩ là ngài nên mặc càng ấm càng tốt, - người lão bộc quyết định đưa bành tô cho ông. - Còn găng tay nữa ạ! - lão kêu lên, chạy theo giáo sư ra hiên, nhưng Vin-tru-rơ không còn nghe thấy nữa. Ông đã ra đến ngoài phố.

Những ngày cuối tháng mười năm ấy sao mà lạnh lẽo và nhiều mưa đến thế. Gió bắc mạnh dứt dứt những chiếc lá sớm úa vàng còn sót lại khỏi những cành cây. Nước lép nhép trên vỉa hè. Vài người bộ hành thưa thớt bước đi, cổ áo dựng cao, đầu cúi gằm để che mặt tránh những giọt mưa nhỏ

li ti nhọn sắc, hoặc hai tay ghì chặt lấy chiếc ô, chốc chốc lại bị gió lật nghiêng ngả. Từ dưới bánh của những chiếc ô-tô thẳng hoặc mới chạy qua, tóe ra những vạt nước bắn, những con ngựa khách lười nhác lội ì ọp, những chiếc mũ bạt giương lên, ướt rượt nước mưa, ánh lên mờ mờ trong ánh đèn đường vàng vọt.

Tiến sỹ Ra-phao Vin-tru-rơ bất giác cài lại khuy áo bành tô và cứ bước đi vô định.

- Sao nàng có thể hành động như thế? Sao lại có thể như thế được? - Ông cứ lặp đi lặp lại câu hỏi ấy trong đầu óc.

Phải chăng nàng không hiểu rằng nàng đã cướp đi của ông tất cả, nàng đã lấy đi của ông ý nghĩa và mục đích tồn tại?... Và tại sao kia chứ?... Tại vì nàng gặp một kẻ nào đó... Giá như ông quen biết hẳn, giá như có thể tin chắc rằng hẳn đánh giá đúng nàng, rằng hẳn không làm hại đến nàng rằng điều ấy mang lại cho nàng hạnh phúc. Nàng chỉ viết có cái tên của hẳn thôi: Ja-nếch.

Giáo sư Vin-tru-rơ bắt đầu kiểm tra lại trí trong nhớ những người quen xa gần. Không có ai cả. Có thể đó chỉ là một kẻ hèn mọn, một thằng lừa đảo, một tên phiêu lãng nào đó, hẳn sẽ bỏ rơi nàng ngay khi có dịp thuận lợi đầu tiên. Một kẻ phỉnh nịnh chuyên mê hoặc, đánh lừa Bê-a-ta không mang theo đồ nữ trang riêng?... Đó chắc chắn phải là một thằng đểu cáng và lọc lõi... Đúng, phải đuổi theo hẳn, phải chặn đứng sự lừa lọc này khi còn có thể. Phải đòi chính quyền, cảnh sát, phải tìm bắt cả đôi. Phải gửi lệnh truy nã, phái các thám tử đi...

Nghĩ thế, ông dừng lại và nhìn quanh, nhận ra mình đang ở trung tâm thành phố. Ông chợt nhớ ra rằng đâu đó gần đây, sau ngã tư thứ hai hay thứ ba gì đấy, đã có lần khi đi ngang qua, ông thấy tấm biển đồn cảnh sát.

Ông bước lại phía đó, nhưng chỉ mười bước lại quay trở lại.

"Nhưng tìm được nàng rồi thì sao? Chẳng bao giờ nàng đồng ý trở lại với ta."

Nàng viết rõ ràng rằng nàng không yêu ông, nàng bị dày vò khổ sở bởi cái tầm cao vớ vẩn kia, bởi tài sản, bởi vinh quang của ông... và chắc hẳn bởi cả tình yêu của ông nữa. Nàng quá tế nhị để không nói rõ với ông điều đó. Ông có quyền gì mà buộc tội nàng, có quyền gì mà định đoạt cuộc đời nàng? Và một khi nàng đã chọn kiếp đọa đày bên con người kia?... Có thể viện ra những những lý lẽ gì để thuyết phục người phụ nữ đó trở về với một kẻ mà cô ta không yêu, trở về với... người chồng đã bị căm ghét? Và chẳng, có thể là ông đã quá ư vội vàng khi tin rằng con người kia là một kẻ bị xã hội xua đuổi và là một thằng khốn nạn tham lam?... Bê-a-ta không bao giờ thích những người đàn ông loại ấy, bao giờ nàng cũng bị thu hút bởi những người mơ mộng, những người lý tưởng... nàng đọc cho bé Ma-ri-ô-la nghe hàng giờ liền những bài thơ tình mà một đứa trẻ bảy tuổi không tài nào hiểu nổi. Nàng đọc cho chính mình.

Người mà nàng theo phải là một người trẻ trung nhưng nghèo khổ và thiếu kinh nghiệm. Nàng quen với y bằng cách nào, vào lúc nào?... Sao nàng chưa hề có một lời nào nói về y cả... Và bỗng nhiên nàng bỏ đi, nàng hành động với một sự cương quyết tuyệt đối, với một sự nhẫn tâm nhường ấy. Nàng từ bỏ con người đã dành cho nàng tất cả... như một con chó, như một thằng nô lệ... - Và vì sao? Vì sao?!...

Phải chăng ông đã có lỗi với nàng, đã chống lại tình yêu của mình? Không bao giờ! Thậm chí trong ý nghĩ! Nói chung, nàng là người phụ nữ đầu tiên mà ông yêu. Chuyện đó diễn ra non mười năm về trước. Ông vẫn còn nhớ rất rõ mọi việc. Ông quen nàng một cách ngẫu nhiên. Và cho đến ngày hôm nay, ông vẫn cầu nguyện cho sự ngẫu nhiên ấy được ban phước, cầu sáng và tối, cầu từng giờ, mỗi khi nhìn ngắm nàng, hay vui sướng với ý nghĩ được ngắm nhìn nàng. Hồi ấy ông hãy còn là phó giáo sư, ông đang có bài thực tập trong viện giải phẫu thì ông của nàng bị một chiếc xe ngựa chở hàng đè phải ngoài đường. Ông đã cấp cứu cho ông cụ. Cả hai chân của ông cụ đều bị gãy khá phức tạp. Cụ già xin ông hãy thận trọng khi báo tin cho bà vợ đang bị đau tim cùng đứa cháu gái. Chính Bê-a-ta là người mở cửa căn hộ bé nhỏ ở Thành cổ để đón ông.

Vài tháng sau, họ hứa hôn. Nàng mười bảy tuổi. Nàng gầy và nhợt nhạt, thường mặc những chiếc váy rẻ tiền đã vá mạng. Gia đình nàng thật nghèo. Trong thời gian chiến tranh, cha mẹ Bê-a-ta bị mất sạch cơ nghiệp. Cho đến cái ngày bị tai nạn chết người ấy, ông nàng vẫn nuôi dưỡng bà vợ già và cô cháu gái bằng những bài ngoại ngữ giảng tại nhà người ta. Trước khi theo gót chồng đến khu mộ gia đình ở nghĩa trang Pô-vông-đơ-ki, tài sản tài sản tuyệt vời duy nhất còn lại trong số những gia sản ngày xưa - bà nàng thường ngồi hàng giờ liền kể lại cho đứa cháu gái và chàng hôn phu của cháu nghe về những vinh quang một thời vang bóng của dòng họ Gô-tưn-xki, về những lâu đài, những cuộc đi săn, những vũ hội, những đàn ngựa nòi, cùng những đồ nữ trang, cùng những quần áo là lượt sắm sanh tận Pa-ri... Bê-a-ta ngồi lặng, lắng nghe say sưa, và trong ánh mắt mơ màng của nàng dường như lóng lánh nỗi nhớ tiếc quá khứ đã mất, giống như một câu chuyện cổ tích không bao giờ trở lại.

Chính trong những giờ phút ấy ông đã xiết chặt bàn tay gầy nhỏ của nàng và bảo:

- Anh sẽ giành lại cho em tất cả các thứ đó. Rồi em sẽ thấy, Bê-a-ta! Cả những đồ nữ trang, những quần áo là lượt mua tận Pa-ri, cả vũ hội và cả gia nhân! Anh sẽ mang lại cho em tất cả!

Bản thân ông hồi đó cũng chẳng có gì ngoài mấy chiếc va-li trong căn buồng độc thân, mấy tủ sách chuyên môn và cương vị khiêm tốn của một phó giáo sư.

Nhưng ông còn có một ý chí sắt thép, một lòng tin to lớn và một ước mơ cháy rục như lửa: giữ bằng được lời hứa với Bê-a-ta. Ông bắt đầu cuộc chiến đấu, để giành lấy địa vị, giành quyền chữa bệnh, giành những con bệnh giàu có. Tri thức lớn, tài năng bẩm sinh, tính cách cứng rắn và một sự lao động say sưa điên cuồng đã làm nên tất cả. Bên cạnh những điều may mắn hỗ trợ. Vinh quang của ông lớn dần lên, tài sản của ông lớn dần lên. Năm ba mươi bảy tuổi ông đã đảm nhận chức chủ nhiệm khoa và vài tuần

sau đó ông đón nhận một hạnh phúc còn to lớn hơn: Bê-a-ta sinh cho ông một mụn con gái.

Chính họ đặt tên cho con là Ma-ri-ô-la Jô-lan-ta để tưởng nhớ bà cụ vinh quang thuộc dòng họ Gô-tun-xki, và họ cũng gọi con bằng cái tên âu yếm là Ma-ri-ô-la, như tên gọi thân mật của cụ.

Nhớ đến con, một nỗi đau đớn mới lại bóp chặt trái tim giáo sư Vin-tru-rơ, đã bao lần, ông đã cân nhắc thử xem ông yêu ai hơn: vợ hay con gái... Khi con gái ông bắt đầu tập nói, một trong những câu đầu tiên nó thốt ra là:

- Bơ...

Và tiếng gọi đó được giữ nguyên như thế. Bao giờ con gái ông cũng gọi ông là Bơ. Năm lên hai, nó bị sốt phát ban nặng, đến khi nó khỏi bệnh, ông đã thề rằng, từ đây ông sẽ chữa bệnh không lấy tiền cho tất cả trẻ em nghèo. Trong cái bệnh viện tư đắt giá của ông, nơi bao giờ cũng thiếu chỗ, luôn có vài phòng dành riêng cho trẻ em - những bệnh nhân không phải trả tiền. Tất cả những cái đó chỉ vì đứa con gái, vì cầu mong cho con khỏe mạnh.

Thế mà giờ đây, người ta cướp mất con ông.

Điều đó thật quá ư phi nhân đạo, điều đó thật vượt quá mức của sự ích kỷ.

- Cô phải trả con cho tôi. Phải trả! - Ông chột thốt to lên, xiết chặt năm tay.

Những người khách bộ hành nhìn theo ông, nhưng ông không hề nhận thấy điều đó.

- Luật pháp sẽ bênh vực tôi! Cô bỏ tôi thì bỏ, nhưng tôi sẽ bắt buộc cô phải trả Ma-ri-ô-la cho tôi. Luật pháp sẽ bênh vực tôi. Cả luật đạo đức nữa. Cô phải thừa nhận điều đó, đồ tệ bạc, tệ bạc, tệ bạc!... Đồ khốn nạn, phải chăng cô không hiểu rằng cô đã phạm tội! Liệu có còn tội ác nào lớn hơn nữa không, tự cô hãy nói xem!... Tiền tài và nòi giống khiến cô kinh tởm.

Nhưng cô còn thiếu thứ gì không nào? Chắc cô không thể thiếu tình yêu, vì không ai có thể yêu cô hơn tôi được! Không một ai! Trên khắp thế gian này!

Ông bị vấp, suýt nữa ngã. Ông không còn đi trên đường phố lát đá nữa, mà lộn trong bùn ngập đến mắt cá. Đây đó lổn nhổn bừa bãi những tảng đá to mà cư dân của những ngôi nhà bé nhỏ trong khu phố này làm chỗ để giữ chân khô ráo khi đi về nhà. Những ô cửa sổ đã tắt đèn. Vài ngọn đèn đường thừa thớt thả bằng khí đốt tỏa một thứ ánh sáng xanh lơ mờ ảo. Một đường phố lớn hơn, nhiều nhà hơn, ngoặt về bên phải. Giáo sư Vin-tru-rơ rẽ vào đó và lê chân mỗi lúc một chậm hơn.

Ông không cảm thấy mệt, nhưng chân ông ngày càng cảm thấy nặng nề hơn, nặng nề quá đổi. Chắc ông đã bị ướt đến tận áo sơ mi, vì mỗi cơn gió cứ ào qua, ông cảm thấy mình như đang ở trần.

Đột nhiên, có một người nào đó chặn ngang đường ông.

- Thưa tôn ông quý báu, - một giọng nói khàn khàn cất lên, - xin tôn ông cho vay mà không cần có nhà băng bảo đảm năm "zét-tê"^[1], để cầm cố Công ty độc quyền rượu cồn Ba Lan. Chắc chắn và tin cẩn.

- Cái gì? - Giáo sư không hiểu.

- Chớ có hỏi, nếu anh không muốn bị hỏi, kinh thánh dạy rằng: màỵ đối xử với người anh em của màỵ như thế nào, thì người ta sẽ đối xử với màỵ thế ấy, hỡi vị công dân của thủ đô một quốc gia ba mươi triệu dân có đường thông ra biển ạ.

- Ông muốn gì?

- Muốn có sức khỏe, hạnh phúc và mọi sự như ý. Ngoài ra, tôi cầu chúc cho mình được điền đầy cái dạ dày trống rỗng bằng dung dịch bốn mươi phần trăm độ cồn, có pha thêm một liều lượng nhất định của thứ thịt lợn đã phân rã gọi là xúc xích

Kẻ ăn mặc rách rưới ấy hơi lắc lư trên đôi chân và từ bộ mặt lờm chờm râu như rễ tre đã nhiều ngày không cạo của y toát ra mùi rượu vốt-ca

nồng nặc.

- Đây.

Giáo sư thọc tay vào túi và đưa ra cho y vài đồng tiền.

- Bis dat, qui cito^[2] - kẻ say khướt thốt lên đầy hàm ý. - Thank you, my darling^[3]. Song hỡi người bạn ơn rộng lượng, hãy cho phép tôi đây cũng được dâng hiến lại cho người một chút con con đầy giá trị. Ấy là tôi muốn nói đến sự tháp tùng của tôi. Đúng thế. Thính giác không đánh lừa anh đâu, hỡi con người tốt bụng kia. Anh có thể đón nhận niềm vinh hạnh ấy. Noblesse oblige^[4]. Tôi xin chỉ: Anh bị ướt như chuột lột rồi, sir^[5], đã bị cóng tê vì lạnh, xin hãy ghé vào túp lều của tôi và cùng sưởi ấm. Thật tình tôi không có túp lều riêng tư đâu, song tôi lại có tri thức. So với tri thức thì nhà cửa có ra quái gì đâu kia chứ?... Nhưng tôi rất vui lòng được chia sẻ tri thức ấy cùng ông, mon prinee^[6]. Tri thức của tôi rất mênh mông. Tạm thời tôi chỉ đề cập đến phần dư địa chí học của nó mà thôi. Tôi biết rất rõ nơi đâu có cái tửu quán duy nhất mà vào giờ này con người có thể vào được, không cần phải bẻ khóa hay bẻ chấn song. Chỉ một lời thôi: Đrô-giơ-giức. Ngay đây, góc phố Pô-a-nhe-xca và Vi-tep-xka.

Giáo sư Vin-tru-rơ nghĩ thầm rằng quả thực rượu sẽ có tác dụng tốt đối với ông. Thật tình, ông bị nhiễm lạnh. Hơn nữa, tính lắm lời đơn điệu của người say rượu mà ông vừa gặp có tác dụng trấn an. Bất giác, ông cố gắng hiểu chút gì đó có nghĩa trong những lời tràng giang đại hải của y và điều đó đã dập tắt bớt ý thức quá đậm về nỗi bất hạnh vừa giáng xuống ông, cái ý thức đang làm quay cuồng trong óc ông những xoáy lốc suy nghĩ đau xót nhất.

Trời bắt đầu rạng sáng lờ mờ đặng đông khi mà rớt cuộc, sau một hồi lâu gõ mãi vào cái khung cửa sổ đã đóng kín, họ đã vào được một cửa hiệu nhỏ bé sặc mùi hôi hám của những thùng chứa cá trích muối cùng mùi bia và dầu hỏa hăng hắc. Trong căn phòng đặng sau cửa hiệu, rộng hơn nhưng còn hôi hám hơn, mù mịt mùi khói thuốc lá rẻ tiền chua loét, có vài người đàn ông say mềm đang ngồi trong một góc. Chủ quán, một tay tầm thước,

một người vuông chần chẫn, có vẻ mặt của một con chó nòi bulldoge ngái ngủ, mặc chiếc áo sơ mi bẩn thỉu và chiếc gi-lê phanh cúc, không thèm hỏi một lời, đặt luôn chai vốt-ca cùng chiếc đĩa cốc cây chứa một thứ thịt vụn gì đó lên chiếc bàn còn trống.

Nhưng nơi đây thật ấm áp, ấm áp một cách dễ chịu và những bàn tay tê cứng bắt đầu mềm mại như tan chảy dần trong cảm giác đến đau đớn. Cốc vốt-ca thứ nhất làm cổ họng và dạ dày nóng ran. Người bạn rượu ngẫu nhiên vẫn không ngừng nói. Đám say rượu trong góc phòng hoàn toàn không để ý gì tới những người mới vào. Một người ngáy to, ba người còn lại chốc chốc lại bật ra những tiếng lúng búng không sao hiểu nổi. Hình như họ cãi nhau về chuyện gì đó.

Cốc vốt-ca thứ hai khiến giáo sư Vin-tru-rơ nhẹ nhõm.

- Thật hay biết bao, - ông nghĩ bụng, - nơi đây không một ai nhìn ngó tới mình, không một ai biết gì hết...

-... Bởi vì, hỡi bá tước, xin hãy lưu ý nhé. - Người bạn rượu râu rể tre vẫn tiếp tục tràn độc thoại của mình, - đến Na-pô-nô-ông cũng bị quỷ sứ bắt đi, Olegs Macedon dit to^[7]. Nhưng tại sao thế chứ - anh sẽ gầm lên mà hỏi. Bởi vì làm người hữu danh không có gì là khó. Khó làm kẻ vô danh. Chẳng là gì cả, chỉ là một loài sâu bọ bám sau cổ áo đặng toàn năng - *disepuer*^[8]! Tôi bảo anh thế đấy, chính tôi - Xa-mu-en O-bi-ê-ghin-xki, người không bao giờ bị ngã gãy răng từ đôi cà kheo, bởi chẳng bao giờ chịu trèo lên cả. Các thứ bệ thì chỉ dùng làm vật kê cho những thằng ngu thôi anh bạn ạ. Còn lòng tin chẳng qua chỉ là một quả bóng, mà sớm muộn rồi hơi cũng bị xì ra hết. Cơ hội ư?... Quả cũng có đấy: đó là việc chính anh sẽ được thở hơi cuối cùng sớm hơn. Hãy cẩn thận với cái loại bong bóng ấy nhé, hỡi các vị công dân!

Y giờ cái chai rỗng lên trời, gọi to:

- Ông Đrô-giơ-giức, một chai nữa! Hỡi chủ nhân của mọi niềm vui sướng, hỡi vị đỡ đầu những kẻ phiêu lãng, hỡi người ban phát ý thức cùng những niềm quên lãng!

Người chủ quán u uẩn khoan thai mang ra một chai vốt-ca, vỗ đánh bẹt bàn tay to tướng vào đáy chai và đặt cái chai đã mở nút trước mặt họ.

Giáo sư Vin-tru-rơ lẳng lặng uống cạn và rùng mình. Ông không bao giờ uống rượu và mùi vị của thứ rượu thô cất lấy khiến ông kinh tởm. Nhưng ông đã cảm thấy tiếng ù ù trong đầu và những muốn uống cho quên đi tất cả.

- Toàn bộ ý nghĩa của việc làm chủ nhân một khối chất xám của não, - con người tự xưng là Xa-mu-en O-bi-ê-ghin-xki nói tiếp, - dựa trên sự tung hứng tùy tiện của ý thức và bóng tối. Bởi lẽ, biết lấy cái gì che đậy bi kịch đớn đau của trí tuệ đã đi đến một điều khẳng định ngược rằng nó chỉ là một sự ngông cuồng tự nhiên, một thứ chất độn không cần thiết, một cái bong bóng dính vào đuôi vị đại nhân súc vật của chúng ta? Anh biết gì về thế gian, về mọi mặt, về mục đích tồn tại? Phải, ta hỏi anh đấy, hơi sinh linh bị đè nặng bởi hai ki-lô-gam chất não kia, anh biết điều cho về mục đích?... Thế có phải là mục đích không nào? Anh không biết động đậy bàn tay, anh không biết đi một bước, nếu thiếu mất mục đích rõ ràng và dễ hiểu chứ gì? Đúng không?... ấy thế mà anh lại sinh ra và trong vòng mấy chục năm, anh thực hiện hàng triệu, hàng tỷ hành động khác nhau, anh lăn lộn, lao động, học hành, chiến đấu, ngã xuống, đứng lên, mừng vui, thất vọng, suy tư, anh sử dụng một số năng lượng bằng nhà máy điện Vac-sa-va - tất cả, tất cả những thứ thô tả ấy để làm gì kia chứ? Phải, anh bạn ạ, anh không biết và không thể biết anh làm những việc đó nhằm mục đích gì. Cái cơ quan duy nhất mà anh có thể trông cậy để nó cung cấp cho anh những thông tin chuẩn mực trong lĩnh vực này là trí tuệ của anh, nhưng trí tuệ ấy, tôi có thể bảo rằng, nó nó cũng đến bất lực chìa tay ra mà thôi. Vậy thì ý nghĩa ở đâu, lô-gíc ở đâu?

Y bật cười sảng sặc và tu một hơi cạn cốc rượu.

- Vậy thì cái trí tuệ ấy tồn tại mà làm gì, một khi nó không thể đảm đương nổi nhiệm vụ duy nhất, quả thực là duy nhất, của mình? Tôi biết nó sẽ trả lời tôi thế nào, nhưng đó là chuyện vớ vẩn. Nó sẽ bảo rằng, phạm vi

hoạt động của nó chỉ bao gồm các chức năng sống. Còn nguyên nhân và mục đích của cuộc sống thì không thuộc về lĩnh vực của nó. Đồng ý. Nhưng anh hãy xem nó đối phó với cuộc sống ra sao? Ở đây có thể lý giải cho ta điều gì cơ chứ? Chẳng có gì cả ngoài chức năng cơ bản nhất của loài thú. Vậy thì tại sao trong sọ não của chúng ta lại phải mọc thêm ra khối ung thư kia để làm gì kia chứ? Để làm quái gì kia chứ, tôi thử hỏi. Thưa ngài chủ tịch đáng kính? Bởi chẳng nó biết cái gì nào? Nó có biết thế nào là tư tưởng không?! Nó có cấp cho con người khả năng tự nhận thức bản thân mình không? Tự nhận thức chỉ cần ở mức độ đủ để có thể nói hoàn toàn chắc chắn rằng: tôi là một thằng đểu, hoặc: tôi là một người trung thực. Tôi là người duy tâm hay duy vật. Không, trăm lần không. Nó sẽ chỉ nói rằng: tôi thích thịt bê hay thịt lợn! Nhưng nếu thế thì chỉ cần bộ não của một chú khuyển thông thường là quá đủ. Còn về loài người, về những kẻ anh em đồng loại thì sao? Nó có dạy cho ta được điều gì chẳng?... Không! Tôi xin cam đoan rằng toàn bộ tài sản của tôi, rằng dưới vầng trán chói lọi của ông không hề nảy sinh nổi một điều gì chắc chắn về cái cá nhân đáng lưu ý của tôi. Mặc dù chúng ta đã giao tiếp với nhau suốt từ... từ hai chai rồi. Hoặc giả ta thử nói xem ông có điều gì biết chắc không phải về tôi mà về những người ông đã quen biết từ lâu?... Ai cũng được, về anh, em, về cha, về vợ, về bạn bè thân hữu?... Không? Con người ta luôn luôn mặc những bộ giáp kín bịt bùng. Không có cách nào xuyên thấu được tới nội tâm của họ. Chúc cảnh độc thân của chúng ta! Nào, uống đi ông!

Y cụng ly vào cốc của giáo sư Vin-tru-rơ rồi uống cạn phần mình.

- Thưa maestro^[9], nếu người muốn biết một vị phu nhân đài các kia nom thật sự ra sao, người có thể nhòm qua lỗ khóa vào buồng tắm của bà ta. Người sẽ thấy, thôi, cứ tạm cho rằng bà ta có bộ vú tẹt và bộ đùi khăng khiu. Thế là người biết được một chút gì đó mới mẻ về bà ta rồi đấy. Nhưng về bản chất của bà ta thì người vẫn tiếp tục chẳng biết chút gì. Bởi vì bà ta chỉ có mỗi một mình và đã cởi bộ giáp phục mà bà ta luôn luôn mặc khi có mặt ông, thì bên dưới, bà ta vẫn còn một bộ giáp nữa, không bao giờ cởi ra, bộ giáp mà ngay cả với bà ta vẫn là một thứ gì đó không thể xuyên qua nổi.

Đúng không? Tất nhiên, cũng có những giây phút có thể nhòm vào tâm hồn người khác^[10]. Đó là những giây phút của tai họa. Bộ giáp phục bị phanh ra, vỡ ra, xuất hiện những khe hở to, nhỏ.Ồ... thí dụ như trong tình huống của chính Người vào lúc này đây, thừa thủ lĩnh! Đã có cái gì đó, nặng nề lắm, cán qua Người thì phải.

Y cúi sát mặt bàn, dán chặt vào giáo sư Vin-tru-rơ đôi tròng mắt màu xanh chẳng chịt gân máu của mình.

- Đúng chứ? - Y hỏi gằn.

- Vâng. - Giáo sư gật đầu.

- Tất nhiên rồi! O-biê-ghin-xki phần nộ kêu lên. Tất nhiên rồi! - Một con người chuộng sự yên tĩnh như ta không thể bước đi một bước mà không va phải sự ngu xuẩn của loài người! Bởi lẽ, cội nguồn của mỗi bi kịch chính là sự ngu xuẩn!... Thế sao? Quả bong bóng hay đôi cà kheo?... Anh bị phá sản, bị người ta tổng cổ khỏi ghế thứ, bộ trưởng hay bị vỡ mộng? Há?... Đàn bà ư?... Cô ta phản bội anh phải không?

Vin-tru-rơ cúi đầu khẽ đáp:

- Nàng bỏ tôi...

Mắt O-biê-ghin-xki lóe lên một nỗi điên giận.

- Thế thì đã sao! - Y gầm lên. Đó là quái gì kia chứ!

- Đó là gì? - Vin-tru-rơ túm lấy tay y. - Đó là gì?... Đó là tất cả. Tất cả!

Trong giọng nói của ông hẳn phải có cái gì đủ để thay thế cho lý lẽ mạnh nhất, bởi O-biê-ghin-xki lập tức bình tĩnh trở lại, y cúi người và nín bật. Mãi mấy phút sau y mới lại cất giọng nói khe khẽ, nghe như một lời than vãn:

- Cuộc đời thật là tồi tệ, còn tôi toàn gặp vận xúi xỏ. Tôi ghê tởm mọi thứ chuyện tình cảm, vậy mà số phận cứ vung tay ném hoài trên đường tôi đi đủ mọi nạn nhân của chuyện tình cảm. Quý xui ma khiến đây mà... Không nghi ngờ gì nữa, đó chỉ là chuyện tương đối. Một người thì chùy có

bổ cũng không ngã, kẻ khác thì chỉ trượt chân vì vỏ anh đào cũng bị vỡ đầu. Chẳng có một chùng mực, một tiêu chuẩn nào sắt cả. Uống đi, người anh em. Vốt-ca là một cửa tốt lành. Mẹ nó chứ!

Y rót rượu vào hai cốc.

- Uống đi, - y lặp lại lần nữa, ấn mạnh cốc vào tay giáo sư Vin-tru-rơ. -
Hãy, Đrô-giơ-giúc, đưa chai nữa!

Chủ quán lê chân từ cái giường trải trong hõm tường, mang chai rượu đến rồi tắt đèn. Cũng chẳng cần đèn nữa. Qua cửa sổ trông ra một mảnh vườn bần thiêu của một ngày mùa thu đầy mưa và u ám, nhưng rõ như ban ngày, ngó vào căn phòng. Đám người ngồi trong góc tỏa ra phốt, bỏ lại một ông bạn đang ngáy ròn.

O-biê-ghin-xki tựa hai khuỷu tay lên chiếc bàn, tiếp tục nói trong mạch suy nghĩ của người say:

- Với lũ đàn bà là thế đấy... Một mụ thì bầu chặt lấy anh mà hút lấy hút để mọi thứ nhựa sống, mụ thứ hai tước sạch sành sanh những gì anh có, mụ thứ ba lừa dối anh trên từng bước đường, hay lại có mụ nữa kéo anh vào cái vũng bùn hàng ngày xám xịt... nào giặt giũ, nào dọn dẹp, nào tã lót, đủ mọi thứ bà giần. Cuộc đời là thế đấy... Nhưng đâu phải thế, mọi sự đều tùy thuộc ở người đàn ông. Hẳn là người thế nào! Một kẻ thì mọi sự cứ trơn chuội đi, kẻ khác thì quần quanh như con mèo bị đạn, kêu phì phì rồi thờ ngẩn than dài, còn anh thì thế nào amigo^[11]?... Anh phải cứng rắn lên. Như cây cổ thụ ấy. Khi vỏ anh bị người ta bóc hết, anh phải mọc lại vỏ mới, khi cành cây anh bị người ta chặt hết, anh phải mọc thêm cành mới... Nhưng, người ta ném anh ra sa mạc...

Vin-tru-rơ ngả người sang phía y và lặp bặp:

- Trốc cả rể... đúng thế...

- Thấy chưa. Và có sức lực cũng chẳng ích gì nữa, bởi thiếu mất chỗ dựa. Mặt đất chuội đi mất, không tồn tại nữa. Chính Ác-si-mét đã từng nói rằng... Ông ấy nói gì nhỉ? Mà thôi, kệ mẹ ông ấy... à hà!... Tôi đang nói gì

nhỉ? Phải rồi gốc rễ! Bộ rễ cứng cáp nhất cũng chẳng giúp được gì, nếu không có cái gì mà bám.Ồ!... Chó má thế đấy... cái cuộc đời này...

Lưỡi của y mỗi lúc một thêm líu lại. Rốt cuộc y ngáp dài, tựa người vào tường và ngủ thiếp đi.

Bằng chút tri thức còn sót lại. Vin-tru-rơ lạy đi lạy lại trong đầu óc:

- Như cái cây bị trốc cả gốc rễ... Như cái cây bị trốc cả gốc rễ...

Chắc là ông mới ngủ chưa lâu, vì khi bị lay người rất phũ phàng, chợt tỉnh lại, khó khăn lắm ông mới mở mắt ra và đổ kèn xuống dưới đất. Rượu chưa kịp bay hơi hết. Trên bàn lại có chai vốt-ca mới, ngoài người bạn rượu đêm qua, còn có thêm ba kẻ lạ mặt nữa. Giáo sư Vin-tru-rơ khó khăn lắm mới hiểu được mình đang ở chốn nào, và một nỗi đau lại đột ngột nhói lên khi ông nhớ tới Bê-a-ta. Ông vùng đứng lên, xô đổ cả ghế trên đường đi ra cửa.

- Hây, này thưa ông! - Chủ quán gọi với theo ông.

- Cái gì?

- Thế ông không làm ơn trả tiền hả?... Hóa đơn bốn mươi sáu *zuốt-ty*.

Vin-tru-rơ máy móc rút ví ra khỏi túi, chìa cho hẳn một tờ bạc.

- Ôi, ngân kìa! Phiu, phiu, - một ông bạn rượu khế huyết sáo.

- Câm mồm lại, tên thứ hai găm lên.

- Đrô-giơ-giức! - Tên thứ ba gọi, - anh giả vờ ngớ ngẩn đấy à! Trả lại tiền thừa cho ông khách! Trông hẳn kìa!

Chủ quán nhìn y hẳn học, đếm tiền và trả lại cho Vin-tru-rơ.

- Còn mày nữa đấy, đồ khốn nạn, - hẳn găm gù, - cứ lo cho cái thân mày ấy.

Ông Vin-tru-rơ hoàn toàn không lưu tâm gì đến chuyện ấy và bước ra phố. Tuyết rơi dày đặc, ướt át, nhưng mặt đường và vỉa hè vẫn giữ nguyên màu đen vì tuyết bị tan ngay. Chính giữa đường, một đoàn xe chở đầy than đang lăn bánh.

- Nàng đã bỏ ta rồi... đã bỏ ta rồi... - Vin-tru-rơ lặp bập lặp đi lặp lại. Ông bước đi vô định, người lắc la lắc lư. - Giống như cái cây bị trốc cả rễ...

- Tôn ông định đến Grô-khốp phải không ạ? - Ông chợt nghe thấy có tiếng ai đó thốt lên ngay bên cạnh. - Vậy thì tốt hơn có nhẽ nên đi vòng qua phố Rap-xka. Ít bùn hơn.

Ông nhận ra một trong những bạn rượu khi này.

- Tôi thì thế nào cũng được, - ông phẩy tay.

- Thế cũng được. Cùng đi với tôi. Ta cùng đi nhé. Vẫn vui hơn chứ ạ. Mà hình như tôn ông gặp phải chuyện gì buồn phiền lắm phải không?

Giáo sư Vin-tru-rơ không trả lời.

- Thì đã hẵn, việc đời mà. Tôi xin thưa với tôn ông nhé, chỉ còn một cách giải phiền thôi: uống cho thật say. Tất nhiên, không phải trong một cái hang như quán thằng Đrô-giơ-giức vừa rồi, một thằng bợm chuyên bán đồ ăn thiu thối cho khách. Cách đây không xa, ở phố Rap-xka có một tửu quán hết sức bánh. Có thể vui chơi, có hầu bàn phục dịch. Mà giá cả vẫn thế thôi.

Họ lại bước đi trong im lặng. Người đồng hành, thấp bé và gầy gò hơn hẳn so với Vin-tru-rơ, khoác tay ông và chốc chốc lại ngẩng đầu để nhìn ông dưới vành mũ lưỡi trai. Họ đi qua một vài ngã tư, rồi hẵn kéo ông về một bên đường.

- Nào, thế ta vào chứ, hay là?... tốt nhất là uống. Ngay đây rồi. Một cốc thôi.

- Được, - ông đồng ý. Và cả hai bước vào quán rượu.

Ngụm vốt-ca đầu tiên không làm ông dễ chịu. Ngược lại, dường như nó lại làm đầu óc đang mờ mịt hơi tỉnh táo ra, song những ngụm tiếp theo đã làm được việc của chúng.

Trong gian phòng bên cạnh, đàn máy^[12] đang cất tiếng rè rè. Người ta bật sáng đèn. Lát sau có thêm hai người đàn ông nữa, nom có vẻ là thợ, nhập bọn với họ. Một cô hầu bàn béo núc ních, son phấn đầy bự, cũng ngồi

vào bàn. Họ đã uống đến chai thứ ba thì đột nhiên, trong gian buồng nhỏ cạnh đấy, chợt vang lên tiếng cười to của đàn bà.

Giáo sư Vin-tru-rơ bật dậy. Máu như dồn cả lên đầu ông, ông đứng lặng bất động một giây lâu. Ông sẵn sàng thề rằng đã nhận ra đúng là giọng của Bê-a-ta. Ông gạt mạnh một người bạn rượu định cản đường và chỉ một bước chân đã có mặt sau cánh cửa.

Hai ngọn đèn khí cháy sáng đang soi tỏ căn phòng nhỏ. Cạnh bàn là một người đàn ông tầm thước, bụng phệ, cùng một cô gái mặt đầy tàn nhang đội chiếc mũ màu xanh lá cây.

Ông chậm chạp quay lui, nặng nề ngồi phịch xuống ghế và bật rên lên một tiếng.

- Rót cho hẵn nữa đi, - người đội mũ lưỡi trai khẽ thì thầm, - hẵn có cái đầu chịu vốt-ca cứng đấy.

Y lắc vai Vin-tru-rơ.

- Uống đi, Người anh em! Quái gì!

Khi người ta đóng cửa tiệm vào lúc mười một giờ đêm, đám bạn rượu phải dìu giáo sư Vin-tru-rơ vì ông không thể tự đi được nữa. Có người dìu mà cái thân hình đồ sộ của ông vẫn lắc lư, ngả nghiêng kéo theo bọn họ về mọi phía. Bọn họ thở hổn hển vì gắng sức. May mà đường không dài. Ngay bên ngoài cửa, trong một đường phố tối tăm, vắng người, đã có một chiếc xe ngựa dựng mui chờ sẵn. Không nói một lời nào, bọn họ đưa ông lên xe và cũng len vào theo. Người xà ích kéo cương.

Vài mươi phút sau, những ngôi nhà thưa dần. Hai bên đường, giữa những hàng rào, thỉnh thoảng lại le lói một ngọn đèn dầu hỏa. Cuối cùng, ngay cả những ngọn đèn kia cũng biến mất. Ngược lại, mùi các bãi thải lớn của thành phố đầy hôi hám xộc vào mũi. Chiếc xe ngoặt sang một bên, tiếng vó ngựa bật ngay lập tức. Trên con đường đất mềm nhão không nghe thấy tiếng chân ngựa nữa. Họ đi đến chiếc hố đất sét đầu tiên.

- Dừng lại, tốt nhất là ở đây, - một giọng nói khê vang lên. Bọn chúng im lặng nghe ngóng hồi lâu. Phía xa chỉ có tiếng ồn ã đơn điệu của thành phố. Nơi đây, bốn xung quanh hoàn toàn tĩnh mịch.

- Lôi hẳn ra, - một khẩu lệnh cụt lủn bật ra.

Ba đôi cánh tay bấu chặt vào cái thân hình bất động. Lát sau, tất cả những gì đựng trong túi đều bị lôi ra cả. Chẳng chút khó khăn, bọn chúng cởi tuột áo khoác, áo vét, rồi cả áo gi-lê. Đột nhiên hẳn là do lạnh, giáo sư Vin-tru-rơ chột tỉnh, kêu lên:

- Cái gì thế này, các người làm gì thế?...

Đồng thời, ông cố sức nhồm lên khỏi mặt đất. Song khi vừa đứng được lên, ông bị đánh một đòn khủng khiếp vào gáy. Không kêu một tiếng, ông ngã lăn xuống như một khúc gỗ. Và khi ngã, ông lăn đến sát mép một cái hố lớn, mà người ta vẫn đổ rác, nên thân người ông theo sườn dốc tuột xuống hố.

- Thỗ tả thật! - một tên chửi thề. - Mà không biết giữ nó lại à?

- Để làm gì?

- Ngu như chó! Để làm gì? Bây giờ mò xuống dưới hố mà tháo giày và cởi quần ra.

- Mà mò xuống mà lấy, nếu mà khôn thế.

- Mà vừa bảo gì hả?! - Tên thứ nhất tiến lại gần, dữ dằn.

Có nhẽ sẽ xảy ra xô sát, nếu không có giọng nói thản nhiên của tên đánh xe ngựa, nãy giờ vẫn lặng lẽ hút thuốc chọt vang lên:

- Tao bảo: phải đi thôi. Các người muốn bị tằm ở đây phải không?

Bọn đàn ông sực tỉnh, vội nhảy cả lên xe. Con ngựa cất bước. Trước khi đi lên đường chính, bọn chúng dừng lại, tên đánh xe rút một cái bao cũ từ dưới ghế ra rồi cẩn thận lau sạch tất cả các bánh xe khỏi những thứ rác rưởi dính vào, rồi y nhảy lên, chắt lưỡi giục ngựa, và chẳng mấy chốc, trên cánh đồng trở lại im lìm như cũ.

Ban ngày chẳng có ma nào nhìn ngó tới chốn này, ban đêm lại càng không có. Chỉ lúc mờ sáng, bên những hố đất sét ấy mới bắt đầu nhộn nhịp. Đó là đám nông dân từ các làng trong phạm vi bán kính mười cây số cách thủ đô, nhận việc chở rác ra khỏi thành phố lui tới chốn này với thứ hàng chở hôi hám của họ. Họ đến, trút rác ra khỏi khỏi thùng xe, rồi mang theo vài *zuốt-ty* kiếm được quay về nhà. Những người tận tụy nhất thì trút rác hẳn vào đúng các hố như quy định, còn những kẻ khác, lợi dụng không có ai kiểm tra, đổ rác ngay trên cánh đồng.

Ông lão Pa-ven Ban-kốp-xki, một nông dân làng Bơ-giô-dô-va Vun-ka, vốn là người thích làm việc ngay thực. Chính vì vậy, ông đánh xe đến sát miệng hố và thông thả cào sạch xe. Ông chẳng việc gì phải vội vì dù sao cũng còn phải để con ngựa được nghỉ ngơi lấy một chút sau cả thoi đường, ngay chính ông cũng bị khó thở - cái bệnh cũng dễ hiểu khi ở vào tuổi ông.

Đúng lúc ông làm xong việc, đang buộc cái túi cỏ còn dư lên xe, thì chợt nghe rõ một tiếng rên vọng từ đáy hố lên. Ông làm dấu thánh để phòng xa rồi căng tai nghe ngóng. Tiếng rên rì lại vang lên lần nữa, rõ hơn.

- Này đằng kia! - Ông kêu lên. - Cái quỷ quái gì thế?

- Nước, - một giọng người yếu ớt rên rì.

Cái giọng ấy, ông Pa-ven Ban-kốp-xki nghe quen quen. Tối qua vào thành phố, ông gặp lão Ma-têus Pi-ô-tơ-rốp-xki làng Bút-trưn-nhex cũng đánh xe đi chở rác như ông. Không hiểu sao, ông Ban-kốp-xki nghĩ rằng đây hẳn là lão Pi-ô-tơ-rốp-xki chứ chẳng phải ai khác. Cũng cái giọng ấy đã đành, mà lão ta thì bao giờ cũng đổ rác vào đúng cái hố này và rượu thì lão cũng nghiện nữa. Hẳn là say rồi lộn cổ xuống hố, bị thương tích gì đó và đành nằm chịu trận.

Ông nhìn quanh. Vẫn còn tối lắm, phương Đông mới chỉ hơi mờ mờ màu xám. Nếu lão Pi-ô-tơ-rốp-xki để xe trên miệng hố, chắc con ngựa đã tự kéo về làng Bút-trưn-nhex rồi.

- Có phải ông đấy không, ông Pi-ô-tơ-rốp-xki? - ông hỏi. - Ông bị ngã hay sao thế?...

Chỉ có tiếng rên rĩ rất khẽ đáp lại lời ông.

- Mà cũng có thể bọn dân thành thị kia hành lão? - Ông cân nhắc. Bao giờ ông cũng ngờ rằng những bọn dân thị thành sẵn sàng làm mọi chuyện tồi tệ nhất.

Đưa chân dò dẫm trên sườn dốc, nhưng rồi nghĩ lại ông quay về chỗ con ngựa, cởi sợi dây dùng thay cương, chập lại, buộc thành múi vào trục xe, rồi nắm chặt chiếc dây ấy, ông lần dò xuống lòng hố.

- Bác Ma-têus, bác lên tiếng xem nào, tối lắm, - ông kêu lên. Bác ở chỗ nào đấy?

- Nước!... - Ông nghe thấy một tiếng rên ngay bên cạnh mình.

Ông cúi xuống sờ phải cánh tay.

- Tôi không có nước, nước ở đâu ra? Bác leo lên trên kia đã. Thế ngựa bác đâu rồi?... Chắc nó lại đi một mình về nhà hẳn?... Nào, tôi chẳng vác được bác đâu, bác cố đứng dậy xem.

Chân ông dẫm vào đám rác rưởi, lấy hết sức kéo cái thân hình bất lực.

- Bác nhúc nhích lên. Nữa nào! Một mình tôi không đủ sức đâu.

- Tôi không thể.

- Ô... ô... ô!... Tôi không thể! Gắng lên chứ! Bác định chết ở đây à?

Tay ông Ban-kốp-xki chợt quờ trúng một chất nước gì đặc quánh, bết chặt vào tóc. Ông ngửi ngửi những ngón tay của mình rồi hỏi:

- Chúng nó đánh bác, hả!

- Không biết...

Ông lão nông dân cân nhắc.

- Dù sao bác cũng không thể nắm dây chịu chết. Phù!... Bác xem này, tôi có dây thừng đây, cốt sao bác đứng được lên thì có thể nương theo đó mà lên.

Hình như người đang nằm hơi lại sức hơn, ông ta nhúc nhích một lần, rồi hai lần, nhưng rồi lại ngã xuống, mặc dù Ban-kốp-xki đã cố hết sức để giữ.

- Chịu thôi, - ông thốt lên, - phải gọi thêm người giúp. Chắc mọi người cũng đến rồi.

Ông hì hục leo lên và mấy phút sau trở lại với hai người nữa, giải thích với họ rằng bọn vô lại Vac-sa-va nào đó đã quăng lão Pi-ô-tơ-rốp-xki làng Bút-trưn-nhex xuống hố. Không nói một lời, những người nông dân xúm vào việc, và chẳng mấy chốc họ lôi người bị thương lên, đặt vào xe ông già. Và chẳng, người được cứu cũng cảm thấy khỏe hơn trước, tự ngồi lên được và bắt đầu kêu rét.

- Chúng nó lột người ta còn mỗi cái quần thế kia kìa, chó má thật, - một người nông dân chửi đồng.

- Phải báo cảnh sát thôi, - người thứ hai lưu ý.

Ông Ban-kốp-xki nhún vai.

- Không phải việc của tôi. Tôi chở ông ta về Bút-trưn-nhex, chả thuận đường mà, rồi con cái ông ấy muốn làm gì thì tùy. Đến đồn cảnh sát hay không...

- À thì vẫn, - hai người kia tán thành. - Việc của họ mà.

Ông lão đẩy cho người đang nằm chiếc bao chứa cỏ khô để kê đầu, còn mình thì ngồi trên ván trần và giục cương. Khi họ đã ra đến đường, ông lão ngồi lại cho thoải mái hơn rồi thiu thiu ngủ gà ngủ gật. Con ngựa đã quá quen đường.

Ông lão chợt tỉnh giấc khi trời đã sáng hẳn. Ông ngoảnh lại và chợt dụi mắt. Phía sau ông, trên thùng xe, một người lạ đang nằm, phủ qua chiếc chăn mỏng. Một khuôn mặt to ngang, bộ tóc đen nhánh bết máu dính vào xương chẩm. Ông lão Ban-kốp-xki có thể thề rằng trong đời lão chưa từng gặp người này bao giờ. Mà ông ta cũng chẳng giống lão Pi-ô-tơ-rốp-xki làng Bút-trưn-nhex chút nào hết. Còn cao và béo hơn, có lẽ lão cũng là một

tay vâm đô ra phết. Dưới tấm khăn phủ ngựa ngắn ngắn, thùng lỗ chỗ, chìa ra một manh áo sơ mi mỏng rách tan, chiếc quần đã vấy đầy bùn đất và đôi giày kiểu thành thị.

- Quý quái thật! - Ông lão chửi thề và suy nghĩ xem nên làm gì với chuyện này.

Lão tính lui tính tới, rớt cuộc quay người lại phía sau, lay lay vai người hành khách.

- Hây, này ông, dậy thôi! Ma xui quý khiến thật chứ! Dậy thôi! Vì hăn mà người ta có khi gặp chuyện phiền toái nữa chứ lỵ... Tỉnh dậy đi!

Người hành khách từ từ mở mắt rồi chống cùi tay nhồm lên

- Ông là ai vậy hả?... Người lão nông giận dữ hỏi.

- Tôi ở đâu thế này, cái gì thế này? - Hành khách đáp lại bằng một câu hỏi.

- Trên xe của tôi chứ đâu nữa. Không thấy à?

- Tôi thấy. - người ấy lăm bắm rồi khó nhọc ngồi lên kéo chần vào.

- Nào.

- Nhưng sao tôi lại ở đây?

Lão Ban-kốp-xki ngoảnh phắt đi, nhổ nước bọt về phía trước. Cần phải cân nhắc chút đã.

- Tôi biết đâu được đấy! - Rốt cuộc lão nhún vai. - Tôi đang ngủ, có lẽ chính anh đã trèo lên xe của tôi chứ còn gì nữa. Từ Vac-sa-va hả?

- Cái gì kia?

- Tôi hỏi, có phải anh là người Vac-sa-va không? Vì nếu thế anh chẳng có việc gì phải đi với tôi tới Vun-ka hay Bút-trun-nhex cả. Tôi đang về nhà đây. Mà nhà anh có đến Vun-ka đâu cơ chứ? Ồ, sau cái cối xay gió kia là tôi phải rẽ rồi kia kìa... Anh xuống chứ, hay sao nào? Từ đây đến phố cũng phải mười cây số đấy...

- Đến đâu cơ? - Người kia hỏi, mắt ông ta bộc lộ vẻ ngạc nhiên.

- Tôi bảo đến Vac-sa-va. Ông từ Vac-sa-va tới phải không nào?

Người đàn ông giương mắt, lau lau trán rồi trả lời:

- Tôi không biết.

Ông Ban-kốp-xki sôi cả lên. Giờ thì ông đã nhận ra rằng mình đang nói chuyện với một thằng vô lại. Ông thận trọng sờ soạng trên ngực, nơi đang giấu cái túi tiền, và nhìn quanh. Cách đó chừng nửa cây số có những chiếc xe ngựa đang diễu thành một hàng dài.

- Mà lại còn giả vờ đần độn há. - ông gầm lên: - Mà không biết ở đâu đến đây chắc?

- Tôi không biết. - người kia đáp lại.

- Thế có lẽ đầu óc mày loạn cả lên rồi đấy. Thế chắc mày cũng không biết kẻ nào đã phang vỡ sọ mày chứ?

Người kia đưa tay sờ sờ đầu rồi lại lăm bắm:

- Tôi không biết.

- Vậy thì xuống ngay khỏi xe! - Người nông dân cúi đến tột độ quát lên. - Mau lên! Xuống!

Ông ghì cương con ngựa dừng lại. Người lạ ngoan ngoãn bước xuống đường và đứng im chờ dẫn nhìn tứ phía nhưng vẫn còn chưa tỉnh hẳn. Thấy người lạ không hề có một ý xấu nào, ông Ban-kốp-xki vẫn quyết định nói thẳng với anh ta:

- Tao nói với mày như là con người nói với nhau, thế mà mày nói với tao như nói với chó. Phù, đồ rác rưởi thành thị! Tao hỏi có phải từ Vac-sa-va tới không thì mày lại trả lời là không biết nữa chứ. Thế có thể mày không biết mày là ai, tên mày là gì nữa chứ?...

Người lạ nhìn ông với đôi mắt mở to.

- Sao kia?... Tôi tên là gì à?... Sao? Tôi... không biết...

Và những bắp thịt trên mặt ông ta co rúm lại như sợ hãi.

- Phù! - Ông Ban-kốp-xki nhổ đánh toẹt và đột ngột cả quyết quất một roi lên lưng ngựa. Chiếc xe lao vọt về phía trước.

Đi được chừng hai dặm, người nông dân nhìn lại phía sau, người lạ vẫn đi phía sau ông, bên mép đường.

- Phù!- ông lại nhổ toẹt và kéo cương thật mạnh khiến con ngựa phải chuyển sang nước kiệu.

CHƯƠNG II

Việc giáo sư Ra-phao Vin-tru-rơ biến mất khiến toàn thành phố xao động. Trước hết, trong toàn bộ sự việc này, người ta cảm thấy có điều gì đó bí ẩn. Tất cả những người từ nhiều năm nay được gặp gỡ giáo sư và hiểu biết ông kỹ đều cam đoan rằng mọi giả thuyết về khả năng tự vẫn của giáo sư đều là vớ vẩn. Giáo sư Vin-tru-rơ nổi bật lên bởi sức sống tràn trề sôi nổi, ông yêu công việc của mình, yêu gia đình mình, yêu cuộc sống. Tình hình sản nghiệp của ông rất tuyệt vời. Vinh quang của ông vẫn không ngừng tăng lên. Trong giới y học ông được thừa nhận là một nhân vật đặc sắc.

Khả năng ám hại cũng bị loại trừ vì lý do đơn giản là giáo sư không hề có kẻ thù. Cướp của là mô-tip tội phạm duy nhất có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, ở đây cũng xuất hiện những nghi vấn đáng kể. Người ta dễ dàng khẳng định rằng, trong cái ngày xảy ra tai họa ấy, giáo sư có trong người chỉ độ hơn mười nghìn *zuốt-ty*, và ai cũng biết rằng ông chỉ dùng một chiếc đồng hồ đeo tay màu đen thường tình, thậm chí ông không đeo cả nhẫn vàng nữa. Do vậy một vụ tấn công ăn cướp có kế hoạch cũng như việc giết người là hậu quả của vụ tấn công kia hình như không có mấy khả năng hiện thực. Trường hợp bị tai nạn hay một vụ giết người ngẫu nhiên chắc hẳn người ta đã nhanh chóng tìm ra xác.

Chỉ còn lại một khả năng duy nhất: mất trí nhớ. Bởi lẽ trong năm vừa qua, cảnh sát đã tìm được năm người bị mất tích do bị mất trí nhớ đột ngột, nên trên đa số các nhật báo, trong nhiều bài, người ta đưa ra các giả thuyết ấy.

Và nếu như trong những bài báo ấy, người ta viết nửa kín nửa hở, còn trong những cuộc trò chuyện riêng tư người ta công khai bàn tán về những hoàn cảnh đầy bí mật của việc giáo sư Vin-tru-rơ bị mất tích, thì đó lại là những lý do hoàn toàn khác.

Các phóng viên hoài công tấn công biệt thự của giáo sư tại đại lộ Tử Đình Hương. Quả thực họ phát hiện ngay không chút khó khăn rằng vợ

giáo sư cùng con gái bảy tuổi của ông hiện không có mặt ở Vac-sa-va, song gia nhân chỉ lúng búng và từ chối cung cấp mọi thông tin chi tiết hơn. Những phóng viên háng hái nhất được gia nhân chỉ đến chỗ anh họ của người mất tích, đến ngài chủ tịch tòa thượng thẩm Zich-mun-tơ Vin-tru-rơ. Với sự bình thân tuyệt đối, ông này chỉ nhắc đi nhắc lại:

- Cuộc sống của ông em họ tôi và vợ bao giờ cũng rất hạnh phúc. Trong mắt của đám đông bạn bè, họ được xem là một cặp vợ chồng mẫu mực. Do vậy, sự liên hệ giữa việc giáo sư bị mất tích, điều đang khiến tôi bị xúc động sâu sắc, với chuyện của gia đình ông ta, là một điều đang và sẽ không có căn cứ. - ông nhấn mạnh.

- Vậy ngài chủ tịch có thể cho chúng tôi rõ hiện nay bà Bê-a-ta Vin-tru-rơ đang ở đâu không ạ? Đám phóng viên hỏi.

- Vâng, tôi sẵn sàng nhắc lại với các ông điều tôi nghe được từ chính miệng ông em họ tôi trong cái ngày mà ông ấy bước chân khỏi nhà lần cuối. Ông ấy nói với tôi rằng đã cho vợ và đứa bé ra nước ngoài.

- Thế mục đích của chuyến đi?

Ngài chủ tịch đưa tay phác một cử chỉ mơ hồ.

- Xin thú thật với các ông, tôi đã không hỏi điều đó. Hình như đó là một chuyến đi chữa bệnh thì phải. Nếu tôi nhớ không nhầm thì em dâu tôi không chịu đựng nổi tiết thu u ám của chúng ta. Và chẳng cô ấy cũng rất hay ra nước ngoài.

- Tuy nhiên một chuyến đi đột ngột vào chính cái ngày- hay trước vài ngày- dự định tổ chức vũ hội mà giấy mời đã được gửi đi...

- Thưa các ông, mọi sự được an bài với người đời đa dạng lắm. Và chẳng hai chúng tôi cũng không quan hệ với nhau thân thiết đến mức tôi có thể biết rõ tất cả mọi động tĩnh của họ. Song nếu tôi có thể đề nghị với các ông điều gì, thì vì quan hệ gia đình, tôi có bốn phận mong các ông đừng thổi phồng chuyện này đến tầm cỡ một vụ giết gân. Đặc biệt, tôi hi vọng rằng sẽ không tìm thấy trong báo chí một ẩn ý nào đề cập tới đời tư của em

họ tôi. Tôi rất mong điều đó. Phần tôi, tôi xin bày tỏ với các ông quan điểm riêng của tôi về sự việc này. Không loại trừ là giáo sư có ý định ra nước ngoài cùng với vợ. Ông ấy bị giữ lại Vac-sa-va vì cuộc giải phẫu vô cùng quan trọng mà tất cả các báo đều đã viết rất nhiều rồi. Khi cuộc giải phẫu thành công, ông em họ tôi có thể đã đi ngoại quốc với vợ.

- Đã qua bấy nhiêu ngày. - một trong các phóng viên nhận xét. - không thể nào thừa nhận việc giáo sư chưa nhận được tín hiệu báo động do toàn giới báo chí phát ra. Và chắc hẳn giáo sư sẽ phải lên tiếng chứ.

- Chắc hẳn vậy. Nếu như tín hiệu báo động đến được chỗ ông ấy. Song có biết bao nhiêu xó xỉnh hẻo lánh ở nước ngoài, những nhà nghỉ lạng lẽ trong vùng núi, những nơi nghỉ ngơi hoang vắng, mà các nhật báo của Vac-sa-va không thể đến được.

- Toàn thế báo chí ngoại quốc đều đưa tin về sự mất tích của giáo sư Vin-tru-rơ, - nhà báo vẫn khăng khăng một mực, - à, và cả đài phát thanh nữa.

- Người ta có thể không nghe ra-đi-ô. Thí dụ như tôi không thể chịu nổi. Và chẳng trong thời gian nghỉ ngơi có biết bao người không hề sờ đến báo. Tại Ty-rôn hay Đan-ma-xia không phải ai cũng có ý muốn đọc báo đâu.

- Đúng thế, thưa ngài chủ tịch. Nhưng còn một điều này. Giáo sư không hề có mặt tại Ty-rôn, tại Đan-ma-xia, và nói chung ở mọi nơi khác ở nước ngoài.

- Ông khăng định điều đó bằng cách gì vậy? - Ngài chủ tịch mỉm cười hỏi lại.

- Điều đó không khó lắm. Đơn giản là tôi đã thẩm tra lại ở tòa thị chính rằng hộ chiếu xuất cảnh của giáo sư Vin-tru-rơ chỉ được cấp với thời hạn một năm mà thôi. Thời hạn đó đã hết cách đây vừa tròn hai tháng và không được gia hạn thêm.

Một sự im lặng bao trùm. Cuối cùng ngài chủ tịch dang tay.

- Hà, không nghi ngờ gì nữa, sự việc nay vẫn chưa rõ. Song hãy tin ở tôi. Tôi sẽ cố gắng bằng mọi cách để làm rõ nó ra. Cả cơ quan cảnh sát cũng đang làm việc đó. Một lần nữa, tôi xin nhắc lại với các ông lời đề nghị của tôi.

Chính nhờ có lời đề nghị này, được nêu ra bởi một người đang giữ một cương vị được mọi người kính trọng trong đời sống xã hội, cũng như nhờ thiện cảm mà vị giáo sư bị mất tích có được trong lòng người, giới báo chí đã từ bỏ một cơ hội đáng thêm muốn để tìm hiểu những vấn đề đời tư của ông. Thực tình thì điều đó cũng không ảnh hưởng gì đến những chuyện xầm xì đang lan truyền trong những người quen lẫn không quen, song không có tin tức gì mới, những chuyện bàn tán này cũng lặng dần đi.

Ngược lại, cảnh sát vẫn không ngừng quan tâm đến sự việc này. Viên thanh tra Gu-rơ-nui, người được giao nhiệm vụ, chỉ trong vài ngày đã xác định được hàng loạt chi tiết. Việc điều tra các nhân viên của bệnh viện đã cho thấy rằng, trong ngày xảy ra sự việc, giáo sư trở về nhà trong tâm trạng rất vui vẻ, mang theo một chiếc áo choàng lông hắc điều thử vừa mua để làm quà tặng vợ nhân kỷ niệm tám năm ngày cưới. Không hề có gì chứng tỏ rằng ông đoán trước chuyến đi đột ngột của vợ. Qua lời khai của gia nhân có thể suy ra rằng mãi tới khi đọc bức thư do vợ để lại, giáo sư mới được biết về chuyến đi ấy. Bức thư đã gây cho ông một ấn tượng như sét đánh. Ông có vẻ như người mất hồn, không ăn uống gì cả. Ông ngồi mãi trong phòng làm việc tối om.

Thực ra, người ta không tìm thấy lá thư. Song cũng chẳng khó khăn gì mà không đoán ra rằng nó mang đến cho giáo sư quyết định dứt tình. Ngay cả ngài chủ tịch Vin-tru-rơ cũng bày tỏ ý kiến như thế, ông không tiếc cơ quan điều tra những chi tiết nhỏ bé nhất, cung cấp một báo cáo hết sức tỉ mỉ về lần đến thăm của ông tại nhà người em họ.

Qua những lời khai tiếp đó của gia nhân không rút thêm được điều gì chắc chắn. Hàng ngày, vào ban sáng, phu nhân Bê-a-ta thường đi ô-tô đến dạo ở công viên Oa-zi-ên-xki. Tài xế và xe ở lại ngoài cổng, anh ta chưa

bao giờ nhìn thấy có ai đi cùng phu nhân. Song khi được cho xem ảnh, những người gác công viên nhận ra ngay lập tức vị phu nhân ngày nào cũng gặp gỡ tại đây một chàng trai tóc vàng nhạt, gày gò, mặc quần áo khá tàng. Tuy nhiên diện mạo của chàng trai ấy không có nét gì thật nổi bật.

Việc nghiên cứu thư từ giấy má của giáo sư cũng không chỉ ra một dấu vết nào hết. Người ta khẳng định được rằng phu nhân đã để lại một số tiền lớn và đồ nữ trang. Bà cũng không mang theo các áo choàng lông thú hoặc những thứ đồ vật quý giá nào khác để dàng đổi thành tiền.

Thanh tra Gu-rơ-nưi tìm thấy trong bàn làm việc của giáo sư một khẩu súng lục đã nạp đạn.

- Điều này cho phép tôi kết luận, -ông ta nói với ngài chủ tịch Vin-tru-rơ,- rằng giáo sư không hề có ý định tự sát. Nếu không, hẳn ông ta đã mang theo súng. Ông ta cũng sẽ mang súng theo trong trường hợp ông ta định quyết đấu với kẻ đã quyến rũ vợ mình.

- Phải chăng ông thanh tra cho rằng ông ấy biết có thể tìm thấy kẻ kia ở đâu?

- Không. Tôi nghĩ rằng thậm chí giáo sư không thể ngờ đến sự tồn tại của y nữa kia. Chưa một ai trong đám gia nhân trong biệt thự tại đại lộ Tử Đình Hương nhìn thấy người thanh niên có hình dáng như vậy cả. Song tôi tin rằng việc tìm thấy đôi trai gái này sẽ cho chúng ta lời giải đáp cho câu hỏi: cái gì đã xảy đến với giáo sư?

Theo đúng ý đồ này, ngài thanh tra đã tiến hành điều tra theo hướng tìm kiếm phu nhân Bê-a-ta. Sau nhiều vất vả, người ta đã đưa đến cho ông tài xế lái chiếc taxi mà phu nhân Bê-a-ta đã dùng để rời nhà giáo sư ngày hôm ấy. Nhưng anh chàng này cũng chẳng có gì nhiều để khai báo. Anh ta chỉ nhớ đã chở một phu nhân trẻ và đẹp cùng một em bé gái chừng vài tuổi từ đại lộ Tử Đình Hương đến ga chính. Bà ta trả tiền, tự tay xách lấy va-li, rồi biến mất trong đám người. Việc nghiên cứu lịch chạy tàu cũng chẳng mang lại thành công gì đáng kể. Từ nhà ga chính, trong khoảng từ mười hai giờ

trưa đến một giờ chiều có tới hơn mười đoàn tàu chạy về nhiều hướng khác nhau.

Thanh tra Gu-rơ-nưi đang cân nhắc việc gửi giấy truy tìm Bê-a-ta Vin-tru-rơ thì đột nhiên một phát hiện mới lại đẩy công cuộc điều tra theo một hướng khác hẳn.

Trong một cuộc kiểm tra thường kỳ tại nhà một trong những kẻ oa trữ đồ trộm cắp trên phố Cac-mê-li-xka, trong số nhiều đồ vật có nguồn gốc từ các vụ trộm hoặc cướp, người ta tìm thấy một áo bành tô màu đen, chiếc áo vét và chiếc gi-lê có cỡ rất lớn. Mặc dù nhãn hiệu của cửa hàng may đã bị cắt bỏ, người ta dễ dàng tìm ra hiệu may đã may những thứ quần áo ấy, và bằng cách đó khẳng định được rằng những thứ ấy thuộc về giáo sư Vin-tru-rơ đã bị mất tích. Bị ép vào tường, gã buôn lậu hàng cũ khai rằng đó là đồ mua của một tay Fê-lic-xơ Giu-brô-xki nào đó. Trái với những điều tiên đoán của viên thanh tra, Giu-brô-xki chưa bao giờ có tiền án tiền sự. Y ngụ tại phố Psư-vi-sơ-lơ-na cùng vợ và bốn con, chuyên nghề khai thác cát, y khai rằng sáng sớm tinh mơ hôm ấy, khi đi nhà thờ về, y nhặt được những thứ quần áo kia ngay trên bờ sông. Vài nhân chứng, có thể không đáng tin lắm, xác minh cho tình trạng ngoại án của y. Dù sao chẳng nữa cũng không thể chứng minh thêm được điều gì ở đây và ba ngày sau người ta phải thả Giu-brô-xki. Một điều hỗ trợ thêm cho sự vô tội của y, là chính ở nơi ấy, sông Vi-xoa rất sâu, mà sự tự sát của giáo sư Vin-tru-rơ lại có rất nhiều khả năng thực tế.

Trong những ngày tiếp theo đó, người ta sục tìm dưới lòng sông suốt một khoảng vài cây số - nhưng không có kết quả gì hết. Sáu lần liền người ta đưa gia nhân ở đại lộ Tử Đinh Hương và ngài chủ tịch Vin-tru-rơ đến viện giải phẫu để nhận diện các xác chết vô thừa nhận, nhưng thực ra đó là chuyện quá thừa: vị giáo sư mất tích có tầm vóc to lớn, dễ nhận diện, với chiều cao một mét chín mươi và nặng gần một trăm ki-lô-gam.

- Chúng tôi vẫn chưa tìm thấy được xác, - viên thanh tra Gu-rơ-nưi thốt lên với vẻ ngã lòng - có thể sang xuân nó mới nổi lên cũng nên. Sông

Vi-xoa có nhiều hố sâu và đã nhiều lần mãi sau vài tháng nó mới trả lại xác người chết.

- Có nghĩa là ông khẳng định những điều lo lắng của tôi? - Ngài chủ tịch hỏi.

- Có rất nhiều yếu tố nghiêng về phía tự sát. Tuy nhiên, tôi cũng đã gửi bản sao ảnh chụp giáo sư đi tất cả các đồn cảnh sát để phòng xa.

- Thế ra ông vẫn nghĩ đến khả năng bị mất trí nhớ?

- Thành thật mà nói, tôi không tin vào chuyện ấy. Nhưng một khi xác chưa nổi lên, tôi không được phép xem thường khả năng đó, cũng vì lẽ ấy, tôi cũng không từ bỏ hoàn toàn khả năng một vụ giết người. Mặc dù tôi gần như tin chắc rằng chỉ có thể nói về một vụ tự sát mà thôi. Chắc chắn là thế. Ông ấy bước chân ra khỏi nhà, hoàn toàn mất trí vì bất hạnh, và chắc chưa kịp đi đến một quyết định nào cả. Hẳn ông ấy đã lang thang rất lâu suốt thành phố, có thể cũng đã uống rượu giải phiền...

- Ông ấy chưa bao giờ uống rượu cả, - ngài chủ tịch ngắt lời.

- Dù thế này hay thế khác, ông ấy cũng đã quyết định chấm dứt cuộc đời. Và lại kẻ nào có thể giết ông ấy kia chứ?... Bọn cướp ư?... Chúng phải có ít ra từ ba đến bốn tên mới có thể đối phó được với ông ấy một cách êm thấm. Bởi lẽ giáo sư là một người có sức mạnh khác thường. Bắn ư?... À, cũng không loại trừ, nhưng một cuộc bắn nhau bao giờ cũng thu hút người khác kéo đến và nếu thế chúng phải hết sức vội vã trong khi thu dọn tử thi. Trong khi đó trên áo bành tô và áo vét lại không hề có một vết máu nào cả. Chỉ còn lại mỗi khả năng là ông ấy bị kéo vào bẫy rồi bị giết trong phòng kín. Nghĩa là một vụ giết người có chủ tâm. Nhưng ai có lợi trong chuyện ấy, ai mong muốn chuyện ấy cơ chứ?... Không ai biết. Giáo sư không để lại chúc thư. Theo luật thì toàn bộ những gì ông ấy có sẽ được chuyển cho vợ và con gái. Song chính ngài chủ tịch chả đã nói rằng người vợ góa kia là người phụ nữ ít vụ lợi nhất trên thế giới đó sao? Còn người tình của bà ta, kẻ mà xét đoán qua bề ngoài thì không phải được xuất thân từ một gia đình khá giả. Nhưng ngay cả điều này cũng chứa đựng một yếu tố gì đó át hẳn

nổi nghi ngờ. Nếu như y muốn kiếm tiền, y thừa khả năng để thuyết phục giáo sư phu nhân mang đi tiền bạc, những chiếc áo choàng lông thú cùng đồ nữ trang. Tất cả những thứ đó gộp thành một món tiền khó lòng chê nổi, tính sơ sơ cũng phải bảy mươi nghìn. Mà một kẻ ranh ma thì hoàn toàn có đủ khả năng để xui một người đàn bà say mê hẳn làm tất cả mọi việc.

- Chưa chắc, Bê-a-ta có những nguyên tắc riêng...

- Thừa ngài chủ tịch, với tư cách một vị quan tòa giàu kinh nghiệm, hẳn ngài hiểu rõ hơn tôi rằng khi mà người đàn bà bắt đầu yêu thì mọi nguyên tắc không còn tồn tại nữa. Nhưng, có thêm những việc khác chứng tỏ tính vô tội của đôi trai gái này. Thứ nhất: vị tất họ phải chạy trốn, vì chuyện đó chỉ khiến họ bị nghi ngờ mà thôi. Thứ hai: sau khi giáo sư bị mất tích, nhẽ ra họ phải xuất đầu lộ diện ngay: tất cả các báo đều làm rùm beng đến thế kia mà. Và chắc hẳn bọn họ phải là những kẻ ngu ngốc nhất mới có thể nghĩ rằng sớm muộn cảnh sát cũng không có khả năng tìm ra họ, một khi đã coi họ là thủ phạm của vụ này. Nếu như họ muốn "đánh bạc" với một số tiền đặt cọc lớn như tài sản được thừa kế của giáo sư, thì chỉ sau vài ngày họ đã phải xuất hiện ngay, trong khi đó bây giờ đã là tháng thứ hai rồi. Chắc chắn lương tâm của họ phải trong sạch.

- Tôi cũng nghĩ như thế.

- Và còn thêm điều này nữa! Qua kinh nghiệm tôi biết rằng bọn tội phạm thường không bao giờ kiên nhẫn được lâu. Tên nào cũng muốn vớ ngay lấy cái đã kích động hẳn phạm tội. Và bao giờ hẳn cũng chọn chiến thuật quanh quẩn ngay trước mũi cảnh sát. Hẳn cảm thấy yên tâm khi trưng ra sự hiện diện của mình hơn là khi nấp vào bóng tối, điều dễ khiến người ta nghi ngờ hẳn nhiều hơn.

- Đúng thế.

- Đó là điều không còn nghi ngờ gì nữa. Tôi còn nhìn thấy một lời giải đáp nữa. Khả năng ngộ sát. Ta hãy giả sử rằng giáo sư tìm được hai người kia và trong khi đụng độ ông bị giết chết. Trong trường hợp ấy, chúng ta lại cần phải lưu ý rằng giáo sư là một lực sĩ, hơn nữa trên áo quần ông không

hề có vết của máu đã bị tẩy đi. Mà thật khó lòng chấp nhận giả thuyết rằng anh chàng trẻ tuổi gầy gò và khá yếu ớt kia lại có khả năng giết nổi một con người to lớn chừng ấy, không cần dùng vũ khí. Chính vì vậy tôi không muốn cố công tìm bắt hai người bọn họ.

Ngài chủ tịch tán đồng.

- Cũng có thể tốt hơn hết là ta không tìm ra họ... ít nhất cho đến lúc việc này được làm sáng tỏ hoàn toàn.

- Cũng có thể là tốt hơn... - viên thanh tra thừa nhận. Và chẳng ông ta cũng chẳng thể nói gì hơn, bởi cho đến nay cảnh sát chưa tìm ra dấu vết gì, dù là nhỏ nhất của cô Bê-a-ta, cùng đứa con gái và người thanh niên không rõ họ tên nọ.

Nhiều tháng trôi qua, và trong cái đu quay tít là đời sống của mỗi đô thị lớn, người ta dần dần quên đi giáo sư Vin-tru-rơ cùng sự mất tích đầy bí ẩn của ông. Hồ sơ điều tra trong các tủ của cơ quan hình sự dần dần đều bị bụi phủ. Sau đó, chồng chất lên nó là hàng đống những vụ việc tiếp theo. Rồi một năm sau, người ta buộc chúng thành bộ, mang vào kho lưu trữ.

Theo đúng luật, để xử lý tài sản của kẻ khiếm diện. Tòa án bổ nhiệm người ủy quyền quản lý, và luật sư Sren-cơ, kẻ được giao phó trách nhiệm ấy, không có lý do gì để than phiền cả. Tiền thù lao không ngớt chảy về, còn công việc thì chẳng có gì nhiều nhận. Ông ta cho thuê cái villa ở đại lộ Tử Đinh Hương, vốn thì đầu tư vào các hồi phiếu, quyền lãnh đạo bệnh viện ông ta trao vào tay tiến sĩ Đô-bra-nhe-xki, một người rất có tài, hoàn toàn đáng tin, người cộng sự thân tín nhất của vị giáo sư bị mất tích.

Và chẳng trong bệnh viện tất cả mọi việc đều trôi y hệt như ngày trước, theo nhịp điệu được chính giáo sư Vin-tru-rơ thiết lập. Trong vòng mấy tháng trời, người ta đã hoàn thành một tòa nhà mới, và lưu lượng bệnh nhân - sau một thời gian bị giảm đi đáng kể - lại quay trở về với mức cũ của mình. Những thay đổi do tiến sĩ Đô-bra-nhe-xki tiến hành chỉ là những chuyện vụn vặt. Có điều người ta đã xóa bỏ các giường không phải trả tiền vẫn dành cho trẻ em con nhà nghèo, và có vài người trong số nhân viên từ

chức, điều mà thực ra cũng không hại gì đối với bệnh viện. Đầu tiên, bác sĩ tập sự Xku-gien đệ đơn thôi việc, sau một cuộc cãi cọ không mấy dễ chịu với sếp về chuyện những đứa trẻ kia, tiếp đó người ta cho thôi việc ông kế toán Mi-kha-lắc và cô thư ký Jan-nô-vi-trup-na, người đã sừng cồ lên^[13] và tự ý can thiệp vào các quy định của tiến sĩ Đô-bra-nhe-xki, ngoài ra còn khiến ông bực mình vì cách cư xử thiếu phần kính trọng đối với ông.

Cách cư xử của cô càng gai mắt ông hơn, vì lẽ vị giáo sư mới nói chung hơi xiết chặt kỉ cương trong bệnh viện, nơi mà từ trước tới nay vẫn có một bầu không khí quá gia đình. Đồng thời, địa vị cá nhân của ông, không chỉ trong bệnh viện mà ông cai quản, cũng được nâng lên một cách đáng kể. Cuộc bầu cử mới trong Hội Giải Phẫu đã mang lại cho ông danh hiệu chủ tịch, và một năm sau, ông được giao chức chủ nhiệm khoa của người bị mất tích, với học hàm giáo sư, vốn là một bác sĩ có tài, một người cương nghị, ông vươn một cách chậm chạp tới vinh quang và sự giàu có.

Nhiều năm qua đi, cái tên gọi "Bệnh viện của giáo sư Vin-tru-rơ" càng ngày càng trở nên không hợp vì thiếu cơ sở. Vì vậy, cũng không ai ngạc nhiên khi rốt cuộc, được sự đồng ý của người được ủy quyền quản lý tài sản, người ta thay nó bằng cái tên "Bệnh viện mang tên giáo sư tiến sĩ Vin-tru-rơ". Nhân dịp này đã xuất hiện một bản tiểu sử do giáo sư tiến sĩ K. Đô-bra-nhe-xki viết, nhan đề "Giáo sư Ra-phao Vin-tru-rơ - nhà giải phẫu thiên tài".

Công trình ấy kết thúc bằng những lời sau đây:

"Bày tỏ lòng tiếc nhớ không thể bù đắp nổi đối với một Con Người tốt đẹp nhất, Người Thầy thông tuệ và Nhà Khoa Học vĩ đại, giới y học Ba Lan khoác chiếc áo tang sau việc mất tích đầy đau xót của ông, sự việc mà tiếc thay sẽ mãi mãi còn bị bao phủ trong bóng tối của một điều bí ẩn đau lòng".

CHƯƠNG III

Viên đồn trưởng cảnh sát ở Khô-tư-mô-va Vic-to Ka-nhia, ngồi vô công rồi nghề bên chiếc bàn làm việc phủ giấy màu xanh lục sạch sẽ, chốc chốc lại ngáp dài, và đưa mắt nhìn qua cửa sổ. Đồn cảnh sát nằm trong ngôi nhà cuối cùng ở rìa thị trấn, từ cửa sổ nhìn bao quát cả một khung cảnh rộng bao la những cánh đồng xanh mướt, với bờ hồ nơi người ta đang phơi lưới, một dải rừng đen sẫm mờ xa, nơi đang bay lên làn khói lơ từ chiếc ống khói của xưởng cửa Hax-phen-đơ, và con đường dẫn tới xưởng cửa ấy, trên đó cảnh sát viên Xô-bơ-trắc, người phó của Ka-nhia đang đi cùng một người rậm râu, cao gầy nào đó.

Xô-bơ-trắc dang rộng chân, cứ mỗi bước đi lại lắc lư như vịt cả về hai phía, cặp dưới nách một tấm gỗ dán lớn. Người đàn ông râu ria rậm rạp kia chắc là một công nhân xưởng cửa, mà là thợ mới. Đồn trưởng Ka-nhia mới thấy ông lần đầu, mặc dù quen biết tất cả mọi người ở Khô-tư-mô-va và vùng lân cận trong vòng bán kính mười cây số. Hơn nữa, việc Xô-bơ-trắc phải đích thân mang tấm gỗ dán cũng là một điều đáng suy nghĩ. Rõ ràng anh ta không coi việc sử dụng sự giúp đỡ của người đồng hành là chuyện nên làm, điều đó có nghĩa người này có chuyện gì không ổn: ông ta đi cùng với Xô-bơ-trắc không phải vì tự nguyện.

*

Người ta đưa tới đồn cảnh sát ở Khô-tư-mô-va đủ mọi hạng người. Vì tội choảng nhau ở các làng, vì tội ăn cắp vặt trong rừng, ngoài đồng, vì tội săn bắn trái phép. Thịnh thoàng cũng tóm được một con cá lớn, một tên kẻ cướp hay một tên biển thủ công quỹ đang tránh mọi con đường lớn, cố tìm những nẻo đường tắt để chuồn tới biên giới nước Đức.

Song người đàn ông rậm râu bị Xô-bơ-trắc dẫn đi mặc dù có tầm vóc cao to, hình như không khiến cho người cảnh sát phải lo lắng thì phải, chắc chỉ là chuyện gì vặt vãnh mà thôi.

Lát sau cửa mở ra, cả hai bước vào. Người đàn ông rậm râu ngả mũ, đứng cạnh cửa. Xô-bơ-trắc đưa tay chào rồi báo cáo:

- Người này đến xin việc ở xưởng cửa Hax-phen-đơ. Họ thuê ông ta làm, nhưng hóa ra ông ta không có một thứ giấy tờ nào, cũng không biết tên mình là gì, quê quán ở đâu.

- Để rồi xem, - đồn trưởng lầu bầu, vẫy tay ra hiệu cho người rậm râu.

- Ông có giấy tờ gì không?

- Thưa, không có.

- Xô-bơ-trắc, xét người xem.

Viên cảnh sát cởi khuy chiếc áo ngắn đã sờn cũ, lục hết các túi, rồi đặt trước mặt đồn trưởng tất cả những gì tìm thấy: một chiếc dao díp nhỏ, rẻ tiền, vài mươi xu, một đoạn dây nhỏ, hai chiếc khuy và một chiếc thìa sắt tây. Anh ta mò cả trong ống giày của ông, nhưng không có gì trong đó.

- Ông ở đâu tới đây hả? Há? Viên đồn trưởng hỏi.

- Tôi từ Trum-ka tới, từ huyện Xu-rơ-xki.

- Từ Trum-ka?... Đến đây làm gì?

- Tìm việc ạ. Ở Trum-ka tôi làm tại xưởng cửa. Xưởng đóng cửa. Người ta bảo rằng ở đây, ở Khô-tư-mô-va này, tôi sẽ kiếm được việc làm và bánh mì.

- Thế chủ xưởng ở Trum-ka tên là gì?

- Phi-bich.

- Ông làm tại đó có lâu không?

- Dạ, nửa năm.

- Thế ông quê ở huyện Xu-rơ-xki à?

Người đàn ông rậm râu nhún vai.

- Tôi không biết ạ. Tôi không nhớ.

Viên đội cảnh sát nhìn ông dữ tợn.

- Này! Này! Đừng có mà làm tôi nổi cáu nhé! Ông biết viết không?

- Có ạ.

- Thế ông học ở đâu?

- Tôi không biết.

- Họ tên ông là gì? - Ka-nhia nổi cái hét lên.

Người rậm râu nín lặng.

- Ông điếc hả?

- Không, thưa ông đồn trưởng, xin ông đừng giận tôi. Tôi có làm gì đâu cơ chứ.

- Nào, thế ông nói thật xem nào!

- Tôi nói thật đấy ạ. Tôi không biết tên tôi là gì. Mà cũng có thể tôi hoàn toàn không có tên họ. Ai cũng hỏi tôi điều đó, nhưng tôi không biết thật.

- Thế sao? Chưa khi nào ông có giấy tờ à?

- Chưa ạ.

- Thế làm sao người ta dám nhận ông vào làm? Không có giấy tờ à?

- Ở thành phố người ta cũng đòi giấy tờ và không muốn nhận vào làm. Nhưng ở nông thôn chẳng phải ai cũng coi trọng việc đó. Người ta cứ gọi cách nào tiện thì thôi. Ở đây, trong xưởng cưa, tôi khai cái tên mà người ta gọi tôi tại Trum-ka: Ju-zep Brô-đa^[14]. Nhưng tôi đã thưa với ông đồn trưởng rồi đấy, đó chỉ là biệt hiệu mà thôi. Tôi chẳng làm việc gì xấu cả, lương tâm tôi trong sạch mà.

- Rồi xem sao.

- Ông đồn trưởng có thể viết thư hỏi những nơi tôi đã làm. Tôi chưa từng ăn cắp gì của ai hết.

Viên đồn trưởng suy nghĩ. Trong đời hoạt động của mình, y đã từng đụng chạm với đủ mọi loại người khác nhau cố tình che giấu tên họ của

mình, nhưng dẫu sao bao giờ chúng cũng khai một cái tên bịa nào đó. Còn người này lại cứ khẳng khẳng bảo rằng chưa có tên họ bao giờ.

- Thế gia đình ông ở đâu?

- Tôi không biết. Tôi không có gia đình, - người rậm râu nói về buông xuôi.

- Ông đã bị kết án bao giờ chưa?

- Rồi ạ.

Viên đội trưởng tròn mắt.

- Ở đâu?

- Năm ngoái ở Ra-đôm, còn ba năm về trước thì ở Bút-gô-stơ. Một bận bị một tháng tù, bận thì hai tuần.

- Vì tội gì?

- Tội lang thang. Nhưng không công bằng đâu ạ. Thế hể cứ ai đi tìm việc đều là kẻ du đặng cả hay sao?... Thực ra, vì tôi không có giấy tờ. Tôi đã xin tòa, xin cảnh sát, xin trại giam cấp cho tôi một thứ giấy tờ gì đó. Nhưng họ không muốn. Họ cứ bảo rằng không có luật lệ nào cho phép thế. Vậy thì tôi biết làm thế nào?

Ông ta hăng giọng và chìa tay ra:

- Xin ông đồn trưởng hãy thả tôi ra. Tôi chẳng làm gì xấu hơn với ai cả.

- Há à?... Qui định không có chép, rồi họ muốn làm gì thì làm. Ông cứ ngồi chờ đấy đã. Tôi còn phải làm biên bản.

Y rút trong ngăn kéo một tờ giấy và bắt đầu viết. Y suy nghĩ mãi, vì chuyện thiếu họ tên và sinh quán của kẻ bị giữ làm hỏng cả trình tự biên bản. Rốt cuộc y cũng viết xong và đưa mắt nhìn người đàn ông rậm râu. Bộ râu cằm nhọn và mái tóc chứng tỏ ông ta chừng năm mươi tuổi. Ông ngồi bất động, nhìn dán mắt vào tường, vẻ gầy guộc đến mức kinh hoàng của ông cùng hai bên má hõm sâu vào khiến ông giống như một bộ xương.

Riêng đôi bàn tay to tướng, dạn dày vì công việc, cứ thực hiện liên tục một cử chỉ nóng nảy lạ lùng nào đó.

- Ông ngủ đêm ở đây đã, Ka-nhia bảo, - sáng mai tôi sẽ gửi ông lên huyện.

Y đứng dậy và nói thêm:

- Ở đó họ cũng chẳng làm gì ông đâu. Cùng lắm, ông sẽ phải ngồi tù vì tội lang thang, rồi người ta sẽ thả ra thôi.

- Nếu không có cách nào khác, thì còn biết làm sao ạ, - người đàn ông rậm râu lẩm bẩm.

- Bây giờ ông lại đây.

Y mở cửa một xà lim nhỏ bé có chiếc cửa sổ chắn song sắt. Trên sàn có một chiếc đệm nằm nhồi đầy rơm. Cửa làm bằng những phiến gỗ dày.

Khi cánh cửa đã đóng lại, người đàn ông ngả người xuống nệm. Ông bắt đầu nghĩ mông lung. Cả viên đồn trưởng lẫn người cảnh sát thứ hai kia đều không phải là kẻ xấu bụng, ấy vậy mà luật pháp buộc họ phải trở thành kẻ xấu. Tại sao họ lại tước mất tự do của ông, tại sao họ nhìn ông cứ như nhìn một tên tội phạm?... Nhất thiết phải có giấy tờ và một cái tên nào đó hay sao?... Phải chăng việc đó khiến con người hoàn toàn đổi khác?...

Người ta đã giải thích cho ông biết bao lần rằng không thể nào không có họ tên. Và cuối cùng ông buộc lòng phải thừa nhận là họ đúng. Nhưng ông sợ phải nghĩ đến điều đó. Mỗi khi ông bắt đầu nghĩ, tự nhiên ông có những cảm giác hết sức lạ lùng: dường như ông quên mất một điều gì đó vô cùng quan trọng. Và đột nhiên những ý nghĩa bị một nỗi lo lắng nóng bỏng chế ngự chạy hỗn loạn về mọi hướng cuộn thành một mớ rối tung rối mù, giăng xé một cách tuyệt vọng, giống như một con vật đột nhiên bị một nỗi sợ hoang dã nào đó đe dọa vậy: chúng quay cuồng mỗi lúc một nhanh hơn, vô nghĩa, vô mục đích, để rồi sau đó chúng rời rã ra thành từng mảnh, thành những tấm rách bươm kỳ dị, giống như những quái vật không ra hình

thù gì, không chút nội dung gì cả, mà vẫn sống động, chúng phồng trương lên thành một cuộn bông khổng lồ choán hết cả sọ não.

Trong những giây phút như thế ông lại cảm thấy một cơn hoảng loạn kinh hoàng vô cùng. Ông ngỡ mình như sắp hóa điên, sắp loạn óc đến nơi rồi và trước cơn thảm họa đang tiến lại gần ông là một kẻ bất lực, vô vọng và sẽ chết mất xác. Bởi lẽ trong cái hỗn loạn kinh khủng kia không có một giây nào ông không tỉnh táo. Đâu đó bên trong bộ não, hình như có một dụng cụ chính xác nào đó, hoàn toàn thần nhiên, ghi lại mỗi một triệu chứng, mỗi một pha biến đổi. Và cái ấy chính là nỗi thống khổ lớn nhất.

Ông gắng sức một cách vô ích, cố thoát ra khỏi vũng lầy đang nuôi sống ông. Ngừng suy nghĩ, tập trung toàn bộ chú ý và một vật nào đó, tự cứu lấy mình. Chỉ duy nhất có nỗi đau đớn thể chất mang lại cho ông một chút nhẹ nhõm. Ông cắn ngáp răng đến tứa máu vào thân mình, ông gặm hay và đập đầu vào tường cho đến khi kiệt sức ngất đi.

Và khi ấy, ông nằm bất tỉnh, hoàn toàn kiệt sức, như đã chết.

Vì vậy ông sợ lắm, ông sợ lắm, một nỗi sợ hãi kinh tởm đối với ký ức của chính mình. Ông sợ tất cả những gì có thể đánh thức trong ông ý muốn nhìn vào đám sương mù của quá khứ; và cái bóng tối quái đản không tài nào xuyên thấu, cứ luôn luôn níu kéo ông như một vực thẳm há hoác miệng.

Cũng vì vậy những cuộc tra hỏi như ở đồn cảnh sát vừa rồi đối với ông là những cuộc tra tấn nặng nề, và khi được nằm một mình, biết rằng mối đe dọa về cơn kịch phát của bệnh đã qua, ông lại cảm thấy vui mừng vì bị giam vậy.

Song những cuộc bắt giữ của cảnh sát, nỗi dằn vặt của những lần xét hỏi và mối đe dọa của các cơn kịch phát khiến ông nghĩ đến chuyện nhất thiết phải tự vệ để chống lại tất cả những điều phiền toái kia trong tương lai. Chỉ có một cách duy nhất để làm được điều đó mà thôi: có giấy tờ. Và bởi lẽ bằng con đường hợp pháp không có cách gì kiếm được giấy tờ, cần phải đánh cắp chúng, phải lấy của một người nào đấy.

Ông chưa rõ sẽ thực hiện điều ấy ra sao, nhưng ông đã quyết.

Sáng sớm hôm sau người ta giải ông lên huyện, nằm tại một thị trấn lớn cách đây chừng hơn mười cây số. Tòa hành chính huyện bố trí trong một khu nhà lớn, xây bằng gạch. Viên cảnh sát để ông ở lại tầng dưới, dưới sự trông coi của một cảnh binh đang giữ mấy người bị bắt nữa. Sau một hồi lâu chờ đợi, người ta bắt đầu gọi lần lượt từng người một lên tầng trên, nơi bố trí tòa án của huyện.

Một người nhân viên trẻ tuổi, béo múp míp, ngồi sau chiếc bàn trải da xanh chất ngập giấy tờ. Anh ta xử rất nhanh. Khi tới lượt người đàn ông rậm râu, hình như anh ta có những nghi vấn nào đó, bởi lẽ anh ta bắt ông đợi một lát. Viên cảnh sát bên đưa ông ra ngoài, dẫn sang một phòng bên cạnh. Ở đây, có một ông già ngồi bên bàn đang viết lia lịa. Căn phòng rất nhỏ. Người đàn ông rậm râu ngồi xuống chiếc ghế băng đặt cạnh cửa sổ, bắt đầu quan sát công việc của ông già vì chẳng biết làm gì hơn. Trên bàn là hàng chồng giấy tờ. Có những thứ đơn từ có dán tem đóng dấu thị thực, có những tấm giấy báo nhiều màu, và người đàn ông rậm râu chột rùng mình; gần sát ngay chỗ ông ngồi là một tập giấy gài ghim cặp, trên cùng là một tờ giấy chứng nhận. Đó là giấy khai sinh. Giấy ghi tên An-tô-ni Kô-si-ba, sinh quán ở Ka-lis. Ông năm tính tuổi: 52. Dưới cùng là con dấu.

Người đàn ông rậm râu liếc nhìn viên cảnh sát, y đứng quay lưng lại và đang đọc một thông báo nào đó dán trên cửa ra vào. Bây giờ chỉ cần đặt chiếc mũ lên bàn che trùm lên tập giấy tờ.

- Yêu cầu bỏ cái mũ kia ra, - ông già bực mình gắt - Hẳn tìm được chỗ để mũ tốt gồm chưa kìa

- Xin lỗi, - người đàn ông rậm râu lăm bằm lòi cả mũ cùng tập giấy tờ kia cuộn lại thành một cái ống đút vào túi.

Dĩ nhiên, ngay lần này ông chưa thể sử dụng những giấy vừa kiếm được và bị phạt giam ba tuần vì tội lang thang chuyên nghiệp.

Sau ba tuần ấy, ông ra khỏi nhà giam của huyện và lên đường đi vào cuộc đời, với họ tên An-tô-ni Kô-si-ba.

CHƯƠNG IV

Tại chính trung tâm O-đư-nư, trong điền trang không có gì đáng để người ta phải lưu ý. Tòa dinh thự đồ sộ đã bị thiêu hủy trong thời gian chiến tranh, nay mọc đầy những bụi tầm ma, chút chít và ngưu bàng, mỗi năm lại phủ đầy thêm rêu phong mốc thối, mỗi năm lại thêm phần đổ nát. Nữ chủ nhân, công tước phu nhân Du-ban-xê-va, vợ góa của một quan chức cao cấp trong triều đình Pê-tec-bua hiện đang định cư tại Pháp, chẳng khi nào lui tới dòm ngó gì đến chốn này. Viên quản lý, ông Pô-le-skê-vich, một ông lão tính khí kỳ quặc, chiếm hai phòng nhỏ trong tòa nhà phụ bằng gỗ trên sàn điền trang, nơi cũng không thiếu những dấu ấn của sự bừa bãi và thiếu chăm lo giữ gìn.

Nhưng khắp bốn chung quanh trải ra mênh mông những khoảng rừng bao la và truyết vời của vùng Rừng Hoang O-đư-n-ke-xka, hàng nghìn hecta mọc đầy thông, tùng, sồi và bạch dương chen lẫn phi tử và đỗ tùng, bị chia cắt bởi những con đường mòn chật hẹp, ngoằn ngoèo, ngoắt ngoéo, trên đó người ta hay gặp vết chân lợn rừng và các loài thú có sừng hơn là vết chân người và ngựa. Từ trên cao nhìn xuống, cả khoảng không gian mênh mông kia nom như một tấm thảm nhung xanh óng ánh, trên đó có dính đầy những chuỗi cườm đen lóng lánh. Bởi nơi đây không thiếu chi những làn nước. Những mặt hồ lớn và nhỏ nối liền nhau bằng những dòng suối ẩn mình trong đám cây tổng quả sủ và liễu xam khiến người ta có thể đi xuyên rừng bằng thuyền dễ hơn đi đường bộ. Chính vì vậy, những người coi rừng ít ỏi chốn đây thường sử dụng thuyền.

Chỉ khi nào phải tới tòa nhiệm sở nằm tại chính giữa vùng rừng người ta mới phải đi bộ. Tòa nhiệm sở ở sườn núi, trên một khu đất trống nho nhỏ, tứ phía được bao bọc bởi bức tường cao vút của rừng già đại ngàn. Trong tòa nhiệm sở là chánh kiểm lâm, anh Jan Ôc-sa con trai của ông lão Phi-líp Ôc-sa, người hơn bốn mươi năm về trước đã cai quản rừng đại ngàn Ô-đư-nhe-xka, và khi qua đời đã để lại chức trách kiểm lâm cùng tất cả những gì ông có cho đứa con trai. Ngay từ thuở thơ ấu, chàng trai đã du học

ở Vin-nô, rồi sau đó đến tận thành Vac-sa-va xa xôi, nhiều năm sau anh trở về với tấm bằng kỹ sư lâm nghiệp trong túi, cùng vợ và đưa con gái nhỏ; từ đó sống trong tòa dinh thự và suốt năm năm nay có thẩm quyền quyết định mọi chuyện trong vùng rừng. Thẩm quyền đó là vô hạn, bởi lẽ cấp trên của anh, ông lão Pô-le-xki-ê-vich, tin tưởng anh hoàn toàn trong mọi chuyện, không hề can thiệp vào việc gì cả, và nếu như ông lão có ghé qua nhiệm sở của người chánh kiểm lâm thì chẳng phải để kiểm tra sổ sách mà chỉ để cùng phu nhân Bê-a-ta Ôc-sư-na trò chuyện chút đỉnh, cùng anh Jan chơi vài ván cờ, hoặc để cho cô bé Ma-rư-sia ngồi lên yên ngay trước mặt mình và "phi" trên trắng trống. Và chẳng, đó gần như là vị khách duy nhất lui tới nhiệm sở kiểm lâm.

Hắn là Ôc-sa được thừa kế của cha tính thích cô đơn, ít có bao giờ anh đi lại thăm hỏi những người láng giềng - thực ra họ cũng ở khá xa - và họ cũng không đến thăm anh. Mặc dù còn trẻ anh là người chỉ thích ngồi nhà, điều đó không lấy làm lạ bởi anh có một người vợ xinh đẹp tuyệt vời, và như chàng gác rừng Ba-rơ-trúc hay nói, "một người rất thiện ý", cùng một cô con gái nhỏ giống như thiên sứ, như niềm hạnh phúc của gia đình.

Vì vậy, anh không thích đi đây đi đó. Bao nhiêu lần phải lên huyện lỵ Bra-xoa-vi, hoặc chẳng may phải đến tận Vin-nô, anh đều lần lữa từ ngày này sang ngày khác. Cũng có thể là do anh không được khỏe lắm, việc đi lại khiến anh rất mệt. Thường thường, hễ cứ bị nhiễm lạnh một chút, anh lại thổ ra huyết và nằm liệt giường. Nhưng đó là một người rất tốt bụng, rất nhân đạo và công minh, tất cả những người dưới quyền đều xót xa thấy anh mỗi ngày một héo hắt trông thấy. Đã hai lần họ phải đưa bác sĩ đến thăm bệnh cho anh, một chuyện thực vất vả và tốn kém, bởi tám dặm đường chẳng phải là một quãng ngắn ngủi gì. Người ta bảo rằng anh chánh kiểm lâm trẻ tuổi chắc chẳng qua khỏi nổi, và mọi sự hình như cũng có vẻ đúng vậy.

Mùa hạ trong rừng thật là tuyệt. Mùi nhựa cây thơm nồng nàn, không khí ấm áp như trong lò, đủ mọi thứ côn trùng vo ve đến văng cả tai. Những ngọn thông cao vút lắc lư, gió ồn ã trong những vòm lá sồi già, rêu dày như

một tấm thảm xốp êm, còn quả rừng và nấm thì hằng hà sa số, có thể chỉ sống hoàn toàn bằng chúng ở nơi đây mà không sợ bị chết đói. Nhưng khi thu về, trong rừng lại trùm một sự tĩnh mịch tuyệt đối, hết như trong nhà thờ lúc làm lễ thăng thiên. Cây cối đứng trầm tư, thậm chí chúng hình như không cảm thấy những chiếc lá của chúng vàng úa và đỏ sậm, rời khỏi cành, rơi thành từng mảng, từng mảng lớn. Còn về mùa đông, tuyết bao trùm tất cả chiều cao và chiều sâu, chồng chất thành những tấm đệm dày trên cành cây, và mỗi khi người ta hít thở, mỗi khi làn không khí lạnh buốt tốt lành kia ùa vào phổi, một niềm vui sống cũng ùa vào theo.

Nhưng hết đông lại sang xuân. Từ đất rừng đang tan băng, từ các hồ và những đầm lầy, hơi ẩm bốc lên, đó chính là mùa tệ hại nhất cho những người bị lao phổi.

Với chàng chánh kiểm lâm Ôc-sa cũng thế. Chàng chịu đựng mùa đông rất tốt, nhưng đến tháng ba khi tuyết bắt đầu tan, sức khỏe chàng lại suy sụp. Suy sụp đến nỗi đã bốn tuần liền chàng phải nằm liệt giường, và ngay cả việc nhận báo cáo của những người gác rừng chàng cũng phải tiến hành ngay trong phòng ngủ. Chàng gầy sục đến mức khó lòng nhận ra nỗi, nhiều khi những cơn ho sặc sụa kéo dài khiến chàng không nói được suốt mười lăm phút liền hay lâu hơn nữa. Trán chàng đầm đìa những giọt mồ hôi lạnh to tướng, hơi thở chàng rất khó nhọc.

Đến thứ bảy thì bà chánh kiểm lâm hoàn toàn không để cho một người gác rừng nào vào phòng chồng nữa. Nàng vào bếp gặp họ, người cũng nhợt nhạt, mệt mỏi, và chỉ nói rất khẽ:

- Nhà tôi mệt lắm, không... không thể để anh ấy mệt thêm nữa.

Rồi nàng òa lên khóc.

- Thưa bà, có nhẽ nên đi mời bác sĩ đến ạ. - một người lên tiếng. Ông nhà sẽ chết nhẹ nhàng hơn.

- Nhà tôi không thích bác sĩ. - phu nhân lắc đầu. - Chính tôi cũng đã van xin anh ấy thế nhưng anh ấy không đồng ý.

- Tôi vẫn muốn nên đi mời bác sĩ, - người khác bảo. - Còn với ông chánh kiểm lâm thì ta bảo chính bác sĩ tự đến, nghĩa là tiện đường ông ấy rẽ vào.

Mọi người đều đồng ý thế, Ôc-sư-na gạt nước mắt quay vào phòng ngủ. Sau bao đêm không chợp mắt, chính nàng cũng mệt lắm, nàng bước đi mà chân nặng như chì. Song khi đến gần giường người ốm, nàng cố mỉm cười, tỏ ra bình tĩnh. Nàng sợ rằng ánh mắt của Ja-nếch sẽ đọc được những ý nghĩ thật của nàng, những ý nghĩ khủng khiếp và đớn đau đang hành hạ tâm hồn tội nghiệp ấy. Khi chàng đã thiếp đi, nàng bèn quỳ xuống và cầu nguyện khẩn khiết.

- Lạy chúa, hãy tha tội cho tôi, xin Người đừng trừng phạt tôi, đừng trả thù tôi! Đừng cướp anh ấy đi! Tôi có tội, tôi đã phạm nhiều điều ác, nhưng xin Người hãy tha thứ! Tha thứ cho tôi! Tôi không thể làm khác được!

Và lệ giàn giụa cả khuôn mặt gầy như trong suốt của nàng, môi nàng run rẩy trong khi thì thầm những lời khó hiểu.

Nhưng Ja-nếch lại tỉnh ngay. Một cơn ho nữa hành hạ chàng và trên chiếc khăn lại hiện ra thêm một vết máu nữa. Lại phải đưa nước và cho chàng uống thuốc.

Đột nhiên, đến đêm chàng đỡ đau hơn. Cơn sốt lui hẳn. Chàng bảo nâng người lên để chàng ngồi dậy. Không một lời phản đối, chàng uống cạn cốc kem sữa rồi nói:

- Anh thấy là anh sẽ sống!

- Chắc chắn rồi, hẳn thế rồi, Jan-ku^[15]: Cơn nguy hiểm qua rồi, tất nhiên là thế. Anh đã thấy khỏe hơn. Rồi anh xem, chỉ tháng nữa là anh sẽ khỏe hoàn toàn thôi mà.

- Anh cũng nghĩ thế. Ma-ri-ô-la chưa ngủ hả em?

Không khi nào chàng gọi con bằng cái tên ấy. Ngay từ đầu chàng đã không thích tên gọi ấy và chỉ gọi con là Ma-rư-sia, khiến Bê-a-ta cũng quen

dần.

- Vâng, con chưa ngủ. Nó đang làm bài.

- Thế ra em vẫn còn thì giờ dạy con học ư?..

Chàng nín lặng, rồi lát sau chàng bảo:

- Lạy Chúa, anh đã mang đến cho em và con biết bao khổ cực.

- Jan-ku! Sao anh có thể nói những lời kinh khủng nhường ấy! - Nàng hoảng hốt.

- Đó là sự thật.

- Chính anh cũng không tin điều đó. Anh đã mang lại cho em và con biết bao hạnh phúc, những niềm hạnh phúc đẹp nhất!...

Chàng nhắm mắt thì thầm:

- Anh yêu em. Bê-a-ta, càng ngày càng yêu đắm say hơn. Và chính tình yêu ấy không cho phép anh chết.

- Anh sẽ không chết, anh không thể chết được. Không có anh, cuộc sống đối với em sẽ tồi tệ hơn là cái chết. Nhưng chúng mình đừng nói tới chuyện ấy nữa anh. Chuyện ấy đã qua rồi, ơn Chúa! Anh biết không? Để em gọi Ma-rư-sia nhé. Đã bao lâu con không được gặp anh rồi. Anh cho phép chứ?

- Không nên. Ở đây không khí đầy mầm bệnh. Chính anh đang lo khi nghĩ em phải thường xuyên thở hít chúng. Đối với buồng phổi trẻ thơ của con đó là thuốc độc.

- Vậy thì để con đứng ở ngưỡng cửa thôi cũng được. Anh hãy nói với con đôi lời. Anh không biết con hay đòi điều đó đến mức nào đâu.

- Thôi cũng được - chàng đồng ý.

Bê-a-ta hé cửa gọi:

- Ma-rư-siu^[16]! Cha cho phép con rồi đấy.

- Cha ơi! - Từ trong nhà vang lên tiếng reo vui mừng rỡ, rồi tiếp đó là những bước chân chạy gấp gáp.

Cô bé chạy vào và đứng sững lại. Đã hai tuần em không được gặp mặt người ốm và những thay đổi trên mặt cha khiến em kinh hoàng.

- Hôm nay cha thấy đỡ hơn, - Bê-a-ta nói vội, - nhưng cha mới chỉ cho phép con đứng ở cửa thôi. Vài hôm nữa cha sẽ dậy được và hai cha con sẽ lại cùng nhau nào rừng, con nhé.

- Con yêu của cha, dạo này con ra sao? - Ôc-sa hỏi con.

- Cám ơn cha. Mà cha biết không, cái cây bạch dương con cạnh Si-vư Ru-trai đã bị nước rửa trơ rễ ra rồi đấy?

- Nước rửa trơ ra rồi à?

- Vâng. Bác Ma-kô-oa bảo rằng nó sẽ đổ ngay bây giờ cho xem. Bác ấy còn bảo rằng anh Gru-sca, con trai bác ấy, hôm qua trông thấy bốn con nai ở chỗ suối cạn Ha-nin-xki ấy. Chúng nó đi thành hàng một nối đuôi nhau, cha ạ.

- Chắc chúng nó từ Rừng Đỏ sang.

- Vâng, bác Mi-kô-oa cũng bảo thế.

- Thế con chưa quên hết môn thực vật và vật lý đấy chứ? - Chàng mỉm cười hỏi.

- Còn lâu, cha ạ! - Cô bé khẳng định và để chứng minh điều đó cô bắt đầu kể ra những gì cô đã tự học được. Sau một lúc trò chuyện Ôc-sa gửi cho con một cái hôn gió để chia tay.

Tay chàng gầy và trắng một vẻ thiếu tự nhiên.

Khi Ma-rư-sia đã ra, chàng nói:

- Con bé lớn nhanh thật. Mới mười hai tuổi mà nom đã gần bằng em rồi. Năm tới chúng mình sẽ phải gửi con đến trường thôi. Anh hi vọng rằng rốt cuộc công tước phu nhân cũng sẽ được phép đốn gỗ và khi ấy chúng ta sẽ lại vững vàng.

- Cầu Chúa ban cho. Cốt sao anh khỏe thật nhanh.

- Phải, phải - chàng hăng hái tán đồng, - anh sẽ phải khỏe để lo công chuyện. Nếu không chặt hạ, anh đã quyết định sẽ tìm một chỗ làm khác. Phải rời bỏ Rừng đại ngàn O-đrun-ke-xka thì thật là nặng nề, nhưng Ma-rư-sia đã lớn rồi. Đó là điều quan trọng nhất.

Chàng hơi trầm ngâm rồi lát sau chàng hỏi:

- Em lại phải tiêu khá nhiều tiền thuốc thang phải không?

- Anh đừng lo chuyện ấy.

- Em biết không, anh cứ nghĩ nếu rằng bây giờ anh chết đi thì sau khi lo ma chay, em sẽ còn lại chẳng được mấy tí tiền nong. Điều đó hành hạ anh nhiều hơn cả... Có bán đồ gỗ trong nhà thì em cũng chỉ đủ sống được một năm thôi. Nhất là những tấm thảm tranh cổ kia. Hình như chúng cũng có giá trị đấy.

- Anh Ja-ku! Anh nói gì thế! - Nàng kêu lên trách móc.

- Không, anh chỉ nhắc lại những gì anh suy nghĩ đó thôi. Anh cũng nghĩ rằng trong trường hợp anh làm sao em có quyền nhắc người ta cấp một khoản tiền nào đó cho Ma-rư-sia. Anh không nghĩ là Vin-tru-rơ sẽ lại tìm được về. Nếu không, hẳn người ta đã viết trên báo. Chắc phải có một ai khác quản lý tài sản của ông ta, và Ma-rư-sia có quyền hưởng tài sản đó.

Mặt Bê-a-ta đỏ bừng.

- Chính anh nói thế ư, Jan-ku?! - Nàng kêu lên không giấu nổi vẻ bất bình.

Cho đến hôm nay, trong suốt năm năm qua, chưa bao giờ họ nhắc một lời nào đến giáo sư. Suốt năm năm trời, kể từ khi chàng bảo nàng gửi hết các thứ quần áo của bé Ma-rư-sia tặng một nhà nuôi trẻ nghèo nào đó.

Ôc-sa nhìn xuống.

- Anh không có quyền bắt con phải sống đời nghèo khổ.

- Nhưng em không có tiền chia tay xin tiền của ông ấy. Trăm lần, ngàn lần không, thà chết còn hơn. Không bao giờ, Jan-ku, anh nghe không, không bao giờ!

- Thôi được rồi, chúng mình đừng nhắc đến chuyện ấy nữa đi em. Song em thấy đấy, nếu anh không sống nổi... Khi nghĩ rằng mình sẽ chết, anh thật kinh hoàng hình dung ra những điều sẽ xảy đến cho mẹ con em.

- Em biết may, biết thù thù, em có thể đi dạy thêu - Em có thể làm tất cả, trừ chuyện đó. Anh hãy nghĩ lại mà xem, em còn mặt mũi nào đến gặp những người thừa kế của ông ấy để mà đòi hỏi, em, kẻ mà bọn họ... có quyền coi là kẻ đã gây nên cái chết của ông ấy. Vả lại, anh Jan-ku, tại sao chúng mình nói tới việc ấy mà làm gì? Anh thấy đỡ hơn, ơn Chúa, mọi sự sẽ tốt đẹp vô cùng.

- Hẳn rồi, em thân yêu, chắc chắn là thế, - anh áp mặt vào tay nàng.

- Anh thấy chưa! - Nàng tươi lên, - Còn bây giờ anh phải cố ngủ đi nhé. Muộn rồi.

- Ủ. Anh thấy hơi buồn ngủ.

- Chúc anh ngủ ngon. Anh duy nhất của em, chúc anh ngon giấc. Giấc ngủ sẽ cho anh thêm sức.

- Chúc em ngủ ngon, niềm hạnh phúc của anh,

Nàng che đèn, quấn mình trong tấm chăn và ngả người trên ghế xô-pha. Nhưng mười lăm phút sau này chợt nhớ ra còn phải cho anh uống thuốc nước trước khi đi ngủ.

Nàng nhồm dậ, đếm đúng mười hai giọt thuốc bốc mùi crô-zôt, rót thêm nước, rồi cúi xuống phía người ốm.

- Jan-ku, - nàng khẽ gọi anh, - anh uống thuốc đã này.

Chàng không tỉnh. Nàng nhẹ nhàng chạm vào tay anh và cúi xuống người phía anh.

Và lúc ấy nàng nhìn thấy đôi mắt anh đang mở trừng trừng.

Anh không còn sống nữa.

CHƯƠNG V

Đúng chính giữa quãng đường từ Ra-đô-li-xki đi Nhe-xku-pa, từ thuở xa xưa nào đó không ai nhớ nổi, đã có một chiếc cối xay chạy bằng sức nước. Ngày trước, nó là tài sản của các cha thuộc dòng Ba-zi-li ở tu viện Vi-xku-nư được dựng lên vào triều vua Ba-to-rư^[17], còn bây giờ là tài sản của ông Prô-cốp Sa-pi-en, người cả vùng đều gọi là Prô-cốp Mi-en-nhich theo tiếng Bạch Nga^[18].

Đất đai trong vùng không quá giàu có cũng chẳng quá phì nhiêu, chỉ là đất thường trồng khoai tây, hắc mạch, chủ yếu thuộc về các quý tộc nhỏ và nông dân, song ông Prô-cốp vẫn không thiếu lúa mạch để xay, vì trong vùng chẳng hề có ai cạnh tranh, nếu không kể đến cái cối xay gió nằm cách đây năm cây số, tại làng Bi-e-rơ-vin-tư của người Lít-va. Chiếc cối xay gió kia thì lại chẳng đủ phục vụ cho tám mươi nóc nhà, bởi người Lít-va nổi tiếng là giỏi canh, và chẳng phải là một người biết thu hoạch từ năm đê-xia-chin^[19] ruộng một lượng thóc lúa nhiều hơn nông dân Bạch Nga thu từ bảy hoặc tám đê-xia-chin.

Ở Nhe-xku-pa cũng thế, Ở đó có họ hàng nhà Mô-xka-le, những người theo cựu giáo, ngày xưa từ Nga di cư tới đây. Tất cả đều là những nông dân to lớn, khỏe mạnh, lam làm, họ có thể theo cày từ mờ sang đến chập tối, mà họ cày rất sâu. ở Bi-e-rơ-vin-tư người ta cũng chẳng cày sâu đến thế.

Còn ở Ra-đô-li-xki thì cũng giống như ở mọi thị trấn khác, có dân Do Thái, họ chuyên nghề thu mua trên qui mô nhỏ ngũ cốc từ các làng xa để cung cấp cho đám thị dân cũng như để tải đi Vin-nô. Nhờ họ, ông Prô-cốp cũng có thêm việc làm. Vì vậy ông chẳng có gì phàn nàn, và chỉ cần không có hạn hán, chỉ cần không thiếu nước trong các đầm chứa thì quả thực ông cũng chẳng có lý do mà ta than. Mà hạn hán thì rất hiếm hoi tại vùng này, tháng hoặc nếu có chẳng cũng chẳng rõ nó phải kéo dài đến bao lâu mới không đủ nước cho cặp bánh xe. Bởi mặc dù các đầm chứa được đào từ vài trăm năm trước, nhưng rất sâu và vững chãi, cứ mười năm lại được vét bùn một lần để khỏi bị lay sậy mọc lẫn.

Có ba đầm chứa tất cả. Hai cái thượng và một cái hạ. Quanh các đầm đều có những cây liễu mọc dày. Độ chênh mực nước so với đầm khá lớn, quãng hai xa-gien^[20], ngoài máng dẫn chính đưa nước và bánh guồng còn có thêm hai cống xả lũ nữa để phòng khi lụt. Trong các đầm cá nhiều vô kể; nào cá đáy, cá tuyết sông, cá rô, nhưng thiếu nhất vẫn là cá bống. Tôm cũng không thiếu. Trong những hố sâu dưới lòng những bộ rễ cây đã bị nước rửa trôi đất, chúng tụ tập cả hàng trăm con. Hai chàng thợ phụ của ông Prô-cốp, nhất là anh chàng Kzi-uc trẻ tuổi hơn, rất thích bắt tôm. Nó đứng ngâm trong đất sâu ngập đến gối, cứ mỗi lần cúi người xuống, thò tay vào hang sâu tới khuỷu hoặc hơn một chút là lại lôi ra được một chú tôm.

Thực ra chẳng có ai trong cõi xay biết ăn tôm, người ta coi chúng như loài sâu bọ, nhưng trong thị trấn, ở Ra-đô-li-xki, lúc nào cũng có thể bán chúng được ngay: cả cha cố thiên chúa giáo, cả cha cố chính giáo, lẫn ông đốc tư, nhất là ông này - đều là những người thích chén tôm. Ông thích được trả công ba chục tôm hơn là hai chục trứng hay ba *zuốt-ty*.

Trong cái nhà máy ở cách thị trấn chừng mười hai vi-o-rơ-xta^[21] cũng không thiếu những người nghiện tôm nhưng muốn đến đây phải có dịp. Đi bộ thì quá xa, mà ngựa thì ông Prô-cốp chẳng bao giờ chịu cấp cho những chuyện vớ vẩn như thế, dù đó là con nghêo đã già nua tuổi tác và béo ị như lợn. Thì thức ăn cho nó có bao giờ thiếu đâu. Chỉ nguyên đứng một chỗ thôi nó cũng luôn phải đổi chân và kêu rừ rừ ầm ỹ cả chuồng. Chuồng gia súc rất lớn, vững chãi, được xây dựng bằng những thanh tròn lớn. Ngoài con ngựa ra còn có hai con bò sữa và lũ lợn trong các ngăn nữa. Cả chiếc xe và cỗ khô cũng được chứa dưới mái che.

Ngôi nhà được xây kế vào cõi xay. Nhà có ba buồng trong đó ông Prô-cốp sinh sống cùng gia đình và những người phụ việc, ngoài ra còn một nhà ngang hoàn toàn mới mà ông làm cho con trai cả, anh An-bin khi An-bin định lấy vợ. Từ khi An-bin chết đi, nhà ngang vẫn để trống, vì đứa con thứ hai vừa dọn xuống đó hôm trước thì hôm sau đã gặp ngay tai họa. Người ta đồn rằng chắc có ai đó đã yểm bùa vào ngôi nhà ấy hoặc đã liếc cặp mắt độc vào móng nhà. Không biết có thật thế không, có điều chẳng ai muốn

vào ở đó, mặc dù cũng có những kẻ nói vụng nói trộm rằng không phải cái nhà ngang bị yểm bùa độc mà chính Đức Chúa đã trừng phạt hậu duệ ông Prô-cốp Mi-en-nhich vì tội ông đã đuổi em ruột của mình đến nỗi phải bị gãy ra đi.

Những lời bàn tán vụng trộm ấy khiến ông Prô-cốp tức tối kinh khủng. Ông không tài nào chịu nổi và không ít kẻ vì nỗi ngờ vực của mình đã bị ông trừng trị nặng nề.

Nhưng chắc hẳn trong chuyện đó cũng phải có một cái gì đó. Bởi lẽ ông Mi-en-nhich có tới ba anh con trai. Anh con thứ bị chết trận, anh con cả thì ngay trước đám cưới say rượu bước nhầm xuống mặt băng, băng vỡ, anh bị chết đuối. Còn đứa con trai út, khi đang đóng chiếc chêm vào cối ở tít trên cao thì bị ngã, may mà chưa mất mạng, nhưng bị gãy cả hai chân. Người ta đưa bác sĩ đến, bác sĩ cố định hai chân anh ta vào ván, nhưng cũng chẳng ích gì. Anh đành chịu cảnh tàn tật suốt đời, không thể đi lại được. Đã suốt năm tháng trời nay anh chỉ nằm hoặc ngồi chẳng làm được một việc gì cả, mới mười tám tuổi đã trở thành gánh nặng cho cha.

Cô con gái cả cũng chẳng khiến cho ông Mi-en-nhich vui sướng gì. Cô ta lấy chồng làm thợ cả ở xưởng gạch nhưng anh thợ cả nọ bị chết trong một trận hỏa tai, còn cô, đang lúc bụng mang dạ chửa nên sinh một đứa bé bệnh hoạn, mắc chứng động kinh.

Chính vì thế mà ông lão Prô-cốp cứ âm thầm như đêm tối, nhìn ai cũng gườm gườm, mặc dù mọi người vẫn ghen với gia tài của ông, dù cái cối xay chẳng phải nghề việc bao giờ, còn bản thân ông chưa có điều gì phải kêu ca về sức khỏe.

Năm ấy, đến mùa thu ông lại có thêm một chuyện lo phiền nữa: anh chàng thợ phụ trẻ nhất Ka-zi-uc, bị bắt sung vào lính. Ông lão Prô-cốp không muốn lấy một kẻ vợ vẫn nào đó thay chân anh ta. Công việc ở cối xay đòi hỏi phải có trách nhiệm, phải thận trọng và có sức khỏe. Một tay mục đồng tầm thường không thể đảm đương nổi. Ông lão cứ cân nhắc mãi, cuối cùng chọn được gã Ni-nit-ka Rô-ma-nhi-uc ở làng Pô-bê-rê-diê. Cha

Ni-nit-ka có hai con trai đã có vợ con, còn thằng trẻ nhất ông muốn cho lên phố kiếm việc làm. Nó vốn là thằng có sức khỏe, biết việc, thậm chí có bằng tốt nghiệp nữa kia.

Ý đã quyết, hôm thứ năm, đúng ngày phiên chợ tại Ra-đô-li-xki, ông lão Prô-cốp chuẩn bị lên đường. Từ cối xay đến xưởng cửa cũng chẳng xa xôi gì, chưa đến một vio-rơ-xta. Mà trên đường thì nông dân đang lũ lượt kéo đi chợ phiên. Xe ngựa và xe kéo nối theo nhau. Ai cũng chào ông Mi-en-nhich, bởi lẽ mọi người đều biết ông. Cũng có những kẻ không hãm ngựa lại, vừa chào vừa tò mò liếc xem ông lão đón nhận sự trừng phạt của Chúa giáng xuống đứa con trai út của ông, cậu Van-sin-ka ra sao. Nhưng qua nét mặt của ông Prô-cốp không thể nhận ra một điều gì hết. Cũng như mọi khi, ông chỉ nhíu mày và nhúc nhích bộ râu cằm nhọn hoắt đã nhuộm bạc của mình.

Cuối cùng, ông Rô-ma-nhi-uc cũng tới. Chắc hẳn ông đi chợ sắm sửa, bởi xe ông rỗng không, đằng cuối xe là mụ vợ.

Lão Prô-cốp vẫy tay chào rồi bước theo cạnh xe. Họ xiết chặt tay nhau.

- Thế nào, đằng ấy ra sao? - Ông Rô-ma-nhi-uc hỏi. Bác vẫn đang tự vỗ béo đấy chứ, người anh em?

- Tôi đang sống nhờ lượng Chúa. Nhưng cũng có điều đang lo nghĩ đây.

- Tôi có nghe nói.

- Không phải chuyện ấy. Có điều người ta lôi thằng Ka-zi-uc vào lính?

- Lôi vào lính à?

- Ừ, vào lính.

- Thế đấy?...

- Ừ. Mà bác biết đấy, chỗ tôi kiếm tiền cũng khá. Người làm công chẳng những không bị đói mà còn để dôi ra được ít nhiều.

- Thì hẳn rồi, - ông Rô-ma-nhi-uc thừa nhận.
- Tôi có nghĩ, thằng bé Ni-nit-ka nhà bác có thể làm việc ấy chẳng.
- Sao không?
- Nào, thế thì sao?
- Sao cái gì?
- Nào, thì việc thằng Ni-nit-ka ấy?
- À, để nó đến chỗ ông làm phải không?
- Ừ.

Ông Rô-ma-nhi-uc gãi đầu, trong đôi mắt bạc màu nhỏ bé của ông thoáng lên niềm vui. Song ông cũng vẫn nói bằng giọng dửng dưng.

- Thằng bé khỏe đấy...

- Vậy thì ơn Chúa, - lão Prô-cốp vội lẩm bầm nhu thế sợ ông Rô-ma-nhi-uc chợt nảy ra ý định hỏi thăm sức khỏe thằng Va-sin nhà lão chẳng, - Có điều nó phải đến đúng thứ sáu tuần tới, vì thứ sáu thằng Ka-zi-uc phải đi rồi.

- May mà ông nói, người anh em ạ, vì hiện nó không có nhà. Nó đang đi Ô-smi-an.

- Tìm việc à?

- Đúng vậy.

- Nhưng nó sẽ về chứ?

- Sao lại không về? Chốc nữa, tới Ra-đô-li-xki tôi sẽ gửi bưu thiệp cho nó.

- Vậy thì hay lắm. Để sao cho thứ sáu...

- Tôi hiểu rồi.

- Bây giờ công việc nhiều, tôi không kham nổi nếu thiếu người làm, - ông Prô-cốp nói thêm.

- Nó sẽ đến đúng hẹn.

- Chào bác.

- Chào ông.

Ông Rô-ma-nhi-uc lúc lắc dây cương, điều mà thực ra cũng chẳng làm cho con ngựa nhỏ bé lông xám bụng ửng phải để ý, và ông chìm trong những suy nghĩ đầy thỏa mãn. Thật là một phần thưởng lớn, khi mà trong ngần ấy người, lão Mi-en-nhich đã chọn chính con trai ông.

Ông quay người lại nhìn vợ. Tấm khăn san dày dặn phủ kín cả đầu bà, chỉ còn nom thấy mỗi mắt và mũi.

- Ông Mi-en-nhich lấy thằng Ni-nit-ka của ta đấy - ông nói.

Bà vợ thở dài.

- Chúa tôi, lạy chúa tôi!...

Không rõ bà mừng vui hay lo lắng. Và lại, ông Rô-ma-nhi-uc cũng chưa bao giờ suy nghĩ kỹ về chuyện đó. Giọng bà vốn đã rên rỉ thế rồi.

Còn ông lão Prô-cốp cũng mừng. Ông rất không thích đổi thay và những chuyện lo lắng. Thế là việc đã giải quyết xong. Ít nhất thì ông cũng tưởng thế cho đến tận tối thứ sáu.

Hôm ấy, ông sửa soạn đóng cửa cối xay muộn hơn thường lệ. Ông cứ chờ mãi. Người nhà không hiểu tại sao ông lại cáu bẳn thế, vì ông chẳng nói với ai nửa lời. Nhưng trong lòng ông thì sôi sùng sục. Thì chính ông đã nói rõ ràng rằng nó phải đến đúng vào ngày thứ sáu kìa mà, thằng Ka-zi-uc đi mất rồi. Từ ngày mai, việc sẽ bừa ra đấy, thế mà ở đây cứ phải đứng chờ, có bực không kia chứ!

- Mà cứ đợi đấy, đồ chó con mắt dạy, - lão khẽ rầm rừ, tay xoắn xoắn bộ râu.

Lão thề độc trong bụng sẽ không thềm nhận nó nữa, dù nó có đến ngay sáng sớm tinh mơ ngày mai. Thứ bảy không phải là thứ sáu. Tốt nhất cứ lấy một người ngoài đường, dù là kẻ cắp, còn hơn chịu nhận Ni-nit-ka.

Nhưng ngày hôm sau Ni-nit-ka cũng không ló mặt. Đành phải lấy tạm một người làm đờ trong đám nông dân chờ lúa đến xay.

Ngày hôm sau nữa là chủ nhật, cối xay nghỉ, lão Prô-cốp cầu nguyện xong - mặc dù nổi bực bội cản trở lão đọc kinh - bước ra trước nhà, ngồi xuống ghế dài. Lão muốn ban cho thằng bé một thứ đặc ân thế mà nó lại không thèm ló mặt đến. Chắc là ở Ô-smi-an nó đã tìm được việc làm nên không tới nữa, nhưng cái đó cũng chẳng thanh minh cho nó được kia mà.

- Rồi bọn Rô-ma-nhi-uc còn phải nhớ đời về việc này, - lão lẩm bẩm, rít tẩu thuốc.

Mặt trời chiếu sáng rõ. Ngày ấm áp và thanh bình. Hàng lũ chim tụ tập trên các đầm chứa nước để săn đuổi côn trùng. Đột nhiên trên đường cái có tiếng động cơ nổ vang. Ông lão đưa tay che mắt nhìn. Một chiếc xe mô-tô đang phóng.

- Ngày lễ mà chúng nó dám làm thế đấy, - lão nhõ đánh toẹt. - Chẳng biết sợ Chúa nữa à.

Lão biết lão đang nói về ai. Từ dạo mùa xuân, cả vùng này đều biết đó là cậu chủ Trưn-xki, con trai ông chủ nhà máy ở Lu-đơ-vi-kốp. Cậu ấy học xong bằng kỹ sư ở ngoại quốc, giờ về thăm cha mẹ để nghỉ ngơi. Người ta đồn rằng cậu sẽ điều hành nhà máy thay cha, nhưng trong óc cậu ta chỉ toàn nghĩ đến cái mô-tô, cái máy quỹ quái gì không biết, ban đêm chẳng để cho ai ngủ yên, chỉ tổ khiến lũ ngựa dọc đường giật mình.

Ông lão bực mình nhìn theo đám bụi mù đang khuất dần trên đường cái, và khi nhìn về phía ấy, lão chợt thấy một người đàn ông đang đi về phía cối xay. Người ấy bước khoan thai, nhịp nhàng, vai vác chiếc gậy con treo toòng teng khăn gói. Thoạt tiên lão Prô-cốp nghĩ rằng đó là Ni-nit-ka, máu dồn ngay lên mặt lão, nhưng khi người ấy lại gần thì hóa ra ông ta không còn trẻ nữa, chòm râu đen đã ngả màu sương.

Ông ta đến gần, cúi chào, làm dấu thánh chúc phúc, rồi hỏi:

- Ông có vui lòng cho phép tôi ngồi nghỉ và hỏi xin ít nước hay chẳng?
Ngày nóng quá, đâm ra khát.

Người chủ cối xay chăm chú nhìn ông, ngồi dịch ra nhường chỗ rồi gật đầu.

- Ngồi thì ai cũng có quyền. Còn nước thì, ơn Chúa, chỗ chúng tôi đây không thiếu. Đó, trong hành lang, có chiếc thùng đặt đó.

Lão thấy người khách vừa đến có vẻ dễ cảm tình. Ông ta có nét mặt buồn buồn, bản thân lão Prô-cốp cũng đã từng trải biết bao lo phiền nên chẳng thích những nét mặt vui tươi. Hơn nữa mắt người khách lộ ra vẻ gì đó tốt lành. Và, qua mỗi người lãng du đều có thể biết được thêm đôi điều thú vị. Mà người này thì rõ ràng là khách phương xa, bởi lẽ giọng nói của ông ta khác hẳn.

- Thế Chúa đưa ông từ đâu lại? - Lão Prô-cốp hỏi khi người khách không quen quay trở ra, ngồi xuống, đưa mu bàn tay quệt những giọt nước đọng trên râu cằm và ria mép.

- Từ xa lắm. Vừa rồi thì tôi từ Grôt-nô đến. Đi tìm việc.

- Ở Grô-nốt không tìm được việc làm sao?

- Có. Tôi làm một tháng ở nhà một người thợ rèn tại Mi-xku-nư. Nhưng rồi công việc hết, thế là tôi lại đi tiếp.

- Ở Mi-xku-nư à?

- Vâng.

- Tôi có viết tay thợ rèn đó. Có phải Vô-uô-vich không?

- Vô-uô-vich Ju-zep. Một mắt.

- Phải. Tàn lửa làm ông ta bị chột. Thế ra ông cũng biết rèn?

Người khách mỉm cười.

- Cũng biết rèn mà cũng không. Việc gì tôi cũng làm...

- Sao lại thế?

- À. Thì cũng ngót mười hai năm nay tôi lang thang trên thế giới, nên cũng học được nhiều nghề.

Ông lão liếc nhìn người khách từ dưới đôi mày rậm.

- Thế ông có biết làm các chi tiết cối xay không?

- Không. Chưa có dịp nào. Nhưng tôi cũng xin thú thật, ông Mi-en-nhich ạ. Tôi trú đêm ở làng Pô-bô-rê-diê, tại nhà một ông Rô-ma-nhi-úc nào đó. Những người thật tốt bụng. Tại đó tôi nghe nói rằng ông sẽ nhận con trai họ vào làm chỗ ông. Nhưng cậu ta đã tìm được việc làm ở Ôs-mi-an, nhận chân kèm trẻ học ấy mà, nên không qua về nữa.

Lão Prô-cốp sầm mặt.

- Nhà Rô-ma-nhi-úc cử ông đến đây phải không?

- Đâu có. Nhưng ở đó tôi nghe chuyện, nghĩ bụng thử tranh thủ cơ hội xem sao. Đến nơi hỏi thăm cũng chẳng tội lỗi gì. Ông muốn thì nhận tôi, không muốn thì đừng nhận.

Lão Prô-cốp nhún vai.

- Tôi nhận ông sao được, cho người lạ vào nhà mình à?

- Tôi cũng không ép.

- Ông làm thế là đúng. Tôi không biết ông, cũng chẳng một ai ở đây biết cả. Tự ông cũng hiểu đấy. Có thể ông là một người tốt, không có ý đồ xấu, nhưng cũng có thể ông là người xấu. Thậm chí ngay tên ông tôi cũng chẳng biết, ông sinh ở đâu tôi cũng không hay...

- Họ tên tôi là An-tô-ni Kô-si-ba, quê tôi miền Ka-lis.

- Ai biết cái xứ Ka-lis ấy ở đâu.

- Hẳn là thế, cũng xa đấy.

- Thế gian rộng lắm, lão Prô-cốp thở dài, - có đủ mọi hạng người.

Im lặng bao trùm, nhưng lát sau người chủ cối xay lại hỏi:

- Thế sao ông cứ phải đi mãi như vậy, không ngồi đâu cho ấm chỗ?
Ông không có nhà cửa à?

- Không có.

- Thế vợ cũng không có ư?

- Không.

- Tại sao?

- Tôi cũng không biết nữa... Vợ con chẳng mang lại gì tốt lành trên đời cả.

- Cái gì đúng, vẫn đúng, - lão Prô-cốp thừa nhận. - Họ chỉ gây toàn những chuyện lo lắng phiền muộn mà thôi. Nhưng dù sao cũng phải lấy vợ. Luật của Chúa thế rồi.

Và lão Prô-cốp nghĩ thầm rằng cái luật kia đối với bản thân lão sao mà khắc nghiệt. Vợ lão quả có sinh cho lão ba thằng con trai và một đứa con gái, nhưng chẳng phải để làm vui, chỉ mang lại toàn bất hạnh mà thôi.

Dòng suy tư của lão bị người khách cắt ngang:

- Ông không quen biết tôi thật, nhưng tôi đã từng làm cho nhiều người, tôi có chứng nhận đây. Ông có thể xem qua.

- Tôi chẳng đọc làm gì. Biết đọc biết viết cũng chẳng hay ho gì đâu.

- Giấy tờ tôi có đủ. Nếu như tôi là đồ trộm cắp, tôi sẽ chẳng đi tìm việc làm gì, chỉ ăn cắp là đủ sống. Mà nếu tôi là đồ trộm cắp thì đã bị tổng giam từ lâu rồi. Đã mười hai năm nay tôi đi lang thang. Tôi chẳng biết nương tựa vào ai bởi chẳng có một ai gần gũi.

- Thế sao ông không có?

- Còn ông có chứ? - Người khách hỏi lại.

Câu hỏi khiến chủ cối xay phân vân.

- Sao không? Tôi có gia đình chứ?

- Thế nếu như, xin Chúa bỏ qua, gia đình chết cả, liệu ông có tìm thấy ai gần gũi nữa không? - Ông có tìm thấy những người tốt bụng chân thành giúp đỡ ông trong hoạn nạn?...

Người đàn ông không quen nói, như đầy cay đắng, chua xót và nhìn thẳng và mắt lão Prô-cốp.

- Không có một người gần gũi nào cả, - ông kết luận, còn lão Mi-en-nhich, không đáp. Lần đầu tiên trong đời người ta nói với lão điều đó, và lão thấy đó là điều đúng đắn. Vì vậy, lão nhìn người khách với nhiều cảm tình hơn.

- Không biết người nói hay nghĩ gì về tôi, - lão nói, - tôi cũng chẳng quan tâm gì đến chuyện đó. Chắc hẳn người ta cũng đã kể cho ông nghe những chuyện vớ vẩn nào đó. Còn tôi, tôi tự biết cần phải sống ra sao. Tôi chẳng muốn xúc phạm đến ai hay làm ai phải khổ. Ai đến với tôi, ra đi bụng không phải chịu đói. Có Chúa chứng giám! Với ông tôi cũng nói thế này: nhà tôi không thiếu bánh mì, ông cứ việc ăn thật no. Và chắc hẳn tôi không để ông phải ngủ đêm trong rãnh. Một góc nhà thế nào cũng có. Nhưng việc làm cho ông thì tôi không có. Tôi bảo ông thật nhé: ông không có vẻ gì là người ngu ngốc và cũng có thể là người ngay thật đấy. Nhưng tôi cần một người thợ trẻ, đủ sức lực. Mà ông thì đã có tuổi rồi

Nghe thấy thế, người khách đứng lên, không nói một lời. Cách nhà vài bước chân có một thớt cối xay vớ đôi nằm lẫn trong cỏ. Ông ta khom người, luồn tay dưới nửa thớt cối, dang rộng chân lấy đà, rồi nhấc lên cao trên đầu. Ông cứ giữ nguyên như thế hồi lâu, im lặng ngó lão Mi-en-nhich, rồi ném mạnh đi, khiến đất rung lên.

Lão Prô-cốp im lặng nhồi tẩu thuốc. Người khách ngồi xuống bên cạnh, rút thuốc lá trong túi ra. Ông châm thuốc, người chủ cối xay nói:

- Chiều rồi đấy.

- Chiều rồi, - người khách đồng tình, liếc nhìn lên vầng dương.

- Đến giờ ăn trưa rồi. Không biết các cụ này làm gì mà chẳng giữ đúng giờ giấc ngày lễ gì cả^[22].

Song thực ra thì "các cụ" đã giữ đúng, vì từ trong hiên nhà chợt vang ra giọng thanh thanh của một bé gái:

- Ông ơi! Ăn cơm!

- Đi, mời ông ăn với chúng tôi những gì Chúa ban cho, - lão Prô-cốp vừa lẩm bẩm vừa đứng dậy.

- Chúa sẽ đền ơn - người khách đáp rồi đi theo ông.

Từ hiên nhà, nơi không lát sàn, bước vào phía tay phải, qua một ngưỡng cửa cao dẫn vào các buồng. Còn phía tay trái, qua một ngưỡng cửa còn cao hơn, vào một nhà bếp rộng rãi được dùng luôn làm nhà ăn, nơi mọi người ở suốt ngày. Một cái lò đồ sộ quét vôi trắng chiếm mất một phần tư gian bếp. Lửa đang réo phần phật, ủa ra qua một lỗ cửa lò rộng. Trên nền đỏ rực của lửa hiện ra đen thẫm những chiếc nồi to phình, đang phì hơn, sôi lục đục, khiến không khí tràn ngập mùi thức ăn thơm ngon. Trên nóc lò và trên những chỗ nằm được xây liền vào đó, nơi mùa đông người già và trẻ em nằm ngủ, giờ đây chỉ có những thứ đồ đạc cũ hỏng nào đó được che một tấm thảm dệt có sọc.

Những bức tường không trát vữa nhưng được bịt ván dán hàng trăm tranh ảnh. Trong góc nhà treo một bức tranh thánh được trang trí bằng những dải giấy nhiều màu sắc sỡ, trước tranh là một ngọn đèn nhỏ thắp bằng dầu ô liu đang cháy sáng, treo trên những sợi dây xích bằng đồng.

Cùng ở trong góc kê một chiếc bàn, vì là ngày chúa nhật nên bàn phủ một tấm khăn dày bằng vải lanh thô, sạch sẽ. Trên tấm khăn một ổ bánh mì dẹt to tướng, những chiếc thìa bằng gỗ và nhôm, nĩa, dao ăn, và muối đựng trong một chiếc liễn nhỏ màu xanh lục vốn dùng để chứa bơ, với một chiếc liễn làm theo hình cừu mẹ cừu con. Dọc các bức tường chạy dài một chiếc ghế băng rộng bản, bên trên là các giá, che bằng những tấm giấy cắt theo hình răng cưa. Trên các giá để đĩa, bình, cốc, âu, nồi tráng men và nồi bằng

kim loại, ở chỗ trang trọng nhất là sáu chiếc sanh đồng sáng óng ánh màu đỏ của kim loại.

Trong nhà có sáu người. Một bà già, gù lưng, hai người đàn bà còn trẻ và một thiếu nữ da nhợt nhạt có đôi mắt đen huyền tuyệt đẹp nom độ mười ba tuổi. Hai người đàn ông: một người tóc hung, to hơn, có đôi vai rộng, khiêm tốn ngồi bên cạnh cửa, một chàng trai trẻ, dáng thon thả, tóc nâu mà khách có thể đoán ngay được rằng đó là con trai của chủ - cậu Va-sin. Va-sin ngồi bên trên chiếc ghế dài bên kia bàn, tỳ lên khuỷu tay và nhìn ra ngoài cửa sổ. Việc cha cùng người khách lạ bước vào vẫn không dứt nổi chàng ra khỏi những ý nghĩ u ám.

Ngược lại, đám đàn bà xăm xắn và bận rộn bày món ăn. Chỉ lát sau trên bàn đã có hai liễn đựng thức ăn bốc khói nghi ngút: một chứa canh củ cải đỏ đầy mỡ, cho nhiều váng sữa, còn liễn kia đựng khoai tây hầm.

Người nhà đặt trước mặt ông Prô-cốp và cậu Va-sin những chiếc đĩa sành sâu lòng. Những người còn lại sẽ ăn chung trong liễn. Ông lão ngồi ở vị trí danh dự ngay dưới những bức tranh thánh, dang rộng tay làm dấu thánh giá, những người khác cũng theo gương ông, và lát sau, trong nhà chỉ còn nghe tiếng húp xì xoạp ngon lành. Sự có mặt của người khách lạ không làm ai ngạc nhiên. Chuyện ấy đã nhiều lần xảy ra rồi. Cũng không một ai lưu ý đến ông. Họ chỉ trao đổi với nhau nhiều câu hiêm hoi, lúc bằng tiếng Ba Lan, lúc bằng tiếng Bạch Nga, giống như mọi người địa phương ấy. Chẳng mấy chốc những chiếc đĩa đã sạch trơn và bà chủ nhà, được gọi là "mẹ A-ga-ta" ngoảnh sang phía một trong hai người phụ nữ:

- Nào, Zô-nhia! Mà y ngớ ngẩn^[23] rồi à? Quàng lên chứ!

Zô-nhia, một thiếu phụ cao, hông rộng, bật ngay dậy, dọn sạch những chiếc đĩa nhờn mỡ và chạy đến bên lò. Vợ lấy một chiếc móc nồi buộc vào cây gậy dài đặt trong góc, cô nhanh nhẹn thò vào cái hốc rừng rục lửa, kéo ra một chiếc nồi. Đôi má khỏe mạnh, mây mẩy của cô ta hồng hào vì lửa, và khi cô ta quay lại với chiếc liễn to đầy thức ăn, cô phải giữ liễn trong hai bàn tay chìa ra, bộ ngực cô đồ sộ và căng mẩy.

Sau món súp củ cải đỏ đến món thịt lợn ninh nhừ, thái to bằng nắm tay một, béo và mềm mụp.

- Ôn-ga! - mẹ A-ga-ta sốt ruột quay mắng người phụ nữ thứ hai: cắt bánh mì cho em kìa! Mà không thấy à?

Ôn-ga mảnh mai và lanh lẹ, với ngay ổ bánh mì, nhấc lên nhẹ nhàng, tựa vào người mình và khéo léo cắt thành những lát dài mỏng, bằng nhau.

- Bánh cho con nữa, mẹ ạ, cô thiếu nữ tên là Na-tan-ka nhắc.

- Và đừng quên bánh cho khách, ông lão Prô-cốp lầm bầm.

Ông ta liếc nhìn khách và đặt trước mặt ông một lát bánh cắt khéo như thế.

- Cảm ơn, - ông bảo, - còn cô tươi cười gậ đầu

- Không có gì ạ. Bác từ xa đến à?

- Từ xa lầm, từ Ka-lis kia.

- Thế bác đã ở Vin-nô rồi nhỉ?

- Vâng, đã!...

- Thế bác đã được thấy công thành Ô-xtra^[24] chưa?

- Đã được thấy rồi. Ở đó có bức tranh Đức Mẹ, một bức tranh thật tuyệt vời.

Ông lão Prô-cốp liếc nhìn con trai rồi lại cụp mắt xuống.

- Ai chẳng biết chuyện ấy, ông lầm bầm.

- Thế bác đã tận mắt thấy các phép lạ bao giờ chưa? Va-sin hỏi.

- Thấy thì tôi chưa thấy nhưng đã nghe người ta kể. Đủ các phép nhiệm màu.

- Vậy xin bác thử kể một chuyện đi.

- Tôi thì quả thực không rành những chuyện ấy - người khách do dự, nhưng những gì được nghe người ta kể thì tôi cũng có thể thuật lại đôi điều.

- Bác kể lại đi, kể lại đi bác! Cô bé Na-tan-ka dịch lại sát ông.

Người khách bắt đầu miễn cưỡng thuật lại chuyện người mẹ sinh ra hai đứa trẻ sinh đôi đều bị chết, chuyện người thương gia bị kẻ cắp nâng hết hàng hóa, chuyện kẻ báng bố thần thánh có cái lưỡi bị khô cứng lại, chuyện người lính bị mất hẳn hai bàn tay trong chiến đấu, tất cả những người ấy đều được Đức Mẹ Ô-trô-bram-xka cứu chữa.

Người ta đã ăn xong bữa, đám đàn bà chuẩn bị dọn dẹp, nhưng họ cứ đứng sững cả người ra nghe câu chuyện của khách. Còn ông ta, bản tính hẳn là người ít nói, chỉ nói rất khẽ và ngắn gọn.

- Tôi đã nghe nhiều chuyện khác giống như thế, nhiều lắm nhưng tôi không nhớ hết, ông kết thúc.

- Nhưng đó là bức tranh thánh của đạo Ki-tô mà? Zô-nhia hỏi.

- Đạo Ki-tô?

- Không biết Đức mẹ có cứu giúp những người theo đạo khác hay không, thí dụ như người theo chính giáo, Va-sin lên tiếng.

- Chuyện ấy tôi không rõ, - ông khách nhún vai - nhưng tôi nghĩ rằng chỉ cần là một người tốt thường tình của đã giúp đỡ mọi người rồi, bất kể là ai.

- Có điều phải là tín đồ Ki-tô, - mẹ A-ga-ta bực tức sửa lại lời ông khách. - Có lẽ ông không nói là Đức Mẹ giúp cả bọn Do Thái chứ hả?

- Do Thái à? - Người thợ làm thuê tóc hung vẫn im lặng từ nãy đến giờ cất giọng trầm trầm. - Đối với bọn Do Thái thì mẹ còn gửi thêm dịch tả nữa ấy chứ lý. Mà rất chi là có tác dụng nhé!

Anh ta cười thật to, vỗ vỗ hai tay vào hai gối.

Ông lão Prô-cốp đứng dậy, làm dấu thánh. Đó là tín hiệu cho những người còn lại. Đám đàn bà đi rửa bát đĩa. Đàn ông, trừ Va-sin ngồi lại trên bàn, còn tất cả đều kéo ra trước nhà. Lão Mi-en-nhich châm tẩu, sau đó lão

mang ra cho mình một chiếc áo choàng lông, trải xuống dưới bóng cây thích trên thảm cỏ ngồi ngả lưng ngủ một giấc sau bữa trưa no nê.

- Tôi làm công ở đây, - anh chàng tóc hung quay sang người khách lạ ở bên gọi chuyện. - Đã sáu năm rồi, cối xay tốt lắm. Còn ông làm nghề gì?

- Tôi không có nghề gì nhất định. Tôi biết làm nhiều nghề khác nhau...

- Ông nghỉ đêm lại đây, sáng mai nếu ông muốn tìm hiểu nghề nguội thì ông chữa hộ tôi khẩu súng lục với. Nó bị hóc, cò không lên được. Quý nhập vào nó hay sao không biết.

- Tôi đã xin ngủ lại, họ đồng ý rồi. Sáng mai tôi sẽ vui lòng xem hộ anh. Tôi cũng có biết qua nghề nguội.

- Xin cảm ơn ông.

- Không cần cảm ơn đâu. Tôi chỉ muốn làm được một chút gì đền ơn lòng mến khách. Những người thật tốt.

- Người làm công tán đồng. Đó là những người thành thật, không thể chê trách họ điều gì. Ông lão nghiêm khắc và hay đòi hỏi, nhưng lại công bằng. Ông không bao giờ moi đến đồng tiền cuối cùng của người ta, không vắt đến giọt mồ hôi cuối cùng. Mặc dù người đời vẫn đồn là ông đã đuổi em ruột phải bị gậy ra đi, người em ấy đã rửa lời nguyện, hại những đứa con ông. Chuyện ấy thực hư cũng chẳng biết ra sao, đã lâu lắm rồi, hơn bốn chục năm không ít. Còn lời nguyện rửa thì chắc cũng có, vì con cái ông Prô-cốp chẳng ra làm sao. Anh con trai cả bị chết đuối, anh thứ chết trận. Anh ta để lại mỗi mình người vợ góa, chính cái cô Zô-nhia ấy đấy, cô ấy chả là con nhà nghèo nên khi chồng chết vẫn ở lại với cha mẹ chồng. Góa bụa mà còn trẻ quá, ăn đứt nhiều cô. Dù A-ga-ta không thích cô ta, cứ hay sinh chuyện. Đã có lắm chuyện rồi, nhưng bây giờ lại... Thậm chí, với cô Ôn-ga, vợ ông thợ cả, con gái ông Prô-cốp, cô ta cũng hòa thuận được kia mà. Chỉ mỗi mình bà già là lắm chuyện. Ôn-ga cũng là một phụ nữ tốt. Không muốn điều xấu cho ai...

- Hôm qua tôi mang cỏ vào chuồng, cô ta đang vắt sữa bò. Cô ấy bảo tôi: này Vi-ta-lix, anh cũng đến tuổi lấy vợ từ lâu rồi đấy. Tôi cười: cười gì mà cưới. Tôi bèn bảo: có mà lấy cô ấy. Ôn-ga à, gần cô ta tôi biết, cô ta lại thích anh chàng giáo viên ở Bi-e-rơ-na-tư kia. Cô ta cười phô cả răng ra mà bảo: Anh ấy mà, Vi-ta-lix ạ! không nghĩ đến tôi đâu. Anh thì lấy Zô-nhia kia, cố ấy bảo, bà góa vẫn hơn tôi.

Người làm công cười, nhổ nước bọt rồi nói tiếp:

- Cô ấy hay đùa thế đấy. Ôi, chuyện đàn bà ấy mà.

Lúc này đám phụ nữ cũng đã ra ngoài trời. Ôn-ga và Zô-nhia khá diện. Té ra họ đến Bi-e-rơ-na-tư để dự tối vui. Cô bé Na-tan-ka quanh quẩn rồi đến bên ông khách.

- Thế bác đã thấy con Van-ka chưa?

- Chưa, Van-ka là con gì?

- Ngựa ấy mà. Nó béo như lợn ấy. Thế bác tên là gì?

- An-tô-ni.

- Còn cháu là Na-tan-ka, họ là Su-min-xka. Cha cháu là thợ cả ở nhà máy Lu-đơ-vi-kốp đấy. Thế bác có biết nhà máy ở Lu-đơ-vi-kốp không?

- Không, bác không biết

- Ở đó đẹp lắm nhé. Cả một tòa nhà khổng lồ. Cậu chủ thì chuyên phóng mô-tô thôi. Trong một tòa nhà to có nhiều lò lắm, cái nọ kể bên cái kia, người ta nung gạch ấy mà. Những lò khác thì nung đồ sành hoặc đồ sứ hay lắm. Thế bác đã thấy các đầm chứa nước của nhà cháu chưa?

- Chưa, bác chưa thấy.

- Thế thì đi, nào cháu sẽ chỉ cho bác thấy, chỗ nào có thể tắm được. Kia kia, chỗ cạnh rừng ấy. Còn cái đầm hạ này thì nguy hiểm lắm, nhiều hố sâu lại nhiều xoáy nước. Ông ngoại Prô-cốp không cho phép đi tắm, kể từ ngày cậu An-bin cháu bị sụt băng chết đuối ở đây. Đi, ta đi dạo một lúc.

- Được rồi, ta đi nào, ông khách đồng tình

Bằng giọng thanh thanh, Na-tan-ka kể cho ông nghe vô số chuyện. Cả hai đi men bờ đầm theo một con đường mòn hẹp nhưng có nhiều nền đất cứng. Họ đi quanh bờ đầm rồi bước vào rừng. Cô bé lập tức chú ý đến nấm.

- Lậy chúa tôi, cô thốt lên, bao nhiêu là nấm này. Từ giữa hôm thứ sáu đến giờ mà đã mọc nhiều thế đấy, hôm thứ sáu cháu với mợ Zô-nhia đã hái hết sạch rồi mà. Bác thích không, ta hái nhé!... Hôm nay chủ nhật, nhưng ta hái chơi thôi thì không phải tội đâu! Chính bà nói thế mà...

Suốt buổi chiều, cả hai mãi mê hái nấm giữa những bụi thạch thảo mọc đầy trong rừng non. Hai bác cháu nghỉ một chốc rồi, đến lúc mặt trời lặn, họ cùng nhau trở về nhà, vừa đúng lúc cả nhà gọi về ăn tối. Mẹ cô bé và mợ chưa về, họ còn đang mài múa, nên Na-tan-ka phải giúp bà A-ga-ta một tay. Hai bác cháu mang về cả một tạp dề nấm sữa. Để chúng khỏi hỏng, phải nhặt ngay và đổ nước ngâm.

Sau bữa tối, dọn dẹp xong mọi thứ, ông lão Prô-cốp, rồi bà già vào các phòng nằm bên trái hiên để ngủ. Anh thợ Vi-ta-lix bế xốc cậu con trai của họ, cậu Va-sin tàn tật mang vào phòng. Rồi anh quay lại lôi hai chiếc nệm từ sau lưng lò, trải lên những chiếc ghế dài đặt sát tường và bảo:

- Bác nghỉ tạm qua đêm. Ồn chúa, ruồi cũng không nhiều lắm.

Anh đóng cửa, tắt đèn rồi ngả lưng. Ông khách cũng làm theo. Trong căn bếp rộng mênh mang, im lặng bao trùm. Thoạt đầu còn có tiếng ruồi bay vù vù, trước khi chúng đỡ tìm được chỗ ngủ, nhưng lát sau chỉ còn nghe thấy tiếng nước róc rách, đều đều chảy trong cối xay vắng từ ngoài tường vào. Giấc ngủ nhẹ nhàng đến.

Trời hãy còn tối khi họ bị thức dậy bởi tiếng bánh xe kéo kẹt, tiếng vó ngựa lộc cộc và tiếng gọi lao xao, người ta chở lúa mạch đến xay. Ngoài hiên vang lên tiếng đảnh hắng của ông lão Prô-cốp, Vi-ta-lix bật dậy, người khách cũng thế. Họ đút đệm nằm sau lưng lò.

Lão Prô-cốp Mi-en-nhich bước vào, khẽ lầm bầm:

- Sáng danh Chúa...

- Đời đời...họ cùng đáp.

- Còn đứng đấy nữa à? Nhúc nhích chân tay đi chứ, thằng quý này, ông quay sang bảo Vi-ta-lix. Tháo cổng ra!

Lão nhìn khách vẻ u ẩn rồi nói thêm:

- Còn nhà ông nữa, bắt tay vào việc đi, không nghe thấy gì à? Người ta chờ hạt đến kia kìa!...

- Có nghĩa ông nhận tôi vào làm à? Khách vui sướng hỏi

- Đành vậy thôi, tôi nhận

CHƯƠNG VI

Từ hôm ấy, ông An-tô-ni Kô-si-ba ở lại luôn trong cối xay của lão Prô-cốp Mi-en-nhich. Mặc dù không bao giờ cười, cười mỉm cũng hiếm khi, nhưng ông thấy mình dễ chịu hơn từ trước đến giờ. Ông không ngại việc, chẳng phải sợ động tay hay dùng lưng, ông chẳng thích nói nhiều, cho nên ông lão Prô-cốp chẳng có điều gì phải chê trách ông. Ngược lại thậm chí lão còn hài lòng về người làm công mới. Nếu lão không hề để lộ ra điều đó chẳng qua cũng chỉ vì tính lão vốn quen thế mà thôi.

An-tô-ni Kô-si-ba làm tròn tất cả mọi việc được giao vào tay ông. Khi có thứ gì hư hỏng, ông lại ra tay sửa chữa, và vì lẽ bản tính ông vốn nhanh trí, nên người ta có thêm một tay rất được việc. Nhiều khi những má kẹp bị gãy hay bánh cóc bị trượt trên trục, ông biết ngay cần phải làm gì, lại làm được ngay, không cần phải mời thợ rèn hay thợ làm bánh xe.

- Bác giỏi thật đấy, bác An-tô-ni ạ, - Vi-ta-lix bảo. - Rõ là người đi nhiều trên đời

Lại một lần khác:

- Mà bác cũng đã già đâu. Bác cứ làm cho ông Prô-cốp thật khá rồi bác xem, thế nào bác cũng kiếm được vợ nữa kia, Bác sẽ lấy cô Ôn-ga gái góa kia kìa...

- Anh cứ toàn nói những chuyện không đâu, - An-tô-ni Kô-si-ba nhún vai, - họ không nghĩ tới chuyện đó, tôi lại càng không nghĩ. Để làm chuyện gì cơ chứ?

Bánh cối quay rầm rập, dòng nước dư dả chảy ào ào, hạt ngũ cốc lao xao. Những bụi bột trắng xóa bay đầy trong không khí, khiến nó tràn ngập mùi bánh mì thơm ngon, từ sáng sớm đến không hết việc. Ngược lại không đủ thì giờ để làm nữa kia. Nhưng chủ nhật thì có thể xả hơi để cho xương cốt giãn ra một chút. Song ngay cả những lúc ấy, ông An-tô-ni cũng không hề có ý xán lại gần cô Zô-nhia vui vẻ hay cô Ôn-ga, mẹ của Na-tan-ka, mặc

dù cả hai người đều mến ông và đối xử với ông đầy tình cảm. Những lúc rỗi ông thường hay chơi với cô bé Na-tan-ka.

Ngày ngày giống như nhau, và chính ông cũng tưởng mọi sự cứ tiếp diễn mãi như thế, giá như không xảy ra một việc, không những chỉ làm thay đổi tất cả, mà đối với gia đình ông Prô-cốp Mi-en-nhich nó còn là một sự kiện trọng đại.

Chuyện là thế này: vào hôm thứ bảy, ngay trước lúc bánh xe ngừng quay, một cái moay-ơ bằng gỗ sồi tự nhiên vỡ toác. Cần phải dùng đai sắt nẹp ngay nó lại. Ông Prô-cốp chạy như bay để mang đồ nghề đến và An-tô-ni phải mất ba tiếng đồng hồ đổ mồ hôi mới sửa xong. Và vì lão Prô-cốp hết sức quý đồ nghề, bao giờ cũng cất chúng ngay cạnh giường, nên lão bảo An-tô-ni cất ngay vào đó. An-tô-ni vác hòm đồ nghề lên vai đi cất. Cho đến nay chưa bao giờ ông đặt chân vào các buồng, vì ông không phải là kẻ tò mò và cũng chẳng có việc gì phải vào đó.

Trong buồng hết sức sạch sẽ, những chiếc rèm cửa trắng toát được hồ cứng treo trong khung cửa và những chiếc chậu cảnh trồng thu hải đường. Trên những chiếc giường cao chân chông chất đến tận trần nhà, những chiếc kim tự tháp xây bằng các lớp xốp phòng căng, nền nhà được sơn màu đỏ.

Ông An-tô-ni lùi lại để chùi chân thật sạch, rồi mới bước vào. Ở phòng thứ hai ông gặp Va-sin-ka. Va-sin-ka đang nằm trên giường khóc nức nở. Khi trông thấy ông An-tô-ni, cậu cố nén, nhưng rồi đột nhiên cậu gào to:

- Ông An-tô-ni ơi, tôi không thể chịu đựng lâu hơn được nữa. Thà chết còn hơn phải sống thế này. Tôi tự tử cho rảnh nợ. Số tôi đã định như thế rồi.

- Đừng nói chuyện vớ vẩn thế, ông An-tô-ni bình tĩnh khuyên. Người đời gặp biết bao điều bất hạnh, thế mà người ta vẫn sống được đấy thôi, cậu ạ...

- Sống được à? Để làm gì kia chứ? Tôi là cái thứ gì, sống để rồi mục ruỗng ra như khúc gỗ kia ư?

- Sao lại mục ruỗng?

- Thế thì là gì? Chẳng có ích cho ai, chẳng có ích cho bản thân mình. Rồi cũng sẽ thế thôi. Tôi cứ nằm đây, nghĩ mãi rồi. Và tôi hiểu ra: không còn cách nào khác.

- Bỏ những điều vớ vẩn ấy đi, - ông An-tô-ni lầm bầm, - cố giấu nỗi xúc động: cậu còn trẻ lắm.

- Trẻ thì sao? Trẻ làm gì khi mà hai chân tôi không thể tự nhúc nhích được, nếu tôi già thì cũng đành... Còn đây là sự trừng phạt của Chúa vì tội ác của cha tôi. Tôi phải chịu tội thay hay sao? Vì sao lại là tôi kia chứ? Tôi cướp phần tài sản của cha tôi ư?... Không phải tôi! Không phải tôi! Cha tôi! Thế thì sao tôi lại phải gánh chịu nỗi tàn tật này?...

Ông An-tô-ni nhìn xuống. Ông không tài nào dám nhìn thẳng vào chàng trai trẻ xinh đẹp, gần như một đứa trẻ này, kẻ đang khóc than cho số phận của mình.

- Cậu hãy nghĩ đến chuyện khác đi vậy, ông ấp úng không chút thuyết phục.

- Tôi có thể nghĩ đến chuyện gì kia chứ, đến chuyện gì nào? Cứ trông thấy hai cái chân này là tôi thà không được sinh ra trên đời còn hơn! Ôi, ông nhìn này!

Cậu giật mạnh chân, để phơi đôi chân ra.

Hai chiếc chân gầy guộc teo tóp một cách thiếu tự nhiên, trên đôi ống chân có những vết sẹo màu hồng chưa kịp ngả sang màu trắng và những cục lồi ra.

Va-sin còn nói gì đó nữa, nhưng ông An-tô-ni Kô-si-ba không hề nghe thấy, không phân biệt nổi những điều cậu nói. Ông nhìn chăm chăm như thể bị bùa mê. Ông cảm thấy có một điều gì lạ lùng lắm đang xảy đến với ông. Ông ngỡ như có hồi nào đó được nhìn thấy một cảnh tượng như thế

này, hình như đúng hệt như thế. Một sức mạnh nào đó không thể cưỡng nổi xui khiến ông cúi xuống người bệnh đang nằm, ông đưa tay ra, bất ngờ sờ nắn hai đầu gối và ống chân, những ngón tay thô ráp phủ làn da chai cứng của ông, với một sự thành thạo không lầm lẫn, ấn ấn, tìm hiểu trên các cơ đã teo của người tàn tật, các chỗ cong cong của xương mọc không liền.

Ông thở hổn hển nặng nhọc, dường như đang phải làm việc gì cố sức, ông cố chống lại những ý nghĩ trong đầu. Nhưng đúng, đúng rồi; ông hiểu rất rõ chuyện này. Xương liền không đúng chỗ. Chỗ này không được, cả chỗ này nữa. Chứ sao!

Ông thẳng người lên, đưa tay áo gạt mồ hôi trán. Mắt ông sáng long lanh, nhưng mặt ông nhợt nhạt đến nỗi Va-sin-ka phải hỏi:

- Ông làm sao thế?

- Hượm đã, cậu Va-sin, ông An-tô-ni nói, giọng tự nhiên khàn đặc hẳn, cậu ngã gãy chân đã lâu chưa?

- Năm tháng rồi... Nhưng....

- Năm tháng? Nhưng người ta đã xếp lại xương cho cậu rồi chứ?

- Xếp lại rồi. Bác sĩ từ thị trấn Ra-đô-li-xki.

- Rồi sao?

- Ông ấy bảo là tôi sẽ khỏi. Ông ấy bỏ hai chân tôi vào ván kẹp. Tôi nằm suốt hai tháng trời, nhưng khi tháo ra.

- Thì sao?

- Thì ông ấy bảo không thể làm gì hơn được nữa. Xương bị gãy đến mức không còn cách nào hết.

- Hết cách à?

- Vâng, cha tôi muốn mang tôi tới bệnh viện tận Vin-nô. Nhưng bác sĩ bảo chẳng để làm gì, bởi chính Đức Chúa cũng chẳng thể giúp gì trong chuyện này.

Ông An-tô-ni mỉm cười.

- Không đúng.

- Sao lại không đúng? Va-sin hỏi, giọng run run.

- Thì hẳn là không đúng rồi. Cậu thử động đậy ngón chân xem nào! Thấy chưa... Không đúng! Nếu cậu không động đậy được thì là xong. Thế còn gót?

- Không thể, Va-sin nhăn mặt, đau.

- Đau ư?... Phải đau mới được. Thế có nghĩa là tốt.

Ông chau mày hình như suy nghĩ. Cuối cùng ông nói đầy tin tưởng:

- Cái chân cậu phải làm gãy lại rồi xếp lại xương. Phải như thế. Rồi cậu sẽ khỏi. Nếu như cậu không thể động đậy các ngón chân thì không sao chữa nổi, nhưng thế này thì còn có thể.

Va-sin nhìn ông kinh ngạc.

- Sao ông biết, ông An-tô-ni?

- Sao à? An-tô-ni do dự. Tôi không rõ tại sao. Nhưng cái đó có gì khó. Ồ, cậu nhìn này, chỗ này xương phát triển cong, chỗ này nữa, còn chân kia thì tệ hơn nhiều. Chỗ này chắc phải gãy đến sát đầu gối.

Ông ấn ngón tay và hỏi

- Đau không?

- Đau lắm.

- Thấy chưa? Chỗ này nhất định cũng đau thế

Người gãy chân thít lên khi ngón tay ông chạm vào.

An-tô-ni mỉm cười

- Cậu thấy chưa?... Chỗ này phải cắt da và thịt. Rồi sau đó dùng búa hoặc là cưa xếp lại cho đúng

Cái ông An-tô-ni này ngày thường vốn bình tĩnh hay đúng hơn là thản nhiên, giờ bị thay đổi đến khó lòng nhận ra nổi. Ông sôi nổi giải thích cho Va-sin rằng không được để phí thời gian, cần phải giải quyết thật sớm.

- Bác sĩ Páp-li-xki không đồng ý đâu, Va-sin lắc đầu. Ông ấy đã nói một là một, sau đó chẳng muốn nghe ai bàn khác nữa. Có lẽ phải đi Vin-nô chẳng?

Cậu run cả người trước niềm hi vọng mà ông An-tô-ni đã thức tỉnh trong lòng, cậu nhìn ông lo lắng.

- Không cần phải đến Vin-nô! - Ông An-tô-ni bực mình trả lời. - Không cần đến ai cả. Tự tôi, tôi sẽ tự làm lấy!

- Ông á? Va-sin kêu lên, hoàn toàn không còn chút tin tưởng nào hết.

- Phải rồi, rồi cậu sẽ thấy, cậu sẽ đi bình thường như trước cho mà xem.

- Ông làm việc đó sao được cơ chứ? Phẫu thuật kia mà. Phải tốt nghiệp khoa học mới làm nổi, ông đã làm bao giờ chưa?

Ông An-tô-ni tự nhiên sa sầm cả mặt. Ông không sao cưỡng nổi niềm mong muốn khát khao đến lạ lùng này. Có một thứ gì đó buộc ông phải khăng khăng giữ ý định của mình. Song đồng thời ông cũng hiểu rằng người ta sẽ không để ông làm, người ta sẽ không cho phép, người ta sẽ không tin. Dĩ nhiên là chưa khi nào ông hành nghề chữa bệnh, lại càng chưa bao giờ xếp lại các xương bị gãy . Trong số rất nhiều nghề mà ông học được trong cuộc phiêu lưu nhiều năm của mình, ông nhớ rất rõ rằng ông chưa hề chữa bệnh cho bất kì một ai. Giờ đây chính ông cũng ngạc nhiên đối với bản thân mình, không rõ tại sao ông lại tin chắc, hoàn toàn tin chắc rằng sự tàn tật của Va-sin có thể chữa khỏi. Ông kinh ngạc nhưng điều đó không hề làm thay đổi ý định chút gì lòng tin tưởng của ông, không làm yếu đi quyết tâm của mình.

- Tôi đã làm bao giờ chưa à? Ông nhún vai. Tôi đã làm bao nhiêu lần rồi ấy chứ. Tôi sẽ làm cho cậu và cậu nhất định khỏi! Cậu không ngu ngốc gì? Cậu sẽ đồng ý phải không?

Cánh cửa hé ra, cô bé Na-tan-ka gọi:

- Bác An-tô-ni đi ăn tối! Còn cậu, cậu Va-sin-ka, cháu mang tận giường cho cậu nhé?

- Tao không ăn, Va-sin bực mình vì bị làm gián đoạn cuộc nói chuyện quan trọng đến thế, cậu sốt ruột gạt đi. Xéo đi, Na-tan-ka!

Rồi cậu hỏi kỹ ông An-tô-ni, cậu chỉ buông ông ra khi có tiếng mẹ giục ầm lên ngoài hiên.

Hai hôm sau, lão Prô-cốp gọi An-tô-ni ra trước cối xay gạo mình, ông lão đang ngồi phì phà nhả khói từ chiếc tẩu thuốc.

- Này An-tô-ni, ông đã bảo gì với thằng Va-sin-ka nhà tôi thế? Lão lên tiếng hỏi, vẻ suy nghĩ. Hình như chuyện chữa chạy gì đó phải không?

- Tôi nói đúng sự thật.

- Sự thật làm sao?

- Là tôi có thể chữa cho cậu ấy khỏi tàn tật.

- Ông cứu chữa cách nào cơ chứ?

- Phải mổ ra, đập gãy xương lụn nữa rồi xếp. Xương xếp bị sai.

Ông lão nhổ nước bọt, vuốt chòm râu bạc của mình rồi phẩy tay.

- Thôi đi, chính ngài đốc tờ đã bảo rằng không thể làm gì hơn nữa, thế mà ông, một kẻ ngu dốt, vô học, lại muốn...? Đúng là ông biết rành nhiều thứ việc khác nhau của thợ đấy. Tôi không chối. Vì thật ra có ông... nhưng với thân thể con người thì không đơn giản như vậy đâu. Cần phải biết rõ cái xương con kia nằm chỗ nào, cái mạch máu tí xíu kia chỗ nào, cái nào ăn vào cái nào, cái nào có ý nghĩa như thế nào. Đích thân tôi đã từng mổ, nói ví dụ, con lợn hay con bê. Trên thân chúng có biết bao thứ mà tôi không hiểu nổi. Nhưng nói cho cùng thì chúng là giống gì?... Chỉ là đồ súc vật. Còn trong người mọi thứ đều là tinh tế cả. Cần phải có hiểu biết. Đối với anh nó đâu phải là cái máy cắt rơm để anh có thể tháo tung ra, xếp tất cả những đinh vít với những thứ cũ tí cũ tí gì khác lên mặt đất, rồi sau đó anh

lắp lại, bôi dầu mỡ và nó cắt tốt hơn trước. Phải có kiến thức, phải qua trường, phải học hành chứ.

- Tùy ông thôi, - An-tô-ni nhún vai. - Tôi cũng có nài đâu chứ? Tôi nói tôi biết làm, vì đã nhiều lần cứu người ta khỏi những chuyện đau đớn như thế, tôi biết làm. Thế với tôi, ông đã bao giờ thấy tôi trả lời cho gió mang đi hay chưa?

Ông lão nín lặng.

- Đã có khi nào tôi nói về một việc gì đó là tôi biết làm, để rồi cuối cùng tôi lại làm hỏng hay chưa?

Lão Mi-en-nhich gật đầu.

- Đúng thế, chối là phải tội! Ông được việc lắm và tôi không bị thiệt hại gì về ông. Nhưng đây là chuyện con trai tôi. Ông biết rồi đấy. chuyện đứa con trai duy nhất còn sót lại của tôi.

- Thế ông muốn nó mãi mãi bị tàn tật thế à? Tôi xin bảo thực ông rằng càng ngày cậu ấy sẽ càng khổ sở hơn, chứ chẳng khá hơn được đâu. Chân cậu ấy có những mẫu xương đang chòi nhau. Ông bảo là phải có học, thì ông đã được một bài học rồi đấy thôi. Ông bác sĩ ở thị trấn là người có học đấy chứ. Thế mà ông ấy đã làm được gì nào?

- Người có học đã không làm được, thì kẻ vô học chẳng nên động tới làm gì. Trừ phi - ông ngần ngừ, trừ phi chờ đến Vin-nô, đến bệnh viện. Nhưng tốn kém lắm, mà cũng chẳng biết có ích gì không...

- Đẳng này không phải tốn kém. Ông sẽ không phải trả cho tôi một xu nào hết. Nhưng tôi không ép. Ông Prô-cốp, tôi xin nhắc lại, tôi không ép ông. Từ tấm lòng thành, từ lòng chân tình đối với cả nhà ông mà tôi muốn làm việc ấy. Nếu như ông sợ rằng cậu Va-sin bị chết hay bị đau đớn nặng nề hơn thì xin ông hãy lưu ý đến hai điều: Thứ nhất, khi ấy ông có quyền giết tôi. Còn nếu ông muốn, tôi sẽ ở lại làm công cho ông suốt đời. Mà tôi có làm gì đâu cơ chứ. Tôi chỉ thương thằng bé, tôi biết là tôi làm được.

Điều thứ hai, ông Prô-cốp, ông không nghe không biết gì về những điều cậu ấy đang nghĩ hay sao?

- Nghĩ gì?

- Nghĩ về việc tự chấm dứt cuộc đời.

- Phù, đừng có nói nhảm giờ giờ đấy, ông lão Mi-en-nhich rùng cả mình.

- Tôi không nói, nhưng chính cậu ấy, cậu Va-sin-ka luôn nghĩ tới chuyện đó, cậu ấy nói với tôi, với những người khác nữa. Ông hãy hỏi cô Zô-nhia hoặc bà A-ga-ta mà xem.

- Nhân danh Cha và Con!

- Còn ông, ông Prô-cốp, ông đừng cầu đến Chúa nữa đi.

An-tô-ni giận dữ nói thêm, bởi ai cũng nói rằng nỗi bất hạnh với lũ con ông là sự trừng phạt của Chúa về tội lỗi với em trai ông...

- Ai nói thế? Ông lão gầm lên:

- Ai?...Ai?... Tất cả mọi người. Cả vùng này. Còn nếu ông muốn biết thì chính con trai ông cũng nói thế đấy. Tại sao, nó hỏi, tôi phải chịu sống tàn tật suốt đời chịu tội thay cho cha tôi?...

Im lặng. Lão Prô-cốp cúi đầu, ngồi như hóa đá. Mái tóc bạc trắng và chòm râu của ông khẽ phất phơ trước gió.

- Lạy Chúa, xin hãy rủ lòng thương, ông thì thào khe khẽ.

Tự nhiên ông An-tô-ni thấy hối. Ông đã ném vào mặt ông già tội nghiệp kia những lời buộc tội đau đớn nhất. Muốn phần nào làm dịu bớt chuyện ấy, ông cất tiếng nói dịu dàng:

- Dĩ nhiên người ta nói toàn chuyện mà người ta nghĩ ra thôi... Không ai có thể biết được những sự trừng phạt của Chúa. Cậu Va-sin hãy còn trẻ và ngu dốt. Tôi không tin chuyện đó đâu.

Ông lão không nhúc nhích.

- Tôi không tin, - ông An-tô-ni nói tiếp. - mà lý do chính là chỗ có thể chữa lành cho con trai ông, chính tôi sẽ chữa. Ông hãy cân nhắc cho kỹ, ông Prô-cốp, vì tôi chỉ mong điều tốt cho ông bởi vì tôi biết rằng ông cũng không muốn điều gì xấu cho tôi. Ông hãy nghĩ kỹ xem, chuyện gì sẽ xảy ra, nếu như ngược hẳn những điều bàn tán kia, Va-sin khỏe lại, bắt đầu đi lại được, giống hết những người khác, bắt tay vào làm việc? Ông sẽ có kẻ để mà kế thừa cái cối xay, những năm già yếu của ông, ông sẽ tìm được chỗ nương tựa và chăm sóc bởi một đứa con ruột thịt. Ông hãy nghĩ xem, khi thấy thằng Va-sin khỏi bệnh, những kẻ hay đồn hoán có phải sẽ chịu ngậm miệng lại không nào?

Lão Mi-en-nhich nhòm lên khỏi khúc gỗ một cách nặng nhọc và nhìn An-tô-ni, trong mắt lão có những tia lửa lo lắng

- Ông An-tô-ni, nghe đây, ông có thể rằng thằng bé sẽ không chết chứ

- Tôi sẽ thề. - Một lời đáp trang trọng vang lên.

- Vậy thì đi

- Không nói một lời, lão bước đi trước. Lão nhìn vào các phòng. Không có ai cả. Trong góc, trước ảnh thánh, một ngọn đèn dầu nhỏ cháy leo lét.

Lão Prô-cốp gỡ bức tranh thánh ra khỏi chiếc đinh treo, trang trọng nâng lên quá đầu rồi nói:

- Thề có Đức Mẹ tối cao

- Thề có Đức Mẹ tối cao, ông An-tô-ni lặp lại.

- Thề có Chúa Giê-xu cứu thế

- Thề có Chúa Giê-xu cứu thế

- Tôi xin thề

- Tôi xin thề

- Tôi xin thề, - ông An-tô-ni lặp lại thêm lần nữa, và để khẳng định lời thề ông hôn bức tranh thánh mà lão Prô-cốp chìa ra cho ông.

*

Mọi sự phải tiến hành hoàn toàn bí mật. Lão Prô-cốp Mi-en-nhich không muốn chuyện lan ra để khỏi phải làm sống lại trong vùng những lời đồn đại về người em trai bị đuổi và sự trừng phạt của Đức Chúa giáng xuống đầu con trai ông. Bởi lẽ, mặc dù đã có lời thề của ông An-tô-ni, mặc dù lão tin tưởng ông một cách khác thường, lão vẫn dự tính đến khả năng con bị chết.

Vì vậy, ngay cả đối với những người gần gũi nhất, lão cũng không thông báo điều gì tỉ mỉ.

Ngày hôm sau, theo kế hoạch của ông An-tô-ni, đám đàn bà phải dọn thật sạch cái nhà ngang. Ở đó lò sưởi được nhóm lên, một xô nước được mang vào, hai chiếc sanh lớn nhất, cùng chăn nệm của cả Va-sin lẫn ông An-tô-ni.

Ông lão Prô-cốp chỉ bảo với đám phụ nữ và người làm công kia rằng:

- An-tô-ni có cách chữa, ông ta sẽ chữa cho thằng Va-sin-ka ở trong đó

Trong khi đó, ông An-tô-ni chọn một trong số đồ nghề một chiếc búa, một chiếc cưa nhỏ, mài nó thật sạch bong bằng bột gạch và làm thêm cán. Rồi ông tìm cái đục và hai con dao. Cả hai thứ đó ông mài rất lâu, nhưng vì ông mài trong kho xép nên không ai có thể dòm ngó được gì. Cũng không ai biết rằng ông đã bào sẵn những tấm gỗ.

Ông lão Prô-cốp, ngay từ sáng sớm đã đi lên thị trấn, khi trở về ông mang vào nhà ngang cho An-tô-ni những cái gói gì đó. Đó là bông và cồn i-ốt. Bấy giờ An-tô-ni tự làm lấy bằng hai tấm vải trải giường.

Đến tối, người ta chuyển chỗ cho Va-sin và đêm đó cả hai ngủ cùng nhau trong nhà ngang. Trong nhà ngang có hai buồng với ba cửa sổ và một hõm tường kín. Người ta bố trí giường cho Va-sin trong một buồng. Hõm tường thì An-tô-ni chiếm. Cũng giống như bếp ở nhà trên, trong nhà ngang cũng có những chiếc ghế dài đặt dọc tường và một chiếc bàn lớn đặt trong góc.

Va-sin không tài nào ngủ được. Cậu cứ hỏi mãi ông An-tô-ni về các chi tiết.

- Cậu ngủ đi, rốt cuộc An-tô-ni phải mắng cậu. Sao? Thế ra cậu sợ đau như một mù đàn bà phải không?

- Tôi không sợ đau. Làm gì có chuyện đó. Rồi ông xem. Tôi sẽ không rên một tiếng. Chính tôi muốn xin ông đừng ngại tôi đau. Tôi chịu được. Cốt sao cho tốt thôi.

- Sẽ tốt.

Tảng sáng, cối xay vẫn hoạt động bình thường. Chỉ có một điều khác thường là hai người đàn bà trẻ phải làm giúp, thay cho ông An-tô-ni.

- Sao thế? Ông Prô-cốp... - Đám nông dân đưa cọt: - " Ông bắt đàn bà đẩy cối xay đấy hả?"

Nhưng Prô-cốp không đáp lại câu đùa. Ông không còn tâm trí nào mà đùa cợt nữa. Ông làm việc của ông nhưng vẫn thầm cầu nguyện trong lòng.

Trong khi đó mặt trời đã ló ra khỏi làn sương mù treo trên chân trời và soi chiếu thế gian bằng ánh sáng ập ập. Trong nhà ngang đã hoàn toàn sáng sủa.

An-tô-ni đã dọn dẹp từ nãy đến giờ, mệng lăm bẫm điều gì đó. Va-sin đưa mắt nhìn theo ông và không hề nói một lời. Cậu ngỡ như người khổng lồ rậm râu này là một người đáng sợ, đầy bí ẩn và nguy hiểm. Trong cách cư xử của ông, trong sự vội vã, trong những phút trầm ngâm bất thần và ngẩn ngui, trong nụ cười nửa miệng và cách nhú mày, có gì đấy gây nên một nỗi sợ sệt đầy mê tín. Va-sin hiểu rằng giờ nà sẽ không có ai vào đây, cậu đành phó thác số mệnh vào tay ông ta. Cậu cũng hiểu rằng không một lời khẩn cầu nào giúp được cậu, rằng ông An-tô-ni sẽ không chịu từ bỏ kế hoạch một ly nào hết. Cậu có thể kêu cứu nhưng không sao thốt lên nổi. Cậu chỉ nhìn chăm chăm như thôi miên vào những động tác mà cậu không hiểu chút gì của ông An-tô-ni, nhìn ông bỏ các loại dụng cụ khác nhau vào nước đun sôi, nhìn ông lấy một tấm vải trải giường quấn quanh mình, nhìn

ông bày những cuộn băng trên chiếc ghế đẩu, nhìn ông lấy đẩu đó ra những đoạn dây thừng...

Va-sin nghĩ bụng chắc hẳn một tên đao phủ đang chuẩn bị tra tấn người ta cũng giống như lúc này. Vì vậy cậu ngạc nhiên khi đột nhiên nghe trên đầu mình một giọng nói ấm áp và chân thành, khác hẳn giọng ngày thường của ông An-tô-ni.

Ông An-tô-ni cúi xuống phía cậu và thân mật:

- Nào, anh bạn can đảm lên, theo kiểu đàn ông nhé! Phải chịu đựng một chút, nếu anh muốn lại được trở thành một thanh niên can trường, tráng kiện. Tất cả sẽ rất tốt đẹp. Nào, hãy tựa vào người tôi.

Ông bế cậu đặt lên bàn.

- Cháu thấy không? Ông bảo, chú biết cháu rất dũng cảm, cháu sẽ nghiến chặt răng, không kêu một lời nào. Nhưng vô tình cháu cũng có thể rùng mình, vì vậy chú phải buộc cháu lại, bởi lẽ những cái rùng mình ấy sẽ làm hỏng việc của chú, được không?

- Trói đi! - Va-sin thì thào.

- Đừng nhìn vào đây nhé! Cháu cứ nhìn lên trần nhà hoặc nhìn qua cửa sổ, ngắm những đám mây trên trời kia kìa.

Chính giọng nói bình thản ấy khiến thần kinh Va-sin dịu lại. Cậu cảm thấy những sợi dây thừng trói chặt người cậu, rằng giờ đây cậu bị gắn chặt vào bàn, không thể nhúc nhích một chút nào nữa. Cậu liếc sang một bên, thấy ông An-tô-ni đang xắn tay áo và rửa tay rất lâu trong nước đang bốc hơi.

Sau đó có tiếng dụng cụ kêu loảng xoảng, một giây nữa và cậu cảm thấy ở chân phải dường như bị một sợi dây nóng bỏng chạm vào hai lần, rồi hai lần nữa!... Nỗi đau tăng lên mỗi lúc một dữ dội hơn. Va-sin lấy hết sức nghiến chặt răng, nước mắt cậu ứa ra. Cậu ngỡ như hàng giờ rờn rã trôi qua, mà cái đau vẫn tăng lên mãi. Cuối cùng, qua hai hàm răng đang nghiến chặt vẫn lọt ra một tiếng hú dài bị nén lại

- Aaaaaaa....

Đột nhiên một cú đập mạnh giáng xuống chiếc chân đang đau đớn. Cái đau bây giờ khủng khiếp đến nỗi giống như lửa đã luôn vào tận tủy xương và khiến các bắp thịt co rúm lại trong cơn giãy chết. Những đốm sáng màu bạc đang quay cuồng trong mắt cậu. Mình chết mất, cậu thoáng nghĩ rồi ngất đi.

Khi tỉnh lại, ấn tượng đầu tiên là vị vốt-ca trong miệng. Cậu cảm thấy người yếu đến tột độ. Cậu không thể nhấc nổi mí mắt lên, không thể hiểu mình đang ở đâu và chuyện gì đang xảy ra với mình. Rồi sau, cậu cảm thấy mùi thuốc lá, tiếp đó cậu phân biệt được những giọng thì thầm. Hai người đang trò chuyện. Phải, cậu nhận ra giọng của cha và ông An-tô-ni.

Khó nhọc lắm cậu mới mở được mắt ra. Lát sau cậu đã quen dần với ánh sáng. Trên chiếc ghế dài đối diện với cậu và đang nhìn chăm chăm cậu là người cha. Bên cạnh là ông An-tô-ni.

- Nó mở mắt rồi, cha cậu thốt lên, Va-sin-ka, con trai ta! Chúa rủ lòng thương những kẻ tội lỗi chúng ta! Cầu cho tên tuổi người sáng láng đời đời! Con trai ta, con sống chứ con? Sống chứ?...

- Sao lại không sống? - Ông An-tô-ni bước lại gần giường. - Cậu ấy sẽ sống và chắc chắn sẽ khỏi.

- Chú xếp lại xương cho cháu rồi ư? Va-sin thì thào hỏi.

- Chứ sao nữa. mọi chuyện đều tốt cả. Cháu bị gãy kinh khủng quá, mà cái ông bác sĩ kia lại còn làm cho nó xấu thêm. Giờ thì cháu phải nằm thật yên. Rồi xương chắc chắn sẽ liền.

- Và cháu sẽ lại... sẽ lại đi được chứ?

- Sẽ đi được.

- Như mọi người sao?

- Hệt như thế

Mi mắt Va-sin sụp xuống.

- Nó ngủ đấy, - ông An-tô-ni giải thích. - Để cho nó ngủ, giấc ngủ sẽ cho thêm sức.

CHƯƠNG VII

Chỉ một tuần sau, Va-sin khỏi sốt và ăn ngon miệng trở lại. Cùng với niềm hy vọng, cậu vui vẻ hẳn lên. Khi thay băng, cậu nhăn nhó vì đau, nhưng vẫn cười đùa. Một mình ông An-tô-ni đích thân chăm nom cậu, còn khi ở cối xay, công việc nhiều quá thì đám phụ nữ chăm nom người bệnh.

Không có cách gì giữ bí mật đối với họ và có lẽ chính vì vậy mà tin về cuộc phẫu thuật lan đi khắp vùng. Bạn bè hay người quen của Va-sin ghé thăm cậu, nhân tiện đường trao đổi với cậu dăm ba câu. Các ả tò mò hơn thì tìm mọi cách điều tra để có chuyện mà kháo nhau. Có điều họ tránh mặt ông An-tô-ni, mỗi khi thấy ông trong nhà là họ liền tháo lui.

Cứ thế qua đi, tháng Mười, tháng Mười Một, tháng Chạp. Vào dịp lễ Thiên Chúa giáng sinh, Va-sin bắt đầu van nài ông An-tô-ni cho phép cậu thử sức. Song ông An-tô-ni chỉ đe một cách dữ tợn:

- Năm yên đấy, đừng có mà động đậy gì hết! Tôi sẽ bảo khi nào được phép!

Mãi đến cuối tháng Giêng ông mới bảo rằng đã đến lúc có thể bỏ băng. Cả nhà đều muốn có mặt để chứng kiến chuyện ấy, nhưng ông không cho một ai vào cả. Chính ông cũng rất hồi hộp, tay ông run rẩy trong khi tháo băng.

Hai chân Va-sin còn gầy hơn trước, các cơ chân bị teo lại nhiều hơn. Nhưng seọ lại lên da non rất tốt, và quan trọng hơn các cục u bứu cùng những chỗ cong mất hẳn.

Ông An-tô-ni thận trọng đưa tay ra dò từng phần một, sờ nắn xương chân qua làn da mỏng. Khi ấy ông nhắm nghiền mắt lại, dường như sợ nhìn sẽ bị cản trở hơn. Cuối cùng ông thở phào lẩm bẫm:

- Thử động đậy ngón chân xem nào... Còn bây giờ hãy thử động đậy gót chân xem... Có đau không?

- Không, không đau, - Va-sin đáp bằng giọng hỗn hển vì quá xúc động.

- Giờ cháu hãy thử gập đầu gối vào...

- Cháu sợ.

- Dững cảm lên, nào!

Va-sin thi hành mệnh lệnh rồi lệ long lanh trong mắt, cậu nhìn ông An-tô-ni.

- Cháu co được, cháu co được rồi!

- Khoan, đừng gập nhiều quá. Bây giờ cháu khẽ nhắc cái chân này lên...thế, bây giờ đến chân này...

Cố sức, run rẩy cả thân mình vì xúc động. Va-sin thực hiện những động tác được ra lệnh.

- Giờ thì hãy đắp chăn vào, nằm yên. Cháu sẽ nằm thêm một tuần nữa. Sau đó cháu sẽ dậy.

- Chú An-tô-ni!

- Cái gì?

- Nghĩa là...thế nghĩa là cháu... sẽ có thể đi lại được ư?

- Cũng như chú thôi. Dĩ nhiên không phải ngay lập tức. Cháu sẽ phải tập dần dần. Thoạt tiên cháu sẽ không đứng nổi trên hai chân cháu đâu, cũng như một đứa trẻ thôi.

Điều đó là sự thật. Mãi sau hai tuần sau khi tháo băng, Va-sin mới có thể bỏ gậy đi vòng quanh phòng. Khi ấy ông An-tô-ni gọi cả gia đình vào nhà ngang, ông lão Prô-cốp, bà lão A-ga-ta, cả hai người phụ nữ trẻ và cô bé Na-tan-ka.

Va-sin ăn mặc chỉnh tề ngồi sẵn trên giường đợi. Khi mọi người đã đông đủ, cậu đứng dậy đi vòng quanh băng những bước chân chậm rãi và hãy còn yếu rất nhiều. Rồi cậu đứng giữa phòng và nở một nụ cười.

Khi ấy đám phụ nữ liền khóc òa lên, kêu la ầm ĩ hệt như nhà gập phải chuyện gì không may vậy. Mẹ A-ga-ta ôm chặt con trai vào lòng run cả

người vì thốn thức. Chỉ một mình ông lão Prô-cốp là đứng lặng yên, nhưng lệ chảy từng giọt xuống hàng ria và bộ râu cằm của ông.

Khi thấy các bà vẫn vừa khóc vừa cười, ông Prô-cốp gạt đầu ra hiệu cho ông An-tô-ni.

- Đi theo tôi.

- Họ đi ra khỏi nhà ngang, đi vòng lên nhà trên và bước vào hiên.

- Đưa mũ của ông đây, lão Prô-cốp ra lệnh. Lão cầm lấy mũ rồi biến mất vào sau cánh cửa phòng chừng mười phút, rồi đột nhiên mở cửa ra. Hai bàn tay lão nâng chiếc mũ chìa cho ông An-tô-ni.

- Cửa ông đấy! Cầm lấy! Toàn những đồng rúp vàng Sa Hoàng cả đấy. Đủ cho ông sống đến hết đời. Điều tốt lành mà ông đã làm cho tôi không tiền nào trả xiết, nhưng có đến đâu, tôi trả đến đấy. Ông cầm lấy!

Ông An-tô-ni nhìn lão rồi nhìn chiếc mũ: mũ đựng gần như đầy tràn những đồng tiền vàng nhỏ bé.

- Sao thế, ông Prô-cốp? - ông An-tô-ni lùi lại một bước. - Sao thế ông? Ông mất trí rồi chắc.

- Cầm lấy! - lão Prô-cốp nhắc lại.

- Tôi biết làm gì với thứ này?! Tôi không cần. Thôi đi, ông Prô-cốp. Tôi làm có phải vì tiền đâu cơ chứ?... Vì tình thân, để đền đáp lòng tốt của ông thôi! Tôi cũng thương cho thằng bé nữa.

- Cầm lấy.

- Tôi không cầm đâu, ông An-tô-ni cương quyết từ chối.

- Sao thế?

- Tiền của chẳng mang lợi gì cho tôi cả. Tôi không lấy.

- Tôi thành tâm cho ông, có Chúa chứng giám rằng tôi thành tâm mà. Tôi chẳng hối tiếc đâu.

- Tôi cũng thành tâm cảm ơn. Cảm ơn ông, Prô-cốp. Vì thiện ý của ông, nhưng tôi không cần đến tiền. Tôi có bánh ăn, tôi kiếm đủ tiền để hút thuốc và may sắm áo quần. Tôi còn cần gì kia chứ?

Lão Mi-en-nhich suy nghĩ giây lâu.

- Tôi đưa mà ông không lấy, sau cùng lão bảo. Đó là việc của ông. Tất nhiên, tôi không thể dùng vũ lực để ấn vào tay ông. Nhưng ông không có quyền làm như thế! Sao, An-tô-ni? Ông từ chối lòng biết ơn của tôi sao? Ông muốn để người ta xia xói vào mặt tôi rằng tôi không trả ơn ông lấy một đồng xu chữ nào về việc ấy hay sao?... Ông không có quyền làm trái với đạo, làm trái với tình đời như thế. Nếu không nhận vàng, ông hãy nhận thứ khác. Ông hãy là khách ở nhà tôi. Ông hãy sống cùng gia đình tôi như thể ruột thịt. Nếu thỉnh thoảng ông muốn giúp việc gì ở cối xay hay ở nhà thì giúp, ông không muốn thì thôi. Ông hãy sống như ở nhà cha đẻ vậy...

Ông An-tô-ni gật đầu.

- Ở nhà ông tôi rất dễ chịu, ông Prô-cốp ạ! Và tôi sẽ ở lại đây. Nhưng ăn bánh mì mà tôi chẳng làm gì thì tôi không ăn nổi. Cho đến khi nào còn sức, còn khỏe mạnh, tôi sẽ không chối việc gì, bởi cuộc đời còn ý nghĩa gì nếu không làm việc? Còn tấm lòng ông thì tôi xin cảm ơn.

Họ không bao giờ nói thêm gì nhau về những chuyện kia nữa. Tất cả vẫn nguyên như cũ. Có điều, bây giờ đến lúc ngồi ăn, bao giờ mẹ A-ga-ta cũng đặt cho ông An-tô-ni một cái đĩa riêng và đích thân bà chọn lấy đưa cho ông những miếng ngon lành nhất.

Vào ngày thứ sáu tuần gần đấy, khi xe chở hạt đến cối xay đông nhất, Va-sin bước ra sân trong một chiếc áo lông thú ngắn mới tinh, một chiếc mũ cao ngất nghểu làm bằng lông cừu non, một đôi giày cao cổ ống bóng nhoáng. Cậu đi lại như không hề có chuyện gì xảy ra ngay trước mặt mọi người. Đám nông dân há hốc mồm, huých cùi chó vào hông nhau, bởi không một ai tin những điều mà các mục đàn bà đồn đại, rằng một người làm công của ông Prô-cốp Mi-en-nhich tên là An-tô-ni Kô-si-ba, một kẻ lang thang từ xa đến, đã dùng phép màu chữa cho Va-sin khỏi tật.

Nếu trước kia điều bất hạnh của Va-sin gây nên dư luận ồn ào bao nhiêu thì bây giờ người ta cũng bàn tán ồn ào bấy nhiêu về việc cậu khỏi tật. Người ta bàn tán ở Be-rơ-na-tư và Ra-đô-li-xki, ở Vi-xku-nư và Nhe-xku-pa, ở Pô-be-rê-đi-e và Gum-nhi-xki. Rồi từ đó tin tức lan đi xa hơn nữa, đến tận các điền trang hẻo lánh Rô-mai-cốp và Kun-xê-vi-trúp, tận những làng nhỏ nằm rải rác dọc sông Ru-trây-nhi-xa và xa hơn nữa. Ở những nơi ấy người ta ít nói đến chuyện này, vì quá xa xôi, nhưng ở đây ngay một bên, tất cả đều ghi nhớ đến sự kiện chữa khỏi tật một cách phi thường diễn ra tại cối xay kia.

Vì vậy vào cuối tháng Hai, lúc một cây bạch dương bị đổ trong khi chặt hạ ở khu rừng Trum-xki đè phải một nông dân ở làng Nhe-xku-pa ông Phi-ô-do-rơ-trúc, hàng xóm láng giềng bèn khuyên chở ngay ông ta đến cối xay, đến chỗ An-tô-ni Kô-si-ba. Khi họ đưa được đến nơi, ông đã gần như bất tỉnh. Máu ứa ra mồm ông, thậm chí ông đã ngừng không rên rỉ nữa.

Khi cỗ xe tơi tả do một con nghêo nhỏ bé bụng ông dừng lại trước cối xay. Ông An-tô-ni đang mang một túi cám đến lẫm^[25] thóc.

- Hãy cứu lấy, người anh em, một cựu giáo nói với ông. Cây gỗ đè phải láng giềng chúng tôi. Bốn đứa trẻ nhỏ sẽ phải mồ côi cả cha lẫn mẹ, vì năm ngoái chúng tôi vừa chôn cất mẹ chúng xong.

Ông lão Prô-cốp bước ra, họ bèn nói với lão để lão ủng hộ cho.

- Ông ấy đã chữa con ông lành, xin để ông ấy chữa cho Phi-ô-do-rơ-trúc.

- Đó không phải là việc của tôi, hỡi những con người tốt bụng, ông lão Prô-cốp trang trọng đáp lời, tôi không thể cấm, cũng không thể ra lệnh cho ông ấy. Đó là việc của ông ấy.

Trong khi ấy, ông An-tô-ni đã vỗ tay cho bột bay hết và đang quỳ xuống bên chiếc xe trượt ngay trên mặt tuyết.

- Các bác hãy khiêng ông ấy thật cẩn thận và theo tôi, lát sau ông bảo.

Sau khi chữa khỏi chân cho Va-sin ông đã ở lại luôn dưới nhà ngang. Ở đó tiện hơn cho ông và chẳng cho đến nay vẫn để trống. Lúc này người ta mang ông Phi-ô-do-rơ-trúc vào đây

Ông An-tô-ni chữa chạy người bị nạn đến tận tối, rồi ông vào nhà trên, nói những người nông dân làng Nhe-xku-pa đang đợi:

- Ông Chúa, - ông nói: - Người láng giềng của các ông là một người đàn ông khỏe mạnh, xương sống còn nguyên vẹn. Chỉ có sáu xương sườn và một xương quai xanh bị gãy. Các bác hãy chở ông ấy về nhà, để ông ấy nằm yên cho đến khi nào thôi thổ huyết. Nếu ông ấy ho nhiều thì cho uống nước đá. Đừng cho ông ấy ăn uống gì nóng. Tay trái cũng đừng động đậy. Rồi nó sẽ liền. Mười hôm nữa cử ai đến gặp tôi, tôi sẽ xem xem thế nào.

- Nhưng ông ấy không chết chứ?

- Tôi không phải nhà tiên tri, - ông An-tô-ni nhún vai - nhưng tôi nghĩ rằng nếu các bác làm tất cả những gì tôi nói thì ông ấy sẽ sống.

Họ mang ông Phi-ô-do-rơ-trúc ra xe và chở đi. Chưa được mười ngày thì người ta lại chữa một người bệnh mới từ chính cái làng Nhe-xku-pa ấy đến. Người làm công ở một nhà nọ đang phá băng trên sông thì bị trượt chân khi đang vung cao rìu, lưỡi rìu chặt mạnh vào chân, sâu đến gần sát xương. Không biết rìu bị rỉ sắt hay một thứ bản thiêu gì đó dây vào vết thương, mà cả cái chân đen lại trông thấy. Chính người bị thương cũng hiểu rằng đó là bệnh hoại thư.

Ông An-tô-ni chỉ lắc đầu và lẩm bẫm:

- Tôi chẳng giúp gì được nữa, cái chân bỏ đi rồi.

- Thì cố cứu lấy mạng vậy! Người bị nạn khẩn khoản.

- Cần phải cắt chân chỗ này, đúng chỗ này, An-tô-ni chỉ tay vào phía trên đầu gối, anh sẽ phải chịu tàn tật suốt đời và còn sẽ nguyên rủa tôi nữa. Anh sẽ bảo rằng còn có cách để cứu

- Tôi xin thề, người anh em ạ, xin hãy cứu mạng tôi. Tự tôi đã trông thấy những vết đen. Hoại thư thật rồi.

- Tùy anh sau một lúc suy nghĩ, An-tô-ni đồng ý

Cuộc giải phẫu hết sức đau đớn đã khiến người bệnh kiệt sức đến nỗi suốt mấy ngày liền không thể nào nói đến chuyện mang anh ta về nhà. Song, tính mạng anh không bị đe dọa nữa.

Sau những ca đó uy tín của An-tô-ni càng tăng lên hơn nữa. Gần như ngày nào cũng xuất hiện những người bệnh với đủ mọi chứng bệnh khác nhau. Kẻ thì mắt đùn dử toét nhèm đến độ không được trông thấy ánh sáng của Chúa, người thứ hai xương cốt đau như dằm, người thứ ba phàn nàn về cơn đau bụng, kẻ khác lại bị ho đến nghẹt thở. Cũng có những người không biết mình bị bệnh gì, chỉ thấy người yếu đi mà thôi.

Ông An-tô-ni không giúp đỡ tất cả. Một số người ông từ chối ngay, bảo rằng không có thuốc nào chữa được bệnh của họ. Còn những kẻ khác thì ông khuyên nhiều điều khác nhau: nào là đặt túi cát nóng chườm lên bụng, nào đừng cho muối vào thức ăn và đừng ăn thịt, nào uống thuốc sắc bằng các loại cây cỏ. Và không hiểu sao hễ ai làm theo lời khuyên của ông thì bao giờ cũng khỏi bệnh, nếu không khỏi hoàn toàn thì chí ít cũng đỡ phần đau đớn.

Trong vùng có tới mấy thầy lang. Ở chỗ công tước Xan-tốp-tơ tại Pie-tơ-ki có một người chần cừ biết ếm trừ bệnh đóng dấu cũng như chứng đau răng, chữa các bệnh tật khác ông ta cũng biết. Một bà lang Bie-la-cô-va ở trại Nô-ve Ô-sie-dle, biết cách chữa hắc lao và đỡ đẻ, người giữ kho đồ thánh ở Ra-đô-li-xki biết tẩy giun sán và cấp cứu cầm máu. Nhưng tất cả những người ấy đều bắt người ta phải nguyện những câu kinh hoặc những lời thần chú bí ẩn nào đó, rồi họ còn làm những động tác kỳ quặc trên cơ thể người bệnh hoặc đưa cho người bệnh các tấm bùa phép.

Ngược lại, vị thầy lang mới này, Cái ông An-tô-ni ở cối xay ấy, không hề làm một chuyện nào như thế cả. Ông hỏi, nhìn, sờ nắn, rồi sao đó ông đi đi lại lại như hóa rồ trong phòng, xoa xoa trán một cách nóng nảy, tròng mắt đảo lia lịa, rồi cuộc nói ra ngay cần phải chữa bệnh theo cách nào.

Trong vùng người ta cãi cọ nhau khá nhiều về chuyện thầy lang nào có cách chữa bệnh tốt hơn. Nhưng có một điều ông An-tô-ni trội hơn hẳn so với cả đám còn lại: ông chữa không lấy tiền. Nếu như người bệnh mang đến một miếng bơ hay một con gà, một túi đậu, một tấm vải thô tự dệt hay một ít vải len thô thì ông nhận, khẽ lâu bầu một câu ngắn gọn, nhưng nếu người ta chẳng mang gì theo, ông cũng vẫn chữa bệnh cho họ y như vậy mà thôi, thỉnh thoảng ông còn đem cho những người nghèo khổ nhất thứ này thứ khác, phần còn lại đưa vào kho thực phẩm của bà vợ ông lão Mi-en-nhich. Bản thân ông An-tô-ni cũng chẳng có nhu cầu gì nhiều nhận, chỉ cốt đủ thuốc lá hút, đôi giày da lộn đế đi, một ít quần áo gì đó để mặc. Mà công việc của ông ở cối xay cũng đủ chi dùng cho ông những nhu cầu đó, bởi lẽ ông không hề bỏ việc, mặc dù ông lão nài ông nghỉ vì hàm ơn ông đã chữa khỏi cho đứa con trai cùng tất cả những gì ông An-tô-ni đã mang lại cho gia đình lão.

Trong khi ấy lượng người ốm ngày một tăng lên, thậm chí có những ngày ông An-tô-ni không thể có một phút nào rảnh rỗi tham gia công việc tại cối xay nữa. Trước cửa nhà ông thường có mười lăm xe ngựa đỗ chờ, với những người ốm nặng, còn những ai đủ sức thì đi bộ đến, nếu không phải từ quá xa, mà những người từ xa cũng đến khá đông.

Trong phòng xép, trong cái hành lang nhỏ và cả trong nhà, ở các góc, cao dần lên những đồng quà biếu, bởi lẽ mẹ A-ga-ta chỉ đồng ý nhận những thứ gì ăn được, còn vải, len, gai, da cừu và da dê, các thứ lông vũ, và trước hết là các loại cây thuốc - thứ duy nhất mà ông An-tô-ni ham chuộng thì nằm chất đống.

- Chỗ của ông bừa bộn quá thôi, - cô Zô-nhia hông rộng chống nạnh thốt lên, - mà đủ thứ của cải như trong kho lão Do thái giấu đằng sau lò sưởi ấy. Ông cứ bảo em sẽ dọn dẹp sạch sẽ cho ông ngay... Sàn nhà cũng phải đánh chứ...

- Cứ để thế cũng được, ông phẩy tay, tôi thấy thế cũng tốt rồi.

- Cửa sổ cũng nên rửa nữa này, - cô nói thêm.

- Chẳng sao đâu.

- Đàn ông không có người chăm sóc cứ như vườn không có rào ấy.

Ông An-tô-ni không hề hé môi, hi vọng rằng nếu ông không nói gì, thì cũng như mọi khi, Zô-nhia đứng một lúc rồi cũng bỏ đi thôi. Thậm chí ông cũng mê mẩn cô, ông rất trọng lòng tốt của cô, nhưng ông chỉ thích sống một mình.

Nhưng lần này Zô-nhia không lùi bước

- An-tô-ni ạ, ông thật là một người đàn ông giỏi giang khéo léo. Có điều ông không biết kiếm lợi cho thân ông. Hô hô, ông có thể kiếm ra biết bao nhiêu của cải nếu ông muốn. Bao nhiêu người phải cần đến ông kia thôi. Giúp đỡ kẻ đau ốm dĩ nhiên là việc phải đạo Chúa rồi. Ai nghèo, thì giúp không, nhưng ruột gan em cứ như lộn cả lên khi thấy ông chỉ lấy - nói thí dụ, của một thằng cha giàu sụ như lão Đu-lây-kô ở Bi-e-rơ-vi-a-tư kia có nửa tấm lông thú. Lão ấy sẵn sàng trả cho ông cả một con bò sữa ấy chứ, nếu ông đòi. Ông có thể kiếm khối tiền đấy ông ạ!

- Tôi cần gì đến tiền cơ chứ, - ông nhún vai. Thế này tôi cũng không phải chịu đói kia mà, tôi biết dành dụm cho ai bây giờ?

- Đó là lỗi của ông đấy!

- Lỗi gì kia?

- Lỗi ở ông không biết kiếm tiền cho ai. Ông phải có vợ, và cả con nữa.

- Tôi già rồi, - ông lẩm bẩm cho qua chuyện

Zô-nhia cười phô cả hàm răng.

- Ông mà già, khối cô muốn theo ông đấy

- Làm gì mà có.

- Như em đây chẳng hạn. Em nói thật đấy. Theo ngay

An-tô-ni quay mặt vội đi, lầu bầu:

- Đừng nói vợ vẫn nữa đi!

- Sao lại vợ vẫn?... Ông đừng lo. Không có tháng nào không có kẻ đến ướm hỏi em đâu. Dù là gái góa, em cũng chưa phải hạng bỏ đi. Chủ nhật vừa rồi, chính ông thấy đấy. Ông lão Ba-ran và lão làm vườn Si-vếch ở Vix-ku-nư đến đây hỏi em cho anh chàng Mi-xtrô-nếch. Em chẳng thèm một anh chồng như thế. Em chẳng thèm, mặc dù anh ta sẽ thừa kế của cha cả một vô-uka^[26] đất. Nhưng em sẽ lấy ông, chỉ cần ông nói một lời thôi. Ông không biết chứ, bố Prô-cốp sẽ vui biết mấy...

- Zô-nhia, tôi lấy vợ làm gì?...

- Ông không thích em à?

- Đâu phải chuyện không thích. Không ai làm tôi thích cả. Tôi đâu phải người để lấy vợ.

- Thế tại làm sao?

- Thế đấy.

- Ông không cần đàn bà hả? Thật không?

- Không cần thật mà.

- Thế thì ma quỷ bắt ông đi cho rảnh! Zô-nhia đột nhiên nổi cáu. Cầu cho ông đứng trên gò mà không thấy mặt trời! Cho thiên lôi giết ông đi! Cầu cho ông ngâm chân trong nước mà chịu chết khát! Trong hăn kìa! Đồ vô dụng chưa kìa? Cương quyết thế à?... Được, được... tôi sẽ cạch cái mặt ông! Phù!

Cô ta lao ra, mặt đỏ bừng vì tức giận, đập cửa đánh sầm một tiếng. Nhưng ngày hôm sau cơn giận không còn chút gì trong cô. Cô lại âu yếm múc xúp cho ông ăn thêm; cô rót cho ông nước trà đặc hơn những người khác và tươi cười phô ra hàm răng đều đặn, trắng nõn nà.

Ngoài Zô-nhia, không một ai khác ở cối xay nhòm ngó đến cái nhà ngang của ông An-tô-ni, dĩ nhiên không kể cô bé Na-tan-ka.

Na-tan-ka thích ngồi ở đây cả ngày lẫn đêm, những khi có thể ngồi được. Em rất gắn bó với ông An-tô-ni.

Một hôm cô bé bảo ông:

- Càng ngày vợ Zô-nhia càng diện nhiều. Hôm qua vợ ấy mua một chiếc áo màu đỏ tươi ngoài chợ. Cả xà phòng thơm nữa nhá. Rồi giày cao gót nữa...

- Thế thì hay lắm.

- Nhưng cháu biết vì sao vợ ấy diện rồi.

- Vì vợ ấy là đàn bà, đàn bà ai chẳng thích diện.

- Không phải, - Na-tan-ka lắc đầu, - Vợ ấy diện vì muốn cưới bác đấy.

- Cháu đừng nói tầm phào, ông mắng át đi.

- Đâu phải cháu tự nói, chú Vi-ta-lix bảo đấy. Cả bà cũng bảo thế mà.

- Họ nói vớ vẩn đấy.

Cô bé vỗ tay

- Đúng không?... Đúng không?...

- Cháu biết vì sao bác không muốn lấy vợ Zô-nhia. Bác muốn lấy cháu kia. Khi nào cháu lớn.

- Hẳn rồi, hẳn rồi, - ông vuốt tóc cô bé và mỉm cười.

- Bác lấy thật đấy chứ?

- Có điều phải lớn mau lên.

Ông chỉ thích trò chuyện với mỗi mình cô bé và chỉ với mình nó ông mới thoáng mỉm cười. Ông yêu Na-tan-ka chân thành. Vậy nên bao lần cơn động kinh hành hạ cô bé, ông lại âu sầu lo lắng và tự nhủ rằng ngay từ đầu mùa xuân ông sẽ vào rừng tìm những cây thuốc có thể chữa bệnh cho nó. Trong cả vùng, bất kỳ nơi đâu người ta bán hoặc hái lượm để dùng các loại cây mấu thảo, nữ lang, bạc hà, hoa gia cúc ngải, bạch hoa, sùng đen, lá bạch dương, hạt anh túc dại, bạch chỉ, ngải cứu, mã đề, cà dước, chỉ xa,

hồng đen và các thứ cây cỏ khác nữa, ông đều hỏi thăm, duy chỉ có mỗi cây thuốc ấy là ông không sao dò ra nổi. Ông không tài nào nhớ nổi tên của nó, và mặc dù ông đã cố gắng mô tả cây thuốc có những chiếc lá nhỏ sắc ấy nom hình dáng ra sao, song không một ai có thể nói cho ông hay tên gọi của nó, hoặc giả trong các khu rừng trong vùng quanh đấy có mọc loại cây ấy hay không.

Một lần ông ra tận hiệu thuốc ở Ra-đô-li-xki, hi vọng sẽ tìm được cây thuốc quý tại đấy. Nhưng người chủ hiệu, sốt ruột vì những lời giải thích dài dòng và vì ông không có loại cây thuốc đó, đã mời thẳng ông An-tô-ni ra khỏi cửa. Ông ta mời ra cửa còn vì rằng nếu xung quanh thị trấn có càng nhiều thầy lang tụ họp, thì thuốc của hiệu ông bán càng ít chạy. Những thành công mà vị thầy lang ngụ tại chiếc cối xay gần thị trấn đạt được, đối với ông chủ hiệu thuốc lẫn vị bác sĩ địa phương - bác sĩ Pa-vơ-li-xki - lại như cái gai chọc vào mắt. Tiếng tăm của thầy lang đã lớn đến độ không thể không làm giảm bớt số bệnh nhân của họ ngay trong vùng thị trấn.

Đến hồi tuyết tan vào tháng Ba, lúc người ta bị đau ốm nhiều nhất, trong khi số bệnh nhân của bác sĩ Pa-vơ-li-xki không hề tăng thêm, thì anh ta bắt đầu ra tay hành động, sau khi đã bàn bạc với ông chủ hiệu. Anh viết một bản điều trần dài lê thê gửi ông huyện trưởng và gửi bác sĩ trưởng của huyện, than phiền về nạn bành trướng của các thầy lang, và đòi phải thi hành các biện pháp chính quyền nhằm mục đích..v.v... Song chính quyền hành động rất chậm chạp, chờ mãi thư trả lời chẳng chịu đến cho. Trong khi đó lại xảy ra một chuyện khiến bác sĩ Pa-vơ-li-xki như hóa điên. Một hôm nữa người từ điền trang Klu-trép mang ngựa đến đón anh ta, Ngài Ki-ja-cô-vich, chủ điền trang Klu-trép bị sỏi thận và thường xuyên phải mời bác sĩ. Chiếc xe ngựa nhẹ từ Klu-trép thường xuất hiện từ sáng sớm. Việc đó cũng có lý do của nó. Tối tối, ông Ki-ja-cô-vich thường đến nhà hàng xóm đánh bài và ông khó lòng kìm giữ nổi không nhấp vài ly rượu, và thế là trăm lần như một, đến đêm là nổi cơn đau, và sáng sớm anh xà ích I-gna-xư đã phải quất đôi ngựa màu hạt dẻ chạy hay nhất đi mời bác sĩ.

Ấy thế mà lần này ông ta xuất hiện vào buổi chiều. Vì vậy sau khi đã ngồi lên xe, bác sĩ Pa-vơ-li-xki bèn hỏi xem có chuyện gì. Hoặc là không lường thật kỹ mình đang nói chuyện gì và đang nói với ai, hoặc muốn cố tình làm vị bác sĩ thường hay quên chi tiền trà thuốc này phật ý - nên anh chàng I-gna-xư chân thật nói toẹt ra. Té ra người ta phải anh đi sáng sớm như mọi lần, nhưng không phải đến đón bác sĩ, mà đến đón cái ông lang nọ, chính cái ông An-tô-ni Kô-si-ba đang ngụ ở tại nhà cụ Mi-en-nhich gần thị trấn ấy.

- Sao lại thế? - Bác sĩ thảng thốt. Anh được cử đi đón thầy lang sao?

- Đón thầy lang ạ.

- Hình như ông chủ Ki-ja-cô-vich nóng lòng muốn sang thế giới bên kia thì phải.

- Nóng lòng thì không nóng. Người ta đồn rằng: hễ ông lang ấy chữa là cứ khỏi liền tay.

Bác sĩ nổi khùng:

- Ngu dốt đến thế là cùng ! Ngu dốt đến thế là cùng! Các người không hiểu rằng một thằng ngốc thường tình, không những không biết chút gì về y học mà thậm chí đến cấu tạo cơ thể cũng không biết, là một mối họa to lớn thế nào cho người ta hay sao?

- Tôi hiểu chứ. Người đánh xe lăm bẫm.

- Tôi giải thích cho anh nghe. Giả sử con ngựa hay nhất của anh bị ốm. Anh đến tìm ai nào? Đến tìm thú y sĩ hay đến tìm một thằng ngu không phân biệt nổi đầu là đầu, đuôi là đuôi ngựa?

I-gna-xư bật cười.

- Ai mà không phân biệt nổi... Nhưng tại sao tôi lại để đến nỗi ngựa của tôi phải ốm? Nếu người chăm lo cho ngựa, còn con ngựa lại tốt thì tại sao phải để đến nỗi ngựa sinh bệnh, phỉ phui đi.

Bác sĩ Pa-vơ-li-xki phẩy tay, nhưng chỉ lát sau anh ta lại vẫn tiếp tục:

- Nhưng anh thấy không, anh vẫn còn thông minh nên đến mời tôi chứ không phải đến với cái ông lang vườn kia.

- Tôi biết làm thế nào? Nếu đánh xe không về thì thế nào ông chủ cũng quạng vào mồm cho ấy chứ. Tôi bèn suy tính và nghĩ ra: ông ấy đã không muốn thì ta đến mời bác sĩ vậy.

- Ai không muốn?

- À, cái ông... thầy lang ở nhà Mi-en-nhich ấy.

- Sao lại không muốn?

- Ông ta không muốn, thế thôi.

- Tôi - ông ta bảo - không có thời gian đâu mà đến khám bệnh cho khắp các ông chủ được - ông ta bảo - thế anh không thấy bao nhiêu người ốm đang chờ kia sao? Ông ấy bảo thế, tôi nhìn, quả nhiên, thấy bao nhiêu là người đang chờ. Cứ y như họp chợ vào ngày thứ năm ấy. Tôi bèn bảo ông ta rằng ông chủ sẽ trả nhiều tiền hơn tất cả bọn họ gộp lại, có điều phải đến chữa cho ông chủ. Ông ta bèn đáp: nếu ông chủ ốm, xin mời ông chủ cũng đến đây như những người khác. Còn tiền thì tôi không cần... Tôi biết làm gì được nữa?... Quay lại là xong. Vì chính tôi cũng biết là ông ấy không lấy tiền.

- Nhưng lại lấy các thứ khác, - bác sĩ Pa-vơ-li-xki thốt lên.

- Không, thứ khác ông ấy cũng không lấy! Ồ, chút bơ, ít trứng hay khúc dồi thì kể gì. Ông ấy không tham.

Vị bác sĩ nghiêng chặt hai hàm răng lại. Khi đến nơi anh ta hoàn toàn không chỉ trích gì ông chủ Ki-ja-cô-vich nữa, nhưng trên đường về anh ta ra lệnh cho I-gna-xư rẽ vào chỗ cối xay.

Ngay trước cối xay, hay đúng hơn là trong sân gần nhà ngang, có mười chiếc xe đang đỗ. Những con ngựa được tháo ra khỏi cày đang bình thản nhai cỏ khô. Những người ốm nằm trên xe. Bảy tám người nông phu ngồi trên chiếc xà chuồng gia súc đang hút thuốc.

- Cái gã thầy lang ấy ở đâu? Bác sĩ Pa-vơ-li-xki hỏi

Một người nông phu đứng dậy đưa tay trở vào cửa.

- Trong nhà ấy, thưa ông.

Bác sĩ nhảy ra khỏi xe rồi đẩy cánh cửa. Ngay trong chiếc hành lang chật chội, đập vào mũi anh ta là mùi da hôi xì, mùi nhựa chưng và mùi bắp cải chua. Trong phòng hôi hám không hề chịu nổi. Hàng đồng đồ cũ và đất bẩn chặt vào sàn nhà, cửa kính và tất cả mọi đồ đạc... Điều đó hoàn toàn không khác với những gì bác sĩ lường trước. Sát tường một cụ đàn bà đang ngồi, với những triệu chứng rõ rệt của bệnh vàng da. Một người đàn ông râu ria tua tũn, to lớn vạm vỡ, tóc màu muối tiêu, đang đứng khom khom bên bàn, nghiền một thứ cây thuốc già đó trong chiếc khăn tay bẩn thỉu.

- Ra người là thầy lang đấy? - Bác sĩ Pa-vơ-li-xki hỏi xẵng.

- Tôi là thợ của cối xay, - ông An-tô-ni đáp gọn, đưa mắt nhìn vị khách một cách thiếu thiện cảm.

- Nhưng nhà người lại dám chữa bệnh! Người dám đầu độc mọi người! Người có biết rằng đó là phạm pháp không?

- Ông muốn gì và ông là ai mới được chứ? - Thầy lang bình tĩnh hỏi lại.

- Ta là thầy thuốc, là bác sĩ y khoa. Nhà người đừng tưởng rằng ta đây sẽ lấy tay che mắt để mặc nhà người đầu độc mọi người đâu nhé.

Thầy lang nghiền xong cây thuốc, cuộn nó vào chiếc khăn, đưa cái gói ấy cho người đàn bà rồi bảo:

- Cho hai nhúm vào một cốc nước, như tôi đã dặn. Uống nóng. Lúc đói một nửa, buổi tối một nửa. Bà hiểu chưa?

- Hiểu rồi ạ.

- Vậy thì nhờ lượng Chúa.

Người đàn bà cảm ơn rồi rên rầm bước ra. Thầy lang ngồi xuống chiếc ghế dài và ngoảnh lại nhìn bác sĩ.

- Tôi đâu độc ai kia, thưa ngài?

- Đâu độc tất cả mọi người!

- Không đúng, thưa ngài. Không một ai chết cả.

- Chưa ai chết? Nhưng đang chết! Người đầu độc dần dần cơ thể của họ. Đó là một tội ác. Hiểu chưa? Tội ác! Ta sẽ không cho phép làm thế đâu! Ta không có quyền dung thứ chuyện đó. Trong cái nơi bẩn thỉu này, hôi hám thế này! Ngay trên tay người cũng có nhiều vi trùng dịch bệnh hơn trong bệnh viện lây rồi

Anh ta nhìn quanh vẻ kinh tởm.

- Người hãy nhớ điều ta nói đây: Nếu người không chấm dứt ngay việc chữa chạy đầy tội ác của người, ta sẽ tống người vào tù!

Thầy lang khẽ nhún vai.

- Tôi biết làm thế nào! Tôi không làm điều gì xấu. Còn tù ư? Thì nhà tù cũng lập cho loài người đấy, chứ có phải cho chó đâu. Xin ngài bác sĩ đừng giận.

- Ta chỉ cảnh cáo cho người biết thế thôi! Ta khuyên nhà người nên chấm dứt ngay! Ta khuyên đấy!

Anh ta giơ một ngón tay đe dọa rồi bước ra ngoài. Anh ta khoan khoái hít thở bầu không khí trong lành. I-gna-xư ngồi trên ghế ngựa ném cho anh ta một ánh mắt giễu cợt. Bác sĩ Pa-vơ-li-xki đã ngồi trên xe thì chợt nom thấy Va-sin, bệnh nhân cũ của anh ta, đang đứng trên ngưỡng cửa cối xay. Chắc Va-sin đứng chờ anh ta, bởi cậu cúi chào rồi bước tới gần xe.

Cậu bước những bước vững chãi, và lúc này đang đứng thẳng người. Cậu đứng và nhìn thẳng vào mắt bác sĩ.

- Bác sĩ thấy đấy, tôi đã khỏi. - Cậu nói đầy tự hào, ơn Chúa, tôi đã khỏi tật. Ông An-tô-ni chữa khỏi đấy. Thế mà bác sĩ lại bảo rằng tôi không còn hi vọng gì nữa. Bác sĩ muốn tôi phải chịu đọa đầy suốt đời trong tàn tật.

- Ông ấy chữa cho cậu bằng cách nào? - Bác sĩ hỏi với một nỗi bức tức không cần che đậy.

- Ông ấy thấy rằng xương đã được xếp đặt không đúng. Ông ấy đập gãy và sắp xếp lại thưa ông!

- À...à, vậy thì xin chúc mừng, - bác sĩ lẩm bẩm rồi quát người xà ích:
- Đi thôi!

Suốt dọc đường, những ý nghĩ tồi tệ ám ảnh dày vò ông ta. Đến nhà thì đã quá buổi trưa. Song cả nhà đã quay trở lại bàn ăn để ngồi cùng ông ta cho đến khi xong bữa. Ông ta nuốt vội miếng thịt nướng khô khốc, cố không thể hiện ra rằng mình không hề thấy ngon miệng. Bà lão Mác-xư-sia, người ba mươi năm trước đã từng dạy anh ta tập đi, dầm dẫm chân lo ngại. Người cha hau háu nhìn tờ báo mà Ka-mi-la đang đọc cho ông nghe. Ba tuần trước đây cha anh làm vỡ mất đôi kính mà chưa có tiền mua đôi mới. Ka-mi-la thì mặc bộ váy áo đã ngả màu, trong bộ áo ấy nom cô tang thương và già cỗi biết bao. Mẹ anh ta cố dùng nụ cười âu yếm che đi nét lo phiền đang hiện rõ trên khuôn mặt bà. Chỉ cần một tháng được tắm than bùn sẽ khiến bà khỏe lại suốt một thời gian dài.

- Chúa tôi, Chúa tôi, - bác sĩ Pa-vơ-li-xki nghĩ thầm khi đang dùng món nước quả bằng táo nghiền. Mình yêu mọi người, mình sẵn sàng làm tất cả cho mọi người, nhưng phải hằng ngày, hằng giờ nhìn nỗi bần hàn của họ thì mình không đủ sức.

Anh ta ngỡ như mỗi cử chỉ của họ, mỗi lời nói của họ, mỗi góc phòng của căn hộ nghèo nàn này đều ném anh vào những lời chỉ trích cay đắng. Họ đã gán tương lai anh với biết bao niềm hi vọng, đã trông chờ và việc hành nghề của anh và thu nhập của anh biết bao. Nhưng thế là đã một năm trời rông rã họ chịu ngồi trong cái xó hẻo lánh này, trong khi anh cố lắm mới đủ kiếm sống qua ngày.

Giá như anh có thể rời bỏ chốn này! Anh không ngại gian khó. Anh sẽ đi sang Châu Phi hay sang Grin-len. Nhưng người thân của anh sẽ chịu chết đói ở đây hay sao? Anh ta cảm thấy trên cuộc đời rộng rãi ngoài kia đang

đón chờ anh những thành công, danh vọng, tiền tài, nhưng anh cũng hiểu rất rõ rằng không bao giờ anh dám làm cái bước quyết định ấy cả. Anh đã là nô lệ của những tình cảm chân thành và sâu sắc của chính mình. Những tình cảm trói buộc anh vào với họ, với cha mẹ, với em gái, thậm chí với bà cụ Mác-xư-sia, trói buộc anh ta chẳng khác chi xiềng xích, trói buộc vào cái nhà gỗ nhỏ bé trong thị trấn nhỏ bé và nghèo nàn này...

Càng nhìn sâu vào vũng bùn của sự kiếm sống vô vọng này bao nhiêu, anh ta càng ân cần, càng che giấu trước những người thân yêu của mình tình hình đó bấy nhiêu. Và anh hàm ơn họ xiết bao bởi lẽ họ cũng không hề tỏ cho anh thấy nỗi thất vọng của họ. Song những ý nghĩ của họ, những ý nghĩ chắc chắn tồn tại trong lòng họ, lại làm anh đau đớn. Bằng một cách bí ẩn nào đó, những ý nghĩ ấy đã thấm đẫm vào tất cả mọi thứ trong nhà này, thấm đẫm bầu không khí một nỗi buồn chán vô vọng, mà ngay cả những nụ cười vờ vĩnh cũng thành công nhất. Những sự hài lòng biểu lộ ồn ào nhất cũng không sao xua đi nỗi.

- Con đã đến chỗ cái tay thầy lang nọ, - Pa-vơ-li-xki mào đầu. - Con đã nói với y vài lời thật bụng và đã khuyên y nên từ bỏ hành nghề đúng lúc.

- Có thật ông ấy nhiều bệnh nhân lắm phải không anh? - Ka-mi-la lên tiếng.

- Nhiều không ấy à? Giá như tôi có được dù chỉ một phần mười... giá như tôi có...

Mẹ anh vội vã nói rất nhanh, quá nhanh về con mèo Ba-sia không biết theo đực đi đâu mất, về chuyện thứ năm có lẽ tên ở Kô-dơ-li-xki, về con bò cái của cha linh mục cho thật nhiều sữa...

Nhưng Pa-vơ-li-xki không hề nghe những câu chuyện ấy. Anh ta mỗi lúc một thêm bực. Mạch máu thái dương anh đập dồn dập. Đột nhiên anh đẩy mạnh cốc nước chè đang uống dở ra, đứng phắt dậy.

- Các vị có biết tại sao ông ta có nhiều bệnh nhân hơn không? - Anh gào lên. - Các vị có biết không?...

Trông thấy ánh mắt kinh hoàng của họ, nhưng anh không còn khả năng tự chế ngự mình nữa.

- Vì ông ấy biết chữa bệnh, còn tôi thì không.

- Ju-rếch, con! - Bà mẹ rên lên.

- Phải! Phải! Tôi không biết!

- Con nói vợ vẫn gì thế, con!

- Các người có nhớ thằng bé thợ xay bị gãy chân ấy không? Có nhớ không?... Chính tôi đã xếp xương sai cho nó. Phải, sai! Tôi không biết làm chuyện đó. Còn lão thầy lang thì làm được!

Người cha đặt tay lên vai anh ta.

- Bình tĩnh nào, con Ja-rếch. Nhưng việc ấy có ảnh hưởng gì đến uy tín gì của con đâu. Con đâu phải là một bác sĩ ngoại khoa. Là bác sĩ nội khoa, con không có trách nhiệm phải hiểu biết hết mọi chuyện... ngoài chuyên môn của con kia mà.

Bác sĩ Pa-vơ-li-xki cười khẩy.

- Dĩ nhiên, dĩ nhiên rồi! Tôi không phải là nhà giải phẫu. Nhưng cái lão thầy lang kia, quý tha ma bắt lão đi, cũng không phải kia mà! Lão chỉ là một tên nông phu quèn! Là một thợ cối xay tầm thường!... Nhưng tôi chán hết rồi. Thế nào cũng được! Tôi sẽ không chịu chết đói đâu! Rồi các người sẽ thấy! Các người sẽ thấy! Sẽ thấy rằng tôi cũng biết chiến đấu!

Anh ta bước ra, đập mạnh cửa...

CHƯƠNG VIII

Ở thị trấn Ra-đô-li-xki, nơi đường phố chật hẹp mang tên Na-pô-lê-ông gặp Chợ Thứ Hai còn có tên là Quảng Trường Độc Lập, có một tòa nhà xây hai tầng bằng gạch đỏ, trong đó tầng dưới có bốn cửa hiệu nhỏ. Lớn nhất và sang trọng nhất trong số đó là cửa hiệu ngay góc phố, thuộc quyền sở hữu của bà Mi-kha-li-na Skốp-kô-va. Trong hiệu có bán văn phòng phẩm, tem chơi và tem bưu chính, chỉ khâu, tóm lại, đồ kim chỉ và may cùng với thuốc lá.

Bao nhiêu lần ông An-tô-ni đến Ra-đô-li-xki ông đều vào hiệu bà Skốp-kô-va để mua thuốc, giấy thuốc và diêm, ông cũng mua tại đây cả chỉ tơ nữa.

Bà Skốp-kô-va ít khi ngồi bán hàng. Thường thường bà chỉ ngồi bán vào các ngày thứ năm, tức là ngày phiên chợ. Còn ngày khác, ở nhà bà cũng có nhiều việc ngấp đầu phục dịch bốn đứa con và cái cơ ngơi không đến nỗi xoàng. Bà giao cửa hiệu cho một thiếu nữ còn rất trẻ, một cô gái mồ côi, lãnh trách nhiệm của một cô gái bán hàng trung thực và chăm chỉ, để đổi lấy chỗ ở, cơm ăn và mười *Zuốt-ty* mỗi tháng.

Bà Skốp-kô-va biết đánh giá cả những ưu điểm khác nữa của cô, trước hết là việc khách hàng rất thích Ma-rư-sia. Họ thích cô, bởi đối với ai cô cũng lễ phép, tươi cười, chân thành và thêm vào đó, cô còn xinh đẹp nữa. Cũng chẳng có gì phải giấu, không ít ông khách sộp còn lui tới cửa hiệu bà Skốp-kô-va chỉ cốt được chuyện trò đôi câu với cô Ma-rư-sia, được đùa cợt vài lời và được liếc mắt đưa tình với cô. Ông dược sĩ ở hiệu thuốc, thầy thư ký huyện đường, anh cháu trai của cha xứ, các chàng địa chủ quanh vùng, các ngài kỹ sư từ nhà máy - không ai chịu bỏ lỡ dịp vào mua bao thuốc hay chiếc tem thư.

- Này, Ma-rư-sia, con phải coi chừng đấy nhé, - bà Skốp-kô-va bảo. Chớ có bạ ai cũng liếc mắt, cũng đừng chú ý đến đám đã có vợ rồi, nhưng nếu gặp được một chàng trai trẻ xứng đôi vừa lứa với con mà lại thích con,

thì con phải biết đối xử cho khéo léo. Từ những chuyện như thế biết đâu chả thành vợ thành chồng đấy.

Ma-rư-sia cười.

- Cháu còn thời gian mà.

- Đối với đàn bà chúng mình, thời gian cho những việc ấy bao giờ cũng thiếu. Mà con thì chẳng mấy chốc đã hai mươi rồi còn gì. Đến lúc đấy! vào tuổi con bác đã có con trai lên ba rồi kia. Có điều đừng có bạ ai cũng liếc, cũng không nên chòi cao quá mà ngã đau con ạ. Bác bảo con thế đấy!... Thí dụ như với cái cậu cười mô-tô kia chẳng hạn! Phóng xe thì cậu ta phóng xe thật đấy, nhưng lấy con thì cậu ta chẳng hề nghĩ đến đâu. Bác biết loại người ấy lắm! Biết lắm rồi!... nhục ơ là nhục! Đừng có mà tạo thêm bất hạnh cho mình.

- Sao bác lại nói chuyện ấy làm gì? - Ma-rư-sia cả cười. - Cháu chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện ấy đâu.

- Này, này! Cha cậu ấy là một ông chủ lớn lắm đấy. Chủ cả một sản nghiệp với lại một nhà máy. Ông ấy phải cưới tiểu thư cho con trai chứ chẳng không. Con nhớ lấy!

- Dĩ nhiên rồi. cũng chẳng bận gì đến cháu. Bác để ý đến anh ấy làm gì kia chứ? Còn nếu như có đưa mắt cho ai trong khách hàng thì cháu cứ liếc ngay ông thầy lang già ở cối xay ấy là xong.

Đó là sự thực. Quả thực, Ma-rư-sia rất mến ông An-tô-ni Kô-si-ba. Trước hết cô tò mò vì nghề nghiệp của ông. Trong thị trấn người ta đồn bao nhiêu chuyện phi thường về ông. Người ta bảo rằng ông đã đặt tay vào người nào, thì dù có là kẻ đang ngoắc ngoải, ông cũng chữa lành, họ còn bảo ông đã bán linh hồn cho quỷ sứ rồi, người khác thì cam đoan rằng ông được chính Đức Mẹ Ô-x-tơ-bram-xka ban cho phép màu nhiệm. Họ còn bảo rằng ông chữa không lấy công, rằng ông biết cả một thứ cây mà hễ ai uống vào là phải lòng ngay kẻ đã đưa thuốc cho mình.

Ngoài ra, bao giờ ông cũng buồn buồn, lặng lẽ và có đôi mắt thật tốt lành.

Ông xử sự cũng khác hẳn với những người bình dân khác. Ông không nhổ nước bọt xuống sàn nhà, không chửi thề, không chọn lựa hàng hóa. Ông đến, ngả mũ, nói ngắn gọn muốn mua gì, trả tiền rồi lấm bắm:

- Cảm ơn cô, - rồi ông ra về.

Cứ như thế cho đến một ngày tháng ba nọ, khi trời tự nhiên đổ mưa rào. Thầy lang lúc đó đang ở trong cửa hiệu.

Ông nhìn qua cửa sổ và hỏi:

- Có lẽ cho phép tôi ở lại đây cho đến khi mưa tạnh chứ..

- Vâng, thưa ông. Tất nhiên rồi. Mời ông ngồi tạm.

Cô chạy vào quầy hàng cho ông chiếc ghế.

- Ai lại ra mưa thế này, cô nói thêm. Mà ông lại ở xa nữa chứ. Khi về được đến cối xay thì ông chẳng còn chút gì khô ở trên người cả.

Ông bèn cười.

- Thế ra cô biết tôi từ cối xay đến?

- Cháu biết chứ, - cô gật đầu. - Ông là thầy lang. Ở đây ai cũng biết ông. Nhưng có lẽ ông không phải người quê ta đây, giọng ông nói khác. Trọng âm cũng khác.

- Tôi ở xa lắm, ở mãi Vương quốc^[27] kia.

- Mẹ cháu cũng là người quê ở Vương quốc.

- Bà Skốp-kô-va ấy à?

- Không, mẹ cháu kia.

- Thế cô không phải con gái bà chủ hiệu?

- Không ạ. Cháu làm công ở đây thôi.

- Còn mẹ cô đâu?

- Mẹ cháu mất rồi. Bốn năm trước... bị lao.

Lệ long lanh trong mắt cô, lát sau nói thêm:

- Giá hồi ấy có mặt ông ở vùng này may ra chữa khỏi cho mẹ cháu... Tội nghiệp cho mẹ. Mẹ cháu đâu ngờ cháu phải sống cảnh này. Nhưng xin ông chớ nghĩ là cháu than vãn nhé. Ồ không, bà Skốp-kô-va đối với cháu rất tốt. và chẳng cháu cũng chẳng thiếu thốn gì... Trừ sách và đàn Pi-a-nô

- Thế còn cha cháu?

- Cha cháu là chánh kiểm lâm coi sóc rừng của nữ công tước Đu-ban-xép. Ở vùng rừng đại ngàn Ô-drư-nhex-ka ấy ạ. Ôi, ở đó mới đẹp làm sao! Cha cháu mất ở đó. Khi cháu hẳn còn là một đứa bé. Chỉ có hai mẹ con cháu với nhau. Thương mẹ cháu đã phải làm lưng vất vả. Mẹ cháu kiếm sống bằng nghề may vá, bằng các bài dạy nhạc. Thoạt tiên mẹ con cháu sống tại Bra-xoa-vi-e, sau đó đến Svi-en-chi-nư, cuối cùng là ở đây, ở Ra-đô-li-xki này. Mẹ cháu qua đời ở đây, thế là cháu còn mỗi một thân một mình trên đời. Cha linh mục trước cứu mang cháu, đến khi cha đổi sang địa phận khác, người giao cháu lại cho bà Skốp-kô-va trông nom. Trên đời không thiếu gì người tốt. Nhưng quả là nặng nề khi thiếu đi một người thật sự thân thiết bên mình.

Thầy lang gật đầu:

- Tôi cũng thăm thía điều đó lắm.

- Thế ông cũng không có gia đình sao?

- Cũng không có.

- Không có một ai ạ?

- Không một ai.

- Nhưng dù sao ông cũng được mọi người yêu mến, bởi ông cứu chữa cho họ. Giúp đỡ người anh em đồng loại, giải thoát cho họ khỏi đớn đau, điều ấy hẳn mang lại niềm tự hào to lớn lắm. Khi ấy người ta sẽ thấy mình thật sự cần thiết, có ích. Xin ông đừng cười cháu, nhưng ngay từ hồi còn bé

cháu đã từng mơ ước là sau này sẽ trở thành nữ bác sỹ. Giá mẹ cháu còn sống... Cháu đã chuẩn bị thi vào lớp sáu và định đến Vin-nô để vào trường trung học đấy chứ.

Cô mỉm cười buồn bã rồi phẩy tay.

- Ôi, nói làm gì nữa!

- Thế ra cô cũng được ăn học?...

- Cháu muốn được ăn học. Nhưng bây giờ thì quá muộn rồi. Ông Chúa vì dù sao Người cũng đã cho cháu miếng bánh mà ăn.

Trên quầy hàng bày một việc nữ công nào đó làm dở: một chiếc khăn với những bông hoa màu sắc sặc sỡ. Cô gái với lấy chiếc khăn và bắt đầu thêu.

- Cháu cũng có thể kiếm thêm để may quần áo và những thứ lặt vặt khác. Ông thấy đấy, cháu biết thêu thùa đây này. Đây là làm cho bà He-rơ-ma-nô-vi-trô-va ở Pia-xki.

- Cô thêu đẹp quá.

- Mẹ cháu dạy đấy.

Hai người trò chuyện với nhau chừng nửa giờ. Khi mưa tạnh, thầy lang chào tạm biệt rồi bước ra. Kể từ hôm ấy, ông hay lui tới hiệu của bà Skốp-kô-va hơn và hay ngồi lại trò chuyện dài hơn. Ông rất mến cô bé Mar-rư-sia. Chỉ cần nhìn cô, nhìn khuôn mặt sinh động, đôi tay thon thả của cô, nhìn mái tóc chải mượt mà của cô là ông đã thấy lòng êm ả. Giọng nói cô trong sáng và âm vang, đôi mắt xanh to của cô nhìn chân thành, thêm vào đó ông cảm thấy rất rõ rằng cô bé cũng mến ông.

Công việc ở cối xay, như thường khi vào vụ giáp hạt không có là bao. Công việc đồng áng mùa xuân đã bắt đầu, người ta không có thì giờ để ốm đau và chữa bệnh. Mùa này bệnh nhân không kéo đến ồ ạt như trước, vì vậy cứ hai ba ngày một lần, ông An-tô-ni lại vào thị trấn. Ông thôi không nhờ ai mua bán hộ các thứ lặt vặt nữa, điều ấy dĩ nhiên cũng khiến cho gia đình ông lão Prô-cốp Mi-en-nhich phải để ý.

- Cái gì lôi kéo ông đến Ra-đô-li-xki thế hả? - Zô-nhia nói vẻ day dã.

- Cái gì lôi kéo nữa, - Va-sin đùa, - chắc chú lại đến với một cô nào rồi chứ gì.

- Có mà ầy, - ông An-tô-ni lẩm bẫm vẻ không hài lòng.

Nhưng ở nông thôn chẳng có gì đâu được, chẳng bao lâu mọi người đều biết ông An-tô-ni hay ngồi lâu trong cửa hiệu bà Skốp-kô-va.

- Ủ thì sao, - ông lão Prô-cốp nhún vai khi Zô-nhia nói với lão chuyện đó, - chuyện thường tình của đàn ông. Bà Skốp-kô-va cũng được gái đấy chứ. Già thì chưa già, lại có tiền có của. Thương gia mà. Mà mà thò mũi vào việc của người khác làm gì thế, hả?

Một hôm có người bán hàng rong ghé xe vào cõng xay. Ông ta mở các túi hàng ra và cả nhà tụ tập ngắm nghía chúng, đầy thán phục. Nào có thiếu thứ gì đâu cơ chứ! Có cả vải dệt máy mỏng tang, cả vải péc-can, vải màu, có cả túi da, túi xách thành phố, nào vòng, nào chuỗi đủ thứ. Cả một gia tài.

Xuýt xoa và hồi hộp vì thích thú, đám phụ nữ ngắm nghía hết thứ nọ đến thứ kia, rồi nào ướm, nào mân mê. Và mặc cả gay gắt, bởi lẽ người lái buôn không những chỉ bán lấy tiền mà còn đổi hàng lấy sợi lanh, len, nắm khô hoặc mật ong nữa.

Ông An-tô-ni chỉ đứng từ xa ngó lại, nhưng khi đám đàn bà đã mua chán chê, ông mới tới xem xét các túi hàng. Ông chẳng bối mót lâu la gì trong đó. Ông chọn một mảnh lụa may áo váy và một chiếc xuyên nhỏ bằng bạc, rộng bản, có khảm đá màu xanh lục. Ông phải đổi hai thứ đó bằng nhiều cuộn lanh và một túi len to tướng.

Zô-nhia đỏ bừng mặt khi theo dõi cuộc đổi chác ấy. Cô không hề nghi ngờ gì nữa: những thứ đó hẳn là để tặng cô. Ngược lại, Ôn-ga lại tin chắc rằng ông An-tô-ni mua những thứ ấy cho bé Na-tan-ka.

Nhưng cả hai đều nhầm. Hôm sau, vào khoảng gần trưa, thầy lang mang một bọc dưới nách đi lên thị trấn. Cả hai người đàn bà nhìn theo ông qua cửa sổ và Zô-nhia, vốn trực tính hơn, liền rửa:

- Mang cho cái con cóc già, mang cho con bò cái ấy thôi! Cầu cho ông ấy gãy quách chân đi cho rồi!

Nhưng ông An-tô-ni chân cứng vẫn nguyên lành, đi được đến tận thị trấn. Nhìn qua cửa sổ, thấy trong hiệu đang có một bà nào đó, ông đứng chờ đến khi bà ta ra mới bước vào. Cô Ma-rư-sia vẫn đón ông niềm nở như thường lệ:

- Trời đẹp quá bác nhỉ! Ấm áp như thể là mùa hè ấy thôi.

Cô gọi ông bằng bác, không rõ vì sao. Tự nhiên cô nghĩ ra thế. Những thiếu nữ khác trong vùng đều e sợ ông An-tô-ni, còn riêng cô không hề cảm thấy sợ sệt gì cả. Ngược lại, cô tin vào lòng nhân hậu của ông, cô công phần phản đối mỗi khi có ai nói cạnh khóe rằng ông thầy lang ở cối xay là đày tớ của quỷ sứ.

- Ai đánh bạn với ma quỷ, kẻ đó chỉ toàn hãm hại mọi người và sống không trung thực, - cô bảo, - còn ông ấy thì không một ai có thể nói điều gì xấu cả.

Không cần nói lý do gì để cho một sinh linh này có cảm tình với một sinh linh khác. Tình cảm ấy không biết từ đâu đến, từ khí trời hay từ bên ngoài cũng nên. Ngay cả Ma-rư-sia cũng không rõ tại sao cô lại mến ông thầy lang. Chỉ biết cô thấy vui khi ông vào hiệu cô. Hôm ấy, cô càng vui hơn vì cô đang có một điều muốn nhờ ông.

- Hay quá, bác An-tô-ni đến vừa đúng lúc, - cô tươi cười nói, - cháu đang muốn bóc lột bác đây...

- Sao lại bóc lột, hả cô bé?

- Nhưng bác phải hứa với cháu là sẽ làm điều cháu yêu cầu nhé.

Ông vuốt râu, nhìn vào mắt cô.

- Tất cả những gì mà tôi làm được.

- Cháu cảm ơn bác quá! Ở cạnh đây, trên phố Kô-schen-na, có một bà cụ. Bà nghèo lắm cơ. Gần đây, chân bà bị sưng to tướng, không tài nào đi

lại nổi. Bà ấy nài cháu hãy cầu xin bác ghé qua nhà bà, khuyên bà nên làm thế nào cho đỡ.

- Được rồi, - ông mỉm cười. - Tôi sẽ đến thăm bà ta, mặc dù tôi không đi chữa tại nhà bao giờ. Nhưng không có gì làm không công đâu nhé.

- Bà ấy nghèo lắm cơ bác ạ, - Ma-rư-sia hơi bối rối nói.

- Tôi không nói tới bà ấy, - ông ngắt lời, - nhưng để thưởng công, cô phải nhận món quà nhỏ này để tôi được vui lòng.

Ông nói rồi đặt gói lên quày.

- Cái gì thế ạ? - cô ngạc nhiên.

- Cô hãy xem đi. Chẳng nhiều nhận gì, nhưng cũng có ích cho cô.

Cô gái mở gói và đỏ bừng mặt.

- Vải... lại cả xuyên nữa này...

- Xin cô hãy mặc, hãy đeo, cho khỏe, cho xinh.

Cô gái lắc đầu.

- Cháu không thể nhận được đâu. Không, không! Vì lý do gì kia chứ?... Sao bác lại mua quà cho cháu thế này?

- Cháu nữ từ chối ư? - Ông hỏi khẽ.

- Cháu đâu dám nhận quà của bác!... Và vì lẽ gì kia chứ?

- Cháu làm ơn nhận hộ bác, cô bé. Nhận đi cháu. Váy áo và chiếc vòng tay kia có ích cho cháu, còn bác đây lại sung sướng trong lòng. Ôi, như thế bác chia sẻ cùng cháu một phần trái tim bác. Không được phép chà đạp nó đâu, cháu. Đó là bác cảm ơn cháu. Cảm ơn cháu vì từ khi lui tới đây với cháu, bác thấy trong lòng nhẹ bớt.

- Nhưng những thứ này phải đắt tiền lắm!

- Tiền của đáng gì, - ông phẩy tay. - Cháu cũng biết là bác đâu cần thiết thứ gì... Có nghĩa là cho đến nay bác vẫn nghĩ mình chẳng cần gì... Thế mà hóa ra bác còn giữ cái tính kiêu kỳ với những điều ham muốn... Ôi,

bác nghĩ bụng, dẫu sao cũng vẫn cần có một người nào đó trên thế gian này, một linh hồn tốt lành nào đó, mà mỗi khi nghĩ đến, con người kia thấy sống trên đời có phần nhẹ nhàng hơn. Bác già rồi. Tuổi già thì khao khát niềm ấm áp. Bác rất quý cháu. Nào, cầm lấy, cháu! Quà chẳng đáng là bao, nhưng là cả tấm lòng. Cầm lấy! Cháu cô đơn mà bác cũng cô đơn, nỗi cô đơn của bác còn tệ hơn, bởi chừng bác già rồi. Cháu hãy cho phép bác thỉnh thoảng được bày tỏ những điều tốt đẹp mà bác hằng cầu chúc cho cháu.

Cô gái rất xúc động. Cô đưa hai tay xiết chặt đôi bàn tay to lớn chai sạn vì làm việc của ông.

- Cảm ơn, cảm ơn, bác An-tô-ni. Cháu không xứng được nhận, nhưng cháu xin cảm ơn bác.

Buổi tối, về đến nhà, cô đưa cho bà Skốp-kô-va xem những món quà được tặng.

- Bác ấy tốt biết bao, thưa bà, - cô thốt lên, - cháu có là gì với bác ấy đâu kia chứ, chỉ là một đứa con gái xa lạ. Cháu thật xấu hổ phải nhận, bởi cháu thấy rằng sẽ làm bác ấy hết sức phật lòng nếu từ chối.

- Xem kìa, xem kìa, - bà Skốp-kô-va lắc đầu. - Coi chừng đấy, không khéo điều tiên đoán của cô thành sự thật cũng nên.

- Điều tiên đoán gì kia ạ?

- Rằng ông ấy lấy cô ấy mà.

Ma-rư-sia phá lên cười.

- Bác thật là! Rõ là bác không quen bác An-tô-ni rồi! Bác ấy già rồi, chẳng bao giờ bác ấy nghĩ đến chuyện ấy đâu. Và chẳng, - cô buồn bã nói thêm, - bác ấy còn tốt hơn khối anh chàng trẻ tuổi.

Và trong câu nói chứa đựng gần như một niềm tâm sự chân thật. Gần như, vì lẽ cô gái quen biết một chàng trai, người mà cô rất yêu mến. Tình quen biết cũng bắt đầu từ cửa hiệu, nhưng đã lâu rồi, hai năm về trước. Đó là cậu chủ Trưn-xki, con trai của ông chủ ở Lu-đơ-vi-kốp. Suốt một năm nay không thấy bóng dáng chàng trong vùng nữa. Chàng đang học kỹ sư.

Nhưng mùa hè bao giờ chàng cũng về nghỉ ở Lu-đơ-vi-kốp và thường ghé qua Ra-đô-li-xki. Thi thoảng chàng cùng đi với cha mẹ bằng ô-tô hoặc một chiếc xe ngựa tuyệt đẹp, và khi ấy, chàng chỉ chạy vào cửa hiệu bà Skốp-kô-va một thoáng thôi; còn nhiều khi chàng cười ngựa hoặc phóng mô-tô đến một mình. Những khi ấy chàng ngồi trong hiệu hàng giờ liền.

Chàng là một thanh niên sôi nổi, nhiệt thành và điển trai đến nỗi trong đời Ma-rư-sia chưa từng gặp một người thứ hai nào như thế. Người chàng cao, gầy, tóc đen như hắc ín, da sẫm màu đồng. Nhưng đôi mắt chàng có cùng màu xanh giống mắt Ma-rư-sia, và nom chàng giống như một thanh niên Txư-gan vậy. Thêm vào đó, chàng rất nhanh nhẹn, vui vẻ, ồn ào, mỗi khi chàng bước vào, dường như chỉ mỗi mình chàng cũng đủ làm chặt hết cửa hiệu. Chàng cười, chàng hát những khúc ca mới (chàng hát hay lắm nhé!), chàng biểu diễn mọi thứ trò vui khác nhau. Thậm chí chàng còn nhảy cả hai chân lên quầy khiến cho anh tài xế vừa chọt ló vào đón chàng phải nhăn mặt lại.

Nhưng Ma-rư-sia thích nhất những khi chàng kể chuyện. Chàng hãy còn trẻ, chỉ hơn cô bảy tuổi là cùng, mà trời ơi, có gì chàng chưa được thấy nữa, có nơi nào chàng chưa được đến nữa kia chứ! Chàng đã đi hầu như khắp cả Châu Âu. Chàng còn sang bên Mỹ và đến cả những hòn đảo kỳ thú. Và chàng kể chuyện mới tuyệt làm sao! Chàng có biết bao chuyện để mà kể, bởi lẽ với bản tính phong phú của mình chàng lao vào nhiều chuyện phiêu lưu mạo hiểm. Chàng thuật lại những chuyện ấy ngon lành như lắ cho chúng rơi từ tay áo chàng vậy.

Cô gái có thể sẽ ngỡ chàng là kẻ ba hoa nếu như khắp vùng người ta không đồn đại âm ỉ về những chuyện quấy phá của chàng, ai cũng biết ông chủ Trưn-xki phải mất bao công lao sức lực vì con. Một lần, đúng ngày chợ phiên ở Ra-đô-li-xki, chàng phóng ngựa thẳng vào quán rượu, ở đó chàng gây sự với anh chàng Gia-rơ-nốp-xki ở làng Vi-ê-li-skốp, và tiếp đó là một cuộc đấu sống mái. Một lần khác, chàng đốt một đống lửa to tướng ngay trên đường sắt để dừng tàu lại giữa đồng không mông quạnh. Trong huyện,

người ta đồn đại bao chuyện vui về chàng. Nhưng trong những chuyện đó không có chuyện nào đáng xấu hổ hay nhục nhã cả.

Có lẽ chỉ riêng những chuyện đàn bà. Người ta đồn rằng chàng không tha cô nào hết, chàng tán tỉnh bất kỳ cô nào ngây thơ và không ít cô gái đã phải đỏ mắt khóc than vì chàng.

Nhưng Ma-rư-sia không hề tin những lời đồn đại ấy. Cô không tin vì hai lẽ. Thứ nhất, cô không muốn tin, còn thứ hai, cô có lý do để không tin. Cậu chủ Lê-sếch không hề để ý đến phụ nữ. Chính cô đã nhận ra điều đó. Bao nhiêu lần chàng ngồi lâu lâu trong cửa hiệu cô, thì bấy nhiêu lần tất cả các vị giai nhân trong địa phương đều kéo nhau mà lao tới. Khi một cô nào đó trông thấy ngựa hoặc mô-tô của chàng trước cửa hiệu, là lập tức phóng như điên về nhà diện ngay bộ váy áo đẹp nhất, quần vôi tóc, đội chiếc mũ tốt nhất, rồi giả vờ ghé vào mua tem hoặc giấy viết thư.

Còn Ma-rư-sia chỉ ngồi mà cười vì chàng công tử Trưn-xki không buồn để mắt đến các trang giai nhân ấy.

- Ông đã kéo khách hàng đến cho tôi đấy, ông Lê-sếch ạ, - cô bảo chàng khi chỉ còn lại mình họ với nhau. - Bà Skốp-kô-va hẳn phải hàm ơn ông lắm đấy.

- Nếu có thêm một cô nào nữa, tôi sẽ lè lưỡi cho mà xem!- Chàng đe, giả vờ cáu.

Lời nói thiêng sao, chỉ năm phút sau, bà chủ hiệu thuốc bước vào. Bà ta diện như đi vũ hội, xúc nước hoa thơm lừng đến nỗi trong cửa hiệu phát ngọt. Không suy nghĩ lâu la gì, cậu chủ Trưn-xki mặc dù không le lưỡi - nhưng lại làm một việc còn kinh khủng hơn: cậu bắt đầu giả vờ bị hắt hơi. Và đã bắt đầu, chàng lại cứ hắt hơi liên tù tì cho đến khi cái bà xúc nước hoa kia phải chạy bắn ra khỏi cửa hiệu, mặt đỏ bừng vì tức giận, nửa phần tỉnh nửa phần mê.

Kể từ lần ấy bà ta căm Ma-rư-sia và bao nhiêu lần gặp bà Skốp-kô-va, bà đều thề rằng sẽ không thèm mua ở hiệu của bà một xu mẻ nào nữa, nếu như cái con bé bán thiu còn ngồi bán hàng ở đấy.

Bà Skốp-kô-va lo mất khách, thậm chí đã có lần quở Ma-rư-sia, cũng chẳng có lý do gì, chỉ để phòng xa, nhưng không bắt cô thôi việc.

Bà chủ hiệu dược phẩm có thể không còn trẻ nữa, nhưng xinh thì khỏi phải chê. Song ngay cả những cô trẻ, cậu chủ Lê-sếch cũng chẳng hề để mắt tới, ngay cả những cô diện ngất trời và đi đi lại lại đến cả tiếng đồng hồ như cô cháu gái ông linh mục, cô con gái ông kỹ sư lục lộ hay như cô tiểu thư Pa-vơ-li-xka, em gái bác sỹ. Dĩ nhiên, chuyện ấy khiến Ma-rư-sia tự hào. Cô càng thêm phần tự hào vì chàng Lê-sếch nhà ta rất chi là kiêu căng, điều mà cô coi như là một nhược điểm lớn của anh chàng. Trong khi đối xử với cô, chàng giản dị và vui vẻ bao nhiêu, thì đối với mọi người chàng xử sự cứng nhắc và kiêu căng bấy nhiêu. Cậu chủ chỉ trò chuyện với các tay địa chủ giàu có quanh vùng, còn với những người khác cậu như nhìn từ trên xuống. Cậu thường xuyên nhắc đi nhắc lại rằng mẹ cậu là dòng dõi là bá tước, còn cha lại xuất thân từ một gia đình nghị sĩ đại quý tộc, đến nỗi trong cả tỉnh này, trừ họ nhà Ra-gi-xki và họ nhà Tư-xki-ê-vich, không còn ai có quyền vênh mặt như họ Trưn-xki.

Có lần Ma-rư-sia không kìm nổi vừa cười mĩa mai vừa bảo chàng:

- Thật là một nghịch cảnh tức cười, một chàng công tử trẻ trung vênh váo ngược mắt lên để chinh phục một cô gái bán hàng nghèo nàn.

Lần ấy, chàng bối rối và thề rằng chàng không hề có ý định đó.

- Xin cô đừng nghĩ tôi là kẻ tự phụ ngu si đến thế, cô Ma-rư-sia.

- Tôi không hề nghĩ thế đâu, - cô lạnh lùng đáp lại. - Ngược lại, tôi chỉ nghĩ rằng ông đã nhấn mạnh một cách rất tinh tế sự khác biệt về xã hội đang tồn tại giữa tôi và ông...

- Kìa cô Ma-rư-sia!

-... Và ân huệ mà ông dành cho tôi khi đã mất bao nhiêu thì giờ vàng ngọc của mình để trò chuyện với một cô nhân viên bán hàng ngu dốt và nghèo hèn trong một thị trấn tí xiu...

- Cô Ma-rư-sia! Cô làm tôi phát điên lên mất!

- Tôi không hề có ý định ấy đâu, thưa ông. Bốn phận của tôi là phải lịch sự đối với khách hàng. Vì vậy, lúc này tôi muốn xin lỗi ông, vì tôi còn phải quét cửa hiệu mà bụi bặm lại có thể hại đến sức khỏe vô cùng đáng quý của ông, chưa nói đến bộ quần áo may tại Luân Đôn kia nữa.

- Cô nói thế đấy à? - Chàng tái người đi, bật dậy.

- Đúng thế, thưa ông.

- Cô Ma-rư-sia!

- Ông còn muốn nói gì thêm nữa không ạ? - Cô cúi người trên quầy hàng, nở một nụ cười gượng gạo.

Chàng Trưn-xki quất mạnh cây sậy đang cầm trong tay vào ống ủng.

- Tôi sẽ tự gói lấy, đồ quý tha ma bắt! Chào cô! Còn lâu cô mới thấy lại cái mặt tôi!

- Chúc lên đường may mắn...

- Chó má! - Chàng buột miệng chửi thề.

Chàng lao ra khỏi hiệu, nhảy vọt lên yên và bắt ngựa phóng nước đại đi ngay. Qua cửa sổ Ma-rư-sia thấy chàng phi như một thẳng điên qua quảng trường Độc Lập không lát đá, bụi bay mù mịt.

Cô ngồi xuống, trầm tư. Cô biết mình đã hành động đúng, đã cho kẻ kiêu căng kia một bài học, nhưng sao cô vẫn thấy mùi lòng.

- Sẽ còn lâu mình mới được gặp mặt anh chàng cho mà xem... Có lẽ là chẳng bao giờ cũng nên, - cô thở dài. - Biết làm sao. Có khi thế lại hay hơn.

Hôm sau, lúc tám giờ cô ra mở cửa hiệu, đã thấy một người canh rừng của Lu-đơ-vi-kốp chờ sẵn trước cửa. Anh ta mang tới một bức thư. Trong thư cậu chủ Trưn-xki viết rằng thế là kỳ nghỉ hè của chàng đã bị đầu độc, mà là do cô, rằng chàng không ngờ cô lại như thế, rằng cô đã hiểu sai một cách tệ hại nhất tất cả những ý định của chàng, rằng cô đã xúc phạm, đã làm nhục chàng, song vì chàng cũng xử sự thiếu lịch thiệp, nên chàng thấy có nghĩa vụ phải xin lỗi.

"Để chôn vùi những kỷ niệm cay đắng ấy, - chàng viết ở cuối thư, - tôi sẽ đi Vin-nô để uống cho thật say, và chắc chắn quý sẽ tha ma sẽ bắt tôi đi, đúng như điều cô cầu chúc".

- Thưa cô, có thư trả lời không ạ? - Người coi rừng hỏi.

Cô lưỡng lự. Không, viết cho anh ta làm gì? Đề làm gì tất cả những thứ này kia chứ?

- Sẽ không có thư trả lời đâu, - cô đáp. - Có điều xin nhắn lại với cậu chủ rằng tôi chúc cậu mọi điều tốt đẹp nhất.

Ròng rã ba tuần lễ trôi qua mà Trưn-xki không xuất hiện. Cô hơi nhớ chàng, thậm chí cô thầm đoán xem chàng có đến hay không, và có ghé vào hiệu cô không. Đến tuần thứ ba cô nhận được một bức điện. Cô không muốn tin vào mắt mình nữa: đó là bức điện đầu tiên cô nhận được trong đời. Điện được gửi đi từ Krư-nhi-xa, nội dung như sau:

"Thế gian chán ngắt stop, cuộc đời không có chút ý nghĩa gì stop bà chủ hiệu thuốc có còn xúc nước hoa không stop cô là thiếu nữ đẹp nhất vùng Trung Âu stop Đáng tiếc stop Lếch".

Ba hôm sau, tiếng máy mô-tô lại nổ giòn ở Ra-đô-li-xki, báo tin cho toàn thị trấn Ra-đô-li-xki hay rằng cậu chủ Trưn-xki đã quay trở về với què cha đất tổ. Ma-rư-sia chỉ kịp nhảy vội đến chỗ chiếc gương soi và sửa xong tóc thì chàng đã có mặt trong cửa hiệu rồi.

Nói thực lòng, cô rất hàm ơn vì chàng đã đến, song cô không để lộ điều đó ra ngoài. Cô lo chàng sẽ nghĩ rằng cô cần gặp chàng. Điều đó lại khiến chàng tức giận và làm hỏng mất cuộc gặp mặt dễ chịu mà chàng tưởng tượng.

Sau vài câu xã giao, chàng bảo:

- Cô lên án thói hào nhoáng bề ngoài của tôi, nhưng những kẻ chuộng hình thức cũng có một ưu điểm: họ muốn tỏ ra lịch thiệp ngay cả khi không hề muốn thế.

Cô định cam đoan với chàng rằng đối với chàng cô không cần phải cố gắng mới tỏ ra lịch thiệp, rằng cô rất vui vì chàng đã trở về, vì chàng đã nhớ đến cô ở cái chốn Krư-nhi-xa kia... Song thay vì những điều đó, cô lại bật ra:

- Tôi hiểu, sự lịch thiệp của ông chính là điều đó.

Chàng nhìn cô đầy hần học.

-Ồ vâng! Cô nói đúng lắm!...

- Tôi cũng không nghi ngờ.

- Càng tốt.

- Có điều tôi hơi ngạc nhiên là ông phải cố gắng đến thế.

Chàng cười khẩy, ít nhất thì chàng cũng tưởng là thế, vẻ đầy châm chọc.

-Ồ, hoàn toàn không. Đó là chuyện hoàn toàn tự động. Cô thấy đấy, ngay cách cư xử đã thể hiện trong tôi tính tự động, biểu lộ những hình thức xã giao lịch thiệp với mọi người...

Cô gái nghiêng đầu.

- Tôi ngạc nhiên vì điều đó.

Chàng quay ngoắt đi. Cô không thấy mặt chàng, nhưng hoàn toàn tin chắc rằng chàng đang nghiêng chặt.

Cô càng khao khát muốn giảng hòa. Cô hiểu rằng lúc này mình nên thốt ra một điều gì đó để lấy lòng, cô hiểu cô đã đối xử với chàng không công bằng, rằng giờ đây không khi nào chàng còn quay lại nữa, nếu không được nghe từ miệng cô một lời tốt đẹp. Cô hiểu điều đó, nhưng không tài nào có thể dẫn lòng nổi để cam chịu đầu hàng.

- Vĩnh biệt cô, - chàng thốt lên và không chờ đáp lại, bước nhanh ra ngoài.

Cô không khóc òa lên chỉ vì vừa lúc ấy có một bà nào đó bước vào hiệu mà thôi.

Mọi chuyện là vào hồi năm ngoái. Cho đến cuối kỳ nghỉ hè, chàng không ló mặt đến Ra-đô-li-xki lần nào nữa. Rồi đông tới, một mùa đông dài đằng đằng, sau đó là mùa xuân. Người ta vẫn hay bàn tán những chuyện đông dài về cậu chủ Trun-xki, nhiều khi tin tức này nọ cũng đến tai Ma-rư-sia. Hình như chàng đang thực tập ở ngoại quốc. Hình như chàng sẽ thành hôn với một nam tước tiểu thư ở Pô-zơ-nan, hình như cha mẹ của nam tước tiểu thư ấy đã đến thăm Lu-đơ-vi-kốp.

Ma-rư-sia tiếp nhận những tin tức ấy khá hững hờ. Thì bao giờ cô cũng vẫn hiểu rằng không thể nuôi một mảy may hi vọng nào trong quan hệ với cậu chủ Trun-xki. Hơn nữa, tự nhiên cô lại có một nỗi giận dữ vô duyên cớ nào đó đối với chàng.

Hồi mùa đông có đoàn chiếu phim tới Ra-đô-li-xki. Người ta bố trí chiếu trong căn nhà gỗ của đội cứu hỏa và mặc dù trời rất lạnh, nhưng cả ba buổi chiếu đều không thiếu khán giả. Người ta chiếu phim Mỹ và bà Skốp-kô-va mặc dù đã nhiều lần nghe rao giảng lên án những chuyện trụy lạc kia ra sao để đánh giá đúng mức độ nguy hiểm của nó. Vì e rằng có nhiều điều không hiểu, bà dẫn theo Ma-rư-sia, bởi thứ nhất, cô là người có học thức, và thứ hai, cô đã từng được xem phim, dù đã lâu lắm rồi.

Quả thực Ma-rư-sia đã từng được xem phim, mà xem tại những thị trấn lớn như Bra-xoáp và Svi-en-chia-nư, nhưng hồi đó cô hãy còn trẻ con. Giờ đây cô đã biết ngẫm nghĩ về nội dung phim và một bộ phim mà cô rất thích. Đó là chuyện một thiếu nữ trẻ, quê mùa, không được ai để mắt đến ngay tại quê cha đất tổ. Ở quê hương, cô được xem là con nhà nghèo, nhút nhát. Nhưng khi đến được một thành phố lớn, vào một cửa hiệu thật to, nơi có hàng nghìn người mua mỗi ngày, cô gái được một chàng họa sĩ nổi tiếng và giàu có quen biết rồi đem lòng yêu dấu, chàng đã nhận ra ở cô cả sắc đẹp, vẻ duyên dáng cũng như phẩm chất tốt đẹp.

- Phải, - Ma-rư-sia nghĩ mà lòng man mác buồn, - có thể ở những đô thị lớn có chuyện ấy, nhưng nếu như cô ấy ở lại làng quê thì số phận cô sẽ buồn biết bao.

Và trong lòng Ma-rư-sia biết rằng sẽ không bao giờ cô dứt bỏ nơi này... Còn nơi đây... thì ai có thể là chàng trai ấy, người sẽ yêu cô và sẽ cưới cô?... Cô khá tinh táo để không một giây nào tính đến cậu chủ Lu-đơ-vi-kốp. Cha mẹ chàng không bao giờ đồng ý chuyện đó, cả bản thân chàng chắc chẳng khi nào nảy ra ý định ấy, và ngay cả cô nữa, cô cũng không muốn trở thành vợ một ông chủ như chàng. Chính cô đã từng phải mang những gói hàng từ cửa hiệu ra xe cho những người họ hàng quen biết của chàng, làm sao sau này họ lại có thể đồng ý xem cô là người ngang hàng họ được.

Hắn cô sẽ hình dung tương lai của mình hoàn toàn khác nếu anh chàng Lê-sếch chỉ là một công chức bình thường không hề giàu có, hoặc một người thợ thủ công, hay một chủ ruộng trong vùng cũng được.

- Ôi, khi ấy sẽ hoàn toàn khác hẳn!

Cô coi chàng là đỉnh cao của sắc đẹp đàn ông. Cô không thấy một chàng trai nào hấp dẫn như chàng cả trong phim lẫn trong các tấm bưu ảnh bày bán trong hiệu (mà bưu ảnh ấy mới nhiều làm sao!). Cô thích chàng về mọi phương diện. Bởi ngay cả niềm tự hào kia, sự kiêu ngạo kia cũng không đến nỗi là một nhược điểm mà cô không thể bỏ qua. Và chẳng, nếu chàng chỉ là một người lao động khiêm nhường thì chắc hẳn chàng sẽ không kiêu kỳ đến thế.

Rồi xuân đến, và nếu có nhớ đến cậu Trư-xki, thì Ma-rư-sia cũng chỉ nhớ một hình bóng mơ ước, chứ không như ông chủ tương lai của Lu-đơ-vi-kốp.

Song hình bóng ấy hình như vẫn chiếm một chỗ, dẫu không quá lớn, nhưng vẫn cố định và không hề suy suyển đến độ trong lòng cô không còn chỗ cho những người khác. Trong vùng chẳng thiếu chi trai tráng để mắt đến Ma-rư-sia và cũng chẳng hề giấu cô những niềm mong nỗi nhớ của mình. Song tất cả bọn họ đều không hề gây cho cô một ấn tượng nào đáng kể.

Tháng sáu đến, một tháng sáu nồng nực, tràn trề nhựa sống. Cái thị trấn nhỏ bé được bao bọc bởi mặt biển màu xanh lá cây nhấp nhô lượn sóng, nom giống như một bó những ngọn cây hùng vĩ của loài bạch dương, gia và thùỵ dương, dưới gốc chúng ẩn kín những mái nhà đỏ tươi và trắng bạc, hết như những đóa hoa khiêm nhường, lấp ló, được bọc trong những khóm nhài, tử đinh hương và những bụi râu dê tươi tốt xum xuê. Ngày lễ mà đi dạo một quãng dài trở về, ta ngỡ như trên thế gian này không còn một miền quê nào êm ả và tươi đẹp hơn thế nữa. Nhìn từ xa không thể nào nom thấy những đường phố đầy ô gà, không lát đá, cùng những đồng rác trong các sân nhà hoặc những con lợn đang vầy trong vũng nước bùn.

Vầng dương sáng soi trên bầu trời quang đãng từ cánh đồng đưa về làn gió dịu dàng, thơm hương, trong lòng tự nhiên thấy nhẹ nhõm và sướng vui.

Ngày thường thì mãi sau bảy giờ người ta mới chịu rời cửa hiệu. Mà trong hiệu thì nóng bức không sao chịu nổi. Những cây non mới trồng ngoài quảng trường không có bóng mát hoặc chỉ có rất ít, còn tường thì thấp nắng đến nỗi ban ngày phải mang thuốc lá xuống tầng hầm, sợ chúng bị khô quá sẽ vụn ra thành bột. Vì vậy, buổi chiều là Ma-rư-sia vội vã đóng cửa hiệu, và trước khi về nhà cô chạy ngay ra sông Giơ-vi-rúp-na. Đó là một dòng sông nhỏ, rất nông, về mùa hè gà có thể lội sang cũng chẳng ướt lông, nhưng có hai chỗ, ngay trước con đường cái và phía sau nhà thờ, sông phình ra thành hai cái ao tròn khá sâu. Chỗ cạnh đường thì dành cho đàn ông đến tắm, còn phía sau nhà thờ là cho phụ nữ, chủ yếu là các cô gái trẻ dùng.

Sau khi tắm tấp xong còn khá đủ thì giờ để giúp bà Skốp-kô-va làm việc nhà, rồi tiếp đó ngồi vào đọc sách. Ma-rư-sia đã đọc hết tất cả các sách trong thư viện của nhà thờ xứ từ lâu, cô cũng đã đọc hết sách của các thư viện nhỏ bé thuộc trường phổ thông cơ sở địa phương. Thịnh thoảng cũng mượn được một cuốn tiểu thuyết hay một tập thơ của ai đó trong giới trí thức ít ỏi đến thị trấn. Và cô luôn luôn đói sách. Nhiều quyển cô đã

thuộc lòng, thậm chí cả hai quyển tiếng Pháp và một quyển tiếng Đức mà cô rất hay đọc để khỏi quên.

Quyển tiếng Pháp là một tập thơ của Muyt-xê^[28] đã cũ nát, tài sản của vị linh mục đạo trước. Một lần cô đang cầm chính tập thơ ấy trong tay thì người khách già đáng mến, ông thầy lang ở cối xay, bước vào hiệu.

- Cháu đang đọc gì thế, cô bé? - Ông hỏi, cũng chỉ thuận miệng.

- Thơ ạ, những bài thơ rất hay... Thơ. Nhưng bằng tiếng Pháp.

- Tiếng Pháp à?...

- Vâng, thưa bác. Thơ của Muyt-xê.

Thầy lang xoay quyển sách về phía mình, cúi xuống và Ma-rư-sia cảm thấy ông đang cố đọc. Mối ông mấp máy, nhưng chỉ lát sau, ông thẳng lưng dậy.

Mặt ông tái nhợt, mắt ông như dại đi.

- Bác làm sao thế, bác An-tô-ni? - Cô gái ngạc nhiên và hơi hốt hoảng hỏi.

- Không, không việc gì... - Ông lắc đầu, hai tay ôm chặt thái dương.

- Bác ngồi xuống nào, cô gái chạy từ sau quầy ra, đẩy đến cho ông chiếc ghế. - Hôm nay bức quá, chắc bác bị mệt.

- Không, cháu cứ yên tâm. Bác đỡ rồi.

- Ồn Chúa, cháu sợ quá... Còn nếu nói về quyển sách kia, thì bác nghe này, ngôn ngữ mới tuyệt diệu làm sao. Cháu cứ nghĩ rằng không cần phải hiểu nghĩa cũng vẫn cảm nhận được vẻ đẹp của nó, nhất là thi ca.

Cô lật vài trang và cất giọng đọc. Giá như cô rời mắt khỏi trang sách lấy một phút thôi, cô sẽ thấy rằng đang có chuyện gì đó không lành xảy ra với ông An-tô-ni Kô-si-ba. Nhưng cô đang đọc cho bản thân mình. Cô thích thú bởi vẻ trơ trụi và trầm bổng của các khổ thơ, sự tinh tế của vần điệu và nội dung đầy cảm xúc của thi sỹ, đang khóc than cho nỗi tuyệt vọng của hai trái tim bị số phận trở trêu mù quáng chia cắt vô phương cứu

vẫn, chúng đang cháy lên đốm lửa mỗi lúc một thêm leo lét của niềm nhớ thương, niềm nhớ thương đã trở thành lý do và nguyên nhân tồn tại duy nhất của đôi tim ấy.

Cô đọc hết và ngẩng đầu lên. Cô chợt nhìn thấy cặp mắt thảng thốt đang đăm đăm nhìn vào cô của ông thầy lang.

- Bác làm sao thế? - Cô bật dậy.

Đúng lúc ấy cô chợt nghe tiếng ông đang lặp lại một cách hết sức chính xác khổ thơ cuối cùng. Cô không thể nào nhầm lẫn được, mặc dù ông thốt lên bằng một thứ tiếng thì thầm khàn đặc và rất khẽ.

- Ông... ông... - Cô lên tiếng, còn ông hình như đang cố hết sức để nhớ lại điều gì, ông nói:

- Phải... sự đồng đánh mù quáng của số phận. Như cái cây bị trốc cả gốc rễ... Cái gì thế nhỉ... cái gì ấy nhỉ...

Ông đứng dậy để ngã lăn xuống đất.

- Lạy Chúa! Bác An-tô-ni! Bác ơi! - Cô gái hét lên.

- Đầu óc bác mù cả lên, - ông lên tiếng, thở hển hển nặng nhọc. - Đầu óc mù mịt như sắp phát rồ đến nơi... Ngựa đi đâu thế nhỉ...? Tôi đến đây làm gì... Để mua thuốc hút mà... Cô hãy nói đi, nói điều gì... nói điều gì với tôi...

Cô gái nói vội vã và tất cả những gì chợt hiện đến trong óc, đồng thời cô nắm chặt đôi bàn tay to lớn, thô nhám của thầy lang.

Dần dần, ông bình tĩnh lại. Ông ngồi xuống, thở nặng nhọc. Cô mang cho ông một cốc nước, ông uống ừng ực hết sạch, rồi cô chạy xuống hầm lấy thuốc lá gói cho ông. Vì đã gần bảy giờ chiều, cô quyết định không để cho ông về một mình.

- Bác An-tô-ni, hãy đợi cháu chừng mười lăm phút nữa thôi, rồi cháu sẽ đóng cửa hàng và tiễn bác về một quãng. Bác nhé?

- Để làm gì, cháu, bác đi một mình cũng được.

- Nhưng cháu cũng muốn đi dạo một lúc mà.
- Thế thì được, - ông lạnh nhạt đồng ý.
- Bác có hút thuốc không ạ?... Cháu cuốn cho nhé?
- Ủ, thì hút, - ông gật đầu.

Khi cả hai đã ra tới đường cái, ông mới dần dần lấy lại thăng bằng.

- Bác hay bị những lúc như thế, - ông nói. - Chắc có sự gì trong não. Nhưng đã lâu, rất lâu rồi bác chưa bị thế này bao giờ.

- Cầu Chúa để đừng lặp lại nữa, - cô mỉm cười thân mật với ông. - Chắc là do nắng.

Ông lắc đầu.

- Không, cháu ạ! Không phải do nắng đâu.

- Thế thì do cái gì ạ?

Ông im lặng rất lâu, cuối cùng thở dài:

- Bác cũng chẳng biết nữa.

Rồi ông nói thêm:

- Đừng hỏi bác chuyện đó, vì cứ chớm nghĩ về nó, hơi căng óc để nhớ một chút, thì sự không lành ấy đã lại muốn cuộn lên trong đầu óc bác rồi.

- Vâng, được rồi, bác An-tô-ni ạ. Ta hãy nói về chuyện khác đi.

- Không, không cần đâu cháu. Cháu quay lại đi. Đường đã quá xa so với đôi chân bé nhỏ của cháu rồi đấy.

- Đâu có, chẳng bé nhỏ chút nào đâu bác. Nhưng nếu bác muốn được đi một mình thì cháu xin quay lại.

Ông dừng bước, mỉm cười, hơi kéo cô gái lại gần mình rồi thận trọng hôn vào trán cô.

- Cầu Chúa đền ơn cho cháu, - ông nói khẽ rồi bước đi.

Ma-rư-sia quay trở lại phía thị trấn. Cử chỉ khác thường và nụ hôn của con người kia không hề khiến cô phật ý, mà dường như còn làm cô yên lòng sau cơn lo lắng vừa qua. Cô cảm thấy càng rõ ràng hơn là cô đã tìm được ở người thầy lang tuổi tác này một sinh linh có trái tim vàng và gần gũi. Ôi, chắc chắn rằng không ai khác trên thế gian này có được những tình cảm tốt đẹp và chân thành hơn đối với cô, và nếu như có điều gì bất hạnh xảy ra, chỉ một mình ông là người không bao giờ từ chối cô, giúp đỡ cô.

Song cô cũng hiểu rằng chính người bạn tốt ấy cũng đang cần được giúp đỡ, và chắc hẳn ông đã từng phải chịu đựng một nỗi bất hạnh lớn lao nào đó, trong tâm hồn ông đang diễn ra một điều gì bí ẩn và không sao thâm nhập nổi.

Cơn kịch phát mà cô được chứng kiến tại cửa hiệu làm nảy ra hàng nghìn những điều phỏng đoán. Công bằng tinh táo mà nhận xét, điều ước đoán nào cũng thiếu cơ sở, nhưng khi phải chọn lựa giữa những cái thường tình và chuyện phi thường thì Ma-rư-sia bao giờ cũng muốn chọn cái thứ hai. Vì vậy, cô thấy như ông An-tô-ni Kô-si-ba, thầy lang ở cối xay, là một nhân vật trữ tình đầy bí ẩn, rất có thể ông là một vị công tước nào đó tự giấu mình dưới chiếc áo dạ thô kệch quê mùa của người nông dân, cũng có thể là một người bất hạnh ngày trước đã từng phạm vào tội ác - dĩ nhiên là vô tình hoặc trong một phút phần nộ - và tự kết tội mình phải sống nghèo nàn và hiến dâng cuộc đời cho quyền lợi của những người đồng loại.

Không, cô không nhầm, cô không thể nào nhầm được, vì chính tai cô đã được nghe những lời thơ tiếng Pháp thốt ra từ miệng ông. Một người nông dân bình thường không thể nhắc lại như thế và chẳng ông hiểu hết nội dung của câu thơ kia mà!... Làm sao có thể giải thích nổi cho bản thân mình chuyện đó nhỉ?...

- Cứ cho rằng, - cô nghĩ thầm, - trong những chuyến lãng du của mình đã có lần ông đến được nước Pháp hoặc nước Bỉ đi. Đó là điều hoàn toàn có thể. Bao nhiêu người nông dân đã phải lang bạt xa quê rồi về sau trở lại.

Nhưng cách đặt và giải quyết vấn đề như vậy là quá ư tầm thường, đối với điều bí ẩn này. Và chẳng, nếu có thật như thế, thì tại sao ông lại bị sốc kia chứ? Đằng sau chuyện ấy lẽ nào không ẩn giấu một bi kịch nào hết?... Không nghi ngờ gì nữa, câu thơ đã gọi cho ông nhớ lại một điều gì đó, đã đánh thức trong ông những hồi ức đau xót nào đó.

- Đó chắc phải là một người khác thường, - cô hoàn toàn vững tin vào điều khẳng định ấy.

Và càng nhớ lại những chi tiết khẳng định kinh nghiệm của cô, cô lại càng tin chắc hơn vào điều nhận định của mình. Cách cư xử của con người ấy về hình thức - nhưng chỉ về hình thức, chỉ bề ngoài thôi - cũng tương tự như cách sống của những người bình dân khác. Còn sự tế nhị, còn tính không vụ lợi của ông...

Cô tin rằng đã chạm đến vết tích của một điều bí mật to lớn và đầy hấp dẫn, cô quyết định sẽ khám phá bằng được. Cô chưa hiểu phải làm cách nào, chỉ biết rằng cô không thể sống yên nếu chưa đi đến tận đáy điều bí mật kia.

Trong khi đó lại xảy ra những sự kiện hoàn toàn mới làm thay đổi những suy nghĩ và sự chú ý của cô theo một hướng khác hẳn.

CHƯƠNG IX

Một buổi sáng vào trung tuần tháng sáu, chiếc ô tô màu tím than to tướng dừng lại trên bãi chợ. Mọi người ở trấn Ra-đô-li-xki đều biết rằng đó là xe của ông bà chủ Lu-đơ-vi-kốp. Xe dừng lại trước cửa hiệu thực phẩm của ông Mo-rơ-đkô Ra-bi-nốp. Qua cửa sổ cửa hiệu bà Ma-kha-li-na Skốp-kô-va trông rõ mồn một rằng bước xuống xe trước tiên là ông chủ Trưn-xki, tiếp đó là bà chủ Trưn-xki và cuối cùng là cậu chủ Lê-sếch, con trai ông bà.

Ma-rư-sia vội vàng nhảy lùi khỏi cửa sổ. Cô chỉ kịp để ý thấy rằng chàng kỹ sư trẻ tuổi còn gầy tọp đi hơn nữa, chàng mặc một bộ quần áo màu xám rất sáng, nên nom chàng càng gọn gàng hơn thường ngày.

Cô gái tin chắc rằng chỉ lát nữa thôi cánh cửa sẽ mở ra và chàng sẽ bước vào. Cô ngạc nhiên nhận thấy tim cô đập mỗi lúc một nhanh hơn. Cô thầm nghĩ chắc mặt cô phải đỏ lấm đấy, và anh chàng sẵn sàng nghĩ rằng đó là vì anh.

Đã bao lần cô xếp đặt kế hoạch đón anh. Nhưng giờ đây khi anh đã đến gần, cô không tài nào nhớ nổi điều gì trong những kế hoạch ấy nữa. Cô chỉ biết một điều là cô đang vui sướng, đang vui sướng một cách xuẩn ngốc vì anh chàng xuất hiện.

Cô ngồi xuống sau quầy hàng và thêu hấp tấp. Cô muốn khi vào chàng sẽ nhìn thấy cô đang làm việc ấy.

- Tốt nhất là không vạch kế hoạch gì cả, - cô quyết định, - ta sẽ cư xử tùy theo cách chàng xử sự. Có thể chàng chỉ bước vào và đòi mua một gói thuốc lá thôi cũng nên... Như một khách hàng bình thường.

Thế thì đó sẽ điều rất tệ về phía chàng, bởi chỉ nghĩ đến đó thôi Ma-rư-sia đã thấy buồn, thêm vào đó, lúc này hơn bao giờ hết, cô hiểu rằng hồi mùa thu vừa rồi cô đã xử sự thiếu lịch sự và không công bằng đối với chàng.

- Nếu chàng chỉ mua một bao thuốc lá thôi, - cô nghĩ bụng, - mình cũng vẫn phải tỏ ra thân ái với chàng. Cốt sao chàng vào nhanh lên.

Nhưng chàng đã không ghé vào.

Sau mười lăm phút đợi chờ, cô thận trọng ghé đứng bên cửa sổ chỉ để thấy rằng gia đình Trun-xki lên xe. Xe quay đầu lại và chạy về phía Lu-đơ-vi-kốp.

- Anh ấy đi rồi, - cô thốt lên thành tiếng và thốt nhiên cô thấy lòng buồn khôn tả.

Mãi đến đêm, khi đã nằm trên giường, cô mới bắt đầu cân nhắc mọi chuyện và đi đến kết luận rằng việc ấy vẫn chưa có nghĩa gì rõ rệt. Thậm chí nếu chàng có định rẽ vào hiệu cô đi nữa thì chàng cũng cố ý không làm, vì cha mẹ chàng đang rất vội, mà chàng không muốn họ để ý đến mối quan hệ quen biết với cô, mối quan hệ mà chắc chắn không vừa ý họ. Và cô yên lòng thiếp đi.

Nhưng hôm sau, gần trưa, cô chợt giật mình vì tiếng động cơ quen thuộc. Ngay từ xa đã nghe rõ. Song Ma-rư-sia ngạc nhiên khi thấy tiếng máy hình như không hề giảm bớt chút nào. Và quả thực chiếc xe mô-tô rú máy lao vụt qua quảng trường, thoáng vèo qua cửa sổ rồi lại phóng vụt tiếp.

- Có thể chàng sẽ quay trở lại cũng nên? - Cô vẫn nuôi ảo tưởng, dấu hiệu rằng cô đang ảo tưởng.

Thế là rõ như ban ngày rằng chàng đã quên cô, chàng không hề có chút ý định nào gặp lại cô nữa.

- Thì ra thế... - cô tự nhủ. - Thế càng hay...

Nhưng chẳng hay chút nào. Cô không thể thêu được nữa. Tay cô run cả lên. Mấy lần cô đâm kim vào ngón tay đau nhói. Cô không tài nào nghĩ đến chuyện gì khác. Một khi chàng phóng xe theo đường cái quan, thế thì hẳn là chàng đến thăm ông bà Zê-nô-vich. Ông bà Zê-nô-vich là những người rất giàu có, đang có hai cô con gái đến tuổi gả chồng. Đã từ lâu, người ta gán ghép chàng trẻ tuổi Trun-xki với một trong hai cô tiểu thư ấy. Nhưng nếu vậy thì có mấy phần sự thật trong tin đồn về cô nam tước tiểu thư xứ Viên-kô-pôn-xki?...

- Nói cho cùng, - cô cay đắng nghĩ thầm,- thì lạ Chúa! chuyện ấy có liên quan gì đến ta đâu nhỉ? Cứ để anh ta cưới người nào mà anh ta thích. Ta chúc anh ta tìm thấy một người vợ xứng đôi nhất, xinh đẹp nhất. Nhưng thật là xấu xa về phía anh ta vì đã không ghé qua đây để nói đôi lời. Ta có cần anh ta đâu kia chứ. Ta cũng không hề muốn điều gì ở anh ta cả kia mà.

Gần đến bảy giờ chiều chàng Trun-xki quay về. cửa hiệu (hoàn hoàn ngẫu nhiên thôi) đang mở rộng và Ma-rư-sia (cũng hoàn toàn ngẫu nhiên) đang đứng ở ngưỡng cửa.

Chàng lướt qua ngay bên cạnh. Thậm chí chàng không hề quy đầu sang lấy một chút. Thậm chí chàng không thèm nhìn cô.

- Có lẽ thế lại tốt hơn, - Ma-rư-sia tự an ủi. - Bà Sköp-kô-va có lý, mình chẳng nên bận óc tới anh ta làm gì mới phải.

Chiều hôm ấy, anh trưởng chi nhánh bưu điện địa phương, anh Xô-bếch, gặp một điều dễ chịu bất ngờ. Anh gặp cô Ma-rư-sia đang đi về phía nhà, và khi anh đề nghị cô đi dạo cùng anh đến Ba Cây Lê thì cô đồng ý ngay, không cần suy nghĩ gì cả. Giá đó là một chuyện xảy ra với một thiếu nữ nào khác ở trấn Ra-đô-li-xki thì cũng chẳng có gì phi thường. Anh chàng Xô-bếch có thể yên tâm tự liệt mình vào số những người đàn ông có nhiều cơ hội để thành công với phái đẹp. Anh còn trẻ, đẹp trai, có chức trách nhà nước và có nhiều triển vọng về đường công danh, vì ai cũng biết rằng ông chú anh là một nhân vật quan trọng trong ban giám đốc sở bưu điện của vùng. Hơn nữa, anh chơi đàn măng-đô-lin tuyệt hay, một chiếc đàn măng-đô-lin có khảm vỏ trai xà cừ mà anh không bao giờ rời, trừ khi đi làm việc.

Chiếc đàn măng-đô-lin kia cùng những ưu điểm đã nêu của anh chàng Xô-bếch tác động một cách đầy cuốn hút đến các cô thiếu nữ trẻ. Đến tất cả các thiếu nữ trẻ, gần như tất cả, chỉ trừ một ngoại lệ mà lại là cái ngoại lệ đáng buồn với chàng Xô-bếch. Mặc dù đối với anh Ma-rư-sia bao giờ cũng nhã nhặn, nhưng chưa bao giờ cô thể hiện ý muốn thắt chặt hơn nữa mối

quan hệ quen biết, bao giờ cô cũng chối từ việc đi trượt băng, đi dạo chơi hay đi dự các tối vui cùng anh.

Giả như anh chàng Xô-bếch thuộc vào loại thanh niên dễ tự ái, hẳn đã từ lâu anh thôi tìm cách làm thân với Ma-rư-sia. Nhưng bản chất anh là một chàng trai trung hậu, ít đù, không mắc tội thiếu nhẫn nại mà thể hiện bởi sự lâu bền của những niềm say mê, vì vậy, thỉnh thoảng anh lại nhắc lại những lời đề nghị của mình.

Và ngày hôm ấy anh tin rằng mình đã chọn một chiến thuật khôn ngoan.

Họ đi cạnh nhau trên con đường quen thuộc của tất cả các cư dân già và trẻ trấn Ra-đô-li-xki dẫn tới Ba Cây Lê. Con đường mà ngày trước những người già và bây giờ đám thanh niên từng đi từng đôi một, con đường được bà chủ hiệu dược phẩm gọi một cách ác khẩu là Đường Dạo Chơi Của Bò, vì bò cũng được lừa theo con đường này để đến nơi chăn.

Từ cửa sổ nhà cha xứ nơi mà vị giáo sĩ chăm lo cho đạo đức của địa phận mình có thể trông rõ con đường trên như trên lòng bàn tay, ông cũng có thể dự tính với một độ chính xác khá cao nào đó xem trong năm tới ông sẽ phải ban phước cho bao nhiêu đám cưới, và cho những ai. Chỉ cần biết rằng anh chàng này hay anh chàng kia thường đi dạo trên con đường ấy với cùng một cô gái khá nhiều lần là đủ. Trong ngôn ngữ bình dân người ta thường gọi chuyện đó là "nó đi với con bé ấy", mà mọi người ai cũng hiểu điều đó có nghĩa là chuyện đính hôn, hay trong trường hợp xấu nhất cũng là thể hiện rõ ràng của tình yêu. Còn tại sao người ta lại gắn tình cảm ấy với sự đi chứ không phải với sự đứng ngồi, hay một tư thế nào khác của cơ thể con người ta - điều đó không một ai ở Ra-đô-li-xki nghĩ tới, và chắc chắn anh chàng Xô-bếch cũng không hề nghĩ tới trong lần đầu tiên được cùng Ma-rư-sia đi dạo đến Ba Cây Lê.

Anh chỉ nghĩ và duy nhất chỉ nghĩ đến cô Ma-rư-sia, anh nghĩ rằng tuy cô nghèo, nhưng có học thức và từng trải hơn các cô gái khác, rằng rõ ràng cô cũng xinh đẹp hơn, và một người vợ như cô sẽ không làm cho một nhân

viên nhà nước phải hồ thẹn, cho dù đó là nhân viên cấp cao đến chóng mặt đi chăng nữa. Những ý nghĩ của anh được bày tỏ bằng tiếng rung ngân khe khẽ của chiếc nhạc cụ (anh thường thích gọi chiếc đàn măng-đô-lin của mình như vậy) giai điệu của bản tăng-gô đang hợp mốt: "Có ngày nào em yêu anh chẳng. Lô-li-ta, người phụ nữ duy nhất trong số tất cả phụ nữ trên đời".

Tiếc thay, mặc dù hiểu cái ẩn ý tinh tế kia của bản tăng-gô, mặc dù đoán được chủ ý của người nghệ sỹ độc tấu, mặc dù cảm thấy một chút hàm ơn vì sự ưu ái đó, nhưng cô Ma-rư-sia vẫn không thể chia sẻ tâm trạng của người bạn đường. Cô cố tình đi dạo với anh chàng Xô-bếch chỉ để khuây khỏa, chỉ để tự thuyết phục chính bản thân cô rằng Xô-bếch là một chàng trai trung hậu, rằng cô không nên né tránh anh, rằng anh là một người chồng lý tưởng. Anh không uống rượu, không gây sự, không bị ngã mô-tô, nhưng cái chính nhất: anh nổi bật lên bởi tính kiên định khác thường. Không như những ai kia!... Thì có làm sao nếu anh không được thông thái lắm, có làm sao nếu anh có những cử chỉ bình dân. Những cái đó chưa mang cho ai điều gì phải xấu hổ kia mà.

Nhưng chẳng có ích chi những lý lẽ dường như không gì bác bỏ nổi kia, chẳng có ích chi một ý định tốt lành nhất, chẳng có ích chi cuộc dạo chơi tay đôi mãi đến khi trăng lên mới chấm dứt, chẳng có ích chi bầu không khí trữ tình thơ mộng được âm nhạc và những lời tâm tình làm đẹp thêm lên: Ma-rư-sia quay trở về nhà chán nản, u sầu và quyết định sẽ không bao giờ cùng ai - dù với anh Xô-bếch hay với ai khác - đi dạo đến Ba Cây Lê nữa.

Trong đêm cô mơ thấy một giấc mơ khủng khiếp. Cô mơ thấy mình và chàng Trưn-xki. Cả hai phóng trên một chiếc xe mô-tô với một tốc độ điên cuồng, chạy trốn đám cháy đang đuổi theo. Đột nhiên một miệng vực há toác ra trước mặt. Họ rơi như hai hòn đá xuống đáy vực... Máu đầm đìa, chàng thốt lên:

- Tôi chết là vì cô.

Cô cảm thấy mình cũng đang chết, cô bắt đầu kêu cứu.

Khi cô mở được mắt và tỉnh ngủ hẳn, cô thấy bà Sköp-kô-va đang cúi xuống nhìn mình.

- Ác mộng! Trông ơn Chúa! - bà nói. - Con mơ gì mà thét lên ghê thế?

Thoạt tiên, Ma-rư-sia định thuật lại giấc mơ của mình, nhưng chợt nhớ rằng bà Sköp-kô-va biết giải thích các giấc mộng nên nàng thà im lặng còn hơn. Có thể giấc mơ biểu hiện một điều gì đó không có lợi cho cậu Trư-xki, người mà bà Sköp-kô-va vốn đã không ưa. Bà sẵn sàng nhân cơ hội này để nói chàng thêm một điều gì khó chịu nữa chẳng.

- Cháu hét lên à?...Chính cháu cũng không biết tại sao, - Ma-rư-sia nói. - Có thể là cháu mơ phải một điều gì đó. Các giấc mơ thì dễ quên lắm ạ.

Nhưng Ma-rư-sia không hề quên. Sáng hôm sau, khi nhìn thấy mấy con ngựa từ Lu-đơ-vi-kốp, nhìn thấy cậu chủ Lếch^[29] trên chiếc xe ngựa nhẹ, cô chợt giật mình. Cô tin chắc rằng lần này cậu sẽ rẽ vào.

Song cả lần này nữa cô cũng vẫn nhầm. Chàng chỉ phải người coi ngựa đi mua thuốc lá. Người coi ngựa.

Rõ ràng chàng quyết chí tránh mặt cô. Những sự kiện diễn ra tiếp theo hoàn toàn khẳng định điều đó. Không ngày nào chàng không đến hoặc không đi ngang qua thị trấn. Khi thì đi xe, khi thì cưỡi ngựa, nhưng thường xuyên chàng phóng mô-tô. Hồi năm ngoái chàng lui tới không thường xuyên như vậy. Còn bây giờ hẳn là chàng làm điều đó để chọc tức Ma-rư-sia hoặc vì những lý do nào khác mà cô không đoán biết nổi.

Những lần chàng không đeo kính đi mô-tô, cô có thể nhận thấy mặt chàng top đi, xanh xao hơn và có vẻ gì đó vừa u buồn, vừa cay cú.

- Có thể chàng đã gặp phải chuyện gì không lành? - Cô lo lắng nhưng ngay tức khắc lại tự trách mình vì nỗi lo lắng chẳng đâu vào đâu ấy. - song mình có quyền gì để ý đến chuyện đó nhỉ?!...

Cuối cùng cô đâm ra thờ ơ lãnh đạm. Cô không còn đứng dậy dán mình vào cửa sổ hoặc khi nghe tiếng xe ngựa lóc cóc hay tiếng xe máy xình xình nữa, cô cố gắng để hoàn toàn không nghe thấy những thứ tiếng ấy.

Và khi cô đã hoàn toàn mất sạch niềm hy vọng - thì xảy ra chuyện.

Đó là ngày hai mươi tư tháng sáu. Ngay từ sáng, trong cửa hiệu đã tấp nập, như trong ngày lễ tên của cha xứ: người ta đến để mua thiệp chúc mừng. Trẻ em học ở trường, ở nhà trẻ, ở nhà nuôi trẻ mồ côi, các mẹ dòng ba và những người khác đều đến mua. Mãi đến gần mười giờ mới vãn bót, và cô mới có chút thì giờ xuống hầm lấy thuốc lá lên, để chí ít cũng phải bày vài bao lên giá quảng cáo. Cô đứng chúng trong tạp dề và đi theo chiếc thang nhỏ dựng đứng lên nhà. Cô quay người lại và đột nhiên máu dồn về tim cô: chàng đang đứng ngay trước mặt, chỉ cách cô hai bước chân.

Cô không biết mình có bật kêu lên không, cô không biết những bao thuốc lá rơi tung tóe từ chiếc tạp dề xuống đất. Cô chỉ biết đất trời quay cuồng trong một nhịp điệu điên loạn đến chóng mặt và hẳn cô đã ngã xuống nếu không có chàng đỡ lấy người cô và ghì sát vào mình.

Về sau, biết bao lần cô đã cố gắng dựng lại trong trí nhớ từng giây, từng chớp mắt một cái sự kiện tuyệt vời ấy - mà không tài nào làm nổi. Cô chỉ nhớ được ánh nhìn nhọn sắc, như giận dữ trong đôi mắt đen của chàng, sau đó là một cái ôm ghì gần như đau đớn, không lời, mà vào lúc ấy cô không hiểu, nhưng nội dung của nó hình như được rót trực tiếp ngay vào máu cô.

Rồi sau đó, có người vào cửa hiệu, cả hai nhảy vội ra xa nhau, nửa tỉnh nửa mơ.

Chắc hẳn ông khách hàng nọ phải nghĩ là cô bị thần kinh hoặc đang trí. Cô không tài nào hiểu nổi ông muốn mua gì, không thể tính được tiền. Khi rút cuộc ông mang các gói hàng bước ra, cô tự nhiên phá lên cười.

- Tôi thật ngốc quá mất thôi! Không biết tôi đã đưa cho ông ta những gì thay vì giấy văn phòng không biết! Lạy Chúa! Ông trông này!

Cô trở tay vào đủ các thứ hàng hóa linh tinh đang bày bừa bộn trên quầy và cười như nắc nẻ, không sao kìm nổi tiếng cười vui sướng nhường kia. Một cái gì trong cổ cô rung ngân, một cái gì đó chào vẫy rồi rít. Một cái gì đó chọt nảy sinh, mới mẻ, tươi sáng, tuyệt vời, bay bổng, giống như một con chim khổng lồ màu trắng.

Trưn-xki đứng lặng và ngắm cô đầy ngưỡng mộ. Ngày trước chàng viết gửi cô bức điện tín rằng chàng coi cô là người thiếu nữ xinh đẹp nhất trên đời... Nhưng giờ đây cô đẹp đến mức chưa bao giờ chàng thấy cô đẹp thế.

- Nhưng ông giỏi thật đấy! Rất giỏi, - cô nói, - ông đi qua đây bao nhiêu lần mà không ghé vào chỗ tôi lấy một cốc! Tôi cứ nghĩ rằng ông phật ý.

- Phật ý thôi à? Cô nói đùa đấy chứ! Tôi căm thù cô!

- Vì chuyện gì cơ?

- Vì tôi không thể quên cô, cô Ma-rư-sia. Vì tôi không tài nào có thể vui chơi hay làm việc được.

- Vì thế mà mỗi khi đi qua gần cửa hiệu ông lại ngoảnh mặt đi phải không?

- Phải! Chính vì thế. Tôi hiểu rằng cô không thích tôi, rằng cô khinh thường tôi!... Cho đến nay chưa có một cô gái nào dám coi thường tôi. Vì vậy tôi đã thề rằng sẽ không bao giờ nhìn mặt cô nữa.

- Thế thì khi ấy ông đã phạm phải hai điều xấu đấy nhé: đầu tiên thì thề, rồi sau đó lại vi phạm.

Trưn-xki lắc đầu.

- Cô Ma-rư-sia, cô sẽ không lên án tôi, nếu cô biết thế nào là nỗi nhớ nhung.

- Sao thế? - Cô phản đối. - Sao tôi lại không biết thế nào là nhớ? Có thể tôi còn biết rõ hơn ông ấy chứ.

- Không thể. Cô không thể có một chút khái niệm nào về nỗi nhớ nhung hết. Cô có biết không, đôi khi tôi nghĩ là mình lẩn thân!... Phải! Lẩn thân!... Cô không tin ư? vậy xin cô hãy nhìn này.

Chàng rút trong túi ra một quyển sổ nhỏ, mỏng dính, màu hồng.

- Cô có biết đây là cái gì không?

- Không.

- Đây là vé tàu thủy đi Bra-xi-lia. Trước khi tàu rời bến mười lăm phút tôi mang hòm xiểng rời khỏi boong tàu, và thay vì Bra-xi-lia, tôi trở lại Lu-đơ-vi-kốp. Tôi không thể, hoàn toàn không thể! Rồi sau đó là nỗi khổ hình lớn nhất kia! Tôi cố giữ lời thề, song không thể từ bỏ nỗi những chuyến đi đến Ra-đô-li-xki. Tôi không có quyền tìm cách gặp mặt cô, nhưng có thể ngẫu nhiên được gặp lắm chứ. Đúng không?... Khi ấy tôi sẽ không vi phạm lời thề.

Ma-rư-sia đột nhiên nghiêm mặt.

- Hình như ông đã sai lầm khi không giữ lời thề.

- Sao lại thế? - Chàng phản đối.

- Vì... ông đã có lý khi không muốn gặp tôi.

- Tôi là thẳng ngốc! - chàng kêu lên đầy tin tưởng.

- Không, ông là người chín chắn. Cả hai chúng ta... Bởi lẽ chuyện đó chẳng hề có ý nghĩa gì hết.

- À, ra thế? Có thật cô không tài nào chịu nổi tôi, đến mức cô không còn muốn thấy mặt tôi nữa?

Cô nhìn thẳng vào mắt chàng.

- Không đâu, thưa ông! Tôi sẽ rất thành thật. Cả tôi nữa, tôi cũng rất nhớ ông, nhớ lắm...

- Ma-rư-si-en-kô^[30]! - Chàng vươn hai tay ra cho cô.

Cô lắc đầu.

- Khoan đã, tôi sẽ nói hết. Xin ông đừng vội. Tôi rất nhớ. Tôi rất khổ... Khổ lắm. Thậm chí... tôi đã khóc...

- Em duy nhất của anh! Phép màu của anh!

- Nhưng, - cô nói tiếp, - tôi đi đến kết luận rằng tôi sẽ dễ quên ông hơn nếu chúng ta không gặp nhau nữa. Tình quen biết của chúng ta có thể có mục đích gì kia chứ?... Ông đủ thông minh để thấy rõ điều đó hơn tôi.

- Không, - chàng ngắt lời, - tôi đủ thông minh để thấy rằng cô không có lý, cô Ma-rư-khơ-no^[31] ạ. Tôi yêu cô. Dĩ nhiên cô không thể hiểu nổi thế nào là tình yêu. Nhưng cô cũng mến tôi. Thật là điên nếu bắt mình phải chia tay nhau. Cô vừa nói đến mục đích! Nhưng phải chăng chỉ riêng việc được gặp nhau, được trò chuyện với nhau, được kết thân với nhau đã không đủ là một mục đích tuyệt vời, chính đáng và quan trọng? Cô có hại gì đâu nếu gặp tôi... Xin cô hãy nghe tôi!...

Cô trang nghiêm lắng nghe và không thể phản đối lý lẽ của chàng, cô không thể phản đối, nhất là cô đang muốn chàng thuyết phục ngay cả bản thân mình. Còn chàng thì giàu khả năng thuyết phục.

Và chẳng cô cũng không thể cấm chàng lui tới cửa hiệu khi bất cứ một người khách hàng nào cũng có quyền vào. Mà đối với khách hàng thì phải lịch sự chuyện trò.

Thế là từ hôm ấy, chàng Lê-sếch Trưn-xki ngày nào cũng đến đây và con ngựa hoặc chiếc mô-tô của anh đặt trước cửa hiệu bà Skốp-kô-va đã trở thành một chuyện giạt gân trong toàn thị trấn, gây nên những lời bình luận đủ màu sắc, và nổi ghen tức, mà theo lẽ đương nhiên của sự vật thì được nấp dưới danh nghĩa dư luận phản đối của xã hội.

Thực ra không ai biết có gì xấu trong chuyện đó hay chẳng. Việc chàng kỹ sư ngồi lâu lâu một chút trong cửa hiệu mà cánh cửa luôn rộng mở đối với bất kỳ ai không thể gây ra điều gì đáng nghi ngờ hoặc ám muội đối với cô Ma-rư-sia. Song tính ghen tức của con người ta đâu kể gì đến những chuyện hiển nhiên. Gần như mỗi một cô gái ở Ra-đô-li-xki đều có

thể tự hào khi kể về chuyện có anh chàng nào đó ái mộ mình hay cặp kè kè cận luôn luôn, tuy không có chàng nào có thể sánh bằng cậu chủ Trưn-xki. Nhưng thật khó lòng hiểu nổi tại sao chàng trai xinh đẹp tóc đen này lại chọn đúng một cô gái lang bạt từ xa đến như cô Ma-rư-sia làm công ở nhà bà Skốp-kô-va kia. Nếu anh chàng muốn tìm người bạn đời cho mình trong đám thiếu nữ thị trấn thì có thể tìm được khối đám vừa xinh, vừa giàu, vừa xứng đôi vừa lứa hơn về mọi phương diện. Tất nhiên, cha mẹ những cô gái môn đăng hộ đối hơn ấy cũng đồng tình chia sẻ những nỗi bất bình của con gái họ, và các chàng trai thường đi cùng họ đến Ba Cây Lê cũng thế. Mà đó đã là toàn bộ dư luận của Ra-đô-li-xki rồi còn gì.

Nếu như với sự nhạy cảm bẩm sinh của mình, Ma-rư-sia không nhận ngay ra sự thay đổi chiều hướng của dư luận thị trấn, thì chỉ vì cô quá bị cuốn hút vào những chuyện riêng tư mà thôi. Mà những chuyện ấy thì mới mẻ và hấp dẫn đến nỗi toàn bộ đời sống bên ngoài thốt nhiên tan biến ra trong một làn sương mờ huyền ảo nào đó, trở thành một chuyện không thật, thoáng qua và không mấy quan trọng.

Ma-rư-sia biết mình đã yêu. Càng ngày ý thức ấy càng trở nên rõ rệt và nhiều màu sắc hơn. Cô cố chống lại nó nhưng chỉ vô ích. Hay thực ra không phải vô ích, mà chính vì nhờ cuộc đấu tranh ấy, nhờ sự cam chịu nhượng bộ cho bạo lực của tình cảm ấy, mà mỗi ngày qua càng làm mạnh mẽ thêm lên vị ngọt ngào kỳ lạ đến choáng ngợp, cái bàng hoàng sung sướng đang cuốn lấy cô như một cơn gió lốc làm cô nghẹn thở, nó che chắn, bao bọc cô tất cả mọi phương bằng những sự đụng chạm trong suốt vô hình, khiến cô mê mê, ngây ngất, lâng lâng...

- Ta yêu, ta yêu, ta yêu, - mỗi ngày cô nhắc lại hàng nghìn lần, trong những lời ấy có nỗi ngạc nhiên, cả niềm vui sướng, nỗi lo ngại, cả niềm hạnh phúc và sự ngưỡng mộ đối với điều phát hiện lớn lao ngay trong tâm hồn, điều mà trước nay cô không hề biết: rằng chính trong cô có hạt ngọc quý báu nhường kia.

Càng đáng kinh ngạc hơn bởi thực ra chẳng hề có gì mới mẻ cả. Nếu như có một người làm chứng nào muốn và có thể nghe được những câu chuyện của đôi thanh niên nam nữ trong cửa hiệu của bà Skốp-kô-va, hẳn người ấy sẽ phải thất vọng. Chàng Trun-xki đến, hôn tay Ma-rư-sia, rồi chàng kể cho cô nghe những chuyến du lịch cùng những chuyện phiêu lưu của mình, hoặc cả hai cùng đọc sách, những quyển sách mà bây giờ chàng thường đưa đến. Phần lớn đó là những tập thơ. Đôi khi Ma-rư-sia kể về thời thơ ấu của cô, về người mẹ và những kế hoạch tiệc thay đã bị sụp đổ của bà. Có lẽ chỉ có một điều thay đổi: cô gọi chàng là ông Lê-sếch, còn chàng gọi cô là Ma-rư-sia. Tất nhiên là khi không có ai khác.

Mọi sự có thể thay đổi nhiều hơn nếu Ma-rư-sia ưng thuận. Nhiều lần chàng Lê-sếch muốn ôm hôn cô, nhưng bao giờ cô cũng phản đối với một sự cương quyết và một nỗi sợ sệt, đến nỗi chàng chẳng còn cách nào khác ngoài cách kiên nhẫn đợi chờ.

Rồi chàng ra về, còn cô, suốt phần ngày còn lại, cô chỉ nghĩ về những giờ phút đã qua và về những giờ ngày mai sẽ đến.

Đóng cửa hiệu trở về nhà, lòng cô tràn ngập hạnh phúc, tràn đầy nhân hậu đối với những ngôi nhà nhỏ bé kia, đối với những hàng cây xanh, với bầu trời thăm thẳm, với toàn thế giới, với tất cả mọi người, những người mà cô nở một nụ cười chân thành thay cho lời chào hỏi.

Cũng chính vì thế, cô không nhận thấy những ánh mắt thiếu cảm tình của họ, vẻ mặt khinh mạn của họ, sự hăn học và chê bai của họ. Không phải ai cũng chỉ tự hạn chế trong khuôn khổ bày tỏ thâm lặng không lời sự chê trách và thù ghét của mình. Và thế là một ngày kia xảy ra một việc sẽ kéo theo hậu quả rất đau lòng.

Ở trấn Ra-đô-li-xki, đã từ nhiều năm nay, có gia đình ông Vô-i-đư-uô làm yên cương nổi tiếng trong toàn huyện. Họ nhà Vô-i-đư-uô tuy xuất thân từ vùng quê thật đấy, nhưng vốn là dòng dõi quý tộc nhỏ có danh giá, đó là điều đầu tiên để họ được tôn trọng và có địa vị trong thị trấn, hai nữa, từ đời ông đời cha, họ đã nổi tiếng là người thợ làm yên cương giỏi nhất. Yên

cương hay đồ thẳng ngựa của nhà Vô-i-đư-uô trấn Ra-đô-li-xki được chuộng mua, mặc dù đôi khi giá đắt hơn cả yên cương thành Vin-nô. Hồi ấy, người chủ chốt trong gia đình giàu có và được tôn trọng ấy là ông Vô-i-đư-uô, hay được người ta gọi bằng cái tên Mô-xte-rơ-giây^[32], xuất phát từ câu cửa miệng của ông, còn hai người phó trong xưởng thợ của ông là hai đứa con trai Ju-zép và Kha-lic-xtơ. Đứa con trai thứ ba của ông Mô-xte-rơ-giây, Zê-nôn, thì bị cả gia đình lẫn toàn thị trấn xem là một đứa con hư hỏng.

Cha y muốn đào tạo y thành thầy dòng. Khó khăn vất vả lắm ông mới đẩy được thằng bé lười học ấy qua hết sáu lớp trung học và ấn vào chủng viện. Song tất cả những lo lắng và tiền của kia chẳng được tích sự gì. Trái tim của ông lão Mô-xte-rơ-giây đã quá vội mừng khi trước sự ngạc nhiên của toàn thị trấn, cậu con trai trở về trong chiếc áo chùng của đạo sinh chủng viện. Không đầy một năm sau, người ta đuổi cổ Zê-nôn ra khỏi trường dòng. Mặc dù chính Zê-nôn kể rằng y tự bỏ trường, song người ta vẫn đồn chính thú mê rượu vốt-ca và đàn bà mới là nguyên nhân để y bị tống cổ ra khỏi hàng ngũ các bậc chẵn chiêm tương lai. Và hành động về sau của cậu cựu chủng sinh kia đã chứng minh rằng những lời đồn đại ấy là đúng. Y thường ngồi trong tửu quán hơn là ở nhà thờ, còn về việc y là khách thường xuyên của đám đàn bà ở phố Kramna thì tốt nhất là chẳng nên nhắc đến làm gì nữa.

Vì biết tiếng La-tinh, y cũng có thể xin làm ở hiệu thuốc. Ít nhất thì cha y cũng nghĩ như thế. Nhưng cả lần này nữa, ông cũng thất vọng. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, Zê-nôn bỏ việc làm ở hiệu dược phẩm. Người ta bàn tán rất nhiều về chuyện ấy, nhưng không có tin đồn nào có thể xác minh được, vì ông Niêmira, chủ hiệu dược phẩm của trấn Ra-đô-li-xki, không thuộc vào số người hay nói, hơn nữa ông lại là bạn thân của ông lão Mô-xte-rơ-giây.

Chính anh chàng Zê-nôn ấy, một hôm đi cùng vài thanh niên nữa đi ngang qua cửa hiệu của bà Skốp-kô-va vào đúng lúc Ma-rư-sia đang khóa cửa. Y dừng chân, cất giọng thân mật nhất để gợi chuyện:

- Chào cô Ma-rư-sia, có gì vui không cô?
- Chào anh, - cô mỉm cười đáp. - Cám ơn.
- Nhưng mà cô Ma-rư-sia cũng không bao giờ được thoải mái nhỉ?
- Sao lại không thoải mái? - Cô ngạc nhiên.
- Bà Skốp-kô-va có vẻ là người tốt, thế mà không chịu nghĩ đến một chuyện như thế, - y nói vẻ thông cảm.
- Về chuyện gì cơ?
- À về cái đi-văng ấy mà.
- Cái đi-văng nào? - Cô mở tròn mắt.
- Thì hẳn là về chuyện cái đi-văng rồi. Quầy hàng trong hiệu thì vừa hẹp vừa cứng. Hai người, nhất là lại với ông Trưn-xki nữa, làm sao có thể nằm thoải mái trên đó được.

Đám thanh niên cười ầm cả lên.

Ma-rư-sia vẫn chưa hiểu gì cả, nhưng cô cảm thấy có chuyện gì đều cằng ở đây, cô nhún vai:

- Tôi không biết ông muốn nói đến chuyện gì...
- Nàng Zu-zan-na phẩm hạnh không hiểu tôi nói đến chuyện gì, - Zê-nôn ngoảnh mặt nhìn đám bạn y, - nhưng cô ấy lại biết làm cái ấy ra sao.

Một tràng cười mới lại rộ lên thay cho lời đáp.

Run hết cả người, Ma-rư-sia rút mạnh chìa khóa ra khỏi ổ, chạy xuống thềm và gần như chạy gấn về nhà. Đầu gối cô như nhũn ra, trong đầu cô u u, tim đập cuống cuồng trong lồng ngực.

Chưa từng có kẻ nào xúc phạm đến cô một cách tàn nhẫn và tục tĩu đến thế. Cô không hề làm điều gì, dù là nhỏ nhất, có hại một ai, chưa hề nói với ai một lời xúc phạm. Thậm chí cô chưa hề nghĩ xấu cho một ai. Thế mà đột nhiên...

Cô cảm thấy như vừa bị người ta hắt một chậu nước bẩn thỉu vào người. Cô chạy, mà những tiếng gào hét, những tiếng cười và tiếng huýt sáo vẫn bay tới tai cô.

- Chúa tôi, Chúa tôi... - Đôi môi cô run rẩy thốt ra. - Kinh khủng quá, nhục nhã quá...

Cô cố định thần lại, cố kìm những tiếng nức nở đang bật ra trong lồng ngực, nhưng không thể. Cô chạy tới hàng rào nhà linh mục thì phải tựa vào ván rào và bật lên thốn thức.

Đường phố phía sau các khu vườn là nơi ít người lui tới nhất. Song thật tình cờ, đúng vào lúc ấy anh trưởng chi chánh bưu cục Ra-đô-li-xki, chàng Xô-bếch, lại đến gặp người trông vườn của cha để mua dâu tây. Thấy cô Ma-rư-sia đang thốn thức, đầu tiên anh ngạc nhiên, rồi anh xúc động và quyết định sẽ an ủi cô.

Anh đoán ngay ra nguyên nhân của những giọt lệ kia. Thì anh vẫn biết là cậu chủ Trưn-xki ngày nào chả ngồi chơi lâu trong hiệu mà.

Chắc cậu chủ đã gọi tình cô gái, đã khiến cô phải lòng, bây giờ bỏ rơi cô, - anh chàng Xô-bếch thoáng nghĩ.

Anh bèn khẽ chạm vào khuỷu tay Ma-rư-sia lên tiếng:

- Không đáng gì phải khóc, cô Ma-rư-sia ạ. Từ tấm lòng thành, từ lý trí mình, tôi bảo cô thế đấy. Không đáng gì. Thời gian rồi sẽ qua đi, nỗi đau dần nguôi ngoai thôi. Khóc mà làm gì cho đỏ mắt. Cô còn ngàn lần giá trị hơn hẳn ta. Cứ để cho hẳn ta phải tiếc. Hẳn đã xúc phạm đến cô. Rồi Chúa sẽ trừng phạt hẳn. Giống như với cái cào ấy. Hẳn giẫm lên răng cào. Hẳn tưởng là đã chà đạp được cào, ấy thế mà chưa kịp định thần thì cào đã bật lại, giáng cào vào trán hẳn... Luật là thế đấy. Nào, đừng khóc nữa cô Ma-rư-sia...

Anh động lòng bởi những tiếng nức nở của cô và sự bất lực của những lời an ủi của chính anh. Anh cũng suýt òa lên khóc. Anh nhẹ nhàng vuốt ve khuỷu tay cô đang giật giật trong cơn thốn thức.

- Nín đi, cô Ma-rư-sia, nín đi nào, - anh nói, - không đáng gì không cần phải khóc. Hẳn xúc phạm cô... hẳn đã xúc phạm. Hẳn là người xấu. Không chút lương tâm...

- Nhưng mà vì sao, vì cái gì kia chứ... Ma-rư-sia vẫn khóc. - Tôi không ưa hẳn thật,... không bao giờ. Nhưng tôi có làm gì xấu cho hẳn đâu.

Xô-bếch đắm suy nghĩ.

- Cô nói về ai thế?

- Về hẳn, về tay Vô-i-đư-uô ấy...

- Về ông già ấy à? - Anh ngạc nhiên.

- Không, về cái tay... cựu học sinh trường dòng.

- Zê-nôn?... Thế thằng vô lại ấy đã làm gì cô?

- Hẳn ném cho tôi những lời nhục mạ kinh khủng... Trước mặt mọi người! Nhục nhã!... Nhục nhã quá... Bây giờ tôi còn dám nhìn mặt ai nữa kia chứ!

Cô vịn vẹo hai bàn tay.

Xô-bếch cảm thấy máu dồn cả lên mặt anh. Lúc nghĩ rằng cậu chủ Trưn-xki xúc phạm tới Ma-rư-sia, bất giác anh coi đó như là một điều phải chấp nhận, bởi vì nó là tác động của những thế lực cao hơn mà anh không có cách gì chống nổi. Nhưng một khi anh được biết rằng chuyện dính dáng đến thằng con ông Mô-xte-rơ-giây, thì tự nhiên anh nổi cơn tức giận.

- Thế nó dám nói những gì với cô? - Anh cố giữ bình tĩnh.

Giá như không xúc động và không tự thương thân đến thế, chắc hẳn Ma-rư-sia không tài nào thú thực. Giá cô có thì giờ để suy nghĩ, chắc cô sẽ nhận thấy rằng có nói với anh chàng Xô-bếch kia cũng chẳng có nghĩa gì, bởi anh là một người xa lạ. Nhưng lúc này cô quá khao khát một sự đồng cảm. Vì vậy, bằng giọng đứt đoạn, cô kể lại cho anh cuộc va chạm kia với mức độ mà cô có thể.

Nghe xong, Xô-bếch bình tâm lại và thậm chí mỉm cười.

- Thế mà cô cũng để ý đến cái thằng ngu ấy làm gì cho thêm bận người, - anh bảo. - Hẳn nói cũng chỉ như chó sủa mà thôi. Chẳng việc gì phải để tâm cô ạ.

- Ông nói dễ thế chứ...

- Dễ hay không là chuyện khác, nhưng chẳng cần để ý đến thằng Zê-nôn làm gì, Zê-nôn là thứ gì đối với cô?... Nhổ toẹt nước bọt là xong...

- Dù thế đi nữa, - cô gạt nước mắt, - thì người ta cũng đã nghe thấy, người ta sẽ truyền tụng khắp thị trấn. Tôi còn dám nhìn ai nữa kia chứ.

- Ôi, cô Ma-rư-sia, sao cô lại không dám nhìn kia chứ? Lương tâm cô trong sạch, đó là cốt yếu.

- Không phải ai cũng tin là trong sạch.

- Ai trung thực thì người ấy sẽ tin, còn kẻ độc ác thì để ý mà làm gì. Ồ, có đấy, qua đi, thế là xong. Cô thấy không này, - anh chìa chiếc giỏ ra, - tôi đến vườn mua dâu tây. Cô đi với tôi nhé? Dâu tây ngon lắm, to thế này này. Lại ngọt nữa.

Cô gái mỉm cười.

- Cảm ơn, tôi còn phải về nhà... Chào ông.

- Chào cô, cô Ma-rư-sia. Cô đừng để tâm làm gì.

Cô dừng bước và nói:

- Ông tốt với tôi quá... Tôi sẽ không bao giờ quên.

Xô-bếch nhăn mặt xua tay.

- Tốt gì đâu. Không có gì đáng nói. Chào cô.

Anh khẽ ngân nga một khúc tặng gô nào đó, đi đến vườn. Anh chọn dâu tây, mặc cả, trả tiền, rồi trở về nhà. Anh đổ chúng vào hai chiếc đĩa sâu lòng, nghiền đường trong cối, rồi rắc đường thật nhiều vào đĩa quả, cho đường dôi hơn. Anh thích làm việc gì cũng theo trình tự.

Trong khi anh đặt nước sôi pha trà, lấy bánh mì và bơ từ trong tủ ra. Đó là bữa tối của anh, hôm nay, thứ bảy, bữa tối sẽ được kết thúc bằng món tráng miệng tuyệt vời là một đĩa dâu tây chín mọng, thơm phức. Đĩa kia anh để dành đến bữa trưa mai.

Rồi anh rửa bát đĩa, lau sạch, xếp vào chạn, tháo chiếc đàn măng-đô-lin tuyệt đẹp của mình ra khỏi tường và bước ra khỏi nhà.

Về mùa hè, buổi chiều thứ bảy, toàn thể thanh niên đều kéo nhau ra ngoài phố, nhất là Đường Đạo Chơi Cửa Bò. Anh Xô-bếch luôn luôn gặp người quen. Với một số người anh dừng chân, trò chuyện dăm câu, đùa cợt, với những người khác anh chỉ cúi chào từ xa. Anh đi hết phố Vi-len-xka, phố Na-pô-lê-ông, rồi quá bộ đến Ba Cây Lê và quay trở về. Đám thiếu nữ cố tìm cách lôi kéo anh vào hội của mình. Nghe nhạc thì bao giờ cũng thật dễ chịu. Song anh cứ chối từ, đi một mình, thỉnh thoảng lại dùng móng gậy khê lên dây đàn.

Khi đang đi trên phố Ô-smi-an-xka, anh nhìn thấy trước hiên nhà ông Lei-zo-rơ có mấy thanh niên. Họ đang ngồi hút thuốc lá.

- Ê, - một gã gọi, - ông Xô-bếch. Đến đây, chơi một bản nào.

- Tôi không thấy hứng lắm, - Xô-bếch dừng bước.

- Cần gì hứng, - giọng nói thứ hai cất lên. - Ông cứ ngồi với chúng tôi thì sẽ có hứng thôi.

- Với các anh thì tôi không ngồi, - Xô-bếch nói.

- Sao lại thế?

- Bởi trong các anh có một con bọ hung, mà tôi thì không thích gần bọ hung tí nào.

Im lặng bao trùm một lát rồi sau có giọng nói thứ ba cất lên:

- Ông nghĩ về ai thế, nếu như ông vui lòng cho biết?

- Nghĩ thì tôi không thèm nghĩ, - Xô-bếch thong thả dần từng tiếng. - Tôi khinh hãn. Còn nếu anh tò mò muốn biết tôi muốn nói về ai, Vôi-đư-ô

ạ, thì chính là tôi nói về anh đấy.

- Tôi á?

- Phải, về anh, anh cựu học sinh trường dòng ạ! Đối với tôi anh chỉ là một con bọ hung và tôi không hề muốn chung đụng gì với anh hết.

- Sao anh lại miệt thị người ta thế, ông Xô-bếch? - Một giọng khác về giảng hòa cất lên.

- Không phải người, mà là đồ súc vật. Còn tệ hơn đồ súc vật, bởi vì nó là thằng khốn nạn.

- Hăn say hay sao thế nhỉ?!... - Zê-nôn thốt lên.

- Say à?... Không, ông Vô-i-đư-uô, tôi không phải đồ nát rượu đâu. Tôi hoàn toàn tỉnh táo. Không như ông, kẻ thường trú đêm trong rãnh đâu. Kẻ tấn công các cô gái trẻ bằng những câu thơ bỉ ạ. Chỉ có đồ con lợn, nói xin lỗi, mới có thể ném vào mặt một cô gái vô tội và không ai che chở giữa bàn dân thiên hạ những lời thơ bỉ mà thôi. Thế đấy.

Và anh lại gậy vại nhịp trong bài van "Nhịp sống mùa thu".

- Hăn muốn nói đến con bé Ma-rư-sia nhà Skốp-kô-va đấy mà, - một kẻ nào đó nhắc.

- Đúng là cô ấy đấy, - Xô-bếch xác nhận. - Cô ấy, một người mà một con bọ hung như ngài Vô-i-đư-uô đáng kính đây, đã...

- Mà y cam mồm đi! - Vô-i-đư-uô thét lên. - Đủ lắm rồi!

- Ông thấy đủ, nhưng tôi thấy còn ít quá!...

- Lo mà giữ cái mũi của ông ấy!

- Ông cũng có thể lo giữ mũi của mình. Một màu tối đen. Từ xa chẳng nom thấy gì. Nhưng ông chẳng dám mò ra chỗ tôi đâu, sợ mà.

Zê-nôn bật cười.

- Vì sao, vì sao, thằng ngu kia, tao lại sợ mày kia chứ?

- Mày sợ vì mày không muốn bị quạng vào mồm!...

- Các ông thôi đi, không đáng gì, - có ai đó ngồi trong hiên ôn tồn khuyên.

- Hãn rồi, không đáng phải bắn tay, - Xô-bếch cũng đáp lại bằng giọng như thế.

- Có mà mà bị quạng vào mồm ấy! Zê-nôn gầm lên.

Trước khi những người có mặt kịp giữ lại, y đã lao ra khỏi hiên. Quần nhau lộn tung phèo trong bóng tối. Vài cú đấm khô khốc, rồi một tiếng rắc thật mạnh. Đó là chiếc đàn măng-đô-lin tuyệt đẹp của anh chàng Xô-bếch vỡ tung ra từng mảnh khi va phải cái đầu của gã cựu học sinh trường dòng. Hai địch thủ ghì chặt lấy nhau cùng lăn xuống đất. Họ lăn sát vào hàng rào.

- Buông ra, - giọng Zê-nôn nghệt thở thốt lên.

- Này, cho mà, đồ mất dạy, này, này, cho mà, này, để mà nhớ đời!

Giọng Xô-bếch đi kèm với tiếng đấm hự hự.

- Mà dám trêu vào tay tao à!... Này, cho mà! Cho mà! Nửa này! Mà còn chọc ghẹo con gái nữa thôi?! Há?

- Tôi xin thôi!

- Thế thì nhận lấy cú nữa, để mà nhớ!

- Tôi sẽ thôi, xin thề!

- Thì cho mà cú nữa, để mà nhớ lấy lời thề! Nửa này! Nửa này!

- Anh em ơi! Cứu tôi với! -Zê-nôn gào lên.

Mười người tụ tập chung quanh xem cuộc đánh nhau. Nhưng không một ai vào cứu. Xô-bếch được mọi người kính trọng, và ngay cả những người không hiểu có chuyện gì cũng muốn tin rằng lẽ phải thuộc về anh, thêm nữa địch thủ của anh lại vốn là kẻ hay gây sự, chẳng được ai yêu mến. Bọn bạn bè của Zê-nôn cũng không cảm thấy có nghĩa vụ đoàn kết. Tận đáy lòng, ngay từ đầu, bọn họ cũng đã đứng về phía Xô-bếch. Và chẳng Zê-nôn bắt đầu đánh trước.

- Thôi, các ông, - một người nào đó trong đám đông cất tiếng. - Thôi, thôi đi!

- Thôi đi! - Người thứ hai bảo.

Xô-bếch nhồm dậy. Ông Lei-zo-rơ từ trong nhà cầm đèn chạy ra. Trong ánh sáng đèn trông rõ toàn cảnh tang thương hình hài bên ngoài của Zê-nôn. Hắn đứng đấy, áo quần rách tơi tướp, mắt bị đánh thâm tím, mũi tóe máu. Hắn đưa lưỡi sờ sờ một lát trong mồm rồi phun ra mấy cái răng.

Xô-bếch phúi quần áo, nhặt chiếc đàn măng-đô-lin, có dính mấy sợi dây đang run rẩy một cách thảm thương giữa những mẩu vụn của hộp đàn, anh khẽ đặng hăng và không nói một lời nào, bỏ đi.

Những người khác cũng bắt đầu tản đi, không nói, không hỏi gì. Nhưng hôm sau toàn trấn Ra-đô-li-xki dậy lên như trong một tổ ong. Sau buổi lễ trọng trước nhà thờ, người ta không bàn đến một chuyện gì khác. Tất cả mọi người đều biết chính xác nguyên nhân cũng như diễn biến của vụ đánh nhau. Nói chung người ta đều thừa nhận rằng Xô-bếch có lý và thích chí vì việc Zê-nôn bị trừng phạt. Song mặt khác, cũng có ý kiến phê phán nhằm vào Ma-rư-sia. Thứ nhất, vụ đó là do cô, hai nữa, việc cậu chủ Trưn-xki cứ hay ngồi lâu trong hiệu dù sao vẫn chứng tỏ đạo đức của cô gái có vấn đề.

Hơn nữa, khó lòng hiểu nổi vì sao người cùng hội cùng thuyền trong cùng thị trấn, một công chức nhà nước với con trai một gia đình giàu có được trọng vọng, mà lại đánh nhau công khai trước bàn dân thiên hạ chỉ vì một cô gái lang bạt đến đây, một cô gái bán hàng vợ vãn nào đó.

Nhiều người quan tâm xem gia đình họ nhà Vôi-đư-uô sẽ phản ứng ra sao. Người ta vô tình quấy rầy cả hai người anh trai của Zê-nôn, song cả hai chỉ nhún vai.

- Không phải việc của chúng tôi. Để cha chúng tôi về rồi khắc hay.

Quả thực, ông lão Mô-xte-rơ-giây không có mặt ở Ra-đô-li-xki. Ông đang đến chỗ những thợ thuộc da Vin-nô mua hàng.

Ngay từ sáng sớm, Ma-rư-sia đã được biết về việc Zê-nôn bị đánh. Hai người đàn bà láng giềng cùng chạy sang thuật lại tất cả, với đầy đủ các chi tiết tỉ mỉ. Nếu như bà Skốp-kô-va hài lòng đón nhận cái tin ấy, coi đó như sự trừng phạt của Chúa đối với Zê-nôn vì đã chối bỏ sứ mạng thiêng liêng của giáo sỹ, thì Ma-rư-sia lại hết sức kinh hoàng. Cô cay đắng tự trách mình đã nói lại những điều không cần thiết. Sao cô lại than thở với anh chàng Xô-bếch tốt bụng ấy làm gì kia chứ? Cô đã khiến anh phải gặp sự khó chịu nhường kia. Họa có Chúa mới biết chuyện ấy sẽ mang đến cho anh hậu quả gì. Ông lão Vô-i-đư-uô sẽ không chịu cho qua chuyện con trai bị đánh đâu. Chắc chắn ông ấy sẽ kiện ra tòa, chắc chắn ông sẽ kêu ca chuyện này lên tận ban giám đốc bưu điện. Vì tính nghĩa hiệp của chàng, Xô-bếch rất có thể sẽ mất việc làm...

Không nghi ngờ gì nữa, cô cảm thấy biết ơn anh, song cũng vẫn hơi oán anh. Anh đã hy sinh vì cô, đã liều thân, đã tự nguyện dẫn mình vào cái chuyện đơm đặt bẩn thỉu kia, cái chuyện mà giờ đây sẽ còn bị miệng thế nhai đi nhai lại với cái tên anh. Vì tất cả những điều ấy cô đâm ra thành người mang nợ anh. Dù cho anh không thốt ra một lời nào về chuyện ấy, mỗi ánh mắt của anh sẽ nói cùng cô:

- Tôi đã đứng ra để bảo toàn danh dự, phẩm giá và uy tín cho cô, lẽ nào tôi không được đón nhận một sự đền đáp hay sao?

Và một điều này nữa. Do cái vụ xô xát này. Ma-rư-sia hiểu một cách chính xác rằng, người ta sẽ mang cô ra bàn tán, sẽ đầu độc cuộc sống của cô. Cho nên cô không hề nói dối rằng cô bị nhức đầu để từ chối đi lễ. Quả thực, cô cảm thấy bị ốm, thấy bất hạnh và rã rời. Suốt cả ngày chủ nhật cô không lộ mặt ra khỏi nhà, cô khóc thầm và suy nghĩ về những gì sẽ đến. Giá như có thể chạy trốn khỏi nơi đây, cô sẽ đi thật xa cho khuất. Đi hẳn đến Vin-nô. Cô sẽ nhận làm bất cứ việc gì, làm người hầu cũng cam... Song cô không có tiền để đi, và cô không hề có ảo vọng rằng bà Skốp-kô-va sẽ cho cô vay. Không mong gì ở bà Skốp-kô-va, không trông mong gì ở một ai trong thị trấn. May chăng... may chăng...

Và cô chợt nghĩ đến ông thầy lang ở cối xay. Bác An-tô-ni chắc hẳn không từ chối cô điều gì. Đó là người duy nhất, người độc nhất mà cô còn trông mong được trên cuộc đời này.

Cô bắt đầu hấp tấp suy nghĩ kế hoạch hành động. Đến tối, khi nhọ mặt người, cô sẽ đi theo lối đằng sau vườn đến xưởng cưa... Rồi từ đó đến cối xay. Dọc đường, cô sẽ thuê một chiếc xe và đến sáng cô đã có mặt ở ngoài ga. Từ đó, cô sẽ viết thư cho bà Skốp-kô-va... Và cho chàng, cho anh Lê-sếch.

Trái tim Ma-rư-sia thắt lại. Và sẽ ra sao nếu chàng không muốn đến Vin-nô?...

Tất cả mọi điều dự định đều sụp đổ tan tành.

Không, trăm lần cô thà ở lại đây để ngày ngày bị xia xói, bị chê bai, dè bĩu, thậm chí bị nhục nhã, chứ không thể nào mất đi khả năng được trông thấy đôi mắt, cái miệng, mái tóc của chàng, được nghe cái giọng trầm thân thuộc của chàng, được chạm vào bàn tay mạnh mẽ và đẹp đẽ của chàng.

- Cứ mặc cho mọi sự muốn ra sao thì ra, - cô quả quyết.

Còn có một lối thoát khác nữa: thổ lộ với chàng tất cả. Chàng thông minh hơn cô nhiều, chắc hẳn chàng sẽ tìm được cách gì đó tốt hơn.

Nhưng không bao giờ cô dám làm điều đó. Cô biết rằng không một ai trong thị trấn dám nói thật cho chàng hay về nguyên nhân vụ xô xát giữa Xô-bếch và con trai nhà Vô-i-đư-uô. Và lại chàng Lê-sếch cũng chẳng hề trò chuyện với ai ở đây bao giờ. Còn nếu chàng nghe nói đến vụ xô xát, chàng sẽ nghi ngờ rằng cái anh chàng Xô-bếch kia có một thứ quyền gì đấy để đứng ra bảo vệ cho Ma-rư-sia, và khi ấy...

- Không, ta sẽ không nói gì với chàng hết, không nói gì hết! - Cô quyết định.

Sáng hôm sau, cô đi từ nhà đến cửa hiệu, đầu cúi gằm, nhanh như có ai đuổi. Cô thở dài nhẹ nhõm khi đã ở bên trong cửa hiệu. Cô liếc qua gương và lo lắng khi thấy rằng hai đêm không ngủ và những chuyện mà cô

vừa phải chịu đựng đã để lại dấu vết. Mặt cô tái, mắt thâm quầng. Chính điều đó đã khiến cô mất hẳn thăng bằng.

- Nếu chàng trông thấy ta xấu xí nhường này, - cô nghĩ bụng, - chàng sẽ không thích ta nữa. Giá chàng đừng đến đây thì hay biết bao.

Thì giờ trôi qua. Ma-rư-sia mỗi lúc một thêm lo lắng.

- Mình nghĩ nhầm phải giờ giờ rồi, khi mong chàng đừng đến! - Cô tự trách mình.

Chuông nhà thờ đã điểm giữa trưa cô mới trông thấy những con ngựa của Lu-đơ-vi-kốp. Nhưng trong xe không có chàng Lê-sếch. Anh đánh xe ngồi trên ghế ngựa ngáp dài. Bà Mi-kha-lép-xka, béo trọc béo tròn, quản gia của Lu-đơ-vi-kốp, bước xuống xe đi mua hàng. Ma-rư-sia rất muốn chạy đến bên xe hỏi thăm chàng Lê-sếch nhưng cô kịp dừng lại, và quả là cô đã hành động đúng, vì chỉ chưa đầy một tiếng đồng hồ sau, tiếng xe mô-tô đã nổ giòn trên đường phố.

Cô suýt phát khóc vì sung sướng.

Song chàng Lê-sếch không nhận thấy cả vẻ nhợt nhạt của cô lẫn những giọt lệ đang nhòa trong mắt. Lao vào như một cơn bão, trong một vũ điệu ma-zua, chàng nhịp vào nhịp chân và hét văng lên:

- Kỹ sư thiên tài muôn năm! Muôn năm! Hãy chúc mừng anh đi nào, Ma-rư-sien-kô! Anh đã tưởng trời nóng thế này thì đến quý tha ma bắt mất, nhưng thế mà quyết rồi cũng xong!

Chàng bắt đầu thuật lại chiếc xe bị hỏng dọc đường ra sao, chàng phải vất vả thế nào mới sửa được, mặc dù chàng có thể đi nhờ xe ngựa với bà Mi-kha-lép-xka.

Chàng tự hào về bản thân đến nỗi mặt sáng bừng cả lên.

- Để đến với cô gái nghèo của ta, không có con đường nào xấu, - chàng thốt lên.

- Ông bán hết cả người rồi, ông Lê-sếch! Để tôi mang nước cho ông ngay bây giờ.

Cô đang đổ nước vào chậu thì bà Skốp-kô-va mang cơm trưa vào. Bà nhìn họ một cách đầy chê trách nhưng không nói gì.

- Ông Trưn-xki phải chữa xe, - Ma-rư-sia giải thích. - Ông ấy muốn rửa tay một chút vì dầu mỡ bôi bẩn cả.

- Tôi sẽ chẳng vầy ướm hiệu của bà đâu, - chàng nói thêm.

- Không sao, bà Skốp-kô-va khô khan đáp lại và bước ra.

Chàng kỹ sư hoàn toàn không nhận thấy vẻ mặt lạnh lùng của bà chủ hiệu. Anh vui vẻ giải thích cho Ma-rư-sia hiểu sự hư hỏng của động cơ và cách anh sửa chữa thật hết sức buồn cười. Dần dần cô cũng thấy thoải mái.

- Em cười thật tuyệt vời! - Trưn-xki cứ lặp đi lặp lại.

- Thường thôi.

- Không thường tí nào! Ma-rư-sien-kô, anh xin thề với em, em thuật khác thường về mọi phương diện. Còn nếu nói về nụ cười... thì mỗi người một kiểu.

Nói đoạn chàng bắt đầu biểu diễn các kiểu cười khác nhau. Chàng làm việc đó thật hài, mặt chàng lúc đó nom buồn cười đến người chết cũng phải hé môi. Chàng bắt chước tài nhất và lâu nhất kiểu cười của bà quản gia to béo, bà Mi-kha-lép-xka.

Chàng không hề biết rằng chính lúc ấy bà Mi-kha-lép-xka đang muốn khóc hơn cười, mà lý do chính là vì chàng.

Ngay khi bà ì ạch leo lên xe, chàng đánh xe đã nhận thấy rằng mặt bà quản gia đang đỏ bừng bừng như vừa từ lò nướng bánh ra vậy. Suốt dọc đường anh cứ nghe tiếng bà lẩm bẫm gì đó sau lưng, nghe bà thở dài thườn thượt và rên rầm.

- Chắc phải có chuyện gì đây, - anh đoán.

Và quả thực là có chuyện. Ở thị trấn, bà Mi-kha-lép-xka được biết những chuyện kinh khủng, đến nỗi bà không muốn tin và bà sẽ không chịu tin nếu không có tới mấy người cam đoan, và nếu như chính mắt bà không nom thấy cậu chủ Lê-sếch để mô-tô ở đâu và ngồi chết dí ở đâu suốt rông rã hai tiếng đồng hồ.

Đôi ngựa màu hạt dẻ nhỏ nhắn nhưng được chăm sóc tốt chạy nước kiệu rất khỏe khoắn, nhưng bà Mi-kha-lép-xka vẫn cảm thấy chiếc xe đi chậm rì rì. Bà cứ dăm dăm nhìn nhìn về phía trước, đếm xem còn mấy cây số nữa mới về đến Lu-đơ-vi-kốp.

Rốt cuộc, phía sau cánh rừng cũng đã hiện ra một quang cảnh thanh thang. Đồng ruộng thoai thoải dốc xuôi đổ xuống một dải hồ nước màu thanh thiên hiện rõ phía chân trời. Trên bờ hồ là một dãy đối xứng những chiếc ống khói. Trên đồi, giữa những ngọn cây xanh tươi, nổi bật một tòa lâu đài cao, màu trắng, được cả huyện xem là kỳ quan thứ tám, nếu không phải của toàn thế giới, thì chí ít cũng là của miền đông bắc này. Chỉ mỗi mình bà Mi-kha-lép-xka không đồng tình với những lời tán thưởng ấy. Bà thích tòa nhà ngày trước, dẫu bằng gỗ thật đấy, nhưng to lớn và ấm cúng hơn dinh thự mới, tòa nhà nơi bà đã sinh ra, lớn lên và làm lụng thuở thiếu thời.

Bà cũng không thể tha thứ cho ông chủ đồng thời là bạn cùng tuổi với mình, ông Trun-xki, thay vì xây dựng lại y hệt như cũ tòa nhà đã bị thiêu rụi hồi chiến tranh, ông lại cho xây một dinh thự hiện đại, lại những hai tầng nguy nga, dường như ông chỉ muốn cho hai cẳng chân già nua của bà quản gia có thêm được nhiều bậc thang để mà trèo mà trụt.

Ngay lúc này, mặc dù bị chi phối bởi những ý nghĩ khác, bà Mi-kha-lép-xka cũng dành một lời than cho cái kiểu cách tân thời kia, cái mà mặc dù đã hơn chục năm rồi, bà vẫn không tài nào quen nổi.

Chiếc xe băng qua cổng lớn rẽ vào một con đường tắt qua khu vườn và dừng lại trước cổng dành cho gia nhân. Bà Mi-kha-lép-xka quá nóng ruột nên không thể đích thân mang các thứ hàng hóa mua được cất vào

trong kho. Giống như một đầu tàu hoả tốc hành, bà lao qua nhà bếp, phòng để bát đĩa, phòng ăn, thờ có phần hỗn hển hơn mức mà sự mệt nhọc đòi hỏi, và tăng tốc độ lên nữa.

Bà biết rất rõ giờ này ông bà Trưn-xki đang ở chỗ nào, và bà không nhầm. Họ đang ở ban công phía bắc. Bà E-lê-ô-no-ra, cứng đờ và thẳng đờ trong chiếc áo nịt ngực, ngồi trên một chiếc ghế cứng không trải nệm (bà không công nhận những loại ghế khác) và chìm đắm trong đống những quyển sổ cái khổng lồ của nhà máy. Sau lưng bà, ông Xu-pếch, kế toán, đang đứng với nét mặt của một kẻ tội đồ, lát nữa thôi sẽ bị mang đi tra khảo. Cái đầu hói của ông, giống như một cái nấm phấn to tướng màu hồng, được phủ đầy những giọt mồ hôi. Ở đầu kia ban công, trong một chiếc ghế mây to tướng, ông Xta-nhi-xoáp Trưn-xki đang ngồi, chung quanh là những chồng báo nhiều đến khó tưởng tượng nổi.

Bà Mi-kha-lép-xka không nói một lời, đứng sững giữa ban công, nom như một pho tượng đầy vẻ đe dọa.

Ông Trưn-xki hạ thấp chiếc kính mắt xuống và hỏi:

- Có chuyện gì thế, Mi-kha-le-siu?

- Chuyện không lành! - Bà rên lên.

- Không có chanh à?

- Ôi, chanh gì mà chanh!... Chuyện ô danh!

- Có gì xảy ra thế? - Ông Trưn-xki đặt báo xuống, hỏi bình tĩnh nhưng đã chú ý hơn.

- Chuyện gì xảy ra?... Chuyện bê bối! Tôi ngỡ ngàng đến cháy cả người. Cả thị trấn không bàn gì đến chuyện khác nữa! Chỉ nói đến cậu ấy mà thôi!

- Nói đến ai?

- Đến cậu Lê-sếch thân yêu nhà ta chứ ai.

- Lê-sếch à?

Phu nhân Trưn-xka ngẩng đầu bảo:

- Ông Xu-pếch, ông nhớ nhé. Ta tạm dừng ở hàng này, 1482 zuốt-ty và 24 grôz [33]

- Vâng thưa bà, - ông kể toán thử hắt ra. - Hai mươi bốn grôz. Tôi có phải đi không ạ?

- Không, ông cứ ở lại. Thế Mi-kha-lép-xka bảo sao?

- Cậu chủ Lê-sếch ấy ạ! Thật điếm nhục cho cả nhà! Tôi được nghe những chuyện mà... mà...

- Bà kể lại xem nào. Chắc là tin đồn vợ vãn nào đó thôi, - bà Trưn-xka nói với vẻ bình tĩnh sắt đá.

- Người ta đánh nhau ở Ra-đô-li-xki, người ta giết nhau vì cậu chủ Lê-sếch nhà ta. Trưởng chi nhánh bưu điện phang ghita đến nát vụn lên đầu hẳn, rồi cả hai lẫn lộn khắp bãi chợ. Anh ta quạng đập mũi hẳn ra! Gãy cả bao nhiêu là răng...

- Ai? - ông Trưn-xki ngắt lời. - Thằng Lê-sếch ấy à?

- Không, thằng con trai ông Mô-xte-rơ-giây, thợ yên cương kia.

- Thế thì bạn gì đến chúng ta?

- Nhưng đó là vì con bé mà cậu Lê-sếch đang bày chuyện yêu đương kia kìa.

Phu nhân Trưn-xka nhú mày.

- Tôi chẳng hiểu gì cả. Xin Mi-kha-lép-xka kể lại tất cả cho thứ tự xem nào.

- Thì tôi đã nói rồi đấy thôi! Vì một con bé. Vì cái cô Ma-rư-sia nhà bà Skốp-kô-va. Đã từ lâu, tôi biết là có chuyện ám muội mà. Mắt già thật nhưng nhìn tinh lắm. Có phải tuần rồi tôi chả bảo là: - Nào, nào, cậu Lê-sếch có chuyện gì mà hay đi Ra-đô-li-xki quá đấy!... Hay là tôi không nói nào?... Nào, xin ông bà cứ bảo là tôi chưa nói đi xem...

- Bỏ qua chuyện đó. Thế nhưng cái cô ấy thì sao?

- Gái thì vẫn là gái. Đẹp thì có đẹp, nhưng tôi cũng chẳng thấy cô ấy có gì phi thường cả. Đến nỗi gì mà phải đánh nhau vì một cô như thế?... Nhưng đó là một chuyện. Ngày nào cũng phóng lên thị trấn. Tôi nghĩ bụng: - Có gì lôi kéo cậu ấy ở đấy thế nhỉ, giờ thì mới lộ tẩy hết cả ra! Đến tận bây giờ.

- Nhưng mà lộ chuyện gì chứ?

- Chuyện rằng cậu chủ đi lại với con bé ấy, con bé Ma-rư-sia ấy đấy. Suốt cả ngày, cái xe mô-tô phải đứng ở đâu nào?... Ngay trước cửa hiệu bà Skốp-kô-va. Ai cũng thấy, ai cũng lắc đầu. Thế còn cậu Lê-sếch thì ở đâu ạ?... Trong cửa hiệu. Chỉ có hai người với nhau! Vâng! Chỉ độc cậu ấy với cô kia, vì lẽ bà Skốp-kô-va không ngồi trong hiệu. Bà chủ hiệu thuốc cũng nói lại là cho đến nay cha xứ trên đài giảng không lên án những đòi phong bại tục kia. Nếu như cha chưa làm việc ấy, bà ta bảo, thì có nhẽ là do kính trọng cha mẹ cậu thanh niên thiếu năng lực kia đấy thôi, bà ấy bảo thế.

Ông Trưn-xki nhăn mặt khó chịu.

- Thế rồi sao?

- À, thế rồi thằng con trai ông thợ yên cương, cái thằng cựu học sinh trường dòng ấy, hôm thứ bảy... Không, không, hôm thứ sáu... Không, tôi nói đúng đấy, hôm thứ bảy, trước cả đông đủ bàn dân thiên hạ, mới gặng hỏi cái cô Ma-rư-sia kia là tại sao đem trường kỷ đặt trong cửa hiệu làm gì... Cái cô Ma-rư-sia kia không trả lời. Thế là hăn bèn nói những lời gì ấy về cậu Lê-sếch nhà ta với cô kia, khiến cho mọi người phải ôm bụng mà cười.

- Mọi người nào mới được chứ? - Phu nhân E-lê-ô-no-ra lo ngại hỏi.

- Thì bàn dân thiên hạ. Chuyện xảy ra ngay ngoài phố, ai mà chẳng nghe. Rõ là cô kia bị xấu hổ quá. Không nói lời nào, cắm đầu chạy thẳng. Nhưng chắc cô ả phải kêu ca với anh chàng Xô-bếch, ở bưu điện ấy. Mà cũng có thể anh ta làm cách nào đó biết chuyện. Chỉ biết rằng gặp thằng

cha cừu chúng sinh kia, anh ta lăn xả ngay vào và nện cho hẳn một trận thừa sống thiếu chết. Còn hôm nay thì chính mắt tôi trông thấy xe mô-tô của cậu Lê-sếch lại dừng trước cửa hiệu ấy rồi. Thế nào rồi cậu ấy cũng chuốc lấy chuyện không lành vào thân cho xem. Cái anh chàng Xô-bếch kia sẵn sàng gây cho cậu một chuyện gì đó, vì nhẽ...

- Thôi được rồi, - phu nhân Trun-xka cắt ngang. - Cảm ơn Mi-kha-le-sia đã thông báo. Chúng tôi sẽ lưu tâm đến việc ấy.

Bà nói rất thản nhiên, nhưng bà quản gia hiểu rất rõ câu ấy báo hiệu điều gì. Lúc này bà cũng mới chợt nhận thấy là mình đã hành động quá vội vàng và thiếu thận trọng. Quả thực, bà quá phần uất vì những cuộc viếng thăm thiếu luân thường đạo lý của cậu Lê-sếch, nhưng bà vẫn yêu thương cậu hơn cả con đẻ, giờ đây bà đâm hối về những hành động của mình.

- Thừa ông bà, - bà nói, - tôi thì tôi chẳng bảo gì cậu Lê-sếch nhà ta, bởi vì rằng thì là...

Nhưng ông bà Trun-xki đã chuyển sang nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp, điều đó có nghĩa là bà Mi-kha-le-sia đã đến lúc phải lui ra ngoài. Bà lần khần khi làm chuyện ấy, bà cứ cân nhắc không biết có nên chạy ra đường đón cậu Lê-sếch để báo trước cho cậu cái tai vạ mà bà đã gây ra chăng^[34]. Nhưng sau khi cân nhắc, bà đi đến kết luận rằng một trận lôi đình giáng xuống cậu chủ, - trận lôi đình mà cậu cũng đáng được nhận - sẽ chỉ có lợi cho cậu mà thôi, và thế là bà từ bỏ ý định đó.

Dù thế nào chẳng nữa, cậu cũng đáng phê phán. Nếu cậu định lừa một cô gái gia giáo, thì cậu đã hành động rất tồi. Còn nếu cô Ma-rư-sia không thuộc con nhà gia giáo, thì cậu làm điểm nhục cả bản thân lẫn gia đình.

Bà Mi-kha-le-sia nghĩ thế, và ông bà Trun-xki cũng có cùng ý kiến như thế.

Vậy nên khi Lê-sếch trở về, anh ngạc nhiên và lo ngại khi nhận thấy những ánh mắt lạnh lùng đón anh. Thoạt tiên, anh chợt hoảng hồn bởi

thoáng nghĩ: cái thằng khốn kiếp Bau-erơ, giám đốc khách sạn ở Vin-nô, đã gửi hóa đơn thanh toán đến rồi chứ chẳng chơi.

- Mà như thế thì thật là khốn nạn, - anh nghĩ bụng trong khi im lặng dùng bữa tối, - hẳn không thể chờ được vài tuần hay sao. Hóa đơn - nếu trí nhớ không đánh lừa Lê-sếch - có ghi những khoản mà anh không hề muốn để cho cha mẹ biết một chút nào. Nhất là những cái gương bị vỡ kia, cùng với một số hơi nhiều, quả thực là cũng quá nhiều - những chai sâm banh đã uống...

- Anh có thể dành cho chúng tôi chừng nửa tiếng đồng hồ được không? - Phu nhân Trưn-xka vừa đứng dậy khỏi bàn vừa hỏi. - Chúng tôi muốn nói chuyện với anh.

- Những nửa tiếng đồng hồ kia ạ? - Lê-sếch nghi ngờ hỏi lại.

- Anh cho rằng thế là quá nhiều đối với cha mẹ hay sao?

- À không, thưa mẹ. Con xin tùy cha mẹ.

- Ta sang phòng làm việc.

- Ồ! - Lê-sếch tự nhủ - Chắc phải là chuyện quan trọng đây.

Thông thường, trong phòng làm việc diễn ra những cuộc trao đổi ít phần dễ chịu nhất và nhiều phần nghiêm khắc nhất với cha mẹ.

Ông Trưn-xki ngồi vào vị trí chủ tịch đoàn cạnh bàn làm việc, hắng giọng những hai lần rồi mở đầu.

- Lê-sếch con! Cha mẹ được biết rằng do tính nhẹ dạ của mình con đã đi đến giới hạn không những chỉ vượt quá thuần phong mỹ tục mà còn quá khái niệm về danh dự cá nhân, những điều mà cha mẹ đã cố gắng để làm con được thấm nhuần.

- Cha muốn nói đến những vụ lộn xộn đáng xấu hổ giữa các thanh niên chưa vợ trong thị trấn... những vụ tai tiếng do con gây ra.

Lê-sếch nhẹ nhõm nghĩ thầm:

- Vậy là không phải hóa đơn! Ơn Chúa! - và chàng nở một nụ cười hoàn toàn thoải mái.

- Kính thưa cha mẹ! Con thấy người ta đã đánh lừa cha mẹ, hay nói đơn giản, người ta đã bịa đặt ra những chuyện vớ vẩn nào đó thì phải. Con lại càng không thể là nguyên nhân của những vụ đó được.

- Thế ra con cũng không biết một tí gì về một cô Ma-rư-sia nào đó chứ? - Bà mẹ thông thả hỏi, - về cô bán hàng ở hiệu bà Skốp-kô-va?

Lê-sếch hơi đỏ mặt.

- Chuyện ấy thì liên can gì đến việc này ạ?

- Rất liên can, con ạ.

- Vâng. Con có biết Ma-rư-sia ấy. Một cô gái dễ mến.

Chàng hăng giọng rồi nói thêm:

- Con cũng hay thường ghé vào hiệu ấy để mua thuốc lá.

- Ngày nào cũng vào, - bà mẹ nhấn mạnh.

- Cũng có thể thế, - chàng trai nhú mày. - Nhưng thế thì sao kia ạ?

- Ngày nào con cũng lui tới đó và ngồi lại hàng tiếng đồng hồ.

- Thậm chí nếu quả có thể đi chẳng nữa... Thưa mẹ, chắc mẹ cũng hiểu rằng con đã vượt quá cái tuổi chịu kiểm tra rồi chứ ạ?...

- Hẳn rồi. Nếu như chỉ nói đến sự kiểm tra của cha mẹ. Nhưng ngay cả một người đã trưởng thành và hoàn toàn độc lập vẫn phải chịu một sự kiểm soát khác, ít cảm thông hơn nhiều. Mẹ muốn nói đến sự kiểm soát của dư luận xã hội.

Lê-sếch giật mình.

- Xin lỗi mẹ, nhưng con chưa hề phạm tội gì cả!

- Thì cũng chưa ai đổ tội cho con.

- Vậy thì có chuyện gì mới được chứ?

- Mẹ muốn nói đến phép lịch sự và lòng tự trọng. - phu nhân Trưn-xka nhấn mạnh từng tiếng trả lời.

- Con không nghĩ là mình đã vi phạm đến một trong hai thứ đó.

Ông Trưn-xki sốt ruột nhấp nhồm trên ghế.

- Lê-sếch của cha. - ông lên tiếng. - Tự con phải hiểu rằng việc con thường xuyên lui tới, việc con ngồi lâu một cách quá đáng trong cửa hiệu ấy, không thể không gây nên những điều bình luận...

- Chuyện ấy chẳng phiền toái đến ai cả. Cửa hiệu... cửa hiệu là chỗ công cộng. Ai cũng có quyền vào.

- Xin lỗi, - bà mẹ cắt ngang, - nhưng những lời chối cãi quanh co ấy nằm ở dưới tầm con. Trước tiên, con ngồi ở đó suốt ngày, khiến cho người ta để ý và gây nên tiếng đồn không hay. Có lẽ con không nghĩ ai đó ngây thơ đến mức tin rằng con dùng những thời gian ấy để nghiên cứu phương pháp buôn bán của cửa hiệu nhỏ. Con ngồi ở đó chính là vì cô gái bán hàng kia.

- Cũng có thể. Nhưng mà thế thì sao?

- Từ đó có thể suy ra rằng con xem mối quan hệ bạn bè với cô gái đó là rất thú vị.

- Chính thế, thưa mẹ.

- Và xứng với con nữa chứ?... Đúng thế không?... Xứng đáng với ngài Trưn-xki về cả phương diện trí tuệ, xã hội và bằng hữu?

Lê-sếch nhún vai,

- Đó chính là những vấn đề quan niệm, cách nhìn...

- Mẹ xin được nói rằng theo quan điểm của cha mẹ, trong chuyện này không có chuyện gì bàn cãi cả. Mà bằng chứng rõ ràng nhất là những cuộc viếng thăm của con đã trở thành đầu đề cho những chuyện ngồi lê đôi mách trong thị trấn.

- Con coi khinh những chuyện ngòi lê đôi mách! - Chàng nóng nảy thốt lên.

- Và không chỉ chuyện ngòi lê đôi mách đâu. Chính cô gái ấy đã bị công khai nhục mạ bởi một trong số... những địch thủ ít may mắn hơn con, và hậu quả là một... kẻ ngấp nghé khác của cô gái... nổi tiếng này đã tự coi là có nghĩa vụ phải đứng ra bảo vệ danh dự của cô ta trong một cuộc đấm đá trên đường phố. Nhờ thế mà... những cuộc tán tỉnh của con cũng như chính con đã trở nên nổi tiếng trong vùng rồi đấy.

Lê-sếch giương tròn hai mắt.

- Nhưng con không hề biết chút gì! Không thể nào lại thế được!

Chàng bật dậy phẫn nộ, kêu lên:

- Đó chỉ là những tin đồn bậy bạ, trong đó không hề có một chút sự thật nào cả!

- Rất tiếc, con ạ, - ông Trưn-xki lên tiếng, - cha mẹ có được những tin tức hoàn toàn chắc chắn.

- Tôi không tin! - chàng nổi khùng. - Nếu có, cô ấy đã kể cho tôi nghe! Còn mẹ, khi nói đến cô gái mà mẹ không quen, một cô gái đoan chính nhất, mẹ không nên dùng những... những chữ ẩn ý hai nghĩa như thế! Đó... đó thật là ghê tởm!

Ông bà Trưn-xki đưa nhanh mắt cho nhau. Họ hoàn toàn bất ngờ trước sự bùng nổ của cậu con trai, người từ trước đến nay vẫn thường nói ra những lời không mấy coi trọng phụ nữ.

- Mẹ thấy rằng cô gái ấy là người có ý nghĩa đối với con.

- Tất nhiên là có ý nghĩa, nếu như vì con mà cô ấy phải chịu... một chuyện như thế...

Chàng cắn môi, không nói hết lời.

Bà Trưn-xki bình tĩnh thuật lại tất cả những gì bà quản gia kể lại. Lê-sếch đã nén được đến mức không ngắt lời mẹ lần nào. Khi bà nói hết,

chàng hỏi khô khan:

- Vậy từ chuyện đó cha mẹ định rút ra điều gì?

- Sao lại điều gì? - Ông Trưn-xki ngạc nhiên. - Điều kết luận duy nhất là cha mẹ muốn đề nghị con phải cân nhắc cho kỹ hành động của mình. Thế thôi.

Lê-sếch lắc đầu.

- Đó chưa phải là tất cả. Cha mẹ có thể công nhận hoặc không, nhưng trong hành động của mình, con không hề thấy có gì có thể khiến cha mẹ, bản thân con, hay một người nào khác phải xấu hổ. Con không có điều gì phải tự trách mình cả. Hoàn toàn không! Ngược lại, cả con, lẫn cha mẹ, cũng không thể bỏ qua chuyện một thằng khốn nạn nào đó bôi xấu danh dự của một cô gái tuy nghèo nhưng rất đáng tôn trọng, bằng cách sử dụng tên tuổi của con.

Phu nhân E-lê-ô-no-ra nhìn con trai vẻ chế giễu.

- Hình như con quá tin chắc vào sự đáng tôn trọng mà cô gái kia phải được hưởng đấy, con trai ạ. Mẹ không nghĩ là con ngây thơ! Nhưng con định phản ứng thế nào?... Mẹ đang rất muốn biết. Không lẽ con lại theo gương anh chàng nhân viên bưu điện kia dấn thân vào một cuộc đánh nhau tay đôi với con trai lão thợ làm yên cương hay sao?

- Không, con sẽ đưa việc này ra toà!

- Điều đó không chứng minh cho sự chín chắn của con. Việc xét xử của tòa án không cứu được uy tín của cô gái kia.

- Vậy thì con sẽ ra lệnh cho xà ích quật cho hấn một trận! - Chàng cúi kính hét lên. - Dù thế nào chẳng nữa... kể từ ngày hôm nay chúng ta sẽ không nhận hàng của cha hấn, cho cả nhà máy lẫn điền trang!

- Nhưng cha hấn chẳng có tội tình gì ở đây cả, - ông Trưn-xki nhận xét.

- Tất nhiên rồi, - bà E-lê-ô-no-ra nói thêm. - Ngoài ra, cho phép mẹ được bày tỏ nỗi ngạc nhiên vì cái giọng điệu quá quả quyết, dường như cả nhà máy lẫn điền trang đều đã là tài sản riêng của con rồi, và chuyện đặt hàng chỉ tùy thuộc vào một mình con thôi hay sao ấy.

Nhưng thần kinh của Lê-sếch đã bị kích động quá mức, chàng bước lui một bước, hỏi lại:

- Ra thế đấy?... vậy ra mẹ định tiếp tục mua hàng của cái lão thợ yên cương ấy?

- Mẹ không thấy có lý do gì để phải thay đổi.

- Nhưng con thấy! - Chàng hét lên

- May thay, điều đó vẫn chưa bắt buộc được hai chúng tôi.

- Ra thế? Vậy thì các người hãy nghe đây! Tôi cương quyết đòi hỏi chuyện đó. Tùy các người lựa chọn. Hoặc các người làm theo đòi hỏi của tôi, hoặc sẽ không bao giờ thấy mặt tôi nữa.

Chàng quay ngoắt người lại, bước ra khỏi văn phòng. Chàng phẫn nộ đến tột cùng, phẫn nộ đến mức không ngần ngại thực hiện lời đe dọa và ra đi ngay tức khắc.

Chàng không muốn và không thể suy nghĩ xem mình hành động có đúng không. Chỉ nguyên ý nghĩ rằng một thằng cha chưa ráo máu đầu nào đó ở thị trấn dám công khai đem chàng ra làm trò cười, đã đủ cho chàng điên tiết, khiến chàng không thể nào suy nghĩ minh mẫn, hồi thúc phải phản ứng ngay lập tức. Và lúc này đó là điều quan trọng nhất: trừng phạt, trả thù. Thách cha mẹ chàng can thử xem! Thách đấy! Chàng gần như mong muốn chuyện đó. Chàng sẽ chứng tỏ cho họ thấy rằng chàng không chịu lùi bước trước bất kỳ thứ gì. Chàng sẽ trừng phạt cả họ nữa.

Chàng lao ra vườn và bằng chiếc can của cha mà chàng vớ được ở tiền phòng, chàng điên cuồng quật rơi tưới tả lá cây dẻ.

Tất nhiên, bỏ nhà đi cũng có nghĩa là sẽ phải chịu đói khổ. Tuy chàng có nghề gốm thật, tuy chàng có thể tự tìm được việc làm ở Chmie-lốp hay

một nhà máy nào khác. Nhưng khi ấy toàn bộ ngân quỹ của chàng sẽ chỉ đóng khung trong tổng số vài trăm *zuốt-ty* quèn mỗi tháng.

- Đành vậy, - chàng tự thuyết phục mình. - Ta vẫn sống được.

Đột nhiên một dấu hỏi bật ra:

- Nhưng cái gì thật sự là nguyên nhân của sự xung đột, sự xung đột sẽ thay đổi hoàn toàn cuộc đời ta?

Câu trả lời đến thật dễ dàng:

- Ma-rư-sia...

Phải, cốt lõi của mọi chuyện là ở đây, là Ma-rư-sia, cô gái tuyệt vời, vì cô, chàng có thể làm tất cả. Và nếu như, cứ cho rằng không phải là tất cả, thì cũng rất nhiều...

- Rất là nhiều, - chàng tự tin chắc thế.

Song ngay lập tức lại nảy ra những nghi vấn mới. Liệu có phải là cái giá quá cao không khi ta phải từ bỏ cả cha mẹ, từ bỏ cả địa vị tài sản, từ bỏ tất cả?...

Chàng cảm phần xua đuổi ý nghĩ ấy đi. Vấn đề được đặt ra rất rõ ràng: một kẻ nào đó đã dám nhục mạ Ma-rư-sia và chàng, vậy hẳn phải bị trừng trị. Nếu cha mẹ muốn từ chối đưa con trai độc nhất một điều còn con như thế kia, thì chính họ đã tự chứng tỏ rằng họ không đáng được hưởng sự ưu ái nào cả. Cứ để họ phải đau khổ.

Còn Ma-rư-sia?... Với Ma-rư-sia lại là chuyện hoàn toàn khác. Ở đây không nên đặt ra câu hỏi xem cô có xứng đáng được hưởng hay không. Bởi nếu tỉnh táo mà suy xét thì Ma-rư-sia cũng không ổn. Con trai gã thợ yên cương rõ ràng cảm thấy có quyền được thân thiết đến một mức nào đó trong quan hệ với cô hoặc cô đã khiến hẳn phải phát ghen. Thế còn tay nhân viên bưu chính, tay Xô-bếch kia nữa?... Tại sao anh ta lại đứng ra bảo vệ Ma-rư-sia?... Hoàn toàn không có nguyên nhân gì à?...

Nghĩ thế thì quả là ngây thơ đến mức ngu dốt quá chừng. Tất nhiên phải có gì gắn bó giữa anh ta và cô gái chứ.

Chàng cảm thấy cái kinh đến cực điểm. Chỉ nguyên cái ý nghĩ do mẹ chàng đưa ra, rằng những người kia là... tình địch của chàng, với chàng đó đã là một điều xúc phạm, một điều xúc phạm nặng nề nhất.

- Đó là kết quả - chàng cay đắng nghĩ bụng - của việc gần gũi với những kẻ thuộc môi trường đó.

Rõ ràng mẹ chàng là một phụ nữ có nhiều kinh nghiệm. Bà biết nhìn đời tinh táo, nếu như những nghi ngờ của bà chỉ đúng một phần thôi, thì...

- Thì mình mới đẹp mặt làm sao! Mình đã làm trò cười như một thằng oắt! Ở bên cạnh mình, cô ả cứ như một bông huệ dại ngoài đồng, nhưng ai biết đâu, với một gã như tay Xô-bếch kia chẳng hạn, thì cô ta cho phép làm những chuyện gì...

Điều nghi vấn quả là bản thiú, nhưng ai dám cam đoan là sự thật không kém phần bản thiú hơn?

Và một nỗi chán chường chiếm lấy Lê-sếch. Chàng ngồi xuống chiếc ghế đá ẩm sương đêm, thế giới với chàng sao bản thiú, đáng ngán, không xứng với bất cứ một nỗ lực nào, một hy sinh nào...

... Bởi vì nếu Ma-rư-sia là người ngay thật, thẳng thắn, thì chắc cô ta đã không giấu chàng cái chuyện rắc rối kia. Ngược lại cô sẽ kể tất cả, sẽ cầu xin chàng đứng ra bênh vực, chứ không phải là một tay Xô-bếch vớ vẩn nào đó...

Vầng trăng ló ra tròn vành vạnh từ sau rặng cây. Nói chung, Lê-sếch không thích trăng. Nhưng lần này chàng nhận rõ ở diện mạo của vầng trăng kia một nét cười nhạo báng.

- Ta hãy còn ngu dốt quá đáng lắm thôi, - chàng thầm nghĩ, - ngu quá chừng.

Và chàng cân nhắc xem cha mẹ chàng sẽ nói gì với nhau về toàn bộ việc này, cũng như về cách cư xử của chàng.

Giá như có thể nghe được câu chuyện của họ, chàng sẽ được biết rằng chàng không hề có gì khác cha mẹ trong việc đánh giá mức độ thông minh của bản thân mình.

Sau khi chàng bước ra, ông bà Trưn-xki im lặng khá lâu, rồi rút cuộc phu nhân E-lê-ô-no-ra thở dài đánh thượt:

- Tôi thấy rất lo cho tính tình ngốc nghếch của thằng Lê-sếch.
- Tôi cũng chẳng vui mừng gì - ông Xta-nhi-xoáp nói thêm rồi đứng dậy.

Theo thói quen hàng ngày, ông hôn tay và hôn trán vợ rồi trở về phòng riêng. Mười lăm phút sau ông đã nằm trên giường và đang định đọc "Trận hồng thủy"^[35], quyển sách mà đối với ông, việc đọc trước khi đi ngủ là cách tốt nhất, công hiệu nhất để an thần, để rũ ra khỏi đầu óc những chuyện hàng ngày và ru đưa trí tưởng tượng một cách thần tiên nhất, thì chợt có tiếng gõ cửa.

- Mình đấy à? - Ông ngạc nhiên khi trông thấy vợ. Đã từ bao năm nay, ông đã không còn quen với những cuộc thăm viếng của bà trong chiếc áo choàng nội tâm vào giờ này nữa.

- Vâng, ông Xtas. Tôi muốn hỏi ý kiến ông . Tự tôi không rõ nên làm thế nào cho phải. Ông nghĩ thế nào, có nên coi trọng những lời đe dọa của thằng Lê-sếch lắm không?

- Nó là một đứa không được thẳng băng lắm, - ông Trưn-xki nói nước đôi.

- Vì mình thấy đấy... Sẽ rất thiếu sự phạm nếu chịu lùi bước trước sức ép của một lời đe dọa. Nhưng mặt khác chúng mình cũng phải lưu ý đến cái tuổi của nó. Nếu như cho đến nay ta chưa giáo dục được nó thì có tiếp tục khoa sự phạm nữa cũng chẳng làm gì.

Ông Xta-nhi-xoáp thềm thường nhìn liếc nhìn tập sách dày cộp đã mở ra để trên chân. Ra-gu-ô-ba^[36] vừa mới lĩnh nhận quyền thủ lĩnh quân sự và

đang bắt tay vào tích trữ lương thảo cho doanh trại. Một đe dọa đặc biệt dễ chịu, ấy thế mà đột nhiên lại lôi chuyện thằng Lê-sếch ra đây mới lạ chứ!

- Elu^[37], tôi cho rằng chúng mình từ chối nó hơi cương quyết quá.

- Nhưng mà đúng.

- Thì hẳn rồi. Nhưng mặt khác lòng tự ái của thằng bé bị tổn thương. Tôi cho rằng, rất cuộc...

Đầu óc ông vẫn đang nghĩ tới chuyện chuyển khí giới và đạn dược từ Bi-au-ô-gô-xtốc tới, nghĩ tới chuyến đến thăm của quận công Xa-pi-ê-ha (một cái đầu đến là ngu, chắc hẳn là dân Vi-tép!), tất cả những điều đó khiến cho tâm trạng ông ôn hòa và dễ dãi.

-... rất cuộc cái lão thợ yên cương kia phải dạy cho thằng con một bài học đạo đức mới phải. Không thể phủ nhận rằng thằng Lê-sếch cũng có lý một phần.

- Nghĩa là ông nghiêng về phía đồng ý với điều kiện của Lê-sếch? - Phu nhân E-lê-ô-no-ra chớp ngay ý chồng.

- Tôi á? - Ông Xta-nhi-xoáp ngạc nhiên một cách thành thật.

- Kìa, thì rõ là không phải tôi - bà vợ sốt ruột nhún vai. - Bao giờ tôi cũng có ý kiến là ông quá mềm tay và quá cợt nhả với con. Mong sao sau này chúng ta không phải ăn năn về sự nhu nhược của ông đấy, ông ạ.

- Xin lỗi mình, Elu... - ông Trưn-xki mở miệng, song bà vợ đã ngắt lời ông:

- Ông ạ, tôi sẽ chiều theo ý ông. Mặc dù tôi xin nhấn mạnh một lần nữa tôi làm thế là ngược với suy nghĩ của mình.

- Nhưng mà... - ông Xta-nhi-xoáp định chống chế, - nhưng mà tôi...

- Ông? Ông á? Ông chồng của tôi ạ, ông đã dạy dỗ con không nên hèn! Chúc ông ngủ ngon!

Và phu nhân E-lê-ô-no-ra bước ra. Bà bước ra với cảm giác xấu hổ với bản thân mình. Lương tâm không cho phép bà tự đánh lừa bằng cách trút

một cách hình thức trách nhiệm về việc chịu nhượng bộ lên vai chồng. Tính cách chuyên quyền của bà nổi dậy chống lại tối hậu thư của con trai, và nếu như ông Xta-nhi-xoáp có một lời, chỉ một lời thôi, khuyến khích bà phải cương quyết - thì hẳn bà không bao giờ thay đổi quyết định của mình. Còn việc bà đến phòng ngủ của chồng hoàn toàn tin chắc rằng sẽ không được nghe từ miệng ông một lời khuyến khích như vậy - thì đó lại là chuyện khác.

Song ai nghĩ rằng phu nhân E-lê-ô-no-ra Trun-xka cam chịu nhận thất bại hoàn toàn thì người ấy vẫn chưa hiểu bà. Thực tình, bà cũng run cả người khi nghĩ rằng đứa con trai có thể thực hiện lời đe dọa của nó, nó sẽ đi đến tận cùng thế giới, song bà vẫn không thể thừa nhận sự đầu hàng của mình là sự từ bỏ tất cả mọi lợi ích.

Vì vậy, hôm sau bà gọi con đến và tuyên bố ngắn gọn rằng không phải vì áp lực của chàng, mà do sự thuyết phục của cha chàng, bà quyết định sẽ không đặt mua hàng của ông thợ yếm cương Vô-i-đư-uô nữa, song dưới một điều kiện. Đó là ngày hôm nay Lê-sếch phải đi Vac-sa-va, đến ở tại nhà chú Ô-ta-si một thời gian dài.

Bà cố tình không quy định thời hạn vì sợ nếu dài quá sẽ bị Lê-sếch từ chối. Song những lo xa của bà là không cần thiết. Sau một đêm ngủ không an giấc, sau nhiều loạt ý nghĩ phê phán, thậm chí chê trách, Lê-sếch hoàn toàn ngã lòng. Chính chàng cũng đang cân nhắc xem tốt nhất có nên ra đi hay chẳng, và chàng đón nhận kế hoạch của mẹ không một lời phản đối.

Bản thân chuyến đi xa đã tự động đẩy lùi niềm ham muốn lui tới thị trấn: tại ngôi nhà ồn ào náo nhiệt và vui vẻ của chú Ô-ta-si, nơi lúc nào cũng đầy các cô gái và các thiếu phụ trẻ trung, chắc hẳn thời gian trôi đi sẽ dễ chịu hơn nhiều so với ở cái địa phương thô kệch này, trong cái ao tù hãm đặc bùn này, giữa những chuyện vụn vặt, bẩn thỉu và thấp kém này.

Chàng nghĩ như vậy mãi cho đến khi những tòa nhà của khu ga bắt đầu chạy lùi lại đằng sau khung cửa sổ toa tàu. Nhưng đến khi những chiếc

bánh sắt bắt đầu gõ nhịp đều đều, đơn điệu thì những ý nghĩ bắt đầu hỗn độn, quay cuồng, và đột nhiên chạy tuột về một hướng hoàn toàn khác.

Nhưng đó là chuyện về sau.

CHƯƠNG X

Cuộc sống vẫn bình lặng trôi đi ở cối xay bột của ông lão Prô-cốp Sa-pi-en, thường được gọi là Prô-cốp Mi-en-nhich. Bầu trời xanh thẳm thanh bình soi bóng xuống mặt nước phẳng lặng của những cái đầm chứa tĩnh mịch, những cây gia toả ngát mùi mật thơm lừng, dòng nước - nguồn sống tốt lành - tuôn chảy thành một luồng khoẻ khoắn óng ánh sáng, vào guồng của cối xay, hết như một dòng thuỷ tinh không bao giờ cạn, vỡ tung ra trong những cánh guồng thành nhiều mảnh vụn trong suốt ngả màu lục nhạt mỗi lúc một rõ hơn, một trắng hơn, rồi tuôn xuống cái hốc trào bột trắng xóa, trong những tiếng rào rào róc rách không ngớt.

Dưới này là tiếng rào rào, còn trên kia là tiếng rì rầm đơn điệu, no ấm, mãn nguyện của những hạt lúa được đưa vào cối, để rồi dòng bột quý giá, mượt mà tuôn chảy xuống theo các máng. Chỉ cần đặt bao hứng vào dưới dòng bột mì ấy mà thôi.

Vì đã gần cuối vụ giấp hạt, cối xay cũng không có mấy việc. Chừng ba giờ chiều, anh thợ làm công Vi-ta-lix hạ tấm chắn và bánh xe quay chậm dần lại, dưới sức nặng của nước và đà quay, nó còn cố quay thêm một hồi hai vòng nữa, nghiêng ken két trên các trục bằng gỗ sồi, va chạm lạnh canh trong những bánh răng bằng sắt, ào ào tiếng ngũ cốc thừa dần rồi sau đó hoàn toàn yên tĩnh. Chỉ có làn bột mù mịt không một tiếng động rơi từ mái nhà và gác xép xuống đất, xuống những bao hứng, xuống chiếc cân bàn, đọng thành một lớp dày đến nửa ngón tay.

Các chủ cối xay khác, ít lương tâm hơn, đem thứ bột này bán cho người ta, riêng ông lão Prô-cốp thì bắt quét sạch để làm thức ăn cho bò và những con vật khác, vì vậy lũ bò, ngựa của ông cũng như đàn lợn, vịt, ngỗng và gà của mẹ A-ga-te, đều núc ních no nê như được nuôi bằng thức ăn của Chúa.

Từ ba giờ chiều trở đi không còn việc gì ở cối xay nữa, và thường vào giờ này, ông lang An-tô-ni Kô-si-ba bắt đầu lên phố. Ông giữ cho sạch bột

bám, mặc một chiếc sơ mi sạch, rửa kỹ mặt và tay bên cái gộc cây sát đầm nước, nơi xuống đầm tiện nhất, rồi đi Ra-đô-li-xki.

Mùa hè ít người ốm lui tới, có tới cũng chủ yếu là buổi chiều, sau lúc mặt trời lặn, khi ấy người ta rỗi rãi hơn.

Thời gian gần đây, tất cả người nhà, nhất là đám đàn bà, đều nhận thấy trong cung cách xử sự của thầy lang có những thay đổi đáng kể. Ông hình như bắt đầu chăm lo cho bản thân hơn, giày đánh xi bóng loáng, ông mua hai chiếc áo cánh vải màu, tía râu và tóc trước kia vẫn để dài phủ vai khiến ông giống như một cha cố chính giáo.

Nếu bàn về nguyên nhân của sự lịch sự kia, thì cô nàng Zô-nhia không hề còn một ảo tưởng nào hết. Đã từ lâu, bản năng đàn bà không bao giờ nhầm lẫn trong những chuyện kia đã mách bảo cô rằng chắc chắn cái ông An-tô-ni Kô-si-ba xưa nay vẫn thờ ơ lãnh đạm với cái duyên đàn bà đã tìm được cho mình một ả nào đó trong thị trấn rồi. Thoạt tiên, những nghi ngờ hướng vào bà Skốp-kô-va, chủ cửa hiệu, nhưng sau một cuộc điều tra ngắn ngủi, hóa ra là không chính xác. Ông An-tô-ni có lui tới cửa hiệu ấy thật nhưng chỉ để gặp gỡ một cô gái làm công trẻ măng ở chỗ bà Skốp-kô-va mà thôi.

Zô-nhia đã gặp cô gái ấy nhiều lần, chị vừa buồn vừa bực mình khi nghĩ đến cuộc tình kia.

- Này, ông lão kia ơi, - chị chàng vừa nói vừa nhìn ông thầy lang đang cọ rửa kỹ càng, - ông muốn gì nữa thế không biết? Con bé ấy có phải để cho ông đâu cơ chứ?... Gõ vào đâu thử đi ông ạ! Xí! Nó thì làm nổi việc gì kia chứ? Cứ việc mà tới lui thăm nom bằng thích thì thôi, nhưng hỏi được ích lợi gì không nào? Ông phải có một vợ làm làm khỏe mạnh, chứ không phải một con nhóc tay trắng kia đâu.

- Chứ sao! - Zô-nhia chống nạnh vẻ thách thức, - Tôi không chối. Tôi kém cạnh gì con bé ấy nào?... tôi không trẻ như nó hả?... Thế thì đã sao? An-tô-ni, ông hãy nghĩ kỹ lại đi, ông cần con bé trẻ măng ấy để làm gì?...

Lại còn là dân thành thị nữa chứ! Đổng đà đổng đánh. Mũ này mũ nọ. Chỉ tổ chuốc lấy tội vào thân thôi, ông ạ!

- Im đi, đồ ngốc! - rớt cuộc, ông thầy lang không chịu thấu, phải lên tiếng.

Và ông vừa bỏ đi vừa lẩm bẩm:

- Cái mụ ngốc ấy nghĩ gì không hiểu nữa chứ!...

Ông xem những điều mà Zô-nhia nói như đổ từ thùng không vào vại rỗng. Ông đâu có mơ màng gì đến chuyện vợ con, ông có ác cảm với phụ nữ, nguồn gốc của sự ác cảm đó ông cũng chưa bao giờ cân nhắc thử bao giờ, ông hơi sợ họ và phần nào coi khinh họ. Còn nếu nói về cô Ma-rư-sia ở trấn Ra-đô-li-xki thì lại là chuyện hoàn toàn khác. Ma-rư-sia khác hẳn những người khác. Khác đến mức ông xem việc so sánh cô với đám đàn bà còn lại là chuyện hoàn toàn vô vấn. Bản thân ý nghĩ của Zô-nhia về cuộc hôn nhân giữa ông và Ma-rư-sia đã ngu xuẩn đến mức không đáng phải nghĩ đến làm gì cho thêm bận. Nếu ông có nghĩ đến điều ấy chẳng thì cũng chỉ là nghĩ xem tại sao và từ đâu cái ý nghĩ vô vấn thế kia lại có thể nảy sinh trong cái đầu chật hẹp ấy.

Rằng ông hay tới cửa hiệu ư?... ừ thì hay lui tới đấy, nhưng thế đã sao? Rằng thi thoảng ông lại mang cho Ma-rư-sia chút quà ư?... Thế thì sao, ông không có quyền làm điều đó chắc? Rằng ông thích trò chuyện với cô ư?... Thật tội nghiệp một thiếu nữ, gần như hãy còn là một đứa trẻ, cô đơn, mồ côi mồ cút. Biểu lộ một chút tình với một người như thế thì có gì xấu?... Hơn nữa, đó lại là chút tình chân thành, không hề tính toán, không hề vụ lợi. Và chẳng ông cũng cảm thấy cô gái gắn bó với ông, cô cũng chân thành yêu mến ông. Nếu không, cô đã chẳng đón chào ông bao giờ cũng tràn trề niềm vui đến thế, nếu không cô đã chẳng giữ ông ngồi lại trong hiệu thật lâu đến thế, đã chẳng thổ lộ cùng ông những lo buồn phiền não của cô.

Trong những ngày gần đây cô không thiếu chi những lo phiền ấy. Từ hôm thứ hai, nom cô đã u uẩn, nhưng khi ông đến vào thứ năm thì ông nhận ra ngay là cô vừa khóc.

- Sao thế, cô bé của bác, - ông hỏi, - những người xấu bụng lại không để yên cho cháu sống sao?

- Không, bác An-tô-ni! Không phải thế! Có điều chính qua cái vụ rắc rối này mà xảy ra chuyện chẳng lành.

- Cho ai? - ông lo lắng.

- Cho ông Vô-i-đư-uô, cho ông thợ yên cương ấy ạ.

- Bất hạnh gì kia?

- Chắc hẳn cậu Trư-n-xki được ai đó nói cho hay rằng gã cựu học sinh trường dòng đã sỉ nhục cháu và cả chuyện đánh nhau kia nữa! Thế là hôm qua, ông thợ yên cương cho một cái xe chở hàng đã làm xong đến Lu-đơ-vi-kốp, thì họ không giao hàng mới cho ông làm nữa. Trước đó, ông Mô-xte-rơ-giây không có mặt tại thị trấn. Ông ấy đi Vin-nô mãi hôm qua mới về. Khi thấy chiếc xe không quay lại, ông ấy hỏi:

- Thế hàng mới đâu?

Người đánh xe trả lời:

- Bà chủ Lu-đơ-vi-kốp bảo tôi nhắc lại cho ông biết rằng sẽ không giao việc cho chúng ta nữa.

- Sao lại không giao? Họ đóng cửa nhà máy à?

- Nhà máy thì họ không đóng, - người đánh xe nói, - nhưng vì cậu con ông xúc phạm đến cậu chủ của họ, nên họ không muốn mang việc đến cho ông làm nữa.

Thầy lang đặng hăng.

- Thế là không công bằng. Sao cha lại phải chịu trách nhiệm về việc làm của con kia chứ? Con là thằng vô lại, còn cha là một người ngay thẳng và không hề có lỗi gì cả.

- Thì đúng như thế, - Ma-rư-sia đồng tình. - Chính cháu cũng nói với ông ấy như thế.

- Ai kia?

- Ông Mô-xte-rơ-giây ấy ạ. Mãi đến khi nghe người đánh xe nói vậy, ông ấy mới tìm hiểu và mới được biết có chuyện gì xảy ra. Trước hết, ông ấy đến gặp anh Xô-bếch, bắt tay anh ta và chúc mừng anh ấy đã cư xử đúng mức với con trai ông, sau đó ông ấy đến gặp cháu.

- Ông ấy muốn gì?

- Thoạt đầu ông ấy nghiêm nghị rồi nói: - Tôi đến để xin lỗi về hành động của thằng Zê-nôn nhà tôi. Nó là một đứa xấu tính và ngu ngốc. Cái thằng vô công rồi nghề ấy đáng bị trừng trị, và những gì nó được anh Xô-bếch tặng cho cũng vẫn quá ít. Tôi hiểu, ông ấy bảo, nó không quyền xúc phạm đến cô, có nghĩa là đến cháu ấy. Cô làm gì là việc cô, không phải chuyện của nó. Bà Skốp-kô-va đỡ đầu cô, quyền là ở bà ấy, không phải ở cái thằng ăn hại kia. Giá như cô đến gặp tôi phàn nàn, thì nó sẽ nhận được lãnh đủ phần của nó. Thế nhưng, ông ấy nói, cô lại than phiền với cậu chủ ở Lu-đơ-vi-kốp, khiến cho giờ đây, tôi, già cả và vô tội, mà cũng dám bị vạ lây, bởi lẽ người ta rút đơn đặt hàng của tôi, có nghĩa là hơn hơn một nửa công việc của nhà tôi.

Thầy lang ngạc nhiên:

- Nhưng cháu có than phiền với cậu chủ đâu?!

- Chính thế. Cháu cũng có nói với ông ông Vôi-đư-uô như vậy, nhưng hình như ông ấy không tin.

- Nào, thế nhưng bác vẫn chưa thấy có chuyện gì không lành ở đây cả.

- Không lành là chuyện khác. Sáng hôm nay ông lão Vôi-đư-uô đã đuổi con trai ra khỏi nhà!

- Đuổi à?... Sao lại đuổi?! - Thầy lang ngạc nhiên.

- Ông ấy rất nghiêm khắc. Cả thị trấn bàn tán về việc ấy. Và ai cũng bảo rằng đó là tại cháu... Nhưng cháu có lỗi gì đâu cơ chứ?... cháu có làm điều gì xấu đâu?...

Giọng Ma-rư-sia run run, mắt cô ứa lệ.

- Cháu những muốn đích thân chạy đến gặp ông Vô-i-đư-uô để van xin ông ấy tha cho Zê-nôn, nhưng cháu sợ... Và chẳng chắc ông ấy cũng chẳng để ý đến lời cầu xin của cháu. Cha xử đứng về phía Zê-nôn, người bảo rằng y hư hỏng thật, nhưng một khi đã bị ném ra khỏi nhà, y sẽ đi vào con đường tồi tệ hơn nữa... Nhưng cũng không giúp được gì cả. Ông lão nói rằng cứ để mặc y chết rục trong tù ông ấy cũng chẳng động lòng, bởi vì, ông ấy bảo đó không những chỉ là một thằng lười, một kẻ vô công rồi nghề, mà lại còn đi cướp miếng bánh của cha anh nữa.

Thầy lang lắc đầu.

- Chuyện đáng buồn, nhưng cháu không có lỗi gì ở đây cả, cô bé ạ.

- Chuyện cháu không có lỗi cũng chẳng ích gì! - Cô vắn vẹo hai tay, - một khi mà mọi người ai cũng trở tay vào cháu như một con tội phạm... ai cũng nhìn cháu gườm gườm... Ngay cả bà Skốp-kô-va cũng bị xúi giục chống lại cháu nữa. Chính tai cháu nghe một ông thợ mộc nói với bà Skốp-kô-va tại đây: - Bà giữ cái con bé tha phương ấy ở đây chỉ làm khổ mọi người và xúc phạm đến Chúa mà thôi.

Ma-rư-sia ôm mặt khóc òa lên.

- Cháu biết, cháu biết, - cô nước nở, - mọi chuyện rồi sẽ kết thúc ra sao... Họ sẽ căn xé cháu... Họ tước mất việc làm của cháu... Mà cháu thì chỉ những muốn, chỉ những muốn mọi sự tốt đẹp... nếu cậu Lê-sếch đến, cháu sẽ quỳ xuống van xin cậu ấy tha tội cho Zê-nôn... Nhưng cậu ấy... cậu ấy không đến... Cậu ấy không báo tin tức gì cả. Cháu chỉ còn thiếu nước ấy nữa thôi... Ôi, lạy Chúa, lạy Chúa lòng lành!...

Ông An-tô-ni Kô-si-ba ngồi lặng, hai bàn tay to tướng bất lực buông xuôi. Mặt ông tái đi vì xúc động. Ông sẵn sàng hiến cả linh hồn để cô gái thân yêu kia được giải thoát khỏi mọi đau khổ và lo buồn. Trong ông giằng giật thay nhau, lúc thì giận đùng đùng và ý muốn hành động ngay tức khắc, lúc thì cảm giác về sự bất lực của mình.

Thậm chí không thể có lời nào để an ủi cô. Ông bèn đứng lên, ôm lấy cô, vuốt nhẹ bàn tay thô ráp, bàn tay nhọc nhằn lao động của ông lên tóc

cô, mà nhắc đi nhắc lại:

- Nín đi, con bồ câu nhỏ, nín đi, con bồ câu!

Cô nép vào người ông, cả thân mình cô run lên trong cơn thốn thức. Một nỗi xót thương cô và thương thân choán ngập cả tâm hồn ông, ông thương cho sự cô đơn và sự bất lực của cả hai, khiến lệ ông cũng bắt đầu lăn trên má, trên bộ râu nhuộm bạc, trên những ngón tay đang hết sức âu yếm vuốt mái tóc màu sáng của cô gái.

- Nín đi, con bồ câu nhỏ của bác, nín đi, nín đi cháu... - ông nói rất khẽ.

- Chỉ còn mỗi mình bác, bác An-tô-ni ơi... cháu chỉ còn mỗi mình bác trên đời này thôi... con bé tha phương...

- Cả hai chúng ta, cả hai chúng ta đều là kẻ tha phương giữa những người xa lạ, con bồ câu của bác ạ! Nhưng cháu đừng lo, cháu đừng khóc nữa. Bác sẽ không để người ta làm khổ cháu đâu. Bác già thật, nhưng bác còn đủ sức... Một khi bác chịu khó, chịu khổ, thì cháu, con bồ câu nhỏ ạ, sẽ có đầy đủ mọi thứ. Nín đi, nín đi cháu... nếu như người ta hành hạ cháu nhiều quá, hãy đến ở với bác, ở cối xay. Chỗ bác không đẹp đẽ cũng chẳng giàu có gì đâu, nhưng đói rét thì cháu không bao giờ phải chịu, không bao giờ cháu phải thiếu tình thương... ở đó rừng bao la, những đồng cỏ mênh mông, chúng ta sẽ cùng đi hái cây thuốc, cháu sẽ giúp bác chữa bệnh cho mọi người nhé, con bồ câu nhỏ của bác... không một miếng lưỡi ác độc nào dám động đến cháu nữa, không một lời bĩ báng nào... Chúng ta sẽ sống sung sướng biết bao nếu có nhau, hai kẻ tha phương... Nín đi, con bồ câu nhỏ, nín đi nào...

- Bác tốt quá, bác An-tô-ni ơi, bác tốt biết chừng nào, - dần dần Mar-rư-sia bình tâm lại. - Cha đẻ có nhẽ cũng không thể tốt hơn bác... Sao cháu lại được hưởng tình thương ấy hở bác?

- Sao ư? - Thầy lang suy nghĩ. - Ai biết được? Thế bác đã làm gì để cháu nép người vào bác, con bồ câu của bác, để trái tim già nua của bác đây, trái tim chỉ còn đập vì thói quen chứ không phải vì cần thiết, lại ấm áp

như được mặt trời sưởi ấm... Chỉ một mình Chúa họa mới hay, còn bác, dẫu không hay biết vì sao, bác xin cảm ơn Người vì điều đó và bác sẽ cảm ơn cho đến khi nhắm mắt xuôi tay...

Một chiếc xe song mã dừng lại trước cửa hiệu, lát sau một ông khách bước vào. Ông ta mua giấy màu làm đèn lồng, chắc là vì sắp đến ngày hội mùa. Ông ta chọn lựa rất lâu, mặc cả và kêu ca vì giá quá cao.

Khi rút cuộc ông khách đã mang các gói hàng bước ra, thầy lang mới nói:

- Con bồ câu nhỏ của bác, cháu cho phép bác được nói thẳng những điều bác nghĩ chứ?

- Chính cháu cầu xin điều ấy, - cô mỉm cười nhưng không phải lo ngại sẽ được nghe những điều không dễ chịu sau lời giáo đầu ấy.

Và cô đã không nhầm: thầy lang bắt đầu nói về cậu Lê-sếch.

- Chính vì cậu ấy nên mới có tất cả những điều phiến toái và khổ sở này. Con bồ câu của bác, cháu cần gì ở cậu ta kia chứ?... Bác không bảo là cậu ta không tốt hay có hại, thậm chí mắt cậu ấy có cái nhìn trung thực nữa, nhưng cậu ấy còn trẻ quá, chưa chín chắn, một cái chong chóng mà thôi. Nhiều lần bác đã ngắm kỹ cậu ấy, cũng không ít lần bác thấy cậu ấy đến đây... Và rồi người ta xì xầm... Vì cậu ấy còn trẻ, còn lông bông quá, nên chẳng có gì đáng ngạc nhiên là người ta nghĩ cậu ấy có những ý đồ không đẹp. Chính bác, có Chúa chứng giám, không hề tin những nghi ngờ đó! Bác sẵn sàng chịu chết, cốt sao những lời người ta bàn tán cũng giống như tiếng chó sủa mà thôi. Nhưng cháu thấy đấy, con bồ câu nhỏ ạ, họ nói cũng có lý của họ... Cháu không thể buộc lười họ lại, không thể bịt mắt mọi người. Họ cứ nhìn và cứ nói. Nhưng cháu được gì ở những chuyện tán tỉnh ấy chứ? Chỉ có nguy hiểm mà thôi. Cháu còn trẻ, chưa có kinh nghiệm, cháu dễ tin ở lời hứa.

- Anh ấy chưa bao giờ hứa hẹn điều gì với cháu cả. - Ma-rư-sia ngắt lời ông, đỏ mặt và bối rối.

- Không hứa hẹn à?... Thế cậu ấy muốn gì?... Cháu phải nhớ rằng cậu ấy là một ông chủ lớn, giàu có, quảng giao. Cháu là gì đối với cậu ấy?... Ôi, chỉ là một thứ đồ chơi. Nhưng trái tim thì sẽ quen dần. Thì như bây giờ chẳng hạn: thiếu cậu ấy là cháu đã thấy nặng nề.

- Đó là vì chuyện khác...

- Có thể vì chuyện khác mà cũng có thể vì chuyện này, - ông hiền hậu gật đầu. Nhưng lấy cháu thì hẳn là cậu ấy không lấy. Vậy thì để làm gì?...

Ma-rư-sia cụp mắt nhìn xuống.

- Cháu hoàn toàn chưa nghĩ đến chuyện ấy. Cháu chỉ thấy nói chuyện với anh ấy thật dễ chịu. Anh ấy đi nhiều biết rộng. Anh ấy kể chuyện rất hay...

- Cứ để cậu ấy kể cho những cô khác. Tại sao cậu ấy lại chọn đúng cháu mới được chứ?

- Bởi vì... anh ấy nói là anh ấy mến cháu.

- Lại còn không mến được sao? Cậu ấy có mù đâu.

- Cháu không nghĩ là bác, bác An-tô-ni ạ, bác cũng có thể thấy có gì đó không hay trong chuyện này.

Thầy lang lấy tay che mặt.

- Xin Chúa hãy gìn giữ! Xấu thì không xấu, nhưng không cần. Mọi người đâm ra không ưa cháu, rồi chuyện phiền phức cũng bắt nguồn từ đó, mà thì chẳng ai được lợi lộc gì. Bác không chê trách gì cậu ấy. Không. Nhưng giá cậu ấy là người hoàn toàn đứng đắn, thì cậu ấy đã không khiến cháu, con bồ câu nhỏ ạ, phải thành đầu đẽ cho người ta xì xầm, đã không làm đầu của cháu phải quay cuồng, đã không phải ngồi đây hàng buổi.

- Nhưng... nhưng cháu đâu thể mời anh ấy ra được, - Ma-rư-sia thử chống chế.

- Và cũng không cần. Nếu cháu muốn nghe một lời khuyên tốt, một lời khuyên chân thành, cháu nên nghe bác và đừng trò chuyện với cậu ta nữa.

Thì rồi cậu ấy sẽ thôi lui tới đây. Nếu cháu không muốn thì bác cũng chẳng biết làm thế nào hơn được.

Ma-rư-sia suy nghĩ rất lung. Cô hiểu rằng lời khuyên của ông thầy lang vừa chân thành vừa rất đúng đắn. Dù sao đi nữa, dù chóng hay chầy, quan hệ giữa cô với cậu chủ Lê-sếch sẽ phải chấm dứt thôi. Hoặc cậu ấy lại bị một cơn đồng bóng nữa, hoặc cậu ấy cưới vợ. Thế là hết. Kéo dài quan hệ đó chẳng dẫn tới điều gì. Càng kéo dài lâu bao nhiêu, cô càng khó chia tay chàng bấy nhiêu và rồi nỗi nhớ nhung sẽ càng đau xót thêm bấy nhiêu mà thôi.

Chỉ mới vắng chàng có mấy hôm mà cuộc sống dường như là một nỗi cực hình... Nhưng mặt khác, phải chăng cô không sẵn sàng chịu đựng bao tháng năm tuyệt vọng để đánh đổi lấy, dù chỉ là vài tháng hạnh phúc được gặp chàng, được nhìn vào mắt chàng, được nghe lời chàng nói?...

Hồi ức về những niềm hạnh phúc gần gũi sẽ lưu lại mãi mãi trong tâm hồn, cho đến chết. Liệu có nên từ bỏ kho báu ấy không? Hay nên từ giã chàng vì nỗi hãi hùng trước niềm khổ đau, để cam chịu sống một cuộc đời trống rỗng, vô vị, không chút nội dung?...

Thầy lang rất tốt bụng và thông minh, nhưng trong trường hợp này biết đâu ông chẳng lầm?

- Bác An-tô-ni, cháu sẽ suy nghĩ về lời khuyên của bác, - cuối cùng cô nghiêm trang nói. - Cháu sẽ suy nghĩ kỹ, mặc dù điều ấy có thể là không cần nữa, vì chắc cậu ấy chẳng bao giờ đến đây nữa đâu bác ạ.

Và quả thực nhiều ngày đã trôi qua mà không hề có ai nhìn thấy cậu chủ Trưn-xki trong thị trấn hoặc quanh vùng.

Trong khi đó, ở đây, tin đồn cứ sôi cả lên. Hành động khắc nghiệt của ông lão Mô-xte-rơ-giây bị một số người này phê phán thì lại được những người khác ca ngợi. Song tất cả mọi ý kiến đều thống nhất ở hai điểm: thứ nhất, có thể thấy trước là Zê-nôn Vôi-đư-uô sẽ gặp cái kết cục rất xấu; thứ hai, người ta cho rằng kẻ có lỗi chính là Ma-rư-sia.

Thậm chí cả những người trước kia chân thành chào hỏi cô, bây giờ khi đi ngang qua mặt cô cũng cố tình giả vờ không nhìn thấy. Còn những kẻ khác thì mỗi khi gặp dịp đều lớn tiếng trình bày quan điểm của họ, và không tiếc những lời quá quắt. Mà thậm chí họ cũng chẳng phải người xấu hay thâm hiểm gì. Chỉ đơn giản là trong đời sống thông thường ở tỉnh lẻ, người ta đã quen với một số phong tục nào đó, khi có gì không tuân thủ khuôn khổ của những phong tục ấy, họ đều thấy đáng phê phán kịch liệt. Một cô gái lao động nghèo hèn quan hệ với một cậu chủ giàu có, tất không thể mong gì kết thúc bằng nghĩa vợ chồng, vậy thì cô ấy muốn gì mới được kia chứ?...

Cái lô-gíc của cách suy nghĩ ấy đặc biệt thích hợp với những kẻ nhiệt tình ca ngợi ông thợ yên cương đã đuổi cậu con trai vô công rồi nghề và hay gây sự ra khỏi ngôi nhà ông cha. Nếu như đến tuổi này mà không nên người thì chẳng còn gì có thể giúp được nữa cả. Không vâng lời cha mẹ, bây giờ cứ mặc y muốn nghe ai thì nghe. Cứ mặc y lang thang trong cuộc đời này, chứ đừng mang thêm tai tiếng cho một gia đình tử tế nữa.

Nhưng rõ ràng là Zê-nôn không hề có ý định bỏ đi xa. Ngày thứ nhất hẳn có biển đi đâu đó, nhưng ngày hôm sau hẳn đã trở về và bằng hành động của mình, hẳn đã chứng minh cho những ý nghĩ và những điều tiên đoán tồi tệ nhất. Hẳn nốc rượu say ở tửu quán ông Jut-ka, hết sạch cả tiền được cha cho, rồi sau đó hẳn gây sự khắp phố cho đến tận khuya, gào tướng lên rằng sẽ đốt trụi nhà ông bố, sẽ bắn chết hết cả họ Trưn-xki, sẽ đập bể đầu con bé Ma-rư-sia lẳng lơ kia.

Rốt cuộc hẳn xông vào tấn công một anh cảnh sát, giật đứt túi anh ta, rồi bị đưa đến đồn cảnh sát, hẳn đập vỡ cửa sổ ở đó, phá gãy cả bàn ghế. Người ta phải còng tay hẳn lại, giam cho một ngày, sau đó lập biên bản, cái biên bản tất yếu dẫn đến việc xử án và tất nhiên kèm theo hai tháng tù giam.

Nhưng vừa được thả ra Zê-nôn lại biến mất khỏi thị trấn, người ta đồn rằng hẳn vẫn chỉ quanh quẩn gần đâu đây.

Những sự việc kia không những chỉ làm chấn động dư luận thị trấn mà ở Lu-đơ-vi-kốp người ta cũng biết chuyện phu nhân Trưn-xka vội phái ngay một thằng bé đến gặp ông thợ làm yên cương báo cho ông biết rằng dù bà xem hình phạt của người cha đối với Zê-nôn là đúng đắn, song bà vẫn muốn cứu nó khỏi lăn vào vũng lầy, nên bà quyết định sẽ tiếp tục đặt hàng ở chỗ ông và hy vọng rằng ông Vô-i-đư-uô tha lỗi cho cậu con trai.

Song ông lão thợ yên cương là một người sắt đá. Ông cảm ơn vì chuyện đặt hàng, nhưng ông tuyên bố rằng: điều gì một lần ông đã quyết thì sẽ không bao giờ thay đổi, ông không bao giờ muốn trông thấy mặt đứa con khốn nạn ấy nữa. Không thể nào thuyết phục nổi ông.

- Ông xem đây, - sau đó phu nhân Trưn-xka bảo chồng, - ông hãy xem quan hệ của người cha với con trai là thế nào, nếu như người cha ấy có đầy đủ tính cách và nguyên tắc.

Ông Xta-nhi-xoáp vờ như không hiểu ý bóng gió này. Ông chỉ khẽ lầu bầu một câu gì đó rồi vẫn chìm đắm vào quyển sách đang đọc. Còn phu nhân E-lê-ô-no-ra thì đi đến kết luận rằng toàn bộ chuyện này có thể rút ra lợi ích về phương diện sự phạm đối với Lê-sếch, bà bèn bắt tay vào viết một bức thư rất dài gửi cậu con trai đọc nhất, tường trình đầy đủ mọi chuyện ở đây, kèm theo rất nhiều giáo huấn mang đậm tính sự phạm.

Nếu như Lê-sếch nhận được bức thư kia, hẳn nó sẽ có ảnh hưởng về phương diện đạo đức đến chàng. Tiếc thay, trong lúc thiên tuyệt phẩm của năng lực giáo huấn mẫu tử kia đang nằm trong toa thư của đoàn tàu lao mãi miết về hướng Vac-sa-va, thì người nhận lại đang trần trở trong một toa giường nằm của đoàn tàu đang phóng ngược về Lu-đơ-vi-kốp.

Chàng trần trở không sao ngủ được bởi lẽ trong lòng chàng đầy những dẫn vật nội tâm, không thể dùng một cái cờ hay một điều dối trá quanh co nào đánh lừa để khoá lấp đi được. Tất nhiên, ở nhà chú, chàng buồn chán đến nẫu cả người, nhưng không phải buồn vì lý do khách quan. Bạn bè đông đảo, đáng yêu và vui vẻ, trò vui đủ loại và chẳng phút ngừng, phụ nữ

đẹp tươi, đồ ăn tuyệt diệu, trời đẹp huy hoàng. Nguyên nhân của nỗi buồn chán ở ngay trong lòng chàng. Nói đơn giản là chàng nhớ.

Quả thực là xuân ngọc và thiếu đứng đắn khi một người đã trưởng thành, có lương tri tinh táo như chàng, lại nhớ nhớ nhung nhung hết như một cậu học trò miêng còn hơi sữa, đến cô gái tóc vàng bán hàng ở một cửa hiệu tí teo tại một thị trấn tí teo, mặc dù đã tự thuyết phục mình một cách có hiệu quả nhất, bất chấp những lý lẽ không thể bác bỏ nổi, bất chấp ý chí và các quyết định của chàng. Khi ra đi, chàng đã quyết một lòng dứt bỏ những tình cảm vớ vẩn và mớ bong bong của những chuyện vụn vặt, bản thủ nầy nòi từ những tình cảm kia. Nhưng chỉ vừa mới bắt đầu rời chân là đã có ngay những ý nghĩ hoàn toàn khác xuất hiện, chế ngự, vây hãm chàng, không để cho chàng lấy một phút yên lòng và ngơi nghỉ.

Thay vì nỗi chán ngán, không hào hứng, tâm tính chàng đột nhiên lại nảy sinh trạng thái thương tiếc, âu yếm và hứng cảm, trí tưởng tượng làm hiện ra trước mắt chàng những cảnh tượng huyền hoặc, trong đó chàng thấy Ma-rư-sia đang ở trong vòng tay của chàng hiệp sĩ mạo danh Xô-bếch kia, đang bị một đám tiện dân nhục mạ và chửi bới, hay đang bỏ về một phương trời vô định... trong chiếc áo khoác mỏng mảnh tồi tàn đã cũ bợt, đội chiếc mũ tí teo theo kiểu tỉnh lẻ đến buồn cười, với hành trang nghèo nàn của nàng đựng trong chiếc va-li tí teo sắt sất.

Cảnh tượng hiện ra rõ ràng khiến chàng kinh hoàng. Chàng bật dậy, mặc vội quần áo, gói ghém đồ đạc, bảo đánh thức ngay tài xế để đưa chàng về Vac-sa-va. Chàng để lại cho cô chú một bức thư giải thích rằng chàng chợt nhớ đến một chuyện vô cùng quan trọng phải làm ngay.

Tới Vac-sa-va còn hai tiếng đồng hồ nữa mới đến giờ tàu khởi hành. Chàng lang thang vô mục đích trên phố Mac-sau-kốp-xka, rồi dừng chân trước một chiếc nhẫn rất đẹp bằng bạch kim có gắn mặt đá xa-phia màu lam nhạt.

- Đó chính là màu mắt nàng, chàng chợt xúc động nghĩ và không kịp suy nghĩ đến việc mình đang làm, chàng bước ngay vào hiệu.

Chiếc nhẫn không đắt tiền lắm, tuy nhiên cũng hút trọn số tiền còn lại trong túi Lê-sếch sau khi đã mua vé tàu.

Giờ đây, không tài nào ngủ nổi, chàng rút chiếc hộp nhỏ trong túi áo choàng ra và ngắm nghía chiếc nhẫn. Cho đến nay, chàng chưa hề tặng cho Ma-rư-sia một chút quà nào cả. Thậm chí chàng cũng không hiểu nàng có đồng ý nhận một chút quà gì đó hay chẳng.

- Nàng sẽ nhận, - một ý nghĩ chợt bừng lên trong óc chàng, - nếu đây là nhẫn đính hôn

Đột nhiên chàng cảm thấy tim mình đập dồn.

Chàng giơ bàn tay mang nhẫn ra ngắm nghía ánh long lanh của viên đá ngọc.

- Đây chính là nhẫn đính hôn của ta, - chàng nói to thành tiếng.

Chàng ngẩng đầu, hăm hăm nhìn khắp cu-pê, dường như chờ đợi lời phản đối của một kẻ nào đó. Nhưng ngăn cu-pê trống rỗng, các bức vách lặng im, chỉ có tấm rèm cửa khẽ lắc lư theo nhịp bánh con tàu.

Chàng chìm đắm trong một cảm giác thanh thản mơ màng như giấc mộng. Giờ đây chàng đã hiểu hết, giờ đây chàng không còn một nghi ngờ nào nữa. Phải, chàng sẽ cưới nàng. Chàng sẽ có nàng, sẽ có nàng bên mình mãi mãi. Sẽ chấm hết nhớ nhung, chấm hết lo âu, chấm hết chia ly và chịu đựng.

Cứ mặc người ta gọi là điên! Bởi lẽ chính những kẻ gọi như thế không hề hiểu thế nào là điên khùng, một sự điên khùng vô vọng nhất, khi phải tự chống lại tình yêu của mình.

Và đó là một tội ác! Phải chăng con người được quyền dứt bỏ khỏi trái tim mình những tình cảm tốt đẹp nhất, cao quý nhất? Biết đâu có thể đó chẳng là tình cảm duy nhất biện minh cho sự tồn tại, tình cảm duy nhất là sự nở hoa kết trái của tâm hồn?... Chà đạp, tiêu diệt, từ chối nó được ư?... Vì cái lý gì mới được chứ?... Để được người đời thừa nhận à?... Ngu hết

chỗ nói! Vì kẻ khác mà phải chịu chối bỏ ngay bản thân mình, chối bỏ cái nội dung chính yếu nhất của mình, nỗi khát khao hạnh phúc của mình!

Ôi, chàng hiểu rõ lắm những khó khăn trở ngại đang chồng chất trên con đường định đi. Không một giây phút nào chàng có ảo tưởng rằng cha mẹ chàng sẽ đồng ý một cuộc hôn nhân như thế. Chàng không nghi ngờ rằng họ sẽ làm tất cả để ngăn chàng không đạt đến đích. Rồi dư luận xã hội, tất cả những người quen, họ hàng, đều sẽ được huy động để chống lại Ma-rư-sia. Chàng cần chuẩn bị để đấu tranh quyết liệt.

Nhưng chàng không hề e sợ cuộc đấu tranh ấy. Ngược lại. Chàng phấn chấn bởi nghĩ rằng một mình chàng dám đứng ra chống lại tất cả bảo vệ hạnh phúc của mình, hạnh phúc của chàng và của Ma-rư-sia, chàng sẽ phá tung các trở ngại, sẽ giữ vững trước những cuộc tấn công, sẽ chiến thắng, bởi vì chàng nhất định phải chiến thắng.

Trong đầu óc chàng đã hiện hình kế hoạch của chiến dịch. Chàng đã trông thấy những kho vũ khí và những mưu chước sẽ được người ta dùng đến để chống chàng. Đó là việc đe dọa tước quyền thừa kế hoặc sẽ tước quyền thừa kế thực sự, những lời chế giễu cay độc và những lời thóa mạ đếu cáng, những nghịch cảnh khó chịu và những cuộc rầy la, những cơn động kinh và ngất xỉu, những lời van xin và đe dọa. Và sẽ được bắt đầu bằng việc khóa két. Với các mối quen biết của họ, cha mẹ chàng chẳng khó gì mà không ngăn nổi cậu con trai tìm được một chỗ làm nào đó.

- Cần phải lưu ý trước chuyện đó, - chàng suy nghĩ.

Không có gì dễ dàng hơn là bỏ mặt nạ đi khi bước vào cuộc đấu, để rồi,... chịu thất bại. Đây đâu phải chỉ có cuộc đấu là quan trọng, mà chiến thắng cũng quan trọng. Phải làm sao để vẫn được ở lại nhà. Thực tình chàng có thể bí mật bán dần đồ đạc riêng tư rồi cùng Ma-rư-sia trốn đến một nơi tận cùng của thế giới. Nàng vốn quen với cảnh bần hàn, rồi thì chàng cũng sẽ quen được. Chàng còn trẻ, chàng sẽ tìm được việc làm ở một nơi nào đó thôi. Nhưng một cuộc chạy trốn như thế không mang lại cho

chàng điều gì đáng tự hào cả, và sẽ làm giảm đi niềm hạnh phúc giành được. Vì thế, ngay từ đầu phải loại bỏ nó.

Chàng có đầu óc đủ thực tế để gạt sang một bên những hành động kiểu Đôn Ki-hô-tê vẫn thường hấp dẫn chàng, một khi đứng trước những vấn đề quan trọng. Vì vậy, giờ đây chàng quyết định sẽ hành động thận trọng, phải nhìn xa trông rộng và phải hết sức bí mật.

Tạm thời chàng chưa muốn suy tính thật tỉ mỉ về chiến thuật sẽ dùng trong tương lai. Chàng đang say sưa với việc phát hiện những khát vọng đích thực của mình, chàng sung sướng khi lòng đã quyết, nên tất cả những thứ khác đều trở nên nhỏ bé, co lại, mất bớt ý nghĩa.

Việc cậu chủ Lê-sếch xuất hiện với vẻ mặt rạng rỡ, hết sức vui vẻ, đã gây nên một điều bất ngờ ở Lu-đơ-vi-kốp. Bởi lẽ trước hết người ta hoàn toàn không ngờ là chàng trở về, hai nữa, sự đổi thay ở chàng là hết sức rõ rệt. Sự cáu kỉnh trước đây, tính bất thần của các động tác, sự thờ ơ lãnh đạm đối với các vấn đề gia đình và tài sản, vẻ buồn chán xưa kia đều biến mất.

- Có điều gì xảy ra ở con thế, Lê-sếch? - phu nhân E-lê-ô-no-ra phải thừa nhận, hỏi con.

- Con đã thay đổi hoàn toàn, mẹ ạ. Con đã trở thành một người khác hẳn hay sao ấy.

- Mẹ rất muốn biết giai đoạn đáng mừng này có lâu bền không?

- Ồ, lâu chứ ạ. - Chàng mỉm cười đầy bí ẩn. - Con có cảm giác đây là giai đoạn cuối cùng trong sự trưởng thành của con. Cha mẹ thấy không, con đã suy nghĩ nhiều và đi đến kết luận rằng đã đến lúc phải bắt tay vào ổn định cuộc sống, bắt tay vào việc, sắp xếp lại mọi chuyện của bản thân cho ổn thỏa.

Ông Trưn-xki ngạc nhiên đến nỗi phải rời mắt khỏi tờ báo.

- Phải chăng điều đó có nghĩa là rốt cuộc con đã có ý định quan tâm đến nhà máy?

- Cha không nhầm đâu, thưa cha!

- Thế thì cha phải gửi điện cảm ơn đến chú mới được. Ở nhà chú con gặp được ai mà thay đổi hẳn như vậy? Hình như ở đó cũng khá đông người thì phải.

- Vâng, nhiều lắm ạ. Cả một đám đông, - chàng gật đầu sau một lúc suy nghĩ, chàng thêm: - Và chính trong đám đông đó, con đã bắt gặp... chính mình.

- À... Thế con có cảm tưởng gì qua cuộc gặp gỡ đó?

- Thoạt đầu khá khó chịu. Con đã được nghe nhiều lời phê phán không phải không có lý. Nhưng về sau rốt cuộc con hiểu rằng đã được gặp một người hiểu rõ điều anh ta muốn. Cả hai đều rất hài lòng vì chuyện đó.

Phu nhân E-lê-ô-no-ra cúi xuống hôn trán chàng.

- Xin chúc mừng cả hai cha con, tiện thể chúc mừng cả bản thân tôi nữa.

- Cảm ơn mẹ. Con xứng đáng được chúc mừng hơn là mẹ tưởng đấy, - chàng đáp lại vẻ trang nghiêm.

Cuộc trò chuyện ấy diễn ra vào buổi tối hôm sau khi ăn xong và đã khiến cho ông Trưn-xki nảy sinh những hy vọng tốt lành nhất. Cũng vì thế họ ngạc nhiên vô cùng khi sáng hôm sau, lúc được hỏi là cậu chủ còn ngủ phải không, người hầu phòng trả lời:

- Cậu chủ bảo mang ô tô đến và đã đi về hướng Ra-đô-li-xki rồi ạ.

CHƯƠNG XI

Cha xứ, linh mục Pe-o-ka, là một người đã có tuổi. Cụ ít ngủ và thức dậy rất sớm. Và sự thiếu chính xác trong hệ thống tiêu hóa đã khiến cho cụ cảm thấy rất khó chịu khi đói lòng. Vì vậy, những ngày thường thì trước bảy giờ người ta đã rung chuông gọi đi lễ và đúng bảy giờ linh mục Pe-o-ka bước ra trước ban thờ.

Muốn kịp đi lễ, Ma-rư-sia phải dậy lúc sáu giờ và vì thế nàng ngủ không đầy giấc. Song việc cầu nguyện tại nhà thờ đã khiến nàng được nhiều phần an ủi, nên đã nhiều ngày nay nàng không bỏ sót một buổi cầu nguyện nào. Nàng quỳ vào một góc sau đài giảng và cầu nguyện nhiệt thành, cầu xin Chúa tha cho nàng những lỗi lầm đã qua, giải thoát cho nàng khỏi nỗi buồn lo đang đè nặng lòng nàng, cầu Chúa ban phước cho người nàng yêu thương.

Đại phong cầm đệm theo dàn đồng ca những giai điệu nhà thờ kỳ ảo, trong đó không hề có nỗi buồn hay niềm vui, mà chỉ vang ngân một nỗi yên bình lạ lùng, toàn năng nào đó của sự vĩnh hằng, nỗi yên bình như từ trời cao tuôn xuống thế gian trong những đêm sao sáng.

Nỗi yên bình ấy tràn ngập trong lòng nhà thờ, đọng cứng lại trong các pho tượng màu trắng của các vị thánh tông đồ cùng các bậc tiên tri, tan chảy trong những đường viền cũ kỹ của những bức tranh già nua, vang lên trong những lời kinh cầu tiếng Latinh thốt ra từ trước ban thờ và tràn ngập những tâm hồn bị đẩy đọa của con chiên đang khát khao tìm đến với sự bình yên nơi đây.

Khi rời khỏi nhà thờ, Ma-rư-sia dường như mê mẩn bởi niềm an lạc nơi thiên giới kia, nàng trở nên lặng lẽ và cam chịu số phận. Trong những giờ ngắm nguyện và nhập hồn nơi Chúa, nàng không dám nghĩ gì sâu xa về những chân lý lớn lao đã một thời được hiển linh do ý Chúa. Và chẳng nàng cũng không thể. Song nàng cảm thấy rất rõ hơi gió của chốn vĩnh hằng kia, hơi gió mang lại cho nàng, một cô gái bé nhỏ, nghèo hèn, bị mọi người lãng quên, không cần thiết cho một ai, niềm tin vững chắc rằng ở

một nơi nào đó xa xôi, trong khoảng không gian vô bờ bến kia, nàng vẫn có một người che chở, một đồng minh vĩ đại, toàn năng đang mở đôi mắt vô hình nhưng thấu suốt đời theo nàng.

Hàng ngày, nàng bước ra khỏi nhà thờ với một cảm giác lạ lùng rằng rồi sẽ xảy ra, ngay gần đây thôi, một điều gì đó, rằng tất cả sẽ đổi thay, một hạnh phúc nào đó sẽ đến với nàng vào lúc không ngờ nhất. Niềm tin ấy mạnh đến nỗi buổi sáng hôm ấy, từ nhà thờ trở về, nàng thậm chí không hề ngạc nhiên khi gặp chàng Lê-sếch trước cửa hiệu. Nàng chỉ không sao kìm nổi niềm vui dào dạt mà thôi.

- Thế là ông đã đến, - nàng run run nhắc đi nhắc lại, - thế là ông đã đến...

Và nếu nàng có khả năng quan sát thấy điều gì trong trạng thái xúc cảm kia, thì nàng cảm thấy chàng có vẻ nghiêm trang và tập trung hơn trước. Nàng xấu hổ khi chàng hôn tay để chào nàng ngay trên đường phố, trước mặt mọi người.

Vừa vào đến trong nhà, chàng đã cầm tay nàng, nhìn thẳng vào mắt nàng mà bảo:

- Tôi chưa từng yêu ai như yêu em. Tôi không thể sống thiếu em. Em có đồng ý làm vợ tôi không?

Chân Ma-rư-sia nhũn ra, nàng thấy quay cuồng trong óc.

- Ông nói gì... ông nói gì cơ... - nàng ấp úng.

- Ma-rư-sia, tôi cầu xin em đồng ý làm vợ tôi.

- Nhưng... đó là điều không thể! - Nàng gần như kêu lên

- Sao lại không thể?

- Xin ông hãy nghĩ lại! - nàng rút tay ra khỏi tay chàng, - ông nói điều đó không nghiêm chỉnh!

Chàng nhúm mày.

- Em không tin tôi sao?

- Không, không! Em tin, nhưng ông có nghĩ rằng... Lạy Chúa! Sẽ ra sao đây! Cha mẹ ông... Những người ở đây, ở thị trấn này... Họ sẽ đầu độc cuộc đời ông, sẽ nỏ mồm nỏ miệng... Họ sẽ cắn thù em...

Trưn-xki gật đầu.

- Chính thế. Tôi đã cân nhắc tất cả những điều đó. Tôi hiểu rằng sẽ có nhiều, có thể là rất nhiều điều phiền toái, nhiều thủ đoạn thâm hiểm, nhiều điều xúc phạm chờ đón chúng ta. Nhưng khi phải lựa chọn giữa những cái đó với việc chịu mất em, tôi sẵn sàng gánh chịu tất cả. Vì một lý do hết sức giản đơn: tôi yêu em. Còn nếu như em không hiểu được tình yêu ấy thì rõ ràng tôi đã nuôi ảo vọng đối với tình cảm của em: em hoàn toàn không yêu tôi một chút nào hết.

Nàng nhìn chàng trách móc.

- Em? Em mà lại không yêu ông?...

- Ma-rư-sku!

Chàng ôm ghì nàng trong vòng tay và hôn như mưa. Sự cuồng nhiệt và sức mạnh chàng dùng để ghì nàng vào ngực đã khiến Ma-rư-sia hoàn toàn bất lực. Nàng không thể và cũng không muốn cưỡng lại. Lúc này đây, nàng vô cùng sung sướng. Nàng sẵn sàng thề rằng từ thuở khai thiên lập địa đến nay chưa một cô gái nào được sung sướng như nàng.

Nếu có khi nào trong suy tư nàng cảm thấy có điều gì dù nhỏ nhất oán trách Lê-sếch thì giờ đây chúng đều tan biến hết, không để lại một mảy may dấu vết. Dĩ nhiên, nàng không hề tin rằng cả hai có thể đi đến một cuộc hôn nhân chồng vợ. Điều đó là một việc không thể. Nhưng chỉ riêng quyết tâm của chàng, cái quyết tâm rõ ràng là chân thành kia, chỉ riêng thiện ý của chàng, chỉ riêng việc chàng thắng bản thân mình vì nàng, chứng tỏ tình cảm chàng rất sâu sắc và bản tính chàng là phi thường. Nếu lúc này người ta hỏi nàng xem có thể có một ai giàu giá trị phẩm chất hơn chàng chăng, nàng sẽ phản đối ngay với một lương tâm hoàn toàn trong sạch.

Chàng đã tự chiến thắng, bởi lẽ dĩ nhiên chàng đã phải tự vượt lên niềm tự hào của chàng, vượt qua lòng tin rằng các tiểu thư giàu có và xinh đẹp nhất đều ao ước làm vợ chàng, rằng những gia đình danh giá nhất đều muốn chọn chàng làm rể, rằng có rất ít kẻ sánh ngang chàng về gia tư, tài sản và học thức. Bởi chững chàng thích khoe chức tước danh hiệu của bạn hữu, chàng nói đến đám người thị trấn với kẻ khinh khi, bỉ báng đến như thế kia mà.

Thế mà đột nhiên chàng muốn lấy nàng làm vợ. Nàng, kẻ mà ngay cả đối với cái thị trấn bé tí teo đến tức cười này vẫn chỉ là đứa con gái tha hương, một cô gái mồ côi nghèo, không gia đình, không bè bạn (ngoại trừ một ông lão thầy lang quê mùa), không chút tiền của giắt lưng. Dầu so với các cô gái khác ở Ra-đô-li-xki nàng có học thức hơn mà nhờ mẹ mà được giáo dục theo kiểu khác, nhưng biết đâu học thức, cách cư xử và quan hệ giao tiếp của nàng lại chẳng khiến chàng phải hổ thẹn trong môi trường của chàng?...

Cha đẻ nàng, người đã mất khi nàng còn là một cô gái vài tuổi đầu, hình như vốn là một thầy thuốc, cha dưỡng nàng, người mà nàng yêu thương như cha và cũng gọi là cha, chỉ là một viên chức kiểm lâm bình thường của một gia đình quý tộc, mẹ nàng xuất thân từ gia đình danh tiếng đấy, nhưng trong vùng này bà cũng chỉ được biết đến như một cô giáo dạy nhạc và dạy ngoại ngữ nghèo, về sau chỉ là một người may thuê vá mướn.

Liệu những người như vợ chồng ông bà Trun-xki, những người thuộc tầng lớp trên, nơi người ta chú trọng nhiều đến xuất thân và gia thế hơn cả giới quý tộc nòi có bao giờ đồng ý để con trai họ kết hôn với một người như thế?...

Khi những ấn tượng ban đầu qua đi, Ma-rư-sia bắt đầu nói với Lê-sếch về chuyện đó. Chàng chăm chú lắng nghe, không hề ngắt lời, nhưng khi nàng vừa nói xong, chàng bảo:

- Nhưng tất cả những cái đó có nghĩa gì đâu?... Chúng có hề làm thay đổi một thực tế là chúng mình yêu nhau?...

- Không, đó là những điều không thay đổi được. Em sẽ mãi yêu anh, người duy nhất của em, đến khi nhắm mắt! - nàng khẽ thì thầm.

- Nhưng hình như em với điều đó không quan trọng đến mức phải chiến đấu vì nó, phải chịu đựng tất cả những lo buồn phiền não thì phải.

Nàng lắc đầu.

- Ồ, không! Không phải vì em! Em sẵn sàng chấp nhận tất cả mọi hy sinh, chịu đựng tất cả mọi nhọc nhằn. Nhưng còn anh...

- Anh thì sao? - chàng hỏi như giận dỗi.

- Còn anh... Việc ấy sẽ làm anh bất hạnh và sẽ khiến anh mất hào hứng. Sẽ bẻ gãy anh...

Chàng bật dậy, vịn vẹo hai bàn tay.

- Ma-rư-xka! Ma-rư-xka! Em không xấu hổ sao? Em xúc phạm đến anh! Tại sao em lại không tin ở anh đến thế nhỉ?...

- Không phải vậy, - nàng phản đối, - em tin chứ. Nhưng em không có quyền bắt anh chịu đựng những điều đó. Em không thể trở thành vật buộc chân anh. Thế này em cũng đủ hạnh phúc, đã đủ sung sướng lắm rồi...

- Ồ, thật là đẹp. Thế là em thấy sung sướng rồi đấy, còn anh thì mặc kệ chứ gì? Sao?... Anh cứ việc tiếp tục bất hạnh, chỉ bởi em nghĩ vợ vẫn rằng sẽ thành vật nặng buộc chân anh. Em hãy thấy xấu hổ đi nhé! Một cô gái thông minh và chín chắn đến thế mà lại thốt ra những điều vô nghĩa như thế kia! Và nói chung, ai ủy nhiệm cho em được quyền quyết định số phận của anh nào?... Cô ấy không có quyền bắt tôi phải chịu! Nhưng chắc anh thì vẫn có quyền chứ?... Anh muốn, anh nhất thiết phải làm thế, chấm hết! Thế em cho anh là một kẻ vô dụng, nhất thiết phải phụ thuộc vào cha mẹ đấy à? Phải chăng thế giới không đủ rộng để hai ta có thể tìm thấy chỗ nương thân? Sao em không nghĩ rằng trong trường hợp có xung khắc với gia đình, một khi chúng mình đã quá ngán cuộc xung khắc ấy, chúng ta sẽ có thể đi đến nơi khác?... Em đừng lo! Em chưa hiểu hết anh đấy. Anh không

thuộc loại người dễ yên cho kẻ khác thổi vào đĩa cháo đang ăn đâu. Rồi em sẽ thấy! Và chẳng cũng không có gì phải bàn nữa. Đã quyết định, chấm hết!

Chàng tươi cười và lại ghì lấy nàng vào người lần nữa.

- Ít nhất thì em cũng đừng nên gây khó khăn cho anh trong cuộc chiến đấu ấy vì cuộc chiến đấu hạnh phúc của em, của anh, của hai chúng ta... Em sẽ làm anh phát điên lên mất và anh sẽ bắn vào sọ cho rồi đời!

- Anh Lê-sếch! Anh thân yêu nhất, anh yêu quý nhất đời của em! - nàng xiết chặt vòng tay quanh cổ chàng.

- Rồi em thấy, Ma-rư-sien-kô của anh, chúng mình sẽ là đôi vợ chồng hạnh phúc nhất trên thế gian này!

- Vâng, vâng! - nàng nép vào người chàng. Nàng không còn chút năng lực nào nữa để suy nghĩ, phản đối, chống cự. Nàng tin vào nơi chàng, bằng niềm nhiệt thành và ý chí của mình, chàng đã chiến thắng những nỗi nghi ngờ của nàng.

Lê-sếch rút trong túi ra một chiếc hộp nho nhỏ, và lấy chiếc nhẫn ngọc xa-phia ra khỏi hộp.

- Đây là dấu hiệu bảo hộ của anh, - chàng vui vẻ nói khi lồng chiếc nhẫn vào ngón tay nàng. - Để em luôn nhớ rằng em là sở hữu không thể chia sẻ nỗi của anh.

- Nhẫn đẹp quá!

- Những viên đá ngọc này có màu mắt em đấy, Ma-rư-sien-ku!

Nàng ngắm nghía mãi chiếc nhẫn, cuối cùng nàng thốt lên vừa ngạc nhiên vừa thành kính:

- Thế ra em đã là... hôn thê rồi chẳng?...

- Phải, em thân yêu, em là vị hôn thê của anh.

- Hôn thê... - nàng lặp lại và nói thêm vẻ buồn buồn - Còn em, chưa thể tặng anh một chiếc nhẫn nào cả... Em chưa có. Chiếc nhẫn cuối cùng, chiếc nhẫn của mẹ em, đã bị bán đi để... lo ma chay. Nhẫn ấy cũng có xa-

phía, mẹ em rất yêu nó dù nó chẳng đáng bao nhiêu tiền, nó giản dị hơn chiếc nhẫn này nhiều.

Mắt nàng rớm lệ.

- Em đừng nghĩ đến chuyện buồn nữa, - chàng bảo. - Dù không có nhẫn đính hôn, anh cũng không sao quên được rằng mình đã là một kẻ nô lệ, kẻ nô lệ sung sướng nhất, kẻ hoàn toàn không mong được giải phóng.

- Lạy Chúa, lạy Chúa! - Nàng thì thào. - Đầu em quay cuồng hết cả. Mọi chuyện đến sao bất ngờ...

Chàng cười.

- Ôi, có lẽ không bất ngờ lắm đâu. Chúng mình quen nhau đã được hai năm rồi còn gì.

- Vâng, nhưng em không thể ngờ rằng nó lại được kết thúc như thế này!

- Kết thúc theo cách tốt đẹp nhất mà người ta có thể hình dung nổi

- Em thật khó tin rằng đây không phải là giấc mơ, rằng đây là sự thật, và nói thật tình... em sợ...

- Em sợ gì Ma-rư-si-en-kô?

- Rằng... em cũng không biết nữa, em sợ tất cả sẽ tan đi, sẽ biến mất, rằng một kẻ nào đó sẽ chia rẽ chúng mình.

Chàng cầm tay nàng.

- Dĩ nhiên, kho báu quý giá nhất của anh ạ, cần phải hết sức thận trọng, cần phải vô hiệu hóa mọi sự can thiệp, cùng các ý đồ tương tự. Vì vậy chúng mình phải tuyệt đối giữ bí mật. Không một ai, tuyệt đối không một ai được biết chuyện chúng mình hứa hôn. Anh đã sắp xếp một kế hoạch đầy đủ. Một khi anh biến kế hoạch ấy thành hiện thực, chúng mình sẽ làm lễ cưới ngay lập tức. Then đã cài, họ có muốn chống ngược đầu xuống đất cũng chẳng làm gì được nữa. Có điều em phải ghi nhớ: im lặng!

Ma-rư-sia bật cười.

- Không thể thì em cũng chẳng hờ với ai đâu. Người ta sẽ cười em, không một ai tin đâu. Và chẳng thừa cậu chủ Lê-sếch, cậu nghĩ rằng em có ai đó để tâm tình sao... Có nhẽ chỉ mỗi mình bác An-tô-ni.

- Ông thầy lang ở cối xay ư?... Không, em cũng đừng nói với ông ấy. Được không?

- Em xin hứa danh dự.

Và Ma-rư-sia đã giữ lời hứa. Nàng đã giữ lời hứa, mặc dù ngay từ ngày hôm ấy việc nói ra sự thật sẽ giúp nàng thoát được nhiều điều khó chịu.

Những chuyện khó chịu ấy bắt đầu từ việc bà Skốp-kô-va bước vào hiệu. Người phụ nữ vốn nhân hậu, rõ ràng đã chịu tác động bởi bầu không khí đang chế ngự toàn trấn Ra-đô-li-xki. Gặp cậu chủ Lê-sếch trong hiệu, bà đành hanh ngồi sau quầy hàng, để cho chàng hiểu rằng bà sẽ ngồi đấy thật lâu. Khi chàng trai bước ra, bà giận giữ lên tiếng:

- Cô không nhớ một chút nào hết! Đầu óc cô loạn cả lên rồi hay sao! Tôi đã được trả công chăm lo nuôi nấng cô như thế đấy!

- Lạy Chúa lòng lành! Ma-rư-sia nhìn bà khẩn khoản - nhưng cháu có làm gì xấu cho bà đâu ạ?

- Là gì xấu hả? - bà Skốp-kô-va nổi xung. Cô làm cái việc để cả thị trấn chỉ trỏ vào mặt tôi, rằng tôi đã dung túng cho những sự như thế! Làm xấu à?... Làm cái việc là ngay trong cửa hiệu của tôi lại diễn ra những sự ấy!...

- Nhưng là những sự gì kia?!

- Đồi phong bại tục! Phải, đồi phong bại tục! Nhục nhã! Tôi giáo dục cô như thế đấy hả? Tôi chăm lo vun đắp cho cô để đến bây giờ người ta sỉ nhục tôi phải không? Cái cậu chủ ấy, cái gã Đông-gioăng ấy, cái anh chàng chải chuốt bánh bao muốn gì ở đây mới được chứ?

Ma-rư-sia nín lặng. Bà Skốp-kô-va ngừng một lát rồi lại tự trả lời câu hỏi của mình.

- Tôi sẽ báo cho cô biết cậu ấy muốn gì! Tôi bảo cho! Cậu ấy sẵn cái phẩm hạnh của cô đấy! Phải, thế đấy! Cậu ấy muốn biến cô thành nhân tình của cậu ấy! Còn cô, thật là ngu, cô lại đong đưa cặp mắt để mời chài cái đồ xỏ lá ba que kia, mong nó mang nổi nhục nhã, mang sự diệt vong đến cho cô! Cô có biết cái gì chờ đợi cô khi cô mắc mồi không hả... Một cuộc đời hèn hạ, một cái chết nặng nề, một sự nguỵên rủa đời đời sau khi chết!... Nếu cô chưa đủ khôn thì phải nghe tôi, nghe con mụ già này này! Cô tưởng tôi thích múa lười thế này lắm đấy phỏng? Cho khoái khẩu chứ gì?... Có chớ nó thích chuyện ấy. Tim tôi tan nát ra như có ai lấy dao băm vằm. Một mụ đòng đánh đờ mả như mụ Krô-pi-đuốp-xka chạy đến gặp tôi, chưa gì đã quàng quạt lên rằng tôi mù à, tôi không thấy à? Cái gã mô-tô hay gì gì ấy lại dựng xe trước cửa hiệu kia rồi? Những là sao tôi lại phó mặc cho con đờ đầu làm chuyện đòi truy báng bổ thần thánh như thế?... Tôi bảo bà ta: này Krô-pi-đuốp-xka thân mến, xin lỗi bà chứ, đó không phải là việc của bà, không phải việc của bà là như thế nào, là ra làm sao kia mà! Nhưng nếu bà muốn biết thì thưa bà, bột bánh ấy nó đã nở bông lên quá cái liễn rồi, nó trào ra khỏi vung rồi, vậy mà bà muốn tôi phải chạy ngay đến hiệu phỏng? Mụ ta bèn trả lời: bà cẩn thận đấy, bà Skô-péc thân mến ạ, kéo bột bánh ấy nó nở quá, nó trương quá, đến nỗi cô con nuôi của bà bị phồng ở chỗ mà ai cũng biết ấy!... Tôi nghe đến câu ấy, tôi tưởng như máu trong người nó buột hết cả ra!... Mà đó là tại cô! Cô đã trả ơn tôi, đã đáp lại tấm lòng tôi, trái tim tôi như thế đấy!... Để bất cứ một con mụ khố rách áo ôm nào cũng có thể mang cô ra xía xối tôi... Trong những ngày tuổi già này...

Bà Skốp-kô-va mũi lòng thút thít khóc.

Ma-rư-sia cầm lấy bàn tay bà định hôn, nhưng hăn người đàn bà ấy đang quá bức mình, bà giăng tay ra, kêu lên:

- Xin lỗi, xin phải không giúp gì được cô hết!

- Thưa bà nhưng cháu có gì phải xin lỗi đâu ạ? - Ma-rư-sia phản đối

- Sao, sao kia? - Bà Skốp-kô-va hăng giọng.

- Vâng, đúng thế ạ. Mọi người hay bà Krô-pi-đuốp-xka nhìn vào đâu cũng thấy cái xấu. Nhưng ở đây có gì mà xấu. Bà đã đánh giá ông Trưn-xki quá thiên lệch. Ông ấy không hề có ý định nào như thế cả. Đó là một con người rất cao quý và trung thực.

- Cậu ấy không móc túi ai! - Bà Skốp-kô-va nổi xung - nhưng nếu nói về gái thì mỗi gã đàn ông đều là một con lợn, giống nhau hết.

- Hoàn toàn không phải thế. Người khác có thể, cháu không rõ, nhưng ông ấy không thế.

- Cô đang có miếng mồi dữ trước mũi đấy thôi^[38], cô ạ. Tôi bảo thật cô nhé, cô cứ mời ngay cậu chủ ra cửa cho tôi, nếu cô còn muốn giữ danh giá. Danh giá và sự chăm lo của tôi bà nhấn mạnh thêm.

- Làm sao cháu có thể mời ông ấy ra được ạ? Thế cháu phải bảo ông ấy là cháu không muốn ông ta vào hiệu nữa sao?

- Chính thế đấy!

Khi đó ông ấy sẽ có quyền nói với cháu rằng đây không phải hiệu của cháu, hơn nữa ai cũng có quyền ra vào cửa hiệu.

- Vào nhưng không phải chỗ tán tỉnh.

- Trừ phi cháu bảo ông ấy rằng bà muốn thế.

- Cô cứ bảo thế cũng được.

- Nhưng rồi sẽ ra sao nếu ông ấy phật ý? Nếu như ông bà Trưn-xki thôi không mua hàng ở hiệu ta nữa như đã không mua hàng của ông Mô-xte-rơ-giây?

Bà Skốp-kô-va sa sầm nét mặt. Chính bà cũng lo điều này và cái lễ tuy không chân thành lắm nhưng được Ma-rư-sia đưa ra đúng lúc đã làm nhiệm vụ của mình.

- Nào, bà lắm bẫm, không thể thế được. Nhưng tôi vắn vẹo cô mà làm gì? Tự cô cũng biết cách xua đuổi cậu ta.

- Xin bà bảo cháu phải làm thế nào, - Ma-rư-sia vẫn khăng khăng.

- Vậy thì tôi sẽ bảo cô! Bà Sköp-kô-va chấm dứt cuộc tranh luận, quyết định trong lòng là sẽ đi hỏi ý kiến cha xứ.

Trong khi đó, ngày nối nhau trôi đi, nhưng không ngày nào chàng kỹ sư không ghé qua chỗ Ma-rư-sia, dù chỉ nửa tiếng đồng hồ. Có điều chàng ngồi trong cửa hiệu ngắn hơn trước, bởi giờ đây chàng rất ít thì giờ. Cha mẹ hài lòng thấy chàng bắt tay vào công việc ở nhà máy. Chàng lần lượt làm quen với sổ sách kế toán, với bộ phận hành chính, khu vực sản xuất, khai thác nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm. Chàng tính toán, ghi chép, và trong những cuộc trò chuyện với cha mẹ, vô tình chàng đưa ra vài dự án tổ chức lại, hoàn toàn đúng đắn và nghiêm túc.

Cha chàng lớn tiếng khen ngợi, mẹ chàng vẫn im lặng, điều mà ở bà lời khen có ý nghĩa nhất. Một buổi chiều bà hỏi:

- Lê-sếch, con có ý định giúp cha mẹ một cách có hệ thống và lâu dài trong việc điều hành nhà máy chứ.

- Vâng, thưa mẹ. Nhưng với vài điều kiện nhất định.

- Những điều kiện đó là như thế nào?

- Thưa mẹ, con muốn ổn định hoàn toàn. Con hiểu chuyện đó thế nào chứ?

- Bình thường thôi ạ! Con muốn có khuôn khổ công việc nhất định, có quyền hạn nhất định, có cương vị được xác định rõ ràng...

Phu nhân E-lê-ô-no-ra nhìn chàng không khỏi ngạc nhiên.

- Nhưng con là con của cha mẹ kia mà

- Con cảm thấy rất sung sướng vì điều đó, - chàng mỉm cười cúi đầu, nhưng riêng điều đó chưa đủ chính xác hóa cương vị của con. Mẹ thấy đấy, con thích những chuyện rõ ràng. Hết sức rõ. Về phương diện luật pháp cũng vậy. cho đến nay con lấy của cha mẹ một số tiền mà chắc chắn con không làm ra nổi. Còn bây giờ, con muốn làm việc và muốn có lương. Lương cố định. Con chưa muốn cha mẹ trao cho con toàn quyền điều

khiến. Nhưng giả thử cha mẹ giao con con điều hành khâu sản xuất chẳng hạn.

- Nhưng hiện nay có gì cản trở con đâu.

- Đúng vậy, cũng có thể cha mẹ xem con là một đứa kỳ quặc, nhưng con không thể, con không muốn, và sẽ không làm việc cách nào khác đâu. Con hiểu rõ mẹ định bảo con điều gì thừa mẹ. Mẹ sẽ bảo con là người thừa kế của cha mẹ, rằng tất cả mọi thứ này một ngày kia sẽ là của con và thật buồn cười khi chọn một chức vụ trong xí nghiệp của chính cha mẹ đẻ. Nhưng cha mẹ biết đấy, để có được hạnh phúc, được yên ổn về tinh thần và được hài lòng về bản thân, con cần phải có một sự độc lập cá nhân nhất định. Con phải có công việc của con, cương vị của con, đồng lương của con. Và đó là điều kiện của con.

Ông Trưn-xki đưa tay làm một động tác nửa vờ.

- Điều kiện hơi lạ, nhưng thật ra cha không thấy có lý do gì để xem đó là điều vớ vẩn.

- Con cần cái ấy để làm gì? Phu nhân Ê-le-no-ra hỏi ngắn gọn, nhìn vào mắt con thăm dò.

- Thừa mẹ, liệu mẹ có thỏa thuận không nếu con thừa rằng đó là mong muốn được tự lập?

- Sự tự cấp có thể được sử dụng một cách rất không hay đấy.

- Chắc hẳn thế. Nhưng cha mẹ hoàn toàn có thể vững tâm nếu đặt ra điều kiện bổ sung. Chẳng hạn, nếu như khẳng định được rằng con không đảm nhiệm tốt bổn phận của mình, về sản xuất bị sụt giảm về số lượng hay chất lượng, rằng tổ chức bị hủy hoại, hoặc giả nếu có những thiệt hại gì đó do lỗi của con, thì cha mẹ có quyền cách chức con

Ông Trưn-xki cười:

- Con nói hết như chúng ta sẽ ký một hợp đồng đúng thể thức vậy.

- Sao lại không ạ? - Lê-sếch giả bộ ngạc nhiên.- Tình trạng càng rõ ràng càng khiến cho mối quan hệ càng thêm dễ dàng. Con muốn được là một nhân viên bình thường, giống như ông Ga-vô-lôi-xki hay ông Xu-pếch chẳng hạn. Họ có hợp đồng. Trong những bản hợp đồng ấy, họ có những khoản thu nhập, có nhà ở và tiền thưởng. Con không thấy có lý do gì khiến cha mẹ từ chối không ký với con một hợp đồng như thế.

Im lặng, Lê-sếch cả thấy rằng chỉ lát nữa thôi tự miệng bà mẹ sẽ bật ra câu hỏi: - Con cần cái ấy để làm gì?... Chàng hăng giọng và nói thêm:

- Con chỉ có thể là một viên chức có trách nhiệm và có kỷ cương trong trường hợp con hiểu được rằng con được hợp đồng quy định buộc phải thế. Nếu không con sẽ dễ dàng nghĩ rằng ta là con của ông bà chủ và cùng lắm họ sẽ sẵn sàng tha thứ cho con sự tắc trách hay chệnh mảng. Lẽ ra cha mẹ phải thấy hài lòng vì con đã tự nguyện mang lấy cái ách ấy chứ.

- Được thôi. - Phu nhân Ê-lê-no-ra trầm ngâm đáp lại. - cha mẹ sẽ cân nhắc chuyện này.

- Cảm ơn cha mẹ.- Lê-sếch đứng dậy, hôn tay mẹ, hôn trán cha rồi bước ra.

Chàng làm bộ thản nhiên và vui vẻ, song thực ra trong lòng chàng run lên khi nghĩ rằng cha mẹ sẽ thấy hết các dự tính của chàng và cương quyết từ chối. Chính vì thế để đẩy lùi mọi nỗi nghi ngờ, chàng bắt đầu lui tới thăm viếng các trang chủ khác trong vùng, đi thăm cả những người láng giềng khá xa xôi, khi trở về chàng thuật lại những tin tức mới cùng những chuyện đồn đại. Trong đó chàng chú trọng đặc biệt đến việc mô tả diện mạo của các cô tiểu thư khác nhau. Điều đó nhằm gây cho cha mẹ chàng ấn tượng rằng sự ổn định mà chàng đang khao khát hướng tới gắn liền với các kế hoạch hôn nhân của chàng, và những cuộc viếng thăm kia nhằm mục đích tìm chọn ý trung nhân.

Từ Lu-đơ-vi-kốp có một con đường chạy về hướng tây dẫn thẳng tới Ra-đô-li-xki. Nhưng nếu thêm vào chừng mười cây số nữa, có thể tới được thị trấn bằng đường vòng qua Bô-giư-xki và Vi-xku-nư. Và muốn phòng

xa, từ đó trở đi, chàng Lê-sếch nhà ta chỉ sử dụng con đường vòng đó mà thôi. Chàng chỉ đi đường thẳng tới Ra-đô-li-xki khi nào chàng chỉ có thể biện minh sự có mặt của mình tại thị trấn bằng các nhu cầu mua sắm gì đó. Và những khi ấy chàng phóng như điên để giành giật thêm cho mình mười lăm phút trò chuyện với Ma-rư-sia.

Vì phải nghiên cứu tình hình nhà máy nên giờ đây chàng thường rảnh vào buổi chiều. Chính vì thế chàng nhiều lần gặp thầy lang Kô-si-ba trong cửa hiệu. Chàng hơi ngại người đàn ông râu ria nghiêm trang, có đôi mắt u buồn và đôi vai rộng này. Chàng tin chắc rằng thầy lang nhìn mình không mấy thiện cảm, thậm chí có phần ác cảm, mặc dù Ma-rư-sia cam đoan đó là con người tốt nhất trên dương thế.

- Có thể bác ấy có chút thiếu tin tưởng ở anh,- nàng nói, - nhưng chính anh có lỗi. Nếu anh cho phép em thổ lộ với bác việc đính ước của hai chúng mình, em tin chắc rằng bác ấy sẽ yêu mến anh ngay lập tức.

- Thế thì anh thà cứ thận trọng còn hơn.- chàng mỉm cười - Còn phần anh, anh sẵn sàng chờ đón những biểu hiện tình cảm của bác ấy. Anh sẵn sàng chịu thiệt!

Nàng nhìn anh vẻ trách móc

- Lê-sếch, thật chẳng đẹp tí nào khi anh chế giễu người tốt bụng đến thế, người bạn lớn của em.

- Xin lỗi em, em yêu. Nhưng anh có cảm giác, anh nghĩ rằng địa chỉ tình cảm ấy không thật tương hợp với em. Có thể ông thầy lang ấy là mẫu mực của lòng ngay thẳng, thậm chí có thể ông ấy biết chữa bệnh, điều mà anh không tin mấy, nhưng dù sao lão cũng chỉ là một nông dân thuần túy. Em đánh bạn với một người bình dân chất phác như thế để làm gì?

Nàng lắc đầu.

- Đánh bạn để làm gì?... Lê-sếch, anh thấy không, anh có đủ cha mẹ, anh không hiểu thế nào là mồ côi. Khi không có một ai, hoàn toàn không có một ai. Khi ấy, mỗi bàn tay chìa về phía ta, mỗi bàn tay, đều là bàn tay chai

sạn nhất, làm lụng nhiều nhất đều là cả một kho báu, một kho báu lớn lao. Một kho báu không sao kể xiết. Anh không hiểu nổi điều đó đâu!

- Nhưng anh hiểu, Ma-rư-si-en-kô, anh hiểu chứ! - Lê-sếch xấu hổ. - Và quý tha ma bắt anh đi nếu như anh không đền đáp lại cho ông lão trung hậu kia, người đã đối xử như thế với người anh yêu quý nhất, với người duy nhất của anh... Anh cũng mến ông lão mà.

Ma-rư-sia kể cho chàng nghe ông thầy lang đã hứa với nàng điều gì khi nàng lo bị mất việc ở hiệu bà Skốp-kô-va.

- Bây giờ chắc là anh thấy tấm lòng của bác ấy rồi chứ? - Nàng kết thúc câu chuyện kể.

Lê-sếch xúc động.

- Phải, đó là một tấm lòng khác thường. Nhưng chúng mình cũng sẽ không chịu kém. Chỉ cần mọi sự xong xuôi, con người ấy sẽ được nhận một ngôi nhà đàng hoàng ở Lu-đơ-vi-kốp và sẽ được nuôi dưỡng trọn đời. Em biết không, hễ ai dọn đi một viên đá nhỏ dưới chân em, người ấy sẽ được anh hàm ơn. Còn tạm thời, khi nào gặp bác ấy, anh sẽ cho bác ấy ít tiền....

Ma-rư-sia cười:

- Rõ ràng anh không hiểu bác ấy rồi. Bác ấy chẳng bao giờ lấy tiền đâu. Bác ấy chữa bệnh phần lớn là không công. Ngoài ra anh còn bảo bác ấy là một người nông dân thuần túy. Anh biết không, em hết sức nghi ngờ điều đó.

- Nhưng vì sao cơ chứ?

- Anh biết không, hình như bác ấy biết tiếng Pháp đấy?

- À, bác ấy có thể đã từng lưu vong. Biết bao nông dân đã đi tìm việc làm ở Pháp.

- Không mà, - nàng phản đối. - Giá như chỉ có thế thì bác ấy có thể biết nói tiếng Pháp là cùng. Nhưng đằng này bác ấy biết đọc tiếng Pháp mà

còn là thơ nữa chứ. Có điều anh đừng hờ ra với ai, lạy chúa, rằng anh biết chuyện ấy nhé.

- Sao vậy?

- Bởi chỉ cần nhớ tới điểm ấy thôi thì cũng gây cho bác ấy một ấn tượng khủng khiếp rồi. Em tin chắc có một bí ẩn to lớn lắm trong chuyện đời bác ấy.

- Vậy em cho rằng đó là một trí thức tự giấu mình trong bộ quần áo nông dân?

- Em không biết bác ấy có tự giấu mình không. Nhưng em sẵn sàng thề rằng một người như bác không thể phạm vào một điều gì nhục nhã có thể buộc bác ấy phải ăn náu. Bác ấy là trí thức, anh hãy lưu ý đến ánh mắt của bác ấy, một số cử chỉ, đến cách nói năng. Cũng có thể đó là huyền tưởng. Nhưng mỗi khi trò chuyện với bác, em có cảm giác rằng về phương diện trí óc, bác ấy cao hơn hẳn em.

- Cũng có những nông dân thông minh chứ. - Lê-sếch lưu ý và trầm ngâm suy nghĩ

Lát sau chàng thốt lên:

- Được rồi! Có một cách rất đơn giản. Hoàn toàn dễ dàng, chúng mình có thể thẩm tra bác ấy để xem bác ấy có phải là trí thức không, hay chỉ là một nông dân thuần túy. Chỉ cần khéo léo một chút.

- Lê-sếch, bằng bất cứ giá nào em cũng không muốn...

- Anh biết, anh biết! Anh cũng không hề có ý định ấy đâu. Anh không hề muốn can thiệp vào những bí mật của bác ấy, nếu như chúng có thật đi nữa. Anh chỉ muốn xác minh thôi. Anh xin đảm bảo là bác ấy không hề nhận ra nữa kia.

- Cũng thế thôi, - nàng làm ra vẻ mặt không hài lòng. Vẫn không đẹp tí nào.

- Tùy em, anh không làm chuyện đó cũng chẳng sao, - Lê-sếch ưng thuận.

Nhưng chàng chỉ ưng thuận bề ngoài thôi, chàng vẫn quyết định sẽ tiến hành thử ngay lúc nào có dịp thuận tiện. Bản tính chàng ham thích lý giải những điều bí mật. Ngay khi còn là một cậu bé, chàng đã say mê đọc Ka-rôn May^[39], rồi sau đó là các chuyện trinh thám của Cô-nan Đoi-lo^[40]. Ngay cả những chuyện bí mật thường tình cũng tác động đến chàng một cách mê hoặc.

Cách thức mà chàng chợt nghĩ ra quả thực cũng không có gì phức tạp. Chỉ cần trong khi trò chuyện với ông lão thầy lang, chàng dùng thêm các từ mà một người nông dân thông thường không thể hiểu nổi nghĩa. Nếu như ông ta hiểu được nghĩa của câu nói hoặc câu hỏi, thì đó sẽ là một bằng chứng hiển nhiên chứng tỏ ông ta không phải là loại người ông muốn đội lốt. Và khi ấy mới có thể tiếp tục điều tra về nguyên do...

Một hôm gần đó, trong khi đi đường vòng tới Ra-đô-li-xki, chàng gặp thầy lang trên đường từ thị trấn trở về. Chàng dừng xe, cúi chào rồi trở tay vào một bó cây thuốc mà hẳn ông đã hái trong rãnh bên đường và hỏi:

- Thứ này chữa bệnh gì thì tốt, thưa ông Kô-si-ba?

- Đây là bạch chỉ. Trợ tim. - Thầy lang đáp lại lịch thiệp nhưng lạnh lùng.

Để lấy lòng ông lão và hướng ông vào một cuộc trò chuyện dài hơn, chàng đùa:

- Thế ông có thứ thuốc nào hữu hiệu nhất đối với tình yêu hay không?

Thầy lang ngược mắt nhìn lên trả lời rành rẽ:

- Thưa cậu, - Đối với tình yêu, thứ thuốc tốt nhất là tính trung thực.

Ông lão ngả mũ chào rồi tiếp tục bước đi.

Lê-sếch đứng lạng hồi lâu, hoàn toàn bất ngờ trước câu trả lời không hề chờ đợi, rồi sau đó đoán ra điều mà thầy lang định nói, chàng lẩm bẫm

một mình:

- Không thể không công nhận là ông ta thiếu "esprit d`à propos"^[41]

Đến thị trấn chàng thuật lại cho Ma-rư-sia nghe cuộc gặp mặt kia rồi nói thêm:

- Phải thừa nhận rằng ông ấy khiến anh hơi phật ý, anh không đáng để nhận cái đơn thuốc ấy.

- Nhưng bác ấy có biết thế đâu, - nàng lưu ý.

- Chính thế. Anh sôi cả lên, chỉ muốn nói hết sự thật với ông ta. Nói chung anh mệt mỏi vì phải giữ điều bí mật ấy. Anh chỉ muốn thông báo cho tất cả mọi người biết chuyện đính ước của chúng mình. Nhưng anh chưa được phép. Không được phép. Vội vã quá chỉ tổ làm hỏng các kế hoạch của anh mà thôi.

Chính vì thế, không những chỉ riêng đối với Lu-đơ-vi-kốp, mà ngay cả Ra-đô-li-xki, Chàng cũng không muốn ai phải lưu ý đến những cuộc thăm viếng của chàng. Đôi khi chàng để mô-tô trước quán ăn hoặc trên sân nhà ông Gla-ze-rơ, lái ngựa rồi đi bộ đến cửa hiệu. Dù sao cũng đỡ chọc vào mắt người ta hơn.

Hắn là không có tin đồn gì mới truyền đến Lu-đơ-vi-kốp nên cha mẹ chàng không hề nhắc nhở đến điểm gì cả, cả hai tận tình theo dõi công việc của cậu con trai tại nhà máy. Họ cũng không trở lại câu chuyện quyết định kia. Câu chuyện mà Lê-sếch cũng không muốn đề cập trước vì e rằng cha mẹ chàng sẽ nhìn thấy những động cơ riêng tư nào đó trong sự sốt ruột của chàng.

Một hôm thứ sáu nọ chàng gặp lại ông lang Kô-si-ba. Lần này trong cửa hiệu. Ông lão đang trò chuyện với Ma-rư-sia và khi Lê-sếch bước vào, trên khuôn mặt rộng đầy râu của ông hầy còn vương một nét cười. Rõ ràng ông đang vui vẻ và Lê-sếch quyết định tận dụng ngay cơ hội này để tiến hành thí nghiệm dự tính. Chàng chào hỏi ông với vẻ thân thiện vô tư nhất, rồi như thuận miệng chàng hỏi:

- Quê ông ở vương quốc, vậy ông không thấy nhớ quê hương bản quán hay sao?

- Tôi cũng chẳng còn ai ở đó, nên cũng không nhớ nhưng gì.

- Thế thì lạ thật. Tôi còn ít tuổi và thiếu kinh nghiệm, nhưng tôi nghe những người già nói rằng ở nơi đất khách quê người họ thường bị hành hạ bởi nỗi hoài vọng cố hương, Thế ông không cảm thấy nỗi hoài vọng cố hương hay sao?

- Cảm thấy cái gì cơ? - Thầy lang hấp háy mắt

- Nỗi hoài vọng cố hương. - Lê-sếch nhắc lại, vẻ thản nhiên

- Không.- Ông lắc đầu. - Nơi đây cũng cùng một đất nước, phải đâu đất khách quê người.

Lê-sếch vẫn thấy chưa chắc chắn lắm, chàng nhận xét thêm:

- Đúng vậy, nhưng người cũng khác, phong tục cũng khác. Bao giờ cũng vẫn khó thích nghi.

Thầy lang nhún vai

- Tôi đã lang thang khắp thế gian. Đâu cũng là nhà, mà chẳng đâu là nhà cả.

Thế vẫn chưa khiến Lê-sếch hài lòng. Thầy lang có thể đoán ra nghĩa của một từ chưa hiểu thông qua cả câu. Cần phải đặt câu hỏi hết sức chính xác.

- Và ở đây người ta cũng đối xử tốt với ông thì phải - chàng nói.- Nhiều lần tôi được nghe nói thế. Hình như ông có lưu lượng bệnh nhân lớn?

Ông Kô-si-ba gật đầu.

- Đúng thế, nhất là mùa xuân và mùa đông. Mùa hè người ta ít ốm hơn.

Tim Lê-sếch đập dồn. Gần như chàng tin chắc rằng những ước đoán của Ma-rư-sia là chính xác. Chàng bèn thêm:

- Ông có thể tạo dựng cả một sản nghiệp giá như ông không có thiên hướng nhân từ rõ rệt.

Hoặc ông lang không chú ý rằng mình đang bị khảo sát, hoặc ông dừng dừng với việc người ta đặt bẫy phục ông, ông mỉm cười nhân hậu.

- Đó không phải là sự từ thiện, - ông nói, - Đơn giản là tôi phải giúp đỡ những người đang đau đớn, còn tài sản thì... tôi chẳng cần thiết gì. Là một người giàu, ông khó lòng hiểu nổi chuyện ấy.

- Nhưng tại sao?

- Vì lẽ tài sản khiến người ta mù mịt đầu óc. Người ta xây dựng sản nghiệp cốt để phục vụ một điều gì đó, có thể giúp ích được một công chuyện gì đó. Nhưng một khi đã gây dựng được rồi, của cải sẽ làm lu mờ tất cả và sẽ buộc con người ta sẽ chỉ phục vụ cho chính nó, chính cái của cải ấy mà thôi.

- Nghĩa là từ vai trò phương tiện chuyển thành mục đích?

- Chính thế.

- Xuất phát từ giả thiết ấy, thì nói chung việc có được bất cứ một chút gì đó cũng đều là nguy hiểm bởi lẽ con người ta rất có thể biến thành nô lệ cho chính tài sản của mình?

- Thì đã hẳn, - Ông lang ôn tồn đáp. - Nhưng sẽ chỉ nguy hiểm một khi con người ta không hiểu điều ấy, khi người ta mê muội đi rồi.

Ma-rư-sia im lặng lắng nghe cuộc nói chuyện kia, nàng đoán được rằng Lê-sếch khai mào nhằm mục đích kiểm tra những điều nghi vấn của mình. Giờ thì nàng không còn nghi ngờ gì nữa rằng nàng đã có lý. Ông lang Kô-si-ba chắc chắn không phải là một người nông dân bình thường. Trong đời đã từng có lúc ông được học hành hoặc được sống trong môi trường những người có học thức. Chính Lê-sếch cũng đi đến kết luận ấy.

Sau khi ông lang bước ra, chàng bảo:

- Em biết không, thật đáng suy nghĩ! Con người này suy nghĩ những vấn đề trừu tượng, biết suy diễn lô-gíc và hiểu rất rõ những từ mà người bình dân không bao giờ dùng. Anh dám đem đầu ra thề rằng ở đây quả thực ẩn giấu một điều bí mật nào đó.

- Anh thấy chưa?

- Nhưng lúc này anh không nghĩ về việc đó. - Lê-sếch nói tiếp, - anh ngạc nhiên hơn bởi một mặt khác của vấn đề này. Con người kia rõ ràng rất thông thái. Cứ giả sử cho rằng do những nguyên nhân chưa rõ nào đó ông quyết định đóng giả một người nông dân bình thường. Chắc ông ta cần phải thế, một khi ông ấy đã sống lâu dài như một nông dân, lao động như nông dân, ăn mặc như nông dân, thậm chí nói năng như nông dân. Ấy thế mà bỗng nhiên ông ấy lại để mình bị lôi cuốn vào một cuộc trò chuyện ngẫu nhiên, cuộc trò chuyện cho phép anh phát hiện ra học thức của ông ấy... Điều này quả thực không sao hiểu nổi! Sao lại thế được? Ông ấy đã làm biết bao điều để đóng vai một kẻ tiện dân, đã làm tất cả để rồi bị lôi kéo vào cái bẫy thế kia ư? Thật khó ăn nhập vào nhau lắm. Hình như ông ấy không cần phải che đậy nữa hay sao ấy. Quý thật kia! Điều bí ẩn này hấp dẫn anh rồi đấy.

Ma-rư-sia cầm tay chàng.

- Thế mà anh thấy đấy, anh chẳng tốt tí nào hết. Anh đã hứa với em rằng sẽ không làm việc ấy kia mà. Em sẽ không làm việc ấy kia mà. Em sẽ không thể tha thứ cho anh nếu như bác An-tô-ni có thể gặp phải một điều không hay nào vì anh, mà cũng gián tiếp là vì em.

- Em cứ yên tâm, em yêu ạ. Không bao giờ xảy ra chuyện đó đâu. Nếu anh có phát hiện ra điều gì, thì đó là bí mật riêng của hai ta thôi. Và chẳng, chúng mình đâu có thì giờ lo đến việc của người khác nữa, phải không em?... À, thế quyền nhật ký thì sao?

Nàng đã hứa sẽ mang đến cho chàng quyển nhật ký dẫu đã bị bỏ lơ suốt ba năm trời nay, nhưng gần như là biên niên sử của đời nàng từ thuở bé đến nay.

Nàng trao cho chàng một tập dày cộp đóng bìa vải thô.

- Em muốn anh đọc hết cái này, - nàng nói, má ửng hồng. - Nhưng xin anh đừng cười đấy nhé! Chớ có cười em đấy! Ngày xưa em ngốc ời là ngốc ấy, và em cũng không rõ với ngần ấy tháng năm em có khôn lên được chút nào chẳng.

- Em là thiếu nữ thông minh nhất mà anh được gặp, - chàng cam đoan với nàng bằng những lời nồng nàn và vui vẻ. - Bằng chứng rõ rệt nhất là em nhận ra anh.

- Nếu đó là thước đo của trí thông minh, - nàng bật cười, - thì anh đã tự chuốc cho mình một bằng chứng xấu khi chọn một thứ vô nghĩa lý bé nhỏ như em.

- Cái vô nghĩa bé nhỏ ấy đối với anh lại là tất cả.

Tối hôm ấy, khi đi ngủ, Lê-sếch mở trang đầu nhật ký và bắt đầu đọc:

"Tôi là Ma-rư-sia Jô-lan-ta Vin-tru-rúp-na. Mười tuổi. Cha đầu của tôi đã mất, tôi sống cùng người cha thứ hai và mẹ tôi tại sở kiểm lâm thân yêu của chúng tôi ngay chính giữa rừng đại ngàn Ô-đrư-nhe-xki..."

Những nét chữ cong queo, vụng về kết thành những lời bình thường mộc mạc, những lời giản dị, dàn ra thành đường lượn sóng kéo hết trang này sang trang khác.

Bất giác, chàng mỉm cười mà mắt thoáng ướt khi đọc những trang giấy kia, những trang giấy yêu thương, quý báu nhất trên đời, những trang hết ngày này sang ngày khác, tháng này tiếp tháng nọ, năm này nối năm kia cho phép chàng thấy được những niềm vui bé nhỏ nhưng vô cùng xúc động, thấy được cái linh hồn trong sáng, thanh sạch, mẫn cảm và nhạy bén kia, những trang giấy cho phép chàng đi cùng thời thơ ấu của nàng, những năm thiếu nữ của nàng, cùng hòa đồng với chúng, và để càng khao khát hơn, sao cho không bao giờ còn có điều gì chia cách chàng với nàng nữa.

CHƯƠNG XII

Những chiếc lá phong đỏ đầu tiên bắt đầu rụng khỏi cây. Hã còn là mùa thu sớm. Ấm áp, yên tĩnh, rực nắng. Ngày thường, những người đi cày vẫn ra đồng, trên đường cái quan, những cỗ xe chất nặng bao hàng nối đuôi nhau lũ lượt, nhưng ngày chúa nhật thì khắp nơi đều vắng vẻ. Chỉ có tiếng lũ dế gáy ri ri, chỉ có một cánh chim nào đó chợt bay vù lên trên ruộng lúa mạch đen, theo một đường bay bình thản, không hề sợ sệt, hoặc một chú thỏ nặng nề chạy ngang qua đồng.

Trong bầu không khí yên lặng ấy chợt vang lên tiếng động cơ xe mô-tô ròn rã. Chiếc xe mô-tô vượt qua con đường rẽ vào cối xay, từ đường cái lớn ngoặt vào một đường nhánh chạy giữa các lùm cây. Cậu chủ Trun-xki phóng rất nhanh, song chàng là một tay lái vững, còn Ma-rư-sia, trong những chuyến đi đầu tiên còn hơi sờ sợ, song lúc này ngồi trên ghế sau đã cảm thấy hoàn toàn yên lòng. Chỉ những chỗ ngoặt gấp, nàng mới bám vào người bạn đồng hành chặt hơn theo bản năng.

Con đường dẫn đến khu rừng Vi-xkun-xki, chủ nhật nào họ cũng đến đấy. Thường thường, sau bữa trưa, Ma-rư-sia đi ra con đường cái quan bên ngoài thị trấn và họ gặp nhau ở đấy, cách xa con mắt dòm dỏ của người đời. Hiếm khi họ bắt gặp ai khác nơi đây và trong trường hợp có gặp, Ma-rư-sia cũng không phải lo là sẽ bị nhận diện. Bộ quần liền áo màu lục, chiếc mũ cứng và đôi kính đã khiến nàng thay đổi đến không nhận ra. Từ đây đến rừng chùng độ sáu cây số, cả hai sẽ ở lại đó đến chiều. Buổi chiều, Lê-sếch lại đưa Ma-rư-sia về Ra-đô-li-xki, rồi chàng theo đường vòng trở về Lu-đơ-vi-kốp.

Việc phải dùng những biện pháp đề phòng hết sức thận trọng là điều cần thiết, bởi lẽ những cái lưỡi độc địa sẽ không chừa lại cho Ma-rư-sia một chỗ nào không bới móc, nếu người ta biết rằng nàng thường đi chơi tay đôi với chàng kỹ sư trẻ tuổi vào rừng.

Song ngày chủ nhật ấy, trong khi giúp Ma-rư-sia cài khuy bộ áo liền quần, Lê-sếch nói:

- Đây sẽ là hoạt động bí mật cuối cùng của chúng mình.

Trong giọng nói của chàng có gì đó thật chín chắn.

- Sao lại cuối cùng? - Ma-rư-sia hỏi.

- Vì ngày mai chúng mình sẽ công bố với mọi người là chúng mình đính ước.

Ma-rư-sia sững sờ.

- Anh nói gì thế, anh Lê-sếch! - Nàng thì thào.

Nàng chột hải hùng trước điều sẽ phải đến. Tất nhiên, nàng tin ở vị hôn phu. Tin vô hạn độ. Nhưng ở tận một chốn thăm sâu nào đó trong tiềm thức vẫn tồn tại trong nàng một nỗi hoài nghi thầm lặng và u buồn nào đó. Nàng không muốn suy nghĩ về tương lai. Hiện tại đẹp đến nỗi khiến cho bất cứ một điều gì có thể xảy đến cũng hình như là một điều kém đẹp hơn mà thôi.

- Nào, ngồi lên, em thân yêu. - Lê-sếch giục, - hôm nay chúng ta phải có thật nhiều thời gian để hoạch định tất cả mọi chuyện.

Nàng im lặng ngồi lên yên. Luồng không khí bao giờ cũng khiến nàng hơi ngộp, nhưng hôm nay thì nàng gần như mê mẩn. Nàng không thể ngờ rằng việc ấy có thể xảy đến nhanh như thế, và chẳng nàng không hề biết chuyện công khai hóa việc đính hôn của họ phụ thuộc vào điều gì. Nàng không biết và đã không thể biết, bởi vì sau khi cân nhắc kỹ càng, Lê-sếch đã quyết định sẽ giấu không cho nàng biết những kế hoạch của chàng.

Vào đúng ngày hôm qua chàng đã thực hiện hết những dự định ấy, và giờ đây trong túi chàng đã nắm gọn bản hợp đồng đúng thể thức nhất. Tài liệu ấy chứa đựng một thỏa ước ba năm giữa cha mẹ và đứa con trai. Theo hợp đồng, chàng Trưn-xki trẻ tuổi sẽ đảm nhiệm cương vị phụ trách sản xuất trong nhà máy, với một số lương tuy không cao nhưng hoàn toàn đủ dùng.

Việc lừa cha mẹ để đạt đến bản hợp đồng kia không phải là một chuyện đẹp đẽ gì. Chàng buộc phải dùng kế sách đó, nhưng chính vì nó

không có gì đáng tự hào nên chàng muốn cứ im miệng đối với Ma-rư-sia là hơn. Chàng e - mà điều ấy không phải không có lý - rằng cô gái sẽ sẵn sàng phản đối và sẽ không muốn dùng những thành quả đạt được bằng cách kia.

Thực tâm, Lê-sếch không có gì tự hào với mưu chước của mình, song chàng cũng chẳng có gì phải hổ thẹn. Nói cho cùng thì đó là cuộc đấu tranh sinh tồn, đấu tranh giành hạnh phúc cho mình và hạnh phúc của cô gái yêu quý. Chàng phải có bằng được những con chủ bài và đã giành được chúng. Chàng phải đánh bật ra khỏi tay cha mẹ những phương tiện trấn áp và chàng đã đánh bật được.

Ngày thứ hai - chàng tự sắp xếp như vậy - chàng sẽ tuyên bố với cha mẹ rằng chàng quyết định cưới Ma-rư-sia. Khi ấy dĩ nhiên cha mẹ chàng sẽ hiểu được tại sao chàng lại bướng bỉnh với cái hợp đồng đến thế.

- Đúng, - chàng sẽ bảo cha mẹ, - đúng thế. Con đã thấy trước rằng cha mẹ muốn cản trở chuyện hôn nhân của con, con đã thấy trước, rằng khi đem các quan niệm của đẳng cấp của mình đặt trên hạnh phúc của đứa con trai, cha mẹ sẽ cố gắng bắt buộc con phải thay đổi quyết định và cha mẹ sẽ không lùi bước trước việc sử dụng bất cứ phương tiện nào. Vì vậy con, không thấy có lý gì để ngay từ đầu phải từ bỏ các phương tiện tự vệ cả. Và chẳng, con cũng không hề có điều gì quá đáng. Cha mẹ phải trả lương cho con suốt ba năm thật đấy, nhưng có phải trả không đâu. Để đánh đổi lấy số tiền ấy, cha mẹ nhận được sự lao động chính trực và có trách nhiệm. Còn bây giờ, cha mẹ phải lựa chọn: hoặc chấp nhận tình thế làm quen với vợ tương lai của con và tiếp nhận cô ấy làm một thành viên mới của gia đình, hoặc gạch con ra khỏi danh sách gia đình.

Ôi, chàng biết rõ lắm rằng cha mẹ sẽ không chịu khuất phục ngay đâu. Chàng biết rõ rằng họ sẽ ném ra những lời cầu khẩn và đe dọa, rằng sẽ có bao nhiêu nước mắt cùng những lời nhục mạ, rằng có thể sẽ đi đến chỗ cắt đứt quan hệ và đến một cuộc chiến công khai. Nhưng chuyện đó thì đành chứ sao.

Trong thâm tâm, chàng vẫn hy vọng rằng cuối cùng chàng vẫn giành được sự ưng thuận của cha mẹ. Chỉ cần cha mẹ chàng chịu làm quen với Ma-rư-sia mà thôi. Chàng hoàn toàn tin rằng chính vẻ duyên dáng của nàng, sự thông minh của nàng, lòng tốt của nàng và tất thảy những ưu điểm mà chàng chưa từng gặp ở bao thiếu nữ khác sẽ là cái tốt nhất thuyết phục cha mẹ chàng.

Dù thế nào đi chăng nữa, chàng cũng sẵn sàng ứng phó với mọi chuyện, và tùy thuộc cách cha mẹ chàng đón nhận lời tuyên bố ngày mai của chàng, chàng sẽ vạch tiếp kế hoạch hành động.

Dù thế này hay thế khác, ngay ngày mai Ma-rư-sia cũng sẽ phải từ bỏ công việc ở cửa hàng. Nếu cha mẹ chàng thuận theo ý muốn của cậu quý tử, nàng sẽ chuyển ngay về Lu-đơ-vi-kốp. Nếu không nàng sẽ phải đi Vin-nô cho đến ngày cưới. Nơi ấy, Lê-sếch cũng đã chuẩn bị đâu vào đấy. Nàng sẽ ở tạm qua tháng này tại nhà vợ chồng Va-xếch Ko-rơ-trưn-xki. Va-xếch vốn là bạn học của Lê-sếch, còn bà Ko-rơ-trưn-xki chắc sẽ chân tình chăm nom vợ chưa cưới của Lê-sếch, người mà bà rất yêu mến.

Còn lại việc phải bàn bạc với Ma-rư-sia về những vấn đề có liên quan đến chuyện nàng phải ra đi và phải từ biệt người đỡ đầu nàng từ trước đến nay. Dù sao nàng vẫn chưa đủ tuổi thành niên và bà Skốp-kô-va có thể sẽ gây một số khó khăn nào đó, điều mà thực ra Lê-sếch cũng không mấy lo lắng. Ngoài ra, nếu phải đi Vin-nô thì sẽ xuất hiện vấn đề rất dễ đụng chạm là chuyện tiền nong. Chàng không rõ liệu Ma-rư-sia, người chắc hẳn không có một đồng nào riêng, có đồng ý nhận của chàng số tiền cần thiết ấy chăng. Thực ra, số tiền ấy cũng không phải là lớn. Tại Vin-nô, bà Ko-rơ-trưn-xka sẽ có thể, tự đảm đương việc bổ sung trang phục của Ma-rư-sia. Rồi về sau họ sẽ tính toán với nhau, may thay, vốn là một trạng sư có thu nhập rất khá, những món chi tiêu vật kia không hề ảnh hưởng gì đến chàng Va-xếch.

Đọc đường, Lê-sếch nghĩ đến tất thảy những chuyện đó. Ngồi sau lưng chàng, Ma-rư-sia cũng chìm trong những dòng suy tư của riêng nàng.

Con đường, như lệ thường ngày chúa nhật, hoàn toàn trống trải. Mãi đến gần chỗ chiếc cầu, họ mới gặp một chiếc xe của nông dân do một con ngựa nhỏ bé kéo đi. Con ngựa bị tiếng xe máy làm cho hoảng hồn nhảy tạt sang một bên. Người đánh xe có nhẽ là say rượu, nên thay vì kéo dây cương đúng lúc thì lại nhảy ngay xuống rãnh. Vị hành khách cũng vọt theo luôn. Cả một đám mây bụi mù mịt bao phủ cảnh tượng kia, cảnh tượng mà họ cũng chỉ kịp ngạc nhiên trong giây lát. Lê-sếch không dừng xe lại, chỉ riêng Ma-rư-sia thoáng có cảm giác rằng người khách của chiếc xe kia là ai đó quen quen.

Nàng đã không nhầm: vị hành khách ấy chính là Zê-nôn Vô-i-đư-uô. Khi chiếc xe mô-tô biến mất trong những đám bụi sau chỗ đường ngoặt, Zê-nôn mới bò lên khỏi rãnh giơ nắm đấm dọa với theo, miệng lầm bầm mấy câu chửi tục tằn, càng tục tằn hơn bởi quả thực hắn đang say mèm.

Nhưng cả Ma-rư-sia lẫn Lê-sếch đều không nghe thấy những lời ấy. Con đường chợt mở rộng ra và đi sâu vào một khu rừng già với những thân cây cao vút.

Họ đi đến một trảng trống không rộng lắm, nơi họ chọn để hạ trại. Một bữa tiệc giản dị gồm hoa quả và vài thanh sô-cô-la. Họ để lại tất cả các thứ ấy bên chiếc xe mô-tô giấu trong lùm cây rồi nắm tay nhau đi ra bờ khe núi. Lần nào họ cũng ngồi ở đấy. Khe núi sau, hai bờ dốc đứng, dưới đáy có một dòng nước nhỏ hẹp màu đen, chảy lững lờ. Nhiều lần, ngồi lặng nơi đây, họ đã trông thấy những chú hoẵng ra uống nước. Song hôm nay họ lại trò chuyện cùng nhau, tiếng họ phả ra thành những tiếng vọng trong khe, hẳn đã làm lũ hoẵng phải giật mình.

- Em thân yêu của anh, - Lê-sếch nói, - những nỗi lo phiền của chúng mình đã kết thúc. Một tháng nữa chúng mình sẽ làm lễ cưới. Anh hình dung ra vẻ mặt của vị linh mục tốt bụng khi chúng mình xuất hiện để xin cưới! Vẻ mặt của cha và những người khác! Chuyện giật gân nhé!

Chàng xoa tay và chợt ngạc nhiên khi nhìn sang Ma-rư-sia:

- Em có điều gì lo lắng ư?

- Anh thấy đấy, nàng thờ dài, - đối với em đó sẽ không phải là chuyện gì dễ chịu. Chắc anh dễ hình dung người ta sẽ nói những gì.

- Nhưng người ta có thể nói gì mới được chứ?

- Nào là em lấy anh là vì địa vị... vì tiền tài, vì chức tước, nào em được một món hời, nào may cho em mới được một tấm chồng như thế...

Lê-sếch đỏ mặt.

- Toàn chuyện vớ vẩn! Sao em có thể nghĩ như vậy nhỉ?

- Anh cũng biết đấy, người ta sẽ nói như thế.

- Vậy thì chính anh sẽ trả lời cho bọn họ. - Chàng bùng lên, - rằng họ chỉ là một lũ ngu đần. Họ muốn đo tất cả bằng cái thước đo hèn mọn của riêng mình! Nhưng chớ có chạm vào em! Chớ có động vào! Em đừng sợ, anh biết cách bảo vệ vợ mình chứ! Ngay cả đối với quý sứ nữa kia! Nếu như một từ bẩn thỉu như "món lợi" có thể được nói đến trong chuyện này, thì chính là anh đã được một món hời khi cưới em làm vợ. Phải, chính anh, bởi thiếu em anh không thể nào sống nổi. Và không muốn sống. Còn em, em vẫn sẽ lấy anh, dù anh không có lấy một xu mề, dù anh mang cái họ nghèo hèn nhất và chỉ là một người thợ bình thường. Anh sẵn sàng thề thốt!

Ma-rư-sia nép vào người chàng.

- Và anh sẽ không mắc tội thề sai đâu. Chắc chắn là em mong anh thật nghèo.

- Nhưng em thân yêu, anh nghèo thật mà. Anh chẳng có gì cả. Tất cả là của cha mẹ anh, tất cả tùy thuộc vào trí tưởng tượng của cha mẹ anh mà thôi. Anh chỉ có mỗi một chỗ làm ở Lu-đơ-vi-kốp. Lương và một chỗ ở không rộng lắm. Đó là tất cả. Em thấy chưa, em có kiếm được địa vị nào đâu kia chứ. Kho báu quý giá nhất của anh chính là... em, kho báu mà anh sẽ không giao phó cho ai cả.

Chàng đắm đuối ngắm mãi mái đầu nàng đang cúi, ngắm ánh vàng óng của mặt trời soi lên mái tóc chải mượt mà, ngắm vẻ mặt tinh tế của nàng.

- Chính em cũng không biết em đẹp thế nào đâu, - chàng bảo. - Anh đã gặp hàng nghìn phụ nữ. Hàng nghìn. Anh đã được nhìn thấy những sắc đẹp lừng danh khiến thế gian điên đảo. Những ngôi sao màn bạc và biết bao người khác nữa. Nhưng không một ai trong đám bọn họ có thể sánh cùng em. Và chắc chắn không một ai duyên dáng như em. Em không biết đẩy thoi, chứ mỗi cử chỉ, mỗi nụ cười, mỗi ánh mắt của em là một kiệt tác nghệ thuật. Ở cái xứ Ra-đô-li-xki bần tiện này người ta cũng nhận ra em! Nhưng rồi em xem, một khi anh đưa em vào đại thế giới! Tất cả những mái đầu đều phải cúi gục! Anh nói thật đấy! Những họa sĩ nổi tiếng nhất sẽ tranh nhau để vẽ chân dung em. Những tạp chí, các báo ảnh sẽ đăng ảnh của em.

- Lạy Chúa! - Nàng bật cười. - Sao mà anh ngoa thế?

Anh không hề nói ngoa đâu nhé! Rồi chính em sẽ thấy. Còn anh thì sẽ đi lại vênh vang như một ông vua. Anh hiểu đó là thói phù hoa, nhưng gần như người đàn ông nào cũng mắc cái nhược điểm ấy. Ai chẳng sướng, ai chẳng tự hào vì có được người phụ nữ được mọi người ghen tỵ.

Ma-rư-sia lắc đầu.

- Nếu như có những ai đó tìm được ở em vài nét đẹp thì điều ấy cũng vẫn còn quá ít để khiến người ta phải ghen tỵ. Nhưng thật hãi hùng khi nghĩ rằng em sẽ bị mất thể diện vì thiếu hiểu biết những hình thức xã giao, không biết đối xử và vì sự dốt nát của mình.

- Ma-rư-xka!

- Chứ sao. Anh nghĩ là những người quen của anh sẽ quên đi cho em chuyện em đã từng là cô bán hàng ở hiệu bà Skóp-kô-va đấy chắc? Em sẽ luôn luôn sống như bị sát hạch. Bởi vì thật tình em cũng chỉ là cô bé lọ lem thường tình nhất, một cô ngỗng tờ tình lẻ. Em sẽ không biết cách đi đứng giữa những người của anh, sẽ không biết trò chuyện ra sao. Học vấn của em gần như chẳng có gì đáng kể cả. Anh biết đấy, mẹ em có ý định chuẩn bị cho em thi tốt nghiệp trung học, nhưng em vẫn chưa được tốt nghiệp. Anh sẽ cưới cái cô-bình-dân ấy đấy.

Giọng nàng vang ngân một nỗi buồn bã. Lê-sếch dịu dàng cầm lấy tay nàng và hỏi:

- Ma-rư-si-en-kô, em hãy nói xem nhé, em có coi anh là một thằng ngốc, ngây ngô và không chút phê phán hay không?

- Sao lại thế được! - Nàng phản đối.

- Thế em có nghĩ rằng về những đòi hỏi và mức độ tiêu chuẩn anh đứng thấp hơn hẳn những người họ hàng quen biết của anh không?... Bởi lẽ từ những điều em vừa nói thì hình như là thế. Anh, một thằng dốt hết mực, khi lấy em làm vợ, đã nhìn thấy ở em những ưu điểm mà em không hề có, phải nhờ đến khi họ ngắm em mới phát hiện ra rằng anh đã nhầm.

- Không, anh Lê-sếch, - nàng ôn hòa phản đối, - anh nhìn những khiếm khuyết của em một cách khoan dung, bởi anh yêu em.

- Vậy thì rồi họ cũng sẽ yêu thương em chứ sao.

- Cầu Chúa cho được thế.

- Nhưng nói chung tất cả những khiếm khuyết của em chỉ là điều huyền tưởng. Anh mong sao cho tất cả các tiểu thư có được vẻ con nhà nòi như em, mong sao họ có được ngần ấy thông minh bẩm sinh, ngần ấy độ tinh tế của xúc cảm. Còn nếu nói về phép xử thế, về văn hóa giao tiếp, anh tin chắc rằng em sẽ làm quen mà không gặp một chút khó khăn nào và em sẽ tự mình tiếp thu khi nào em muốn. Có điều chớ tiếp thu nhiều quá, vì anh không muốn có một người vợ thông minh hơn mình quá nhiều đâu đấy.

- Điều đó thì anh đừng lo - nàng cười.

- Ấy, nhưng đó chính là điều anh lo nhiều hơn cả, - chàng làm bộ nghiêm trang. - Em có biết anh nhận ra Ma-rư-si-en-ka của mình là người thông minh vào lúc nào không?

- Em không biết.

- Khi mà cô ta không hề nói gì cho anh về những cuộc đụng độ trong thị trấn ấy mà. Anh có thể nghi ngờ rằng anh chàng Xô-bếch kia, người đã

đứng ra bảo vệ em, chắc hẳn phải có một chút quyền gì để làm việc đó. Nhưng em đã nghĩ rất đúng: ta sẽ không giải thích gì với Lê-sếch hết, vì nếu anh chàng đã dám nảy ra nổi nghi ngờ gớm ghiếc kia, thì chàng ta không đáng được giải thích nữa kia.

Ma-rư-sia không nhớ là lúc ấy nàng có nghĩ thế không, nhưng không phản đối.

- Em chỉ không muốn kéo anh vào những chuyện phiền lòng kia mà thôi, - nàng nói.

- Thế thì lại không hay. Em coi ai là người bảo vệ em nếu không phải là anh?

Chàng trầm ngâm rồi nói thêm:

- Về phía mình, một hôm nào đó anh cũng phải rẽ vào bưu điện bắt tay anh chàng Xô-bếch kia mới được. Việc anh chàng dám cả gan yêu em thật là việc hỗn hào, nhưng anh ta đã hành động như một người đàn ông trung thực.

Mặt trời đã xuống rất thấp. Thông thường, vào giờ này họ đã sửa soạn ra về, nhưng hôm nay họ còn nhiều chuyện phải bàn. Họ thống nhất với nhau là sáng mai Ma-rư-sia sẽ báo cho bà Skốp-kô-va về chuyện đính hôn và việc nàng sẽ không làm công ở hiệu của bà lâu nữa.

- Em cứ nói với bà ta rằng, - Lê-sếch đề nghị, - nếu bà ấy xem là bị thiệt, thì anh sẽ hoàn toàn trả lại cho bà ấy số tiền mà bà ấy tính toán.

- Anh không hiểu bà ấy, - Ma-rư-sia đáp. Bà ấy sẽ không tính toán tiền nong gì đâu, vì em cũng đã đền công bà ấy bằng việc làm của mình rồi. Bà ấy sẽ cảm thấy bị xúc phạm hết sức nếu đề cập đến chuyện đó. Đó là một người phụ nữ rất tốt. Nhưng em lo chuyện khác kia: bà ấy sẽ không tin vào chuyện đính hôn.

- Thế thì anh sẽ đến, có lẽ vào khoảng gần trưa, và bà ấy sẽ được nghe điều đó từ chính miệng anh. Dù sao em cũng nên gói ghém sẵn đồ đạc nhé.

- Lê-sku! Anh thân yêu của em, em đã làm gì để xứng đáng được sung sướng thế này!

Chàng ôm chặt lấy nàng và hết sức chân thành ghì sát vào mình. Lòng chàng tràn ngập một niềm sung sướng không diễn tả nổi, rằng đối với cô gái này, cô gái tuyệt vời này, cô gái không có một ai thân thiết trên đời, chàng đang là tất cả, sẽ là tất cả. Và tự chàng cũng chợt cảm thấy ngạc nhiên với chính mình. Đã biết bao lần chàng được ôm vào vòng tay những người phụ nữ, thế mà chưa khi nào chàng cảm thấy một thứ gì khác ngoài dục vọng. Tại sao trong quan hệ với người thiếu nữ duy nhất này, người mà chắc chắn chàng khao khát hơn bất cứ một thứ gì trên trái đất, ngay cả dục vọng trong chàng cũng khác hẳn, nó tràn ngập một tình yêu không hề suy suyển và một lòng tôn kính gần như tôn giáo. Ngày nào, trong những tháng đầu mới quen biết Ma-rư-sia, chàng nhìn nàng cũng như nhìn tất cả những người con gái khác. Giá như hồi ấy nàng cũng chỉ có một mình với chàng như lúc này... Chắc hẳn không có gì có thể ngăn nổi chàng không phạm phải cái sai lầm kinh khủng nọ.

- Ôn Chúa là đã không xảy ra chuyện đó, - chàng nghĩ thầm.

Họ còn đi dạo rất lâu trong rừng và mãi đến khi trời gần tối hẳn họ mới quyết định quay về. Qua phần rừng có nhiều hố cây đổ và rễ cây, họ đi xe rất chậm. Vả chăng cũng chẳng có điều gì đáng ngại. Lê-sếch thuộc đường như thuộc một chiếc túi của riêng mình, chàng thuộc từng vết bánh xe, từng hòn đá, từng chỗ ngoặt trên đường. Giá có tối mò chàng cũng vẫn lên được đường cái quan, còn trong ánh sáng của ngọn đèn pha rất mạnh, họ có thể phóng hết ga mà vẫn an toàn.

Ít nhất thì cả hai cùng nghĩ thế.

Đúng vào lúc chiếc xe mô-tô lao ra khỏi rừng, tiếng động cơ rầm rĩ của nó làm náo động cả vùng bình nguyên đang yên giấc, vang đến tận con đường cái quan, thì có bóng một người đàn ông chợt xuất hiện ở một trong những chỗ ngoặt của con đường nhánh.

Cựu học sinh trường dòng Zê-nôn chờ ở đấy đã lâu. Y đã ngủ quên mấy tiếng đồng hồ trong cái rãnh bên đường và sợ rằng trong khi y ngủ có thể chiếc mô-tô đã quay trở lại đường cái mất rồi chẳng. May thay, nỗi lo ấy hóa ra thiếu cơ sở. Tiếng máy vang lại từ khu rừng Vi-xtru-xki, thỉnh thoảng từ những chỗ cao của con đường chợt loáng lên ánh xanh lục của cây cỏ xa xa giữa những lùm cây tối đen, khi bị ánh sáng đèn pha rọi vào.

- Giờ thì chúng mày không thể thoát khỏi tay tao. - Zê-nôn lẩm bẩm.

Từ suốt một tuần nay y uống say bí tỉ. Xin được của bà dì ở Svi-en-chia-nư vài chục *zuốt-ty*, trên đường quay về Ra-đô-li-xki, lúc thì đi bộ, lúc đi nhờ xe ngựa họa chẳng gặp thuận đường, y không bỏ qua một quán rượu, một quán ăn nào cả. Y trở lại để một lần nữa xin cha tha thứ, song y không tin là sẽ được tha, vì tuyệt vọng, y nốc vốt-ca đến hoàn toàn say khướt. Khi thấy chiếc mô-tô của nhà Trưn-xki trên đường hồi chiều và nhận ra cả hai, những kẻ đã làm cho y bị đuổi ra khỏi nhà, trong đầu óc đang say quay cuồng kia chợt nổi lên lòng hằn thù và khát vọng báo thù.

- Giờ thì chúng nó phải đền tội vì nỗi đau khổ của ta, - y tự nhủ.

Y biết rõ rằng họ sẽ phải trở về bằng đường này, không hề có đường vòng nào khác. Y ngồi trong rãnh sau chỗ ngoặt và rình.

Trong đầu y vẫn ong ong, người vẫn ngật ngà ngật ngưỡng, nhưng giờ đây, khi nghe tiếng mô-tô đang tiến lại gần, y bắt tay vào hành động rất nhanh nhẹn và có kế hoạch. Y đã tính toán chính xác tất cả. Ngay sau chỗ ngoặt con đường dốc lên cao khá nhiều và Trưn-xki sẽ phải nhấn thêm ga, chàng sẽ can đảm mà thêm ga vì chỗ ngoặt không gấp là bao.

Ngay sau chỗ ngoặt chàng sẽ trông thấy vật chướng ngại không hề lường trước và khi ấy đã quá muộn màng để phanh xe, khi ấy sẽ không có cách nào khác thoát khỏi tai họa.

Vật liệu để làm chướng ngại Zê-nôn đã chuẩn bị sẵn. Đó là hai khúc gỗ mới chớm bị mục, khá to mà y tìm được trong lùm cây và cả một đồng đá mà trong rãnh, không thiếu.

Lúc này, không để phí thì giờ, y mang tất cả những thứ ấy lên mặt đường và đặt một cách tuần tự chắn ngang đường. Con đường hoàn toàn bị chặn ngang, không thể có cách nào vòng tránh chướng ngại nữa. Hai bên con đường hẹp là những rãnh sâu, mép ngoài của rãnh vượt cao hơn nhiều so với mép trong. Và lại những lùm cây mọc dày đã tạo nên hai bức tường dọc hai bên đường.

Trời chưa thật tối lắm, Zê-nôn đưa mắt ngăm nhìn một lần nữa công trình của hắn với một vẻ bằng lòng buồn bã. Hắn đã định cất bước đi về phía đường cái quan thì chợt nghĩ ra rằng nếu nấp trong một bụi cây gần vật chắn hắn có thể yên tâm theo dõi hiệu quả công cuộc báo thù của mình.

- Ít nhất tao cũng được thấy chúng mày bị gãy cổ ra sao, - hắn mỉm cười.

Bị trượt mấy lần trên sườn rãnh dốc lừng, nhưng rốt cuộc hắn cũng bò được lên trên, rẽ cành cây ra và ngã người xuống dưới những bụi rậm một cách thoải mái. Đài quan sát được chọn lựa thật tuyệt. Chỉ cần phải nằm thật yên và chờ cho đến khi bọn chúng vỡ sọ, rồi sau đó bước ra đường cái quan trở về thị trấn. Không một kẻ nào có thể chứng minh rằng chính hắn đã đặt vật chướng ngại, không một ai trông thấy hắn ở đây, còn cái gã nông dân mà hắn đi nhờ xe từ tửu quán Vi-xkun-xki thì đã đi về phía Ô-smia-nai rồi. Và lại gã cũng chẳng hề biết mình đã chờ ai. Còn hai đứa kia thì phải đến sáng người ta mới có thể tìm thấy xác ở đây. Ban đêm, không ai đi lại con đường này, chứ không như trên đường cái quan, xe ngựa thường đi ra ga đón chuyển tàu sớm hoặc đến Lu-đơ-vi-kốp chở gạch.

- Tất nhiên người ta có thể nghi, - Zê-nôn nghĩ bụng, - đã nhiều lần mình đe rồi. Nhưng người ta sẽ không tìm nổi một bằng chứng nào buộc tội mình hết. Còn mình thì trả được nỗi căm tức về chuyện xúc phạm... Mà lại còn được thấy một cảnh mê ly nữa chứ... Cảnh này có phải ngày nào cũng xảy ra đâu!...

Những giây phút nối nhau trôi qua, những giây phút mà hắn thấy dài hàng giờ. Tiếng động cơ tiến lại gần, mỗi lúc một to hơn. Chỉ còn không

đến nửa cây số nữa chia cách họ với cái tai nạn không sao tránh khỏi... - Trừ phi có ma quỷ báo trước cho hẳn, - Zê-nôn thoáng nghĩ.

Nhưng không có ai báo trước cho Trưn-xki cả. Ngược lại nhận thấy rằng trời khá lạnh và Ma-rư-sia có thể bị cảm, hơn nữa nếu bên kia cầu đường tối hơn nhiều, nên chàng dẫn thêm ga nữa.

Luồng ánh sáng trắng chói mắt chọc thẳng vào đêm tối trước mặt họ, rẽ đôi bóng tối về hai bên để dọn đường. Còn hai chỗ ngoặt nữa, sau chỗ ngoặt thứ hai là một cái gò khá thoải rồi đến đường cái quan. Lê-sếch đang nghĩ đến ngày mai, nghĩ đến cuộc nói chuyện quyết định với cha mẹ, nghĩ đến việc sẽ giới thiệu Ma-rư-sia với họ ra sao, nghĩ về niềm hạnh phúc lớn lao của mình, về những buổi chiều chỉ có tay đôi, về những sáng mai kia họ cũng tỉnh giấc để lần thứ một nghìn khẳng định rằng hạnh phúc của họ không phải là một giấc chiêm bao, mà là sự thực... Chàng nghĩ đến cái bàn bày đồ ăn cho hai người, nghĩ về nàng, người con gái vui tươi, rạng ngời và trong sáng sẽ dọn dẹp ngôi nhà của chàng, ngôi nhà của cả hai...

Và đột nhiên chàng nhìn thấy...

Trước khi ý nghĩ kịp lướt qua não, trước khi chàng kịp hiểu rằng đó là cái chết, chàng đã máy móc bóp phanh, nhanh như chớp thả hai chân xuống, ấn mạnh gót giầy vào con đường đang lướt băng băng dưới vòng bánh. Những chiếc lốp xe rít lên trong một sự nỗ lực tuyệt vọng, hai vòi sỏi đá màu hung tóe tung lên về hai phía và một tiếng va chạm rất mạnh trầm đục.

Rồi tất cả lặng đi.

Quang cảnh quả là không xoàng và Zê-nôn không hề bỏ qua một thời đoạn nào, không hề bỏ qua một chớp mắt nào. Hẳn nhìn thấy chiếc xe lao ra từ chỗ ngoặt, thấy những cố gắng tuyệt vọng của người lái, thấy cái lúc chiếc xe đâm vào vật chướng ngại và hai thân người tung lên cao trong không khí với một dáng điệu lạ lỳ.

Rồi im lặng bao trùm.

Với một sự tỉnh táo đến lạ lùng hẳn hiểu rõ điều gì vừa xảy ra. Hẳn tỉnh như trong miệng chưa hề có một giọt rượu nào. Hẳn đã trả lại được mối thù. Nơi kia, trên mặt đường, họ đang nằm, hoặc đã chết, hoặc bị trọng thương. Hẳn đã trả được mối thù mà hoàn toàn không cảm thấy gì, hay đúng hơn, thấy trong lòng mình là cả một nỗi trống rỗng hoàn toàn. Và cả sự thản nhiên cảm lạnh lạ lùng kia nữa.

Hẳn bước xuống đường. Bên trái, bản xa chướng ngại vật là chiếc mô-tô, Zê-nôn bật diêm. Đó là một đồng sắt thép rúm ró. Hẳn bước tiếp và lại bật lửa soi đường.

Họ nằm không xa nhau. Cô gái bị ném đi xa hơn. Zê-nôn cúi xuống nhìn chàng trai. Tay chân chàng dang ra, không theo tư thế nào cả, đầu chàng rụt vào vai. Trông chàng như một hình nộm mềm oặt. Phần dưới mặt bị dập nát, máu đang chảy ra từ cái miệng há rộng. Mắt chàng nhắm nghiền.

Nàng nằm cách xa chàng hai bước chân. Nàng úp mặt xuống đất, với hai cánh tay co lại, dường như nàng đang khóc, dường như nàng bình tĩnh ngả người xuống đấy để được khóc than cho thỏa, nàng nằm theo tư thế mà tất cả những người phụ nữ đều nằm khi khóc. Trên người nàng không có dấu hiệu gì chứng tỏ nàng bị làm sao. Zê-nôn quẹt một cây diêm nữa vào vỏ bao và cúi xuống gần Ma-rư-sia để nhìn ngang vào mặt nàng. Và khi ấy hẳn trông thấy một vùng đẫm máu trong làn tóc.

Hẳn ngoái nhìn lại phía sau một lần nữa. Hẳn cảm thấy hình như Trư-xki vừa rên. Song chắc đó chỉ là ảo giác. Hẳn cho bao diêm vào túi rồi bước đi.

Hẳn bước đi, mỗi lúc một nhanh hơn, không rõ tại sao? Trong đầu hẳn nảy ra một điều gì đó rất lạ lùng. Hẳn cảm thấy một cảm giác mới, chưa từng biết, một cảm giác kinh khủng dần dần chiếm lấy con người hẳn. Phải, hẳn sợ, sợ kinh người, không phải sợ những người đang nằm trên đường kia, mà là sợ chính mình, sợ chính mình trong sự trống trải này, trong đêm tối mịt mù, trong cái ý thức rằng ngay gần đây thôi, ngay bên cạnh, ngay

sau lưng hắn, gần như ngay chính trong người hắn, có một kẻ khác nữa, khủng khiếp, dữ tợn, ma quái...

- Thằng giết người!

Và đột nhiên hắn co chân chạy. Từ lồng ngực hỗn hển thở bật ra một tiếng kêu:

- Cứu với! Cứu với! Cứu với!...

Có tiếng lộc cộc trên đường cái. Nơi ấy có người!...

- Cứu tôi với! Cứu với! Thằng giết người!...

Tiếng kêu biến thành tiếng hú, một tiếng hú hoang dã, thú vật, một tiếng hú không thể gọi tên, trong đó không sao phân biệt nổi lời, chỉ có nỗi hãi hùng điên loạn và lời cầu xin đầy tuyệt vọng mà thôi.

CHƯƠNG XIII

Ở cõi xay người ta thường đi ngủ sớm. Ngay cả đám đàn bà, mặc dù cả ngày làm việc mệt nhọc nhưng vốn thích trò chuyện đến tận khuya và không bao giờ thấy đủ, nhiều khi ngồi trước cửa nhà cho đến nửa đêm, mùa này vì đêm bắt đầu se lạnh nên cũng đã sửa soạn đi nghỉ.

Ông lão Prô-cốp đã đọc những bài kinh dài dằng dặc của mình trước các bức tranh thánh, đã quỳ lạy, chạm trán xuống sàn nhà một cách khẩn thiết, bởi lẽ hôm nay là chúa nhật. Anh thợ Vi-ta-lix đã ngáy từ lâu trong nhà bếp. Cậu Va-sin đang ngồi trong nhà ngang chỗ ông An-tô-ni Kô-si-ba và đang thối khe khẽ nhưng điêu luyện một chiếc sáo nhỏ, cậu thổi sáo và nhìn thầy lang đang im lặng dùng chày gỗ nghiền mỡ với một thứ thuốc nào đó và mật lợn trong một chiếc liễn nhỏ. Ông đang làm loại cao chống giá băng công hiệu của mình.

Đột nhiên, trong bầu không khí yên lặng ấy chợt có tiếng chó sủa. Lũ ngỗng bị thức giấc cũng kêu lên inh ỏi.

- Có người đang đến nhà ta, - Va-sin nói.
- Thử nhìn xem, - thầy lang lẩm bẩm.

Va-sin lau ống sáo vào tay áo, cất vào túi, thong thả bước ra sân. Cậu nghe rõ tiếng bánh xe lộc cộc và những tiếng người nói trộn lẫn vào nhau. Có nhiều giọng nói, chắc phải đến tám chín người. một người chạy trước, thở hổn hển vì gắng sức. Khi người ấy đến chỗ Va-sin và dừng lại trong ánh sáng rọi từ cửa sổ ra, cậu chợt giật lùi.

- Quỷ quái gì thế này?! - Cậu hỏi có vẻ dữ tợn để có thêm can đảm.

Người khách lạ, mặt và tay đầy máu, mặt mày như một kẻ mất trí, hỗn hển nói lập bập:

- Đến gặp thầy lang... Cứu với... Họ đang còn sống...
- Nhân danh Cha và Con, ai?

- Nhanh lên, nhanh lên! - Người khách rên lên. - Thầy lang! Thầy lang mau!

- Có chuyện gì thế? - Tiếng ông An-tô-ni Kô-si-ba từ hiên vọng ra.

- Cứu họ với! Cứu với! Hãy cứu cả cái linh hồn đáng nguyên rủa của tôi nữa! - Người khách lại lao tới phía ông. - Họ đang còn sống!

Va-sin nhìn thẳng vào mặt người khách rồi nói:

- Đây là Zê-nôn nhà thợ yên cương Vô-i-đư-uô.

- Có chuyện gì xảy ra thế? - Giọng ông lão Prô-cốp vang lên cạnh đó.

- Họ bị đâm mô-tô! - Zê-nôn vừa nói vừa run như đang cơn sốt rét. - Nhưng vẫn còn sống!

Thầy lang túm chặt lấy vai hắn.

- Ai? Hỡi người, ai vậy?!... - Giọng ông vang lên nổi kinh hoàng.

Nhưng cũng không cần phải trả lời nữa. Chiếc xe vừa đến. Trên xe là hai thân hình bất động. Vi-ta-lix chạy từ trong nhà ra, đám phụ nữ cũng ùa ra, mang theo đèn.

Mặt cậu chủ Trưn-xki gây một ấn tượng khủng khiếp vì dính từng cục máu đông, nhưng mắt chàng vẫn mở và chàng có vẻ tỉnh. Ngược lại, khuôn mặt nhợt nhạt như màu giấy của Ma-rư-sia có vẻ như mặt một người đã chết. Giữa những mớ tóc màu sáng trên thái dương thấm đẫm máu. Thầy lang cúi xuống xe bắt mạch.

Đám nông dân tiếp lời nhau thuật lại chuyện:

- Vừa lúc tôi đi ngang gần đường Vix-kun-xki thì anh này lao ra kêu cứu. Tôi vội chạy tới xem, thì đây, cầu Chúa xá tội, họ nằm lăn trên đường...

- Mà cũng không còn hơi thở nữa...

- Họ bị ngã từ trên chiếc mô-tô kia. Ai đó đặt một cây gỗ ngang đường, họ lao vào cây, thế là...

- Chúng tôi mới bàn nhau, phải làm gì đây, còn anh này cứ quỳ lê quỳ lết, hôn tay khắp lượt. Xin các bác cứu với, anh ta nói, các bác chở đến chỗ bác sĩ ở thị trấn giùm tôi, xin các bác hãy xưng là người thiên chúa giáo, anh ta bảo...

- Còn chúng tôi, thì dĩ nhiên, cũng hiểu chứ. Có điều làm sao chở họ được đến tận thị trấn đây? Linh hồn họ sẽ bị dốt tuột ra hết mất. Nếu như quả họ còn sống. Thế là chúng tôi bàn nhau mang tới đây, chỗ ông lang...

- Mặc dù người cần nhất ở đây là cha xứ.

Ông An-tô-ni Kô-si-ba quay lại với họ. Nét mặt ông như hóa đá, nom ông giống như người đã chết hơn là người đang sống. Chỉ có mắt ông sáng rực.

- Một mình tôi không kham nổi, - ông nói. - Một người hãy đi ngựa mời bác sĩ đến.

- Vi-ta-lix! Ông lão Prô-cốp gọi. - Thẳng ngựa đi.

- Không có thời gian thẳng ngựa đâu, - thầy lang kêu lên.

- Các người cho tôi mượn con ngựa, tôi sẽ đi, - Zê-nôn cất tiếng.

- Dắt ngựa cho anh ta, Vi-ta-lix! - Ông Prô-cốp đồng ý, - còn anh thì báo luôn cho Lu-đơ-vi-kốp biết là cậu chủ họ đang nằm ở đây.

Trong khi ấy thầy lang đã vào trong nhà ngang. Chỉ bằng một cái vung tay ông đã gạt hết khỏi bàn tất cả những đồ vật đang nằm trên đó, chiếc ghế dài khác cũng thế. Tay ông run run, những giọt mồ hôi rịn ra trên trán.

Ông lại chạy ra ngoài, ông ra mệnh lệnh. Người ta khiêng những người bị thương vào nhà ngang, sau khi đã thận trọng luồn tay vào dưới nâng lên, còn Va-sin thả thêm hai ngọn đèn nữa. Ông ra sức thổi than hồng trong lò sưởi. Na-tan-ka đổ nước vào nồi. Zô-nhia dùng chiếc kéo lớn cắt vải thô ra làm băng.

Ngoài cửa sổ vang lên tiếng chân ngựa dồn dập. Đó là Zê-nôn đang phóng ngựa không yên cương lên thị trấn.

- Rồi hẳn cũng ngã gãy cổ mất thôi, - Vi-ta-lix lẩm bẩm sau lưng y. - Còn giết cả ngựa trong một đêm tối đen này nữa chứ chẳng không.

- Giết gì mà giết, - ông lão Mi-en-nhich vừa lo lắng vừa bực mình vì lời tiên đoán kia đáp lại. - Đường vừa thẳng vừa bằng phẳng kia mà.

- Chúa tôi, Chúa tôi, bao nhiêu là bất hạnh! Bà lão A-ga-ta cứ lặp đi lặp lại mãi.

- Chắc ngày chúa nhật cậu chủ đã trêu ghẹo quý dữ, - một trong những người nông dân lẩm bẩm. - Dám phóng loạn xạ trên cái xe máy như thế kia.

- Đó cũng chưa phải là tội, tội gì mới được chứ, - một người trẻ hơn phản đối.

- Tội thì có thể không tội, nhưng tốt nhất vẫn không nên.

- Hãy kể lại xem nào, hồi những con người nhân hậu, mọi chuyện xảy ra như thế nào, từ đầu đến cuối, - ông lão Prô-cốp hỏi.

Mọi người tụ tập quanh chiếc xe. Người nhà cũng bước ra khỏi nhà ngang, chắc họ bị ông An-tô-ni xua ra. Người ta bắt đầu kể tỉ mỉ. Thịnh thoảng một trong những người đang nghe lại tách ra khỏi, đến nhòm bên cửa sổ. Ngược với thói quen của mình, ông thầy lang đã quên kéo rèm che.

Nhưng thầy lang không quên. Có điều ông hiểu rất rõ rằng mình không được phép mất một chút thời gian nào hết. Đầu tiên ông khám cho Ma-rư-sia. Hơi thở yếu ớt và mạch rất khó bắt chứng tỏ nàng sắp tắt ngấm. Cần phải nhanh chóng tìm ra chỗ bị dập thương. Vết thương ở thái dương không thể là nguyên nhân của tình trạng nguy kịch này. Nó chỉ là vết thương bề mặt và rõ ràng được tạo nên khi cô gái ngã do va phải một hòn đá nhọn nào đó, nó làm rách da và trượt dọc theo xương. Xương không hề bị suy sụn. Da tay và đầu gối cũng bị xây xát ở nhiều chỗ nhưng xương vẫn nguyên vẹn.

Những ngón tay của thầy lang nhanh nhẹn nhưng tuần tự khám kỹ cái thân hình bất động của cô gái, xương sườn, xương quai xanh, cột sống rồi

quay lên đầu. Ông vừa chạm tới chỗ nối giữa đầu với gáy thì Ma-rư-sia rùng mình, một, hai rồi ba lần...

Giờ thì ông đã rõ: gốc sọ não bị đập.

Nếu óc không bị tổn thương, thì việc giải phẫu ngay lập tức sẽ có thể có kết quả. Có thể... có một tia hi vọng mỏng manh... đầu sao cũng vẫn còn có.

Thầy lang đưa mu bàn tay quệt văng trán đẫm mồ hôi.

Ánh mắt ông dừng lại trên những dụng cụ thô sơ mà ông vẫn sử dụng cho đến nay. Ông hiểu rất rõ rằng với những dụng cụ kia ông không thể tiến hành ca phẫu thuật nguy hiểm và khó khăn như thế.

- Tất cả hi vọng nằm trong tay bác sĩ, - ông nóng ruột nghĩ bụng, - cầu Chúa để cho ông ấy đến kịp.

Thầy lang rửa và băng bó các vết thương của Ma-rư-sia rồi sau đó chăm sóc đến chàng Trưn-xki. Chàng trai đã tỉnh lại và rên to. Sau khi rửa sạch máu đọng, rửa sạch mặt, ông thấy chàng bị gãy xương quai hàm. Vết gãy phức tạp ở tay trái còn tệ hơn nữa. Đoạn xương gãy chéo đã chọc thủng cả thịt lẫn da.

Chỉ bằng vài nhát dao, thầy lang đã cắt rời ống tay áo và bắt đầu mổ. May thay, do đau, người bị thương lại ngất đi. Hai mươi phút sau ca mổ hoàn thành. Dù sao chẳng nữa, tính mạng của Trưn-xki cũng không còn bị đe dọa nữa.

Trong lúc đó Zê-nôn phóng ngựa như điên lên thị trấn. Suýt nữa y va phải một người đàn bà ngay trước nhà thờ, nhưng rốt cuộc y cũng nhảy xuống ngựa trước nhà bác sĩ Pa-vơ-li-xki.

Bác sĩ vẫn chưa ngủ và ngay lập tức anh ta hiểu cần phải làm gì. Anh ta bảo cô em gái ra bưu điện liên lạc ngay với Lu-đơ-vi-kốp, còn anh thì vội vã lôi trong chiếc va-li đi đường đựng dụng cụ giải phẫu trong tủ ra, kiểm tra xem có thiếu gì không, gói thêm nhiều loại thuốc nữa cùng ống tiêm và băng.

Cô em gái trở về báo tin rằng ông bà Trưn-xki đã lên đường bằng xe ô tô, chừng năm mười phút nữa họ sẽ có mặt ở Ra-đô-li-xki.

- Anh sẽ đi cùng với họ, - bác sĩ quyết định.

- Xin bác sĩ đi ngay bây giờ cho, kìa, đã có sẵn ngựa đây rồi! Zê-nôn giục giã.

- Ông điên à! - Pa-vơ-li-xki bực mình. - Tôi mà lại phải lặc lư trên lưng con ngựa không có yên cương kia à??... Vả lại đi xe ô tô sẽ đến được nhanh hơn.

Và anh ta có lý. Chiếc ô tô to tướng của Lu-đơ-vi-kốp đến nhanh không ngờ. Ông bà Trưn-xki kinh hoàng định hỏi Zê-nôn xem chuyện xảy ra thế nào nhưng bác sĩ tuyên bố rằng sau này hăng hay.

Chưa đầy năm phút sau họ đã có mặt trước cối xay. Khi họ bước vào nhà ngang, thầy lang đang kết thúc việc băng đầu cho chàng thanh niên bị thương.

- Còn sống không, con trai tôi còn sống không?! - Phu nhân Trưn-xka kêu lên.

- Còn sống, thưa bà, và anh ấy sẽ không bị làm sao hết, - ông đáp.

- Kẻ này thì biết được gì kia chứ, bác sĩ, xin ông hãy cứu lấy con tôi!

- Tôi sẽ cởi bỏ các thứ rẻ rách này và sẽ khám cho cậu nhà, - bác sĩ nói.

- Không có việc gì phải làm cậu ấy thêm đau đớn. Tôi xin nói với bác sĩ về vết thương của cậu ấy. Cậu ấy bị gãy xương hàm ở chỗ này và gãy tay trái ở chỗ đây. Tôi đã xếp lại xương theo đúng cách cần thiết.

- Yêu cầu không được cản trở tôi, - bác sĩ hét lên. - Có lẽ tôi hiểu rõ hơn ông cần phải làm gì chứ hả!

- Ở đây không có việc gì cần phải làm nữa cả, - thầy lang bướng bỉnh khẳng định - Còn cô gái này lại cần phải cứu ngay lập tức.

- Cô ta bị làm sao? - Bác sĩ hỏi.

- Xương bị ép vào não.

- Thừa bác sĩ! - Phu nhân Trun-xka rên lên.

Mạch chàng trai hoàn toàn ổn.

- Tôi sẽ tiêm một mũi chống uốn ván rồi chuyển ngay cậu ấy vào bệnh viện. Cần phải nhanh chóng chụp Rơn-ghen. Còn bây giờ tôi phải xem cho cô gái này đã.

Bác sĩ cúi xuống Ma-rư-sia, cố tìm bắt mạch cô. Lát sau, anh ta quay đầu lại.

- Đang hấp hối rồi, - anh tuyên bố.

- Xin ông cứu lấy cô ấy, thưa bác sĩ, - thấy lang cất giọng khàn đặc khàn thiết.

Bác sĩ nhún vai.

- Không còn gì có thể làm được ở đây cả. Tôi sẽ khám vết thương xem... Hừm... Quả thực... Gãy về đáy sọ não.

Cái thân thể bất động bắt đầu run giật.

- Và tổn thương màng não, - bác sĩ nói thêm. - Những cơn giật kia chứng minh điều đó... Phải... Thế này thì đến phép thánh cũng chịu. Các vị có gương không?

Thầy lang đưa cho bác sĩ một mảnh gương vỡ. Bác sĩ đặt kề vào đôi môi đang hé mở của người bị thương. Có một làn hơi mờ mờ.

- Thôi, biết làm sao, bác sĩ xuôi tay, - điều duy nhất mà tôi có thể làm được là tiêm một mũi trợ tim. Nhưng hoàn toàn vô vọng.

Anh mở va li chứa đầy dụng cụ phẫu thuật bóng nhoáng. Thầy lang nhìn như bị thôi miên vào đó, không thể rời mắt khỏi các dụng cụ ấy.

Trong khi ấy bác sĩ hút một thứ thuốc trong suốt đẳng đặc từ ống vào xơ-ranh rồi tiêm vào dưới da ở cánh tay cô gái.

- Chỉ phí công thôi, anh lẩm bẩm, - lát nữa là xong.

Rồi bác sĩ trở lại với chàng Trưn-xki, bắt tay vào việc tháo băng.

Thầy lang chạm vào khuỷu tay anh.

- Thừa bác sĩ! Xin bác sĩ hãy cứu lấy cô ấy.

- Này con người đần độn kia! - Pa-vơ-li-xki nổi cáu quay lại.

- Tôi làm sao cứu nổi cô ta chứ?

- Nhưng đó là nghĩa vụ của ngài, - Kô-si-ba buồn rầu đáp lại.

- Không phải thứ ông dạy tôi về nghĩa vụ. Tôi báo cho ông biết, nếu như về việc băng bó của ông mà vết thương này bị nhiễm trùng thì ông sẽ phải vào nhà đá. Ông hiểu chứ? Ông không có quyền hành nghề chữa bệnh.

Thầy lang hình như không nghe thấy những lời đó.

- Xin bác sĩ hãy mổ cho cô ta, - ông nói, - sẽ thành công thôi mà.

- Lui ra, quý quái thật chứ: mổ mà làm gì ở đây kia chứ!

Và ngoảnh lại nhìn ông bà Trưn-xki như muốn lấy họ làm chứng, bác sĩ kêu lên:

- Tôi phải mổ cho một cái xác à?!... Đây là trường hợp đày hộp sọ bị vỡ. Các mảnh xương vỡ chắc sẽ làm tổn thương não. Ngay cả bậc thiên tài lớn nhất của khoa giải phẫu cũng không thể làm gì nổi. Nào, lại còn phải tiến hành khoan xương trong những điều kiện vệ sinh như thế này...

Bác sĩ khoát tay một vòng chỉ những bó cây thuốc đầy bụi bặm dưới chân tường, những chiếc đèn dầu muội bám và các thứ rác rến trên sàn nhà.

- Nếu tôi có những dụng cụ như của bác sĩ, - thầy lang vẫn ương bướng nói, - tôi sẽ thử...

- Vậy thì may mà ông không có. Ông sẽ vào tù sớm hơn nữa cho mà xem, - bác sĩ đáp lại, đã bình tĩnh hơn vì đang bận sờ nắn xương quai hàm của anh chàng Trưn-xki. - hừm... Quả thực, hình như chỗ gãy không có gì nguy hiểm... Song không có Rơn-ghen thì chưa có gì chắc chắn cả... Tổn thương ngoại hình...

Anh ta thành thạo sát trùng vết thương rồi băng băng băng của mình. Tiếp đó, anh khám tay và nhận thấy hai vết rạch ở đó, anh lại nổi khùng lên:

- Tại sao ông dám làm chuyện này!... Sao ông dám!... Chắc hẳn lại mổ băng một con dao nhíp bẩn thiu nào thôi!...

- Xương chòi cả ra ngoài, - ông Kô-si-ba thanh minh, - còn dao thì tôi đã trụng nước sôi rồi...

- Tôi sẽ dạy cho ông!... Ông sẽ phải chịu trách nhiệm về chuyện này.

- Vâng, thì chịu chứ sao, - thầy lang chán nản lắm lắm. - Nhưng tôi biết làm sao được?

- Phải chờ tôi đến!

- Thì tôi đã cử người mời bác sĩ đấy thôi. May mà họ gặp bác sĩ ở nhà, còn nhờ họ không gặp, thì sao?... Tôi đành chịu để người bị thương không sơ cứu như vậy hay sao?...

- Và vì thế chúng tôi rất biết ơn ông, - ông Trưn-xki lên tiếng. - Người này nói có lý, thưa bác sĩ.

- Thì hẳn rồi, - bác sĩ tán đồng vẻ không thoải mái. - Quả thực, có thể tôi không có mặt ở nhà. Có điều, xin Chúa che chở để khỏi bị nhiễm trùng.

- Ông Trưn-xki rút một tờ giấy bạc ra khỏi ví đưa cho thầy lang.

- Ông nhận cho vì công giúp đỡ của ông.

Ông Kô-si-ba lắc đầu.

- Ông cứ cầm. Ông giúp người nghèo không công là đúng, còn đối với chúng tôi ông có thể nhận tiền.

- Tôi không giúp người nghèo hay kẻ giàu, chỉ giúp con người thôi. Còn với cậu chủ đây, thì nếu không có lương tâm, tôi chẳng muốn giúp chút nào. Nhẽ ra cậu ấy phải chịu chết chứ không phải cô gái bất hạnh kia... Vì cậu mà giờ đây cô ấy đang phải chết...

Phu nhân Trưn-xka quay lại nói với bác sĩ bằng tiếng Pháp:

- Đã có thể chuyển ra ô tô chưa ạ?

- Vâng!... - Bác sĩ trả lời. - Để tôi gọi người. Đợi tôi thu xếp đồ đạc một chút đã.

Bác sĩ nhanh nhẹn thu dọn các dụng băng bó đặt trên bàn, đóng va-li lại rồi xách va-li bước ra ngoài. Qua cửa sổ, ông An-tô-ni Kô-si-ba thấy bác sĩ cất va-li vào ô tô. Chính lúc ấy quyết tâm đã nảy ra:

- Ta phải lấy bằng được!

Tranh thủ sự lộn xộn trong lúc chuyển cậu chủ Trun-xki ra xe, thầy lang bước ra ngoài sân. Các cửa ô tô đều mở, tài xế đứng bên kia. Chỉ cần một động tác thôi rồi lui vào nhà.

Không ai nhận thấy là chiếc va-li đã biến mất. Hai phút sau chiếc ô tô chạy về phía Ra-đô-li-xki.

Thầy lang không bỏ phí thì giờ. Giam mình trong nhà, ông vội vã bày những dụng cụ vừa lấy được trên bàn, ngay bên cạnh đầu Ma-rư-sia, dịch những chiếc đèn lại thật sát rồi ông lấy hết sức thận trọng bố trí lại thân hình bất lực của cô gái theo tư thế thích hợp nhất. Lúc ấy ông mới làm dấu thánh và bắt đầu mổ.

Đầu tiên phải cạo sạch tóc ở gáy. Trên làn da vừa sạch tóc hiện rõ một vết tím bầm khá lớn. Chỗ sưng không đáng kể.

Ông lại áp tai vào lồng ngực cô lần nữa. Tim đập rất khẽ. Ông đưa tay chọn một con dao sắc, lưỡi mỏng, có cán dài. Dưới nhát rạch đầu tiên, máu đen túa ra, thấm vào tấm gạc băng vải thô. Nhát thứ hai, thứ ba, thứ tư... Những động tác nhanh, chắc chắn của ông đã bóc đi những lượt cơ bám. Xương sọ hiện ra trắng hồng.

Đúng, bác sĩ Pa-vơ-li-xki đã không nhầm, xương sọ bị đập, vỡ, vài mảnh vụn nhô sâu vào trong, ấn lên não.

Trước hết cần phải hết sức thận trọng lấy các mảnh vụn ấy ra sao cho không làm tổn thương đến màng bao vỏ não. Đó là một việc rất đổi khó

khăn và mệt mỏi. Càng khó khăn hơn vì cơ thể người được giải phẫu lại bắt đầu run giật. Đột nhiên, những cơn run giật ăng hấn.

- Thế là hết rồi sao? - thầy lang trầm nghĩ.

Song ông không dừng tay mổ. Ông không có thì giờ để kiểm tra mạch. Ông không rời mắt khỏi vết thương, không hề thấy rằng bên ngoài cửa sổ người ta đang dán mũi vào cửa kính, kiên trì theo dõi những cố gắng tuyệt vọng của ông.

Những con gà trống đầu tiên đã cất tiếng gáy, ông mới mổ xong và khâu vết thương. Đến lúc này ông lại làm dấu thánh rồi áp tai vào ngực cô gái song ông không thể nghe thấy một tiếng động nào hết.

- Phải tiêm! - Một ý nghĩ chợt lóe lên.

Ông dễ dàng tìm thấy trong chiếc va-li hộp đựng thuốc và ống tiêm.

- Dùng thứ thuốc mà bác sĩ đã tiêm, - ông khẳng định.

Sau khi tiêm, trái tim đã hoạt động đến mức có thể nghe thấy.

Lúc ấy, ông An-tô-ni Kô-si-ba mới nặng nề buông người xuống chiếc ghế dài, tựa đầu vào hai tay và nức nở.

Ông ngồi bất động như thế có nhẽ đến một giờ, cũng có thể lâu hơn, hoàn toàn kiệt quệ, nửa tỉnh nửa mê. Rồi sau đó ông đứng lên để kiểm tra xem tim Ma-rư-sia có còn đập không. Mạch đập yếu đến mức phải cố lắm mới bắt được, không mạnh lên tí nào, song cũng không bị yếu đi.

Lê đôi chân nặng nề, thấy lang thu thập dụng cụ, rửa sạch, xếp vào va-li, rồi sau một lúc suy nghĩ ông mang chiếc va-li vào nhà chứa cỏ khô, gạt cỏ ra một góc, đẩy nó vào thật sâu. Chỗ này an toàn. Người ta sẽ không tìm được, sẽ không lấy lại. Còn ông, có được kho báu này, ông có thể tiến hành những ca mổ, ngay cả những ca khó như ca này, dễ dàng biết bao, tốt và nhanh hơn biết bao nhiêu.

- Bác sĩ gọi là gì ấy nhỉ? - ông suy nghĩ lại. - Phẫu thuật sọ não... Phải rồi, phẫu thuật khoan sọ não... Rõ quá. Thì ta cũng biết thuật ngữ ấy mà.

Không hiểu sao nó bay biến một cách kỳ lạ ra khỏi đầu óc ta.

Quay vào nhà, ông thăm mạch cho Ma-rư-sia, tắt đèn rồi nằm bên cạnh cô để có thể sẵn sàng trước mọi động tĩnh của người bị thương. Tuy nhiên ông không nghĩ là sẽ có khả năng ấy.

Khi ông thức dậy thì mặt trời đã chiếu sáng. Người ta gõ cửa. Ông bước ra và gặp trưởng đồn cảnh sát ở thị trấn Ra-đô-li-xki, ông Zi-ô-mếch. Bên cạnh là ông lão Mi-en-nhich và cậu Va-sin.

- Cô gái ra sao rồi, ông Kô-si-ba? - Đồn trưởng hỏi - Cô ấy vẫn còn sống chứ?

- Vẫn còn sống, thưa ông cảnh sát, nhưng họa chỉ có Chúa mới hay liệu rồi cô ấy có qua khỏi không.

- Tôi phải vào nhìn qua cô ấy.

Họ cùng bước vào nhà. Viên cảnh sát nhìn cô gái đang mê man một lúc rồi thừa nhận:

- Không thể nói tới việc thăm vấn được. Nhưng tôi phải lấy lời khai của tất cả các ông. Hừm... Bác sĩ Pa-vơ-li-xki báo trước rằng chiều nay sẽ về và sẽ cấp giấy chứng tử. Ông ấy nghĩ rằng cô gái đã... từ hôm qua kia.

- Thế bác sĩ đi rồi ạ? - Thầy lang hỏi.

- Ông ấy phải đi cùng cậu chủ Trưn-xki, chở cậu ấy lên bệnh viện trên thành phố. Hình như cậu ấy sẽ chẳng làm sao đâu, có điều chưa nói được. Một nạn nhân bất tỉnh nhân sự, một người khác mất khả năng động đậy cái mồm... Cứ thử nghĩ xem, giá như tội phạm không tự thú thì chắc chắn có thể nghiêm nhiên mà vu.

- Tội phạm? Tội nào ở đây? Một vụ tai nạn thôi mà. - Va-sin ngạc nhiên.

- Các ông nghĩ thế à?... Thế có ai trong các ông đến chỗ ấy, ngay chỗ đường ngoặt ấy chưa?

- Chưa.

- Còn tôi thì đã có mặt ở đó ngay từ sáng sớm. Các ông nghĩ sao, liệu một hôm nào đó, mấy khúc gỗ đã bị chặt hạ từ lâu có thể trườn lên mặt đường rồi sắp xếp thành vật chắn ngang được chứ? Và những tảng đá cũng có thể tự chúng xếp lên?... Những chuyện thần kỳ như ấy chưa từng có bao giờ. Đây là một vụ âm mưu tội ác.

- Thế ai gây ra?

- Còn ai nữa?... Chính gã Zê-nôn, một kẻ tiền án tiền sự, con ông thợ yếm cương Vô-i-đư-uô chứ ai.

Những người có mặt nhìn nhau nửa tin nửa ngờ.

- Có lẽ nhầm đấy, ông cảnh sát trưởng ạ, - cuối cùng ông lão Prô-cốp lên tiếng. - Chính anh chàng Zê-nôn là người đầu tiên đã cứu cả hai, anh ta gọi mọi người, anh ta chở họ đến cối xay rồi lại chính đích thân đi mời bác sĩ kia mà!

- Thế đấy! - Viên cảnh sát lắc đầu. - Thế ra lời khai của y là đúng sự thực. Y có nói, nhưng tôi không tin. Tôi nghĩ y muốn thanh minh cho bản thân để khi tòa xử có được các hoàn cảnh giảm nhẹ tội. Chắc là lương tâm y bị đụng chạm.

- Thế anh ta tự đến khai báo sao?

- Tự đến. Y khai rằng quý sứ đã xui khiến y, rằng y say rượu... Nào, nhưng tôi phải bắt tay vào ghi chép đã.

Ông Prô-cốp mời viên cảnh sát vào phòng, ở đó ông ta lấy lời khai của tất cả mọi người với tư cách nhân chứng. Cả ông An-tô-ni Kô-si-ba cũng khai, nhưng ông nói không nhiều. Ông chỉ thêm vào lời khai của những người khác là ông đã sơ cứu các nạn nhân. Sau đó đám phụ nữ bày thức ăn sáng, trong khi ăn, tiện dịp, viên cảnh sát trưởng hỏi ông lang xem làm sao để chữa chứng đau hông phải mà anh ta đã bị từ vài tháng nay. Nhận thuốc, anh ta cảm ơn, rồi bảo rằng nếu trường hợp cô gái chết, phải báo cho đồn cảnh sát, sau đó anh ta tạm biệt và ra đi.

Song Ma-rư-sia không chết! Ngày nối ngày trôi qua, cô gái vẫn nằm bất động và bất tỉnh. Điều duy nhất thay đổi trong tình trạng sức khỏe của cô là cơn sốt mỗi ngày một tăng. Mặt cô từ màu phấn trắng mỗi lúc một chuyển thành hồng hơn, hơi thở từ chỗ yếu ớt đến khó khăn, chuyển thành một kiểu hơi thở nhanh, gấp gáp, đứt đoạn.

Mỗi ngày ba lần thầy lang đổ vào miệng cái miệng mím chặt của cô một thứ thuốc sắc màu nâu nâu, ngày cũng như đêm, ông thay khăn chườm mặt bằng vải nhúng vào nước giếng khơi lạnh toát, đặt trên vầng trán nóng bỏng và trên trái tim đang đập nhịp lồng lộn.

Chính ông cũng mỗi ngày một gầy thêm, tóc càng bạc thêm. Nét mặt ông gợi nhớ đến nét mặt tử thi, chỉ trong đôi mắt là ánh lên nỗi tuyệt vọng. Ông đã mất hết mọi hy vọng. Mọi nỗ lực chẳng giúp được gì, mọi phương sách chẳng giúp được gì, mọi sự săn sóc cũng chẳng ích gì. Ông thấy rõ rằng sự sống trẻ trung kia, sự sống của cái sinh linh duy nhất trên đời mà ông sẵn sàng đánh đổi không hề ngần ngại mạng sống của chính mình kia đang tuột dần khỏi tay ông.

Ngày thứ ba, ông yêu cầu Va-sin lên thị trấn mời bác sĩ.

- Có thể ông ấy giúp được gì chẳng, - ông bảo

Va-sin đi rồi lại về không. Hóa ra, bác sĩ ở lại Vin-nô dài ngày hơn và chắc sẽ không chóng trở về, bởi lẽ ông ta còn phải đưa cậu chủ Trưn-xki ra nước ngoài.

Đến chiều tối, ông An-tô-ni Kô-si-ba cử người đến Pie-trơ-ki, đón người chặn cừ ở đó. Ông hoàn toàn không tin chút nào vào những lời "phù chú" của lão ta, nhưng khi chết đuối thì cuộng rơm cũng bám^[42].

Mặc dù nỗi ác cảm nghề nghiệp đối với kẻ cạnh tranh, lão chặn cừ vẫn đến. Lão thấy việc này là một thắng lợi to lớn của mình. Lão nhìn cô gái sắp chết, sờ vào hai bàn tay cô, lật một bên mi mắt, rồi bên kia, kéo môi dưới xuống, ngắm nghía kỹ càng bên trong, hơi mỉm cười một chút và bắt đầu lăm bắm gì đó trong khi giơ cả hai tay trên đầu cô gái.

Những ngón tay già nua, sần cục dần dần co quắp lại, dường như lão đang thu lượm một thứ gì đó, rồi lão di chuyển bàn tay đến tận gót chân cô gái, đến đấy mới mở tay ra, làm động tác như đang rũ bỏ một thứ gì đó vô hình. Lão làm đi làm lại như thế bảy lần liền, mồm lẩm bẩm không ngớt mấy câu thần chú, mà những đoạn cuối cùng được lão nói to thành tiếng:

-... đến con sông rộng, đến đất lạ xa, mặt trời nóng bỏng, bóng đêm bao la, ánh trăng lạnh lẽo, ba trăm năm qua, cút ngay ra cửa, xéo ra xéo ra!

Khi thốt lên những tiếng cuối cùng lão nhảy vọt đến bên cửa sổ, mở toang nó ra, vừa thò tay ra bên ngoài vừa ra lệnh:

- Mau đổ nước từ thùng gỗ rửa tay cho ta.

Một người nào đó từ trong những người có mặt vội thi hành mệnh lệnh. Lúc ấy người chần chừ hốt một ít than hồng trong lò vào nắp vung rồi rắc từng dùm cây thuốc mà lão lấy trong chiếc túi vải gai dày cộp đeo trên vai rắc lên than, rồi bắt đầu khoan thai đi đến góc phòng. Đến mỗi góc, lão dừng lại, thổi phù phù vào than hồng cho đến khi cây thuốc bốc lên thành một cuộn khói, lão đọc kinh lạ Chúa rồi quay trở lại bên đầu người sắp chết, để rồi sau đó chuyển đến góc nhà khác.

Toàn bộ những thủ tục kia kéo dài gần một tiếng đồng hồ. Cuối cùng lão chần chừ tiến lại gần Ma-rư-sia, xem xét phía dưới mi mắt cô và gật gù.

- Cô ta sẽ sống, - lão nói đầy tin tưởng. - Tôi đã bỏ bùa thần chết. Nhưng thần chết hùng mạnh lắm. Thần không chịu đầu hàng ngay cả những bùa chú mạnh nhất. Nơi nào thần đã định ở lại thì không có cố vật, thần không chịu bỏ đi, không chịu trắng tay đâu. Vì vậy, các người hãy chọn lấy một con gà mái, đúng nửa đêm, ngay dưới cửa sổ này, cắt tiết nó. Thế người bệnh là gái đồng trinh hay gái có chồng?

- Đồng trinh. - Ông Kô-si-ba đáp.

- Thế thì cần phải gà trắng. Các người có con gà mái trắng nào không?

- Có. - Ôn-ga gật đầu, chị lắng nghe rất trang nghiêm.

- Thế thì cắt tiết nó. Sau đó hầm nó lên và cho người ốm ăn trong bốn ngày liền. Lạy Chúa che chở, không được cho ăn gì khác, chỉ con gà ấy và xúp nẫu bằng thịt nó mà thôi. Còn bây giờ thì các người đừng có cảm ơn, vì chuyện đó sẽ không có lợi, tôi về đây. Cầu cho sáng danh Chúa Giê-xu Chris!

- Đời đời, a-men, - những người có mặt đáp lại.

Tất cả mọi người cùng ông lão chần cừ bước ra ngoài, chỉ mỗi mình Zô-nhi-a ở lại. Chị khẽ chạm vào sườn thầy lang đang suy tư và hỏi:

- Ông An-tô-ni, sao, có giúp được gì không?

- Không biết, - ông nhún vai.

- Ông thấy không, tôi nghĩ là những chuyện đại loại thế này đều là chuyện vớ vẩn cả thôi. Liệu việc đốt trầm hương và lẩm bà lẩm bẩm có thể giúp được gì cho người ốm cơ chứ?... Ông chồng đã mồ yên mả đẹp của tôi, người đã từng lang bạt trên thế giới và trong chiến trận, thì cười mỉa những chuyện này. Lẩm bẩm với chả đốt trầm hương đâu phải là thuốc. Ông chữa theo cách khác hẳn, thế tại sao ông phải mời lão chần cừ làm gì cho rách việc ra! Giờ thì lão ta có thể nói với mọi người là khi nào ông không thể làm gì được nữa, lão ta vẫn có thể làm được. Còn nếu cái cô Ma-rư-sia này sống được thì không có lão ta cúng vẫn sẽ sống kia mà. Nhưng giờ, đối với ông, tốt nhất là cô ta cứ chết quách là hơn, vì rằng...

Chị chàng đột nhiên ửng hân dưới mắt của ông An-tô-ni rồi lúi sút đến chân tường.

- Ông làm sao thế, ông làm sao thế, ông An-tô-ni! - Chị mau mồm xí xóa. - Thì tôi có mong điều gì xấu... Chỉ mong tốt cho ông thôi mà... Nói có Chúa chứng giám. Tôi chẳng cầu cho ai chết cả... Mới có thể mà ông đã... Ôi! họa có Chúa mới hay ông đã nghĩ thế nào. Thôi, đừng giận nữa mà, đúng nửa đêm, tôi sẽ cắt tiết một con gà mái ngay dưới cửa sổ này. Tôi sẽ chọn một con thật trắng, trắng tuyền...

- Đi đi, Zô-nhi-a, đi đi, để tôi ngồi một mình, - thầy lang thều thào.

- Tôi đi đây. Chúc ông ngon giấc, An-tô-ni, ông cũng phải ngả lưng một chút, phải nghỉ ngơi chứ. Ông ốm thật mất thôi. Còn về chuyện gà thì đừng lo. Tôi sẽ làm đúng như lời lão chăn cừu đã dặn. Chúc ông ngủ ngon.

Chị bước ra, và im lặng lại bao trùm. Chỉ có hơi thở rít lên của Ma-rư-sia chứng tỏ rằng trong sự lặng lẽ và tĩnh mịch này vẫn có điều gì đó đang diễn ra, có một thứ gì đó đang gấp gáp, rất gấp gáp hướng về cái kết cục không sao tránh khỏi.

Thầy lang đẩy cái ghế đầu đến gần, tỳ khuỷu tay vào mép bàn và nhìn chăm chăm vào những mạch máu màu xanh nhợt trên mi mắt đang nhắm nghiền của cô gái.

Ông đã làm tất cả những gì mà sự hiểu biết bảo ông phải làm, những gì mà lý trí sáng suốt bảo ông, thậm chí cả những điều ngược với lý trí, ngược với lòng tin, làm theo sự mách bảo của nỗi tuyệt vọng cùng cái bản năng tìm phương trợ giúp và ứng cứu ở những thế lực siêu phàm không sao hiểu nổi và có thể hoàn toàn không hề tồn tại, cái bản năng ẩn náu đâu đó trong những chỗ khuất nẻo của tâm hồn.

Thời gian trôi đi, ngoài cửa kính bóng đêm dần đặc quánh lại. Ông An-tô-ni Kô-si-ba nghĩ mãi về bản thân mình, về số kiếp mình, về cuộc đời trống trải từ trước đến nay của mình, cuộc đời vô vị và không hề ràng buộc gắn bó với một thứ gì, gắn bó với loài người cũng không gắn bó với thế gian. Phải, không chút gắn bó. Bởi lẽ chỉ có thể gắn bó bởi tình cảm. Không phải bánh mì, không phải bản thân cuộc sống, không phải lòng tốt và sự chân thành của người khác, thậm chí cũng không phải lòng tin rằng ta mang lại lợi ích cho ai, mà chỉ có tình cảm. Và chỉ cần ta yêu ai đó với tất cả tấm lòng, thì số phận đã lại cướp đi, đã lại tước mất, đã lại lấy đi mất...

- Lại giống như hồi trước, - có gì đó chọt lên tiếng trong lòng ông, ông bất giác đưa tay chà chà lên trán.

Đột nhiên ông nhớ ra rằng, ngày trước, đã lâu lắm rồi, lâu vô cùng, dường như trong kiếp trước, ông đã từng chịu một sự mất mát giống như thế này. Ôi, ông chắc lắm. Số phận đã lấy đi của ông một người nào đó,

một người mà ông yêu thương, thiếu người đó ông không thể nào sống nổi...

Mạch máu giật giật trên thái dương, những ý nghĩ quay cuồng trong cơn xoáy lốc điên loạn trong đầu óc.

- Chuyện thế nào nhỉ?... Khi nào?... Ở đâu?... Vì đã từng có mà... Chắc hẳn là đã từng xảy ra...

Ông nghiêng chặt răng, xiết chặt những ngón tay khiến các móng tay đâm sâu vào lòng bàn tay đến độ đau đớn.

- Nhớ lại... nhớ lại... Ta phải nhớ lại bằng được...

Những dây thần kinh mệt mỏi dường như rung lên bần bật trong nỗi căng thẳng quá sức. Ý nghĩ tan tác thành bọt trắng, vô hình thù, giống như nước trong guồng cối xay, tựa một bức tranh mờ ảo mơ hồ không ổn định bắt đầu những vết cào xước... Một khuôn mặt trái xoan dịu dàng... Nụ cười nửa miệng tô điểm làn môi, mái tóc màu sáng và cuối cùng - đôi mắt - đôi mắt màu đen, sâu thẳm, khôn dò...

Từ cổ họng khô khốc, đang bị thít chặt của ông An-tô-ni bật ra một lời xa lạ mà vô cùng quen thuộc, một cái tên chưa từng nghe mà lại rất gần gũi:

- Bê-a-ta...

Ông thầm nhắc cái tên ấy trong nỗi kinh ngạc, hãi hùng lẫn niềm hy vọng, cùng diễn ra đồng thời. Ông cảm thấy trong lòng ông có một điều gì đó đang xảy ra, rằng ông đã phát hiện ra một thứ gì đó vô cùng kỳ vĩ, rằng chỉ một giây nữa thôi là một điều bí ẩn lớn lao sẽ mở ra trước mắt ông...

Ông gò người vào, co quắp.

Đột nhiên, ngoài cửa sổ vang lên tiếng kêu kinh hoàng của loài chim trong sự tĩnh mịch. Một, hai rồi ba tiếng...

Ông An-tô-ni Kô-si-ba bật dậy và thoát tiên không hiểu điều gì xảy ra. Mãi một lúc sau ông mới hiểu.

- Đó là Zô-nhi-a đang cắt cổ gà... Một con gà mái trắng... Nửa đêm rồi...

Ông nhanh nhẹn lại gần Ma-rư-sia. Sao ông có thể rời cô lâu đến thế... Ông chạm tay vào cô, vào má, vào trán... Ông bắt mạch, nghe hơi thở.

Không nghi ngờ gì nữa, cơn sốt đã hạ, hạ rất nhanh. Chỉ có gò má và bàn tay là còn ấm ấm.

- Con bé lạnh rồi, thế là hết, - ông nghĩ thầm.

Không để phí thời gian, ông chắt to lửa trong lò sưởi, để ngay một nắm thuốc vào chiếc song nhỏ. Vài phút sau, thuốc trợ tim đã sắc xong. Ông đổ vào miệng người ốm ba thìa, sau chừng một giờ ông thấy mạch có vẻ khá hơn. Ông bèn cho uống thêm một lần nữa.

Mười lăm phút sau, Ma-rư-sia mở mắt. Rồi cô lại nhắm mắt vào, để lại mở ra lần nữa. Môi cô mấp máy không thành tiếng và hình như cô mỉm cười. Mắt cô nhìn tỉnh táo.

Thầy lang cúi xuống nhìn cô thì thầm:

- Con bồ câu nhỏ của bác, niềm hạnh phúc của bác... Cháu có nhận ra bác không?... Nhận ra không?...

Môi Ma-rư-sia mấp máy, và mặc dù không tài nào nghe tiếng cô, nhưng qua cách cử động đôi môi, ông hiểu rằng cô đã nói ra, nói chính cái tên mà bao giờ cô vẫn dùng để gọi ông:

- Bác An-tô-ni...

Bởi ngay sau đó, cô thở một hơi dài, mi mắt cô khép lại và hơi thở đều đều, nhịp nhàng bắt đầu làm phập phồng ngực cô.

Cô gái ngủ.

Thầy lang úp mặt xuống đất, ông lảo đi lảo lại trong cơn thôn thức lớn lao của niềm hạnh phúc:

- Hỡi Chúa, xin cảm ơn Người... Cảm ơn Người, hỡi Chúa...

Trời đã sáng. Mọi người ở cối xay đã tỉnh giấc. Vi-ta-lix đi mở cổng, cậu Va-sin ra chuồng ngựa, bà A-ga-ta và Ô-n-ga dọn dẹp trong bếp, còn Zô-nhi-a đang ngồi ở cửa vật lông con gà trắng.

CHƯƠNG XIV

Sau hai tuần trắng vắng mặt ở Ra-đô-li-xki, bác sĩ Pa-vơ-li-xki về, ngay ngày hôm sau lại được mời đến trang Rai-ep-strư-zơ-na của ông bà Xki-rơ-vôi-nốp, nơi một người thợ làm công bị hái xiển vào tay.

Chính khi ấy anh mới nhận ra là không có túi đồ mỗ. Bác sĩ tin chắc rằng đã mang va-li về trong đêm hôm ấy, cả người hầu cũng cam đoan như thế, còn bà Mac-xư-sia thì thề rằng anh không mang về. Người ta lục khắp nhà, từ dưới hầm lên trên tầng áp mái - không có kết quả, và bác sĩ đành đi cấp cứu với những dụng cụ thông thường lấy từ phòng làm việc. Trên đường trở về trang Rai-ep-strư-zơ-na, anh rẽ qua Lu-đơ-vi -kốp để hỏi lại người tài xế ở đó.

Tài xế nhớ rất chính xác rằng ngài bác sĩ đã mang chiếc va-li ra khỏi nhà và đặt vào xe, bác ta nhớ rằng trên đường về - cả ở thị trấn, ở Lu-đơ-vi-kốp, lẫn tại nhà ga xe lửa - không ai lấy nó ra khỏi xe cả. Bác ta cũng chợt nhớ ra rằng khi cậu chủ được khiêng ra khỏi nhà, thì ông thầy lang có quanh quần gần xe.

- Nếu như có ai lấy, thì đúng là ông ta thôi, - tài xế kết luận.

Hắn rồi, bác sĩ đập tay vào trán. - thế mà không hiểu sao tôi không nghĩ ngay tới điều ấy! Dĩ nhiên là thế. Đó là việc hoàn toàn rõ ràng, thì chính mồm ông ta nói rằng sẽ thử mỗ cho cô gái nếu như có dụng cụ kia mà. Nào, giờ thì tôi tóm được con chim kia rồi! Thế ông có biết cô Ma-rư-sia, người cùng bị tai nạn với ngài kỹ sư, còn sống không?

Tài xế không biết, nhưng ở Ra-đô-li-xki người ta đồn ầm ĩ về việc đó, và ngay khi vừa về đến nhà, bác sĩ Pa-vơ-li-xki thành thật ngạc nhiên khi nghe tin cô gái ấy vẫn đang còn sống và có thể sẽ khỏi. Một số người thì nói đó là do ông thầy lang ở cối xay, một số khác thì bảo do ông chẵn cừ ở Pie-trơ-ki, song tất cả không khỏi hài lòng - sự hài lòng đích thực của người bình dân trong những trường hợp như thế - mà nhấn mạnh rằng tri thức bí ẩn của nghề lang có khả năng cứu nhân độ thế ngay cả những nơi mà khoa học tuyên bố tình trạng tuyệt vọng.

Những lời đồn đại kia khiến bác sĩ bức bối đã đành, nhưng lại làm anh ta thêm tin chắc vào nỗi nghi ngờ đúng đắn của mình. Thì chính anh khi ấy đã khám kỹ chi cô gái kia, anh đã khẳng định, không một chút nghi ngờ nào nữa, là cô bị đập đậy hộp sọ. Nếu có là bác sĩ ngoại khoa anh ta cũng không dám mổ cái ca mà anh ta coi là vô mục đích kia. Dĩ nhiên anh không loại trừ một trường hợp hoàn toàn ngoại lệ, trong đó (một nghìn ca may có một) ca mổ có thể thành công. Ngược lại anh hoàn toàn chắc chắn loại trừ khả năng người bị thương có thể sống nổi lấy vài tiếng đồng hồ nếu không tiến hành phẫu thuật khoan sọ não và loại bỏ các dăm xương. Và anh càng chắc chắn rằng không có các dụng cụ phẫu thuật chính xác, không thể nào tiến hành ca mổ thắng lợi được.

Mà từ đó có thể suy ra rằng dụng cụ của chính anh đã bị ông lang Antô-ni Kô-si-ba đánh cắp.

Chính những luận điểm ấy đã được anh trình bày vào sáng ngày hôm sau tại đồn cảnh sát cho cảnh sát trưởng Zi-ô-mếch nghe, và đòi ông ta phải tiến hành mọi biện pháp điều tra, phải khám xét và bắt ngay ông thầy lang vì hai tội: ăn cắp và hành nghề chữa bệnh trái phép.

Cảnh sát trưởng Zi-ô-mếch nghiêm trang lắng nghe những lời buộc tội rồi đáp:

- Nhiệm vụ của tôi là phải ghi thành biên bản lời khai báo của ngài bác sĩ. Tôi cũng nghĩ là ngài bác sĩ có lý. Chỉ mỗi mình ông Kô-si-ba có thể lấy chiếc va-li dụng cụ đó. Cũng hẳn là ông ta không có quyền hành nghề y, và vì thế phải chịu trách nhiệm về chuyện ấy. Nhưng mặt khác, như chính ngài bác sĩ đã nói, không có các dụng cụ của ngài thì ông ta không làm gì được, còn khi có các dụng cụ đó ông ấy đã cứu được một mạng người, mặc dù không được phép, nhưng có phải chính vì thế ngài muốn diệt một con người không?

Bác sĩ nhú mày.

- Ông đồn trưởng! Tôi không rõ, với tư cách một quan chức cảnh sát ông có quyền thẩm định tội phạm hay không. Là một công dân, tôi hiểu

rằng đó là việc của tòa án. Việc phân định ý muốn tốt hay xấu của tội phạm không thuộc vào quyền hạn của chúng tôi. Vì vậy, khi tố cáo, tôi có quyền mong rằng ông sẽ tiến hành xử lý theo đúng thủ tục quy định. Tôi đòi hỏi phải soát nhà và bắt giam kẻ cắp.

Viên cảnh sát gật đầu.

- Được thôi, thưa bác sĩ, tôi sẽ làm những gì mà công vụ buộc tôi phải làm.

- Với tư cách người bị thiệt hại, liệu tôi có quyền có mặt khi soát nhà không?

- Tất nhiên, - Zi-ô-mếch đáp khô khan.

- Khi nào ông đồn trưởng định làm việc đó?

Zi-ô-mếch nhìn đồng hồ.

- Ngay lập tức. Tôi không muốn để có kẻ phàn nàn nữa là tôi lẽ mề trong công vụ.

- Bây giờ tôi còn phải đi ăn trưa, - bác sĩ nhắc. - Có thể sau hai tiếng đồng hồ nữa chúng ta hãy lên đường đến cối xay chăng?

- Không, thưa bác sĩ. Việc soát nhà sẽ tiến hành ngay bây giờ. Nếu như ngài muốn có mặt trong lúc soát...

- Đành vậy, tôi sẽ đi với ông.

Zi-ô-mếch gọi một trong hai nhân viên dưới quyền và ra lệnh cho anh ta tìm một chiếc xe ngựa.

Ở cối xay, người ta hoàn toàn không ngờ có khách tới thăm. Cuộc sống nơi đây vẫn trôi theo dòng cũ, chỉ có một điều khác là giờ đây ông An-tô-ni Kô-si-ba hoàn toàn không tham gia vào công việc ở cối xay và cũng ít tiếp người ốm hơn trước, nếu có, ông cũng chỉ tiếp những người ấy ngoài sân hoặc ở hiên trong những ngày trời ẩm ướt, chứ không cho họ vào nhà.

Trong nhà, Ma-rư-sia nằm trên một chiếc giường trải vải sạch bong. Cô gái khỏe lại nhanh không ngờ. Sức sống của cơ thể trẻ trung đã làm công việc của nó. Vết thương sau khi mổ đã liền miệng rất tốt, cô gái ăn càng ngày càng ngon miệng hơn. Những lo ngại ban đầu của thầy lang là do cô bị chấn thương có thể ảnh hưởng đến chức năng này nọ, may thay, là những lo lắng không cần thiết. Cô gái cử động vai, tay, và cả chân rất thoải mái. Rõ ràng bộ óc đã không bị một tổn thương vĩnh viễn nào, vì thị lực và thính lực hoạt động không chệch vào đâu, và cô gái vẫn nói bằng cái giọng ấm áp trước đây, suốt hàng giờ liền trò chuyện với người đỡ đầu của mình.

Nỗi lo đầu tiên của cô gái khi tỉnh lại là: chuyện gì đã xảy ra với Lê-sếch? Khi cô nghe nói rằng chàng không bị một vết thương nào trầm trọng và cha mẹ chàng đã đưa chàng ra nước ngoài chữa bệnh, cô thở phào nhẹ nhõm.

- Chỉ mong sao cho chàng khỏe lại!

Cô hoàn toàn không nhớ gì về diễn biến của tai nạn. Cô không hề nhận thấy có vật nằm ngang đường. Cô nhớ rằng họ phóng khá nhanh và rồi đột nhiên cô lao vọt lên không. Tất cả chỉ có thế. Cô không hề cảm thấy đau đớn, cũng không cảm thấy sốt. Khi cô mở mắt ra, cô ngạc nhiên thấy mình nằm trong một căn phòng lạ, chứ không phải đang ngồi trên xe mô-tô giữa những lùm cây. Cô cũng không sao hình dung nổi rằng cô đã từng đặt một chân sang thế giới bên kia. Ông An-tô-ni Kô-si-ba không hề nhắc lại một lời nào về cuộc chiến đấu bi thảm của mình giành giật sự sống cho cô, ông cũng không nói là cô bị thương nặng và nghiêm trọng đến mức nào.

- Con bồ câu của bác, cháu bị gãy một mẫu xương gáy, và vì vậy bác đành phải băng cho cháu theo kiểu bất tiện này vậy. Nhưng đừng động đậy nhé, cháu vàng ngọc của bác, cầu Chúa che chở, cháu chớ có đụng đậy đâu, đừng cố nhúc nhích, nếu không toàn bộ chỗ xương đang liền sẽ hỏng hết đấy.

Cô gái hứa vâng lời, nhưng chỉ hôm sau cô đã hỏi xem cô sắp dậy được chưa.

- Cháu phải nằm yên một thời gian, - thầy lang đáp tránh đi. Ông hiểu rằng việc đó phải kéo dài chừng hai tháng, song ông không muốn làm cô buồn. Vậy nên khi cô than phiền vì sẽ bị mất việc ở cửa hàng bà Skốp-kô-va nếu phải nằm lâu hơn nữa, khi cô đòi đứng dậy thử, ông mắng cô:

- Đừng trêu tức Thượng đế! Hãy cảm ơn chúa là cháu đã qua khỏi. Phải nghe lời bác nếu cháu không muốn gặp chuyện chẳng lành!

- Thôi, thôi, được rồi, bác An-tô-ni thân yêu, - cô mỉm cười với ông, hai tay chấp lại. - Xin bác đừng giận.

- Bác giận sao được! - Ông rặng ngời khuôn mặt. - Làm sao bác có thể giận cháu được cơ chứ, vầng mặt trời của bác!

- Cháu gây nên biết bao phiền hà...

- Sao lại phiền hà! - Ông phản đối. - Đó là niềm vui to lớn nhất đối với bác. Thế còn, nếu nói đến bà Skốp-kô-va, thì cháu đừng nghĩ đến chuyện trở về đó nữa.

- Sao lại thế ạ?

- Thế cháu về đó làm gì kia chứ, con bồ câu nhỏ?... Ồ, khi nào khỏi hẳn, cháu sẽ ở lại đây với bác...

Ông mỉm cười và nói thêm:

- Nếu cháu muốn.

Ông An-tô-ni không thừa nhận những nỗi phiền toái mà Ma-rư-sia nói đến, vì tất cả những việc ông làm cho cô, ông đều không coi là chuyện phiền hà. Mà những việc ấy thì nhiều lắm. Hàng ngày ông phải bế cô trên tay, chuyển sang giường mình đặt trong hốc tường, rồi cẩn thận thay vải trải giường cho cô, phải dùng khăn mặt nhúng vào nước ấm lau mặt và tay cho cô như một đứa trẻ sơ sinh.

Còn những việc khác của người ốm, ông gọi ai đó trong đám phụ nữ, nhất là cô bé Na-tan-ka, cô bé gần như ngưỡng mộ Ma-rư-sia, song ông cũng phải giúp một tay, vì không người đàn bà nào có đủ sức để bế bồng

Ma-rư-sia lên cả. Thoạt tiên cô gái rất ngượng khi ông có mặt, nhưng rồi cô cũng quen khi xem "bác An-tô-ni" như một người đỡ đầu hay như một người cha.

Cô tâm sự cởi mở với ông về tất cả mọi chuyện chỉ không động đến một chủ đề. Cô nhận thấy rằng mỗi khi nhắc đến cậu chủ Trưn-xki, mặt ông lại u ám hẳn. Cô đoán rằng ông xem Lê-sếch là kẻ gây ra tai nạn, qua tai nạn đó ông mới được biết về những cuộc đi chơi tay đôi của họ vào rừng, điều mà ông cũng không thể tha thứ. Giá như cô có thể nói thẳng ra với ông:

- Bác An-tô-ni, bác đừng trách anh ấy, anh ấy là một chàng trai trung thực, anh ấy yêu cháu và sẽ cưới cháu làm vợ.

Nhưng cô không có quyền nói ra điều đó. Cô phải chờ tin của người chồng chưa cưới. Và vì vậy, thỉnh thoảng cô lại hỏi xem có thư gửi đến cho mình không.

Thầy lang đoán ra cô đang mong thư ai, nên lần nào ông cũng chỉ lẩm bẩm đáp cộc lốc:

- Không có.

Và ông nói với cái giọng dường như định nói thêm - và sẽ không có đâu.

Bản thân ông, trong thâm tâm hoàn toàn tin chắc vào điều đó, tin chắc hệt như Ma-rư-sia tin vào điều ngược lại vậy.

- Chàng công tử chơi bời, cô thiếu nữ nhẹ dạ, - thầy lang nghĩ bụng, - suýt nữa thì anh ta đã đưa con bé sang thế giới bên kia, đã làm nó bị thương, bây giờ thì chắc đã tìm được một cô khác ở ngoại quốc. Thậm chí sẽ không viết cho con bé lấy một lời cho mà xem.

Và những điều tiên đoán của ông Kô-si-ba có vẻ có cơ sở. Đã nửa tháng trôi qua kể từ ngày xảy ra tai nạn mà không có một lá thư nào, thậm chí không một ai được chàng Trưn-xki phái đến để hỏi thăm sức khỏe cô gái.

Nhưng Ma-rư-sia vẫn không mất hy vọng và vẫn trông ngóng chàng. Bao nhiêu lần lắng nghe tiếng bánh xe tiến lại gần cối xay, nhận ra đó không phải là tiếng xe bình thường của nông dân, mà là xe ngựa nhẹ, bấy nhiêu lần trái tim nàng lại đập mạnh hơn.

Cả hôm ấy cũng thế. Nhưng hóa ra đó không phải là chiếc xe song mã từ Lu-đơ-vi-kốp mà là xe ngựa nhẹ do đồn cảnh sát mượn trong huyện. Trong xe có cảnh sát trưởng Zi-ô-mếch, một viên cảnh sát khác và bác sỹ Pa-vơ-li-xki.

Thầy lang đang bận bón thức ăn cho Ma-rư-sia, ông chỉ nhìn thoáng ra cửa sổ rồi lại nhúng thìa vào bát, thì vừa lúc cánh cửa mở.

- Xin chào, - cảnh sát trưởng nói ngay từ ngưỡng cửa. - Chúng tôi có việc phải gặp ông, ông Kô-si-ba. Cô Ma-rư-sia ra sao rồi?

- Cảm ơn ông cảnh sát trưởng. Tôi đã khá hơn, - cô gái vui vẻ cất tiếng.

- Vậy thì ơn Chúa.

- Các ông cho phép người bệnh ăn xong bữa đã, - thầy lang buồn bã đề nghị.

- Chứ sao, cứ để cô ấy ăn xong bữa. Chúng tôi sẽ chờ, - Zi-ô-mếch đồng ý và ngồi xuống chiếc ghế dài.

Bác sỹ Pa-vơ-li-xki lại gần giường, im lặng nhìn Ma-rư-sia.

- Không sốt à? - Cuối cùng anh ta hỏi.

- Có sốt, nhưng bây giờ thì không, - ông Kô-si-ba đáp.

- Chân và tay vẫn hoạt động chứ?... Không chỗ nào bị liệt à?

- Kìa, ngài bác sỹ, - Ma-rư-sia kêu lên, - tôi hoàn toàn khỏe mà. Chỉ có điều hơi bị mệt. Giá như cái khúc xương nhỏ ở gáy liền hẳn, tôi có thể đứng dậy được ngay.

Bác sỹ cười khô khan.

- Khúc xương nhỏ à?... Khúc xương nhỏ ra nhỏ! Cô không hiểu gì hết, thưa cô. Đó là đập vỡ đáy hộp sọ...

Thầy lang ngắt lời:

- Tôi đã sẵn sàng. Các ông cần gì?

Ông đặt chiếc bát không xuống và đứng dậy như để che chiếc giường của Ma-rư-sia khỏi mắt bác sĩ.

- Ông Kô-si-ba. - cảnh sát trưởng lên tiếng, - sau khi có tai nạn, có phải ông đã tiến hành mổ?... Phẫu thuật sọ não?

Thầy lang nhìn cảm xuống đất.

- Nhưng nếu thế, thì sao?

- Ông không phải là thầy thuốc có bằng cấp. Ông biết rằng luật pháp cấm việc đó chứ?

- Biết chứ. Nhưng tôi cũng biết rằng một thầy thuốc có bằng cấp, người mà theo luật có trách nhiệm cứu người, thì ở đây lại không muốn cứu.

- Không đúng, - bác sĩ Pa-vơ-li-xki xen ngang. - Tôi có muốn, tôi đã khám cho người bị thương. Nhưng tôi xem là tình trạng vô vọng. Nạn nhân đã hấp hối.

Thầy lang thấy mắt Ma-rư-sia chột mở to và khuôn mặt cô đột nhiên tái nhợt.

- Hoàn toàn không phải, - ông phản bác. - Không hề có một nguy hiểm nào hết.

Bác sĩ phẫn nộ đến nỗi máu dồn hết lên đầu.

- Sao lại thế được?! Thế khi ấy chính mồm ông nói sao?

- Tôi không hề nói gì hết.

- Đó là một sự dối trá.

Thầy lang im lặng.

- Không quan trọng, - cảnh sát xen vào. - Dù thế này hay thế khác, ông Kô-si-ba ạ, ông vẫn phải chịu trách nhiệm về việc đó. Mặc dù tôi cũng phải

giải thích để ông rõ là trách nhiệm ấy cũng không có gì là lớn, bởi ở đây không có ai bị gây hại. Không những không có ai bị đau khổ vì sự vi phạm của ông mà lại còn có người được sự vi phạm đó cứu cho thoát chết. Nhưng việc thứ hai quan trọng hơn: Ông đã dùng dụng cụ nào để tiến hành phẫu thuật?

- Thế không phải dụng cụ nào cũng được hay sao?...

- Không. Bởi lẽ bác sĩ Pa-vơ-li-xki đang kết tội ông chiếm hữu dụng cụ của ông ta.

- Không phải là chiếm hữu mà là ăn cắp. - bác sĩ nhấn mạnh vẻ cứng rắn.

- Vậy là ăn cắp, - cảnh sát trưởng lặp lại. - Ông có nhận không, ông Kô-si-ba?...

Thầy lang cúi đầu im lặng.

- Ông đồn trường! - Bác sĩ kêu lên. - Xin ông cứ tiến hành khám nhà. Chiếc va-li chắc phải được giấu đâu đây trong khu nhà phụ này thôi.

- Xin lỗi bác sĩ, - viên cảnh sát nhận xét, - xin đừng ra lệnh cho tôi phải làm gì. Đó là việc của tôi.

Ông ta im lặng một lát rồi quay lại với thầy lang:

- Ông có nhận không?

- Vâng.

- Tại sao ông lại làm việc đó?... Có phải vì háms lợi hay vì thiếu những dụng cụ ấy ông không thể cứu nổi nạn nhân của vụ tai nạn?

- Đó không phải là câu hỏi, - bác sĩ Pa-vơ-li-xki kêu lên. - Đó là mách nước. Và chẳng, vẫn là điều tưởng tượng, vì nếu cái... ông lang này nghĩ thế thì ông ấy đã trả lại cái va-li mà ông ta ăn cắp rồi mới phải.

- Ông còn giữ cái va-li ấy không?

- Còn.

- Ông sẽ tự nguyện trả lại chứ?

- Tôi sẽ trả.

- Nó ở đâu?

- Tôi sẽ mang lại đây bây giờ.

Ông thông thả bước ngang qua cạnh họ, mở cửa. Qua cửa sổ họ trông thấy dáng cao cao, hơi cúi khom khom của ông. Trong phòng không ai nói một tiếng nào. Vài phút sau, ông Kô-si-ba trở lại với chiếc va-li.

- Có phải cái này không? - Viên cảnh sát trưởng quay lại hỏi bác sĩ.

- Phải, đây là va-li của tôi.

- Xin bác sĩ hãy kiểm tra lại xem có thiếu thứ gì trong đó không.

Pa-vơ-li-xki mở va-li, nhìn lướt qua các thứ bên trong.

- Không, hình như không thiếu gì cả.

- Tôi không thể căn cứ vào chuyện "hình như" được, -Zi-ô-mếch nói bằng giọng quan chức hành chính. Đề nghị khẳng định một cách hoàn toàn chắc chắn hoặc cung cấp tên gọi những đồ vật bị mất.

- Không thiếu thứ gì hết, - bác sĩ chữa lại.

- Vậy thì ta viết biên bản.

Zi-ô-mếch lấy giấy trong cặp ra và bắt tay vào viết. Trong phòng, im lặng bao trùm.

Bác sĩ Pa-vơ-li-xki khá đủ nhạy cảm để nhận thấy nỗi ác cảm của tất cả mọi người đang có mặt đối với mình, kể cả người cảnh sát không nói một lời kia. Nỗi ác cảm và sự lên án. Phải chăng họ có lý! Nhưng anh ta có điều gì để tự trách mình đâu kia chứ? Anh hành động hợp với lương tâm, hành động theo đúng những gì nghĩa vụ công dân, nghĩa vụ thày thuốc khuyên anh ta nên làm. Nếu như trong khi hoàn thành những nghĩa vụ ấy, anh lại đạt được thêm một lợi ích cá nhân là gạt bỏ được đối thủ cạnh tranh thì đó cũng vẫn là tốt kia mà. Người ta được quyền đấu tranh sinh tồn, hơn nữa anh lại đấu tranh bằng những cách thức hợp pháp. Luật pháp và đạo

đức xã hội đứng về phía anh. Giá như anh không phải là bác sĩ, giá như lão thầy lang này không tước mất bệnh nhân của anh, thì anh cũng vẫn đòi phải trừng trị con người này kia mà.

Nhà nước chăm lo đến sức khỏe của các công dân bằng hàng trăm qui định và điều luật. Nhà nước đòi hỏi ở mỗi thầy thuốc công trình học tập nhiều năm, đòi hỏi phải thực tập thật dày dặn, phải có đầy đủ kiến thức và có trình độ đạo đức cao cả. Ấy thế mà nơi đây, một gã nông dân tầm thường, dốt nát, lại dám vi phạm luật pháp. Việc ông ta có vài ca mổ thành công chẳng hề có ý nghĩa gì hết. Trong hàng nghìn trường hợp khác ông ta lại có thể là kẻ giết người. Vậy thì nhân danh cái gì, một bác sỹ y khoa, - người đã bỏ hàng đồng tiền của, đã mất bao nhiêu năm học hành tu luyện nghề nghiệp của mình, lại phải tự nguyện từ bỏ những quyền năng được giao phó, lại thản nhiên nhìn hành động nguy hiểm và có hại của một kẻ bình dân và để cam chịu chết đói nữa chứ?

- Nhân danh cái gì?!

Phải chăng chỉ vì những người tuy chân thực đấy nhưng lại thiếu trí thức, không chịu ca tụng cương vị của anh?... Nhưng với tư cách là một người trí thức, người duy nhất có trình độ đại học ở chốn này, anh ta có nhiệm vụ phải dạy cho họ, có nhiệm vụ giải thích cho họ thấy rõ rằng anh ta đang hành động một cách thông minh và đúng đắn, rằng nghề lang băm là một nguy cơ đối với xã hội, rằng luật pháp phải được tôn trọng, rằng mọi loại ăn cắp đều là ăn cắp, không hề phụ thuộc vào động cơ này hay nọ. Rằng một xã hội văn minh, rằng nhà nước và tất cả mọi công dân có ý thức đều có trách nhiệm bảo vệ trong mọi trường hợp các trật tự đã được qui định.

Dĩ nhiên, trong mô-típ hành động của Kô-si-ba có nhiều cơ sở để giảm nhẹ bản án. Nhưng điều đó còn tùy thuộc vào Tòa án...

Không, bác sĩ Pa-vơ-li-xki không hề có gì để tự trách mình ở đây cả. Có lẽ duy chỉ lòng tự hào bẩm sinh đã không cho phép anh ta tự hạ mình để

thanh minh trước những con người kia, và chẳng chuyện ấy cũng chẳng mang lại kết quả gì.

Anh đứng im lặng, đầu ngẩng cao, môi mím chặt, và như không nhận thấy những ánh mắt ác cảm.

Cảnh sát trưởng Zi-ô-mếch viết xong biên bản, đọc lại một lượt, những người có mặt ký tên.

- Ông còn phải ký thêm lời cam đoan sẽ không đi đâu xa, - ông ta quay ra bảo ông Kô-si-ba, - ồ, chỗ này. Ông không được phép đi đâu xa trước khi báo cho cảnh sát biết.

- Sao vậy? Bác sĩ ngạc nhiên. - Thế ông không bắt ông ta sao?

- Tôi không thấy có lý do gì để bắt. - cảnh sát trưởng nhún vai.

- Có lẽ một vụ ăn cắp có tang vật?...

- Thế thì sao ạ?... Người ta chỉ bắt khi có những lý do để lo ngại bị cáo sẽ trốn chạy, còn tôi thì tin chắc rằng ông ta sẽ không chạy trốn.

- Sự tin chắc ấy có thể nhầm lẫn đấy.

- Thế thì tôi sẽ phải chịu trách nhiệm, thưa ngài bác sĩ. Và lại, tôi sẽ gửi việc này sang bên công tố viên. Có thể ông ấy sẽ ra lệnh bắt nếu ông chạy lo việc ấy. Nhưng tôi không tin lắm. Sau khi thành án người ta sẽ bắt giam, tất nhiên nếu là bản án kết luận có tội. Thôi, ta cũng chẳng còn việc gì làm ở đây nữa. Chào ông Kô-si-ba! Xin chúc cô mau bình phục, cô Mar-rư-sia!

Họ bước ra và lát sau tiếng lọc cọc của xe song mã báo rằng họ đã đi hẳn.

Thầy lang đứng lặng cạnh cửa ra vào. Khi quay mặt lại, ông thấy Mar-rư-sia nước mắt chứa chan.

- Cháu làm sao thế, con bồ câu nhỏ, cháu làm sao?- Ông lo lắng hỏi.

- Bác ơi, bác An-tô-ni thân yêu ơi, cháu gây cho bác biết bao chuyện đau lòng. Tất cả chỉ là vì cháu!

- Bình tĩnh lại nào, con bồ câu nhỏ, đừng khóc cháu. Chuyện gì mà đau lòng. Bác chẳng bị làm sao đâu.

- Nếu người ta bỏ tù bác, có nhẽ cháu sẽ chết vì tuyệt vọng mất thôi!

- Người ta không bỏ tù đâu, không đâu!... Mà nếu như họ có bắt thì đã sao? Bác cũng chẳng mất gì kia mà^[43].

- Đừng nói thế, bác. Nếu thế thì quá đổi bất công.

- Linh hồn nhỏ nhoi của bác, trên thế gian này có nhiều bất công hơn là sự công bằng đấy cháu ạ. Còn ở đây, nói thật tình, bác cũng đang bị xử tội. Bác đã ăn cắp mà.

- Để cứu cháu!

- Thật thế, nhưng dù sao cũng vẫn là ăn cắp. Nhưng mặt khác bác không hề hối tiếc một tí nào. Bác biết làm thế nào được?... Nhưng chẳng việc gì phải bàn đến chuyện đó, cháu ạ. Ngay cả ông cảnh sát trưởng cũng sẽ bênh vực bác.

- Chỉ mỗi cái con người xấu xa kia, cái lão bác sĩ ấy...

- Con bồ câu nhỏ, anh ta có xấu xa không ư?... Bác không rõ anh ta có xấu không. Cứng rắn thì hẳn rồi. Nhưng không thể buộc tội anh ta vì cứng rắn cả. Tình hình vốn đã thế rồi. Có thể không ai biểu lộ trái tim mình với anh ta, thì rồi chính trái tim anh ta cũng bị chai cứng lại. Nhưng cháu hãy nhớ lấy điều này: rồi anh ta còn phải cay đắng rất lâu khi nghĩ rằng anh ta đã phẩy tay chịu thua không cứu cháu, thế mà nhờ Chúa bác đã cứu được cháu, con bồ câu nhỏ ạ. Bác cố tình không nói cho cháu hay tình trạng của cháu nguy kịch đến mức nào. Không được nói cho người ốm biết những điều ấy, vì họ sẽ bị xúc động, cái đó cản trở quá trình hồi phục sức khỏe.

- Cháu biết lấy gì để đền ơn bác, bác An-tô-ni, vì ngần ấy lòng tốt, vì ngần ấy hi sinh!

Cô gái chấp hai tay, đôi mắt chứa chan lệ nhìn vào mắt ông. Ông thầy lang mỉm cười và bảo:

- Lấy gì ư?... Ồ, thì hãy thương yêu bác một chút cũng đủ.
- Yêu thương ư? - Cô kêu lên. - Nhưng bác An-tô-ni ời, cháu yêu bác hết như yêu mẹ cháu vậy!
- Chúa sẽ đền ơn cháu, con bồ câu nhỏ ạ, - ông đáp, giọng run run.

CHƯƠNG XV

Vụ xử án Zê-nôn Vô-i-đư-uô diễn ra vào giữa tháng mười tại Vin-nô. Ở Ra-đô-li-xki người ta biết việc ấy mãi sau khi có bản án, bởi lẽ bị cáo đã tự thú hết, nên tòa không mời một nhân chứng nào cả, ngoài những nạn nhân, mà vì lý do sức khỏe cũng không đến được.

Nếu như báo chí ồn lên thành chuyện giật gân quanh vụ này thì lý do chính là vì bị can đòi tòa phải xử một cách nghiêm khắc nhất. Song tòa đã thấy trong đề nghị ấy của Zê-nôn biểu hiện sự ăn năn, đồng thời lưu ý đến nhiều hoàn cảnh giảm án khác nữa, cộng với sự tin chắc vào ý định chân thành hối cải của bên bị, tòa chỉ xử y hai năm ngồi tù.

Tin ấy đến được chỗ cối xay là do cậu Va-sin, người đã đi Vin-nô giải quyết công chuyện cho cha, nhân dịp ấy đến dự phiên tòa luôn thể. Cũng chính qua cậu mà Ma-rư-sia được biết rằng cậu chủ Trưn-xki không có mặt trong phiên tòa vì đang đi chữa bệnh ở nước ngoài. Va-sin không thể nói chính xác chỗ cậu chủ đang chữa bệnh, mặc dù đã được nghe tại phòng xử án tên gọi của địa điểm kia, nhưng cậu không nhớ nổi vì đó là tên nước ngoài.

Ma-rư-sia cân nhắc xem có nên nhờ Va-sin hoặc ai khác tìm hỏi địa chỉ của Lê-sếch hay chẳng. Ở Lu-đơ-vi-kốp chắc không phải chỉ một mình cha mẹ chàng biết cái địa chỉ ấy. Nhưng cô e rằng việc tìm hiểu ấy sẽ gây nên chuyện phiền toái gì thêm nữa chẳng, và cô quyết định kiên trì đợi thư chàng.

Quyết định thì dễ, nhưng kiên trì được thì khó hơn nhiều. Tuần này tiếp tuần khác trôi đi mà Lê-sếch vẫn không thư. Những ý nghĩ mỗi lúc một buồn chán hơn nảy sinh trong lòng cô, niềm hi vọng mỗi lúc một tan.

Trong khi đó sức khỏe của Ma-rư-sia hồi phục nhanh chóng không ngờ. Cô đã ngồi dậy được trên giường từ lâu, và những ngày đầu tháng mười một thầy lang cho phép cô đứng dậy.

Vết thương ở thái dương và vết mổ đã lành hẳn. Da chân và da tay ở những chỗ xây sát gần như không thấy sẹo. Sức cô trở lại từ từ, nhưng chắc chắn. Ngay sau hôm dậy được, cô bắt đầu dọn dẹp trong cơ ngơi của thầy lang. Sau một tuần, căn phòng và cái hòm tường nom đã khác hẳn.

- Cháu đừng mệt sức thế, con bồ câu nhỏ, - thầy lang cố làm nguội nhiệt tình của cô gái. - Cháu làm thế để làm gì kia chứ?...

- Thế bây giờ ở đây không đẹp hơn, không sạch hơn hay sao, bác An-tô-ni?

- Chỉ tiếc sức của cháu ấy.

Vả chẳng cũng chẳng có mấy thì giờ để dọn dẹp, cọ rửa và giữ bụi. Những cơn lạnh mùa thu lại mang đến thầy lang thêm nhiều bệnh nhân. Có những ngày có tới ba mươi người hay hơn nữa. Tất cả đều biết rằng ông An-tô-ni Kô-si-ba bị gọi đến dự thăm viên và sẽ bị đưa ra xử ở Vin-nô. Người ta kháo nhau rằng ông sẽ bị tù, vì vậy mà phải mau mau lên mà xin lời khuyên của ông.

Chính ông An-tô-ni cũng chờ đợi một bản án tù và muốn chuẩn bị trước cho Ma-rư-sia, song cô gái phần nộ khăng khăng bảo rằng không thể có chuyện như vậy được.

- Cháu sẽ đứng ra làm nhân chứng, người được bác cứu sống. Thế còn chưa đủ hay sao?

Thầy lang cũng có tính đến chuyện ấy một phần, ông cũng hi vọng ở những bệnh nhân khác của mình, họ đăng ký rất đông, tình nguyện làm nhân chứng.

Thời gian xử án được ấn định vào cuối tháng mười một, và mọi sự hứa hẹn không đến nỗi nào, giá như Ma-rư-sia không đột nhiên bị ốm. Cái cơ thể đã trở nên quá nhạy cảm, do một thời gian dài phải nằm trong giường, dễ dàng bị mắc bệnh. Cô bị cảm lạnh khi dọn dẹp trong cái hành lang nhỏ lạnh ngắt. Việc xông và uống các thứ thuốc cho ra mồ hôi cũng không giúp được gì nhiều. Cô phải nằm liệt giường.

Không thể nghĩ đến chuyện cô đi dự phiên tòa và ông An-tô-ni Kô-si-ba đành phải đi một mình.

Ngay sau khi đến nơi ông tìm gặp trạng sư Ma-quai, người được ông Ju-đơ-cô ở Ra-đô-li-xki giới thiệu. Sau khi xem xét sự tình, trạng sư đề ra một số tiền thù lao, may mà không lớn lắm, nhưng ông ta nói ngay rằng không thể hi vọng trắng án được.

- Tôi sẽ cố gắng để được bản án nhẹ nhất cho ông.

Rồi ngày xử án đến. Ngay trước khi bước vào tòa nhà của tòa án, ông An-tô-ni đã gặp bác sĩ Pa-vơ-li-xki, điều đó khiến ông có ngay những linh cảm không lành.

Và quả thật, khi khai với tư cách nhân chứng, mặc dù nói toàn sự thật, nhưng bác sĩ Pa-vơ-li-xki đã buộc cho bị cáo những tội nghiêm trọng. Anh ta nói về sự bẩn thỉu trong nhà ông, về mùi hôi hám, về việc đích thân anh ta đã ngăn chặn ông trong việc tiến hành cái nghề nghiệp nguy hiểm này và cuối cùng, về sự đánh cắp chiếc va-li đựng dụng cụ phẫu thuật. Anh ta thừa nhận rằng ông Kô-si-ba đã thành công trong một vài ca mổ, thậm chí cả những ca nặng, nhưng anh ta quy điều ấy cho chuyện may rủi.

Nhân chứng buộc tội thứ hai, đại biểu của bệnh xá, trình bày trước tòa những số liệu thống kê đề cập đến nghề lang băm ở vùng biên giới phía đông. Những số liệu ấy khẳng định rằng tỉ lệ tử vong rất lớn của cư dân nông thôn là do kết quả việc chữa chạy của các thầy lang. Tiếp đó, ông ta đưa ra nhiều thí dụ về các "phương pháp chữa bệnh" của các thầy lang, những thí dụ ấy khiến cho người nghe kinh sợ, ghê tởm và phẫn nộ.

Các nhân chứng do luật sư bào chữa mời đến, tất cả những bệnh nhân được ông An-tô-ni Kô-si-ba chữa chạy, đến hai mươi mấy người, lại khiến cán cân hơi ngả sang phía bị cáo, bằng những lời khai của họ.

Và chắc bản án kết thúc khác hẳn, nếu như trong vụ này người luận tội không phải là một vị chương lý mới xuất hiện lần đầu - tiến sĩ luật khoa Zơ-ghi-e-rơ-xki. Với lương tâm và niềm say mê của kẻ mới nhậm chức,

chương lý Zơ-ghi-e-rơ-xki đã chuẩn bị sẵn sàng những lời luận tội của mình. Ông ta xem xét vấn đề xuất phát từ lập trường xã hội và quốc thể.

- Chúng ta còn cho phép đến bao giờ nữa, - ông ta kêu lên, - để những điều mê tín kinh khủng thời trung cổ cứ tồn tại trên đất nước chúng ta? Đến bao giờ nữa, chúng ta còn cho phép truyền bá sự ngu muội và những tội phạm vô tri giác của việc hành nghề lang băm?... Bản án này phải là lời đáp cho câu hỏi: liệu chúng ta có phải là một quốc gia văn minh hay không, liệu chúng ta có thuộc về Châu Âu không, không những chỉ về phương diện địa lý mà còn về phương diện văn hoá, liệu chúng ta có muốn dung túng tiếp tục cho sự mông muội hay không?

Ông ta còn nói nhiều và hay ho nữa về sứ mệnh văn minh hóa của Ba Lan đối với phương đông, về sự mê muội thâm trầm của dân Bạch Nga, về những đội ngũ hàng nghìn bác sĩ trẻ tuổi sẵn sàng cứu giúp những kẻ đang đau đớn, đang bị thất nghiệp, về thuyết mưu sinh và việc nâng cao nòi giống, về việc quân đội đang cần những mục đích giáo dục của các bản án của tòa án, về việc bản án này phải trở thành lời cảnh cáo đối với những loài lang sói^[44] khác đang sẵn mồi trên sự ngu muội của quần chúng.

Để kết thúc ông ta còn gậy vào sợi dây ái quốc, bản vị bằng cách nói rằng: một bản án quá hời hợt đối với loại hình tội phạm này sẽ cung cấp một bằng chứng và một cơ sở để cho công luận của những vùng khác thuộc đất Ba Lan nghĩ rằng cánh tay công lý ở vùng biên giới phía đông đang dung túng cho sự lạc hậu của những hậu quả xiết bao nguy hại của nó.

Luật sư Ma-quai không có lấy một phần mười tài hùng biện của đối thủ. Vì vậy, bài nói của ông, mặc dù cụ thể, nhưng đã không gây được ấn tượng sau những lời nói sấm sét của viên chương lý. Thậm chí ông cũng không tìm cách phản bác những lý lẽ của chương lý, lời bào chữa của ông được dựa chủ yếu trên chính nhân cách của bị cáo, một người hoàn toàn không vụ lợi, người mặc dù có chiếm đoạt các dụng cụ phẫu thuật, nhưng hoàn toàn chỉ nhằm mục đích cứu sống một thiếu nữ đang sắp chết mà thôi.

- Ở đây, người ta không đưa ra được một kẻ nào mà sự giúp đỡ với tư cách thầy thuốc của An-tô-ni Kô-si-ba làm hại, cũng không nêu được một cái tên bệnh nhân nào phải chết vì lỗi của bị cáo, - ông kết luận. - Ngược lại, chúng ta đã chứng kiến cả một đoàn những con người đầy lòng biết ơn, được bị cáo chữa lành bệnh. Vì vậy, tôi xin tha bổng.

Nếu như lúc ấy trong lòng ông An-tô-ni có tái hồi một niềm hi vọng nào, thì chắc chắn nó sẽ bị tắt ngấm ngay dưới những đòn của viên chương lý.

- Tôi kinh ngạc, ông ta mở đầu. - kinh ngạc và xấu hổ trước lập trường của người bào chữa. Tôi xấu hổ bởi tôi được nghe trong lời bào chữa của ông một điều trách cứ là khi luận tội bị cáo tôi chỉ quan tâm đến hiện tượng mà quên mất con người. Đúng thế. Thừa quý tòa, quả thực đó là một sự khiếm khuyết rất quan trọng về phía người luận tội nhân danh xã hội. Nhưng tôi kinh ngạc vì chính từ miệng người bào chữa lại thốt ra điều nhắc nhở ấy. Phải! Bởi lẽ phải chăng sau khi xem xét kỹ cốt cách đạo đức của An-tô-ni Kô-si-ba chúng ta có thể thành tâm không coi những tội lỗi của bị cáo là đáng phải trừng phạt nặng nề sao?... Kẻ giả danh từ thiện ấy, một hôm nào đó cảm thấy chán việc lao động chân tay trung thực và thèm khát miếng bánh kiếm bằng cách dễ dàng hơn. Từ một kẻ làm công ở cối xay bột, y đã trở thành một tên bịp bợm. Rõ ràng việc nói ra những câu thần chú vớ vẩn nào đó đối với một người nông phu đã hoàn toàn bị mê hoặc, việc khiến anh ta say sưa các thứ thuốc sắc dễ dàng hơn việc vác những bao bột. Và bị cáo đã chọn cách đó. Còn câu chuyện huyền thoại về tính không vụ lợi của y bị chính những người làm chứng vừa rồi thổi tan như mây khói khi họ khai rằng, tuy họ không trả tiền cho những lần thăm khám, nhưng họ lại mang đến... những món quà tự nguyện. Chính Kô-si-ba khi trả lời câu hỏi của ngài chánh án cũng đã nói rằng y sống khá phong lưu. Và điều đó cũng đã là một chứng cứ hùng hồn trong thời buổi khủng hoảng hiện nay, giữa cảnh bần hàn của người dân quê. Những kẻ sống phong lưu ngày nay ở thôn quê chính là những kẻ đã bóc lột người nghèo, những kẻ dùng thủ

thuật bị bọm để cướp bóc của họ chút dự trữ nghèo nàn cuối cùng còn sót lại.

Chương lý mỉm cười.

- Phải, thưa quý tòa, đó là một cốt cách của bị cáo, mặt quá khứ của y. Còn tương lai của y sẽ ra sao? Y sẽ làm gì nếu được tự do bước ra khỏi phòng xử án này?... Điều đó thì chúng ta không hề có chút ảo tưởng nào hết. Chính bị cáo đã thổi cho tan tành những ảo vọng đó, khi trả lời những câu hỏi của tôi trong quá trình xử án. Y thừa nhận rằng cho đến tận phút cuối cùng y vẫn hành nghề của y, và nếu được tha, y sẽ lại "chữa bệnh" cho mọi người. Y không hề cảm thấy một chút hối hận nào hết. Y không hứa sẽ cải hối. Còn vấn đề ăn cắp thì sao? Y thừa nhận có lấy, nhưng y công khai tuyên bố rằng sẽ sẵn sàng ăn cắp lần thứ hai nếu như lại nảy sinh những hoàn cảnh tương tự. Đó là một tội phạm không thể, hoặc đúng hơn là không muốn hiểu tội lỗi của mình, một kẻ tội phạm hết sức bướng bỉnh trong niềm tin của mình. Đó chính là con người mà theo lời đề nghị của trạng sư bào chữa, thì tôi phải lưu tâm đến. Con người ấy điếc đặc trước mọi lời nhắc nhở đã trở thành một mối nguy cho xã hội, y cần phải được cách ly ra khỏi xã hội ngay lập tức, và phải được làm vô hại bằng một hình phạt tù nghiêm khắc.

Sau lời đáp của luật sư Ma-quai, tòa vào nghị án kín.

Nửa giờ sau, đã chiều tối, bản án được công bố.

Nội dung của nó là: ba năm ngồi tù.

Chương lý Zơ-ghi-e-rơ-xki nhận những lời chúc tụng của bạn bè và người thân ngoài hành lang. Ông An-tô-ni Kô-si-ba bị bắt ngay tại phòng xử án và chuyển sang trại giam. Trạng sư tuyên bố sẽ chống án.

Tin tức về việc xét xử và việc bắt giam ông An-tô-ni Kô-si-ba do những người nông dân tham gia phiên tòa quay về mang đến cho các cư dân ở cối xay. Thoạt tiên không một ai tin, thậm chí Ma-rư-sia còn bật cười:

- Các bác thật là! Các bác nói thế nào ấy chứ! Hoàn toàn vô lý!

- Có thể là ba tháng cũng nên? - Va-sin đoán.

- Không, ba năm mà, - những người nông dân khăng khăng. - Mà bị thế là vì ngài chương lý riêng ông ấy ghê quá.

Và họ thuật lại diễn biến của phiên tòa theo cách của họ.

- Các người hãy thương tình với chứ! - Ông lão Prô-cốp thốt lên. - Nếu vậy thì ra kẻ gây thương tích cho người ta, suýt nữa giết người ta, chỉ bị hai năm tù, còn người cứu thì lại ba năm. Sao lại thế được?

- Vậy mà lại thế đấy...

Ma-rư-sia òa lên khóc. Đúng ngày hôm ấy cô mới bước ra khỏi giường, những cơn ho vẫn còn làm cô rất mệt.

- Làm gì bây giờ, ông Mi-en-nhich, làm gì bây giờ? - Cô ngoảnh sang ông lão Prô-cốp.

- Cần phải đi Vin-nô, phải nghĩ ra cách gì giúp bác ấy chứ.

- Giúp gì ở đây chứ? Cô có phá nhà tù được đâu.

Va-sin nói một cách chắc chắn:

- Tôi xin nói với cô Ma-rư-sia thế này: không thể có cách nào giúp được hết, nhưng khi có tòa phúc thẩm thì sẽ giúp được. Chắc ông trạng sư này tôi quá đấy thôi. Nhiều điều phụ thuộc vào trạng sư lắm... Nghĩa là phải tìm một ông khác. Phải hỏi xem ông nào quan trọng nhất trong thành phố và đến gặp ông ấy.

Mọi người đều tán thưởng những lời khuyên của Va-sin.

- Nhưng bao giờ mới xử phúc thẩm?

- Cũng không mau đâu, - một trong những người nông dân nói. - Cái hồi tôi mắc vụ mấy cây thông ở khu rừng Vix-kun-xki, thì mãi bốn tháng sau mới mở phiên phúc thẩm.

- Thế cũng còn nhanh chán! - Một người khác nhận xét, - Đôi khi phải chờ đến một năm kia.

Suốt đêm Ma-rư-sia khóc lóc, hôm sau cô gói ghém một bọc quà. Cô đặt vào đó các đồ lót của ông An-tô-ni, chiếc áo khoác ngắn, rất nhiều thuốc lá, một ít xúc xích và mỡ lợn.

Zô-nhia gặp cô đúng lúc cô đang gói.

- Cái gì thế này hả? - Chị hỏi- cô định gửi quà cho ông An-tô-ni phỏng?

- Vâng.

- Gửi qua ai?

- Em sẽ hỏi. Rất nhiều trường hợp người ta ghé qua đây trên đường đi Vin-nô chứ.

Zô-nhia ngẫm nghĩ một lúc, rồi rút khăn tay lấy ra hai đồng năm *zuốt-ty*.

- Đây, thế thì cô gửi cả tiền này cho ông ấy.

- Chị thật tốt bụng, chị Zô-nhia! Ma-rư-sia nói.

Nhưng Zô-nhia lại sùng sộ.

- Đối với một số người thì tốt, còn đối với kẻ khác thì chẳng tốt đâu. Tôi cho ông ấy chứ không cho cô đâu.

Đã từ lâu, Ma-rư-sia nhận thấy Zô-nhia không dành cho cô nhiều thiện cảm gì đặc biệt. Cô bèn đáp, vẻ thân thiện:

- Vậy thì em xin thay mặt bác ấy cảm ơn chị.

Zô-nhia nhún vai:

- Cô là gì với ông ấy, cô cũng như tôi thôi. Cô quyền gì mà cảm ơn thay cho ông ấy. Ông ấy sẽ tự cảm ơn lấy, khi nào ông ấy về. Cảm ơn cả vì việc ấy lẫn chuyện tôi sẽ canh phòng cho những của cải của ông ấy, sẽ trông coi mọi thứ của ông ấy để chúng khỏi bị phí hoài đi.

- Chị Zô-nhia, chị lo chuyện ấy làm gì?

- Thế ai lo?

- Em.

- Cô?... Cô lo cách nào mới được chứ?... Thế cô định ở lỳ đây, ở nhà bố chồng tôi suốt ba năm trời đấy chắc?...

Ma-rư-sia đỏ mặt..

- Sao lại ba năm?... Ở tòa phúc thẩm, người ta sẽ thả bác An-tô-ni ra chứ...

- Hoặc thả hoặc không. Mà ông ấy không phải là chú bác gì của cô cả đâu nhé. Sao cô có thể nghĩ chuyện ở lại đây được nhi?... Cô sẽ sống bằng cách gì kia chứ?...

Thấy lệ đầy ứ trong mắt Ma-rư-sia, chị nói thêm:

- Thôi, đừng khóc nữa đi. Chẳng ai đuổi cô khỏi nơi đây đâu mà sợ. Mái nhà đủ để cô che đầu đấy... Cả cái ăn nữa. Thì tôi cũng chỉ nói thế thôi chứ. Thích thì nói thôi. Đừng khóc, đừng ngốc ạ. Có ai tiếc gì cô không? Nào?

Mặc dù có những lời cam đoan ấy, giờ đây Ma-rư-sia đã hiểu được tình cảnh của mình. Quả thực một khi đã vắng bác An-tô-ni, cô không có quyền ở lại đây nữa. Người ta đã để cho cô hiểu điều đó với một sự tế nhị hơn lệ thường ở những con người giản dị này, song vẫn rất rõ.

Vì vậy, khi nghe tiếng gọi đi ăn trưa, cô không nhúc nhích khỏi chỗ. Cô run lên khi nghĩ rằng cả nhà ông Mi-en-nhích sẽ chăm chăm nhìn cô bên bàn ăn, sẽ đếm từng thìa thức ăn - thứ thức ăn bố thí - cùng mỗi mẫu bánh cô đưa lên miệng... Rồi khi chỉ có họ với nhau, họ sẽ thăm thì gọi đó là đĩa tứ cố vô thân, một đĩa ăn nhờ ở đậu, cho đến khi họ nói toẹt vào mặt cô điều ấy.

- Mình phải rời bỏ nơi đây, mình phải... Nhưng đi đâu?...

Qua mọi người cô được biết rằng đã có một cô gái khác hiện đang làm việc tại cửa hàng bà Skốp-kô-va. Không thể tính đến việc tìm một việc gì làm trong cả vùng này. Không một ai biết rằng cô đã đính hôn với Lê-sếch, thậm chí sẽ không một ai tin, nếu cô có đủ dũng cảm để nói điều đó thành tiếng. Ngược lại, tất cả - nhất là sau vụ tai nạn - đều biết rằng cô thường gặp gỡ chàng, rằng cả hai thường đi chơi tay đôi với nhau vào rừng...

Với một dư luận tai tiếng như thế, cô không thể hi vọng tìm được bất cứ việc làm nào.

Nhưng còn đi... thì đi đâu?...

Cô lăn ra giường và òa lên khóc. Cô khóc cho số phận cay nghiệt của mình, cho tình yêu duy nhất, mối tình lớn của mình, mối tình không mang lại cho cô thứ gì khác ngoài nỗi đau đớn, ngoài nỗi hổ thẹn, ngoài nỗi bất hạnh...

- Anh Lê-sếch, anh Lê-sếch, tại sao anh lại quên em!... Cô nhắc đi nhắc lại, nước mắt chứa chan.

- Hây, cô Ma-rư-sia, ăn cơm! - tiếng Va-sin vang lên ngoài cửa sổ.

Cô không nhúc nhích, lát sau cậu ta bước vào.

- Sao cô Ma-rư-sia lại khóc? - Cậu hỏi.

- Tôi không biết nữa, - cô trả lời trong tiếng thốn thức.

- Sao lại thế?... Ai đã xúc phạm đến cô Ma-rư-sia phải không?... Nào, cô nói đi!...

- Không, không...

- Vậy tại sao lại khóc?... Đừng khóc...

Cậu loanh quanh tại chỗ bất lực và nói thêm:

- Cô Ma-rư-sia khóc, tôi không đành lòng nhìn. Thôi, đủ rồi mà... đủ rồi... Có thể, có ai nói gì cô chẳng?

- Không, không...

Cậu chợt nhớ lại vừa mới thấy Zô-nhia bước ra khỏi nhà ngang. Một cơn tức giận xâm chiếm lòng cậu.

- Được rồi, - cậu lẩm bẩm và bước ra.

Cả nhà đã ngồi vào bàn. Va-sin đứng ngay ở ngưỡng cửa nhà bếp bình tĩnh lên tiếng hỏi:

- Tại sao Ma-rư-sia không có mặt?

- Chị gọi rồi, không hiểu tại sao cô ấy không đến. - Ôn-ga nhún vai.

- Chị không biết à?...

- Không.

- Thế có thể chị Zô-nhia biết chẳng?

Zô-nhia quay lưng lại phía cậu.

- Sao lại tôi?...

Va-sin đột nhiên hét lên:

- Thế thì tôi biết, cái mụ chết băm chết vằm kia!

- Con làm sao thế hả, Va-sin, con làm sao thế? - Ông lão Prô-cốp ngạc nhiên thật sự.

- Tôi làm sao hả, tôi làm sao là vì cô ta đang khóc đặng kia kìa! Mà cô ta có thể khóc vì ai, nếu không phải vì cái mụ phù thủy này?... Mụ nói những gì với cô ấy?!

Zô-nhia chống tay vào hông ngẩng cao đầu, thách thức.

- Tao muốn nói gì thì nói nấy. Mà hiểu chưa?!

- Im mồm! - Ông Prô-cốp sốt ruột.

- Thế sao nó lại cứ lên nước với con!... Con không nói gì hết, mà nếu có nói, thì đã sao nào?... Đã sống nhờ chúng ta ở đây, thì cũng xin cô ả đừng có ra bộ danh với dự thế nữa đi.

- Không phải sống nhờ vào bà! - Va-sin không kìm nổi nữa, gầm lên.

- Vậy thì cứ mặc cô ả xéo đi! - Zô-nhia cũng kêu lên trong cơn tức giận.

- Cô ấy hả?... Va-sin cười gằn, cố làm cho tiếng cười của mình đầy vẻ dữ tợn: - Cô ấy hả?... Bà sẽ phải xéo trước. Chưa biết chẳng cô ấy còn là một bà chủ lớn hơn ở cái nhà này, mụ khốn kia! Mụ đừng quên rằng cha già rồi, rồi sẽ đến thời của tôi cai trị. Tôi sẽ đuổi bà xéo đi nơi khác, chính bà ấy! Còn nếu bà muốn có miếng bánh mà ăn, thì phải ráng đành giày cho cô ấy!

Im lặng bao trùm. Quả thực mọi người đều nhận thấy từ trước rằng Va-sin thích Ma-rư-sia. Nhưng lúc này họ được nghe chính mồm cậu nói ra điều đó. Niềm mẫn mộ đó chắc hẳn không phải thường, một khi nó khiến cho chàng thanh niên vốn thường khi rất hiền lành phải khùng lên như vậy, đến nỗi cậu dám dọa đuổi người chị dâu mà cậu rất mến ra khỏi nhà.

Va-sin đứng đó, mặt nhẵn lại, đưa mắt điên cuồng nhìn tất cả những người có mặt.

- Im đi! - Ông lão Prô-cốp lên tiếng, mặc dù trong phòng vẫn hoàn toàn im lặng - Im đi, tao bảo! Này, Va-sin, con hãy gột rửa chuyện ấy ra khỏi đầu đi. Đừng ngốc thế. Cô ấy không phải là để cho con, con cũng không hợp với cô ấy. Con cứ nghĩ đi, rồi con sẽ tỉnh. Còn cô, Zô-nhia, đến gặp con bé, mời nó. Bảo nó đến đây. Mà phải để ý đấy, ông lão giơ một ngón tay dọa, - để ý sao cho nó muốn đến. Zô-nhia, tao muốn nói rằng xúc phạm đến một đứa trẻ tội nghiệp, mồ côi mồ cút như thế là không hay đâu! Chúa sẽ trừng phạt đấy.

- Nhưng tôi có xúc phạm gì đến nó đâu, có Chúa chứng giám, - Zô-nhia dấm tay vào ngực.

- Thôi đi đi. Hãy nhớ rằng An-tô-ni yêu con bé như con đẻ. Sao lại thế được?... Chú ấy đang gặp chuyện chẳng lành, vậy mà tao lại tiếc bánh mì, tiếc chỗ ở dưới mái nhà với cô gái kia sao?... Phải biết sợ Chúa, Zô-nhia ạ. Đi đi... đi đi.

- Sao lại không đi? Tôi sẽ đi.

Zô-nhia chạy xuống nhà ngang. Cơn giận đã qua đi, và cũng có thể cả ý nghĩ rằng cái cô thiếu nữ kia không phải là tình địch của chị, vì nếu phải lựa chọn giữa ông An-tô-ni đã có tuổi với cậu Va-sin trẻ trung giàu có, thì chắc hẳn cô ta sẽ chọn cậu chủ, có thể chính ý nghĩ ấy đã khiến cho chị động lòng và bắt đầu xin lỗi Ma-rư-sia, bắt đầu ấp ủ và hôn hít cô.

- Nào, nào, đừng khóc nữa em, tất cả chỉ vì em mà thôi, đâu phải chị muốn em phải đổ nước mắt vì chị. Em có thích chiếc khăn quàng màu xanh có hoa không? Em thích thì chị cho em đấy... Nào thôi đừng khóc, đừng khóc nữa...

Chị vuốt ve lưng cô, vuốt ve khuôn mặt ướt nước mắt, vuốt ve đôi tay cô, cho đến khi Ma-rư-sia nín hẳn. Lúc họ trở lên bếp, không còn ai đã động gì đến chuyện ấy nữa.

Mặc dù vậy, mặc dù lòng tốt mà cả gia đình ông chủ cố xây dành cho Ma-rư-sia, một khi đã bị đánh thức, sự nhạy cảm không bao giờ còn để cô yên nữa. Cảm giác rằng cô là gánh nặng cho những người kia, rằng cô sống nhờ lòng tốt của họ mà không thể lấy gì đền đáp, lại thường xuyên trở đi trở lại với sức mạnh không gì thay đổi trong cô. Nhiều lần cô đề nghị được tham gia giúp việc trong nhà, nhưng ở đây không thiếu phụ nữ và không ai muốn sẻ việc cho cô cả.

Vì vậy, cô càng bị dẫn dắt bởi ý nghĩ không biết mình phải làm gì và càng ngày cô càng thấy rõ hơn là mình bất lực. Không thể nói đến chuyện ra đi trong khi không xu dính túi. Chỉ còn mỗi một niềm hi vọng là Skốp-kô-va sẽ nhận cô trở lại làm việc chỗ bà.

Ngay trước lễ Thiên Chúa Giáng Sinh, rốt cuộc Ma-rư-sia cũng đi lên thị trấn. Cô lên đường khá muộn, để khỏi phải phô mặt tại Ra-đô-li-xki trong ánh sáng ban ngày. Cô không muốn lộ mặt ra trước mắt mọi người.

Vì vậy, lúc cô dừng chân trước cửa ngôi nhà bà Skốp-kô-va thì trời đã tối.

Cùng lúc ấy bà Skốp-kô-va vừa về tới.

- Ô, Ma-rư-sia! - Bà thốt lên với giọng tha thiết gượng gạo. - Cháu ra sao rồi, cháu thân yêu.

Ma-rư-sia hôn tay bà.

- Cảm ơn bác, giờ cháu khỏe hẳn rồi, nhưng suýt nữa thì mất mạng.

- Thế à, thế à... Phải châm đèn cái đã...

- Để cháu thắp cho, - Ma-rư-sia định làm, nhưng bà Skốp-kô-va đã cầm ngay lấy bao diêm.

- Thôi, cứ mặc bác. Ở nhà cứ để bác làm lấy, - bà nói với chủ định rõ ràng. - Bác cũng biết là cháu suýt chết. Biết làm sao, lỗi của cháu mà. Bác đã làm xong nghĩa vụ của bác. Bác đã ngăn trước, rằng chuyện ấy chẳng dẫn đến điều gì tốt đẹp đâu. Nhưng cháu không chịu nghe mẹ già Skốp-kô-va mà... Phải, phải... Chắc cháu đến để lấy đồ đạc phải không?

- Đến lấy đồ đạc ạ. - Ma-rư-sia khẳng định và ngoảnh đầu đi để giấu những giọt nước mắt.

- Cháu cứ lấy. Sợ cháu không nhắc nổi đâu. Bác đã gói ghém hết từ lâu và định gửi đến cối xay cho cháu. Nhưng chẳng có dịp nào.

Một bầu không khí im lặng bao trùm.

- Thế cháu ở đây ra sao? - Bà Skốp-kô-va vừa hỏi vừa dọn dẹp cạnh tủ commốt.

- Cũng tạm tạm ạ.

- Nhưng chắc cháu cũng chẳng phiền gì nếu cứ ở đó với họ chứ.

- Cháu muốn lại được như ngày trước, Ma-rư-sia ấp úng.

- Thì chính bác cũng muốn thế, - bà Skốp-kô-va nhấn mạnh. - Nhưng biết làm sao được, một khi cháu lại muốn khác. Cháu muốn vợ lấy cái chết chóc cái nhục nhả vào mình, cứ muốn mang xấu hổ về cho bác kìa. Chắc hẳn mẹ cháu trong mồ cũng trần trở không yên... Bác có đến nghĩa địa ở Zađuxki, có đến, bác thắp một cây đèn trên mộ, và mang đến một vòng hoa cúc trường sinh nữa, để an ủi bà. Biết làm sao, bác bảo, bà Ôc-sư-na thân

mến, xin đừng đổ lỗi cho tôi, vì không phải một mà mười lần tôi đã nhắc nhủ con bà. Nhưng tuổi trẻ có bao giờ tin vào kinh nghiệm của người già đâu. Bà hãy cầu nguyện cho sự thức tỉnh của con gái bà... Cả tôi cũng sẽ cầu nguyện cho nó tìm được những người đỡ đầu tốt hơn hơn tôi... Thế đấy.

Nước mắt Ma-rư-sia chảy giàn giụa trên má.

- Thưa bác, cháu thề với bác là cháu chưa hề làm điều gì xấu cả, cháu xin thề như thế?

- Cháu ạ. Bác rất muốn tin cháu. Nhưng lòng tin của bác phỏng có giúp được gì? Tất cả mọi người đều thấy cháu đi lại chơi bời với anh chàng nhẹ dạ ấy, kẻ mà cho đến nay đức Chúa nhân từ vẫn còn rộng lượng chưa trừng phạt. Tất cả đều biết rằng anh ta đã làm cháu suýt thiệt mạng, thế mà bây giờ lại bỏ rơi cháu... Nếu cháu muốn bác phải tránh xa những anh chàng lịch sự và điên rồ như thế. Để cháu có chút gì mà đi, để cháu không nhớ đến bác với một trái tim quá nặng nề như bác nghĩ về cháu, trong chiếc giỏ này cháu sẽ tìm thấy vài *zuốt-ty*... Cũng đủ cho cháu bước đầu. Tốt nhất là hãy đi Vac-sa-va. Ở đó, cháu hãy gặp một cha xứ nào đó để xin người khuyên bảo. Trong các thành phố lớn dễ tìm việc làm hơn.

Bà lau mũi rồi nói thêm:

- Bác nghĩ thế đấy. Nhưng chắc là lại vô ích thôi. Cháu sẽ lại không nghe lời bác đâu mà.

Ma-rư-sia nắm lấy tay bà và hôn.

- Chắc chắn cháu sẽ làm thế. Cảm ơn bác, cảm ơn... Không bao giờ cháu quên.

- Vậy thì đi đi, con, hãy đi cùng Chúa. Cầu Đức Mẹ Đồng Trinh Tối Linh ban phước và canh giữ cho con.

Bà ôm chặt Ma-rư-sia, và khi tiễn cô ra đến ngưỡng cửa, bà con kêu lên:

- Và ở đó nhớ viết thư về cho bác nhé!

- Cháu sẽ viết.

Chiếc làn đan bằng liễu cũng chẳng nặng nề gì, những thứ đồ đạc nghèo nàn bên trong cũng thế, ấy thế mà cánh tay vẫn mỗi lúc mỗi mỏi và cứ phải đổi tay mỗi lúc một thường xuyên hơn.

Đã vài ngày rồi trời giá băng, lúc này những bông tuyết to tướng bắt đầu rơi lá tả, chúng rơi chậm chạp uể oải, nhưng dày đặc đến nỗi cách vài bước chân đã không mon thấy gì ở xung quanh. May mà những hàng cây cao hai bên đường cái quan không để cô phải lạc lối. Nếu Ma-rư-sia mỗi lúc một bước chậm hơn thì không phải vì nỗi lo nhầm đường. Biết bao ý nghĩ chạy qua đầu óc cô, biết bao tình cảm trái ngược nhau dậy lên trong tim. Cô thừa nhận rằng người đỡ đầu trước kia hoàn toàn có lý. Đúng là cần phải đi, đi thật xa, dù phải đến tận Vac-sa-va chẳng nữa. Giờ đây cô đã có tiền đi đường, mỗi một ngày chần chừ là hoàn toàn vô nghĩa...

Nhưng phải rời bỏ mảnh đất này, phải từ bỏ vĩnh viễn hi vọng được gặp lại Lê-sếch, dù chỉ là đứng xa mà nhìn... Và đành bỏ mặc bác An-tô-ni hay sao?!... Thế nào bác chẳng quay về chốn này... Bác tốt với cô biết bao, bác đã đánh thức dậy tình cảm giao hòa trong cô... Dĩ nhiên là cần phải ra đi. Nhưng có lẽ chỉ nên tới Vin-nô thôi. Chắc người ta sẽ cho phép cô đến thăm bác trong nhà tù... Họ sẽ bàn nhau xem nên làm gì... Phải, điều đó là quan trọng nhất, là duy nhất quan trọng trong lúc này. Cô có còn một ai khác nữa đâu?...

Khó khăn lắm cô mới tìm thấy con đường nhỏ rẽ vào cối xay. Tuyết rơi dày đặc đến mức nếu không có tiếng nước chảy ào ào vào bánh guồng, không có tiếng ngựa thở phờ phờ cạnh cối, thì hẳn cô đã không nhận ra nổi. Mãi khi đến rất gần cô mới thấy ánh đèn sáng và chợt ngạc nhiên: trong các cửa sổ nhà ngang cũng sáng đèn.

- Chắc con bé Natanka xuống đây làm bài, - Ma-rư-sia nghĩ bụng.

Cô đập đập đôi giày nhỏ cho rơi hết tuyết trong hành lang, mở cửa và đứng lặng người đi.

Căn phòng đột nhiên quay cuồng trước mắt cô, tim cô đập dồn dập, miệng cô bật ra một tiếng kêu nhỏ - rồi cô ngất đi.

CHƯƠNG XVI

Ở nhà an dưỡng của bác sĩ Sa-tô tại Ac-ca-sơn thường thường từ đầu tháng chạp mới bắt đầu vụ nghỉ đông với hàng loạt những người ở Pa-ri bị viêm khớp ồ ạt tới. Vì vậy, vào giữa tháng chạp khi ông Xta-nhi-xoáp Trun-xki đến báo với bác sĩ rằng ông muốn đưa con trai về nước thì bác sĩ không hề phản đối.

- Vâng, - bác sĩ bảo, - con trai ông đã hoàn toàn khỏe mạnh. Tạm thời tôi đề nghị chưa nên để anh ấy chơi các môn thể thao nặng quá, nhưng xương đã liền hoàn hảo, bắp thịt - do tác dụng của việc xoa bóp đã nở nang tương đối khá, còn về tính tình thì tôi nghĩ rằng nó là kết quả của nỗi hoài nhớ quê hương. Việc trở lại đất nước, trở lại gia đình, chắc chắn sẽ khiến anh ấy vui vẻ và bớt trầm ngâm hơn.

- Tôi cũng hi vọng như thế, - ông Trun-xki lắc lắc tay bác sĩ.

Giờ đây, ngồi đối diện với con trai trong toa tàu, ông không còn chút hi vọng nào cả. Sau khi bàn bạc với vợ, ông đích thân tới Ac-ca-sơn để đón Lê-sếch về nghỉ lễ. Hai vợ chồng kinh hoàng vì những bức thư của con trai. Sau một thời gian bị gửi thư tới tấp, cậu con trai chỉ trả lời bằng mỗi hai bức thư, mà lại ngắn cụt ngủn, vừa khô khan vừa dửng dưng.

Chàng cũng dửng dưng chào cha và đồng ý trở về.

- Con thì sao cũng được, - chàng chỉ nói có thế.

Chàng ngồi câm lặng, với điều thuốc lá đã tắt ngấm từ lâu trong tay, và hình như hoàn toàn không hề nghe lời cha kể về chính trị, về tình hình kinh tế khá lớn, về những hợp đồng mới. Dường như chàng chẳng quan tâm đến gì cả, chẳng cần gì cả, không gì có thể khiến chàng nhúc nhích lên một chút. Phải chăng chấn động thần kinh mà chàng đã bị trong vụ tai nạn chẳng may kia đã vĩnh viễn biến chàng trai vui tính thành một kẻ u buồn và lãnh đạm?

Ông Trun-xki đã hoài công cố gắng để có thể làm cậu con trai chú ý đến một chuyện gì đó. Lê-sếch chỉ hạn chế trong những câu trả lời ngắn

ngủ, chàng thờ thần nhìn xuống mũi giày, hình như trong lòng chàng có một sự bình thản nào đó đã hoàn toàn đông cứng lại, hoàn toàn chẳng chuyển lay.

Đến đêm, ông Trưn-xki không tài nào chợp mắt được, ông liếc nhìn sang khoang của con trai. Ông có những linh cảm rất gở nào đó và quả thực đã không nhầm: mặc dù đêm giá buốt, Lê-sếch vẫn cứ hạ hết cửa sổ, và trong bộ quần áo ngủ mỏng tang bằng lụa, chàng đứng đó, thò đầu ra ngoài. Khi ông mở cửa... một luồng gió giật mạnh như băng đẩy tràn vào trong toa.

- Con làm gì thế, hả con! Ông Trưn-xki kinh hoảng, - Con bị viêm phổi mất thôi!

Lê-sếch ngoảnh lại.

- Cũng có thể thế, thưa cha.
- Cha xin con, đóng cửa sổ lại đi.
- Con nóng lắm
- Cha muốn nói chuyện với con.
- Được thôi.

Chàng đóng cửa sổ lại và ngồi xuống:

- Con thật là thiếu thận trọng, Lê-sếch ạ, - ông Trưn-xki mở đầu - Không những con thiếu để ý đến sức khỏe của mình mà thậm chí còn cố tình hủy hoại nó.

Câu trả lời duy nhất chỉ là im lặng.

- Sao con không ngả lưng một chút?
- Con không buồn ngủ.
- Nhưng con phải nằm. Tình hình sức khỏe của con vẫn đòi hỏi phải tiếp tục chăm lo nhiều nữa.
- Để làm gì ạ? - Lê-sếch nhìn vào mắt cha.

- Sao lại để làm gì?!

- Vâng ạ, để làm gì kia? Thế cha nghĩ rằng con cần chuyện đó lắm hay sao?

- Con phải cần chứ?

- Thế à! - Chàng phẩy tay.

- Lê-sếch!

- Cha của con! Có thật cha nghĩ rằng sự sống là một thứ gì đáng phải chăm chút, phải lo lắng, vất vả?... Cha hãy tin con, bản thân con cũng không thấy cần gì đến nó.

Ông Trưn-xki cố gắng mỉm cười.

- Khi ở vào tuổi con, - ông nói dối, - cha cũng có những đợt suy sụp tinh thần như thế, nhưng cha có đủ tỉnh táo để coi chúng là những trạng thái nhất thời.

- Và chính trong việc đó chúng ta khác nhau đấy, thưa cha, - chàng gật đầu. - Con hiểu rằng đây không phải là một cơn suy sụp tinh thần nhất thời.

- Cha cam đoan với con là nhất thời. Hãy tin vào kinh nghiệm của cha. Dĩ nhiên, cơn chấn động về thể xác và tinh thần có những hậu quả nhất định. Nhưng rồi những hậu quả ấy cũng sẽ qua đi. Nó sẽ qua đi càng nhanh nếu con càng hiểu rõ tình trạng hiện nay của con. Việc nhận thức được những nguyên nhân của sự suy sụp tinh thần là phương tiện hiệu nghiệm nhất để chống lại nó.

Ông Trưn-xki không cảm thấy rằng cái lý lẽ đầy sức thuyết phục của mình thấm được vào lòng con trai, nên ông nói thêm:

- Và còn điều này nữa. Con không được quên cha mẹ, những người đẻ ra con, những người mà với họ, con là tất cả. Nếu như lý trí không thể lay chuyển được con, cha đành phải dựa vào tình cảm của con vậy.

Lê-sếch rùng mình và sau một lát im lặng, chàng hỏi:

- Thừa cha, có thật cha coi những tình cảm kia là một sức mạnh to lớn và đáng tôn trọng đến mức cần phải tính đến nó trong khi lòng ta xuất hiện câu hỏi kiểu Hăm-lét: tồn tại hay không tồn tại?...

- Dĩ nhiên rồi, Lê-sếch.

- Cảm ơn cha. Con cũng nghĩ như thế.

- Con trai cha, con thấy chưa. Nào, bây giờ con hãy nằm xuống và cố ngủ đi. Gần sáng chúng ta sẽ đến nhà. Thế... con không hình dung nổi mẹ con nhớ con đến thế nào đâu. Bao giờ mẹ con cũng cố làm ra vẻ có bản tính mạnh mẽ... Nhưng hẳn con cũng biết dưới vẻ ngoài ấy ẩn giấu biết bao tình âu yếm thăm sâu nhất. Nào, ngủ đi, con trai. Chúc con ngon giấc.

- Chúc cha ngủ ngon, thưa cha, - Lê-sếch đáp lại, giọng cứng đờ.

Chàng tắt đèn, nhưng không ngả lưng. Tiếng va xịch đều đặn của bánh xe, sự chao đưa nhẹ nhõm của toa tàu, những chùm tia lửa rực rỡ sáng lên trên mặt cửa kính đen ngòm... Hồi ấy chàng cũng đã trở về hệt như thế này. Chỉ có điều hồi ấy chàng muốn thúc nhanh nhịp bánh tàu, chàng mang về cho nàng chiếc nhẫn đính hôn và mang cho mình niềm hạnh phúc.

Không hiểu trong nhà kính ở Lu-đơ-vi-kốp đã có tử đinh hương chưa?... Phải, hoa tử đinh hương và cây vòi voi tỏa hương ngào ngạt... chàng sẽ ra lệnh cắt hết, và có thể... Nơi ấy tuyết hẳn dày và trắng lảm. Trên mặt tuyết sẽ không hề có dấu vết gì. Một nắm đất nhỏ nhoi, bị quên lãng...

Chàng sẽ bước đi trên cái bề mặt trắng tinh, chưa hề bị ai động đến ấy... Người đầu tiên và cuối cùng... Đích chàng là đây. Còn từ đây sẽ không một con đường nào dẫn về đâu nữa... Chàng sẽ đặt hoa, cả nắm mộ nhỏ bé kia sẽ được phủ đầy hoa... Liệu qua làn tuyết, qua lớp đất và nắp quan tài bằng gỗ, hương tử đinh và hoa vòi voi có thấm được đến chỗ nàng? Có thấm đến chỗ nàng chẳng lời chàng thì thầm gọi mãi cái tên thân yêu nhất, nói những lời âu yếm nhất, thề những câu tuyệt vọng nhất?... Liệu nàng có nghe thấy nhịp đập đang yếu dần đi, đang chết, liệu nàng có sửa soạn chẳng

để đón chàng, nàng sẽ vòng tay ôm ghì lấy cổ chàng như ngày nào và cho phép chàng nhìn đôi mắt sáng long lanh ấy!... mãi mãi, vĩnh hằng...

Một lòng tin dịu dàng, an ủi biết bao, xâm chiếm tâm hồn khi chàng nghĩ về điều ấy. Một nỗi thanh thản tràn ngập người chàng kể từ khi chàng quyết làm việc ấy. Bao nhiêu lần ngồi một mình, bấy nhiêu lần chàng chìm sâu vào những khoảng không gian mênh mông, vô bờ, vô cảm và giống như nỗi trống rỗng tựa vũ trụ kia của cái chết. Chàng đã hoàn toàn thuộc về chúng.

Thời kỳ đầu tiên tôi tệ và đau đớn biết bao nhiêu. Khi vừa nói được vài từ, chàng đã hỏi ngay họ:

- Cô ấy ra sao?

Khi ấy, mẹ chàng chột rùng mình và chỉ nói rất gọn lỏn:

- Cô ấy không sống được, nhưng con đừng nghĩ đến chuyện đó.

Còn bác sỹ Pa-vơ-li-xki thì nói thêm:

- Vết đay hộp sọ. Với vết thương ấy không thể sống quá vài mươi phút.

Thế là chàng lại ngất đi lần nữa. Và bao nhiêu lần tỉnh lại, thì ý nghĩ về cái chết của Ma-rư-sia lại như phủ định sự sống của chính chàng. Chàng nằm với đôi mắt nhắm nghiền, nghe những tiếng nói chuyện thì thầm. Bác sỹ trách phu nhân Trưn-xka :

- Không nên nói với anh ấy biết cái chết của cô gái kia. Đó là một việc thiếu thận trọng. Nó có thể làm cho hệ thần kinh trở nên xấu đi.

Mẹ chàng đáp:

- Tôi không biết nói dối, thưa bác sỹ. Nếu nói riêng tôi, tôi thà nghe một sự đau lòng hơn là giữ một ảo vọng. Và chẳng con trai tôi cũng đâu phải chịu trách nhiệm về tai nạn ấy.

- Tôi nghĩ đến chuyện khác kia, - bác sỹ ngần ngừ. - Anh ấy có thể có tình cảm gì đó với Ma-rư-sia...

- Điều đó không thể có, - phu nhân Trun-xka ngắt lời, hết sức dứt khoát, dường như chỉ nguyên nghĩ về việc đó đã là điều xúc phạm đến bà.

Thể lực của Lê-sếch mỗi ngày một khá lên trông thấy. Ở bệnh viện tại Vin-nô, người ta chụp nhiều ảnh Rơn-ghen cho chàng, các vết thương và những vết xây xát lành lại bình thường. Ngược lại, tình trạng tâm lý của bệnh nhân càng ngày càng khiến cho người ta lo lắng. Vì vậy, ngay khi việc di chuyển không gây ảnh hưởng gì đến sức khỏe của chàng, người ta đưa chàng đến bệnh viện giải phẫu ở Viên, rồi sau đó đến Ac-ca-sơn để điều dưỡng phục hồi. Môi trường quốc tế vui nhộn ở Ac-ca-sơn chắc phải gây ảnh hưởng tốt tính tình Lê-sếch. Nhưng tiếc thay, chàng tránh mặt mọi người. Chàng không hề tham gia vào các trò chơi những cuộc du ngoạn, và mặc dù chấp hành một cách máy móc phương pháp trị liệu được chỉ dẫn, tâm tính chàng vẫn không hề có một thay đổi nào cả.

Ít nhất cũng là bề ngoài. Thực ra, không hề lộ với người ngoài, trong lòng chàng đã chín mùi một quyết định...

Nó chín mùi và mang đến cho chàng sự yên ủi...

Dĩ nhiên, chàng cũng yêu thương cha mẹ và hiểu rằng chàng sẽ gây cho họ một nỗi đau như thế nào. Chàng sẵn sàng chịu đựng những sự hi sinh lớn lao hơn nhiều, nhưng nghĩ đến chuyện phải tự đẩy đọa cả cuộc đời, phải chịu đựng bản án khổ sai nhiều năm ròng của những nỗi đau không thể nào nguôi ngoai, chàng lại cảm thấy điều đó là một thứ gì thật khủng khiếp, vượt quá sức chàng.

Chàng quá khao khát được chết, khát khao một sự đền bù. Chính chàng đã đường đột xông vào cuộc đời - bình lặng và vui vẻ - của con người rất mực tuyệt vời kia, không ai mời, ai gọi, gần như bằng vũ lực. Nếu không có chàng, bây giờ nàng đã có một cuộc đời, có thể là giản dị và nghèo nàn, nhưng êm ả. Chàng đã phá vỡ sự yên ổn của nàng, cuối cùng chính vì chàng mà nàng bị thiệt mạng, và chết đi rồi mà vẫn phải chịu tiếng xấu vì chàng. Chàng không đủ can đảm để đương đầu ngay với tất cả những chướng ngại kia. Chàng quá bần tiện. Bằng sự che giấu những dự

định của mình, chàng muốn duy trì cho mình một đời sống đầy đủ tiện nghi, trả bằng danh tiếng của nàng!

Điều đó đòi phải trừng phạt! Và chàng sẽ phải tự trừng phạt mình, bởi chỉ có hình phạt ấy mới có thể là lời thanh minh cho Ma-rư-sia, chỉ có hình phạt ấy mới có thể gột rửa thanh danh cho con người thân yêu hơn hết thầy kia...

Tàu dừng ở một ga nhỏ, vô cùng thân thuộc. Trên đường ke là phu nhân Trưn-xka, cô Ti-ta Zê-nô-vi-rúp-na, em gái của cô là A-nhi-en-ka, ông anh họ Ka-rôn, vợ anh ta là Zun-ka và vài người nữa trong gia đình, thường hay về Lu-đơ-vi-kốp dự lễ Thiên Chúa Giáng Sinh.

Nụ cười nửa miệng gượng gạo mà Lê-sếch dùng để chào hỏi mọi người không đánh lừa nổi ai: chàng chưa bình phục hẳn. Họ cố ý ra đón chàng nồng nhiệt và ồn ào để khiến chàng vui, kéo chàng vào những chuyện thường ngày vô lo của mình. Chỉ mỗi mình cô bé A-nhi-en-ka im lặng ngắm chàng dường như đồng cảm.

- Anh ấy nhợt nhạt và buồn bã làm sao, - cô hạ giọng nói với phu nhân Trưn-xka.

- Cháu hãy làm cho anh ấy vui và giả vờ như không thấy anh ấy có thay đổi gì cả, - phu nhân E-lê-ô-no-ra xiết chặt tay cô, - Bao giờ anh ấy cũng rất mến cháu.

Bốn chiếc xe trượt, lục lạc kêu rộn ràng, rẽ vào trước tòa dinh thự Lu-đơ-vi-kốp, chẳng khác gì một đoàn diễu hành bằng xe trượt. Suốt ngày người ta không để cho Lê-sếch một phút nào cô đơn. Trong phòng khách, ra-đi-ô và máy hát thay nhau chơi nhạc ồn ã.

Mãi đến sau bữa tối chàng mới trở về phòng riêng. Nơi đây không có gì thay đổi trong thời gian chàng vắng mặt. Chàng lo lắng nhìn vào ngăn kéo bàn giấy. Quyển nhật ký của Ma-rư-sia vẫn nằm nguyên chỗ cũ.

Chàng đọc suốt đêm, đọc đi đọc lại mấy lần liền những trang mà chàng nhớ như in nội dung, thậm chí nhớ từng chữ. Mãi gần sáng chàng

mới ngủ thiếp đi và chàng tỉnh giấc rất muộn. Người hầu mang bữa sáng đến, thông báo:

- Ông bà chủ vào nhà máy và bảo tôi hỏi xem cậu chủ có muốn ghé vào đó hay không.

- Không, - chàng lắc đầu. - Nhưng anh gọi người làm vườn cho tôi.

- Xin vâng, thưa cậu chủ.

- Ở nhà kính hoa đã nở nhiều chưa?

- Cũng như lẽ thường vào dịp lễ thôi ạ, nhưng đặc biệt hoa hồng năm nay nhiều lắm.

Sau bữa sáng, người làm vườn đến, cùng chàng đi vào nhà kính. Lê-sếch tỏ cho người làm vườn đang ngạc nhiên mỗi lúc một nhiều - những đóa hoa, rồi cuối cùng chàng bảo:

- Yêu cầu cắt tất cả những hoa ấy.

- Cắt ạ?...

- Phải. Và gói lại.

- Để gửi đi đâu ạ, thưa cậu chủ?

- Tôi sẽ mang đi.

- Vậy ra ngài kỹ sư lại ra đi ạ?

Lê-sếch không đáp, bước về phía lối ra.

- Thưa cậu chủ, - người làm vườn giữ chàng lại, - nhưng cậu ra lệnh cắt gần như toàn bộ hoa. Đó không phải là việc của tôi. Có điều không rõ liệu bà chủ...

- Được rồi. Yêu cầu nói cho bà biết và hỏi xem bà có phản đối chuyện đó không.

- Bà chủ đã dùng xe ô tô đi ra ga và đến bữa trưa mới trở về kia ạ.

- Vậy sau bữa trưa Jan hãy hỏi. Tôi cũng đến sau bữa trưa mới đi kia mà.

Lê-sếch không nghi ngờ rằng mẹ chàng sẽ đồng ý. Ngay việc triệt phá mọi thứ trong phòng ấm trồng cây nữa. Dĩ nhiên, bà sẽ hiểu ngay chàng cần hoa để làm gì.

Quay về phòng, chàng bắt tay vào biết thư. Dài nhất là lá thư gửi cha mẹ. Vài bức thư ngắn và thân tình cho bạn bè, một bức thư đúng thể thức cho cảnh sát và cuối cùng là bức thư gửi bà Skốp-kô-va. Chàng quan tâm nhiều đến lá thư sau cùng. Nó phải là lời thanh minh cho Ma-rư-sia trước dư luận của thị trấn.

Chàng vừa viết xong thì bà quản gia Mi-kha-lep-xka đến gõ cửa. Hôm qua bà chưa kịp chào hỏi Lê-sếch. Bà hết sức bận bịu, như lệ thường vào dịp trước lễ tết. Và bây giờ bà lại vừa hay tin là sau bữa trưa Lê-sếch sẽ lại ra đi, nên bà bèn bỏ ngay chuyện bánh trái cho đầu bếp, để gặp bằng được cậu Lê-sếch, bày tỏ với cậu niềm sung sướng của bà rằng ơn Chúa, bà lại được gặp cậu mạnh khỏe trở về. Bà bắt đầu kể cho Lê-sếch nghe mọi người trong vùng hỏi thăm chàng ra sao, ai nói cái gì, ai làm việc gì...

Lê-sếch nghe những lời kể lẽ đó, chàng chợt nghĩ ra rằng chắc hẳn người đàn bà này, pho sử sống của cả huyện, phải biết rõ điều mà chàng không muốn hỏi thăm ngoài thị trấn.

- Bác Mi-kha-lê-sia của cháu, - chàng lên tiếng, - cháu có điều muốn hỏi bác.

- Hỏi tôi à?

- Vâng ạ. Bác Mi-kha-lê-sia có biết... - giọng chàng lạc đi, - Mi-kha-lê-sia có thể nói cho cháu biết... nơi nào... người ta đã chôn cất...

- Chôn ai?

- Người ta đã chôn cất... cô gái bị chết trong vụ tai nạn hồi ấy?

Người đàn bà há hốc miệng.

- Vụ tai nạn nào?

- Kìa, vụ cùng với cháu ấy mà, - chàng sốt ruột.

- Giê-su Ma-ria! - bà kêu lên - Cậu Lê-sếch nói gì thế? - Sao người ta có thể chôn cất cô ấy được?... Cái cô Ma-rư-sia chứ gì?... Làm cho nhà bà Skốp-kô-va phải không?... Cô ấy vẫn đang sống kia mà!

Máu dồn hết lên mặt chàng. Chàng bật dậy khỏi ghế suýt nữa thì ngã bổ chửng.

- Cái gì?!... Cái gì?!... Chàng hỏi bằng một giọng thì thào kinh khủng, đến nỗi bà Mi-kha-lep-xka hoảng sợ lùi ra tận cửa.

- Con quỳ lạy Chúa! - Bà kêu lên. - Làm sao người ta phải chôn cất cô ấy kia chứ? Cô ấy khỏi rồi. Chính ông thầy lang đã chữa cho cô ấy khỏi và bị người ta tống giam. Còn cô ấy vẫn sống ở cối xay. Thì mọi người vẫn kể cho tôi nghe thế mà. Thì chính mắt gã Pa-ve-uếc của ta, tay bếp ấy mà, chả trông thấy cô ấy đấy thôi... Lạy Chúa! Cứu tôi với!...

Lê-sếch loạng choạng, và ngã lăn ra đất. Bà quản gia kinh hồn nghĩ rằng chàng lại bị ngất đi, song rồi bà nghe thấy tiếng nước nở và những lời hỗn độn nào đó. Không hiểu có việc gì, lại cảm thấy mình đã gây ra tất cả những chuyện này, bà vừa chạy bổ ra ngoài vừa kêu cứu.

Cả nhà đang ngồi trong phòng lớn. Bà chạy lao vào đấy và hỗn hển kể lại rằng cậu chủ Lê-sếch bị làm sao ấy.

Nhưng bà chưa kịp kể dứt lời thì đích thân Lê-sếch đã chạy vào, chàng băng ngang phòng lớn và lao ra hiên, không kịp đóng cửa lại sau lưng.

- Thế nào rồi cậu ấy cũng bị cảm lạnh nữa cho mà xem! - bà Mi-kha-lê-sia rên lên. - không có áo khoác! Tôi đã làm gì thế này không biết!...

Trong khi đó chàng lao về phía chuồng ngựa.

- Thẳng ngựa mau lên! - Chàng quát người coi ngựa đầu tiên mà chàng gặp. - Nhanh lên! Nhanh lên!

Chàng cũng giúp một tay. Cuống cuống cả lên. Người hầu phòng từ trong nhà lao ra mang theo chiếc áo choàng lông và mũ. Năm phút sau chiếc xe trượt đã phóng đi theo con đường đến Ra-đô-li-xki, mà phóng như điên, vì Lê-sếch giật dây cương từ tay người xà ích và đích thân đánh xe.

Đầu óc chàng quay cuồng, tim đập như trống làng. Những ý nghĩ của chàng lúc này như cũng phi một nước đại kinh hoàng. Những tình cảm trái ngược nhau giằng xé tâm hồn chàng. Một niềm hạnh phúc lớn lao tràn ngập cả người chàng, nhưng đồng thời một cơn giận dữ cũng lớn lao như thế giần giật trong các bắp thịt của chàng. Chàng sẵn sàng tha thứ cho tất cả mọi người, sẵn sàng lao vào vòng tay kẻ thù ghê gớm nhất của mình, nhưng đột nhiên một nỗi điên khùng khiến chàng nghiến chặt răng. Người ta đã lừa dối chàng! Người ta đã dùng một thủ đoạn thật thấp hèn, thật nhục nhã! Người ta giấu chàng suốt ngần ấy thời gian rằng nàng vẫn còn sống. Chàng sẽ trả thù chuyện đó, trả thù không thương xót!

Và đột nhiên chàng thấy mũi lòng: chắc hẳn nàng đã phải chịu đựng biết bao cay đắng! Chắc hẳn nàng trông mong tin chàng, thư của chàng, một dấu hiệu là chàng còn sống. Nàng đã mất dần hi vọng, nàng cô đơn, bị bỏ rơi, bị quên lãng trong nỗi bất hạnh, bởi chính một kẻ thù sẽ yêu nàng.

- Không biết bây giờ nàng có coi ta là một tên đểu cáng hay chẳng?...

Chàng nghiến răng ken két.

- Đó là do bọn họ! Ôi, chàng không thể tha thứ cho bọn họ chuyện này đâu! Chàng sẽ tát vào mặt thằng cha bác sĩ Pa-vơ-li-xki kia, sẽ cắt tai hắn trong một cuộc quyết đấu! Phải cho hắn nhớ đời rằng hắn đã hành động như một kẻ man trá. Còn mẹ chàng?... Ôi, bà sẽ phải hối hận cay đắng vì hành vi hèn hạ của mình. Chàng sẽ nói với bà rằng:

- Con trai bà suýt nữa thì đã tự tử vì chính sự dối trá của bà. Sự dối trá đã chống lại chính bà. Vì thế, bà hãy coi chính bà đã giết chết đứa con trai ấy. Và chí ít cũng là giết chết mọi tình cảm mẹ con trong lòng nó. Tôi đang và sẽ mãi mãi là một kẻ người đứng nước lã với bà.

Và từ nay trở đi chàng sẽ không thềm nói với bà một tiếng nào hết. Chàng sẽ ra đi, sẽ rời bỏ chốn này mãi mãi và ngay lập tức. Vì cả cha chàng, chàng cũng không muốn nhìn mặt nữa. Tại sao ông lại có thể im lặng để che giấu điều dối trá của mẹ chàng?

- Tình yêu thương của cha mẹ là thế đấy! Cầu địa ngục nuốt thứ tình yêu ấy đi cho rảnh nợ!

Cứ thử nghĩ mà xem, vì tình yêu ấy mà chàng đã cận kề nỗi bất hạnh xiết bao: nơi kia, tại đất Pháp, đã từ lâu chàng muốn chấm dứt mọi chuyện đi cho rồi. Chỉ có niềm khát khao được thực hiện nghĩa vụ cuối cùng đối với Ma-rư-sia giữ chàng lại. Chính vì nó, chàng đã chờ đợi, chính vì nó, chàng đã trở về nơi đây...

- Rõ ràng Chúa đã hướng dẫn những bước chân ta...

Đột nhiên, chàng ngỡ như mình đã xuyên thấu được điều bí mật của định mệnh bản thân mình, định mệnh ấy chính là một niềm hạnh phúc to lớn, vô biên, niềm hạnh phúc mà hẳn chàng sẽ không bao giờ đánh giá hết, nếu như không có những nỗi đau khổ, nếu như không có niềm tuyệt vọng vô bờ kia, niềm tuyệt vọng đã chế ngự cả tâm hồn chàng.

Chàng ngẫm nghĩ: trong đời đã bao lần chàng được gặp những niềm sướng vui, những thành công, những may mắn. Nhưng chàng đã đón nhận tất cả những thứ đó như những gì tự nhiên, thường tình mà chàng đáng được

hưởng. Chàng không sao nhớ nổi có một lần nào chàng cảm thấy niềm biết ơn, có lần nào dậy lên trong lòng chàng ý muốn hòa vào lời kinh đọc theo thói quen dù chỉ một hơi thở của lòng hàm ơn. Phải chăng, cần đến những điều nếm trải nặng nề dường ấy, chàng mới học được cách đánh giá những món quà tặng lớn lao đến thế?... Mới thông qua việc thấu hiểu giá trị của chúng mà xứng đáng với chúng?... Mới được trưởng thành để đón nhận niềm hạnh phúc lớn lao kia?...

Chàng nghĩ thế, song ở chàng, mỗi ý nghĩ - thông thường - đều phải tìm ngay cách thể hiện ra hành động, nên ngay ở chỗ đường rẽ đầu tiên, trước cây thánh giá, chàng ghì mạnh ngựa đến nỗi chân sau của chúng cày sâu vào tuyết, chàng ném dây cương cho người xà ích, nhảy khỏi xe, quỳ xuống với mái đầu để trần, dăm dăm nhìn hình hài nhỏ bé của Chúa Cơ Đốc được cắt bằng tôn đã bị gỉ đỏ quạch.

- Cảm ơn Người, hỡi Chúa, xin cảm ơn Người!... Chàng lặp đi lặp lại.

Bao giờ chàng cũng nghĩ mình là người có đạo, chàng càng tin chắc điều đó bởi lẽ chưa bao giờ chàng có những mối nghi ngờ nào thực thụ. Từ thuở thiếu thời chàng đã được giáo dục theo tôn giáo, chàng không nổi bật lên bởi lòng mộ đạo nhiệt thành đến độ đặc biệt, song cũng không xem thường những lễ giáo mà giáo hội qui định trong khuôn khổ tối thiểu cho phép. Chính vì vậy, việc cầu nguyện nơi đây, dưới chiếc thánh giá trên ngã ba đường, đối với chính bản thân chàng đã là một điều khác thường. Cho đến nay chàng chưa biết rõ thế nào là một lời cầu nguyện và cũng chưa biết nó có thể trở thành cội nguồn cho những cảm nhận sâu sắc đến mức nào.

Khi lại ngồi lên xe, chàng cảm thấy trong lòng trở nên yên tĩnh, thanh thản và sáng trong. Những ý nghĩ và hành động của mẹ cũng trở nên ôn hòa hơn, những suy tưởng mới chợt nảy ra. Đồng thời ý thức về niềm hạnh phúc đang chờ đón chàng dường như mạnh hơn trước.

Họ phóng nhanh qua Ra-đô-li-xki rồi rẽ vào con đường đi về phía cối xay của ông Prô-cốp. Chiều mùa đông lạnh lẽo xuống sớm khi họ dừng chân trước chiếc cối xay.

Người thợ làm công Vi-ta-lix đang đứng trước cửa.

- Có cô Vin-tru-rúp-na ở đây không? - Lê-sếch hỏi anh ta.

- Ai cơ ạ?

- Cô Vin-tru-rúp-na.

- Tôi không biết ạ. Cô ấy không ở đây. Trừ phi đó là cô Ma-rư-sia?

- Đúng, đúng! - Chàng nhảy ra khỏi xe. - Cô Ma-rư-sia đâu rồi?

- Cô ấy lên thị trấn. Đi đến Ra-đô-li-xki chắc ông đã phải gặp cô ấy.

- Không gặp. Cô ấy sắp về chưa?

- Chắc là sắp về ạ.

- Thế thì tôi chờ.

Đầu Zô-nhia ló ra cửa.

- Nếu ông định chờ thì tốt nhất nên vào trong phòng. Hoặc vào nhà ngang, nơi cô Ma-rư-sia ở... Xin mời ông vào.

Chị chùi tay vào tạp dề rồi đưa Lê-sếch vào phòng trong nhà ngang. Chị tìm thấy bao diêm trên lò sưởi và châm đèn. Chàng nhìn quanh phòng. Nơi đây nghèo, nhưng sạch sẽ ngăn nắp.

- Chắc Ma-rư-sia sắp về rồi. Cô ấy lên thị trấn, - Zô-nhia gọi chuyện. - Còn ông kỹ sư thì khỏe hẳn rồi thì phải, ơn Chúa.

- Tôi khỏe rồi.

- Thật may mắn quá. Lúc người ta đưa ông kỹ sư và Ma-rư-sia đến đây, những trông mà kinh. Toàn những máu là máu, lạy Chúa che chở! Chúng tôi đã đọc kinh cho người hấp hối rồi kia mà. Nếu không có An-tô-ni!... Mà nói làm gì nữa chứ! - Chị phẩy tay đầy ý nghĩa.

- An-tô-ni nào? - Lê-sếch hỏi.

- Ông An-tô-ni Kô-si-ba, thầy lang, vốn ở đây này.

- Ở ngay đây ư?

- Chứ còn ở đâu nữa ạ? Giờ thì ông ấy ngồi tù. Nhưng ông ấy đã ở đây, ông ấy sẽ lại trở về đây. Thì chính ông ấy, ngay trên chiếc ghế dài này, đã cứu chữa cho ông kỹ sư, nào dán, nào khâu, - Zô-nhia cười hi hi, - Vết máu thì tôi phải lấy mảnh chai cạo mới sạch đấy. Nó không chịu đi. Còn cô Ma-rư-sia thì ông ấy mổ trên chiếc bàn kia. Với ông kỹ sư đã nặng rồi, nhưng còn với cô ấy thì chẳng còn chút hi vọng nào hết. Cô ấy không thờ một chút nào nữa cơ mà. Xương đâm hết cả vào trong óc. Khi đưa ông ra ô tô, bác sĩ bảo rằng cô ta hỏng rồi. Đối với cô gái tội nghiệp này - ông ta bảo - chỉ có chiếc quan tài thôi - ông ta bảo - thật tiếc vì cô ấy đẹp. Nói cho đúng, suốt một tuần không ai dám nghĩ là cô ấy sẽ sống. Ông An-tô-ni thậm chí đã lấy cặp cả cái va-li với các dụng cụ gì ấy của ông bác sĩ để cứu chữa cô ấy. Suốt ngày suốt đêm ông ấy quanh quẩn bên cô gái. Rồi chính ông ấy cũng hết cách, không biết nên làm thế nào nữa. Ông ấy đành gọi cả lão chăn cừu ở Pie-trơ-ki để lão làm phép. Còn cô ta thì cứ thêm thiếp như

đã chết rồi. Cuối cùng, tôi cắt cổ một con gà trắng ngay dưới cửa sổ, thì lại được việc.

Lê-sếch hết sức chăm chú lắng nghe, chàng chợt nghĩ rằng có thể chàng đã không thật đúng khi cho là mẹ chàng và bác sĩ Pa-vơ-li-xki đã cố tình lừa dối. Rất có thể cả hai người đều tin rằng cô Ma-rư-sia đang hấp hối lúc họ ra đi không thể nào khỏe lại được. Câu chuyện của người thiếu phụ trẻ này hóa ra lại có lợi cho họ. Tuy nhiên, rõ ràng là sau đó mẹ chàng được biết Ma-rư-sia vẫn còn sống. Tại sao lúc ấy bà không viết cho chàng một lời nào về chuyện ấy?... Tại sao cha chàng cũng không hề nói, tại sao mãi đến khi về Lu-đơ-vi-kốp, chàng mới được biết điều đó, mà cũng chỉ do tình cờ!?... Đó chính là lỗi của họ và chàng oán trách họ chính vì chuyện ấy. Nhưng niềm oán trách ấy giờ đây đã giảm đi nhiều nhờ cảm giác về sự thiếu công bình của bản thân. Chàng đã quá nghiêm khắc và quá vội vàng khi kết tội cha mẹ và bác sĩ Pa-vơ-li-xki.

- Thế bây giờ cô Ma-rư-sia đã hoàn toàn khỏe rồi chứ? - Chàng hỏi.

- Cô ấy không bị làm sao hết. Thậm chí còn đẹp hơn ngày trước nữa kìa, Zô-nhia cười. - Có điều cô ấy rất buồn phiền, tôi thấy cô ấy vừa đi vừa khóc.

- Buồn phiền chuyện gì?

- Tôi cũng không biết đâu. Nhưng tôi nghĩ là chuyện lo phiền thì cô ấy chẳng thiếu gì. Bởi thứ nhất, việc thì bị mất do đau ốm. Bà Skốp-kô-va lấy người khác thay vào cửa hiệu. Hình như là một người bà con thì phải.

- Nào, đó là chuyện vợ vãn! Còn gì nữa?...

- À, chuyện ông An-tô-ni. Vì chuyện lấy cắp kia và hình như về việc chữa bệnh trái phép, họ giam ông ấy ba năm.

- Chuyện ấy đâu thể có được!

- Có thể có, bởi họ đã bắt giam rồi.

Và Zô-nhia kể tường tận cho Trưn-xki nghe mọi chuyện xảy ra.

- Chúng tôi có bàn nhau phải cứu ông ấy ra sao, nhưng làm sao cứu được kia chứ, - chị kết thúc. - Giờ thì tôi phải xin lỗi, tôi có chút việc. Ma-rư-sia chắc là cũng sắp về đến nơi rồi.

Chị bước ra, còn lại Lê-sếch, chàng cúi đầu nhìn ngắm mọi chi tiết bày biện trong phòng. Nơi đây, ở mọi vật đều có thể thấy rõ thói quen thích sạch sẽ và đẹp mắt của Ma-rư-sia. Đôi bàn tay đáng thương của nàng đã phải vất vả biết bao!

- Giờ thì chuyện ấy sẽ chấm dứt! - chàng nghĩ thầm và lòng tràn ngập niềm vui to lớn.

Ngoài cửa sổ, tuyết rơi từng bông lớn, mỗi lúc cứ dày thêm mãi.

- Mong sao nàng đừng lạc, - chàng đâm lo.

Đột nhiên, chàng nghe thấy tiếng dậm chân ngoài hiên. Chàng tin chắc rằng đó là nàng. Chàng bèn đứng chính giữa phòng và đợi. Cửa mở ra. Ma-rư-sia đứng chờ ra ở ngưỡng cửa, kêu lên rồi suýt nữa thì nàng ngã, nếu chàng không kịp thời ôm ghì lấy nàng. Chàng phủ lên môi, lên mắt nàng bao nụ hôn, dưới tay chàng tuyết đọng trên áo choàng của nàng tan chảy.

Dần dần nàng tỉnh lại.

- Em thân yêu duy nhất của anh, - chàng nghĩ thầm - Niềm hạnh phúc của anh... Cuối cùng anh đã có em bên mình, còn sống và vẫn khỏe mạnh, vẫn là của anh... Mọi thứ chông chát để chống lại chúng mình, nhưng giờ đây không gì còn có thể chia rẽ chúng mình, không gì có thể tách rời chúng mình được nữa... chắc hẳn em đã nghĩ về anh rằng anh là kẻ tồi tệ, rằng anh đã quên em... Nhưng không đúng thế đâu! Anh xin thề với em rằng đó là điều không đúng! Hãy nói rằng em vẫn tin anh đi em!

Cô gái ép người vào chàng.

- Em tin, em tin, em tin...

- Và em vẫn còn yêu anh chứ?...

- Em yêu. Em càng yêu anh hơn ngày xưa em yêu nữa kia.

- Em, vầng mặt trời của anh! Phép màu của anh! Thế em hãy nói anh nghe, em có nghĩ xấu về anh không?...

Chàng nhận thấy nổi giận ngừ trong mắt nàng.

- Nghĩ xấu thì em không nghĩ, - mãi sau nàng nói, - Hoàn toàn không. Nhưng có điều em buồn kinh khủng. Em cứ chờ mãi... Em chờ ghê lắm ấy... Ngày ấy ngày.

- Hãy tin anh, - chàng đột nhiên trở nên nghiêm nghị, - rằng tuy thế dù sao em cũng vẫn còn sung sướng hơn anh. Anh cũng phải trải qua ngày ấy ngày, nhưng những ngày đó trăm lần, triệu lần nặng nề hơn những ngày của em nữa kia. Bởi anh không hề chờ đợi một điều gì hết.

Chàng im lặng rồi nói thêm:

- Người ta đã đưa anh vào chỗ sai lầm.

Nàng lắc đầu.

- Em không hiểu.

Chàng cũng khó lòng nói ra sự thật. Mãi sau chàng mới thốt được nó ra thành lời:

- Người ta giấu anh chuyện em đã được... cứu sống. Ồ, xin em đừng nghĩ rằng người ta làm điều đó vì ý gì xấu. Thoạt đầu, tình hình của em là vô hi vọng, còn về sau... và chẳng không có một ai biết rằng đối với anh, em là toàn bộ cuộc đời. Vì vậy, người ta không báo tin cho anh hay.

Nàng gật đầu, mắt nàng long lanh lệ.

- Giờ thì em biết rồi, giờ thì em hiểu rồi... thế... thế anh buồn vì em... không còn sống nữa, phải không?...

- Có buồn không ư?! Chàng kêu lên. - Ma-rư-sia! đây, bằng chứng đây! Em hãy xem!...

Chàng thọc tay vào túi, rồi hai túi, chàng tìm tất cả các túi.

- Chắc anh đã để những bức thư đó lại Lu-đơ-vi-kốp rồi, ở trên bàn làm việc. Nhưng ngày mai em sẽ đọc chúng.

- Anh viết cho em ư, Lê-sku^[45]? - Nàng ngạc nhiên.

- Không phải viết cho em đâu, niềm hạnh phúc của anh ạ! - Chàng lắc đầu, cắn cắn môi. - Đó là những bức thư tuyệt mệnh. Gửi cho cha mẹ, bạn bè. Anh vừa về hôm qua, sáng nay anh mới viết. Còn tối nay... - Chàng nhìn ra làn kính cửa màu đen, tuyết ngập đến lưng chừng.

- Còn lúc này... nhẽ ra anh không còn nữa.

- Anh Lê-sếch! - Nàng thảng thốt kêu lên.

- Thiếu em, anh sống làm gì?

Họ nép sát vào người nhau, nước mắt lăn từng giọt giàn giụa trên má, hòa lẫn vào nhau. Họ cùng khóc cho cái quá khứ tồi tệ đã qua, khóc cho những nỗi buồn chân thành, khóc cho niềm tuyệt vọng đã cháy cạn trong lòng họ, họ khóc cho hạnh phúc của mình, một niềm hạnh phúc vô bờ, to lớn, đến nỗi trong sự vô biên của nó chính họ cũng cảm thấy trở nên nhỏ bé, chìm ngập và rụt rè.

CHƯƠNG XVII

Lê-sếch đã không nhầm. Nửa mê nửa tỉnh rời khỏi nhà, quả thực dù chàng đã để những bức thư kia lại trên bàn làm việc, bên cạnh những phong bì chưa kịp đề địa chỉ. Sau khi chàng đi, một cảnh hỗn loạn diễn ra ở Lu-đơ-vi-kốp. Vì quá xúc động, chính bà quản gia Mi-kha-lep-xka cũng bị lên cơn co giật, rồi sau đó, khi đã trở lại trạng thái phần nào thăng bằng, bà mới thuật lại quá trình cuộc trò chuyện với Lê-sếch, nhưng lại rắc rối đến nỗi phải mất khá nhiều thời gian người ta mới có thể xác định được có chuyện gì xảy ra và tại sao lại thế.

Việc xác định hiện tình là công của ông Trưn-xki, người mà lập tức được người ta phái gia nhân vào nhà máy báo tin. Ông không chỉ hạn chế trong việc khai thác bà Mi-kha-lep-xka. Qua gia nhân ông biết được rằng Lê-sếch cho gọi người làm vườn đến, còn qua người làm vườn ông được hay là ông ta nhận được lệnh cắt tất cả những đóa hoa đẹp nhất trong nhà ấm.

Dĩ nhiên, ông Trưn-xki cũng không bỏ qua chi tiết là bà quản gia đã gặp Lê-sếch đúng vào lúc chàng đang viết những bức thư nào đó. Bên cạnh đó, ông cũng khá thận trọng, để không cho ai vào phòng cậu con trai, mặc dù người nhà đã nhắc nhiều đến chuyện ấy. Chính vì thế ông có thể tập trung vào việc đọc kỹ các bức thư.

Việc tập trung tư tưởng vẫn không loại trừ chuyện hai tay ông Trưn-xki bắt đầu run rẩy cả lên khi đọc thư, mồ hôi hiện ra thành giọt trên trán. Nội dung thư, cộng với lời tường thuật của bà quản gia, không còn để lại một chút nghi ngờ nào nữa, mà có thể làm sáng tỏ một cách quá ư rõ ràng nguyên nhân sự lạnh nhạt dửng dưng của Lê-sếch cũng như sự ra đi đột ngột sau đó của chàng.

Vậy nên khi phu nhân Trưn-xka trở về, ông Xta-nhi-xoáp mời bà vào phòng làm việc, ông đã có thể mô tả ngắn gọn những sự kiện vừa xảy ra và trình bày tình hình hiện tại:

- Sáng nay, Lê-sếch cho gọi người làm vườn và bảo ông ta cắt gần như hết sạch hoa trong nhà ấm. Nó bảo tự tay nó sẽ mang đi, nhưng không nó rõ là đi đâu. Sau đó nó ngồi viết thư. Trước khi đưa những bức thư này cho mình đọc, E-lu thân yêu, tôi phải nói trước để mình yên tâm rằng thư không còn hợp với tình hình hiện tại nữa và nỗi nguy hiểm đã qua rồi.

- Nỗi nguy nào kia? - Phu nhân Trưn-xka hỏi cụ thể.

- Những ý định tự vẫn của Lê-sếch.

Phu nhân E-lê-ô-no-ra tái người đi.

- Đó là một điều vô nghĩa! - bà nhú mào.

- Mình đọc đi! - Chồng bà đáp, đưa cho những trang chữ dày đặc.

Bà đọc nhanh, và chỉ có hơi thở trở nên gấp gáp của bà chứng tỏ rằng đối với bà quả là một thử thách lớn lao. Sau khi đọc xong, bà ngồi lặng đi, mắt nhắm nghiền. Mặt bà đột nhiên già hẳn lại.

- Con đâu rồi? - Bà khẽ hỏi.

- Mình hãy nghe tiếp đây. Những bức thư này nằm lại đây vì lẽ Mi-kha-lep-xka vào phòng. Lê-sếch hỏi bà ta xem cô gái kia được chôn cất tại nghĩa địa nào, cô gái mà nó đã viết một cách tuyệt vọng như thế trong những bức thư kia. Tất nhiên Mi-kha-lep-xka ngạc nhiên và giải thích cho nó rõ rằng cô gái vẫn còn sống. Cô ấy cũng nói với thằng bé có thể tìm cô gái ấy ở đâu. Chắc mình có thể tưởng tượng được cái tin tức kia gây cho con ấn tượng như thế nào. Nó bị một cơn choáng thần kinh hay một thứ gì đại loại như vậy. Sau đó, nửa tỉnh nửa mê, nó chạy ngay xuống tàu ngựa để thằng xe. Trước khi nó phóng xe đi, người ta kịp mang ra cho nó áo choàng lông và chiếc mũ. Nó đi về phía Ra-đô-li-xki, tất nhiên là nó đến chỗ cái cối xay bột hạnh nọ, nơi mà như mình biết, cô Ma-rư-sia kia đang ở.

- Thế mình có phải đi theo con không?

Ông Trưn-xki nhún vai.

- Chuyện đó là thừa. Và chẳng cũng còn tay xà ích đi cùng nó. Trong khi chờ mình về, tôi chưa quyết định điều gì. Song tôi đã cân nhắc tình thế và đi đến một vài kết luận. Nếu mình cho phép.

- Tôi nghe đây.

- Vậy thì trước hết chúng ta biết rằng những tình cảm của Lê-sếch đối với cô gái kia không phải là chuyện ưng ý thoáng qua, mà là một tình yêu sâu sắc.

Phu nhân Trưn-xka cắn môi.

- Vô lý!

- Về cá nhân, tôi hoàn toàn đồng ý với mình. Nhưng chúng ta cần phải lưu ý đến những sự kiện thực tế. Thực tế là nó yêu cô ta. Không một ai tự kết liễu đời mình vì tuyệt vọng bởi một kẻ chỉ vừa mới thoáng thích. Đó là một. Bây giờ, nó đã biết rằng cô ta còn sống. Nó bị một cơn chấn động đến mức khiến cả nhà phải hoảng hồn. Không có gì là lạ. Một người đã vài tháng nay ở trong trạng thái ngã lòng cùng cực, chỉ suy nghĩ tìm cách tự vẫn, đột nhiên tìm lại được tất cả những gì đã mất. Khi ấy, nó sẽ nhớ lại rằng, chính mình, người mẹ đẻ của nó, là người đã nói cho nó biết về cái chết của cô gái kia. Nó cũng sẽ hiểu rằng hai chúng ta không hề thông báo cho nó về việc cô ta khỏe lại. Mình hãy nghĩ kỹ mà xem, khi ấy nó sẽ nghĩ gì về chúng ta, nó phải nghĩ gì!

Phu nhân Trưn-xka thì thầm:

- Nhưng tôi có nói dối nó đâu. Dù sao đi nữa, tôi vẫn có cảm giác là mình nói thật.

- Nhưng khi mình hiểu rằng đó không phải là sự thật thì mình lại quyết định giấu nó điều đó.

- Không giấu. Đơn giản là tôi không hề nghĩ rằng việc đó có quan hệ gì với Lê-sếch để đến nỗi phải viết thư báo cho con.

Ông Trưn-xki đưa tay phác một cử chỉ không rõ ràng.

- Mình nhầm đấy, E-lu thân yêu. Khi ấy mình đã nói rõ với tôi rằng cần phải im lặng đối với Lê-sếch về chuyện Ma-rư-sia khỏe lại.

- Nhưng đó chính là vì cái tốt cho nó thôi.

- Đó là việc khác.

- Vì quyền lợi của nó mà thôi. Tôi muốn quét sạch bản tình ca này ra khỏi đầu óc nó.

Ông Trưn-xki sốt ruột nhúc nhích trên ghế.

- Đến lúc này mà mình còn có thể gọi đó là bản tình ca nữa à?... Đến lúc này, sau khi đã đọc bức thư của con?...

- Tôi hoàn toàn không hề nhấn mạnh từ đó.

- Hơn nữa, nó còn viết là đã đính hôn với cô gái, nó gọi cô ta là vợ chưa cưới của mình, nó khẳng định là nhẽ ra chẳng bao lâu nữa đã cử hành đám cưới của chúng nó.

- Tôi sẽ không bao giờ đồng ý chuyện đó, - phu nhân E-lê-ô-no-ra bùng ra. - Tôi sẽ không bao giờ chịu thốt ra lời cầu phúc!...

Ông Trưn-xki đứng dậy.

- Bây giờ, tôi cũng không rõ liệu nó, liệu con trai của chúng ta... có chịu nhận lời cầu phúc của chúng ta nữa hay không, dù cho chúng ta có van xin nó đi nữa! E-lu, thế mình vẫn không hiểu chuyện gì đã xảy ra và sẽ có thể xảy ra hay sao? Thế mình vẫn không hiểu rằng suýt nữa chúng ta đã giết chết con đẻ của chúng ta hay sao?!... Rằng cầu Chúa để chúng ta không phải mất nó vĩnh viễn ngay cả bây giờ?!...

Ông hoàn toàn mất bình tĩnh. Ông ôm ghì lấy đầu, đi đi lại lại trong phòng, cứ lặp đi lặp đi mãi:

- Tôi biết nó lắm. Nó sẽ không bao giờ tha thứ cho chúng ta chuyện đó! Tôi biết nó lắm. Nó sẽ không tha thứ đâu!

- Bình tĩnh lại nào, ông Xtas^[46], - phu nhân Trưn-xka cất giọng hơi run run nói, - Tôi hiểu nỗi lo ngại của ông, thậm chí có thể tôi cũng chia sẻ

niềm lo ấy. Nhưng tôi muốn nhấn mạnh rằng tôi không hề có điều gì phải trách cứ bản thân mình cả. Tôi vẫn tiếp tục xem rằng bổn phận của cha mẹ là phải chăm lo cho tương lai của con.

- Nhưng nó đã ba mươi tuổi rồi!

- Chính thế! Lại càng phải lo lắng hơn, nếu mặc dù đã ba mươi tuổi nó vẫn muốn xếp đặt cuộc đời nó chẳng ra sao cả. Thật là yếu mềm và cơ hội khi từ bỏ nguyên tắc chỉ để thỏa mãn ý thích ích kỷ riêng tư muốn được sự hoan nghênh của đứa con trai, kẻ định sắp đặt tương lai của mình một cách ngu xuẩn.

- Nói cách khác, - ông Trưn-xki mỉm cười, mình thà chịu mất con chứ không từ bỏ quan điểm của riêng mình và hạnh phúc của nó.

- Tôi không nói thế.

- Thế mình nói thế nào?!

- Rằng tôi phải giữ vững nguyên tắc... nhưng.

- Nhưng sao?...

- Nhưng tôi không đủ sức, còn ở ông, tiếc thay tôi cũng không tìm thấy nó.

Phu nhân E-lê-ô-no-ra nặng nhọc cúi đầu.

- Vợ vẫn, mình thân yêu ạ, - chồng bà kêu lên đầy tin tưởng, - cứ cho là chúng mình đủ sức, chúng mình không từ bỏ nguyên tắc. Nhưng khi ấy cuộc đời chúng mình sẽ ra sao chứ?... Chúng mình sẽ đào một vực thẳm giữa chúng mình với con trai là mục đích duy nhất cho chúng mình tồn tại, đứa con trai là kết quả duy nhất của sự tồn tại ấy, là minh chứng duy nhất.

Ông đặt tay lên vai vợ.

- E-lu, mình hãy nói xem, chúng mình còn ai nữa?... Còn cái gì nữa?... Mình có hình dung nổi cuộc sống sau đó của chúng mình sẽ ra sao không?...

Phu nhân Trưn-xka gật đầu.

- Mình nói phải.

- Không nghi ngờ gì nữa rồi. Và hãy chú ý đến điều này nữa: chúng mình chưa hiểu cô gái ấy kia mà, sự ác cảm của chúng mình đối với cô ấy mới xuất phát từ địa vị xã hội thấp kém của cô ấy mà thôi. Chúng mình chưa hiểu một điều gì hết, ngoài chuyện cô ta là người bán hàng trong một cửa hiệu nhỏ, nhưng chúng mình còn biết thêm rằng: con trai chúng mình yêu cô gái ấy. Mình có nghĩ rằng nó có thể phải lòng một người thô tục, thiếu văn hóa, ngu ngốc, tóm lại: không có một ưu điểm nào cả, hay không? Mình không nhớ thử lại xem chính mình đã nhận thấy óc quan sát của con, những nhận xét xác đáng của nó về những người quen và mối quan hệ đầy ý thức phê phán đối với phụ nữ?... Tại sao khi chưa rõ một điều gì về cô gái được nó chọn lựa, chúng ta lại cứ nghĩ đến những điều tồi tệ nhất? Chúng ta cũng hoàn toàn có thể nghĩ rằng cô gái ấy là một hiện tượng siêu nhiên kia mà. Tôi tin chắc, mà mình biết đấy, tôi không phải là người thích ném lời cho gió - rằng phần lớn những điều nghi ngờ trước đây của chúng ta sẽ tan biến ngay từ thời điểm chúng ta được làm quen với cô gái ấy.

Phu nhân Trun-xka ngồi im lặng, tựa đầu vào tay và có vẻ như đang nhìn xuống tấm thảm.

- Nếu như những điều chúng lo ngại tăng lên khi gặp cô ấy, thì xin mình cứ tin lời tôi, - ông Xta-nhi-xoáp nói tiếp, - với thời gian rồi Lê-sếch cũng sẽ nhận ra chúng, khi nó có dịp quan sát cô gái trên cái phòng của chúng ta, trong môi trường của chúng ta.

- Ông hiểu điều đó như thế nào?

- Tôi nghĩ rằng chín chắn nhất là đón cái cô Ma-rư-sia ấy về với chúng ta.

- Với chúng ta?... Đến Lu-đơ-vi-kốp này ư?...

- Dĩ nhiên rồi. Tôi còn nói thêm rằng, chúng ta phải mau mau ngỏ lời mời ấy đi thôi.

- Tại sao?

- Bởi nếu chúng ta không chứng tỏ cho Lê-sếch thấy ý định tốt đẹp nhất của mình, nếu chỉ cần một phút nó nghĩ rằng chúng ta hành động có chủ định, và rằng chúng ta vẫn tiếp tục muốn tách nó khỏi Ma-rư-sia... Khi ấy sẽ quá muộn. Biết đâu nó đã chẳng đón cô gái khỏi cối xay và chở đến nhà một người bạn nào đó của nó rồi cũng nên?

- Vậy thì làm thế nào? - Hai tay phu nhân Trưn-xka xiết chặt lại.

- Phải nhanh chóng đến đó.

- Đến đâu?... Đến cối xay à?

- Đúng. Nếu như còn chưa quá muộn.

Phu nhân Trưn-xka nhanh nhẹn đứng lên.

- Vậy thì được rồi. Mình bảo tài xế đưa xe đến đi.

Ông ôm vợ vào lòng.

- Cảm ơn mình, E-lu. Chúng ta sẽ không phải hối tiếc vì điều đó đâu. Chúng ta già rồi, mình thân yêu ạ, càng ngày chúng ta càng cần nhiều sự ấm áp hơn.

Khi ông bước ra khỏi phòng, phu nhân Trưn-xka gạt nước mắt.

Mười phút sau, chiếc xe hòm kính màu đen to tướng rời tiền sảnh. Đắm chìm trong những suy tư của mình, ông bà Trưn-xki không hề nói lời nào, thậm chí quên không bảo tài xế mục tiêu của chuyến đi.

Nhưng tự khắc ông ta cũng vẫn hiểu rõ. Ở Lu-đơ-vi-kốp mọi người đều biết rõ ông bà chủ đi đâu và để làm gì. Bởi làm sao khác được? Có những qui luật điều khiển mọi trái tim theo cách giống nhau, chúng được tất cả mọi người cảm nhận và dễ hiểu đối với tất cả mọi người.

Chiếc xe dài nặng nề, bỏ đường cái lớn rẽ vào một con đường nhánh. Ở đây những chiếc xe trượt chở ngũ cốc đã khiến cho mặt đường mấp mô thành những ổ gà sâu hoắm, cần phải đi chậm và thận trọng hơn. Ánh sáng chói mắt của những ngọn đèn pha làm thành các luồng sáng xanh rọi từ gốc

lên ngọn, làm hiện ra như trong một phép màu từ khoảng trống không hình thù khổng lồ của những cây tổng quả sủ phủ đầy những nhũ băng tuyết bám, những chiếc chùy màu đen của cây thù liễu tua tủa cành mảnh, và cuối cùng là những mái nhà nhọn hoắt của khu điền trang ông lão Prô-cốp với những vỏ băng treo trên những tầng mái.

Tuyết đã ngừng rơi và ngay từ ngoài xa người tài xế đã nhìn thấy chiếc xe trượt của Lu-đơ-vi-kốp đỗ trước cối xay.

- Ngựa của ta đang đứng trước cối xay, - bác nói, không ngoảnh đầu lại.

- Ông Chúa rằng hai đứa vẫn còn ở đây, - cả hai vợ chồng ông Trưn-xki đều nghĩ bụng.

Ánh đèn pha gọi người xà ích bước ra khỏi nhà. Sau khi đã phủ chăn che cho ngựa, anh này đang sưởi ấm bên bếp lò lửa, cùng với cả ông lão Mien-nhich, người thấy có bốn phận phải thân ra đón ông bà Lu-đơ-vi-kốp.

- Con trai ông bà, thừa ông chủ, - ông nói, - đang ở trong nhà ngang, chỗ cô Ma-rư-sia. Ông bà cho phép, tôi xin đưa đường.

- Cảm ơn ông, ông Prô-cốp, - ông Trưn-xki đáp, rồi khoác tay phu nhân E-lê-ô-no-ra, ông thì thào: - E-lu, mình hãy nhớ nhé, muốn thu phục được trái tim, phải phò cả trái tim mình ra đấy.

- Tôi hiểu, người bạn tốt của tôi ạ, bà xiết chặt cánh tay ông. - Ông đừng lo.

Bà đã tự chiến thắng mình, tận đáy sâu trong tâm hồn bà đã thừa nhận cái điều mà cách đây chưa lâu bà vẫn coi là một chuyện nhục nhã. Lần thứ hai trong đời, số phận đã buộc bà phải bước qua cái ngưỡng cửa ấy. Một vị thần định mệnh nào đó lại xoay bánh xe đời, nó dừng lại đúng vào một giây phút đầy đe dọa, giây phút của lo lắng và phấp phỏng, ngay trước túp nhà có những chiếc cửa sổ nhỏ vuông vức kia.

Nghe tiếng gõ cửa, Lê-sếch đáp lại bằng giọng mạnh mẽ và thậm chí có vẻ đầy thách thức:

- Xin mời vào.

Trước đây vài phút, ánh sáng ngọn đèn pha đã báo trước cho chàng biết là cha mẹ chàng đã tới. Chàng biết rõ rằng đó chính là họ. Nhưng chàng không rõ họ tới đây làm gì. Vì vậy, chàng vùng dậy đứng chắn trước mặt Ma-rư-sia, như muốn che chở cho nàng trước mỗi nguy hiểm đang đến. Mặt chàng dài thượt ra và hơi tái đi. Chàng nghiêng chặt răng, bởi lẽ miệng chàng đang chứa đầy những lời nhon sắc, dữ dội, tàn nhẫn. Và chàng chờ đợi.

Cửa mở ra. Họ bước vào. Có thể chỉ độ chừng một giây thôi khi họ dường như đứng dừng trên ngưỡng cửa, nhưng cũng đủ cho chàng hiểu được. Trên nét mặt người cha là một nụ cười nhân hậu, nhẹ nhõm, còn mắt người mẹ, tuy đỏ hoe vì lệ, nhưng môi bà run run.

- Con trai tôi! - Bà thì thầm gần như không thành tiếng.

Chàng lao tới tay mẹ, và bắt đầu cuồn cuộn hôn tay bà.

- Mẹ ơi! Mẹ ơi!...

Trong hai tiếng kêu bị nổi xúc động làm nghẹn ấy bao hàm tất cả: cả nỗi đau, cả sự trách móc, cả niềm hi vọng, cả nỗi xót xa, cả lời cầu xin tha thứ, lẫn sự tha thứ, hòa vào nhau. Toàn bộ diễn biến, nỗi chịu đựng của hai con người, những dẫn vật đấu tranh nội tâm, sự lên án lẫn nhau và nỗi băn khoăn cháy bỏng, những quyết tâm khủng khiếp và nỗi cảm động âu yếm nhất cùng gói kín trong hai từ ấy: con ơi, mẹ ơi, những từ dùng để viết nên những hiệp ước bền chặt nhất, những liên minh bất khả xâm phạm nhất, những thỏa ước thiêng liêng nhất.

Họ lao vào vòng tay nhau không nói gì nữa, không ước mong gì nữa, ngoài một điều duy nhất: sao cho những gì vừa dậy lên trong lòng họ bởi cái chân lý sáng chói kia sẽ không bao giờ bị mờ đi một chút nào nữa hết.

Phu nhân Trư-xka bình tĩnh lại trước và cất giọng đầy ấm áp:

- Lê-sếch con, hãy cho phép mẹ được làm quen với người vợ tương lai của con nào.

- Mẹ ơi! Mẹ hãy nhìn người thiếu nữ đáng yêu nhất trên đời này đi. Nàng chưa được hưởng tình yêu thương xứng đáng với những gì nàng được hưởng.

Ma-rư-sia đứng, mắt nhìn xuống, bối rối và rụt rè.

- Mẹ và cha con, - phu nhân E-lê-ô-no-ra nói, - sẽ tiếp thêm tình cảm của cha mẹ vào với tình cảm của con, và khi ấy chúng ta có thể cân bằng lại phần nào chăng.

Bà bước lại gần Ma-rư-sia, ôm lấy cô và hôn cô rất chân thành.

- Con thật xinh đẹp, con ta ạ, và ta tin rằng linh hồn trẻ trung của con cũng xinh đẹp không kém, ta hi vọng rằng hai ta sẽ thân thiết với nhau và con cũng sẽ không coi ta là đối thủ của con, mặc dù cả hai ta cùng yêu thương một chú bé.

Bà cười và vuốt ve đôi má ửng hồng của cô gái.

- Hãy nhìn mẹ đây, mẹ muốn được nhìn vào mắt con để xem có thật yêu nó không.

- Ôi, yêu lắm lắm thưa bà! - Ma-rư-sia khẽ nói.

- Đối với con, con thân yêu của ta, ta không phải là một bà nào hết. Ta muốn được là mẹ con.

Ma-rư-sia cúi xuống gần môi nàng vào tay vị phu nhân cao sáng kia, người mà mới vừa đây đối với nàng vẫn còn là một bà chủ xa lạ, nghiệt ngã và không sao với tới, người mà bây giờ nàng đã có quyền gọi là mẹ.

- Hãy cho phép cả ta nữa, - ông Trưn-xki chìa cả hai tay cho Ma-rư-sia, - cũng được cảm ơn con vì niềm hạnh phúc của con trai chúng ta.

- Chính nhờ anh ấy mà con mới có được hạnh phúc đấy ạ! - Rốt cuộc Ma-rư-sia cũng hơi rụt rè mỉm cười.

- Cha mẹ hãy nhìn mà xem, nàng xinh đẹp tuyệt vời chưa này! - Lê-sếch kêu lên đầy phấn khích, từ này đến giờ chàng vẫn ngắm nhìn toàn bộ cảnh tượng này trong một nỗi bàng hoàng đầy sung sướng.

- Xin chúc mừng con! - Cha chàng vỗ vai chàng.

- Cũng đáng chúc mừng phải không ạ? - Lê-sếch kiêu hãnh hất đầu - Nhưng cha mẹ chưa hiểu hết nàng đâu. Khi nào cha mẹ đã hiểu được nàng như con, cha mẹ sẽ thấy rằng đó quả là một viên ngọc quý, rằng đó quả là một phép màu được hóa thân!

- Anh Lê-sku! - Ma-rư-sia bật cười. - Anh nói thế mà không xấu hổ à! Sau lời quảng cáo kia của anh, ông bà sẽ cố tìm trong em dù chỉ một chút gì đó để làm căn cứ cho nó. Và khi ấy sẽ buồn lòng biết bao, thất vọng biết bao, khi thấy rằng em chỉ là một thiếu nữ mộc mạc và hoàn toàn ngu dốt...

- Đức khiêm tốn của con, - phu nhân Trưn-xka xen ngang, - đã là một ưu điểm lớn.

- Đó không phải là khiêm tốn đâu, thưa bà, - Ma-rư-sia lắc đầu, - Xin chớ nghĩ rằng cháu không hiểu được cháu là ai và sẽ gặp khó khăn thế nào, cháu sẽ tốn bao sức lực, bao cố gắng để có thể vươn tới được gần tầm của anh Lê-sếch, của ông bà, của thế giới nhà ta, để trong thế giới ấy cháu không làm anh Lê-sếch phải xấu hổ vì sự thiếu học thức và không biết cách cư xử của cháu. Cháu xin thành khẩn thừa nhận rằng cháu sợ điều đó lắm, cháu không hiểu mình có làm được điều ấy không. Và nếu cháu dám làm điều đó, nếu như mặc dù thế cháu vẫn cương quyết dấn thân vào mọi điều... thử thách... phải nhịn nhục... thì chỉ vì cháu đã quá yêu anh ấy mất rồi.

Nàng nói nhanh, không nhìn họ, hơi thở gấp gáp của nàng chứng tỏ nàng đang thốt ra thành lời những suy nghĩ dằn vặt nàng nhiều nhất.

Lê-sếch đưa ánh mắt đặc thẳng nhìn cha mẹ, dường như muốn nói:

- Các người thấy tôi chọn được một cô gái như thế nào chưa?!

- Và nếu hôm nay cháu thấy sung sướng và tự hào khi sắp được trở thành vợ anh ấy, - Ma-rư-sia tiếp tục, - thì không phải mỗi con gái nghèo bán quán đều mơ ước lấy được một người chồng giàu có và sang trọng đâu. Thực tình cháu rất mừng, vì mặc dù quen biết bao thiếu nữ xinh đẹp, tương xứng với anh ấy cả về tài sản, địa vị, anh ấy vẫn chọn cháu, một cô gái mỗ

cô không cần thiết cho ai, song cháu sung sướng và tự hào chính là vì người chồng ấy là anh, người cao quý nhất, tốt đẹp nhất mà cháu được biết đến.

Phu nhân Trun-xka kéo nàng vào lòng.

- Chúng ta hiểu lòng con, con thân yêu ạ. Và chính vì thế chúng ta lại càng sẵn lòng cam đoan với con rằng chúng ta biết đánh giá đúng tính trung thực trong những ý định của con. Con cũng nên tin rằng con sẽ không những không gặp phải ở nhà chúng ta một điều phiền toái nào hết, mà con còn tìm được những trái tim rộng mở và một sự giúp đỡ chí tình ở tất cả mọi người. Con cũng đừng bao giờ nói con là đứa trẻ mồ côi nữa, vì kể từ ngày hôm nay con đã có cha mẹ, con thân yêu, và ngôi nhà mà kể từ đây sẽ là nhà của con.

Ma-rư-sia lại một lần nữa cúi xuống tay và để hôn và giấu đi những giọt lệ đang rưng rưng trong mắt nàng.

- Bà tốt quá, - nàng thì thầm. - Thậm chí, con không thể hình dung rằng bà lại tốt đến thế... thừa mẹ.

Mặc dù cũng xúc động không kém, ông Trun-xki vẫn mỉm cười dưới hàng ria mép và hăng giọng:

- Nào, bây giờ, - ông nói, - một khi chúng ta đã nhắc đến sự tồn tại của ngôi nhà chúng ta, tôi nghĩ rằng, có lẽ tốt hơn hết là tất cả chúng ta đều quay về đó. Chúng ta hãy giúp Ma-rư-sia gói ghém các vị gia thần cùng tổ tiên rồi đưa cả về Lu-đơ-vi-kốp.

- Dĩ nhiên rồi! - Phu nhân E-lê-ô-no-ra tán đồng. - Không có lý do gì để con phải ở lại đây nữa.

Ma-rư-sia lại đỏ mặt, còn Lê-sếch nói:

- Thừa mẹ, mẹ cũng thấy đấy... Con e rằng Ma-rư-sia của con sẽ thấy hơi khổ tâm. Ở Lu-đơ-vi-kốp hiện đang có bao nhiêu là khách, những người, hoàn toàn xa lạ đối với em...

- Thế con muốn để nó ở lại đây nữa sao? - Phu nhân Trưn-xka ngạc nhiên.

- Lạy Chúa che chở! Nhưng con có một ý hay. Con muốn cùng Ma-rư-sia đi Vin-nô.

- Ngay bây giờ?... Vào đúng dịp lễ tết?

- Đến ngày lễ hãy còn năm hôm nữa. Chúng con phải đến đấy vì hai lễ: thứ nhất, chúng con còn mãi hàm ơn với ông lang tốt bụng Kô-si-ba, người bị tổng giam chỉ vì đã cứu mạng chúng con. Con muốn giao phó việc của ông ấy cho Va-xếch Ko-rơ-trưn-xki. Một luật sư như cậu ấy có thể làm được tất cả. Con sẽ không tài nào tha thứ cho bản thân mình về bất cứ lơ là nào với người mà con chịu ơn nhiều đến thế. Người đã chứng tỏ là vô cùng gần bó với em Ma-rư-sia.

- Điều đó hoàn toàn đúng đắn, - phu nhân E-lê-ô-no-ra thừa nhận.

- Còn việc thứ hai là những bổ sung cần thiết cho trang phục của nữ hoàng của con. Thực tình con cũng không lưu tâm lắm đến chuyện đó, nhưng con muốn nàng không cảm thấy gò bó giữa đám khách khứa của Lu-đơ-vi-kốp. Vì thế, con hi vọng rằng, với sự giúp đỡ của chị Va-xkô-va, chúng con có thể giải quyết được chuyện đó một cách từng tiệm.

Phu nhân Trưn-xka gật đầu.

- Trong việc này mẹ cũng thừa nhận là con có lý. Nhưng không hoàn hảo. Cụ thể là mẹ không thật tin tưởng vào gu của cô Ko-rơ Trưn-xka. Vì vậy đích thân mẹ sẽ cùng đi với các con để chăm lo việc đó.

- Mẹ! Mẹ quả là thiên thần! - Lê-sếch thốt lên.

Và quả thực chàng rất biết ơn mẹ vì cái quyết định ấy. Chàng muốn trước khi đến Lu-đơ-vi-kốp, Ma-rư-sia đã được gần gũi phần nào với gia đình chàng, để nàng có thể quen với hoàn cảnh mới. Vốn hiểu tài năng thực sự của mẹ trong việc giao tiếp với mọi người, chàng không chút nghi ngờ rằng dưới ảnh hưởng của bà, một thiếu nữ thông minh và nhạy cảm như Ma-rư-sia chỉ trong một thời gian ngắn có thể sẽ học được rất nhiều điều,

và trước hết có thể thoải mái trong cư xử, điều bao giờ cũng khá khó khăn đối với mỗi người khi nhập vào môi trường mới.

Nửa giờ sau, ông bà Trưn-xki đi, vì lẽ phu nhân E-lê-ô-no-ra còn phải chuẩn bị đồ đạc đi đường, Lê-sếch và Ma-rư-sia ở lại và hai tiếng nữa họ mới phải lên đường để gặp lại mẹ ở ga. Lúc ấy, ông lão Prô-cốp xuất hiện trong nhà ngang, mời cả hai dùng bữa tối. Sự kiện của cậu chủ Lu-đơ-vi-kốp chọn một người vợ ngay dưới mái nhà ông, đối với ông - như lời ông nói - là một niềm vinh hạnh đáng phải khao. Vì vậy trên bàn ăn xuất hiện cả một chai rượu anh đào, và để chào mừng đôi uyên ương mới đính ước, ông chủ nhà đọc một bài diễn văn dài, chen lẫn rất nhiều những câu trích từ kinh thánh cùng những suy ngẫm triết lý của chính ông.

Thông thường, chuyến tàu đêm rất ít khách. Hôm ấy, vì là thời gian trước ngày lễ, trong phòng đợi nhà ga có nhiều khách buôn từ thị trấn lên Vin-nô để mua thêm hàng. Việc Lê-sếch và Ma-rư-sia xuất hiện với sự tùy tùng của phu nhân Trưn-xka gây nên một chấn động dễ hiểu. Ông trưởng ga nghĩ mình có bốn phận phải chào hỏi phu nhân Trưn-xka, rồi ông hỏi:

- Dịp lễ mà tôn phu nhân cũng bỏ quê hương ra đi chẳng?

- Không. Vài hôm nữa chúng tôi sẽ về thôi, - phu nhân Trưn-xka đáp. - Tôi chỉ cùng con trai và con dâu tương lai đi mua sắm vài thứ lặt vặt thôi.

Trưởng ga kinh ngạc đến nỗi há hốc miệng. Lê-sếch mồm mỉm cười, hài lòng nghĩ bụng:

- Nào, ngày mai thì có chuyện cho họ bàn tán ở Ra-đô-li-xki lẫn khắp cả vùng nhé.

CHƯƠNG XVIII

Cái ống nước ở sau lò nướng bánh của nhà tù bị vỡ. Tù nhân chưa thành án không có nghĩa vụ phải lao dịch, nhưng ông An-tô-ni Kô-si-ba vẫn tình nguyện đi làm. Ông thích những công việc chân tay nặng nề hơn là phải ngồi trong xà lim ngọt ngào, nơi phải nghe chuyện kể lể của bạn tù về đủ mọi chuyện trộm cắp, về những vụ đánh nhau cùng những việc tương tự mà họ dự định sẽ tiến hành trong tương lai. Sau những ngày trống rỗng như thế là những đêm không ngủ, đầy mệt mỏi. Vì vậy ông hăng hái nhận bất cứ công việc gì. Những khi nào cần đổ than, quét sân hay quét tuyết trên mái nhà, khâu khoai tây vào bếp - ông đều là người đầu tiên tình nguyện. Rồi sau đó, mệt như, ông ngủ say như chết, không còn thời gian nghĩ ngợi đến Ma-rư-sia, hoặc nghĩ một chuyện gì khác.

Ông nhận bản án một cách buông xuôi. Mặc dù ông coi mức án là hết sức bất công, nhưng ông không muốn chống án. Đã từ lâu ông quen với sự bất công rồi. Nó không còn khiến ông phẫn nộ, không ngạc nhiên, thậm chí cũng chẳng buồn phiền nữa. Ông hiểu rằng người nghèo buộc phải quen với mưa gió và giá băng ấy cũng chính là người đã tạo ra những kẻ khác cay nghiệt, hà khắc và vô tình.

Ông An-tô-ni Kô-si-ba cũng chẳng hi vọng gì nhiều ở tòa phúc thẩm. Chỉ mỗi một điều dày vò ông, một điều không cho ông chợp mắt đêm đêm, một nỗi lo phiền duy nhất: Ma-rư-sia ở đó ra sao?

Vốn hiểu ông lão Prô-cốp, ông không nghĩ rằng tại nhà ông lão cô gái có thể gặp phải điều gì không may, nhưng đối với một thiếu nữ như cô, phải chẳng chính nỗi cô đơn giữa chốn xa lạ không phải là một chuyện phiền lòng?... Thế mà ông đã thầm hứa hẹn biết bao điều! Ông đã hình dung ra cuộc chung sống giữa hai bác cháu dưới cùng một mái nhà. Dĩ nhiên, ông sẽ bắt đầu thu tiền của những bệnh nhân của ông, nhất là những kẻ giàu, để cô gái có tiền mua sách đọc - thứ mà cô hết sức đam mê, - để cô sắm những bộ váy đẹp, hợp với vẻ đẹp tinh tế của cô hơn là những chiếc váy thông thường bằng vải Péc-đan xoàng xĩnh. Buổi sáng, ông sẽ làm việc

ở cối xay, buổi chiều cô sẽ giúp ông tiếp người ốm, còn buổi tối Ma-rư-sia sẽ đọc to cho ông nghe những vần thơ, những tiểu thuyết bằng cái giọng thanh thanh của cô.

Ấy thế mà tất cả những thứ đó đều trở thành con số không. Ba năm là cả một khoảng thời gian dài. Trong ba năm có nhiều điều có thể, phải đổi thay. Sau khi mãn hạn tù trở về cối xay, rất có thể ông không còn gặp lại cô ở đó.

- Khi ấy sẽ thế nào?...

Khi ấy sẽ lại bắt đầu một cuộc sống trống rỗng, vô mục đích, một cuộc sống không phải cho bản thân mình, cũng chẳng phải cho người đời, chẳng phải cho Chúa, bởi chính ông chẳng khát khao gì nó.

- Khi ấy sẽ thế nào?...

Ngần ấy năm ông lang thang trên thế giới, chẳng khác gì một con vật, người hít, đánh hơi, con vật không có mục đích gì khác ngoài việc kiếm miếng ăn qua ngày cùng một cái xó để ngủ qua đêm. Cho đến lúc trong sự trống trải mênh mông ấy chợt lóe lên ánh sáng đầu tiên, ánh sáng duy nhất, khi ông bắt đầu thấy tim đập mạnh hơn trong lồng ngực, và trong tim có cảm giác ấm áp của con người, khi ông hiểu ra rằng ông cũng là một con người, khi ông tìm được mục đích và sự cần thiết của sự tồn tại, thì một đòn từ đâu giáng xuống ông và nghiền vụn nát tất cả.

Giờ đây, sao ông hình dung lại rõ ràng đến thế, những phút giây kinh hoàng trong cơn hấp hối của Ma-rư-sia, khi ông nửa tỉnh nửa mê vì nỗi tuyệt vọng bất lực, chỉ còn biết ngồi bên cô, không còn khả năng để cố gắng làm một việc gì nữa, để hi vọng vào một điều gì nữa, thậm chí để cầu nguyện. Và nơi đây, trong những đêm tù, ông vẫn thường trải qua cơn kinh hoàng ấy. Nơi đây, cũng hệt như hồi ấy, ý nghĩ ông cứ quay cuồng hoài trong cái xoáy nước hút xuống vực thẳm tất cả những gì ông yêu thương, những gì mà vì chúng ông muốn sống, những gì mà vì chúng ông có thể sống.

Và sự lặp lại đánh thức trong ông những ký ức, mờ mịt và không rõ ràng, rằng ngày trước, đã lâu lắm rồi, ông cũng đã từng trải qua một nỗi bất hạnh giống thế, rằng hồi ấy ông cũng đã từng bị mất tất cả. Ông hoài công cố căng óc lên để nhớ. Chỉ có một thứ trong trí nhớ nổi lên rõ nét mà thôi: chính cái tên lạ lùng mà ông chưa từng nghe bao giờ lại rất quen thuộc: Bê-a-ta.

Tại sao nó cứ trở đi trở lại không ngừng mãi thế, tại sao chỉ riêng thanh âm cái tên ấy đã đủ khiến lòng ông lo lắng? Nó có nghĩa gì đây?...

Nằm trên chiếc đệm cứng ngắt của nhà tù, mắt mở thao láo nhìn mãi vào bóng đêm, dường như ông muốn xuyên thấu vào trong đó. Song trí nhớ bao giờ cũng chỉ dừng lại tại một chỗ, dừng lại trước một bức tường cao vút tận trời, không thể với sang tới bên kia.

... Lúc ấy là vào mùa thu, một con đường lầy lội, một chiếc xe thường tình của nông dân với một con ngựa nhỏ, bụng ỏng... Ông nằm ngủ trong xe, đầu ông va phải những tấm ván, rất mạnh, đau điếng. Chính nỗi đau đớn ấy đã đánh thức ông.

Nhưng đó là cái gì nhỉ?...

Phải, chính ở đó bắt đầu sừng sững bức tường cao đến tận trời kia, phía bên kia ẩn giấu một điều bí ẩn không tài nào đoán nổi. Một cuộc đời nào đó, không rõ đã bị lãng quên, đã bị xóa sổ, đã bị gạch đi khỏi thực tại. Ông chỉ biết một điều: cuộc đời ấy khác hẳn cuộc đời hôm nay. Nó có quan hệ gì đó với cuộc sống của những người giàu, cùng cái tên gọi đầy bí ẩn kia: Bê-a-ta.

Trong những ngày đầu của cuộc sống lang thang, ông đã có xuyên qua cái hàng rào chắn đường trí nhớ ông quay trở về quá khứ. Thì chính ông càng hiểu rõ rằng ông nhất định phải có những năm ấu thơ và thừa thanh niên của mình. Trong những cuộc trò chuyện thận trọng với những người tình cờ gặp gỡ, ông thấy rằng tất cả mọi người đều nhớ tuổi thơ bé của họ. Về sau, ông không hở cho một ai biết cái tên kỳ lạ của mình, bởi cũng chẳng ai muốn tin ông. Họ chỉ mới biết ông và bày tỏ những dự đoán rằng

chắc ông phải có lý do gì để không phải nhớ lại quá khứ của mình, còn ông vẫn cố gắng căng hết óc, vẫn cứ tiếp tục công kích bức tường nọ, để rồi sau mỗi lần như thế, kiệt sức đến tận cùng, nửa phần điên loạn, quay trở lại với thực tại, ông lại thề với bản thân rằng sẽ không bao giờ làm thử điều ấy nữa.

Nhiều năm trôi qua, ông đã quen dần, đã chấp nhận chuyện đó, và thậm chí không cần thề thốt nữa. Chỉ thỉnh thoảng một sự kiện nào đó từ bên ngoài, bất chấp ý chí của ông, đánh thức dậy trong ông nỗi lo lắng đột ngột cũng nỗi hoảng sợ mà mỗi con người đều cảm thấy trước những thế lực không thể nào nhận thức nổi đối với họ, nhưng lại tác động ngay trong người họ.

Phương pháp tốt nhất để tách biệt ý nghĩ khỏi những chuyện đó bao giờ cũng là công việc, và vì thế ông An-tô-ni Kô-si-ba càng hăng hái tham gia vào những việc nặng nhọc nhất.

Hôm ấy, từ sáng sớm, cùng với vài người tù nữa, ông bận đào cái ống nước bị vỡ. Vì đã mấy ngày tan băng nên mặt đất biến thành một thứ nhầy nhụa đầy bùn, trong khi đó lớp dưới sâu vẫn còn nhớ đến cơn giá lạnh kinh người cách đây chưa lâu, nên phải dùng mai và cuốc chim bố rất vất vả.

Gần mười giờ, từ văn phòng, một người cai ngục, ông Ju-rơ-rắc bước tới.

- Ô hô, người ta gọi ai đó đi gặp người nhà rồi, - một tù nhân có kinh nghiệm nhất nhận xét.

Và quả y không lầm. Người ta gọi ông An-tô-ni Kô-si-ba.

- Có hai ông bà nào đến gặp mày. - người cai ngục giải thích.

- Gặp tôi à?... Có lẽ nhầm rồi!...

- Đừng cãi, đi đến buồng nói chuyện, nhanh lên.

Ông An-tô-ni chưa bao giờ đến buồng nói chuyện. Chẳng có ai lui tới thăm ông, và giờ đây ông nặn óc cố nghĩ xem đó là ai. Nếu như là Va-sin với Zô-nhi-a thì chắc gã cai ngục đã không gọi là "ông bà".

Thoạt tiên, bóng tối mờ mờ bao trùm trong căn phòng nhỏ ngăn bằng song sắt không cho phép ông nhận ra Ma-rư-sia, nhất là khi cô không còn mặc chiếc áo khoác mỏng tồi tàn, không đội chiếc bê-rê cô thường đội nữa, mà mặc một tấm áo choàng lông thú và đội chiếc mũ rộng vành lịch sự. Bên cạnh cô, ông thấy cậu chủ Trưn-xki.

Bằng một động tác đột ngột, ông Kô-si-ba muốn lùi bước. Linh cảm đã thăm mách bảo rằng ông sẽ gặp một điều gì khó chịu, một điều mới mẻ nhưng xấu xa nào đó, một đòn bất ngờ nào đó. Tại sao họ lại đi cùng nhau và tại sao Ma-rư-sia lại thay đổi phục trang như thế?...

- Bác An-tô-ni! - cô gái kêu lên. - Bác không nhận ra cháu sao?...

- Xin chào ông Kô-si-ba, - Lê-sếch gọi.

- Chào ông. - ông khẽ nói.

- Ông thấy không, không việc gì phải lo lắng quá, - Trưn-xki nói vui vẻ. - Bây giờ mọi chuyện sẽ diễn ra rất tốt, giá như tôi biết sớm hơn về những chuyện không lành mà ông gặp phải do cứu chữa chúng tôi, tôi đã lo giải quyết việc của ông. Nhưng giờ thì ông chẳng còn phải ngồi đây lâu nữa đâu. Chúng tôi sẽ làm mọi việc để thúc nhanh việc mở phiên tòa phúc thẩm, tôi tin chắc rằng người ta sẽ thả ông. Ông thấy thế nào ạ?

- Cảm ơn, ồ, ở tù ấy mà...

- Bác thân yêu, nom bác nhợt nhạt lắm. - Ma-rư-sia nói.

- Còn cháu thì khá lên, con bồ câu nhỏ ạ. - ông mỉm cười với cô. Cô gật đầu.

- Đó là hạnh phúc đấy ạ.

- Vì hạnh phúc à?...

- Vâng, vì một niềm hạnh phúc lớn lao mà cháu vừa được gặp.

- Hạnh phúc nào kia? - ông Kô-si-ba hỏi.

Ma-rư-sia khoác tay Lê-sếch và nói:

- Anh ấy đã trở về với cháu để không bao giờ chúng cháu xa nhau nữa.

- Ma-rư-sia đã đồng ý làm vợ tôi. - Trưn-xki nói thêm.

Thầy lang túm chặt hai tay vào chân song ngăn cách ông với họ, dường như sợ rằng ông sẽ lao đảo và ngã xuống.

- Sao kia? - Ông hỏi bằng giọng nghẹn ngào.

- Đúng thế, bác ạ. - Ma-rư-sia tươi cười trả lời. - Anh Lê-sếch đã chữa lành và trở về. Bác thấy không, bác đã lên án anh một cách thiếu công bình nhé. Anh ấy rất yêu cháu, cũng gần bằng cháu yêu anh ấy đấy...

- Ngược lại kia, - Lê-sếch vui vẻ ngắt lời. - anh yêu tha thiết chứ!...

-... Và chẳng bao lâu nữa chúng cháu sẽ làm lễ cưới. Chúng cháu đến đây cùng với mẹ anh Lê-sếch. Chính mẹ đã sắm cho cháu tất cả những thứ tuyệt diệu này. Bác có thích không hả bác?

Mãi đến lúc này cô mới nhận ra sự u ẩn đến kì lạ của người bạn già.

- Bác ơi, thế bác không mừng cho hạnh phúc của cháu à? - Cô hỏi và đột nhiên cô chột hiểu ra. - Nhưng thật là thiếu tế nhị về phía chúng cháu, trong lúc bác đang phải ngồi đây. Xin bác đừng giận chuyện đó bác ạ!

Ông thầy lang nhún vai.

- Ai giận đâu... ồ... Tôi không ngờ... cầu Chúa ban cho anh chị mọi điều tốt lành nhất.

- Cảm ơn, chân thành cảm ơn bác, - Lê-sếch đón lời, - nhưng xin bác chớ buồn phận mình. Chúng tôi đã giao phó việc của bác cho vị luật sư giỏi nhất vùng này, trạng sư Ko-rơ-trưn-xki. Chính Ko-rơ-trưn-xki khẳng định rằng anh ấy sẽ làm cho bác được tha bổng. Có thể tin vào anh ấy.

Ông Kô-si-ba phẩy tay.

- Ôi chao, chỉ phí công chạy chọt!...

- Bác nói gì thế! - Ma-rư-sia phật ý.

- Không có gì phí cả, - Lê-sếch đoán chắc. - ông là người mà chúng tôi biết ơn nhiều nhất, suốt cuộc đời chúng tôi không thể trả hết ơn ấy. Xin ông

hãy tin rằng tôi sẽ giành lại được tự do cho ông bằng bất kỳ giá nào, ông Kô-si-ba ạ.

Trên mặt thầy lang hiện lên một nụ cười buồn bã.

- Tự do?... Nhưng... tôi được tự do mà làm gì?...

Hai người trẻ tuổi nhìn nhau kinh ngạc và Lê-sếch lắc đầu.

- Đó chỉ là sự buồn phiền thoáng qua thôi. Xin ông chớ nghĩ thế...

- Tại sao bác lại nói thế?

- Con bồ câu nhỏ ạ, - ông An-tô-ni thở dài. - đúng là cũng chẳng cần phải nói đâu. Chẳng có gì mà nói. Cầu Chúa ban cho cháu niềm vui sướng và sự yên ổn, con bồ câu nhỏ bé... Nào, đã đến lúc rồi, xin từ biệt... Còn về tôi, một lão già, thì xin đừng bận tâm đến làm gì nữa...

Ông nặng nề cúi chào và quay về phía cửa.

- Ông Kô-si-ba! - Lê-sếch gọi theo.

Nhưng ông bước vội và đã vào đến hành lang. Ông bước mỗi lúc một gấp hơn khiến người cai ngục không theo kịp, phát câu:

- Sao lão cứ đi như bay thế hả? Chậm lại! Tao phải cuồn chân vì mày à?

Thầy lang bước chậm lại và cúi đầu.

- Cô tiểu thư ấy là gì với mày? - Cai ngục hỏi. - Họ hàng hay người thân quen?

- Cô ấy à? - Thầy lang nhìn y dờ dẫm. - Cô ấy?... Làm sao tôi biết được ạ...

- Thế tại sao mày lại không biết được kia chứ?

- À, thì con người đối với con người, một ngày kia có thể là tất cả, nhưng sang ngày khác... đã chẳng là gì.

- Cô ấy gọi mày là bác.

- Gọi thì thiếu gì cách. Tên gọi chỉ là một thứ trống rỗng.

Cai ngục hỗn hển vì giận.

- Đối với tao, mày là nhà triết học quá vĩ đại đấy... Phù!

Làm sao y có thể đoán nổi những gì đang diễn ra trong tâm hồn con người này. Liệu y có thể nào ngờ được rằng tù nhân An-tô-ni Kô-si-ba vừa trải qua giờ phút nặng nề nhất trong cuộc đời nghèo khổ của mình?... Cả y lẫn những người bạn tù cùng xà lim chỉ nhận thấy rằng hình như có một thứ gì vừa lộn nhào lên ông và nghiền nát ông. Ông hoàn toàn trở nên câm lạng, suốt đêm ông trần trở trên chiếc ghế đệm của mình, đến sáng ông không xung phong đi làm việc gì nữa, và nằm một mình trong xà lim.

Khi bảo với Trun-xki rằng ông không khao khát được tự do, ông hoàn toàn không nói dối. Bây giờ ông không muốn một thứ gì nữa cả.

Sau bao năm cô độc giữa những người xa lạ, ông chỉ tìm được mỗi một trái tim để rồi lại bị mất nó. Khi quen Ma-rư-sia, khi cảm thấy mỗi cảm tình mà ông làm thức dậy trong cô, khi ông hiểu rằng cô gái kia đối với ông còn quý giá hơn tất cả mọi thứ khác - thì ông bắt đầu tin rằng rốt cuộc ông đã tìm được mục đích cho cuộc đời mình.

Không, chưa bao giờ ông vạch ra một kế hoạch nào cả. Thậm chí, những nghi vấn của Zô-nhi-a về ý định thành lập gia đình, ông cho là kỳ quặc. Ông chỉ muốn có Ma-rư-sia ở bên mình mà thôi. Dĩ nhiên, nếu cô đồng ý làm vợ ông, nếu bằng cách ấy, ông mới có thể đảm bảo cho cô một đời sống yên ổn, một sự đầy đủ tiềm tiệm và một sự chở che trước những miệng lưỡi độc địa, thì ông sẽ có thể cưới cô. Nhưng thực ra ông chỉ thích có cô ở bên mình là đủ. Thậm chí, cô có thể cứ lấy một người chồng như Va-sin chẳng hạn...

Khi ấy họ sẽ được sống cùng nhau, sẽ không bao giờ phải xa nhau, hàng ngày ông sẽ được thấy đôi mắt xanh của cô, được nghe giọng nói thanh thanh của cô, trái tim già của ông sẽ được nụ cười thanh xuân của cô sưởi ấm. Khi ấy, mỗi một ngày sẽ có ý nghĩa, buổi chiều tối, ông sẽ hiểu được vì sao mình lao động, mình kiếm tiền để làm gì...

Thế mà đột nhiên tất cả mọi hi vọng đều tan tành. Ông An-tô-ni Kô-si-ba hoàn toàn không thấy hạnh phúc của Ma-rư-sia nằm ở chỗ cô trở thành một bà lớn, cô có được một người chồng giàu có. Ông không thích giàu, thậm chí, không hiểu tại sao, nhưng ông không tin vào cái giàu. Ông cũng không tin cậu chủ Trưn-xki. Ngay cả cái chuyện cậu chủ kia yêu Ma-rư-sia cũng không có gì là lạ. Khi đã quen biết cô gái này rồi, liệu có kẻ nào có thể dừng bước ngang qua không? Tất cả thanh niên trai tráng ở Ra-đô-li-xki đều lân la đến với cô... Thế còn chuyện cậu Trưn-xki muốn cưới cô ư... Thì cũng là ham muốn kiểu ông chủ thôi. Anh ta không còn cách nào khác để chinh phục được cô, nhưng anh ta có biết cách và có muốn đảm bảo hạnh phúc cho cô không?... Liệu anh ta có thể hiểu được là mình đã có được một kho báu quý giá đến thế nào: anh ta có đánh giá đúng kho báu ấy hay lại phung phí nó đi?...

Trong thời gian Ma-rư-sia sống ở cối xay, ông An-tô-ni Kô-si-ba không hề nói một lời nào nhắc đến Trưn-xki cả. Ông cố tình im lặng, mặc dù ông nhận thấy nỗi phiền muộn của cô gái, mặc dù việc cô mong chờ thư không lọt khỏi sự chú ý của ông. Khi mà nhiều tuần lễ dài dằng dặc trôi qua mà thư không đến, ông đã những mừng thầm trong thâm tâm.

- Cứ đau khổ đi, con bồ câu nhỏ, - ông nghĩ bụng, rồi hãy quên đi. Thế tốt hơn cho nó.

Nhưng ông không tha thứ cho Trưn-xki vì đã im hơi lặng tiếng. Ông lên án chàng một cách nghiêm khắc nhất. Ngay cả lúc này, ông cũng không thể tha thứ cho anh ta chuyện ấy. Ông hình dung ra rằng, sau khi chữa lành trở về, Lê-sếch tình cờ được gặp lại Ma-rư-sia, người mà chàng không hề nhớ suốt một thời gian dài, cái ý thích nhất thời đồng đánh ngày trước chợt hồi lại. Nhưng liệu những ý thích sớm nắng chiều mưa ấy ở các vị công tử lông bông này kéo dài được bao lâu?...

Vả lại, không chỉ những nỗi lo ngại kia hành hạ ông An-tô-ni Kô-si-ba. Ông còn bị hành hạ bởi sự thất bại của chính mình. Làm sao ông có thể sống tiếp đây và sống để làm gì?... Khi đã trở thành bà lớn, Ma-rư-sia

không hề cần đến sự chăm lo, giúp đỡ của ông nữa, cô sẽ bước vào một cuộc sống khác, trăm lần xa cách cuộc sống ngày xưa hơn là lâu đài Lu-đơ-vi-kốp xa cách cái cối xay của ông Prô-cốp Mi-en-nhích.

- Thậm chí ta sẽ không còn được thường xuyên thấy mặt con bé nữa kia, - ông nghĩ bụng.

Càng nghĩ ngợi lâu, những ý nghĩ càng trở nên cay đắng hơn, ông càng ít muốn sống hơn. Ít muốn thay đổi bản án hơn, ít muốn quay về với căn phòng kia trong ngôi nhà ngang, nơi mà tương lai đã từng hứa hẹn một cách tươi đẹp đến thế, nơi mà mỗi đồ vật, mỗi dụng cụ đều gợi nhớ đến Ma-rư-sia kể từ khi ông đã giăng cô ra khỏi tay thần chết.

- Nó là của ta, nó chỉ là của ta thôi, thế mà bây giờ người ta cướp nó đi...

Suốt ngày dài đằng đẵng ông ngồi gù gù câm lặng trong một góc xà lim. Thậm chí ông không hề quan tâm đến những gói quà đựng thực phẩm và thuốc lá mà giờ đây ông được nhận thường xuyên. Không một lời phản đối, ông đưa cả cho các bạn tù chia nhau.

Những ngày lễ trôi qua như thế.

Sau kỳ lễ, ông An-tô-ni được gọi lên phòng. Hóa ra người bào chữa mới cho ông, luật sư Ko-rơ-trư-n-xki, tới gặp. Đó là một người đàn ông cao dong dỏng và đã khá mập mạp dù tuổi còn trẻ, tóc đen, vẻ mặt nghiêm trang với ánh mắt sinh động và sắc sảo.

- Nào, ông Kô-si-ba, - anh chìa tay chào hỏi, tôi đã tìm hiểu vụ của ông. Tôi đã gặp đồng nghiệp Ma-quai, đã xem xét kỹ hồ sơ. Quá trình xét xử ở tòa sơ thẩm không có gì đáng để tán thưởng, và tôi nghĩ rằng ta còn nhiều việc phải làm. Nếu chúng ta không thắng được hoàn toàn - điều mà tôi rất tin - thì cũng có thể giảm bản án xuống còn vài tháng. Thậm chí tôi đã tiến hành những nỗ lực để người ta tạm tha ông ra...

- Tôi cũng chẳng thiết đến điều đó, - ông Kô-si-ba lẩm bẩm.

- Tôi nghĩ rằng ông nói có lý, hơn nữa phiên xử của tòa phúc thẩm đã được ấn định vào ngày một tháng hai. Như vậy, ông cũng chỉ còn chưa đầy tháng nữa thôi. Với khoảng thời gian ngắn ngủi như thế, không đáng phải giải quyết các thủ tục và nộp tiền bảo đảm...

- Tôi không có gì hết, làm sao có tiền đảm bảo được?

- Ông Trưn-xki muốn nộp thay cho ông.

- Tử tế quá. Tôi không cần sự giúp đỡ của ông Trưn-xki.

- Nhưng tại sao?... ông ấy đã đối xử rất tốt với ông đấy. Và chẳng cũng là điều dễ hiểu thôi. Ông đã cứu vợ chưa cưới của ông ấy và có thể chính bản thân ông ấy nữa. Ồ, cả hai thật đáng được cứu. Nhưng ta hãy trở lại vấn đề này. Tôi đã thu thập được một số tư liệu sẽ giúp ích cho tôi trong quá trình bào chữa. Tôi không nhiều thì giờ nên xin tóm tắt: trước hết, tôi đã đề nghị chụp ảnh Rơn-ghen cho Lê-sếch và vợ chưa cưới của ông ta. Tôi đã cho nhiều bác sĩ xem phim chụp, ý kiến của tất cả đều nhất trí rằng các phẫu thuật do ông tiến hành không những chỉ chuẩn xác, mà còn chứng tỏ tài nghệ khác thường của ông nữa, đặc biệt là cái gốc hộp sọ ấy. Hình như đó là một chuyện phi thường. Vì vậy, tôi cần biết ông đã họ được cái đó ở đâu và ở ai...

Thầy lang nhún vai.

- Tôi chưa học.

- Ông Kô-si-ba, xin ông đừng dấu tôi điều đó, - trạng sư ôn tồn nói, nếu như ông muốn, tôi sẽ giữ kín cho riêng mình biết, nhưng tôi phải biết. Có thể ông đã có hồi làm y tá trong một bệnh viện nào chẳng? Hoặc ông là cứu thương hồi chiến tranh?

- Không.

- Ông chữa cho mọi người từ lâu chưa?... Ông đã ở những nơi nào trước khi tạm cư ở cối xay gần Ra-đô-li-xki?

- Trước kia tôi chưa hề chữa. Đến đó tôi mới chữa bệnh.

- Hừm... Có lẽ ông không thể làm tôi tin rằng không cần phải thực tập gì cả ông cũng ghép được xương gãy, cũng cưa cắt chân tay bằng những dụng cụ thô sơ, cùng những việc tương tự như thế chứ?

- Tôi không muốn làm ông tin vào chuyện gì cả.

- Việc thiếu cởi mở như thế khiến tôi khó bào chữa cho ông.

- Nhưng tôi có yêu cầu ông trạng sư phải bào chữa đâu cơ chứ. Tôi không cần ai bào chữa hết.

Trạng sư tò mò nhìn ông.

- Thế ông thích ngồi tù hơn sao?

- Tôi thì thế nào cũng được, - thầy lang buồn bã trả lời.

Trạng sư nổi cáu.

- Nhưng tôi thì không phải thế nào cũng được. Tôi đã quyết, tôi đã hứa với bạn tôi là sẽ kéo ông ra khỏi nơi này. Ông cần phải biết là tôi không bỏ qua một điều gì cả. Nếu tự ông không muốn nói, tôi sẽ tìm hiểu qua những người khác.

- Không cần phải vất vả thế làm gì, - thầy lang xua tay. Tôi không cần đến tự do, và liệu có ai khác cần đến tự do của tôi chẳng? - Tôi ở trong tù hay ở ngoài tù, chuyện ấy cũng chẳng mang lại điều gì cho ai kia mà.

- Ông nói chuyện vớ vẩn, nhưng dù ông nói có đúng đi chẳng nữa, thì vì chính bản thân lẽ công bằng...

- Không có công bằng, - ông Kô-si-ba ngắt lời. - Tại sao ông lại nghĩ là có lẽ công bằng?... Trạng sư gật đầu.

- Dĩ nhiên tôi không nói đến lẽ công bằng tuyệt đối. Cái đó có thể tồn tại, song trong trí thức của chúng ta không có một tiêu chuẩn nào khả dĩ có thể kiểm chứng sự tồn tại của nó cả. Tôi muốn nói đến lẽ công bằng tương đối, lẽ công bằng của loài người.

Thầy lang mỉm cười nhạo báng.

- Không có lẽ công bằng nào hết. Của loài người ư?... Ồ, thì ông đang thấy tôi ngồi đây với ba năm án tù đó thôi. Còn lẽ công bằng tuyệt đối?... Chắc chắn ông trạng sư không thể tìm thấy tiêu chuẩn kiểm chứng sự tồn tại của nó trong đầu óc được đâu. Không phải tìm trong ý thức, mà phải tìm trong tình cảm, trong lương tâm. Nếu như có ai đó trong lương tâm kia chỉ tìm thấy có nỗi xúc phạm, nếu như anh ta nhận ra rằng cả cuộc đời anh chỉ toàn nỗi xúc phạm, thì cái lẽ công bằng ấy ở đâu? Bởi không phải sự trừng phạt!... Sự trừng phạt đến sau lầm lỗi. Mà là sự xúc phạm! Sự xúc phạm không vì một lẽ gì hết!

Mắt ông sáng rực, những ngón tay thô tháp xiết chặt lại, nóng nảy. Trạng sư im lặng hồi lâu rồi đột ngột hỏi:

- Trình độ học vấn của ông thế nào?

- Tôi không có học.

- Trong giấy tờ của ông người ta ghi rằng ông tốt nghiệp hai lớp trường tư thục ở huyện Ka-li-xki. Nhưng ông ăn nói như một người trí thức.

Thầy lang đứng dậy.

- Cuộc đời đã mang đến cho người ta những ý nghĩ khác nhau... Tôi có thể đi được rồi chứ?

- Khoan đã, một chút nữa thôi. Thế có nghĩa là ông không muốn nói chuyện cởi mở với tôi?

- Tôi không có chuyện gì để nói.

- Tùy ông. Tôi có thể bắt buộc ông. Còn bây giờ... Có thể ở đây ông cần thứ gì chẳng?... Quần áo ấm, hay sách vở?...

- Tôi không cần gì hết, - thầy lang nhấn mạnh. - nếu tôi cần gì thì chỉ cần người ta để cho tôi được yên thân.

Trạng sư mỉm cười thân thiện lấy lòng và chìa tay ra.

- Thôi được rồi. Tạm biệt, ông Kô-si-ba.

Bước ra khỏi nhà tù, trạng sư Ko-rơ-trưn-xki đã có sẵn một quyết định: cần phải đến ngay Ra-đô-li-xki, đến chỗ cối xay, đến những làng chung quanh tìm các nhân chứng, những bệnh nhân trước kia của ông thầy lang, rồi sau đó mời họ đến dự phiên xử.

- Nhân tiện mình sẽ ghé vào Lu-đơ-vi-kốp một hai hôm, - anh nghĩ bụng. - mình sẽ biến vụ này thành một vụ lớn, và nếu mình không thắng, thì mình chỉ là đồ giẻ rách mà thôi.

Ko-rơ-trưn-xki là một trạng sư trẻ, song những năng khiếu bẩm sinh, sự chăm chỉ, một kiến thức có căn bản về luật và cả những mối quan hệ nữa, đã nhanh chóng đẩy anh tiến lên, và chính lòng tự ái thúc đẩy anh leo lên cao, để không những chỉ đạt đến đỉnh cao của giới trạng sư nơi đây mà còn vang danh trong cả nước.

Anh nhận vụ ông An-tô-ni Kô-si-ba không chỉ vì tình bạn gắn bó với Lê-sếch Trưn-xki, không chỉ vì số tiền thù lao hậu hĩnh mà anh không thể không nhận, mà chủ yếu và trước hết là vì bản thân vụ này khiến anh rất quan tâm, anh cảm thấy trong đó có những giá trị thật sự, những giá trị mà vụ xử án chắc chắn sẽ rất nổi tiếng và sẽ mang lại vinh quang cho người bào chữa trong trường hợp thắng lợi.

Và vì rằng một khi đã nhận bào chữa, anh không bao giờ coi nhẹ một việc gì, nên ngay hôm sau anh đã lên đường đi Ra-đô-li-xki. Anh mất hai ngày ngang dọc trong vùng, nói chuyện với mọi người, thu thập tài liệu. Cũng vì thế anh phải rút ngắn bớt cuộc ghé thăm gia đình Trưn-xki.

Họ mở rộng vòng tay đón anh. Khách khứa dịp lễ tết đã đi cả, trong nhà chỉ còn có ông bà Trưn-xki, Lê-sếch và Ma-rư-sia mà thôi.

Ko-rơ-trưn-xki trình bày tỉ mỉ những gì anh đã thu thập được và xoa tay.

- càng ngày tôi càng mạnh hơn. Rồi các vị sẽ thấy, một khi tôi đã kéo hết những khẩu đại bác của tôi lên mặt thành và phát hoả một cách kịch liệt, thì những lời buộc tội sẽ chỉ còn là một đống gạch vụn và tro tàn mà thôi. Cái ông Kô-si-ba kia quả là một thầy thuốc tuyệt vời! Không hề có

một trường hợp tử vong nào, còn những người khỏi bệnh thì tôi có thể trình tới vài mươi người. Trong số đó gần một nửa không những không phải trả tiền thuốc thang mà lại còn được ông ấy giúp đỡ trợ cấp thêm cho nữa chứ. Mô-típ trực lợi hoàn toàn sụp đổ. Rồi các vị sẽ thấy! Nhưng tôi sẽ nhấn mạnh nhất đến kỹ năng của ông ta. Vì vậy, tôi chợt nảy ra một ý.

- Ý gì nào? - Lê-sếch hỏi.

- Tôi muốn có mặt tất cả nhân chứng, trong đó có cả cậu và vợ chưa cưới của cậu nữa, ở thành phố ngay trước phiên tòa xử. Không hiểu tòa có đồng ý với đề nghị của tôi và mời các vị chuyên gia không. Vì vậy tôi muốn có được một thứ dự phòng mạnh ngang thế, nếu không phải là mạnh hơn. Nghĩa là thế này: tôi muốn mời một nhà phẫu thuật danh tiếng nào đó khám cho tất cả các bệnh nhân kia trước ngày mở phiên tòa. Dĩ nhiên, đó phải là một người có danh tiếng tuyệt đối, đến nỗi, khi đứng ra trước tòa làm nhân chứng do phía bào chữa mời, tòa phải xem ý kiến của ông ta là chuẩn mực. Đó phải là một ngôi sao sáng của ngành giải phẫu.

Phu nhân Trưn-xka gật đầu.

- Người như vậy ở Ba Lan chỉ có một. Giáo sư Đô-bra-nhe-xki ở Vac-sa-va.

- Bà đoán đúng đấy! - Trạng sư vỗ tay.

- À, chuyện ấy không khó gì lắm, - ông Trưn-xki mỉm cười, - tôi nghĩ, cái khó hơn là làm cho ngài Đô-bra-nhe-xki đồng ý đến đấy.

- Nếu như đó chỉ là vấn đề thù lao, - Lê-sếch xen vào. - thì xin cậu, Va-xếch, đừng ngại gì cả.

- Vâng, thù lao chắc cũng sẽ không nhỏ, - Ko-rơ-trưn-xki cười, - nhưng tôi còn có cả những cách khác. Vợ ông Đô-bra-nhe-xki là chị họ của vợ tôi. Sẽ thực hiện được thôi. Phải làm bằng được, vì tôi phải thắng trong vụ này.

Ma-rư-sia nở một nụ cười chân thành với luật sư.

- Tôi hết sức biết ơn ông vì nhiệt tình và nguồn cổ vũ ấy, chắc ông không thể biết tôi gắn bó với con người tốt nhất đời kia đến độ nào, tôi yêu bác ấy đến đâu. Thậm chí, hẳn ông cũng không thể hình dung nổi trái tim bác ấy tốt lành biết chừng nào.

- Điều ấy tôi không rõ, song tôi tin lời cô. Ngược lại, tôi rất ngạc nhiên về sự thông thái của ông Kô-si-ba. Ông ấy ăn nói hoàn toàn như một người có học thức, điều mà không một chút nào hợp với hình thức bề ngoài, với việc ông ta chưa tốt nghiệp tiểu học, lẫn nghề làm công ở cối xay bột và nghề thầy lang.

- Anh thấy chưa! - Ma-rư-sia quay sang Lê-sếch thốt lên.

- Đúng, đúng, - Lê-sếch thừa nhận. - Cậu hãy hình dung nhé, Va-xếch, đã từ lâu Ma-rư-sia nhận ra điều đó. Thậm chí mình cũng đã tiến hành một phép thử hoàn toàn khẳng định những điều ước đoán của chúng mình.

- Phép thử ấy thế nào? - Kô-rơ-trưn-xki tò mò.

- Về căn bản là khá ngây thơ. Mình bắt đầu trò chuyện với ông ta và sử dụng nhiều từ mà một người nông dân bình thường, thậm chí một kẻ trí thức giả cầy cũng không thể hiểu được nghĩa.

- Thế rồi...?

- Ông ấy hiểu tất. Thế vẫn còn là ít. Một hôm ông ấy bắt gặp Ma-rư-sia đang đọc thơ Muýt-xê, trong nguyên bản. Ông ấy đọc lại cả một khổ thơ hoàn toàn chính xác.

- Tôi xin cam đoan là không những bác ấy chỉ đọc thông mà còn hiểu cả nghĩa nữa kia.

Luật sư ngẫm nghĩ.

- Phải, đó thật là một chuyện lạ... Nhưng cũng có những trường hợp người ta tự học mà nên thế. Giả thuyết này cũng có thể rất có ích cho tôi, nếu ông Kô-si-ba chịu hé môi.

- Sao thế?

- Thì bởi ông ấy cứ im lặng một cách bướng bỉnh. Ông ấy không hề muốn cung cấp cho tôi một thông tin nào hết. Ông ấy bị rơi vào một thứ bi quan, một thứ chán đời yếm thế nào đó, có quý mới hiểu nổi.

- Thật đáng thương - Ma-rư-sia thở dài. - Tôi với anh Lê-sếch cũng bị bất ngờ về chuyện ấy. Vì thế chúng tôi không muốn nài bác ấy lần nữa. Bác ấy tiếp chúng tôi gần như ác cảm ấy. Và chẳng, tôi cũng không ngạc nhiên. Bác ấy phải trải qua bao chuyện...

- Rồi cái ấy sẽ qua đi thôi, khi ông ấy được tự do, - Lê-sếch tin tưởng nói.

- Tôi sẽ làm tất cả những gì có thể làm được, - luật sư cam đoan.

- Ông thật tốt quá! - Ma-rư-sia thốt lên.

- Tôi?... Tôi ư?... Nhưng thưa cô! Đây không hề có chỗ cho lòng tốt đâu. Tôi kiếm được khối tiền trong vụ này...

- Thôi, thôi nào, - Lê-sếch cười, - ta đừng phóng đại nữa đi...

-... hai nữa, nếu tôi thắng trong vụ này, tôi sẽ càng nổi tiếng hơn, sẽ có thanh danh hơn và... càng nhiều tiền hơn.

- Phì, - phu nhân Trưn-xki nhăn mặt, - ông không xấu hổ khi đóng vai một kẻ há danh lợi à!

- Ồ, tôi không giả vờ đâu. Tôi là một kẻ đua đòi danh vọng. Tôi hoàn toàn không chối cãi chuyện đó. Hoàn toàn ngược lại nữa kia. Tôi sẽ trở tài mỗi khi có dịp. Khi còn là sinh viên, tôi đã tự nhủ rằng mình sẽ phải làm nên sự nghiệp, và tôi đã theo đuổi một cách trước sau như nhất. Ở vùng ta có cái quan niệm tình nhỏ thật buồn cười, phê phán những người há danh vị. Người ta biến từ này thành một lời phỉ báng. Trong khi đó, làm nên danh vị là thế nào mới được chứ? Có nghĩa là xu hướng sử dụng triệt để mọi con chủ bài mà tự nhiên, môi trường sống, sự giáo dục, đào tạo, đã phú cho chúng ta, khai thác triệt để trong cuộc đời những năng lực của mình, trí thông minh, nhiệt tình, khả năng giao tiếp với mọi người. Ai không biết tận dụng những điều kiện có được, người ấy sẽ làm chúng bị phí hoài đi. Sẽ là

một kẻ phí phạm, một kẻ khờ khạo. Dĩ nhiên, cũng có những kẻ hám danh thiếu trung thực, dùng những đòn không được phép dùng trong khi đấu. Nhưng đó lại là chuyện khác. Tôi chẳng hạn, tôi rất tin những người thích danh vọng, tôi hiểu rằng không bao giờ mình phải thất vọng vì họ, bởi lẽ họ có lòng tự ái, có động lực, có ý chí đạt tới những khả năng tốt nhất cho mình, và do vậy cho tất cả những gì mà họ phụng sự.

Anh cười rồi nói thêm:

- Nếu tôi là một kẻ độc tài, tôi sẽ đưa toàn những người chuộng danh vọng vào các cương vị chủ chốt nhất.

Ông Trưn-xki lắc đầu.

- Thừa trạng sư, suy nghĩ của ông tôi thấy có vẻ hơi đơn giản quá đấy.

- Tại sao kia ạ?

- Bởi ở người chuộng danh vọng, cái ý chí đẩy địa vị của mình lên ấy đôi khi mạnh đến nỗi nếu mâu thuẫn với cảm giác về nghĩa vụ, nó giành phần thắng.

- Đôi khi thôi ạ? - Trạng sư cướp lời, - tôi hoàn toàn đồng ý với ông ông. Nhưng phải chăng chúng ta không bị thiệt hại nhiều nhất bởi sự thiếu năng lực sự biếng nhác của đủ mọi hạng người ngớ ngẩn và những kẻ tự nguyện sống nghèo hèn?... Tôi nghĩ rằng chúng ta là một dân tộc của những người nghèo khổ chính vì ở nước ta đang ngự trị cái chứng loạn thần kinh coi khinh tất cả những ai đạt đến hoặc một sản nghiệp, hoặc một địa vị nào đó. Chúng ta chỉ kính trọng những kẻ nhận được mọi thứ mà không hề có một công trạng cá nhân nào, không phải cố gắng một chút nào, nghĩa là theo con đường thừa kế.

- Tôi thấy rằng ông là người ủng hộ sự sùng bái của nước Mỹ đối với các triệu phú.

- Ở Mỹ không phải mọi cái đều dở cả đâu, - Ko-rơ-trưn-xki mỉm cười.

Song phu nhân E-lê-ô-no-ra làm cuộc tranh luận bị gián đoạn bằng cách quay trở lại vấn đề thầy lang. Sau đó người nhà mời họ ngồi vào bàn,

và đến tối, Ko-rơ-trưn-xki đi ra ga.

- Anh ấy gây ấn tượng một con người không bao giờ biết nhường đường, - phu nhân Trưn-xka bình luận sau khi anh đã ra đi.

- Ồ, vâng. -Lê-sếch khẳng định. - Cũng chính vì vậy, nếu nói về vụ này, con rất hy vọng. Và con nghĩ rằng cần phải mau mau khôi phục ngôi nhà nhỏ trong vườn, nơi chúng con định dành cho ông Kô-si-ba ở.

Quả thực, đã một tuần nay, ngôi nhà ấy được tu sửa lại dưới sự giám sát đầy ưu ái của đôi vợ chồng sắp cưới, những người thậm chí không thể ngờ được rằng công sức của họ chỉ là bỏ đi, và tương lai sẽ khác hẳn những gì họ đã sắp đặt cho mình.

CHƯƠNG XIX

Căn phòng không rộng lắm của tòa phúc thẩm nhanh chóng bị tràn ngập cử tọa có thành phần thật lạ lùng. Những chiếc áo khoác màu gạch của nông dân quanh vùng Ra-đô-li-xki chen lẫn những chiếc áo choàng lông thú lịch sự của các ông lớn từ thành phố. Vụ án gây một sự chú ý rất lớn không chỉ trong giới luật gia, nơi từ lâu đã lan truyền những lời đồn đại đầy kích thích về tính phi thường của lời bào chữa đang được Ko-rơ-trưn-xki chuẩn bị, mà cả trong giới y học cũng gây nên một cú giật gân, cả về cái nền của vụ án lẫn sự hiện diện của giáo sư tiến sĩ Đô-bra-nhe-xki, nhà giải phẫu xuất sắc nhất Ba Lan, được mọi người thừa nhận, kính trọng và rất nổi tiếng, với tư cách là một nhân chứng.

Trong số những bác sĩ có mặt trong phiên tòa không thiếu những sinh viên trước đây của vị giáo sư lừng danh, song không một ai không tò mò háo hức chờ nghe ý kiến của ông về nghề thầy lang. Nếu người ta kinh ngạc thì chỉ kinh ngạc bởi lẽ giáo sư được chính bên bào chữa chứ không phải bên buộc tội làm nhân chứng, và chính vì thế người ta hy vọng sẽ được nghe những điều phi thường.

Qua nét mặt của trạng sư Ko-rơ-trưn-xki cũng có thể suy ra rằng chắc hẳn sẽ có chuyện khác thường. Vui vẻ và lăm lờ, anh nhấp nhòm nửa đứng nửa ngồi trên chiếc ghế của mình, chiếc áo thụng phanh ra, tay thọc vào túi quần trò chuyện với mấy người bạn trong giới luật gia. Bên cạnh anh, trên bàn chất đống những chồng hồ sơ và ghi chép, mà thậm chí anh không thèm liếc mắt tới. Hẳn là anh đã nắm chắc tài liệu một cách tuyệt diệu và đã chuẩn bị sẵn một cách chi tiết tuyến bào chữa của mình.

Và quả thực, anh hoàn toàn tự tin, nhất là từ hôm qua. Hôm qua, ngay từ sáng sớm, anh đã đón giáo sư Đô-bra-nhe-xki ở ga rồi đưa ông tới một phòng khám chữa tư, nơi các bệnh nhân cũ của ông Kô-ba-si đã tề tựu đông đủ. Gần như suốt cả ngày, trừ những đợt giải lao ngắn, giáo sư đã khám cho họ, đã nghiên cứu các ảnh chụp bằng tia Rơn-ghen và đọc cho cô thư ký ghi nhận xét.

Trạng sư Ko-rơ-trưn-xki không bỏ qua một chút gì có thể giúp anh thắng trong vụ án này. Anh lập hồ sơ khai của tất cả các nhân chứng cần thiết cho anh, đã nghiên cứu rất kỹ hồ sơ vụ án và giờ đây có thể hoàn toàn bình tĩnh chờ khai mạc phiên tòa.

Bị cáo được dẫn vào, lạnh lùng ngồi vào chỗ của mình dưới sự canh giữ của cảnh sát. Vẻ ngoài của ông An-tô-ni Kô-si-ba là sự đối lập sắc nét nhất với vẻ hài lòng bình thản của người bào chữa cho ông. Ông ngồi đó, lưng còng xuống, đầu cúi gục, nhìn bất động xuống nền nhà. Bộ râu cằm của ông bạc nhiều hơn trước, da mặt vàng khè, dưới mắt hiện rõ những túi da xám xịt. Thậm chí ông không hề đưa mắt nhìn phòng xử án, dường như không nghe thấy những giọng nói thân tình quen thuộc đang gọi tên ông, mà cũng có thể ông không nghe thấy tiếng họ thực, bởi ông hoàn toàn không hề có phản ứng gì trước những câu hỏi mà người bào chữa hỏi ông. Mãi đến khi tiếng chuông gặt gồng rung lên cùng mệnh lệnh của người cảnh sát bắt ông đứng dậy, ông Kô-si-ba mới như sự tỉnh. Ông nặng nề đứng dậy để rồi lại ngồi xuống chìm đắm trong những suy nghĩ của riêng mình

Ông là người duy nhất trong căn phòng này hoàn toàn không quan tâm đến quá trình xử án cũng như kết quả xử.

Như một cái máy, ông trả lời những câu hỏi hướng về ông nhằm xác định lý lịch của bị cáo, rồi lại chìm đắm vào một sự bất động đứng đưng.

- Giá như mình có được ban hội thẩm, - Ko-rơ-trưn-xki mỉm cười nghĩ bụng, - thì chỉ riêng bề ngoài của con người đáng thương kia cũng đủ để mình làm cho trắng án.

Trong khi đó nhiều nhân chứng được gọi lên. Cảnh sát trưởng Zi-ô-mếch đứng trước bục khai. Ông buộc phải trả lời những câu hỏi được viên chương lý đặt ra với kết cấu chính xác, bằng những lời giải thích buộc tội nặng cho bị cáo Kô-si-ba thừa nhận đã ăn trộm chiếc va-li đựng dụng cụ phẫu thuật, ông không trả lại chiếc va-li ấy mà giấu đi và giữ lại đến mấy

tuần liền, ông chỉ trả lại khi bị dọa sẽ khám nhà, cuộc khám nhà trước sau cũng tìm ra vật ăn trộm.

Đến người bào chữa đặt câu hỏi:

- Là chỉ huy trưởng đồn cảnh sát ở Ra-đô-li-xki, nhân chứng có được nghe dân chúng phàn nàn gì về Kô-si-ba không?

- Không, không có một ai phàn nàn.

- Trước khi xảy ra hành vi chiếm hữu dụng cụ kia, ông có thể xem việc cấp cho bị cáo chứng chỉ đạo đức là một việc có thể hay không?

- Tất nhiên rồi. Đó là một người rất lương thiện.

- Tại sao sau khi phát hiện ra vụ trộm, ông không bắt giữ Kô-si-ba?

- Bởi vì theo ý tôi, không hề phải lo ông ta chạy trốn. Chỉ cần buộc Kô-si-ba không được đi đâu xa là đủ.

- Vậy nhân chứng có biết rằng Kô-si-ba mới đến địa phương của ông chưa lâu và đã nhiều năm nay bị cáo thường thay đổi nơi cư trú của mình hay không?

- Tôi có biết.

- Mặc dù vậy ông vẫn tin bị cáo sẽ không vi phạm quy định?

- Vâng. Và lại tôi cũng không nhằm vì ông ta không hề đi trốn.

- Cảm ơn, tôi không hỏi gì thêm.

Nhân chứng tiếp theo là bác sĩ Pa-vơ-li-xki. Thoạt tiên anh ta tuyên bố với vẻ miến cưỡng rằng không có điều gì bổ sung cho những lời khai lần trước của mình, nhưng trước sức ép của viên chương lý, anh ta buộc phải trả lời.

- Tôi đã ba lần vào phòng bị cáo ở.

- Nhằm mục đích gì?

- Lần đầu, để cảnh cáo ông ta trước việc hành nghề chữa bệnh bất hợp pháp, lần sau tôi được mời đến sau khi xảy ra tai nạn và lần cuối cùng để

tìm các dụng cụ phẫu thuật bị mất cắp.

- Ông thấy trong phòng ấy điều kiện vệ sinh thế nào?

- Rất đáng ca thán. Quần áo bị cáo dính đầy nhựa, tay rất bẩn. Trần nhà nhiều chỗ phủ đầy mạng nhện. Tôi để ý thấy rằng những cái nồi dùng để sắc thuốc dính đầy mỡ. Hình như chúng cũng được dùng để nấu ăn, tôi có ấn tượng là chúng chẳng bao giờ được rửa. Sàn nhà đầy rác và đủ thứ đồ cũ hỏng. Không khí trong phòng hôi hám đến nỗi khó mà thở nổi.

- Kô-si-ba thường tiến hành phẫu thuật ở đâu?

- Chính trong căn phòng này.

- Liệu trong những điều kiện như thế, việc tiến hành những ca phẫu thuật tương đối lớn có thể gây nhiễm trùng cho người bệnh hay không?

- Tất nhiên, và không chỉ riêng các ca tương đối lớn. Ngay cả những vết thương vặt vãnh nhất, nếu như có chất bẩn, có bụi bặm hay một thứ gì tương tự rơi vào, hoàn toàn có thể gây nhiễm trùng hoặc uốn ván.

- Bị cáo đã trả lời như thế nào trước lời nhắc nhở của bác sĩ?

- Ông ta hoàn toàn coi thường.

- Ông đã thấy những dụng cụ mà thầy lang dùng để mổ chưa?

- Tôi có thấy, nhưng đó không phải là dụng cụ phẫu thuật. Tôi trông thấy những chiếc búa thợ nguội thông thường, những cái đục, những cái kim, vân vân... cùng một con dao làm bếp thông thường và một chiếc cưa tay nữa.

- Những thứ dụng cụ đó nằm trong tình trạng ra sao?

- Một số cái bị gỉ. Trên một chiếc đục, tôi thấy có vết máu cũ đã khô. Tất cả đều có mùi dầu hỏa hoặc xăng, mà chắc bị cáo đã dùng làm chất sát trùng.

- Thế dầu hỏa hoặc xăng có giá trị không nếu làm phương tiện sát trùng?

- Có, nhưng mức độ không đáng kể.

- Trong vùng Ra-đô-li-xki có nhiều thầy lang hành nghề không?
- Chừng mười người. Trong cả huyện có lẽ khoảng vài chục. Đó thật là một tai họa.

- Bác sĩ lý giải điều ấy bằng gì?

- Sự ngu muội của dân chúng.

- Tỷ lệ tử vong của họ có lớn không?

- Rất lớn.

- Bác sĩ có thường được mời đến khám nghiệm cho những trường hợp tử vong do cách chữa bệnh của các thầy lang không?

- Rất thường xuyên. Trong hồ sơ của vụ án có bản trích đoạn kiến nghị của tôi gửi chính quyền, trong đó có ghi rõ con số. Bản thân tôi đã ghi lại được tới bảy mươi hai trường hợp, chỉ trong vòng hai năm. Trong cả huyện, theo số liệu của các bác sĩ, các phép chữa theo kiểu lang băm đã làm cho trên hai trăm mấy mươi người bị chết.

Đến lúc này, người bào chữa mới hướng về nhân chứng:

- Ngài bác sĩ vừa nói rằng thường được mời đến khám nghiệm các nạn nhân của phép chữa trị lang băm?

- Đúng thế.

- Vậy đã bao nhiêu lần bác sĩ phải khám nghiệm cho các nạn nhân của An-tô-ni Kô-si-ba?

- Tôi không nhớ.

- Thế đấy. Vậy bác sĩ có nhớ một trường hợp nào cụ thể thuộc loại này chẳng?

- Không.

- Thật là lạ. Kô-si-ba chữa bệnh ngay ở gần Ra-đô-li-xki, chữa bệnh trong những điều kiện vệ sinh tồi tệ nhất, sử dụng những dụng cụ thô sơ

nhất để mổ, ấy thế mà bác sĩ lại chưa hề nghe thấy một trường hợp nào chết vì lỗi của ông ta?... hay bác sĩ có nghe?

- Không, - sau một lát suy nghĩ, bác sĩ trả lời.

- Phải giải thích chuyện ấy thế nào đây? Phải chăng Kô-si-ba ít khi chữa bệnh?

- Tôi không đếm số bệnh nhân của ông ta.

- Ngài nhầm đấy, thưa bác sĩ. Lời khai của ngài ở tòa sơ thẩm khẳng định ngài đã tính. Xin phép quý tòa cho đọc đoạn có liên quan trong lời khai của nhân chứng. Tập hai, trang bốn mươi ba, đoạn đầu.

Chánh án nhìn mặt.

- Đoạn đó đối với vụ án không quan trọng.

- Tôi muốn chỉ ra rằng Kô-si-ba thường có tới hai mươi bệnh nhân mỗi ngày, theo tính toán của nhân chứng bác sĩ Pa-vơ-li-xki.

Người ta đọc đoạn đã chỉ, sau đó người bào chữa lại quay về phía nhân chứng.

- Khi trả lời câu hỏi của người chưởng lý, ông có nói rằng ông đã ba lần có mặt trong phòng của Kô-si-ba, trong đó có một lần được mời đến?

- Đúng thế.

- Người ta gọi ông đến để làm gì?

- Đến thăm hai người bị trọng thương sau tai nạn mô-tô.

- Ai gọi ông?

- Một gã Vô-i-đư-uô nào đó, mà sau này tôi được biết rằng đó chính là kẻ gây ra vụ tai nạn.

- Nhưng theo đề nghị của ai mà y mời ông?

- Hình như theo đề nghị của Kô-si-ba.

- Bác sĩ có nhớ rằng Kô-si-ba đã giải thích cho ông ra sao hay không khi mời ông đến?

- Có. Hai người bị trọng thương. Ông ta khẳng định rằng một mình không giải quyết nổi.

- Kô-si-ba có van nài bác sĩ cứu lấy cô gái kia không?

- Có, nhưng tôi xem tình trạng của cô ta là tuyệt vọng. Tôi chỉ tìm một mũi trợ tim.

- Kô-si-ba có xin bác sĩ cho phép sử dụng dụng cụ của bác sĩ để mổ cho cô gái bị thương không?

- Có, nhưng không một bác sĩ nào ở địa vị của tôi có thể thực hiện yêu cầu ấy.

- Phải chăng cũng không một bác sĩ nào muốn mổ cho một cô gái sắp chết chỉ vì khi xem qua tưởng rằng phẫu thuật không cứu nổi người ốm?

Bác sĩ Pa-vơ-li-xki đỏ bừng mặt.

- Ông không có quyền nhục mạ tôi!

- Tòa bác câu hỏi ấy, - chánh án nói.

Trạng sư gật đầu.

- Điều gì đã khiến bác sĩ nghĩ rằng tình trạng của người bị thương là vô vọng?

- Đó là một ca dập dấy hộp sọ, mạch gần như mất hẳn.

- Thế bác sĩ có biết rằng thầy lang Kô-si-ba đã tiến hành phẫu thuật và đã cứu được bệnh nhân không?

- Tôi có biết.

- Làm thế nào để giải thích nổi việc ấy?

Bác sĩ nhún vai.

- Một trường hợp đáng kinh ngạc nhất trong đời chữa bệnh của tôi. Tôi nghĩ rằng dù sao đó cũng chỉ là một trường hợp ngẫu nhiên hết sức lạ lùng mà thôi.

- Khi bác sĩ đến chỗ cối xay, thầy lang có thông báo cho bác sĩ chẩn đoán của ông ta không?

- Có.

- Phải chăng bác sĩ không thấy rằng: An-tô-ni Kô-si-ba, biết chẩn đoán chính xác và tiến hành thành công một ca mổ cực kỳ nguy hiểm, đã chứng tỏ là một tài năng phẫu thuật lớn?

Bác sĩ ngần ngừ.

- Đúng thế. Tôi phải trung thực thừa nhận rằng trong nhiều trường hợp, điều đó khiến tôi ngạc nhiên.

- Cảm ơn. Tôi không hỏi thêm nữa. - Trạng sư gật đầu và mỉm cười nhìn viên chưởng lý.

Tiếp đó người ta đọc lời khai của một số nhân chứng do người bào chữa mời lần lượt theo nhau xuất hiện. Ra trước tòa để làm chứng có ông lão chủ cối xay bột, con trai ông ta, ông bà Trưn-xki, cuối cùng là cả một loạt các cựu bệnh nhân của An-tô-ni Kô-si-ba.

Lời khai của họ có nội dung gần như giống nhau, tôi bị ốm, tôi bị tật nguyền đe dọa, ông ấy đã cứu chữa cho tôi, ông ấy không hề đòi tiền công. Một số người còn khai rằng được thầy lang cho thêm thứ này thứ khác, rằng cả vùng đều biết ông ta không hề vụ lợi. Cả ông Trưn-xki cũng khai điều đó: thầy lang đã không chịu nhận của ông một trăm *zuốt-ty*, mặc dù đối với ông ta đó là cả một số tiền lớn và ông ta hoàn toàn xứng đáng được hưởng.

Lời khai của ông lão Prô-cốp Mi-en-nhich thật xúc động, ông kết thúc bằng những lời như sau:

- Chính Đức Chúa đã đưa ông ấy đến nhà tôi, bằng cách ấy đã ban cho một kẻ có tội là tôi, ban cho gia đình tôi và mọi người xung quanh một ân huệ lớn. Tôi biết rằng ông ấy được Chúa phái đến chứ không phải được loài quỷ dữ thông qua. Việc ông ấy không bao giờ trốn tránh lao động, thứ mà Chúa hằng yêu. Ông ấy có thể đòi hỏi tôi mọi thứ, ông ấy có thể cứ ngồi

sau lò sưởi, không làm gì hết, chỉ ăn và ngủ. Nhưng ông ấy không phải loại người như thế. Ông ấy là người đầu tiên làm bất cứ việc gì, dù đó là việc tinh vi hay vất vả. Làm cho đến xong, cho được việc mới thôi. Mà người thì đâu có trẻ trung gì nữa. Vì thế chúng tôi kính xin tòa cao minh tha cho ông ấy ra vì lòng ca ngợi Chúa, vì ích lợi của mọi người.

Mái đầu bạc của ông lão cúi xuống trong một cái cúi chào thật thấp, viên chưởng lý nhíu mày, còn tất cả những người có mặt đều nhìn bị cáo.

Nhưng An-tô-ni Kô-si-ba vẫn ngồi dửng dưng, đầu cúi xuống. Ông không hề nghe thấy những câu hỏi khéo léo của chưởng lý, những đợt phản kích của người bào chữa, những lời khai của các nhân chứng. Ông chỉ bình tĩnh trong một thoáng ngẩn ngui bởi cái giọng khê khàng, run run của Mar-rư-sia. Khi ấy ông ngược mắt lên, mấp máy cặp môi không thành tiếng, để rồi lại chìm vào nỗi thờ ơ.

- Ta chẳng còn gì hết, - ông nghĩ thầm, - không còn gì chờ ta nữa hết...

Trong khi đó, trong bục khai đang đứng nhân chứng quan trọng nhất, người mà lời khai được trạng sư Ko-rơ-trưn-xki lưu tâm nhất. Vả lại cũng chẳng riêng gì trạng sư, cả các vị quan tòa cũng như toàn thể cử tọa đều chờ sự xuất hiện của ông trong một nỗi căng thẳng. Một nhà khoa học trứ danh sẽ lên tiếng, một nhà giải phẫu tuyệt vời, đồng thời cũng là người số một trong y giới, *persona gratissima*, gần như là người đại diện cho cả giới, một đại diện chính thức, là chủ tịch đồng thời là người bảo trợ.

Những ai chưa quen ông hoặc chưa được thấy ông bao giờ, cũng phải hình dung giáo sư Đô-bra-nhe-xki đúng như thế mà thôi. Một người đàn ông cao lớn, ở tuổi tráng niên, thân hình hơi phì, có khuôn mặt trông nghiêm tuyệt diệu của một con đại bàng, cùng vầng trán cao. Từ mỗi cử chỉ của ông, từ mỗi lời ông nói, từ cái nhìn đầy trang trọng đều toát ra vẻ tự tin mà chỉ duy cảm giác về giá trị của bản thân, cái giá trị được mọi người thừa nhận và chính thức hóa bằng địa vị trong cuộc đời, mới cho người ta có được.

- Có chừng mười người nhờ tôi, với cương vị là một nhà giải phẫu, - ông mở đầu, - khám nghiệm tình trạng sức khỏe của họ. Họ đã từng có hồi chịu những chấn thương hay những căn bệnh nghiêm trọng, rồi sau đó, được chữa bằng liệu pháp giải phẫu do một thầy lang vườn tên là Kô-si-ba tiến hành. Việc khám nghiệm và chiếu bằng thiết bị Rơn-ghen đã chứng tỏ những điều sau đây...

Đến đây giáo sư bắt đầu kể tên các nhân chứng vừa khai lúc nãy, mô tả thương tích, đánh giá mức độ nguy hiểm của chúng cùng việc đánh giá những liệu pháp giải phẫu đã được tiến hành và kết quả điều trị. Ông đưa ra nhiều tên La-tinh, nhiều thuật ngữ ngành y và nhiều danh từ chuyên môn.

- Tóm lại, tôi phải khẳng định rằng, - giáo sư kết luận, - trong tất cả những trường hợp vừa trình bày, việc giải phẫu đã được tiến hành hoàn toàn chuẩn xác, với một sự hiểu biết căn bản về giải phẫu học không thể nghi ngờ, và đã tránh cho nạn nhân khỏi cái chết hoặc những tàn tật vĩnh viễn.

Viên chánh án gật đầu.

- Theo ngài giáo sư, làm thế nào để giải thích được sự việc một người hoàn toàn không hề có học thức, lại có thể thực hiện những ca mổ táo bạo như vậy mà vẫn đạt kết quả mỹ mãn?

- Chính tôi cũng tự đặt cho mình câu hỏi ấy, - giáo sư Đô-bra-nhe-xki trả lời. - Giải phẫu học về bản chất là khoa học thực nghiệm, dựa trên kinh nghiệm và quan sát của hàng nghìn thế hệ. Thoạt kỳ thủy của những phép giải phẫu bắt nguồn từ thời tiền sử xa xôi. Các nhà khảo cổ đã biết đến những công trình khai quật từ thời đồ đồng, thậm chí từ thời đồ đá cũ, những công trình cho phép khẳng định ngay từ thời bấy giờ người ta đã biết ghép các xương gãy, đã tiến hành cắt các chi, vân vân. Vì vậy, tôi nghĩ rằng trong số nông dân đã từng quen thuộc với cấu tạo cơ thể của các gia súc, cũng có thể xuất hiện những nhà quan sát tinh anh khác thường, và dần dần họ giúp đỡ được mọi người thông qua tích lũy kinh nghiệm trong các trường hợp thực tiễn nhỏ nhặt và ít phức tạp.

- Nhưng ở đây, - viên chánh án lên tiếng, - ngài giáo sư đã xác định rằng phần lớn các trường hợp là tổn thương phức tạp và nguy hiểm nữa mà.

- Đúng thế. Vì vậy, tôi phải thừa nhận rằng tôi hoàn toàn ngạc nhiên. Vị thầy lang này không những chỉ có kinh nghiệm thôi, mà, phải có một tài năng xuất chúng...

Ông ngẫm nghĩ rồi nói thêm:

-... có trực cảm... Phải, trực cảm giải phẫu, một thứ rất hiếm khi gặp. Bản thân tôi, trước đây chỉ biết mỗi một nhà giải phẫu cũng chắc tay và có trực cảm giống như thế mà thôi.

- Chắc tay có nghĩa là gì?

- Chắc tay?... Trước hết là những vết mổ chính xác.

- Xin cảm ơn, - chánh án nói. - Các phía có muốn hỏi gì nữa không?

Viên chương lý lắc đầu, còn trạng sư Ko-rơ-trun-xki kêu lên:

- Tôi có. Ngài giáo sư có tìm thấy ở một ai trong số những bệnh nhân của Kô-si-ba được ngài khám có vết tích của sự nhiễm trùng hay không?

- Không.

- Cảm ơn. Tôi không hỏi thêm nữa.

Giáo sư cúi chào rồi ngồi xuống hàng ghế đầu bên cạnh ông bà Trun-xki. Đến lúc này, ông mới đưa mắt nhìn lên ghế bị cáo lần đầu tiên. Ông thấy một người râu ria, cao to nhưng gầy, nom chưa đến sáu mươi tuổi.

- Thì ra cái ông thầy lang ấy đấy, - ông nghĩ thầm. Ông đã định quay đi thì tự nhiên ông thấy xử sự của bị cáo thật đáng suy nghĩ.

An-tô-ni nhìn ông bằng ánh mắt chăm chú và hầu như mê man.

Trên môi thầy lang xuất hiện một nụ cười khó hiểu, phân vân và dò hỏi.

- Cái người gì mà lạ thế không biết! - Giáo sư nghĩ thầm trong bụng và quay mặt đi. Nhưng một lát sau ông lại buộc phải nhìn thầy lang. Nét mặt

gãy gò của ông ta vẫn không hề thay đổi, còn đôi mắt thì hình như dán chặt vào giáo sư.

Đô-bra-nhe-xki nóng nảy sửa lại dáng ngồi trên ghế và bắt đầu nhìn lên viên chương lý, người đang mở đầu bài phát biểu của mình. Ông ta nói với giọng đơn điệu và có thể chính điều đó đã tước đi ấn tượng mạnh mẽ của các lý lẽ của ông, tước mất sự uyển chuyển của những câu ngắn, cụ thể, thân nhiên nhưng rõ ràng là rất lô-gic của ông.

Viên chương lý thừa nhận bản án của phiên tòa sơ thẩm đối với những người sống bằng tình cảm có thể được coi là quá hà khắc. Ông ta thừa nhận rằng bị cáo Kô-si-ba không thuộc loại tồi tệ nhất trong bọn bịp bợm. Thậm chí ông ta còn thừa nhận rằng có thể bị cáo hành nghề này do thúc đẩy của những động cơ cao thượng nữa.

- Nhưng, ở đây chúng ta không đại diện cho lòng từ thiện, - ông nói tiếp. - Chúng ta là những đại diện của pháp luật. Chúng ta không được phép quên rằng bị cáo đã vi phạm pháp luật...

Giáo sư Đô-bra-nhe-xki cố tập trung chú ý vào những lời dẫn giải của chương lý, nhưng một cảm giác không thể chịu nổi đã không để cho ông yên: ông cảm thấy trên gáy mình có ánh mắt của cái ông Kô-si-ba kia.

- Hẳn muốn gì ở ta nhỉ? - Ông thầm nghĩ cái trong óc. - Nếu như bằng một cách ấy hẳn muốn bày tỏ lòng biết ơn mình về những lời khai thì...

- Chắc hẳn ở đây có những hoàn cảnh giảm án, - người buộc tội tiếp tục. - Nhưng chúng ta không thể coi nhẹ sự kiện. Ăn cắp bao giờ cũng vẫn là ăn cắp. Việc giấu giếm đồ vật ăn cắp được...

Không. Không tài nào tập trung chú ý nổi trong những điều kiện thế này. Đôi mắt của người kia có một tác động từ tính nào đấy. Đô-bra-nhe-xki gần như giận dữ quay lại nhìn ông ta và thật sự ngạc nhiên. Thầy lang ngồi cúi đầu. Trước mặt ông ta, trên hàng lan can chắn, hai bàn tay to tướng của ông ta đang buông thõng.

Đột nhiên trong óc giáo sư nảy sinh một giả thuyết hoàn toàn vô vẩn:

- Đã có một lúc nào đó ta gặp con người này.

Trí nhớ bắt đầu hoạt động. Giáo sư tin vào trí nhớ của mình. Chưa bao giờ nó phản bội ông. Và giờ đây, sau một hồi lâu, ông đi đến chỗ tin rằng đã có một lúc ông bị ảo tưởng về một sự giống nhau không cốt yếu nào đó. Chắc ông ta giống một bệnh nhân thoáng qua nào đó, từ nhiều năm trước... Và chẳng, ông cũng không có thì giờ suy nghĩ lâu hơn về điều ấy, vì trạng sư Ko-rơ-trun-xki đã đứng dậy và chất giọng nam trung lạnh lạnh như tiếng kim loại của anh đã vang lên, tác dụng như dòng điện.

- Thưa quý tòa! Một vị thần số mệnh mù lòa cùng một sự hiểu lầm nào đó đã khiến cho con người kia phải có mặt trong phòng này, trước cái diễn đàn này. Đây không phải là chỗ của ông ta và phiên tòa này không phải là thứ xứng đáng để đánh giá những hành vi của ông^[47]. Vào lúc này, nhẽ ra An-tô-ni Kô-si-ba phải ở trong giảng đường lớn của trường đại học tổng hợp của chúng ta, nhẽ ra ông phải được đứng trước hội đồng khoa học, nhẽ ra ông ta không phải chờ bản án mà chờ được người ta trao tặng bằng tiến sĩ danh dự Khoa Y.

Ồ không, thưa tòa, không phải trí tưởng tượng đã nâng tôi bay bổng đâu! Tôi không hề đi tìm những hiệu quả của thuật hùng biện. Tôi hoàn toàn không muốn đề cập đến những chuyện khó tin. Còn nếu như hôm nay việc trao tặng học vị tiến sĩ là một chuyện khó tin, thì chỉ vì rằng ở đây luật pháp của chúng ta đã có một điều khiếm khuyết. Đó là việc nó đã dùng những chuẩn mực khác nhau cho các nghề nghiệp có trách nhiệm như nhau. Thưa quý tòa, chúng ta không thể đồng ý với việc giao phó mạng người cho một thầy thuốc khi kiến thức và kỹ năng của người đó không được đảm bảo bởi việc tốt nghiệp y khoa. Nhưng chúng ta lại không ngần ngại giao phó cho một kỹ sư chế tạo một cái máy hay xây một cái cầu. Trong khi đó, học vị kỹ sư và tất cả những quyền có liên quan với nó thì ai cũng có thể được nhận, dù người đó không hề học ở các trường bách khoa, nếu qua công việc của mình chứng tỏ rằng mình có đầy đủ kiến thức và kỹ năng hành nghề ấy. Liệu ở đây tôi có phải nêu ra tên của những nhà khoa học được mọi người công nhận, những người đang chia sẻ kiến thức của mình

cho hàng nghìn sinh viên các trường đại học bách khoa, còn chính họ thì thậm chí không hề có bằng phổ thông?

Tiếc thay, người lập pháp không vận dụng những khả năng ấy cho nghề thầy thuốc. Vì nếu thế, bản ghi tốc ký của vụ án hôm nay đủ để cho An-tô-ni Kô-si-ba đạt được học vị tiến sĩ. Còn bằng chứng được tập hợp trong hồ sơ của vụ án, hơn lời khai của những nhân chứng, những người xuất hiện không chỉ với tư cách nhân chứng mà còn như những vật chứng cụ thể, những tư liệu sống về kỹ năng bác sĩ của bị cáo.

Họ xuất hiện nơi đây giống như các La-za-rô^[48] được ông bảo rằng: Hãy dậy đi... và hãy đến để làm chứng cho sự thật, hay đến để trợ tay vào người ớn của mình mà kêu lên: - chính là kẻ này đây! Chúng tôi vốn tàn tật, Người cho chúng tôi được đi lại, chúng tôi vốn đau yếu, Người chữa lành cho chúng tôi, chúng tôi nhẽ ra đã chết rồi, Người bảo chúng tôi sống lại!

Song ngài chường lý lại nhìn thấy tội lỗi ở chỗ An-tô-ni Kô-si-ba không có bằng cấp mà lại dám cứu người đồng loại. Vậy phải chăng, nếu một khi ông ta lao xuống nước cứu người đang chết đuối, ông ta cũng nhất thiết phải có bằng chứng chỉ tốt nghiệp trường bơi lội?...

Tôi không phải là một kẻ mị dân và tôi đứng đây hoàn toàn không phải để bảo vệ cho nghề thầy lang. Nhưng cũng chính vì thế, tôi càng kịch liệt chống lại cái thủ pháp được người buộc tội sử dụng. Mà cái chính là người ta đã đưa ra đây hai sự thật có vẻ hoàn toàn tình cờ: thứ nhất, An-tô-ni Kô-si-ba là một thầy lang, và thứ hai - thầy lang là những kẻ lừa đảo chuyên sử dụng bao xảo thuật và ảo thuật, phù phép, phù chú, trừ tà, cùng những lời trống rỗng khác. Xin lỗi! Trong sự ghép chung ấy chứa một điều man trá, vì qua hồ sơ vụ án chúng ta đã biết rằng bị cáo không bao giờ, không một trường hợp nào, sử dụng đến sự mê hoặc.

Dưới ánh sáng của hồ sơ ấy, cũng sụp đổ hoàn toàn lời buộc tội Kô-si-ba hành động vì mục đích kiếm lợi. Còn nếu như lời đề nghị tội nhìn thấy trong hoạt động của ông có yếu tố tội phạm, mà mô-típ duy nhất của tội phạm ấy lại bị tan biến đi chẳng khác chi một làn sương mù, thì mô tip duy

nhất mà chúng ta có thể công nhận được chỉ có thể là sự si mê. Phải, thưa quý tòa, con người kia là một kẻ si mê. Ông ta mắc phải chứng si mê giúp đỡ những người đang đau đớn, giúp đỡ không công, mà hơn nữa, còn đánh đổi bằng chính tự do của mình, bằng cái giá chịu mang tiếng một kẻ tội phạm, bằng cái giá chịu lãnh nhận chiếc phản cứng của nhà tù và cái chỗ đứng nhục nhã trước vành móng ngựa này.

Ở đây tôi sẽ không dừng lại lâu để bàn đến vấn đề An-tô-ni Kô-si-ba có phải là thầy thuốc tốt hay không. Những nhân chứng đã nói thay tôi, đã nói thay tôi trước hết là con người danh tiếng nhất của ngành giải phẫu nước ta, người mà một ý kiến của ông cũng đã đủ là chứng chỉ có giá trị nhất. Tôi cũng sẽ không lợi dụng hoàn cảnh thuận tiện để nhấn mạnh rằng bác sĩ y khoa Pa-vơ-li-xki, như lời khai của chính ông ta, chưa hề có một trường hợp nào được bệnh nhân của ông thầy lang kia đến xin cấp cứu, ngược lại chính ông thầy lang ấy đã cứu cho hai người mà bác sĩ Pa-vơ-li-xki đã đành bỏ vì bó tay. Trường hợp thứ nhất ông chữa cho khỏi tật nguyền, còn trường hợp thứ hai, ông đã chữa cho khỏi chết.

Thưa các ngài quan lớn, tôi muốn nói về lỗi lầm lớn nhất của An-tô-ni Kô-si-ba, tôi muốn nói đến cái điều mà lời buộc tội đã đẩy lên bình diện thứ nhất, tôi muốn nói đến những điều kiện vệ sinh trong cái buồng mà thầy lang đã dùng để tiến hành các ca phẫu thuật. Chính tôi đã từng đến căn phòng ấy và tôi phải thừa nhận với ngài chương lý rằng: những nhân chứng mà ngài mời đến đã khái quát hóa một cách quá chừng mực về những điều kiện phản vệ sinh tại căn phòng đó. Họ đã quên nói thêm rằng cửa sổ có những khe hở, qua đó gió có thể lùa vào, rằng trên mặt sàn nhà cong vênh kia có những vết nứt và hơi ẩm bốc lên, rằng trần nhà bị dột, rằng lò sưởi phá khói ra phòng, rằng trong phòng không những không thiếu gì rác rưởi, mạng nhện và bụi mà còn có lũ gián sinh sống nữa!... Tôi cũng đã nhìn thấy những dụng cụ mà Kô-si-ba dùng để mổ. Đó là những đồ sắt cũ kỹ, mòn vẹt vì gỉ hoen, đã sứt sẹo và cong vênh, được buộc chằng bằng dây thép với dây thừng. Trong một căn phòng như thế, với những dụng cụ như thế, Kô-si-ba đã mổ cho mọi người.

Nhưng, nói có Chúa lòng lành... đã có một ai trong số những người được miễn bị chết đâu? Đã có một ai bị nhiễm trùng đâu kia chứ!

Trong phòng xử lúc này tôi thấy mặt của mười vị bác sĩ xuất sắc và dày dặn kinh nghiệm, và tôi xin hỏi họ: Đó là công của Kô-si-ba hay là tội? Tôi xin hỏi họ: Chính sự kiện mà có một người nào đó đã thực hiện ngàn ấy ca mổ nguy hiểm trong những điều kiện khủng khiếp nhường kia nên chống lại hay bênh vực cho người ấy?!... Phải chăng, chính vì thế người ấy đáng bị nhận bốn bức tường của nhà giam hay một phòng mổ bằng sứ và pha lê?

Tiếng xì xào khá to lan khắp phòng, khi nó đã lặng đi, trạng sư Ko-rơ-trun-xki nói tiếp.

- Còn có một lời buộc tội nữa đề nặng lên con người tuổi tác kia, kẻ mà cho tới nay trong đời chưa hề có một vết hoen ố nào, kẻ mà cảnh sát vốn hay nghi ngờ cũng sẵn sàng tin không ngần ngại: ông đã ăn cắp. Vâng. Ông bị lôi kéo bởi ánh lấp lánh của các dụng cụ giải phẫu chính xác sáng choang, và đã ăn cắp chúng. Quả thực, thoát tiên ông cũng đã cố nài mượn những dụng cụ ấy, nhưng khi gặp phải sự cự tuyệt thẳng thừng - ông đánh cắp. Nhưng ông làm chuyện ấy để làm gì?... Cái gì đã đẩy con người trung thực kia đến chỗ phạm tội?... Trong tình thế nào và với những động cơ như thế nào ông động vào tài sản của người khác?...

Bởi vì chính trong gian phòng kia lúc ấy có một cô gái đang hấp hối trên bàn, một cuộc đời hé nở đang chìm dần vào vực thẳm của cái chết, còn ông, Antô-ni Kô-si-ba cảm thấy, biết được, và hiểu rõ rằng, ông không thể nào giúp cô một cách có kết quả. Tôi tự hỏi: An-tô-ni Kô-si-ba phải hành động sao đây?

Trạng sư lướt ánh mắt sáng rực khắp phòng.

- Ông phải hành động sao đây?!... Anh kêu lên. - Mỗi người chúng ta sẽ hành động sao đây khi ở vào vị trí của ông?!... Chỉ có thể tìm được một câu trả lời thôi. Mỗi người chúng ta đều sẽ làm cái điều mà An-tô-ni Kô-si-

ba đã làm, mỗi chúng ta đều sẽ đánh cắp những dụng cụ kia! Lương tâm sẽ bảo mỗi chúng ta rằng đó là nghĩa vụ của mình, là nghĩa vụ đạo đức!

Trạng sư đấm tay xuống bàn phẫn nộ và im lặng hồi lâu.

- Ở nước Áo ngày xưa, - anh nói tiếp, - có một loại huân chương đặc biệt giành cho giới quân đội. Nó dùng để tặng thưởng cho những hành vi kỳ lạ, cho việc bất tuân thượng lệnh, cho việc vi phạm kỷ luật, cho việc phản kháng chống lại quân kỷ. Đó là một trong những loại huân chương cao quý nhất và ít được tặng thưởng nhất, nhưng lại là phần thưởng đáng tự hào hơn cả. Giá như tòa án Ba Lan có quyền định đoạt không chỉ hình phạt mà cả phần thưởng, thì một chiếc huân chương vì đã vi phạm luật pháp như thế hẳn phải sáng bừng lên trên ngực An-tô-ni Kô-si-ba khi ông từ phòng xử án này bước ra.

Nhưng bởi phần thưởng như thế, tiếc thay, không tồn tại, nên xin hãy để phần thưởng dành cho ông là điều này sao cho mỗi người trung thực đều xem là vinh hạnh được xiết chặt bàn tay lam lũ và nhem nhuốc, nhưng lại chính là bàn tay sạch sẽ nhất trên thế giới này!

Ko-rơ-trưn-xki cúi chào rồi ngồi xuống.

Giáo sư Đô-bra-nhe-xki không khỏi ngạc nhiên khi nhận thấy biểu hiện của nổi xúc động hiện trên nét mặt anh cùng hàng mi hạ xuống. Chính ông cũng xúc động như cử tọa. Một trong các vị quan tòa thỉnh thoảng lại đưa ra một ngón tay uốn cong khê lau khốe môi. Người thứ hai ngồi nhìn chăm mắt vào giấy tờ.

Cái kết luận trắng án hẳn như đã có thể đoán trước, hơn nữa viên chủ tọa lý không có lời phản bác lại.

- Bị cáo được quyền phát biểu. - chánh án nói.

Ông An-tô-ni Kô-si-ba không nhúc nhích.

- Ông được phép nói lời cuối cùng, - trạng sư Ko-rơ-trưn-xki khê lắc khuỷu tay ông.

- Tôi không... không có gì để nói. Tôi thì sao cũng được.

Rồi ông ngồi xuống.

Giá có ai lúc ấy đưa mắt nhìn giáo sư Đô-bra-nhe-xki chắc đều phải kinh ngạc. Giáo sư đột nhiên tái mặt, ông làm một động tác như định vùng đứng lên khỏi ghế ngồi, miệng ông há ra...

Song không một ai để ý đến điều ấy. Tất cả mọi người đều đứng dậy, vì các vị quan tòa đi nghị án. Sau khi họ bước ra, những tiếng trò chuyện ồn ào râm ran khắp phòng, nhiều người vây quanh Ko-rơ-trưn-xki, chúc mừng anh đã tiến hành một cuộc bào chữa tuyệt vời. Một số người ra hành lang hút thuốc.

Giáo sư Đô-bra-nhe-xki cũng theo chân họ. Tay ông run bần lên khi rút hộp thuốc lá ra. Ông tìm đến một chiếc ghế nhỏ đặt trong góc xa xa và nặng nề ngồi phịch xuống.

Phải. Ông đã nhận ra người ấy, bây giờ ông đã biết chắc chắn: thầy lang An-tô-ni Kô-si-ba chính là giáo sư Vin-tru-rơ.

- Chính cái giọng nói ấy!

Ôi, không bao giờ ông quên được giọng nói ấy. Thì đã bao nhiêu năm ông từng nghe nó vang lên kia mà. Thoạt đầu, với tư cách một sinh viên y khoa trẻ măng, sau đó với tư cách là một người tập sự, rồi là bác sĩ mới hành nghề được một nhà khoa học lớn cứu mang... Sao ông không nhận ra ngay những đường nét ấy nhỉ! Sao ông không nhìn thấy chúng dưới bộ râu nhọn kia!

Mà thôi! Ngay cả trước đó, trước khi trông thấy An-tô-ni Kô-si-ba, ông cũng thật ngu ngốc biết bao khi chỉ biết ngạc nhiên ngắm nhìn những dấu vết trên các bệnh nhân của ông ta! Ông không tài nào hiểu nổi làm sao một ông lang vườn lại có thể thực hiện một cách thiên tài đến thế những ca mổ mà chính ông, giáo sư Đô-bra-nhe-xki cũng phải ngần ngại!

- Nhẽ ra ngay lập tức ta phải nhận ra có bàn tay ông ta ở đây! Ta thật ngu ngốc!

Thật ra, ông cũng còn những dấu vết khác theo hướng này kia mà. Trong số những người được khám có cô gái được mổ vì dập đáy hộp sọ. Giáo sư Đô-bra-nhe-xki cũng hơi suy nghĩ về cái họ của cô: Vin-tru-rúp-na, nhưng vì vội vã ông không nghĩ đến việc hỏi kỹ cô gái. Và chẳng cái họ ấy cũng hay gặp, chính ông cũng có đến vài bệnh nhân họ là Vin-tru-rơ. Song cần phải cân nhắc chứ. Tuổi của cô Vin-tru-rúp-na hình như cũng phù hợp với tuổi con gái giáo sư Vin-tru-rơ... Khi cùng mẹ biến mất khỏi chân trời Vac-sa-va cô mới... bấy tuổi. Phải, thế là rõ...

- Không thể là chuyện tình cờ! Thầy lang Kô-si-ba... và cô gái ấy...

Giáo sư vút điếu thuốc chưa châm rồi lau trán. Trán ông ướt.

- Thế là ông ấy không chết, không bị giết chết!

Ông ấy đã ẩn náu ở vùng biên thù này dưới lốt một nông dân với một cái tên xa lạ, ông ấy ẩn náu cùng đứa con gái, thế nhưng tại sao cô ấy không đổi họ nhỉ?... Tại sao chính nơi đây cha con lại phải đóng vai hai người xa lạ?...

Lúc này ông sực nhớ lại lời cô gái nói với ông trong khi khám:

- Bác An-tô-ni dành cho tôi nhiều hi sinh hơn cả những gì có thể chờ đợi ở một người bác ruột.

Vỡ hài kịch ấy để làm gì nhỉ?... Nào, cả bố cô ta nữa chứ! Chỉ cần đứng dậy và nói:

- Tôi có quyền mổ xẻ và chữa bệnh. Tôi không phải là thầy lang Kô-si-ba. Tôi là giáo sư Ra-phao Vin-tru-rơ.

Ông ấy sẽ được tự do ngay.

Vậy tại sao ông ấy cứ cố sống cố chết bám lấy cái lốt giả của mình? Ông ấy có thể xưng họ tên thực của mình ngay từ phiên tòa sơ thẩm, ấy thế mà lại chịu nhận bản án ba năm tù.

Nếu giáo sư Đô-bra-nhe-xki không hiểu kỹ người sếp cũ và người thầy học của mình như ông đã hiểu chắc ông có thể nghĩ rằng giáo sư Vin-tru-rơ

bị một tội phạm hay một tội ác nào đó bắt ông phải mai danh ẩn tích. Nhưng giờ thì ông chỉ nhún vai nếu có ai đưa ra cho ông một ý nghĩ tương tự như thế.

Không, ở đây chắc phải ẩn náu một điều bí ẩn nào đó, sâu xa hơn.

Sống lại trong trí nhớ ông thật sinh động những ngày ấy, những ngày đầu tiên, sau khi giáo sư mất tích. Phải chăng cuộc chạy trốn kia của phu nhân Bê-a-ta cùng cô con gái, rồi sự biến mất tiếp sau đó của giáo sư Raphaô Vin-tru-rơ, chỉ là một vở kịch được xếp đặt?... Vậy thì những mô-típ của nó là cái gì mới được chứ?... Họ để lại tài sản, địa vị, vinh quang của ông - tất cả. Rồi đi trốn, nhưng nhằm mục đích gì kia chứ?

Lý trí vốn lạc quan của Đô-bra-nhe-xki không chấp nhận nổi một sự lý giải nào không thể được xây dựng trên cơ sở những tiền đề lô-gíc nào đó, không thể được giải thích bằng những động cơ hành động bình thường của con người ta.

Song lúc này ông không có thời gian để giải những câu đó. Chỉ một lát nữa thôi bản án sẽ được tuyên bố. Dĩ nhiên, đó là bản án không kết tội, nhưng biết đâu cũng có thể sẽ là bản án có kết tội.

- Nghĩa vụ của ta là phải báo ngay cho luật sư và đòi lập lại phiên tòa để ta khai đã nhận ra thầy lang Kô-si-ba là ai.

Đô-bra-nhe-xki căn môi lặp đi lặp lại:

- Đúng, đó là nghĩa vụ của ta.

Nhưng ông vẫn không nhúc nhích. Những ý nghĩ muốn đi mau quá, nhưng hậu quả dựng lên đột ngột trong tưởng tượng của ông.

Trước khi quyết định, cần phải phân loại, lựa chọn và sắp xếp tất cả một cách tỉnh táo và có cơ sở... à, và phải thấy trước hậu quả nữa. Ông không thích, ông không biết hành động một cách mù quáng dưới tác dụng của các xung động.

- Trước hết, cần phải bình tĩnh, - ông tự nhủ mình với cái giọng vẫn thường dùng để trấn an những con bệnh tâm thần.

Ông rút một điều thuốc, chăm chú châm lửa. Ông thấy rằng thuốc đã quá khô, rằng hôm nay ông ít hút thuốc hơn hẳn ngày thường và nên tự hạn chế đến hai mươi điều mỗi ngày. Những động tác đơn giản kia và những suy nghĩ rất phụ ấy khiến ông lấy lại thăng bằng, và đã có kết quả ngay tức khắc: ông sức nhớ lại một chi tiết vô cùng quan trọng, chi tiết mà cho đến nay ông chưa hề tính đến, chi tiết làm thay đổi tình tiết về căn bản. Trong khi xử án, thầy lang Kô-si-ba đã mỉm cười với ông, rõ ràng đã mỉm cười với ông!

- Ông ấy ngăm nhìn mình như ngăm một người rất quen nào đó, không sao nhớ lại được. Và ông ấy hoàn toàn không hề che giấu là đang cố gắng nhận ra mình!... Cái đó có thể có nghĩa gì nhỉ?

Nó chỉ có thể có một nghĩa duy nhất: giáo sư Vin-tru-rơ không sợ bị phát hiện ra dưới cái vỏ thầy lang. Giáo sư Vin-tru-rơ không sợ! Vậy thì tại sao ông ấy không dừng phiên tòa lại bằng một lời tuyên bố đơn giản rằng ông ấy chính Vin-tru-rơ? - Để giải đáp điều này cũng chỉ có thể có một câu trả lời:

- Ông ấy không biết mình là ai...

Dưới tác dụng của điều phát hiện này, Đô-bra-nhe-xki đứng bật dậy.

- Chứng quên. Mất trí nhớ. Lạy Chúa! Suốt ngần ấy năm ông ấy lang thang. Mất trí nhớ...

Giáo sư Đô-bra-nhe-xki biết rõ cần phải làm gì để chữa khỏi cho con người bất hạnh kia. Chỉ cần nói cho ông biết ông ấy là ai, nhắc lại vài chi tiết, đưa cho ông ấy một đồ vật quen thuộc nào đó là đủ.

Dĩ nhiên, khi làm thế có thể xuất hiện những cơn sốc thần kinh đáng kể. Nhưng dù cơn chấn động có mạnh đến đâu chẳng nữa cũng không thể gây nguy hiểm.

Sau vài giờ hoặc sau vài ngày, ông Vin-tru-rơ sẽ có lại hoàn toàn tri thức...

- Nhưng khi ấy sẽ ra sao?...

Và đây, trước mắt ông Đô-bra-nhe-xki vẽ lên rõ ràng trình tự của những hậu quả không thể tránh được. Trước hết, tin tức về toàn bộ vở bi kịch này và cái kết thúc có hậu của nó sẽ vang động khắp cả nước. Giáo sư Vin-tru-rơ trở về thủ đô. Trở về với tòa biệt thự của mình, với cương vị của mình, với vị trí hàng đầu trong y giới. Ông trở về còn vinh quanh lây lừng hơn, còn được yêu chuộng hơn, càng lừng danh hơn, vì được bọc trong vầng hào quang của những điều xúc phạm và những nỗi khổ đau bất công, vầng hào quang của một vị thần y, người đã biết làm vai trò của một nhà giải phẫu thiên tài không cần đèn phòng mổ, không cần đám phụ mổ, không cần đồ mổ...

- Ông ấy trở về... và khi ấy cái gì sẽ đến với mình?...

Và giáo sư Đô-bra-nhe-xki chột cảm thấy trong miệng có vị đắng cay. Điều gì sẽ diễn ra với ông?... Với ông, người mà bằng công việc cực nhọc của hơn chục năm đã leo được lên tận đỉnh, đã chiếm được địa vị đứng đầu, đã đạt được đến bậc thang cao nhất?...

Chắc hẳn mọi người sẽ chào đón điều phát hiện của ông bằng những tràng vỗ tay. Ông sẽ được trải qua thêm một ngày chiến thắng nữa. Còn sau đó?... Sau đó sẽ bị đẩy lùi về bình diện thứ hai, sẽ nằm khuất sau bóng dáng kỳ vĩ của Vin-tru-rơ... người ta sẽ không tước mất cái chức chủ nhiệm khoa của ông, nhưng dưới sức ép của dư luận, ông sẽ phải tự nguyện rời bỏ nó. Việc điều hành bệnh viện... văn phòng giám đốc... tất cả những đổi mới đã tồn tại từ nhiều năm nay... Cương vị chủ tịch trong các hội và các liên đoàn khác nhau...

Phải, bước vào phòng xử án và nói rằng ông thầy lang kia chính là giáo sư Ra-phao Vin-tru-rơ cũng đồng nghĩa với việc từ bỏ thành quả của chính mình, những thành tựu của chính mình. Đồng nghĩa với việc số toẹt thời kỳ huy hoàng nhất trong đời doanh nghiệp của mình và tự nguyện từ bỏ tất cả những gì mà mình hằng yêu thích đến thế...

Và còn điều này nữa: trong tiểu sử của giáo sư Vin-tru-rơ có một đoạn không lớn lắm, mà suốt ngần ấy năm Đô-bra-nhe-xki không thể nào quên

được, không tài nào tha thứ nổi cho mình vì hành vi chuộng vinh quang đáng trừng phạt ấy. Ông đã dối trá trong đoạn ấy khi viết về một ca diễn ra ở bệnh viện thực hành của trường đại học, về một chẩn đoán tán bạo nhưng đúng đắn và ghi công cho bản thân mình. Ngay cả lúc này ông cũng đỏ bừng mặt khi nhớ lại sự dối trá ngu muội và không cần thiết ấy.

Song sự dối trá kia, tuy nhỏ nhặt thôi, tuy chẳng đáng gì theo nghĩa chung, nhưng vẫn có thể bị phát hiện ra bởi một người duy nhất: đó là giáo sư Vin-tru-rơ.

Nó có thể bị phát hiện... chỉ trong trường hợp nếu như ông Vin-tru-rơ lấy lại được trí nhớ.

Tay giáo sư Đô-bra-nhe-xki tưởng như làm bằng bằng giá nhưng trên thái dương ông mạch máu vẫn đập mạnh.

- Xử sự thế nào đây?...

Ông có phạm phải một điều khốn nạn không nếu như không nói ra?... Đối với ông Vin-tru-rơ có phải là một điều gì bi thảm lắm không nếu vẫn sống nguyên trong điều kiện mà đến nay ông vẫn sống, những điều kiện mà ông đã quen rồi?...

- Việc Ko-rơ-trưn-xki mời ta làm chứng chỉ là một chuyện hoàn toàn ngẫu nhiên thôi, thật là quý quái, ta lại đồng ý: giá như không có chuyện này... An-tô-ni Kô-si-ba cho đến chết vẫn là An-tô-ni Kô-si-ba, vẫn hoàn toàn không cảm thấy thiệt thòi gì hết.

Chính thế phải lấy điều này làm chuẩn, làm thước kiểm tra. Nếu ai đó biết rằng mình không bị thiệt thòi, thì không hề có sự thiệt thòi nào cả. Vin-tru-rơ không hề biết rằng mình là một người khác. Ông vẫn coi số phận của mình là một chuyện bình thường. Không có hạnh phúc nếu không tự nhận thức được nó và cũng không có cả nỗi bất hạnh nếu...

Tiếng chuông lạnh lói vang lên trong hành lang.

- Xin mời đứng dậy, tòa tiếp tục làm việc, - tiếng người mở tòa từ trong phòng xử vang đến tai Đô-bra-nhe-xki.

Ông vẫn không rời chỗ ngồi. Trong ấy người ta đang tuyên đọc bản án.

- Nhưng sẽ ra sao nếu ông ấy bị kết án? - vụt ngang qua bộ óc nóng bỏng của ông một ý nghĩ kinh hoàng.

Ông xiết chặt nắm tay.

- Ông ấy sẽ không bị, sẽ không thể bị kết án, - ông tự thuyết phục mình.

Lát sau trong phòng xử án dậy lên tiếng ồn ào, tiếng xô đẩy ghế và cả tiếng kêu gì đó. Cửa mở tung ra. Cử tọa tràn cả ra hành lang.

Qua nét mặt của những người này không khó khăn gì cũng đoán được tòa đã tuyên bố trắng án. Đô-bra-nhe-xki thở phào nhẹ nhõm. Ông cảm thấy toàn bộ trách nhiệm trút khỏi tim mình.

Người ta bước qua cạnh ông, hoa chân múa tay và nói chuyện ồn ào. Những người nông dân trong những chiếc áo màu gạch, những thầy thuốc, các luật sư, ông chủ cối xay bột cùng lũ con trai, ông bà Trưn-xki, cuối cùng, trong một nhóm đông nhất, ông An-tô-ni Kô-si-ba bước đi cùng với người bào chữa cho mình, cùng cậu chủ Trưn-xki và vợ chưa cưới của chàng.

Trạng sư Ko-rơ-trưn-xki giữ tất cả cạnh giáo sư Đô-bra-nhe-xki. Anh vui vẻ nói gì đó, cảm ơn gì đó.

Giáo sư cố mỉm cười, bắt tay họ nhưng mắt ông vẫn nhìn xuống. Trong một thoáng ngược lên, ông bắt gặp ánh mắt của An-tô-ni Kô-si-ba. Bằng sự nỗ lực cao nhất của ý chí ông cố kìm để khỏi bật kêu lên. Ánh mắt của Kô-si-ba nửa tỉnh nửa mê, xoi mói, không yên.

Cuối cùng họ cũng đi cả, và rã rời hết sức Đô-bra-nhe-xki ngồi bệt xuống ghế.

Đêm ấy với ông thật nặng nề. Ông không nhắm mắt lấy một giây, cứ trần trở hết bên này sang bên khác. Chàng Ko-rơ-trưn-xki hàm ơn đã thuê trước cho ông căn hộ tốt nhất trong khách sạn tốt nhất. Nơi đây yên lặng và

đầy đủ tiện nghi. Nhưng ông không sao ngủ nổi. Gần sáng, vì mệt mỏi và mất ngủ, ông ăn chuông bảo mang cho mình nước chè đặc và rượu cô nhắc.

Mãi đến khi uống gần cạn cả chai ông mới đạt đến kết quả mong muốn và ông thiếp đi.

Ông tỉnh dậy muộn và rất nhức đầu. Người ta mang đến cho ông những bức điện tín từ Vac-sa-va. Trong một bức thư, trợ lý ở bệnh viện nhắc ông nhớ thời hạn hội nghị Za-kô-pa-ne, nơi ngày mai giáo sư phải làm chủ tọa, còn bức điện thứ hai là của vợ ông. Bà giục ông về.

- Còn có mấy ông nữa, - người hầu của khách sạn báo. - các ông ấy hỏi bao giờ ngài giáo sư tiếp họ được?

- Tôi không tiếp ai cả. Tôi không khỏe lắm. Yêu cầu nói lại như thế.

- Xin vâng, thưa giáo sư. Thế còn trạng sư Ko-rơ-trưn-xki?

- Tất cả mọi người.

Mãi đến chiều muộn ông mới dậy. Còn phải sắp xếp va-li để trở về Vac-sa-va. Nhưng ông không làm nổi việc gì cả. Mấy tiếng đồng hồ ông lang thang vô mục đích trong thành phố, ông mua tất cả các báo và trở về khách sạn.

Trong các báo ông tìm thấy những bản tường trình tỉ mỉ về vụ án và những mô-típ trắng án.

- Thôi, thế là mọi thứ đều ổn cả. - Ông tự thuyết phục. - Chỉ do là mình mãi cảm thấy thôi. Phải cứng rắn hơn!

Nhưng cái quyết tâm ấy cũng chẳng giúp được gì mấy. Khi ông bắt tay vào việc gói ghém đồ đạc, ông lại cảm thấy rã rời và cáu bẳn, đến nỗi ông lại bảo mang rượu cô-nhắc đến phòng mình. Mặc dù vậy, đêm ấy ông lại mất ngủ.

Sáng sớm tinh mơ ông đã thức dậy với một quyết định sẵn sàng. Không ăn sáng, ông bước ra, ngồi vào chiếc taxi đầu tiên gặp được và đưa địa chỉ của Ko-rơ-trưn-xki.

Ông gặp anh vẫn đang mặc áo choàng nội tâm.

- Vâng, vâng... Thưa trạng sư, chúng có thể nói chuyện riêng với nhau được chứ?

- Vâng, xin mời! - Anh đứng dậy đóng cửa phòng làm việc. - Có việc gì vậy thưa giáo sư?

- Cô gái ấy họ là gì nhỉ?... Cô vợ chưa cưới của cậu Trưn-xki, ấy.

- Vin-tru-rúp-na.

- Có phải tên là Ma-ria Jô-lan-ta không?

- Ma-ria thì tôi biết chắc, còn có tên thứ hai thì ta sẽ xem lại ngay bây giờ.

Anh rút cặp giấy tờ ra khỏi ngăn kéo. Anh tìm một lát. Cuối cùng cũng đã tìm ra.

- Vâng. Ma-ria Jô-lan-ta Vin-tru-rúp-na, con gái của ông Ra-phao và bà Bê-a-ta nhà Gôn-tưn-xki.

Anh ngược mắt nhìn lên. Giáo sư Đô-bra-nhe-xki ngồi đó tái mặt, mắt nhắm nghiền.

- Thưa trạng sư, - ông nói dường như cố gắng lắm. - Tôi phải thông báo cho ông biết rằng đó là.... rằng cô ấy là... con gái của ông ta.

- Con gái của ai kia? - Luật sư ngạc nhiên.

- Con gái của An-tô-ni Kô-si-ba.

- Thưa giáo sư, tôi chưa hiểu.

- Kô-si-ba có biết điều ấy không?... Cô ấy biết không?...

Ko-rơ-trưn-xki nhìn ông không tin.

- Thưa giáo sư, - anh mở đầu, - có lẽ có chuyện hiểu lầm gì đấy thôi, quả thực Kô-si-ba có đỡ đầu cô gái, cô ấy cũng rất quý mến ông ta, nhưng tôi cam đoan với ngài rằng ở đây không hề có chuyện quan hệ ruột thịt nào cả...

Đô-bra-nhe-xki lắc đầu.

- Còn tôi lại cam đoan với ông rằng đó là cha và con An-tô-ni Kô-si-ba tên thật là... Ra-phao Vin-tru-rơ.

Ông gắng sức thốt ra điều đó và thở nặng nề.

- Sao lại thế ạ?

Giáo sư im lặng hồi lâu.

- Đúng thế, - ông bắt đầu nói, dường như nói với chính mình. - Tôi đã nhận ra ông ấy. Tôi không thể làm được và đã không làm. Ông thầy lang kia chính là giáo sư Vin-tru-rơ, người đã bị mất tích từ mười ba năm trước...

Đột nhiên ông đứng bật dậy.

- Ông ấy đâu rồi, ông hãy đưa tôi đến gặp ông ấy.

Luật sư cho rằng Đô-bra-nhe-xki bị một cơn bệnh thần kinh nào đó.

- Xin ngài hãy ngồi xuống, giáo sư kính mến, - anh nói nhẹ nhàng, - tôi cảm thấy ở đây có chuyện nhằm lẫn gì đó thì phải.

- Không có nhằm lẫn đâu. Đó chính là Vin-tru-rơ. Đã bao giờ ông nghe nói đến một nhà phẫu thuật người Vac-sa-va có cái họ như thế chưa?

- Tất nhiên là có ạ. Thì chính ngài giáo sư chả đang lãnh đạo cái bệnh viện mang tên giáo sư Vin-tru-rơ đó là gì.

- Phải. Mười ba năm trước, Vin-tru-rơ biến mất. Mọi người đều nghĩ rằng ông ấy tự sát... ông ấy bị một bi kịch gia đình. Người ta không tìm thấy xác... Hồi ấy tôi là trợ lý, là cánh tay phải của ông ấy. Tôi đã nhận khoa, nhận bệnh viện thay ông ấy... Đúng... Đó chính là ông ấy.

- Thật phi thường! - Ko-rơ-trưn-xki nói với vẻ đã tin hơn. - Nhưng có lẽ ngài nhằm thì phải, thưa giáo sư. Thế từ đó có thể suy ra rằng suốt mười ba năm ròng ông ấy ẩn náu dưới một cái họ khác?... Tại sao?

- Chứng quên. Mất trí nhớ.

- Có lẽ... không có lẽ. Suốt mười ba năm sao?...

- Hẳn rồi.

- Xin giáo sư thứ lỗi. Nhẽ ra, được chính miệng ngài nói tôi không có quyền nghi ngờ mới phải, nhưng từ quan điểm khoa học nói chung điều đó có thể xảy ra được không ạ?

- Hoàn toàn có thể. Chứng quên về trước. Y học đã từng biết đến nhiều trường hợp như thế. Chứng quên thật lười... Nó xóa sạch khỏi trí nhớ con người toàn bộ quãng đời trước đấy. Sau chiến tranh thế giới người ta ghi nhận hàng trăm trường hợp loại này.

- Đó có phải là kết quả của một chấn động tinh thần không?

- Nguyên nhân không có vai trò gì hết. Chứng quên thường xuất hiện sau một cơn bất tỉnh ngắn hoặc dài.

- Thế chứng ấy có thể chữa khỏi được ạ?

- Cũng có những trường hợp như thế. Nhưng nói chung... Nhưng thôi, ta đừng để mất thì giờ nữa. Ông ta ở đâu?

- Ông Kô-si-ba ấy ạ? Ông ấy đã đi cùng với gia đình Trưn-xki rồi. Họ đưa ông ấy đi. Nhưng quả thực là một chuyện phi thường! Ngài giáo sư hoàn toàn chắc thế ạ?

- Hoàn toàn!

- Quý thật! Giá tôi biết điều đó ngay khi xử nhỉ? Tôi sẽ hạ bảng hết, cả chương lý lẫn quan tòa! Ngài có hình dung được hiệu quả thế nào không?!...

Nhưng Đô-bra-nhe-xki không thích đề cập đến phương diện này của vấn đề.

- Mãi về sau tôi mới chợt nhớ ra. - ông đáp tránh đi. - Còn bây giờ... Trạng sư có thể cho tôi địa chỉ của gia đình Trưn-xki ấy hay không?

- Rất vui lòng. Ngài định đến đó ạ?

- Dĩ nhiên rồi.

- Và hi vọng sẽ chữa khỏi bệnh cho ông Kô-si-ba hay đúng hơn là Vin-tru-rơ?

- Không cần phải chữa chạy gì cả. Chỉ cần, nhắc lại cho ông ấy biết ông ấy là ai. Nếu như cách đó mà không giúp được... thì chẳng có cách nào khác.

- Thật đáng kinh ngạc! Chắc hẳn ông ấy phải nhớ chút ít gì chứ, một khi ông ấy không quên kiến thức thầy thuốc của mình?

- Phải. Cũng chính vì thế tôi có những hi vọng tốt lành nhất, - giáo sư Đô-bra-nhe-xki vừa nói vừa đứng dậy.

CHƯƠNG XX

Đoàn tàu hỗn hển dừng lại ở một ga nhỏ. Đó là sáng mai trời trong, rực nắng. Những mái nhà phủ một lớp tuyết dày, những cánh cây trĩu xuống dưới sức nặng của những nhũ băng chông chất. Quang cảnh khoáng đãng chung quanh đường ke có một thứ gì thanh khiết trong màu trắng tinh và sự sạch sẽ ấy, dường như nó thoáng mỉm cười và mời chào bằng vẻ im lặng dịu dàng và êm xấp của mình.

Giáo sư Đô-bra-nhe-xki đứng lặng nhìn khoáng không gian trắng xóa kia. Đã bao lâu nay ông không về nông thôn. Thoạt tiên phong cảnh này có vẻ giả tạo đối với ông, như một sự trang trí quá thực, quá ấn tượng và đẹp đến mức khó có thể là thực. Phải mất vài phút trước khi ông tìm lại trong ký ức mình những cảm giác ngày xưa, những mối quan hệ ngày xưa với cái thế giới mới được phát hiện kia... Chính ông cũng ra đời ở nông thôn, ông đã sống suốt thời thơ ấu và những năm đầu của tuổi thanh niên.

- Cũng là một thứ chứng quên. - ông nghĩ thầm: - con người quen sống đời phổ phường sẽ quên mất thế giới này. Sẽ rơi vào nhịp điệu bệnh hoạn của công danh, công việc, theo đuổi... Và thôi không biết đến sự tồn tại của cái thời tiết này, sự tinh mịch này... cái mặt đất khác lạ này, nơi sự thật lên tiếng trực tiếp với con người chứ không phải qua loa ra-đi-ô, không qua những con chữ in màu đen - người ta quên mất điều đó...

Ông chợt nghe sau lưng có tiếng những bước chân khẽ rít rít và một giọng nói:

- Chắc ngài định về Ra-đô-li-xki?

- Không, đến Lu-đơ-vi-kốp. Ở đây có thể tìm được một chiếc xe ngựa nào không?

- Sao lại không a? Có thể. Nếu ngài ra lệnh, tôi sẽ nhảy phắt đến chỗ Pa-vơ-lắc, hẳn sẽ thẳng ngựa trong chớp mắt.

- Rất mong ông giúp cho.

Song cái "chớp mắt" kia kéo dài gần một tiếng đồng hồ. Chuyển đi đến Lu-đơ-vi-kốp mất hơn nửa tiếng đồng hồ trên con đường chưa hề có vết xe. Khi rốt cuộc chiếc xe trượt cũng dừng lại trước tòa dinh thự, thì đã là trưa. Nghe tiếng chó sủa, bà Mi-kha-lep-sia xuất hiện ở cửa, lấy tay che mắt cho khỏi chói, ngắm người đàn ông lạ mặt.

- Hänn ông có việc đến nhà máy? - Bà hỏi.

- Không ạ. Tôi muốn gặp ngài Trưn-xki.

- Xin mời ông vào nhà. Nhưng ông bà chủ hiện không có nhà.

- Không hề gì. Chính ra tôi cần gặp vợ chưa cưới của ông Trưn-xki, gặp cô Vin-tru-rúp-na.

- Cô ấy cũng không có nhà.

- Không có ạ?

- Vâng! Thưa ông, tất cả đều đi Ra-đô-li-xki rồi.

Giáo sư Đô-bra-nhe-xki ngần ngừ.

- Thế họ sắp về chưa?

- Cũng chẳng biết thế nào, thưa ông. Họ đi đính ước ấy mà. Thế nào chắc cha linh mục cũng chưa chịu để họ về ngay đâu. Người sẽ giữ họ lại ăn trưa.

- Thế à? Thế thì thật không may. Thế bà có thể cho tôi biết?... trạng sư Ko-rơ-trưn-xki ở Vin-nô có báo cho tôi, rằng ông bà Trưn-xki có đưa về đây một người tên là An-tô-ni Kô-si-ba, một thầy lang?

- Chứ sao, đúng thế, họ có đưa về. Có điều ông ấy không muốn ở lại nhà chúng tôi.

- Tôi không hiểu...

- Ồ, thì ông ấy không muốn mà. Cả một ngôi nhà đẹp thế kia đã được chuẩn bị cho ông ấy, nhà trong vườn kia kìa. Thế mà không ấy không muốn.

- Thế thì ông ấy ở đâu?

- Còn ở đâu nữa? Ông ấy quay về cối xay, chỗ ông Prô-cốp Mien-nich rồi. Ông ấy bảo ở đây ông ấy dễ chịu hơn cả. Một ông già dở người. Nhưng sao tôi cứ đứng mãi đây nói chuyện ngoài trời rét thế này (mặc dù nói thật tình hôm nay cũng không rét lắm) mà không mời ông vào nhà. Xin mời ông quá bộ...

Đô-bra-nhe-xki ngẫm nghĩ.

- Thôi, cảm ơn bà. Tôi phải đi ngay tới Ra-đô-li-xki. Tôi rất ít thời gian nên không thể chờ được.

- Xin tùy ông. Nếu ông muốn gặp ông bà chủ thì xin mời ghé đến nhà cha linh mục.

- Được rồi. Cảm ơn bà.

Người đánh xe kéo cương, giáo sư dùng tấm da cừu quấn kín chân và chiếc xe trượt lại lên đường.

Nhưng hẳn là hôm ấy một sự rủi ro nào đó cứ theo đuổi ông. Khi ông đến trước nhà cha linh mục, ông được hay rằng ở đây chỉ có ông bà chủ Trun-xki, những người mà ông chẳng có việc gì phải gặp. Người xà ích của họ bảo cho giáo sư biết rằng cậu chủ Lê-sếch cũng vợ chưa cưới đi ra nghĩa địa, nơi chôn cất mẹ cô chủ, và dọc đường họ sẽ ghé vào cối xay gặp thầy lang.

- Ngài sẽ tìm được họ ở chỗ này hoặc chỗ kia thôi - người xà ích kết thúc và quay sang người đánh xe của giáo sư, hỏi - thế Pa-vơ-lắc, cậu có biết đôi ngựa khoang của Lu-đơ-vi-kốp không?

- Sao lại không biết...

Thế thì chú ý nhé. Cậu chủ đi bằng đôi khoang ấy đấy. Nếu cậu thấy chúng ở chỗ nào thì có nghĩa là cậu chủ ở đó.

- Rõ rồi. - người đánh xe gật đầu và tặc lưỡi giục con ngựa non.

Có hai con đường dẫn đến nghĩa địa của Ra-đô-li-xki. Con đường gần hơn mà các đám tang bao giờ cũng đi là đường chạy gần chỗ Ba Cây Lê. Đi xa hơn chừng một viorơ-xta nữa, có thể qua gần cối xay của ông Mien-nhich Prô-cốp. Lê-sếch chọn con đường này không những chỉ vì phẳng hơn mà còn nhằm mục đích tiện thể ghé thăm thầy lang luôn.

Tận đáy sâu tâm hồn, Lê-sếch vẫn hơn buồn vì ông. Chàng không thể hiểu nổi vì sao ông Kô-si-ba không đồng ý nhận làm khách ở Lu-đơ-vi-kốp, vì sao ông không muốn nhận làm khách ở Lu-đơ-vi-kốp, vì sao ông không muốn sống trong ngôi nhà nhỏ trong vườn, ngôi nhà mà chàng đã cùng Ma-rư-sia tốn bao công lao đốc thúc sửa chữa. Chàng hiểu rõ rằng Ma-rư-sia rất yêu "bác An-tô-ni" của nàng, và nàng rất muốn có ông bên cạnh. Đối với cả hai, sự từ chối của thầy lang là một điều bất ngờ đáng buồn.

Vì vậy, bây giờ, sau khi đã nộp lễ đính hôn, họ đính tấn công ông lần nữa bằng những lời đề nghị khẩn khoản. Vốn hiểu tính tình của "bác An-tô-ni", thực tình Ma-rư-sia cũng ít hi vọng. Còn Lê-sếch, vốn bướng bỉnh, cam đoan với cô là sẽ thuyết phục được ông chuyển chỗ ở.

Họ gặp thầy lang đang vác một bao bột trên lưng ngay trước cối xay. Người ta đang xếp bột lên chiếc xe trượt, loại xe mà ở vùng đó người ta gọi là xe "rô-đơ-va-len-ki".

Ông chào hỏi hai người, không hề mỉm cười, rồi xoa xoa tay, ông mời họ vào cái nhà ngang của mình.

- Hôm nay không lạnh, - ông nói, - nhưng để tôi quạt ấm xa-mô-va lên, uống nước cho nóng cũng không hại gì.

- Rất vui lòng, - Lê-sếch reo lên. - Ở chỗ ông chúng tôi không hề làm khách đâu... Cũng như chúng tôi ở nhà thôi.

- Cảm ơn ân huệ ấy.

- Quả thực ân huệ về phía chúng tôi khá nhiều, vì lẽ ông coi khinh lòng hiếu khách của chúng tôi ở Lu-đơ-vi-kốp, còn chúng tôi thì vẫn nhận làm khách của ông.

Thầy lang không đáp. Ông rút từ phía sau lò sưởi một chiếc giày cũ, chụp ống giày vào ống xa-mô-va và bắt đầu thổi than đang tàn ở bên trong, mạnh đến nỗi tro và những tia lửa bay ra từ bên dưới mà.

- Ông An-tô-ni ạ, - Lê-sếch lại lên tiếng, - quả thực ông đã làm chúng tôi rất buồn. Thì ở quanh Lu-đơ-vi-kốp cũng đâu có thiếu người bệnh cần được ông giúp đỡ kia chứ. Ông để chúng tôi phải thương nhớ ông sao?...

Ông Kô-si-ba mỉm cười nhợt nhạt:

- Ông đùa đấy chứ! Tôi thì cần gì cho các vị...

- Ông không xấu hổ sao! - Lê-sếch giả vờ phẫn nộ thốt lên. Không nói đến tôi làm gì, nhưng ông không thể nói rằng Ma-rư-sia không gắn bó với ông.

- Đức Chúa sẽ đền đáp cho cô ấy!

- Thế sao ạ?

- À, gắn bó là gắn bó, mà cuộc đời là cuộc đời. Một cuộc đời mới, những gắn bó mới.

- Hay thật! - Lê-sếch kêu lên. - Ma-rư-sia, em thấy thứ?... Ông An-tô-ni cho chúng ta hiểu rằng ông ấy chán chúng ta rồi, bây giờ ông ấy sẽ gắn bó với những người khác.

- Bác An-tô-ni, - Ma-rư-sia khoác tay ông, cháu xin bác, rất xin bác đấy...

Thầy lang đưa tay vuốt ve cô.

- Con bồ câu nhỏ yêu quý... Bác có thể cho cháu tất cả, nhưng bác không đến chỗ các cháu, không đến đâu. Bác già rồi và hay buồn phiền. Nguyên bộ dạng bác đã làm hỏng niềm vui sung sướng của các cháu rồi. Ồ, còn nếu đôi khi các cháu muốn gặp bác, thì hãy đến cối xay này... Thôi, ta để yên chuyện ấy nhé.

Ông quay lại cái xa-mô-va, nước trong ấm đang reo khe khẽ.

Lê-sếch chìa hay tay.

- Ha, tiếc thật. Thế mà tôi đã định là, nhân lễ "tân gia", đúng vào ngày ông chuyển tới Lu-đơ-vi-kốp, tôi sẽ tặng ông một bộ đồ mỗ hoàn chỉnh...

Chàng chờ hiệu quả, nhưng thầy lang giả vờ không nghe thấy lời mời mọc hấp dẫn kia. Ông lấy cốc trên giá xuống, soi chúng lên ánh sáng và bắt tay vào việc rót trà.

Khi họ đã ngồi và bàn, Ma-rư-sia nói:

- Hôm nay chúng cháu nộp lễ đính hôn. Bốn tuần nữa sẽ là ngày cưới của chúng cháu.

- Thế nào ông An-tô-ni cũng phải đến dự cưới của chúng tôi đấy nhé!- Lê-sếch kêu lên.

- Không có tôi thì cũng chẳng sao. Tôi không hợp với các ông bà lớn có mặt ở đây đâu. Ở đây tôi vẫn chúc anh chị thành tâm như ở gần thôi.

- Ông không muốn làm chứng cho ngày vui của chúng tôi, ngày lễ của chúng tôi!

- Bác An-tô-ni!

- Sao lại không, - thầy lang gật đầu. - Bác sẽ đến nhà thờ kia mà, còn làm chứng ư... Thì chính bác ngay từ đầu đã chứng kiến tất cả những vui buồn của anh chị đó thôi, ơn Chúa, mọi việc đã được kết thúc theo ý anh chị.

- Ồ, ông An-tô-ni, - Lê-sếch sửa lại, - mọi sự mới chỉ là bắt đầu. Mới chỉ là bắt đầu niềm hạnh phúc lớn lao của chúng tôi, niềm hạnh phúc mà chúng tôi đã giành được sau biết bao trở ngại, phải đánh đổi biết bao nước mắt và lo buồn, và thất vọng... thật lạ lùng khi nghĩ rằng chúng tôi đã phải chịu đựng ngần ấy nỗi xấu xa...

- Thế càng tốt cho anh, - thầy lang nghiêm trang nói.

- Sao lại tốt ạ?

- Bởi hạnh phúc chỉ lâu bền khi con người biết đánh giá nó đúng mức. Và đối với mỗi người, chỉ có những gì vất vả giành được mới có giá trị.

Cả ba đều trầm ngâm. Hai người trẻ tuổi nghĩ về tương lai hạnh phúc đang mở ra trước mắt họ, còn ông An-tô-ni Kô-si-ba nghĩ về nỗi cô đơn của mình, nỗi cô đơn mà trong đó ông sẽ phải sống cho đến lúc chết. Ông đã sống nhiều, đã chịu đựng đau khổ nhiều, vậy mà chẳng giành được cho mình một thứ gì hết. Ông sẽ nói ngược với trái tim mình nếu hối tiếc rằng sẽ hiến cho họ, sẽ ném thêm vào kho báu vĩ đại của họ như một món quà mọn, chút hạnh phúc nhỏ bé mà ông khát khao giữ cho mình... Không, ông không tiếc, nhưng quả thực lòng ông nặng trĩu như tâm hồn của mỗi người nặng trĩu khi không còn gì để đợi, không còn gì để hi vọng, không còn gì để khát khao nữa...

Có tiếng gõ cửa. Đó là người xà ích mang cái hộp bước vào.

- Thưa cậu chủ, tôi e hoa bị giá mất. Để ngoài trời lạnh lâu quá.

- Được rồi. Cứ để chúng lại đây. Lê-sêch bảo.- Mặc dù lát nữa chúng tôi cũng đi rồi.

- Mang hoa đi đâu thế, - thầy lang tò mò.

- Chúng tôi ra nghĩ địa, ra mộ mẹ Ma-rư-sia. Chúng tôi muốn chia sẻ với mẹ hạnh phúc của chúng tôi và cầu xin mẹ ban phước - Lê-sêch nghiêm trang đáp.

- Mẹ cháu à, con bồ câu nhỏ?

- Vâng.

- Thế là rất tốt... Tốt lắm... Hồi nào cháu có bảo rằng mẹ cháu nằm ở nghĩa địa Ra-đô-li-xki. Phải, phải... Lúc cháu nằm trong căn phòng này, giữa cái sống và cái chết, bác đã định đến mộ mẹ cháu cầu nguyện cho cháu tai qua nạn khỏi... Bao giờ lời cầu xin của người mẹ cũng vẫn có giá trị nhất, không những chỉ đối với loài người, mà cả với Đức Chúa cũng thế... Đó là những giờ phút thật nặng nề... Có điều bác không biết mộ mẹ cháu nằm ở đâu.

Nét mặt ông buồn hẳn, rồi ông lau trán và đứng dậy. Ông mang từ góc hòm tường ra một chùm cúc trường sinh rất to.

- Các cháu cầm lấy cả cái này nữa. Những hoa này không sợ bị băng giá, không bị héo đây. Đó là hoa dành cho người chết. Chác cháu hãy thay mặt bác đặt ở đó.

Ma-rư-sia mắt đẫm lệ quàng tay ông ghì lấy cổ ông.

- Bác thân yêu, bác thân yêu...

- Ông An-tô-ni hay là ông đi với chúng cháu. Ông sẽ tự đặt những bông hoa ấy? - Lê-sếch đề nghị.

Thầy lang nhìn vào mắt Ma-rư-sia, suy nghĩ rồi gật đầu.

- Được rồi, ta sẽ đi với anh chị. Từ đây ra nghĩa địa cũng không xa, mà tôi sẽ biết mộ bà nằm ở đâu, thỉnh thoảng tôi sẽ ghé qua nhổ cỏ, đặt hoa.

Ông An-tô-ni Kô-si-ba hiểu rằng khi không nhận lời làm khách ở Lu-đơ-vi-kốp ông đã làm Ma-rư-sia buồn, giờ đây muốn chứng tỏ cho cô thấy rằng những gì gần gũi với cô vẫn không bao giờ ngừng gần gũi với ông.

Mười lăm phút sau cả ba đã ngồi lên xe trượt. Ngựa phi nước kiệu nhỏ và chỉ một lát sau họ đã đến chỗ đường ngoặt, từ đó có thể trông thấy cái khám thờ nhỏ và toàn bộ khu đồi, nơi có cái nghĩa địa được gọi là Nghĩa Địa Mới. Thực ra thì chỉ có cái tên là mới, điều này có thể thấy được qua những quăng hàng rào bị bung ra, những cây thánh giá nghiêng ngả và bức tường gạch của cái khám nhỏ thờ thánh Xtan-nhi-xoáp Kô-xtka đã bị lộ gạch màu đỏ ở nhiều chỗ.

Cái nghĩa địa cũ nằm ở ngay sau nhà thờ, gần như chính giữa lòng thị trấn, từ hơn ba mươi năm nay đã đầy ứ, đến nỗi không còn một mét vuông nào không có mộ. Ngược lại, nơi đây, vốn trước kia là đồi trọc, nay là quả đồi mọc đầy cây, người ta chôn những người quá cố tại thị trấn Ra-đô-li-xki và những làng quanh vùng, dọc theo đường trồng cây hai bên. Giữa những con đường đó hãy còn nhiều mảnh đất chưa có mộ và cây cối. Hình như ngay cả cây cối cũng không muốn mọc trên cát xấp.

Con đường chạy cạnh bên nghĩa địa và chiếc xe trượt dừng lại trước cổng. Từ đây đã phải lội qua làn tuyết trắng chưa hề có vết chân người. Nhiều chỗ lớp tuyết dày lên tận đầu gối. Ở đây gió dồn tuyết vô hồi kỳ trận. Nhưng họ vừa vượt qua đỉnh đồi thì đã dễ hơn nhiều. Chỉ bên các nấm mộ mới có những gò tuyết dồn lên.

Ma-rư-sia dừng lại bên mộ mẹ cô, quỳ xuống tuyết và bắt đầu cầu nguyện. Lê-sếch cũng làm theo gương cô. Ông thầy lang bỏ mũ đứng lạng lẽ sau lưng họ.

Đó là một nấm mộ thôn dã bình thường với cây thập tự nhỏ màu đen treo những vòng hoa đã héo khô, ngập nửa phần trong tuyết. Hai người trẻ tuổi vừa cầu nguyện xong. Lê-sếch lấy hoa trong hộp ra, còn Ma-rư-sia gạt tuyết từ cây thánh giá xuống. Khi ấy hiện ra một tấm bảng nhỏ bằng tôn có những dòng chữ...

Ông An-tô-ni dời mắt theo những dòng chữ ấy và đọc:

"Bà Bê-a-ta họ Gôn-tưn-xki..."

Ông bước một bước về phía trước mặt, vươn hai tay ra.

- Ông sao thế? Ông làm sao thế? - Lê-sếch kinh hoàng kêu lên.

- Bác ơi?

- Lạy Chúa! - Thầy lang rên lên. Một thứ ánh sáng kinh người bùng lên trong óc ông, làm sống lại tất cả.

Toàn thân ông run lẩy bẩy, từ cổ họng ông bật ra những tiếng rên rí trầm đục tưởng như không phải tiếng người. Sức lực ông kiệt quệ hoàn toàn, và hẳn ông đã ngã xuống đất nếu Lê-sếch và Ma-rư-sia không giữ thật chặt bai bên nách ông.

- Bác làm sao thế bác? - Ma-rư-sia kinh hoàng lắp bắp.

- Ma-ri-ô-la, con gái của cha...con gái của cha. - ông thốt lên bằng giọng hết sức run rẩy, rồi òa lên khóc nức nở.

Họ không tài nào giữ nổi thân hình không động đậy ấy, phải rất thận trọng đặt ông nằm xuống đất. Những lời ông thốt ra khiến họ vô cùng kinh ngạc, đặc biệt là Ma-rư-sia, bởi ông đã gọi cô bằng cái tên mà ngày xưa, trong những giờ phút vuốt ve âu yếm nhất, mẹ đã dùng để gọi cô, mà cũng chỉ hiếm khi thôi. Nhưng họ không có thời gian tìm hiểu nữa. Rõ ràng ông An-tô-ni Kô-si-ba bị một cơn thần kinh. Ông quỳ trên tuyết, gò cả người, hai tay úp chặt vào mặt và vẫn không thôi thôn thức.

- Ta phải khiêng bác ấy lên xe trượt thôi, Lê-sếch quyết định. - để anh chạy đi gọi xà ích, hai chúng ta không nổi đâu.

Anh vừa định đi thì giáo sư Đô-bra-nhe-xki hiện ra trên con đường trồng cây hai bên. Sự xuất hiện bất ngờ của ông khiến họ ngạc nhiên nhưng cũng vui mừng nữa.

- Xin kính chào giáo sư, - Lê-sếch nói. - Ông ấy bị lên cơn thần kinh. Làm thế nào?...

Nhưng Đô-bra-nhe-xki vẫn đứng yên nhìn tấm biển trên cây thánh giá.

- Chúng ta phải chuyển ông ấy lên xe trượt thôi. - Ma-rư-sia lên tiếng.
Đô-bra-nhe-xki lắc đầu.

- Không, xin bà hãy để cho cha bà được khóc thật hết.

Và nhìn thấy đôi mắt mở rộng của hai người ông nói thêm:

- Đó chính là cha của bà, giáo sư Ra-phao Vin-tru-rơ... ờn Chúa ông ấy đã lấy lại được trí nhớ... Ta đi đi, ta hãy bước ra xa... Hãy để cho ông ấy được khóc.

Họ đứng cách đây một quãng và bằng những câu đứt đoạn, ông Đô-bra-nhe-xki kể lại cho họ nghe tất cả.

Trong khi ấy hẳn là những giọt nước mắt đã khiến thầy lang nguôi dần. Ông nặng nề nhồm dậy khỏi mặt đất, nhưng không biết đi. Ma-rư-sia chạy lại về phía ông úp mặt vào vai ông. Cô không thấy gì cả, vì lệ giàn giụa trong mắt, nhưng cô nghe thấy tiếng ông nói khẽ:

- Xin Chúa hãy ban cho nàng sự yên nghỉ đời đời...

Mặt trời đã lặn, tỏa những ánh vàng và đỏ rực rỡ ở chân trời, những chiếc bóng màu xanh lơ - sự mơ trốn nhẹ nhàng đầu tiên của buổi hoàng hôn mùa đông xuống sớm - ngã đi trên mặt tuyết.

HẾT

Chú thích

- [1] Tức zuốt-ty, cách gọi tắt đồng tiền Ba Lan. (N.D.)
- [2] La tinh: Ai cho nhanh là cho đến hai lần (N.D.)
- [3] Tiếng Anh: Cảm ơn, bạn thân mến của tôi (N.D.)
- [4] Tiếng Pháp: "Lòng cao thượng buộc người ta (phải hành động cao thượng)" - câu châm ngôn nổi tiếng của G.P.M. đờ Lê-vi trong sách "Châm ngôn và suy ngẫm". (N.D.).
- [5] Tiếng Anh: Thưa ngài! (N.D.).
- [6] Tiếng Pháp: Ông hoàng của tôi (N.D.)
- [7] Tiếng Italia: cũng thế; như trên. Olegs Macedon tức Alexander Macedon (356-323 TCN), vua xứ Macedon.
- [8] Loài sâu bọ hô hấp (N.D)
- [9] Tiếng Italia: Tôn sư (N.D)
- [10] Nguyên văn: có thể nhòm qua ống tay áo hay cổ áo người khác.
- [11] Bạn thân (N.D)
- [12] Nguyên văn: orkiestron - nhạc cụ cơ khí rất phổ biến ở châu Âu hồi thế kỷ XIX, gồm có bộ dây, trống và chuông, bố trí trong một tủ kính, hoạt động khi có đồng tiền nhét vào. (N.D)
- [13] Nguyên văn: sừng cò như một con ngỗng xám (N.D)
- [14] Tiếng Ba Lan: "Brô-đa" có nghĩa là "bộ râu" (N.D)
- [15] Tức Ja-nếch, gọi thân mật (N.D)
- [16] Tên thân mật của Ma-ri-ô-la
- [17] Dòng Bazili là một dòng tu chính giáo của đàn ông, được lập ra từ thế kỷ IV, dựa theo giáo lý của Bazili (330-379). Vua Stefan Batory (1533-1586), lễ đăng quang năm 1576, người có nhiều công trong lịch sử dân tộc Ba Lan. (N.D)

- [18] Mielnik - tiếng Bạch Nga nghĩ là "chủ cối xay". (N.D)
- [19] Đê-xia-chin - đơn vị diện tích ruộng đất cổ của Nga (N.D)
- [20] Đơn vị đo độ dài cổ, bằng chiều dài một sải tay. Ở Ba Lan, mỗi xagien dài từ 1, 728 đến 1, 729m (N.D)
- [21] Đơn vị đo độ dài cổ ở Nga bằng 1066, 8m. (N.D)
- [22] Bữa ăn trưa của người Ba Lan thường khoảng 2-4 giờ chiều (N.D)
- [23] Nguyên văn: Mày bị cháy thành than rồi à?
- [24] Một di tích tôn giáo thiêng liêng của Ba Lan (N.D)
- [25] Nhà thường hình tròn, có mái che, sàn cách đất, dùng để chứa thóc gạo. (Đại Từ điển Tiếng Việt - NXB ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh - 2006)
- [26] Đơn vị đo ruộng đất cổ của Ba Lan bằng 16,5 ha
- [27] Trước kia, nước Ba Lan bị chia cắt thành ba phần: "Vương quốc" là tên gọi tắt của Vương quốc Ba Lan, được thành lập năm 1815, bao gồm miền đất của công quốc Vac-sa-va (không có công quốc Pô-zơ-nan và Kra-cốp), trên danh nghĩa là sự tự trị, nhưng thực ra là phụ thuộc Nga Hoàng. Sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Tháng Giêng 1863, hoàn toàn bị mất quyền tự trị. Đến năm 1874, Nga Hoàng phái toàn quyền đến cai trị và đổi tên là vùng đất Na-dvi-slan-xka.(N.D)
- [28] Alfred de Musset (1810-1857) - nhà thơ Pháp, một trong những đại diện chính của trường phái lãng mạn, viện sĩ của viện hàn lâm Pháp; sang tác thơ, văn, kịch (N.D)
- [29] Lếch - tên gọi tắt thân mật của Lê-sếch(N.D)
- [30] Tên gọi thân mật của Ma-rư-sia.(N.D)
- [31] Cách gọi thân mật khác của Ma-rư-sia.(N.D)
- [32] Mô-xte-rơ-giây -có nghĩa là "ông chủ nhân từ" (N.D)
- [33] 1 zuốt-ty bằng 1000 grôs. (N.D)

[34] Nguyên văn: Để báo trước cho cậu thứ bia mà bà đã nấu được (N.D)

[35] Tiểu thuyết lịch sử của văn hào Ba Lan Henryk Sienkiewicz (1846-1916), quyển thứ hai trong bộ tiểu thuyết lịch sử về nước Ba Lan hồi thế kỷ XVIII, đã được dựng thành phim (N.D)

[36] Một nhân vật rất được yêu mến trong tiểu thuyết bộ ba của Henryk Sienkiewicz, tập trung cao độ của tính hài hước dân gian Ba Lan (N.D)

[37] Tên gọi thân mật của bà Trưn-xka.

[38] Nguyên văn: Cô đang có sữa trước mũi đẩy thôi (N.D)

[39] Tức Karl Friedrich May (1842-1912), nhà văn Đức, nổi tiếng với bộ tiểu thuyết "Winnetou" cho thanh thiếu niên, viết về người da đỏ

[40] Arthur Conan Doyle (1859-1930) là một nhà văn người Scotland nổi tiếng với tiểu thuyết trinh thám Sherlock Holmes, tác phẩm được cho là một sáng kiến lớn trong lĩnh vực tiểu thuyết trinh thám. Các tác phẩm của ông bao gồm nhiều truyện khoa học giả tưởng, tiểu thuyết lịch sử, kịch lịch sử, tiểu thuyết, thơ và bút ký.

[41] Óc ứng xử. (N.D)

[42] Nguyên văn: người chết đuối thì lưỡi dao cạo cũng bám (N.D)

[43] Nguyên văn: Vương miện cũng chẳng rơi khỏi đầu bác kia mà

[44] Nguyên văn: linh cầu

[45] Tên gọi thân mật của Lê-sếch.

[46] Chỉ ông Trưn-xki.

[47] Nguyên văn: Arcopag - tên gọi của tòa án cổ Hy Lạp, đồng thời cũng có nghĩa chỉ một nhóm người, một hội đồng có quyền phán xét (N.D)

[48] Theo tân ước, La-za-rơ là người đã được chính Chúa Giê-xu cứu sống lại sau khi chết đã bốn ngày (N.D)

Table of Contents

LỜI GIỚI THIỆU

CHƯƠNG I

CHƯƠNG II

CHƯƠNG III

CHƯƠNG IV

CHƯƠNG V

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG VII

CHƯƠNG VIII

CHƯƠNG IX

CHƯƠNG X

CHƯƠNG XI

CHƯƠNG XII

CHƯƠNG XIII

CHƯƠNG XIV

CHƯƠNG XV

CHƯƠNG XVI

CHƯƠNG XVII

CHƯƠNG XVIII

CHƯƠNG XIX

CHƯƠNG XX

Chú thích